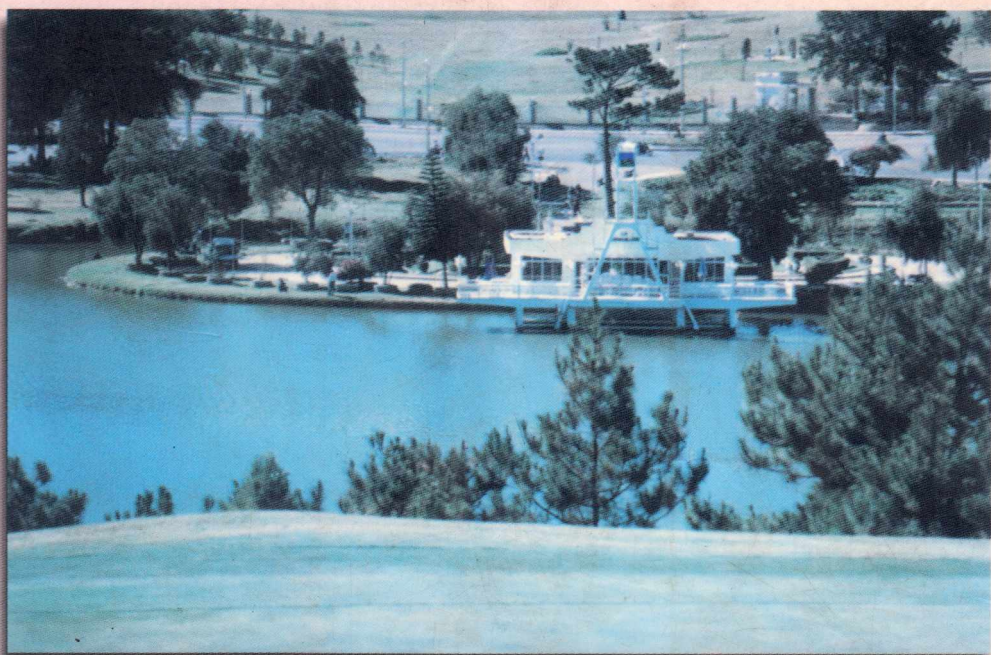


DC192
Đ100L

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Đà Lạt



ĐIỂM HẸN NĂM 2000



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG (ĐÀ LẠT)

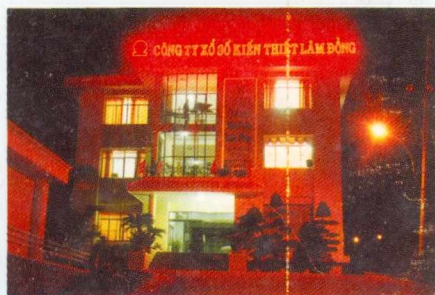
TRỤ SỞ CHÍNH : 44 B Hồ Tùng Mậu - Đà Lạt

ĐT : (063) 822111 - 827753 – FAX : 821934 - 832096

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN :

17 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP. HCM - ĐT : 08.8232830

82 Nguyễn Thái Học, TP. Cần Thơ - ĐT : 071.829522



Trong những năm qua, hoạt động xổ số kiến thiết Lâm Đồng đã không ngừng phát triển và ngày càng giành được sự tín nhiệm cao của quý khách hàng. Nhiều công trình phúc lợi xã hội như : Bệnh viện, trường học, Nhà văn hóa ... Được xây dựng từ nguồn thu Xổ Số Kiến Thiết đưa vào phục vụ nhân dân.

Hiện nay, vé số Lâm Đồng được phát hành rộng rãi tại các tỉnh phía Nam từ Bình Thuận, TP. HCM đến Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ ... với các loại hình xổ số sau :

- Vé số Đà Lạt (Lâm Đồng) chủ nhật.
- Vé số Bốc, biết kết quả ngay.
- Vé số Lô tô.

Những vé trúng thưởng được lãnh nhanh gọn 1 lần tại trụ sở chính, văn phòng đại diện và các đại lý.

Mua vé số Lâm Đồng là thiết thực góp một viên gạch xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ dân sinh.

VÉ SỐ LÂM ĐỒNG - MANG ĐẾN CHO BẠN NIỀM VUI BẤT NGỜ

Giám đốc

ĐÀO THỊ TÂM MAI

Đà Lạt

ĐIỂM HẸN NĂM 2000

Đà Lạt

HẸN NĂM 2000

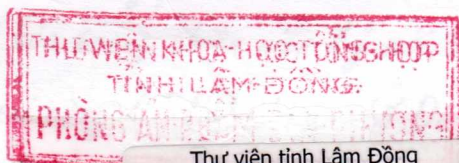
V24
VN - 2000 6 - 1496 - 2000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Chủ biên : Nguyễn Tri Diện

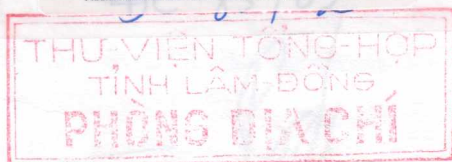
Lời đầu sách

Tại rất nhiều nơi được biết như dự lễ nhậm chức 25
ngày giải phóng Đà Lạt - Lâm Đồng (3/4/1975 - 3/4/2000) và
lễ phóng hỏa toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc (30/4/1975
- 3/4/2010).
Đà Lạt
ĐIỂM HẸN NĂM 2000



Thư viện tỉnh Lâm Đồng

DC. 43



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

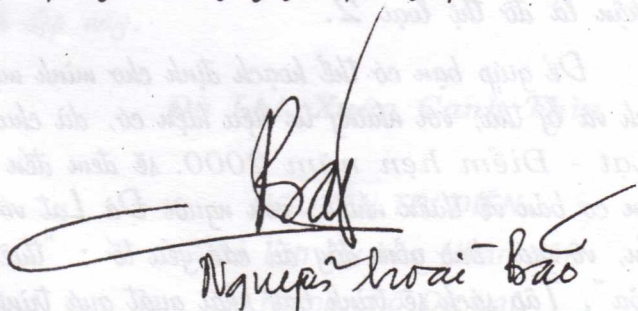
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

— 2000 —

Lời đầu sách

Tôi rất vui mừng khi được biết nhân dịp kỷ niệm lần thứ 25 ngày giải phóng Đà Lạt - Lâm Đồng (3/4/1975 - 3/4/2000 và giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc (30/4/1975 - 30/4/2000), UBND thành phố Đà Lạt đã hoàn thành cuốn sách "Đà Lạt, điểm hẹn năm 2000". Những nội dung trình bày trong cuốn sách này, các tác giả đã có nhiều cố gắng sưu tầm, tuyển chọn và bổ sung thêm để biên soạn lại thành một cuốn sách tương đối hoàn chỉnh giới thiệu về Đà Lạt. Thông qua đó, người đọc có thể hình dung được về một Đà Lạt ngày hôm qua, của hôm nay, cũng như định hướng phát triển của một Đà Lạt công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong thiên niên kỷ mới.

Xin chia vui cùng UBND thành phố Đà Lạt vì đã tạo được một dấu ấn đẹp trong dịp kỷ niệm ngày giải phóng quê hương, đất nước.



Nguyễn Hoài Bắc

Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch HĐND Tỉnh

Lời giới thiệu



Vậy là chúng ta đã bước vào năm 2000 - năm giao thừa của thiên niên kỷ mới và các bạn đang cầm trên tay tập sách : Đà Lạt - Điểm hẹn năm 2000.

Từ lâu nay, Đà Lạt luôn là niềm khát vọng tìm hiểu, chinh phục và khám phá của nhiều du khách, nhà khoa học, văn nghệ sĩ và các nhà đầu tư trong, ngoài nước. Đã có không ít tác phẩm viết về Đà Lạt, thành phố ở độ cao 1.500m so với mặt biển, một thành phố ẩn trong sương và xanh biếc trong cây.

Tuy nhiên, việc tìm hiểu, khám phá cái mới của Đà Lạt vẫn luôn là vô tận và chỉ có chính bạn, nếu bạn có dịp đặt chân đến thành phố Cao nguyên để tìm hiểu và khám phá thì mới cảm nhận được hết những gì quyến rũ, đáng yêu của Đà Lạt hôm nay, nhất là khi thành phố xinh đẹp này vừa được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định công nhận là đô thị loại 2.

Để giúp bạn có thể hoạch định cho mình một cuộc hành trình bổ ích và lý thú, với những tư liệu hiện có, dù chưa đầy đủ, nhưng Đà Lạt - Điểm hẹn năm 2000. sẽ đem đến cho bạn những thông tin cơ bản về thiên nhiên, con người Đà Lạt vốn là một kho tàng bí ẩn, vô giá, bao gồm đầy đủ các yếu tố : "thiên thời, địa lợi, nhân hòa". Tập sách sẽ trình bày khái quát quá trình hơn 105 năm hình thành và phát triển của Đà Lạt một cách tương đối cụ thể và khách

quan: từ thuở ban đầu đến việc xây dựng thành phố như ngày nay và phác họa những tiềm năng phát triển của một Đà Lạt trong thiên niên kỷ mới. Mặt khác, Đà Lạt - Điểm hẹn năm 2000. cũng sẽ cùng quý vị và các bạn ôn lại truyền thống cách mạng của nhân dân Đà Lạt trong hai cuộc kháng chiến vừa qua đồng thời giới thiệu những di tích thắng cảnh nổi tiếng ở Đà Lạt cùng với những dạng kiến trúc tiêu biểu của thành phố. Bên cạnh đó, tập sách còn cố gắng phản ánh đời nét về một số di tích khảo cổ học và danh lam thắng cảnh nổi tiếng của một số địa phương bạn trong tỉnh.

Đặc biệt, Đà Lạt - Điểm hẹn năm 2000. còn trình bày khái quát những công trình trọng điểm, những dự án đầu tư quan trọng của thành phố, từ nay đến năm 2010. Cũng nhân dịp này, tập sách còn giới thiệu lại với quý vị và các bạn một số sáng tác viết về Đà Lạt của các nhà thơ, nhà văn, nhà báo và của những người khác có tấm lòng yêu mến Đà Lạt.

Hy vọng, Đà Lạt - Điểm hẹn năm 2000. sẽ là món quà xứng đáng trao tặng quý vị và các bạn khắp mọi miền đất nước những điều bổ ích và lý thú trước khi đến thăm Đà Lạt - Lâm Đồng.

Nhân đây, xin cảm ơn các tác giả, ban biên tập, các đồng chí lãnh đạo, các cơ quan chức năng đã tạo mọi điều kiện để tác phẩm Đà Lạt - Điểm hẹn năm 2000. được ra mắt, góp thêm một bông hoa tươi thắm trong vườn hoa văn hóa của "Thành phố ngàn hoa" trên Cao nguyên xinh đẹp này.

Đà Lạt, Xuân Canh Thìn

NGUYỄN TRI DIỆN

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân

Thành phố Đà Lạt

I. NHÌEN ĐÀ LẠT

PHẦN I

PHÚC AN

ĐÀ LẠT

THIÊN NHIÊN, CON NGƯỜI

THIÊN NHIÊN ĐÀ LẠT

PHÚC ÂN

Một thành phố nằm lưng chừng trời giữa những rừng thông xanh biếc, bạt ngàn và những quả đồi nhấp nhô trùng điệp nối tiếp nhau, chạy tít tắp từ Đông sang Tây. Những dòng thác gầm réo suốt ngày đêm. Hàng ngàn biệt thự khi ẩn, khi hiện giữa những hàng mimosa hoa vàng, hàng lệ liễu thuốt tha như những dải lụa. Những vườn hồng đủ sắc màu: vàng, đỏ, hồng nhung... Những con đường uốn lượn, quanh co như bồng bềnh trong sương khói. Tháp bưu điện vút lên giữa bầu trời xanh thẳm, tỏa ánh sáng rực rỡ lung linh khi hoàng hôn buông xuống tựa như một "tiểu Eiffel", gọi cho du khách niềm tin rằng mình đang lạc trong một thành phố nào đó của châu Âu. Nhưng giữa cảnh sắc phương Tây ấy lại xuất hiện những mái chùa hiền hòa sau những hàng cây xanh hây hây soi mình trên mặt hồ yên vắng. Hoa sứ trắng ngát tỏa hương thanh thanh xui khách trần tưởng mình đang đi trên những nẻo đường cổ tích... Mấy nét chấm phá trên làm cho người ta hình dung ngay đến khung cảnh thiên nhiên thơ mộng của thành phố Đà Lạt.

Từ một vùng đất chật hẹp, hoang sơ thưa thớt bóng người, đến nay diện tích của Đà Lạt đã được mở rộng lên tới 491,04 km². Phía Bắc và phía Tây được khống chế bởi dãy Chơrơmui, Yô Đa Myut (cao 1.816m). Tây Bắc dựa vào chân dãy Chư Yang Kae (1.921m) thuộc dãy Lang Bian. Phía Đông là dãy Bi Đúp (2.278m). Phía Đông

Nam được chắn bởi dãy Cho Proline (1.629m). Phía Nam và Tây Nam được bao bọc bởi núi Voi và Yàng Sreng nhiều huyền thoại. Nói đến thiên nhiên Đà Lạt, điều đầu tiên gây ấn tượng khó quên cho du khách là *"Thành phố trong rừng"*, *"Rừng trong thành phố"*, vì chưa có một thành phố nào trong cả nước lại có được nét độc đáo như vậy.

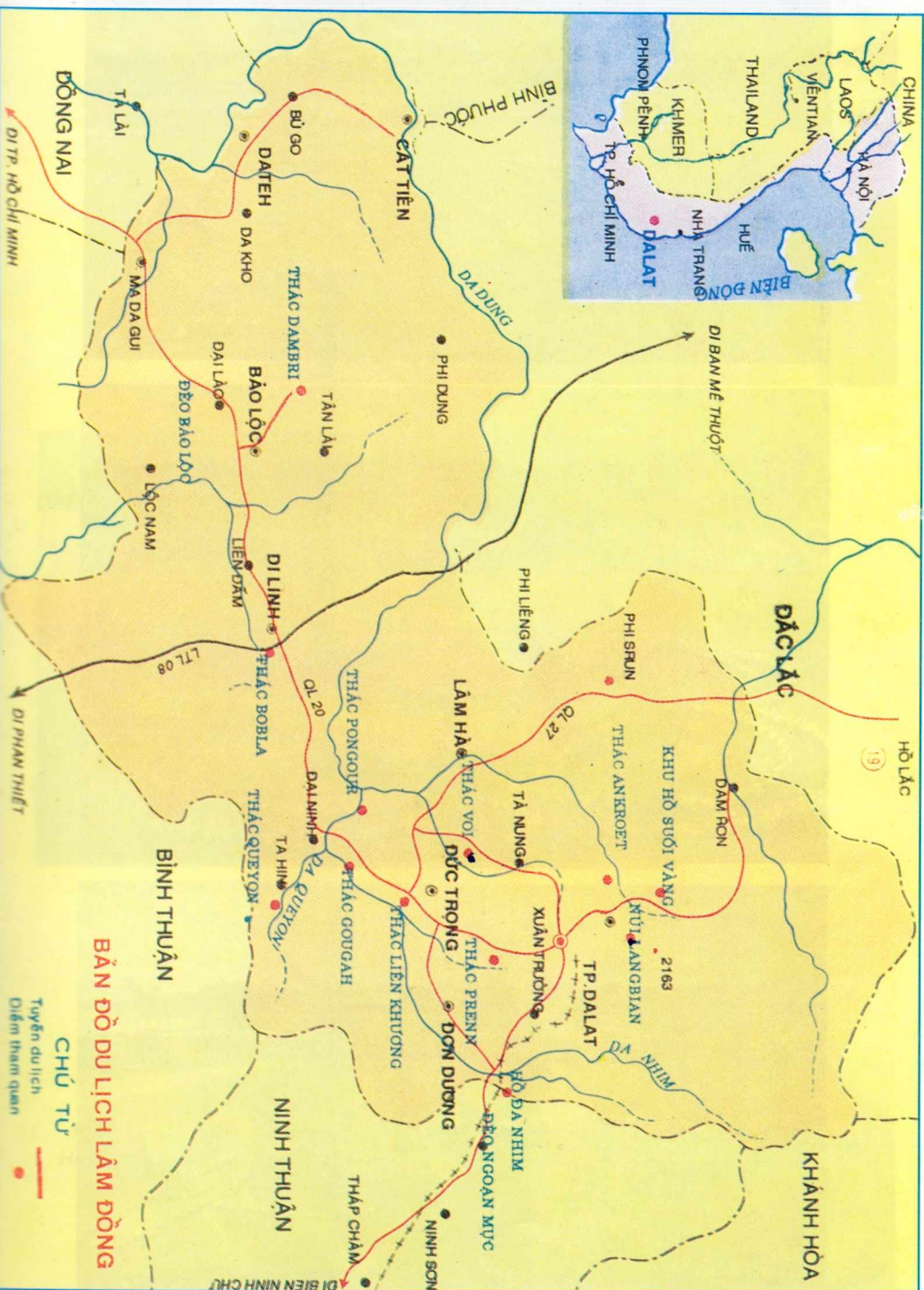
Rừng Đà Lạt bao gồm rừng lá kim, rừng hỗn giao, trảng cỏ và bụi rậm. Rừng lá kim với cây thông ba lá chiếm một diện tích khá lớn. Theo số liệu của ngành lâm nghiệp, Đà Lạt có tới 5.818 ha rừng thông thuần chủng trên diện tích 44.973 ha rừng tự nhiên. Thông có mặt khắp nơi từ chân đèo Prenn - cửa ngõ vào thành phố, đến những quả đồi tròn trịa nối tiếp nhau tưởng như là vô tận. Thông vây quanh các biệt thự; thông che mát trường học, công sở; thông rợp bóng trên nhiều ngã đường uốn lượn quanh co và ẩn hiện trong sương núi. Theo các nhà khoa học thì thông 3 lá của Đà Lạt là một loại cây biệt sinh ở vùng Đông Nam Á.^(*)

Rừng thông thường có ít dây leo nhưng xuất hiện một số loại bì sinh như dương xỉ, địa y. Trên tầng mục, vào đầu mùa mưa vẫn xuất hiện các loại nấm ăn thuộc lớp nấm lỗ, chủ yếu là các giống Bôlê nổi tiếng như: xép trắng, xép nâu... Ngoài ra, ký sinh trên những cây thông già là các loại Linh chi được dùng làm thuốc. Đó là chưa nói tới rễ thông vùng đồi cát phong hóa từ granit là một loại dược phẩm chưa được chú ý khai thác.

Ngoài thông ba lá, thành phố còn có những dải rừng hẹp của thông hai lá như kiểu rừng thưa ở khu vực Manline. Thông hai lá mọc tươi tốt ở độ cao 1.400m xen lẫn với cây họ dầu. Đặc biệt, thông năm lá - một loài cây đặc hữu quý hiếm của Đà Lạt vừa tìm thấy ở một số nơi như Trại Mát, Bi Đúp.

Theo những kết quả nghiên cứu mới đây cho thấy trong rừng thông Đà Lạt có ít nhất 34 loài chim gồm: bách thanh, sáo sậu, cu

(*) Đà Lạt, thành phố Cao nguyên - UBND thành phố Đà Lạt, NXB thành phố Hồ Chí Minh, 1993.





Đà Lạt - Lâm Đồng - Kỷ niệm 25 năm ngày giải phóng 3/4/1975 - 3/4/2000)

*Nhà văn hóa
thiếu nhi*



Làng S.O.S

*Trung tâm xã hội
Hermann Gmeiner*





Trường Đại học Đà Lạt



Viện nghiên cứu
hạt nhân Đà Lạt



Viện Vắc-xin Đà Lạt

Chợ Đà Lạt

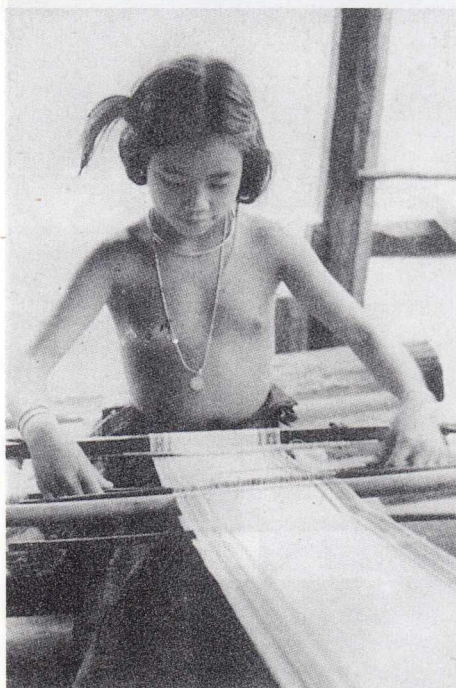


Đêm Đà Lạt



Thu Đà Lạt





Dệt thổ cẩm (Dân tộc Mạ)



Hạnh phúc (Dân tộc K'ho)



Đường về



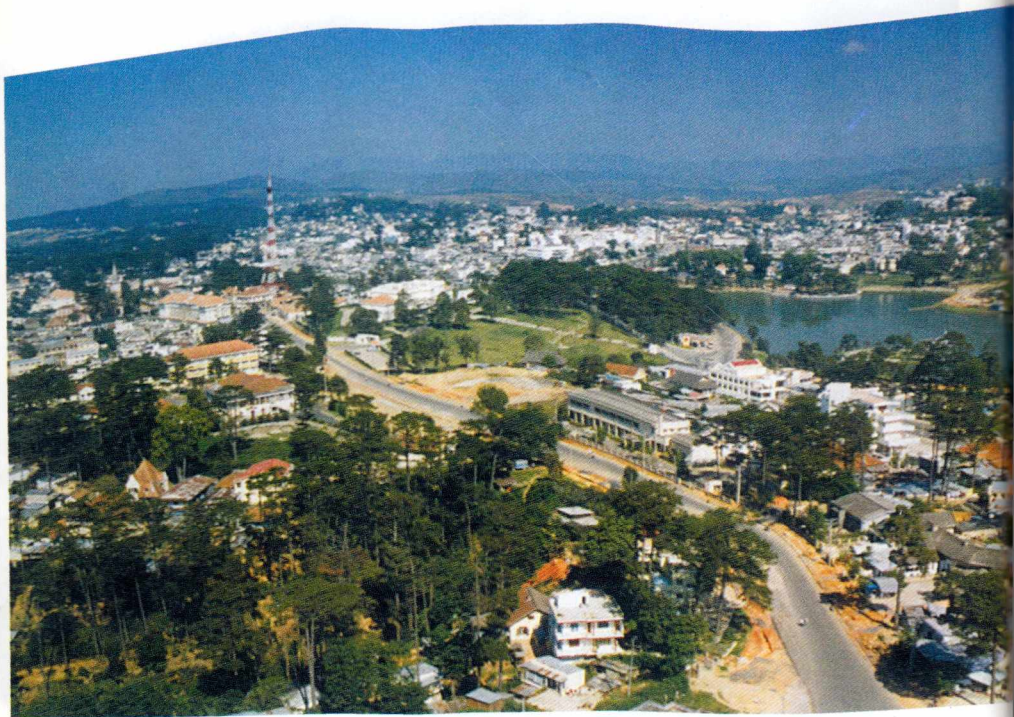
Lễ Hội



Vũ khúc
Tây Nguyên



Âm vang
núi rừng

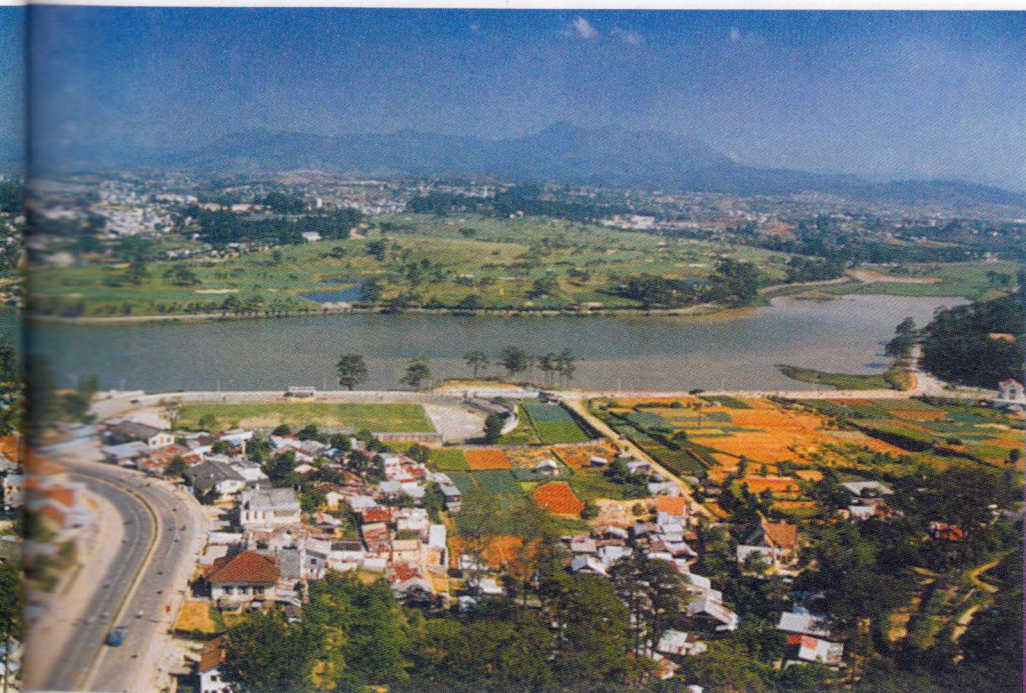


Toàn cảnh thành phố Đà Lạt

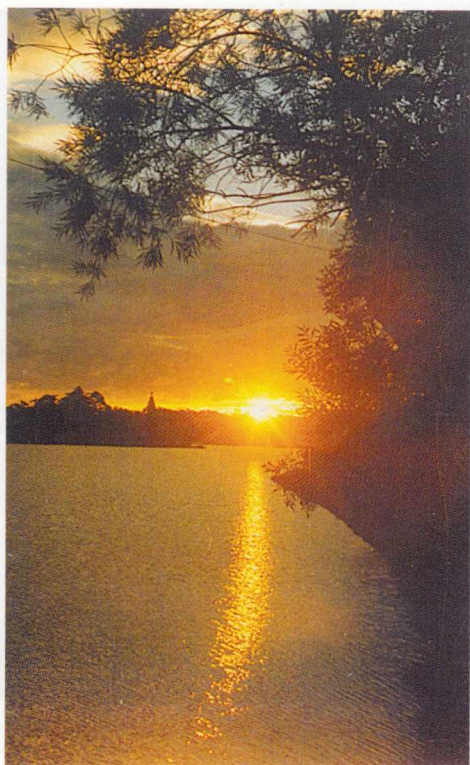
*Từ trái qua: Bernhard Schenke (Hà Lan), Nguyễn Dũng (Việt nam)
Thomas Hooft (Hà Lan), Sumartono (Indonesia)*



Những người đầu tiên xây dựng công ty Hoa Dalat Hasfarm



Đà Lạt - 100 năm



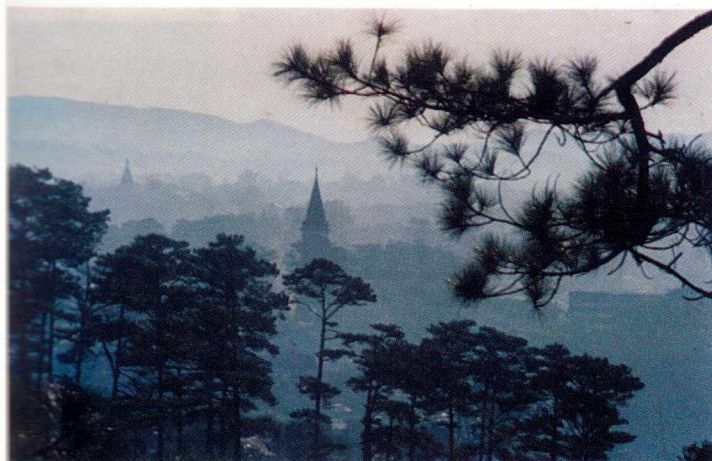
Bình minh Xuân Hương



Hoa đăng



Rạng đông



Đà Lạt
mơ sương



Thung lũng
sương mù



Sương
mù
trên
đồi
Cù



Hồ Đan Kia



Núi Voi



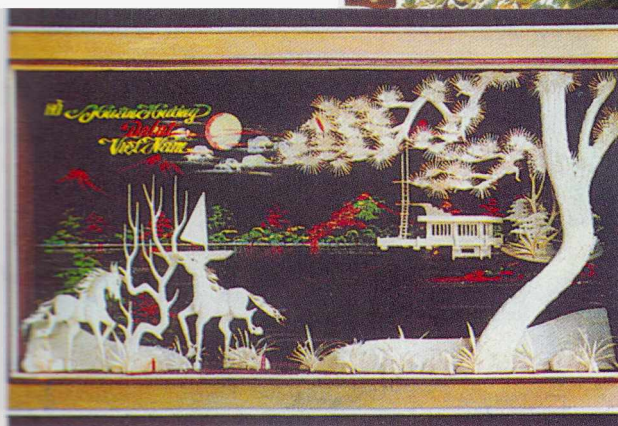
*Cao nguyên
Lang Bian*



Palace Hotel



Mỹ nghệ Đà Lạt



Tác phẩm thủ công mỹ nghệ - Nghệ nhân HÀ VĂN HIỀN



Dinh II



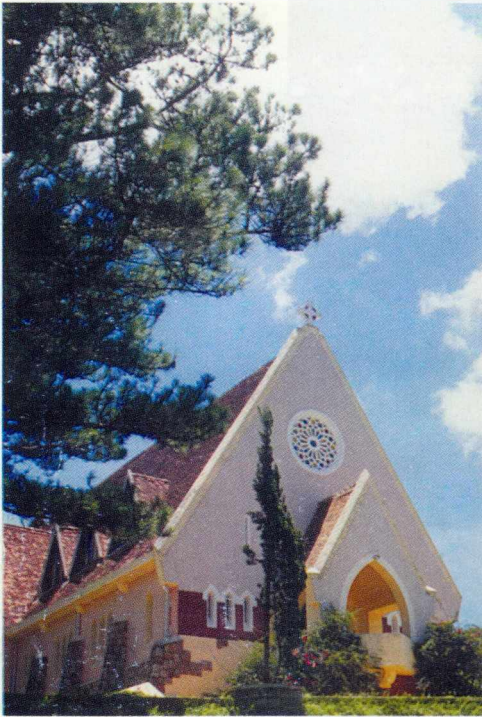
Dinh III



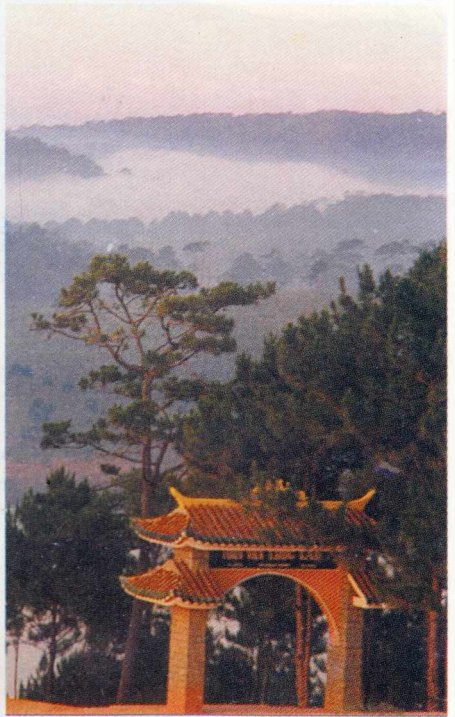
Nhà thờ Chánh tòa



Nhà thờ
Domaine de Marie



Lãnh địa Đức Bà



Cõi thiền



Chùa Linh Sơn

gáy, gà gô, bìm bịp, chèo bẻo, gõ kiến xanh, gáy đen..., riêng các loài phượng chèo đỏ, bạc má bụng vàng, gõ kiến bụng hung... là những loài chim đặc biệt chỉ thấy xuất hiện ở Đà Lạt - Lâm Đồng. Phần lớn các loài chim chính là người bạn quý của rừng thông Đà Lạt vì chúng tiêu diệt các loại côn trùng có hại cho thông như: sâu, bướm... bằng cách tìm kiếm thức ăn, góp phần giúp rừng thông tồn tại và phát triển.

Trong rừng thông người ta còn bắt gặp một số loài lưỡng thê và bò sát như: ếch, cóc, thằn lằn và một số loài rắn.

Ngoài rừng lá kim, Đà Lạt còn có 2.682 ha rừng hỗn giao phân bố khắp nơi quanh thành phố, nhất là ở các thung lũng, khe suối. Trong rừng này có khá nhiều loài cây cùng sinh sống như: dẻ, kim giao, dổi, huỳnh đàn, chò ngọc lan... có những cây đại thụ cao tới hơn 30m, đường kính gốc 2 người ôm không xuể. Bên cạnh đó là những loài cây thuốc, cây cảnh như: ngũ gia bì, thanh mai, đỗ quyên, bướm bạc, trang bông trắng, trang bông đỏ...

Tầng cây bụi cũng có nhiều chủng loại khác nhau cùng phát triển như: các loài mua, ngấy hương, dum nam, dum mâm xôi, cỏ tranh, cỏ lào, cỏ đá, lau sậy, đốt, đuôi chồn, dứa dại, cói chiếu, ý dĩ...

Rừng hỗn giao của Đà Lạt còn là nơi sinh trưởng của các loài lan, rêu, địa y và các loại nấm như: hương nâu, hương trắng, mộc nhĩ, hoa đá, hột gà, nấm sữa...

Đặc biệt, trong rừng hỗn giao của các khu vực như: Đatanla, Manline, Tà Nung, Núi Voi... người ta còn phát hiện được một số loài gỗ quý như: trắc bách diệp, bạch tùng, thanh tùng. Khu vực núi Lang Bian, Bi Đúp có cả pơmu, thông nàng, thông tràm, thông 5 lá... với những thân cây cao tới 45m, đường kính lên tới 2 m. Đó là chưa kể loại thông 2 lá dẹt được xem là quý hiếm của thế giới với đường kính lên tới 4m còn được tìm thấy ở Bi Đúp, Yô Đa Myút..

Những năm trước đây, khi bước chân vào rừng hỗn giao của Đà Lạt ta có thể gặp ngay nhiều giống thú rừng quý hiếm như: nai cà tong, nai xám, hươu vàng, cheo, trâu rừng, bò rừng, sơn dương, heo rừng... và nhiều loài động vật khác như: cây bay, sóc bay, đồi, nhen, vượn, khỉ, sóc đen, chó sói, cây hương, cọp, báo... Nhưng giờ đây, do tệ nạn phá rừng, săn bắt thú rừng quá nhiều và một số tác nhân khác nên các loài động vật nói trên còn rất ít, thậm chí có loài gần như bị tuyệt chủng !

Rừng Đà Lạt còn là một kho tàng về cây thuốc như: kinh giới, đơn buốc, đại bi, nam sâm, ngưu tất nam, thu hải đường đại, bồ cốt toái, hoàng liên, ô rô, lông culi... mọc khắp nơi. Đây cũng chính là quê hương của các loài phong lan nổi tiếng cả nước như: thanh lan, hồng lan, tử cán, vân hải, kim hải, bạch phượng, tuyết ngọc, hoàng hạc, hạc đỉnh, vi hải, bạch nhạn, nhất điểm hồng, long tu, dã hạc, ý thảo, thủy tiên...

Theo các nhà khoa học, chính nhờ vào nguồn tài nguyên rừng phong phú như vậy, lại ở trên một độ cao hợp lý, nên Đà Lạt mới có được một khí hậu ôn hòa và có nguồn không khí tốt lành. Chính cây thông đã làm tăng lượng ôxy cho Đà Lạt. Một hécta rừng thông hàng năm sản sinh ra được ít nhất từ 20 đến 30 tấn ôxy, trong khi các rừng cây lá rộng khác chỉ có khả năng đem lại từ 8 đến 10 tấn ôxy. Nhờ vậy, Đà Lạt mới trở thành một trung tâm nghỉ dưỡng, du lịch tuyệt vời mà hiếm nơi nào trên đất nước ta có được.

Không chỉ có cây xanh tạo ra sức sống thiên nhiên lạ kỳ cho Đà Lạt, mà các loài thực vật bậc thấp như: dương xỉ, cỏ lài, địa y, cỏ tranh... cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc hút chất ô nhiễm trong không khí, đồng thời hút trực tiếp khí ẩm xung quanh và đề kháng mạnh với các chất thải ô nhiễm kim loại, đặc biệt là địa y đã góp phần đáng kể đem lại bầu không khí trong lành cho thành phố. Khi đặt chân đến Đà Lạt, nhiều chuyên gia nước ngoài không ít ngạc nhiên khi nhìn thấy các loài phong lan sinh sản dễ dàng bằng

hạt, trong khi đó bên nước họ không thể sinh sản bằng con đường hữu tính được. Phải chăng ở các nước công nghiệp phát triển không khí và môi trường bị ô nhiễm nặng khiến phong lan khó có thể “sinh con đẻ cái” bằng con đường tự nhiên như Đà Lạt vì khí hậu ở đây quá trong lành ?!



Nói về thiên nhiên Đà Lạt, không thể không nhắc đến thế giới động vật hoang dã vô cùng phong phú: Trước hết là bò rừng bao gồm bò tót và bò Bangten. Bò tót là một trong những loài có thân hình vạm vỡ và khỏe mạnh. Một chú bò đực lớn tuổi có thể cao đến 2,05m, nặng hơn một tấn !

Trước đây bò tót Cao nguyên thường sống thành từng bầy 6-7 con ở rừng hỗn giao, trảng cỏ, bụi cây tại các khu vực: Núi Bà, Tà Nung, cổng Trời, núi Voi... Còn bò Bangten, nhỏ con hơn bò tót, thường chỉ cao 1,7m, nặng gần 700kg. Bò Bangten thường trú ngụ trong khu vực rừng xanh, nơi có ít bụi cây và cỏ chỉ, mật độ chỉ vào khoảng từ 1-2 con/km². Ở những khu rừng thưa thì một bầy bò thường có 3-4 con/km², riêng trên những trảng cỏ tốt chúng tập trung đông đảo, có khi một bầy lên tới 10 con/km². Ngoài ra, nai xám, nai cà tong, hoẵng, cheo, heo rừng cũng có mặt, góp phần làm phong phú thêm hệ động vật của rừng Đà Lạt. Thửa ban đầu của Đà Lạt, du khách có thể bắt gặp những chú nai xám đi lạc vào khu vực trung tâm thị xã ngay cả lúc ban ngày. Nai cà tong tuy thân hình bé hơn nai xám, trọng lượng chỉ vào khoảng 100kg và gạc chia làm hai nhánh trước sau rõ rệt, nhưng lại trở thành những người bạn gần gũi với cư dân Đà Lạt. Trong nhiều năm trước, người ta thường gặp chúng lang thang kiếm ăn quanh khu vực thác Cam Ly hay dưới chân Núi Bà.

Bên cạnh đó, hươu vàng cũng thấy xuất hiện khá nhiều trong những thung lũng xanh tươi, ven các dòng suối. Ở nhiều nơi, hươu

chỉ cao khoảng 0,75m nhưng trọng lượng có con lên tới hơn 50kg. Riêng hoẵng (mễn, đồ) thì nhiều vô kể. Chúng rất hiền và bạo dạn, nhưng lại nhỏ con (không quá 30kg, cao 0,6m) thường đi tìm thức ăn trên các nương rẫy.

Đối với heo rừng thì Đà Lạt có khá nhiều. Không chỉ có "heo độc" mà chúng còn sống thành từng đàn lên tới hàng trăm con. Mỗi lần chúng "đổ bộ" vào các rẫy khoai lang, khoai mì thì chỉ trong chốc lát cả rẫy khoai lang, khoai mì của bà con khu vực vùng ven Đà Lạt đã tan hoang.

Các sông, suối ở Đà Lạt thời gian qua và hiện nay đã cung cấp một nguồn thực phẩm tươi sống dồi dào cho người dân thành phố với nhiều loại cá thơm ngon, bổ dưỡng: cá chép, cá ngựa, cá sơn, cá lăng có nhiều ở hồ Suối Vàng, sông Đa Nhim, suối Đại Ninh, hồ Tuyền Lâm... Đó là chưa kể các loài khác như cua, tôm, lươn, chạch, cá trê, cá trắng, thác lác, cá lóc... là nguồn thực phẩm đáng kể có mặt ở khắp các suối, sông, rạch tạo nên một nguồn "thủy sản nước ngọt" phong phú cho thành phố.

Theo điều tra của các nhà động vật học, ngoài các loại thú rừng đã nêu, còn có hai nhóm khác mà Đà Lạt có một số lượng khá lớn là dơi và chuột. Riêng chuột có ít nhất 17 loài cùng tồn tại. Ngoài ra, chim của Đà Lạt cũng có nhiều nhóm, trong đó có những loài chim được xếp vào "sách đỏ" của thế giới hiện vẫn còn cư ngụ khá nhiều ở Hòn Nga, Cổng Trời và trong các khu rừng lân cận. Hằng năm các đoàn chuyên gia điều học vẫn thường lên Đà Lạt để khảo sát và nghiên cứu vì bản chất loài chim ưa chuộng môi trường trong lành, yên tĩnh. Tuy nhiên, khi nhìn lại thiên nhiên Đà Lạt hôm nay, chính quyền và nhân dân thành phố rất lấy làm lo lắng khi sự phát triển của cư dân ngày một đông đúc khiến diện tích rừng cứ bị lùi dần.

Mặt khác, nạn đốt rừng và tình trạng các hồ nước bị nhiễm bẩn

và bồi lắng, việc khai thác quặng thiếc ở khu vực đầu nguồn hồ Than Thở, đập Đa Thiện thời gian qua đã để lại những hậu quả nặng nề. Chính những tác nhân xấu nói trên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ động vật tự nhiên của Đà Lạt, làm cho chúng trở nên nghèo nàn, cạn kiệt, thậm chí biến mất hoàn toàn. Ngày nay, khó mà tìm thấy cọp, nai cà tong, bò rừng, gấu, beo, trâu rừng, tê giác ở các khu rừng Đà Lạt.

Đc 85/02
*

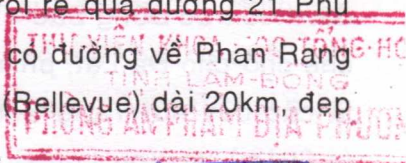


Trải qua bao thăng trầm, thay đổi và biến động, đến nay tọa độ của thành phố được xác định: điểm cực Bắc nằm ở $12^{\circ}04'$ độ vĩ Bắc, điểm cực Nam nằm ở $11^{\circ}52'$ độ vĩ Bắc, điểm cực Tây nằm ở $108^{\circ}20'$ độ kinh Đông, điểm cực Đông nằm ở $108^{\circ}35'$ độ kinh Đông.

Phía Bắc của Đà Lạt giáp với huyện Lạc Dương, phía Đông giáp với huyện Đơn Dương, phía Tây giáp với huyện Lâm Hà, phía Tây Nam giáp với huyện Đức Trọng.

X Từ trung tâm thành phố có những con đường đi về bốn hướng: phía Bắc là Suối Vàng (Đankia). Đứng ở đồi Cù và nhiều nơi trong thành phố, du khách có thể nhìn thấy 2 đỉnh Lang Bian nhiều khi mây phủ trắng với chuyện tình đắm đuối nước mắt của chàng Lang và nàng Bian được ghi vào huyền sử của đồng bào dân tộc K'ho.

Phía Nam có đường 20 về Sài Gòn, qua đèo Prenn dài 11km với nhiều thác nước: Đatanla, Prenn... còn in dấu tích các cuộc chiến tranh của các bộ tộc Lạch, Chil với người Chăm (Chàm) vào giữa thế kỷ 15, 16. Phía Tây từ thác Cam Ly có đường mòn đi qua Buôn Ma Thuật theo ngã Tà Nung - Nam Ban rồi rẽ qua đường 21 Phú Sơn, Lạc Thiện. Phía Đông là Đơn Dương có đường về Phan Rang (Ninh Thuận) sau khi qua đèo Ngoan Mục (Bellevue) dài 20km, đẹp và thơ mộng không khác gì đèo Hải Vân.



Đc 132/2000

Thật ra Đà Lạt cách biển Đông không xa lắm, chỉ chừng 80km

đường chim bay và cách Thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế, văn hóa của cả nước chỉ hơn 300 km với 6 giờ đồng hồ đi ô tô và 40 phút kể từ khi máy bay cất cánh từ sân bay Tân Sơn Nhất và đáp xuống phi trường Liên Khương. Mấy chục năm trước đây, Đà Lạt còn có một phương tiện giao thông độc đáo nữa là đường xe lửa răng cưa để đưa du khách từ các nơi lên Đà Lạt, nhưng rất tiếc hiện nay hệ thống vận chuyển này đã hư hỏng và chỉ mới tu sửa được một đoạn ngắn từ Đà Lạt đến Trại Mát để thỉnh thoảng đưa khách đi tham quan.

Vừa qua, việc nâng cấp quốc lộ 27 nối dài qua ngã Đức Trọng - Lâm Hà đã mở một viễn cảnh thuận lợi cho việc giao lưu giữa Đà Lạt với các tỉnh Bắc Tây Nguyên. Riêng quốc lộ 20 được nâng cấp, sửa chữa sẽ góp phần nối liền huyết mạch giao thông và trao đổi kinh tế giữa Đà Lạt với các tỉnh miền Đông Nam Bộ như : Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh...

"Mimosa, từ đâu em tới đất này ? Đà Lạt đồi núi chập chùng. Đà Lạt trời mây nước mênh mông !". Thật vậy, đúng như nhạc sĩ Trần Kiết Tường đã viết, địa hình Đà Lạt được phân thành nhiều bậc thấp cao. Bậc địa hình thấp là khu trung tâm với những lòng chảo được tạo ra bởi những ngọn đồi mấp mô nối tiếp nhau có độ cao 25-100m và cao độ trung bình của Đà Lạt là 1.500m so với mực nước biển. Địa hình cao, bao bọc các lòng chảo và trở thành *"bức màn chắn gió"* cho thành phố là các đỉnh núi với độ cao khoảng 1.700m: phía Đông Bắc có dãy Láp Bê Bắc (1.738m) hay còn gọi là Hòn Ông và dãy Láp Bê Nam (1.709 m) hay còn gọi là Hòn Bô. Riêng phía chính Bắc có dãy núi Lang Bian hay còn gọi là Núi Bà (2.165m) kéo dài theo trục Đông Bắc - Tây Nam, sừng sững như một trường thành che chở cho Đà Lạt; phía Đông có đỉnh Gió Hú (1.644m); phía Tây là các dãy núi Yàng Soreng với các đỉnh cao nổi bật là Pin Hatt (1.691m) và You Lou Rouet (1.632m). Chính nhờ có địa hình đặc trưng như vậy mà thiên nhiên ở đây đã cho thành phố xinh đẹp này

nhiều thác nước nổi tiếng mà du khách dù chỉ một lần đặt chân đến đây cũng không thể nào quên: Prenn, Đatanla, Cam Ly, Hang Cọp, Sơ Ra, Bảy Tầng, Uyên Ương và xa hơn nữa là thác Voi (thuộc huyện Lâm Hà), thác Liên Khương (thuộc huyện Đức Trọng)...

*

PHÒNG - MƯỢN

Qua nghiên cứu, các nhà khoa học cũng thừa nhận rằng: Chính nhờ vào địa hình đồi núi chập chùng và “ngự trị” ở độ cao 1.500m so với mặt nước biển nên Đà Lạt đã được tạo hóa ban cho một khí hậu tuyệt vời mà hiếm nơi nào trên đất nước ta có được: Nhiệt độ trung bình cả năm 18°C . Theo số liệu của cơ quan khí tượng thủy văn Lâm Đồng thì từ năm 1977 đến 1991, nhiệt độ trung bình hàng năm của thành phố chỉ dao động từ $17,5^{\circ}\text{C}$ đến $18,2^{\circ}\text{C}$. Tháng 1 là tháng có nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất (vào khoảng $15,6^{\circ}\text{C}$). Tháng 5 là tháng có nhiệt độ trung bình tháng cao nhất ($19,5^{\circ}\text{C}$). Điều này chứng tỏ nền nhiệt độ ổn định qua các tháng và các mùa trong năm. Đặc biệt, sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm thường trung bình năm là 9°C . Các tháng mùa khô có biên độ nhiệt lớn (tháng 1 đến tháng 4) với trị số dao động từ $11,2^{\circ}$ đến $13,2^{\circ}\text{C}$. Các tháng mùa mưa lại có biên độ giảm chỉ còn 6° đến 7°C . Nhiệt độ mặt đất trung bình hàng năm của Đà Lạt là $20,6^{\circ}\text{C}$.

Chế độ mưa ở Đà Lạt cũng ôn hòa thường bắt đầu giữa tháng 4. Khi trường gió Tây Nam ổn định và mạnh lên dần từ tháng 6 thì bắt đầu xuất hiện những đợt mưa kéo dài. Những trận mưa như vậy cũng thường xảy ra khi có bão hoặc áp thấp ngoài biển Đông, vì Đà Lạt nổi tiếng là “nhạy cảm” với thời tiết của cả nước. Mùa mưa ở Đà Lạt thường kết thúc vào tháng 10, đôi khi giữa tháng 11. Như vậy mùa mưa trên thành phố Cao nguyên này kéo dài khoảng 6 tháng. Tháng 4 và tháng 11 được xem là thời điểm “giao mùa” giữa hai mùa mưa và nắng.

Từ năm 1977 đến năm 1991, lượng mưa trung bình năm của Đà

Lạt đạt mức 1.755mm. Năm 1989 là năm có tổng lượng mưa lớn nhất: 2.016mm. Năm 1981 là năm có tổng lượng mưa nhỏ nhất, chỉ có: 1.356mm. Lượng mưa trong năm phân bố không đều theo thời gian. Tháng 9 là tháng có lượng mưa trung bình tháng lớn nhất: 300mm. Ngày 4/5/1932 tại Đà Lạt đã xảy ra mưa lớn nhất từ trước tới nay với tổng lượng ngày : 307mm, khiến xảy ra lũ lớn trên suối Cam Ly, tàn phá 2 đập đất của hồ Xuân Hương và đập thủy điện nhỏ nông trại Cam Ly.

Độ ẩm của không khí Đà Lạt khá lớn: trong mùa mưa, độ ẩm tương đối các tháng đạt trên 85%. Riêng các tháng 7, 8, 9 có độ ẩm trung bình đạt từ 90% đến 92%. Mùa khô độ ẩm giảm xuống dưới 80%.

Lượng mây của Đà Lạt trung bình năm chiếm từ 6/10 đến 7/10 bầu trời. So với các tỉnh Tây Nguyên, lượng mây ở đây có phần ít hơn rất nhiều, nhưng chính lượng mây đã chi phối số giờ nắng của Đà Lạt. Theo thống kê, số giờ nắng toàn năm lên đến 2.340 giờ. Tháng 9 là tháng có giờ nắng ít nhất (100-130 giờ). Tháng 1, 2, 3 là tháng ít mây nên số giờ nắng đã tăng lên 250-270 giờ. Các tháng còn lại số giờ nắng thông thường trên 200 giờ.

Về hướng gió, tại Đà Lạt, hướng gió thay đổi theo mùa. Từ tháng 10 đến tháng 4 là gió Đông - Đông Bắc. Gió mùa Đông Bắc thường hoạt động mạnh vào tháng 11, 12 và tháng 1 hàng năm. Từ tháng 5 đến tháng 9 là thời điểm hoạt động của gió Tây - Tây Nam. Gió Tây xuất hiện nhiều vào khoảng tháng 7 tháng 8. Trong những tháng gió mùa Tây Nam thịnh hành thường đi đôi với bão, áp thấp nhiệt đới nên gió rất mạnh. Vào những tháng cuối quý 3 đôi khi do ảnh hưởng bởi những cơn bão đổ bộ vào miền Trung nên gió bão ở Đà Lạt có thể mạnh đến cấp 8, cấp 9, còn lại bình thường các tháng trong năm đều có những ngày có gió từ 11m/s trở lên.

Ngoài ra, Đà Lạt còn có những hiện tượng thời tiết lạ so với các

nơi khác như: sương mù, đông, mưa đá và sương muối. Mỗi năm ở Đà Lạt sương mù xuất hiện khoảng 80 ngày tập trung vào các tháng 2, 3, 4, 5 với mật độ trung bình từ 8 đến 16 ngày/tháng. Các tháng còn lại cũng có sương mù xuất hiện nhưng không đáng kể. Có lẽ chính vì vậy nên du khách đã tặng cho Đà Lạt một danh hiệu khá độc đáo "thành phố mờ sương".

Ở Đà Lạt, số ngày xuất hiện đông mà người ta quan sát và thống kê lại bình quân khoảng 60 ngày/năm. Thời kỳ xuất hiện đông kéo dài là từ tháng 3 đến tháng 11. Các tháng 4, 5 và 9 là những tháng có đông xuất hiện nhiều nhất. Những tháng đầu mùa mưa chính là thời điểm có những cơn đông xuất hiện vào trưa và chiều, kèm theo mưa rào, đôi lúc có cả sấm sét.

Mưa đá - nỗi lo lớn nhất của bà con nhà vườn Đà Lạt thường diễn ra vào thời điểm tháng 4 và kéo dài chỉ trong vài ba ngày. Tuy cường độ không lớn, diện tích hẹp, đường kính hạt vào khoảng từ 0,5 đến 1cm, có khi có hạt lên tới 3-4cm, nhưng tác hại của mưa đá đối với rau quả Đà Lạt thì không lường hết được.

Cứ vào dịp gần tết Nguyên Đán (tháng 1, 2) là ở Đà Lạt lại xuất hiện sương muối khá nhiều ở các vùng lòng chảo, khuất gió. Dịp Nội và đầu tháng 3 tuy cũng có sương muối nhưng mức độ nhẹ hơn. Theo các nhà khoa học, nguyên nhân xuất hiện sương muối là do nhiệt độ hạ thấp về đêm. Chính sương muối là tác nhân gây ra việc hư hỏng đối với rau và hoa. Do vậy vào những tháng này, bà con nhà vườn thường phải tưới nước từ mờ sáng để tránh thiệt hại.

Do địa hình phức tạp, đồi núi thung lũng xen kẽ nên ở Đà Lạt còn có sự chênh lệch về khí hậu khá lớn so với những con số trung bình. Từ đó hình thành những vùng chuyên canh từng loại cây trái và rau: "Mận ngọt Trại Hầm, bơ thơm Xuân Thọ, rau tươi Tân Lạc, hoa đẹp Thái Phiên"...

Nhìn chung, khí hậu Đà Lạt tuy mang những đặc điểm chung

nhất của khí hậu cận nhiệt đới gió mùa, song lại có đặc điểm riêng của vùng Cao nguyên nên khá ôn hòa. Nói về mặt nhiệt độ thì rõ ràng thấp hơn so với nhiều nơi trong cả nước. Với khí hậu này, cùng với nhiều yếu tố khác về địa hình và môi trường, chứng tỏ Đà Lạt đã có đủ điều kiện để xây dựng thành một thành phố nghỉ dưỡng và sản xuất các loại rau hoa, cây đặc sản ôn đới mà không nơi nào ở Việt Nam có thể sánh được.



Khi đề cập đến điều kiện thủy văn, nhiều người vẫn cho rằng sở dĩ Đà Lạt có một nguồn nước khá dồi dào và phong phú là nhờ có nhiều dải núi rừng rậm mây bọc. Tuy nhiên, mấy năm gần đây do nạn phá rừng phổ biến nên đã giảm đi phần nào nguồn nước của thành phố vào mùa khô.

Thật vậy, nếu ở phía Bắc Đà Lạt có khá nhiều con suối lớn đổ vào hồ Suối Vàng theo hướng Đông Nam - Tây Bắc, thì phía Đông lại có khá nhiều con suối nhỏ đổ vào thượng nguồn sông Đa Nhim. Nhờ đó, mới có thể tạo nên hồ Đa Nhim và nhà máy thủy điện hồi tiếng Đa Nhim. Ở phía Nam phần lớn các con suối thường chảy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam đổ về suối Đạ Tam như dòng Đatanla, dòng Prenn góp phần tạo nên nhiều khung cảnh thiên nhiên thơ mộng cho thành phố Cao nguyên này. Chảy qua khu trung tâm Đà Lạt có suối Cam Ly bắt nguồn từ phía Đông Bắc thành phố, xuôi về hồ Đa Thiện đến hồ Xuân Hương, sau đó đổ về thác Cam Ly, chảy ngang qua huyện Lâm Hà và nhập vào sông Đạ Đờng; diện tích lưu vực xấp xỉ 50km².

Đà Lạt nổi tiếng là thành phố của hồ và thác, song phần lớn hồ ở đây lại là hồ nhân tạo. Hiện nay trên địa bàn Đà Lạt có một số hồ lớn nhỏ như : Đa Thiện, Than Thở, Tuyền Lâm, Xuân Hương, Suối Vàng, Đankia,... tạo nên những thắng cảnh nên thơ cho thành phố. Điều đáng tiếc là một số hồ như Vạn Kiếp, Mê Linh, Đới Có

trước đây là những hồ nước xinh xắn nhưng thời gian qua đã bị bồi lấp!

Trước đây nguồn nước sinh hoạt của Đà Lạt chủ yếu lấy từ hồ Xuân Hương, hồ Chiến Thắng, hồ Than Thở. Mấy năm nay, nước sinh hoạt cho cư dân Đà Lạt được đưa về từ hồ Đankia. Từ trung tâm thành phố đi về hướng Bắc theo đường Lạc Dương, vượt qua những đoạn đường đất đỏ gập ghềnh sỏi đá và núi đồi chập chùng dài chừng 12km, du khách sẽ đến được Đankia và hồ Suối Vàng - nơi mà cách đây hơn 100 năm bác sĩ Yersin từng ngắm ngước vẻ tươi đẹp, thơ mộng đến lạ kỳ của thiên nhiên, để rồi sau đó nảy sinh ý định đề nghị với toàn quyền Doumer cho xây dựng một thành phố nghỉ dưỡng tại khu vực này.

Đứng ở hồ Suối Vàng chúng ta có thể nhìn thấy thấp thoáng xa xa những rừng thông xanh mơn mẩn, nổi rõ trên những quả đồi tròn trịa như chiếc bát úp, chạy tít tắp đến tận chân trời. Trên cao là hai ngọn núi Lang Bian duyên dáng và xinh xắn như bộ ngực căng đầy nhựa sống của một thiếu nữ đang khoe những đường cong tuyệt mỹ với đất trời. Phía dưới quanh năm nước chảy uốn lượn qua những quả đồi im ắng.

Cái tên hồ Suối Vàng do ai đặt ? Đến nay vẫn chưa ai có thể khẳng định, chỉ có truyền thuyết cho rằng lúc trước tại dòng suối này có rất nhiều vàng sa khoáng lẫn trong cát và người ta đã sàng lọc. Hồ Suối Vàng bao gồm 2 hồ: Đankia ở trên và Ankrột ở dưới. Hồ Đankia có diện tích lưu vực khoảng 141km². Hồ Suối Vàng có diện tích lưu vực 145km². Bên cạnh chúng là dòng thác trắng xóa đổ ồ ạt suốt ngày đêm. Thật ra, hồ Suối Vàng là hồ nhân tạo được hình thành bởi 2 con đập ngăn dòng chảy của sông Đa Đa phát xuất từ núi Lang Bian. Thác Ankrột được toàn quyền Decoux chọn làm nơi xây dựng nhà máy thủy điện đầu tiên của Đà Lạt và cũng là của Việt Nam vào năm 1942.

Hiện nay, hồ Suối Vàng có sức chứa khoảng 21 triệu m³ nước. Ngoài việc cung cấp nước uống cho nhân dân Đà Lạt, còn được dùng để chạy máy phát điện cho nhà máy thủy điện Ankrết với công suất thiết kế 3.100kW/giờ. Bên cạnh đó, hồ Suối Vàng còn là nơi có nhà máy nước Suối Vàng khá hiện đại do Đan Mạch giúp Đà Lạt xây dựng. Qua kiểm nghiệm chất nước tại nhà máy này, các cơ quan chức năng đều xác nhận nguồn nước ở đây đạt tiêu chuẩn vệ sinh cần thiết.

Riêng hồ Xuân Hương nằm ở trung tâm thành phố có diện tích vào khoảng 0,4km². Chiều rộng mặt hồ trung bình 200m và diện tích lưu vực là 21km². Hồ Than Thở nằm ở phía Bắc Đà Lạt có diện tích mặt hồ khoảng 0,09km² và hồ Đa Thiện có diện tích 0,06km², hồ Chiến Thắng 0,065km². Phía Nam Đà Lạt còn có hồ Tuyền Lâm với diện tích mặt hồ xấp xỉ 3,2 km². Đây là nguồn nước tưới mát cho hàng trăm hécta lúa, rau, hoa vùng Đức Trọng và khu vực sản xuất nông nghiệp quanh hồ.



Về thổ nhưỡng và địa chất ở Đà Lạt, các nhà khoa học đã nhận xét: Quá trình phong hóa tạo đất ở Đà Lạt diễn ra tương đối mạnh mẽ và trong một thời gian dài nên đã để lại một lớp phong hóa khá dày.

Đất ở Đà Lạt chia ra làm nhiều nhóm bao gồm:

- *Feralit nâu đỏ*: Đây là loại đất tốt nhất rất thích hợp với các loại cây công nghiệp như: trà, cà phê. Loại đất này tìm thấy ở các khu vực như: Vạn Thành, Cam Ly, Xuân Thọ, Xuân Trường, Tà Nung.

- *Đất feralit vàng đỏ*: chiếm 90% diện tích đất toàn thành phố. Ở những nơi đất bị trôi rửa mạnh, tầng mạch mỏng và có độ chua rất cao. Đất feralit vàng đỏ, có độ phì thấp đến trung bình thấy xuất

hiện ở các vùng như: Thái Phiên, Kim Thạch, Tùng Lâm, Xuân Trường, Vạn Kiếp, Mỹ Lộc, Hồng Lạc, là loại đất thích hợp với cây hoa, atisô, rau các loại và cây ăn quả.

- *Đất feralit mùn vàng đỏ*: Nhóm đất này thấy xuất hiện ở các ngọn đồi cao phía Nam Suối Vàng, Bắc Cam Ly và núi Lang Bian, diện tích tương đối ít, chỉ có những vùng còn rừng che phủ.

Về địa chất Đà Lạt, các nhà khoa học nhận định: Bề mặt địa hình và địa khối Đà Lạt đã có từ lâu đời, cách đây cả triệu năm, nhưng so với niên đại địa chất thì nó còn tương đối trẻ. Địa khối Đà Lạt được hình thành từ các hoạt động kéo dài suốt 70 triệu năm của kỷ Kreta. Sang kỷ Paleogen (cách đây 25-67 triệu năm), địa khối Đà Lạt chịu sự xói rửa lắng đọng đã gọt giũa dần bề mặt địa hình Đà Lạt cổ. Đến kỷ Neogen (cách đây từ một đến 25 triệu năm), địa hình Đà Lạt mới bắt đầu hình thành. Địa khối Đà Lạt chịu sự hoạt động yếu ớt của giai đoạn này: bazan được đưa lên bề mặt địa khối với diện tích nhỏ ở Đatanla, Cam Ly, Tà Nung, Xuân Thọ, Xuân Trường với chiều dày mỏng. Đó là những vùng đất phì nhiêu trên địa khối. Hoạt động kiến tạo này đã chấm dứt thời kỳ vận động tạo núi và giúp cho Cao nguyên Lang Bian hoàn thiện dần bề mặt của mình thông qua các hoạt động địa chất mới mà chủ yếu là phong hóa, bào mòn và lắng đọng.

Tuy nhiên, trong suốt quá trình vận động để tự tạo cho mình trở nên vững chắc như ngày nay, Đà Lạt còn bị các chấn động địa cầu khu vực, lực co rút của các khối macma nên đã xuất hiện các vết đứt gãy phát triển chủ yếu theo hướng Đông Bắc, Tây Nam. Đi kèm với các vết đứt gãy này là một hệ thống khe nứt dạng lông chim hoặc các đứt gãy đi kèm mà sau này các con suối nhỏ thường đặt lòng lên chúng. Ngay ở trung tâm Đà Lạt, suối Cam Ly cũng là một vết đứt gãy mà các thung lũng hẹp dọc đồi Cù, chợ Đà Lạt, suối giữa đường Phan Đình Phùng và Hai Bà Trưng... thuộc hệ thống khe nứt chân chim của vết đứt gãy ấy.

Các nhà khoa học cho rằng : Lịch sử hình thành địa khối Đà Lạt khá phức tạp, mức độ nghiên cứu còn ít. Song, cái thấy được rõ nét là khoáng sản hình thành trong lòng nó rất khả quan bao gồm nhiều loại như cao lanh, đá hoa cương, quặng thiếc, vàng sa khoáng...^(*)



Tóm lại, thiên nhiên Đà Lạt tươi đẹp vô ngần, không chỉ vì có những cánh rừng bạt ngàn vây quanh thành phố, tạo cho thành phố này những nét quyến rũ và độc đáo: “*Đường trong hoa, thấp thoáng nhà trong lá*” và nằm ở lưng chừng trời với độ cao 1.500m, mà Đà Lạt còn có cả một kho tàng động thực vật phong phú ít nơi nào sánh được. Mặc khác, với cấu trúc địa hình phức tạp không những đã mang lại cho Đà Lạt các thắng cảnh ngoạn mục với những hồ thác lừng danh như : Xuân Hương, Đa Thiện, Tuyền Lâm, Suối Vàng, Than Thở, Prenn, Đatanla, Cam Ly, Hang Cọp, Liêng Sơ Ri... mà còn đem lại cho Đà Lạt cả một khí hậu ôn hòa giúp tái tạo lại sức khỏe cho con người và là nơi hội đủ điều kiện để xây dựng thành một thành phố du lịch và nghỉ dưỡng với tầm vóc không chỉ của Việt Nam mà còn của cả thế giới.

Ngoài ra, thổ nhưỡng, địa chất của Đà Lạt được hình thành khá lâu đời và bền vững với những điều kiện thuận lợi giúp cho sản xuất nông nghiệp phát triển và phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước là những yếu tố giúp nền kinh tế của thành phố này có thể cất cánh trong tương lai.

(*) Đà Lạt, thành phố Cao nguyên, UBND TP. Đà Lạt, NXB.TP.Hồ Chí Minh, 1993.

CON NGƯỜI ĐÀ LẠT

TRÚC PHƯƠNG

Khi đề cập đến con người Đà Lạt, nhiều nhà nghiên cứu dân tộc học cho rằng: Thật ra không có người Đà Lạt đơn thuần mà đó là sự hội tụ tinh hoa của con người từ mọi miền đất nước, là tổng hòa khí chất của không chỉ các tộc dân bản xứ và 3 miền Bắc, Trung, Nam Việt Nam mà còn có cả Trung Hoa và Tây Âu.

Ngược dòng lịch sử và nhận diện con người Đà Lạt hôm nay chúng ta có thể bắt gặp điều đó. Trong bản thân họ luôn có sự trộn lẫn về tế nhị, thanh lịch của người miền Bắc; nét trầm mặc, suy tư, cần cù lao động của người miền Trung; vẻ thật thà, đôn hậu trọng lễ nghĩa của người miền Nam, cũng như cách giao tiếp khéo léo của người Hoa và lối ăn bận lịch sự của người Âu Tây.⁽¹⁾

Cho tới bây giờ cũng chưa ai lý giải được 3 tộc người Lạch, Chil, Srê có mặt tại Đà Lạt tự lúc nào mà chỉ ước đoán rằng họ xuất hiện trên thành phố Cao nguyên này cách đây 4, 5 thế kỷ vào thời kỳ hưng thịnh nhất của vương quốc Chăm Pa. Sự phát hiện một số di chỉ đá mài quanh đèo Prenn gần đây cho thấy từ rất xa xưa Đà Lạt đã có người ở, nhưng những người này có quan hệ gì với người Lạch, Chil, Srê hay với người Kinh thì còn phải chờ các công trình nghiên cứu khoa học đầy đủ mới xác định được.

Dẫu rằng mỗi tộc người có một phong tục, ngôn ngữ, tập quán

(1) Đà Lạt, thành phố Cao nguyên - UBND thành phố Đà Lạt, NXB thành phố Hồ Chí Minh, 1993.

và tự chọn cho mình một địa bàn cư trú khác nhau, nhưng những gì còn tồn tại cho đến ngày nay, đã góp phần khẳng định người Đà Lạt có một tính cách rất riêng, khó nhầm lẫn với người các địa phương khác. Nếu 3 tộc người anh em Lạch, Chil, Srê chọn phía Tây Nam và Tây Bắc của thành phố để tụ cư, thì phần lớn người Đà Lạt gốc Bắc lại chọn các quả đồi và thung lũng quanh các khu ngoại ô thành phố như ấp: Hà Đông, Nghệ Tĩnh, Du Sinh để làm ăn, người Thừa Thiên - Huế chọn lòng chảo quanh ấp Ánh Sáng (gần hồ Xuân Hương) để cư ngụ; người Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định thì chọn những vùng đất màu mỡ ở vùng ven thành phố như Xuân Trường, Xuân Thọ; người Hoa lấy khu Hòa Bình, đường Phan Đình Phùng để sinh sống; người Âu chọn các quả đồi xinh đẹp nằm rải rác trong thành phố để làm điểm an cư, xây dựng các biệt thự làm cho thành phố thêm đa dạng, phong phú.

Ngày nay, từ Đà Lạt theo con đường dốc quanh co gần 20km về hướng Tây Nam chúng ta sẽ gặp ngay bà con Srê, Chil, Lạch với cuộc sống chuyên canh lúa nước, trồng cà phê và hoa màu thuộc xã Tà Nung có diện tích 55,91km² với 1.953 người dân, trong đó 2/3 là người Chil (587 người), Lạch (347 người) và Srê (290 người). Nếu đi về hướng Tây Bắc của thành phố chúng ta sẽ đặt chân đến Đankia (huyện Lạc Dương) và cũng sẽ bắt gặp được những buôn của người Lạch, người Chil tại đây.

• NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ BẢN ĐỊA Ở ĐÀ LẠT

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tên gọi của thành phố Đà Lạt được bắt nguồn từ tên gọi một vùng đất của một dân tộc người thiểu số cư ngụ lâu đời trên vùng Cao nguyên xinh đẹp này. “Đạ” là nước, còn “Lạch” là dân tộc Lạch. “Đạ Lạch” là nước của người Lạch. Sau đó bị biến âm và được Việt hóa thành “Đà Lạt”.

Ông Cunhac - viên công sứ đầu tiên của thành phố cũng thừa nhận như vậy khi trả lời phỏng vấn của Baudrit về tên gọi Đà Lạt.

Cunhac nói : *"À la place du lac coulait le petit ruisseau de la tribu des Lat et qu'on appelait "Da Lat" (Da au Dak : eau en mọ). Xin tạm dịch : "Ở hồ nước mà dòng suối nhỏ của bộ tộc Lạch chảy qua người ta gọi là Đà Lạt. Theo tiếng Thượng, Da hay Dak nghĩa là nước" (*)*.

Thật vậy, trên địa bàn Đà Lạt ngày nay các già làng người dân tộc thiểu số có thể chỉ cho chúng ta dấu vết các buôn làng cũ của tổ tiên người Lạch ở khắp nơi: Bon Dong (quả đồi trường Cao đẳng Sư phạm), Rhàng Bon Yô (Học viện lục quân), Klir Towach (ấp Hồng Lạc), Đa Gut (Bệnh viện Lâm Đồng, ấp Mỹ Lộc), Rhang Pang M'Ly (thác Cam Ly), Mang Ling (Sân bay Cam Ly).

Thực tế, thừa xa xưa, người Lạch thường chọn các khu rừng thưa, gần nguồn nước để cư trú. Về phía Bắc Đà Lạt họ ở dọc dãy Lang Bian, sông Đa Đồng (hồ Đan Kia). Ở phía Đông có con suối Đa Sa là ranh giới của các buôn người Lạch và người Chil với những tên đất, tên người ngày nay khó mà nhầm lẫn: Đông Tiêng Liêng, Rhàng Groi, Par Sméché, Yô Mang (xã Đa Sa, huyện Lạc Dương). Về phía Tây, người Lạch cư ngụ dọc các hợp lưu của suối Đa Muyt. Theo lời kể của một số già làng người dân tộc bản địa thì sở dĩ người Lạch phải trú ngụ ở khắp nơi như vậy là vì: ngoài tập quán sống du canh, du cư còn do những năm tháng xa xưa bệnh dịch rất hay xuất hiện, hoành hành. Đó là chưa kể đến những sự thù hận, lấn chiếm đất đai xảy ra tranh chấp, tàn sát vô cớ giữa các tộc người với nhau. Ví dụ: Chỉ vì bệnh dịch làm chết hàng trăm người ở Bon Nờ vào một ngày nọ mà bà con người Lạch lo sợ quá phải dời buôn đi trong đêm tối và già làng quyết định phải đổi tên của họ tộc mình thành Chil (Chil Mup, Chil Tiêng Kla). Hoặc cuộc tranh chấp đất đai ở Bon Ding xảy ra đổ máu khủng khiếp nên làng Lom M'Biêng đã phải bỏ hẳn vùng đất Bon Ding (Thung lũng Tình yêu ngày nay) để "tản cư" xuống tận Đơn Dương. Hay có tộc họ vì nợ nần phải bán đất mà đi

như Bon Mho Preñn đã phải giã từ vùng đất Prenn quen thuộc để tìm nơi định cư mới. Cuối cùng, theo thời gian, phần lớn các buôn làng người Lạch dồn về phía Tây Nam thành phố cùng với các tộc người anh em khác sống quần cư kéo dài từ Tà Nung xuống tận Lâm Hà, Đức Trọng.

Ở xã Tà Nung ngày nay có thể bắt gặp ba tộc người Lạch, Chil, Srê sống quây quần bên nhau. Một số già làng ở đây cho biết: Người Srê là tộc dân sống lâu đời nhất của vùng đất này. Lúc trước nơi đây có tên là Bor, Tr'Nũn. Người Srê sống du cư luân khoảnh trên một vùng đồi núi nhất định. Họ biết làm ruộng nước và lúa rẫy nên cuộc sống có phần *"no cái bụng"* hơn các tộc người anh em khác.

Sau đó, một số bà con người Chil từ Đạ M'Rông vì cuộc sống du canh du cư quá khó khăn, đói khổ, nên mới kéo đến R'Hàng Đang phía Tây Bắc xã Tà Nung xin già làng Bon Tr'Nũn giúp đỡ và cho phép họ được làm rẫy tại đây. Đó là vào khoảng năm 1934. Một thời gian sau, vào khoảng năm 1955, số người Chil này mới chuyển dần xuống cư trú tại vùng đất trung tâm Tr'Nũn. Sau 10 năm làm ăn sinh sống, đến năm 1965, họ kéo nhau về Đình Văn, Lâm Hà. Cuối năm 1965, tại Tr'Nũn xảy ra một vụ hỏa hoạn khiến cả làng khánh kiệt, đói kém, trong lúc đó chính quyền Sài Gòn lại tiến hành chiến dịch *"tảo thanh"* *"giành đất"* nên nhiều hộ đồng bào dân tộc Chil buộc phải bỏ làng ra vùng thác Cam Ly cư ngụ gồm nhiều họ tộc khác nhau.

Sau năm 1975, nhiều hộ đồng bào người Chil đã tìm về quê cũ. Tr'Nũn lúc bấy giờ trở thành xã Tà Nung - một xã dân tộc ít người của thành phố Đà Lạt. Tháng 10.1987, người Lạch ở Manline cũng được đưa vào khu vực Tà Nung 2 để hình thành vùng quy hoạch dân tộc ít người của Ban kinh tế mới định canh định cư. Đến năm 1982, bà con người Lạch lại chuyển đến Tà Nung 1 hòa nhập với cộng

đồng người Srê, Chil để trồng lúa nước, cây cà phê.

Người Lạch lúc đầu chỉ biết trồng lúa nước ở những khu vực sinh lầy ven suối có nguồn nước thiên nhiên dồi dào. Nhưng sau đó, họ bắt chước người Chu Ru và người Kinh làm ruộng bậc thang, “*dẫn thủy nhập điền*” để làm ruộng ở những vùng cao hơn và trồng lúa rẫy. Song, do chưa có kinh nghiệm trong việc chăm sóc, bón phân nên năng suất hầy còn thấp. Mỗi năm bà con chỉ sản xuất được 1 vụ, làm rẫy bắp là chủ yếu, nên thường hay bị đói kém vào mùa giáp hạt.

Người Lạch giỏi chăn nuôi ngựa và sử dụng nó làm phương tiện đi lại, chuyên chở để trao đổi hàng hóa. Vào thời kỳ thịnh vượng, mỗi gia đình nuôi được từ 5 đến 10 con. Bên cạnh đó, họ còn chăn nuôi thêm trâu, heo, gà, dê, chó và sau này có thêm cả bò. Nhưng tập quán của họ là thả rong gia súc, đặc biệt trâu là con vật được bà con thường dùng trong các nghi lễ cưới hỏi và cúng tế thần linh.

Trong lịch sử phát triển của các dân tộc trên Cao nguyên Lang Bian, phải nói rằng người Lạch biết buôn bán khá sớm. Từ xa xưa họ đã xây dựng được những “*hiu chung*” (thương trạm) để trao đổi hàng hóa ở Lạch Đưng (Đầm Ròn, huyện Lắc) ở Lang Khanh (Láng Tranh) với người Chil, Mnông...

Các già làng kể lại rằng, từ thời vương quốc Chăm tan rã, người Lạch đã biết tổ chức thành từng nhóm hai ba chục người gùi các đặc sản của rừng Cao nguyên như: gác nai, ngà voi, ngo dầu, mây, và đem cả trâu, ngựa ... xuống tận Phan Rang để đổi lấy muối và sắt để làm dao, rựa, xà gác vào mỗi dịp nông nhàn. Bà con thường dùng trâu để định giá. Mỗi con trâu đổi lấy 30 thanh sắt. Một gùi gạo đổi lấy một chén muối.

Đến đầu thế kỷ 20, người Lạch còn biết cho nợ đối với khách hàng quen, tìm mối, trả thù lao và luôn giữ chữ tín. Trước và sau mỗi chuyến buôn đường dài như vậy, bà con thường hay cúng Yàng và

dùng quả bói toán để nhờ thần thánh phù hộ cho chuyến đi thu được nhiều lợi nhuận. Do vậy, người Lạch được các dân tộc khác như : Chil, Srê, Chu Ru ... khen là : "*những đứa con lanh lợi*" của Yàng. Bên cạnh đó, người Lạch còn biết đan lát các loại gùi mây, nong nia, chiếu, mũ, túi đựng thức ăn để mang đi trao đổi. Trước đây, nghề đan chiếu cói được phụ nữ người Lạch rất coi trọng và truyền từ đời này sang đời khác. Những cô gái Lạch khéo tay dệt chiếu rất được trai buôn trọng vọng. Cứ sau mỗi vụ lúa, những người phụ nữ Lạch lại đi nhổ cói ở các vùng đầm lầy đem về phơi khô, chuốt vót rồi đem ngâm nước, phơi lại. Họ vào rừng tìm cây *duếch* làm thuốc nhuộm. Sau đó dệt thành những chiếc chiếu với hoa văn khá độc đáo. *Bêlbang* (loại chiếu dùng để quán người chết) cũng như chiếu dùng cho người sống của bà con người Lạch được bà con các dân tộc anh em khen ngợi vì không bị gãy, mềm mại và có hoa văn sắc sảo, xinh đẹp . Song, thật đáng tiếc hiện nay nghề thủ công này không còn nữa hoặc chỉ tồn tại rất ít trong một số gia đình ở các vùng sâu, vùng xa của tỉnh.

Không chỉ biết buôn bán và đan lát giỏi hơn các dân tộc bản địa khác, trong quá khứ người Lạch còn biết đặt bẫy để săn bắt thú rừng như: heo, mang, nai, thỏ... Họ cũng làm được các loại bẫy: *che rath* (bẫy sập), *dier sat* (bẫy đập), *dier ah* (bẫy chặt), *dier xkơ* (bẫy thông lọng), *dier xetap* (bẫy nút). Ngoài ra, họ còn biết bắn cung, bắn ná, phóng lao để săn các loài mãnh thú.

Một buổi đi săn của Lạch thường có khá đông người và diễn ra khá sinh động bao gồm những tay thợ săn thiện xạ với một bầy chó. Họ chia thành hai nhóm: một nhóm mai phục các khu vực dự kiến con thú sẽ tháo chạy; nhóm còn lại có nhiệm vụ dùng dao nhọn, cung nỏ và chó la hét để uy hiếp khiến thú rừng phải dồn vào một góc nhằm dễ bề bắn hạ. Mặt khác, người Lạch còn biết đào hầm đặt chông để bắt các loài thú rừng lớn như: min, cạp, gấu, nai. Sau mỗi chuyến đi săn đầu con thú bao giờ cũng được giành cho người

chỉ huy. Các chủ bẫy chó và những người thợ săn đâm nhát lao đầu tiên cũng được chia phần hơn để thể hiện sự công bằng và kính trọng. Người Lạch cũng biết đánh cá ở các sông suối bằng phương tiện thô sơ như: *pàn* (đó), *kotikô* (đâm lao), *cacharka* (rổ xúc), *du* (vó) và suốt cá bằng vỏ cây độc đem đập cho đập rồi thả xuống đầu nguồn nước. Việc tìm rau, bẻ măng, chuối rừng, hái nấm để dùng trong các bữa ăn thường được giao cho phụ nữ và trẻ em. Hàng ngày, người Lạch thường chuẩn bị ba bữa trước cho một ngày. Trước đây, khi chưa có nồi đồng, nồi gang, họ dùng ống nứa để nấu, canh là một món rau nấu với tấm bỏ thêm ớt không có gia vị. Phần lớn món ăn còn lại đều được nấu khô để ăn bốc. Thịt cá được kho, luộc hoặc nấu với cây chuối non. Nước uống được lấy từ các con suối đem về bằng các trái bầu. Rượu cần (*tơ nơm*) chế biến từ gạo, bắp hoặc sắn trộn với men là một loại cây rừng rồi cho vào ché.



Y phục của người Lạch rất đơn sơ : đàn ông đóng khố, phụ nữ quần váy ngắn. Vào mùa rét, họ dùng vỏ cây rừng ngâm cho hết nhựa, gấp đôi lại khoét cổ, làm thêm tay áo cũng bằng vỏ cây rồi dùng dây mây khâu lại mặc cho đỡ lạnh. Với chiếc khố dài chừng 1,5m, rộng 20cm, người đàn ông Lạch quấn vòng quanh bụng để cho hai đầu khố che phía trước và sau mông. Phụ nữ chỉ mặc váy quấn quanh người một vòng rồi giắt cặp. Trang sức của bộ tộc Lạch gồm vòng cổ, vòng tay, cườm và cẳng tai. Tuy nhiên, bộ tộc Lạch là tộc người bỏ tục "*cà răng cẳng tai*" sớm nhất trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng.

Đối với người Lạch, việc dời làng đi nơi khác là một việc vô cùng hệ trọng. Muốn quyết định phải được hội đồng già làng cho ý kiến. Việc cất nhà cũng vậy, muốn chọn địa điểm người Lạch dùng 7 hạt gạo, 7 hòn than đặt xuống đất rồi lấy chén đập lại và để bên cạnh một chén nước đầy. Sau một đêm, nếu thấy chén nước vơi đi

hay mất 1 hạt gạo, 1 hòn than thì cho là vùng đất ấy có... “ma” không thể làm nhà được! Có dòng họ dùng lá *porlăn* dày 4 chén dày, qua một đêm nếu thấy vơi thì cũng phải bỏ đi. Khi làm nhà ở một vùng đất chẳng may rơi vào buôn khác, việc đầu tiên là phải đến thương lượng đến trâu, ché cho chủ đất cũ, sau đó mới làm lễ cúng Yàng để được đấng tối cao thừa nhận mình là chủ sở hữu mới. Nhà ở của người Lạch có 2 loại: người giàu có cất nhà sàn, người nghèo làm nhà sạp, mái lợp tranh. Họ cũng tin rằng khi vào rừng lấy gỗ về làm nhà, nếu gặp con mang, con vượn kêu lên mấy tiếng thì phải lập tức bỏ đi, bằng không sẽ gặp tai họa.

Trước đây, ở người Lạch còn có tập tục làm một căn nhà dài để cả đại gia đình gồm ông bà, cha mẹ, con cháu cùng ở, nhưng không có vách ngăn. Tuy nhiên, mỗi hộ (con cái đã cưới vợ) có một bếp riêng. Con trai chưa vợ được ngủ ở ngay giữa nhà đối diện với cửa ra vào. Mỗi lần có khách quý đến chơi cũng được bố trí ngủ tại đây. Việc ăn uống của khách do các hộ cùng góp cơm, thức ăn cho hộ có khách. Lúc ngủ, họ nằm xoay đầu vào vách và đưa hai chân gần bếp lửa để sưởi ấm. Cha mẹ khi già yếu ở chung với con út. Nếu con cháu ngày một đông thì cứ việc coi nới thêm. Muốn tách ra làm nhà riêng phải làm ngay bên cạnh nhà của cha mẹ. Ngày xưa là vậy, song hôm nay ở nhiều dòng họ tập tục này đã bỏ đi, con cái khi có gia đình được quyền làm nhà riêng. Sau khi chuẩn bị đầy đủ vật liệu sẽ được cả làng xúm lại giúp lo việc cất nhà.

Theo nhiều nhà nghiên cứu thì dòng họ ở người Lạch xuất hiện rất muộn bởi lẽ trong các truyền thuyết, lịch sử, ông bà tổ tiên, những anh hùng của người Lạch được con cháu nhắc đến với những cái tên không có họ. Theo lời kể của các già làng người Lạch thì dòng họ trùng với tên gọi của các buôn như: Bon Yô, Đa Gut, Lơ M'Biêng. Trước đây, các họ tộc thường sống chung dưới một nhà sàn dài hàng chục mét. Nhưng sau đó, những căn nhà sàn như vậy không còn duy trì nữa mà các hộ ra ở riêng theo từng nóc nhà nên

ở các buôn không còn mang tính chất huyết thống một dòng họ như trước.

Mặc dù người Lạch theo chế độ mẫu hệ song chủ họ (*pômpol*) được bầu chọn phải là một người đàn ông có tài ăn nói, hiểu biết, thông thạo về cách làm ăn, giỏi kể chuyện cổ tích và là chồng của một người đàn bà có uy tín trong họ tộc. Tương tự như vậy, chủ buôn (*kwañg bon*) cũng là một người đàn ông có tài hùng biện, thông thạo lịch sử, phong tục, luật tục của bộ tộc, được bà con các bộ tộc trong buôn bầu ra để làm nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo công việc chung. Chủ buôn được bà con giao cho trọng trách quyết định việc chọn đất, dời làng, hòa giải, xử kiện, ghi nhớ ranh giới của buôn nhằm ra lệnh cho con cháu, trai tráng trong buôn phải gìn giữ, bảo vệ khi bị xâm chiếm. Do không có chữ viết nên chủ buôn đối với dân tộc Lạch còn được xem như là một người có tài nhớ tất cả các phong tục, tập quán cũng như luật tục của bộ tộc và chỉ đạo cả buôn phải thực thi, cư dân trong buôn phải luôn có ý thức tự giác chấp hành ý kiến của chủ họ, chủ buôn tuân thủ các luật tục dù khắt khe đến mấy. Tuy nhiên, họ có quyền được bày tỏ ý kiến và tham gia người đứng đầu họ, đầu buôn, đầu làng. Hình phạt nặng nề nhất đối với người Lạch là bị đuổi ra khỏi buôn làng. Do vậy họ luôn có ý thức tôn trọng các phong tục, tập quán của bộ tộc.



Trong hôn nhân, theo quy định chung, anh em cùng dòng họ không được lấy nhau (tính theo họ mẹ) và không được lấy chồng hoặc vợ của các dòng họ thù địch hoặc là người bị tình nghi là... "ma la"! Chính vì vậy, có một thời gian dài, ở người Lạch đã xảy ra việc cấm kết hôn giữa các dòng họ như: Liêng Hót không được lấy Đa Gút, Liêng Jăng không được lấy Krajănh, Đa Gút không được lấy Pănting,... Mãi đến những năm sau này luật tục khắt khe này mới dần được xóa bỏ.

Chế độ một vợ một chồng đối với dân tộc Lạch được xác lập rất rõ ràng và bền chặt. Tục “nối dây” cho tới nay vẫn còn tồn tại. Trường hợp vợ hoặc chồng chết, sau một năm, người sống mới được quyền “đi thêm bước nữa”, nhưng tốt nhất lấy vợ, lấy chồng thì chọn con cô, con cậu. Người phạm tội ngoại tình thường bị cả làng lên án và bị xử phạt rất nặng: từ 2 đến 3 con trâu kèm theo từ 5 đến 7 ché rượu. Vợ chồng muốn ly hôn phải được hội đồng già làng đồng ý và chỉ được cho phép khi một trong hai người thiếu trách nhiệm với gia đình con cái hay phạm tội ngoại tình. Người gây ra việc đổ vỡ hạnh phúc gia đình phải chịu trách nhiệm bồi thường cho người kia. Nếu không thực hiện, mọi tai họa xảy ra cho buôn làng trong năm ấy người này phải gánh chịu mọi hậu quả.

Việc cưới xin ở người Lạch khá giản đơn: Mặc dù việc tìm hiểu và đi tới hôn nhân là do người con trai chủ động, song do theo luật tục “mẫu hệ” nên nhà gái phải đứng ra lo liệu toàn bộ để “bắt chồng” cho con. Trước hết họ nhà gái cùng đi với 3 hoặc 4 người ngoài họ, trong đó có một người ăn nói giỏi làm “ông mai” đến nhà trai để đàm hỏi. Nếu bị từ chối phải nhiều lần đến thuyết phục cho tới khi nào đồng ý. Sau đó phải làm lễ ra mắt họ hàng nhà trai. Khác với tục lệ cưới xin của người Kinh là trong những lần như vậy đều có sự hiện diện của cô dâu lẫn chú rể để lắng nghe cả hai gia đình bàn bạc. Sau khi được sự thỏa thuận của hai bên, một đám cưới nhỏ sẽ diễn ra để tiễn chú rể về ở nhà gái gọi là lễ *pô jâng* (nhắc chân). Sau hai năm chẵn gối vui vẻ bên nhau, có khi con cái đã ra đời thì mới làm đám cưới (*tam lir*) và người Lạch thường khấn nguyện :

“Hôm nay cho con trai con gái cùng chung sống

Như trâu thấy nhà để về chuồng

Hãy ăn ở đến già

Hãy làm lụng cùng nhau

Sống đến bạc đầu

Tâm tình không chán

Đường lang thang như con bướm với hoa
Sống cho đến khi lưng còng
Đi làm biết chỗ để về
Đi rầy biết nơi mình ở
Đi rừng vẫn nhớ nhà"



Tang chế đối với bộ tộc Lạch cho tới nay vẫn còn giữ quan niệm "trả người chết về với rừng". Khi một gia đình có tang thì bà con trong buôn tụ tập lại mổ trâu, uống rượu, đánh chiêng theo nhịp điệu buồn bã bi ai. Tang gia khóc và kể lễ công đức người vừa qua đời theo một nhịp điệu của bài văn vắn để bày tỏ nỗi tiếc thương của mình và cầm lục lạc rung theo nhịp kể của từng người. Chủ nhà sẽ nhờ bà con vào rừng chặt một cây lớn khoét ruột để làm quan tài và trang trí lên đó những hình hoa văn đơn giản. Việc khâm liệm người quá cố được dùng bằng một chiếc chiếu (*bêlbang*) có hoa văn đẹp. Người chết được cúng cơm suốt 3 ngày tại nhà. Khi đi đưa an táng, họ được chia tài sản để mang theo. Lúc đem chôn người ta còn cúng thêm 1 con gà sống, làm cho nó chết dần để hồn người chết nhập vào đó, khỏi quay về gây phiền nhiễu cho buôn làng. Sau bảy ngày, tang gia lại quay về với công việc của mình và không bao giờ quay lại mổ người chết để viếng thăm. Trước đây, ở người Lạch còn có tục lệ : sau một thời gian chôn cất, họ làm lễ *bơ thi* (bỏ mả) để cải táng người chết đem chôn vào mộ chung với dòng họ, nhưng ngày nay ít thấy.

Mặc dù tang lễ của người Lạch được tổ chức như vậy, song quan hệ gia đình giữa ông bà, cha mẹ, con cái và tổ tiên luôn tỏ ra rất tình nghĩa và có nề nếp :

"Con trâu chết còn cặp sừng
Cha mẹ chết còn con cái
Sau anh là em

Sau cậu là cháu

Và ngay sau các con là dấu vết của ông bà”



Đối với họ, người phụ nữ giữ một vai trò quan trọng trong cuộc sống đời thường lẫn thế giới tâm linh. Bằng chứng là các vị thần quan trọng được người Lạch tôn vinh đều là nữ thần: Thần đất đai (*Yang Teh*), thần lúa (*Yang Kuê*), ... Người mẹ trong gia đình luôn được kính trọng vì ngoài việc cùng với chồng lao động sản xuất, họ còn phải chăm sóc con cái, giã gạo, lấy củi, lấy nước, thức khuya, dậy sớm để lo bữa ăn cho cả nhà.

Do cuộc sống khốn khó lại phải luôn đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt nên người Lạch cũng tự tìm cho mình những đấng siêu nhiên để an ủi, giúp đỡ và bảo vệ để họ vượt qua mọi thử thách, khó khăn. Người Lạch cho rằng: ốm đau, bệnh tật, tai nạn, chiến tranh đều do các Yàng và Chạ (ma quỷ) gây ra nên phải tổ chức các lễ nghi cúng tế long trọng để cầu thần linh về giúp đỡ. Cao nhất là thần Ndu - đấng sáng tạo ra muôn loài. Tiếp đến là thần núi Lang Bian, thần sông, thần nước, thần nhà, thần ghè... Để giao tiếp với các đấng siêu nhiên này cần phải có thầy phù thủy (*pôgru*), thầy cúng (*pôjâu*) là những người thường đứng ra lo việc cúng tế cho cả buôn làng và chữa bệnh cho dân trong buôn bằng thuốc và bằng pháp thuật. Họ còn cho rằng các *pôgru*, *pôjâu* là những người có khả năng phát hiện ra cả ... “*ma lai*”! Thực ra đây chính là một hủ tục lạc hậu đã gây ra bao cái chết oan uổng, đau thương cho buôn làng.

Ngày nay, một số nơi vẫn còn duy trì các tục lệ kiêng cử như: luôn giữ lửa trong bếp, khi nấu ăn không được nói chuyện, sản phụ kiêng thịt tươi, củi không chụm đống ngọn trước, không dùng củi gần nhà vì đó là củi bẩn; trong suốt thời gian thu hoạch lúa, người nhà không được tắm giặt, không ăn thịt nai, không ăn thịt lợn hoặc nòng nọc vì sợ ăn thịt nai, nai sẽ ... ăn lúa, lúa giận bỏ đi. Sợ ăn lợn

vì lươn trơn tuột mất lúa hoặc lúa bị teo lại khi nấu !

Để cầu xin thần lúa phù hộ giúp đỡ, lúc gieo lúa , người Lạch thường cúng một con gà và một ché rượu. Khi lúa trở bông thì giết heo, dê và làm lễ cúng lớn hơn. Đến lúc đập lúa lại mổ một con gà cắm trên đồng cho đến khi đập xong. Trong thời gian đó, họ còn làm thêm heo gà và rượu cần mời bà con đến ăn uống ca hát đến ngày hôm sau mới đập lúa và mang lúa về.

Sau khi thu hoạch xong mùa màng, cả buôn làng lại tổ chức lễ đâm trâu (*sa ropu*) để cúng tế, tạ ơn thần linh. Buổi lễ này thường được tổ chức ở dưới chân núi Lang Bian. Ngoài con vật hiến sinh còn có một chiếc rìu và ba chén nước. Lễ được tổ chức trên một trảng cỏ bằng phẳng, trước đó người ta cho dựng cây nêu với màu sắc sặc sỡ, cột chặt con trâu vào cọc và cho mời các chủ buôn làng khác đến dự. Khi tế lễ thì dàn chiêng được huy động và người nhảy múa ca hát xung quanh. Những thanh niên khỏe mạnh với cây lao sắc nhọn trong tay sẽ thay nhau đâm vào con trâu cho đến khi chết. Máu trâu được bôi vào trán mọi người để cầu phúc. Thịt trâu được xẻ ra nướng trên lửa than hồng và ăn tại chỗ. Số còn lại được chia đều cho từng gia đình trong buôn. Nhằm đảm bảo sự đóng góp công bằng cho việc tế lễ thần linh, các gia đình người Lạch trong buôn làng mỗi năm sẽ thay phiên nhau hiến một con trâu để tế lễ.

Có lẽ xuất phát từ trình độ kỹ thuật nông nghiệp lạc hậu, cộng vào đó là tục cúng tế quá nhiều và lãng phí như vậy, nên hàng năm nhiều gia đình người Lạch thường bị thiếu đói trong mùa giáp hạt từ 3 đến 4 tháng.



Cũng như các bộ tộc khác ở Lâm Đồng, người Lạch không có văn tự nên mọi ghi chép văn hóa phải thông qua con đường truyền miệng. "Ghe gen nau tam tor" (có nhiều truyện trong tai) hay "Tôr

git nau gau" (cái tai biết cách ngôn) là những câu cửa miệng của người Lạch dùng để khen tặng những người tài giỏi của bộ tộc và đây cũng là nếp sống chung của họ. Các câu chuyện cổ tích, các luật tục, gia phả dòng họ và cả các sự kiện lịch sử quan trọng đều được người Lạch kể lại bằng thể loại văn vần.

Những câu chuyện truyền miệng của người Lạch thường đưa ra cách giải thích về sự hình thành nên muôn loài, nguồn gốc của các dân tộc, sự khác biệt giữa con người, động vật và cả các luật tục kiêng cử.

Cũng như các dân tộc Tây Nguyên khác như: M'Nông, Êđê, Mạ, người Lạch cũng có cả một pho truyền thuyết để lý giải về sự tận diệt của con người và sự tái tạo lại loài người của tạo hóa. Mặt khác, họ cũng đưa ra cách giải thích về sự đặt tên các ngọn núi con sông, sự hợp nhất của các bộ tộc Lạch, Chil, Srê thành dân tộc K'ho trên Cao nguyên Lang Bian.

Nếu như năm 1940, chỉ có 800 người Lạch thì đến năm 1993 đã tăng lên 2.700 người, tập trung đông nhất ở xã Lát (Lạc Dương) với 2.411 người trong 387 hộ. Số còn lại rải rác ở Đà Lạt, Lâm Hà, Đức Trọng, Đơn Dương...

Cùng với sự phát triển chung của cư dân Đà Lạt, nhiều nơi đồng bào Lạch đã bỏ được những hủ tục lạc hậu, luật tục khắt khe, ràng buộc con người một cách vô lý. Song bên cạnh đó, điều đáng lo ngại là một số sinh hoạt văn hóa của dân tộc đang ngày bị mai một theo cơ chế thị trường. Đây cũng là một vấn đề cần được quan tâm giúp đỡ để khôi phục và phát triển những truyền thống văn hóa quý báu của đồng bào các dân tộc ở Đà Lạt nói riêng và Lâm Đồng nói chung.

• NGƯỜI ĐÀ LẠT GỐC MIỀN BẮC

Theo con số thống kê chưa đầy đủ, người Đà Lạt gốc Bắc trên thành phố Cao nguyên hiện nay chiếm khoảng 50% số dân toàn Đà

Lat. Điều đó cũng phù hợp với tiến trình phát triển của lịch sử xây dựng thành phố. Để xây dựng Đà Lạt thành một thành phố nghỉ dưỡng, ngày 6.1.1916, Toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ đã quyết định biến Đà Lạt thành tỉnh lỵ của tỉnh Lang Bian và cho cấp tốc xây dựng các cơ sở hạ tầng như: khách sạn Lang Bian (1916); nhà máy điện (1919); ngăn dòng suối Lạch để tạo nên thắng cảnh Hồ Lớn (Grand Lac) (1919); làm đường xe lửa răng cưa lên Đà Lạt (1920); xây một số trường tiểu học, ngân khố, bưu điện... để thu hút người dân khắp mọi miền đất nước về Đà Lạt cư ngụ nhằm góp phần xây dựng thành phố. Năm 1923, dự án thiết kế đô thị của kiến trúc sư Hébrard được thông qua với quy hoạch phát triển dân cư Đà Lạt về phía Tây Bắc và Đông Bắc của Hồ Lớn đã đánh dấu một bước phát triển của cư dân Đà Lạt.

Cho tới bây giờ nhiều người vẫn còn nhớ những năm 1931-1932 đã có hàng chục hộ miền Bắc tìm đến Đà Lạt làm ăn sinh sống tại trại chăn nuôi bò của người Pháp tại Dankia.

Nhằm thực hiện ý định của toàn quyền Đông Pháp, ông Trần Văn Lý, quản đạo Đà Lạt lúc bấy giờ, đã thống nhất với các ông Hoàng Trọng Phu, Lê Văn Định và một vài viên chức khác di dân ở Bắc kỳ vào thành phố. Đầu tiên, vào năm 1938, có 33 người thuộc các làng: Ngọc Hà, Quảng Bá, Nghi Tàm, Xuân Tảo, Tây Tựu và Vạn Phúc (thuộc tỉnh Hà Đông cũ) được di cư vào Đà Lạt để trồng rau và lập nên ấp Hà Đông.

Trong suốt 4 năm (từ 1939 đến 1942), do thiếu công nhân để xây dựng và khai hoang nên nhiều chủ vườn ở Đà Lạt đã phải ra tận các tỉnh miền Bắc như: Nam Định, Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh... tuyển thêm lao động. Số người này phần lớn đã quyết định ở lại Đà Lạt làm ăn khi hết hạn hợp đồng.

Đến năm 1940, ông Phạm Khắc Hòe quản đạo Lâm Viên lúc bấy giờ (người Nghệ Tĩnh), sau mấy lần đến thăm ấp Hà Đông,

nhận thấy bà con làm ăn được nên mới về quê bàn với ông Nguyễn Thái Hiến đưa một số gia đình trong dòng họ, thân quen của mình từ Nghệ Tĩnh vào Đà Lạt lập nghiệp. Việc chuyển cư này được tiến hành nhiều đợt, chính ông Phạm Khắc Hòe đã bố trí, giúp đỡ cho họ ổn định cuộc sống và xây dựng nên ấp Nghệ Tĩnh vào năm 1940 với diện tích 36 ha. Lúc đầu bà con Nghệ Tĩnh vào Đà Lạt ban ngày phải đi làm thuê, chiều về vỡ đất khai hoang trồng rau. Chỉ sau vài năm, họ đã có trong tay một cơ ngơi rộng lớn và bắt đầu chuyển hẳn qua nghề làm vườn, chuyên trồng cây atisô và dâu tây để cung cấp cho người Pháp và các chợ.

Trong tập hồi ký *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, ông Phạm Khắc Hòe nhớ lại: *"Từ ấp Nghệ Tĩnh, tôi qua thăm ấp Hà Đông. Ở đây các loại rau và hoa phong phú và tốt đẹp hơn ấp Nghệ Tĩnh, nhưng người thì dè dặt hơn nhiều"* (*).

Từ năm 1954 trở đi, nhiều trại định cư của bà con Thiên Chúa giáo từ các nơi như: Hà Nội, Hà Đông, Bắc Ninh, Hà Nam Ninh, Thái Bình được xây dựng tại Đà Lạt. Thế là xuất hiện các ấp: Du Sinh, Thánh Mẫu, Đa Minh, Đa Thiện...

Nhiều người cao tuổi kể lại rằng: Tháng 11.1954, nhờ quen biết với linh mục Bửu Dưỡng, hơn 30 hộ dân các vùng Hà Đông, Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Nam Ninh đã được đưa vào Đà Lạt lập trại định cư Du Sinh, đến năm 1960 mới được gọi là ấp. Bà con sống bằng nhiều ngành nghề khác nhau như: công chức, làm thuê, buôn bán, làm vườn.

Cuối tháng 3, đầu tháng 4.1955 được sự giúp đỡ của linh mục Mạnh Trọng Bích, khoảng 400 bà con Thiên Chúa giáo của làng Nghi Yên, Cầu Khổng thuộc huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh mới di cư vào Đà Lạt. Ngày 22.5.1955, bà con đến nơi và lập ra trại định cư Thánh

(*) Phạm Khắc Hòe : *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1985, trang 358-359.

Mẫu. Cũng vào thời điểm đó, hơn 3.000 giáo dân ở Hải Phòng, Nam Định, Hà Nội, Thái Bình, Bắc Ninh được linh mục Đỗ Ngọc Bích đưa vào quả đồi thông gần trại Du Sinh lập nên trại định cư Đa Minh. Đến năm 1957, vì trại định cư giải tán, cuộc sống quá khó khăn một số gia đình (khoảng 2.000 người) đã tản mát xuống Đồng Nai và một số nơi khác. Số còn lại quyết tâm bám trụ và sau đó trở thành một bộ phận cư dân của khóm Nam Thiên bây giờ.

Năm 1957, khoảng 600 giáo dân của làng Phát Diệm được linh mục Mai Đức Thạch đưa vào vùng Cầu Đất lập nghiệp. Lúc đầu họ nhận vào làm sở trà Cầu Đất, nhưng sau đó vì đời sống quá vất vả nên đã có 60 hộ lần lượt bỏ đi nơi khác, chỉ còn không quá 20 hộ ở lại.

Nói đến những người dân Đà Lạt gốc Bắc còn phải kể đến bà con ở ấp Tùng Lâm, Kim Thạch, đa số là người Hà Đông, Hà Nội được các linh mục đưa đến đây để sinh cơ lập nghiệp.

Từ năm 1957 đến năm 1975, số dân miền Bắc đến Đà Lạt nhập cư không đáng kể, chỉ từ sau năm 1975 đến nay mới thực sự đông đúc do Đà Lạt tiếp nhận một số bà con từ các tỉnh phía Bắc vào làm ăn sinh sống, công tác trong các cơ quan ban ngành của tỉnh và thành phố. Bên cạnh đó, số bà con di xây dựng vùng kinh tế mới Lâm Hà chuyển lên Đà Lạt và nhận nơi đây làm quê hương thứ hai của mình.

Thực tế cho thấy rằng người Đà Lạt gốc Bắc có ảnh hưởng lớn đến phong cách người Đà Lạt vì họ chiếm số lượng khá đông và trong họ có cả một truyền thống văn hiến lâu đời, lễ nghi, phong tục, tập quán truyền thống. Chính điều đó đã góp phần tạo nên sự phong phú về văn hóa cho cư dân Đà Lạt. Phải thừa nhận rằng người Đà Lạt xưa nay có được phong cách tế nhị, thanh lịch, nhẹ nhàng, tiếng nói giàu âm sắc là nhờ ảnh hưởng khá lớn của người gốc Bắc nói

chung và người Hà Nội - Thủ đô của một đất nước vốn có 4.000 năm văn hiến nói riêng.

Bên cạnh đó, tính cần cù, chịu khó của người Nghệ Tĩnh cũng đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân Đà Lạt, vì hơn ai hết, do xuất phát từ một vùng quê nghèo khó, bồng rạt gió Lào, khi đặt chân đến Đà Lạt, những người con Nghệ Tĩnh đã quyết tâm cố gắng làm ăn, tạo ra một ấp Nghệ Tĩnh giàu có và khẳng định được chỗ đứng trong cộng đồng cư dân Đà Lạt như hôm nay.

• NGƯỜI ĐÀ LẠT GỐC THỪA THIÊN - HUẾ

Trong những năm 1930, vì nạn sưu cao thuế nặng, cũng như sự o ép, hà khắc của chế độ phong kiến và tình trạng đất đai cằn cỗi, những đoàn người Thừa Thiên - Huế đầu tiên đã tìm vào Đà Lạt để kiếm kế sinh nhai. Sau đó, họ về lại quê nhà đùm tùm vợ con và rủ thêm người thân thích lên vùng đất tốt tươi, thiên nhiên ưu đãi con người này để sinh cơ lập nghiệp. Họ tập trung cư ngụ quanh khu vực trung tâm thành phố và dọc theo Hồ Lớn để trồng rau và buôn bán, rồi sau đó hình thành ấp Ánh Sáng vào năm 1952. Một trong những người sáng lập là ông Cao Minh Hiệu, thị trưởng của Đà Lạt, và cái tên ấp Ánh Sáng là do ông đặt ra từ phong trào Ánh Sáng của nhóm Tự lực văn đoàn.

Nhiều cụ già kể lại: Vào năm 1930, nơi đây chỉ có từ 5 đến 6 gia đình người làng Kế Môn, Phước Yên vào sinh sống với những căn chòi tranh vách lá đơn sơ. Ba anh em ông Cao Quang Kỳ, Cao Quang Chương và Cao Xá là những bậc tiền bối đã có công "khai sơn phá thạch" vỡ hoang vùng đất này. Sau đó, hàng chục hộ gia đình từ Thừa Thiên - Huế thấy việc sinh sống ở đây có nhiều thuận lợi và dễ dàng nên mới kéo nhau về đây làm ăn ngày một đông đảo.

Năm 1946, do chiến tranh, nhiều gia đình bà con Thừa Thiên - Huế ở ấp Ánh Sáng nói riêng và dân Đà Lạt nói chung phải tản cư đi nơi khác. Cuối năm 1947, họ mới dần dà hồi cư về nơi cũ. Đến năm 1952, khi thành lập và đặt tên chính thức là ấp Ánh Sáng, lúc

bấy giờ cũng chỉ mới có 36 nóc nhà của 36 gia đình được xây dựng trên một lô đất bằng phẳng ven sườn đồi theo hình chữ A mái ngói, vách gỗ rộng 7,5m, dài 12m, chia thành hai dãy cách nhau một lối đi, mỗi nhà cách nhau 4m tạo thành một khu phố nhỏ xinh xắn. Đến năm 1953 thì dòng điện được chính thức đưa về cho bà con ấp Ánh Sáng sử dụng.

Mấy năm sau, do những biến cố chính trị, nhiều người dân Thừa Thiên - Huế quá lo lắng trước cảnh chiến tranh ác liệt ở quê nhà nên kẻ trước người sau, kéo nhau vào Đà Lạt và họ đều tập trung về ấp Ánh Sáng làm cho ấp này phát triển lên tới hàng trăm hộ. Năm 1955-1956, một số hộ ở ấp Ánh Sáng bị giải tỏa để làm chợ mới rủ nhau về Thái Phiên, xin cấp đất làm vườn. Một số khác lên ở dọc khu Hòa Bình để buôn bán. Người Thừa Thiên - Huế vào Đà Lạt mang theo cả phong tục và tập quán cưới hỏi, ma chay, đình đám, hội hè, cách ăn mặc chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi lễ nghi cung đình của triều đình Huế vào thành phố Cao nguyên. Người Thừa Thiên - Huế thường làm nhà thờ họ, tế tự, giỗ chạp theo chu kỳ nhằm thắt chặt mối tình tương thân tương ái giữa không chỉ những người đồng hương trên quê mới mà còn gắn bó với bà con dòng họ chốn quê nhà.

Họ thường rất kỹ tính trong mọi việc, từ cung cách làm ăn đến sinh hoạt hàng ngày. Chiếc áo dài, chiếc nón bài thơ xứ Huế cũng từ đó có điều kiện du nhập và trở thành phong cách của nữ sinh Đà Lạt.

Chúng ta hãy lắng nghe Khánh Giang mô tả nữ sinh Đà Lạt vào những năm 1950 : *"Về nữ sinh, cái áo muôn thuở của các cô là cái áo len màu đen. Vào những buổi tan học, nhìn các cô đua nhau rẽ khắp nẻo đường, phát phoi tà áo dài trắng nổi bật với chiếc áo len đen và chiến nón bài thơ xinh xinh xứ Huế !..."* (*)

(*) Khánh Giang : Đà Lạt với du khách, Thời nay, số 3/1959, trang 47.

Riêng cách trang phục của con người Đà Lạt vào thời điểm bấy giờ, đã được Khánh Giang nhận xét:

“... Từ những người phu xe, những chị buôn gánh bán bưng, những người lao động đến các cậu học sinh, các công chức, tất cả đều phục sức rất đặc biệt theo từng mức sống. Bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy một người bán đậu hũ với gánh hàng nhỏ bé nhưng vẫn tươm tất trong chiếc áo dài trắng thanh cảnh khoác bên ngoài một chiếc áo len đến bộ “com lê” mà bạn rất “sợ” khi phải mặc ở Sài Gòn và đã giấu kỹ trong đáy tủ, sẽ rất phù hợp khi ở Đà Lạt. Cái nhu cầu chưng diện đã thành thói quen trong giới trung lưu và thượng lưu...”

• NGƯỜI ĐÀ LẠT GỐC QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN

Ngược dòng lịch sử, chúng ta sẽ thấy những người dân Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đến Đà Lạt khá sớm. Họ có mặt từ những năm 1920 khi người Pháp tuyển mộ phu làm đường quốc lộ 1, 11, 20 và làm đường xe lửa Tháp Chàm - Đà Lạt. Tuy nhiên, kể từ khi Sở trà Cầu Đất được thành lập (năm 1927) thì những người dân gốc Nam, Ngãi, Bình, Phú... mới thực sự di dân vào Đà Lạt ồ ạt và đông nhất. Phần lớn trong số họ đến đây để làm thuê cho các chủ đồn điền người Pháp và tranh thủ khai hoang lập vườn trồng rau. Dân Nam, Ngãi, Bình, Phú tập trung đông nhất ở Trại Hầm, Tân Lạc, Xuân Thọ, Trại Mát, Xuân Trường. Năm 1929, làng Trường Xuân được thành lập. Từ năm 1936 đến năm 1940, làn sóng người dân Nam, Ngãi, Bình, Phú nhập cư vào thành phố ngày một đông do điều kiện làm ăn ở quê nhà quá vất vả, khó khăn. Họ rủ nhau vào Đà Lạt lập nghiệp và tập trung khá đông ở các khu như Nam Hồ, Nguyễn Siêu... sinh sống bằng nghề làm vườn. Sau năm 1954, những người dân ở Quảng Nam, Quảng Ngãi kéo vào Đà Lạt ngày một đông hơn. Nguyên nhân là do các vùng quê hẻo lánh bị

dịch "tảo thanh" cần quét buộc phải "tản cư" nên thất nghiệp. Trong số đó có một số cán bộ cách mạng do bị lộ hoặc do yêu cầu công tác để tránh sự khủng bố của chế độ Sài Gòn nên phải tìm đường vào Đà Lạt để làm thuê và hoạt động cách mạng. Họ mang theo cả gia đình, vợ con vào thành phố lập nghiệp và ở rải rác khắp nơi trong Đà Lạt từ các đường: Cao Bá Quát, Đinh Công Tráng, Bạch Đằng, Cao Thắng, Nguyễn Siêu đến Cầu Đất, Xuân Thọ, Sào Nam, Thái Phiên, Đa Lợi, Xuân Thành, Trại Mát, Đa Thiện..

Khác với người Bắc và người Huế, người Nam, Ngãi, Bình, Phú vào Đà Lạt không nhận được một ân huệ, chiếu cố nào của chính quyền lúc bấy giờ mà họ phải tự lực cánh sinh, xây dựng cuộc sống trên quê hương mới. Vì vậy, họ sống rất thực tế, không chú ý lắm đến hình thức và do xuất thân từ một vùng đất có tinh thần thượng võ nên nhóm người này giàu ý chí, nghị lực và cá tính rõ ràng. Hay nói đúng hơn là người Nam, Ngãi, Bình, Phú nhập cư vào Đà Lạt mang theo cả truyền thống bất khuất, kiên cường và nhiệt tình cách mạng. Từ đó, họ đã góp phần tạo nên phong trào cách mạng hào hùng của người Đà Lạt suốt mấy chục năm qua và hình thành nên phong cách "*Biết nâng hoa, cũng biết tát quân thù*"^(*) của người dân Đà thành.

• NGƯỜI ĐÀ LẠT GỐC HOA

Người Hoa đến Đà Lạt cũng khá sớm từ những năm đầu thế kỷ XX. Thế nhưng, mãi đến năm 1935, số lượng người Hoa đến Đà Lạt để làm ăn và định cư mới thật sự rõ nét và đông đảo: 333 người. Những năm sau đó, số lượng tuy có tăng nhưng không đáng kể: năm 1944: 360 người, năm 1952 tăng lên 752 người. Phần lớn trong số họ làm ăn trong các nghề như buôn bán, lao công, giúp việc nhà. Đến năm 1993, Đà Lạt có 2.385 người Hoa thuộc các tỉnh Quảng Đông, Hải Nam, Phúc Kiến, Triều Châu và Sơn Đông đến Đà Lạt

sinh cơ lập nghiệp. Bà con sống tập trung ở các phường 1, 2 và xã Xuân Trường. Số còn lại rải rác từ phường 3 đến phường 11. Họ sinh sống chủ yếu bằng các nghề buôn bán, dịch vụ và các ngành tiểu thủ công nghiệp. Chính họ cũng đã góp phần tạo cho người Đà Lạt đặc tính khéo léo trong kinh doanh, đồng thời góp phần xây dựng thành phố ngày càng phát triển.

• NGƯỜI PHÁP Ở ĐÀ LẠT

Có thể nói, trong quá trình phát triển của thành phố, người Đà Lạt chịu ảnh hưởng không ít tính cách của người Pháp bởi lẽ họ là những người đầu tiên khai sinh thành phố. Lịch sử vẫn còn ghi lại: Sau chuyến thám hiểm của Bác sĩ Alexandre Yersin và những người Pháp đầu tiên đặt chân lên Cao nguyên Lang Bian vào tháng 6/1893, đến năm 1898, ông Missigbrott quyết định ở lại lập một khu vườn rau cải và chăn nuôi gia súc ở Đankia. Tiếp theo, cùng với dự án xây dựng Đà Lạt thành một trung tâm nghỉ dưỡng của Toàn quyền Đông Dương, các viên chức, binh sĩ cùng gia đình họ đã lên Đà Lạt định cư nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ cho các công sở, trường học.

Bên cạnh đó còn có những người Pháp đến khai phá và xây dựng các nông trại ở Cam Ly, Đankia, Sở trà Cầu Đất. Trong những năm đầu xây dựng thành phố, số người Pháp nhập cư vào Đà Lạt tăng lên không ngừng: nếu năm 1935 chỉ có 470 người Pháp thì đến năm 1940 đã tăng lên 750 người; năm 1944 tăng lên 1.130 người và 1.118 học sinh Pháp; năm 1952: 1.217 người. Nhưng sau đó vì lý do khách quan, số người Pháp chọn Đà Lạt làm quê hương thứ hai từng bước giảm dần chỉ còn 608 người trong năm 1955.

Trước năm 1945, phần lớn người Pháp đến Đà Lạt sống trong các biệt thự ở phía Nam suối Cam Ly, Hồ Lớn và cư xá Decoux (gần trường trung học Trần Hưng Đạo cũ). Sau đó, họ xây dựng hàng trăm biệt thự dọc đường Trần Hưng Đạo ngày nay và rải rác quanh

viện Pasteur Đà Lạt. Người Pháp sống ở Đà Lạt có quê quán từ Paris, Normandie, Corse, Alsace, Lorraine đến Gascogne... Chính họ không những mang đến cho thành phố những giống hoa quyến rũ của quê hương họ mà còn tạo cho bộ mặt Đà Lạt mang dáng dấp của một thành phố châu Âu thu nhỏ với những biệt thự xinh đẹp thấp thoáng trong hoa trong lá, thì thầm với ngàn thông; những mái nhà thờ với tháp chuông cao vút và bên trên có con gà Gô-loa như những nhà thờ ở Pháp quốc. Họ còn để lại một dấu ấn khó phai mờ trong phong cách người Đà Lạt: không bảo thủ, cố chấp, văn minh và lịch sự. Hãy nghe Khánh Giang mô tả về người Đà Lạt vào những năm cuối 1950: *"Ít khi bạn gặp một người mặc áo chemise trần hở cổ, nếu không thấy một chiếc cà vạt thì cũng choàng một "phu la" nỉ, ngoài khoác áo "vét tông". Đặc biệt là một lối trang phục đầy màu sắc tươi trẻ của giới sinh viên, học sinh. Nếu có dịp ghé vào một trường trung học Pháp vào mùa lạnh, bạn sẽ có cảm tưởng mình hiện đang ở một trường trung học bên Âu, Mỹ. Những chiếc áo "canadienne" bằng da, áo "pullover" đủ màu, đủ kiểu, những chiếc "vét tông" nỉ carô tuy những mốt nhập cảng từ phương Tây nhưng nhờ áp dụng nhằm nơi, nhằm lúc nên không có vẻ lố lăng mà lại bổ điểm thêm màu sắc trẻ trung ưa nhìn"* (7).

Từ năm 1952, các trường trung học, tiểu học dạy theo chương trình Việt được thành lập, vai trò người Pháp dần dần bớt quan trọng trong các lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội, song đến những năm 1960, các trường trung học, tiểu học dạy theo chương trình Pháp vẫn tồn tại và tiếp tục mở rộng, thu hút một số lượng lớn học sinh không chỉ của Đà Lạt mà còn của Nam bộ và miền Trung lên theo học. Điều đó đã cho thấy, trong một thời gian khá dài, văn hóa Pháp không chỉ thấm sâu vào tiềm thức của các thế hệ học sinh, sinh viên, trí thức mà còn lan rộng ra các tầng lớp nhân dân trong thành

(7) Khánh Giang: Đà Lạt với du khách, Thời nay, số 3/1959.

phố, góp phần quan trọng trong việc hình thành phong cách con người Đà Lạt.

Tóm lại, ngoài những đặc điểm chung của người Việt Nam, do đặc điểm của địa hình thiên nhiên quanh năm mát mẻ, ôn hòa và cộng đồng dân cư thành phố bao gồm dân tứ xứ tha phương cầu thực tìm mảnh đất xinh đẹp, màu mỡ này để sinh cơ lập nghiệp, người Đà Lạt còn chịu ảnh hưởng khá sâu đậm những tinh hoa của nền văn hóa Pháp và chính điều này đã góp phần hình thành nên phong cách riêng của con người Đà Lạt khác hẳn với nơi khác đó là: hiền hòa, trầm mặc, thanh lịch, mến khách, cần cù, bất khuất. Người Đà Lạt vốn từ mọi miền đất nước đổ về hội tụ nên họ rất coi trọng đồng hương, người cùng cảnh ngộ và rất coi trọng tình làng, nghĩa xóm, cũng như tận tình giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, hoạn nạn. Thiếu nữ Đà Lạt không thích chạy theo “mốt” mới, luôn ăn mặc kín đáo và duyên dáng. Người Đà Lạt có đầu óc rộng mở, không bảo thủ, sẵn sàng tiếp nhận nền văn minh phương Tây một cách có chọn lọc và biết loại trừ những biểu hiện sống tha hóa, lai căng, dâm dục lên truyền thống.

TRUYỀN THÔNG CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN ĐÀ LẠT

(1930-1975)

XUÂN TRƯỜNG

Đà Lạt là một thành phố có vị trí chiến lược quan trọng ở Nam Tây Nguyên, trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật của tỉnh Lâm Đồng. Đây không những là một trong những trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng lý tưởng mà còn là nơi có phong trào cách mạng sôi nổi, liên tục từ năm 1930 đến năm 1975, góp phần cùng cả nước viết lên những trang sử vẻ vang của dân tộc ta: Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 thành công, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân; tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

1- PHONG TRÀO CÁCH MẠNG THỜI KỲ 1930-1945

Sau khi chọn Đà Lạt làm nơi nghỉ dưỡng của người Pháp ở Đông Dương, trong những thập niên đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp đã đưa người Kinh từ các nơi khác đến để tiến hành khai phá và xây dựng. Phần lớn người Kinh đến Đà Lạt là những người bị bắt xấu, bắt lính, tù nhân hay vì bị áp bức bóc lột không thể sống nổi ở quê nhà nên phải tha phương cầu thực. Họ phải làm những công việc

nặng nhọc như làm đường giao thông, khai hoang lập đồn điền, chỉ có một số là công nhân lành nghề trong ngành xây dựng, giao thông vận tải, viên chức và dịch vụ. Người Kinh tuy ở nhiều địa phương khác đến nhưng đều là những nơi có truyền thống cách mạng, cần cù lao động, bị thực dân phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, vì vậy họ đã đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, thường xuyên có liên hệ mật thiết với quê nhà, tiếp thu ảnh hưởng cách mạng và nhạy cảm với tình hình chính trị trong nước.

Từ năm 1925, phong trào cách mạng nước ta đã có bước chuyển biến mới, thức tỉnh tinh thần yêu nước trong các tầng lớp nhân dân Đà Lạt, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra ở các công trường, đồn điền.

Để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, tháng 4 năm 1930, chi bộ Đảng Cộng sản ở Đà Lạt được thành lập tại gác 2 nhà xe khách sạn Palace, gồm ba đảng viên do đồng chí Trần Diệm làm Bí thư. Từ những cơ sở cốt cán trong quần chúng, chi bộ đã tổ chức các công hội đỏ trong công nhân, thành lập Hội tương tế và Hội ái hữu để từng bước tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng.

Đầu năm 1930, cuộc khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa thực dân Pháp đã có ảnh hưởng đến Đà Lạt. Nhiều hăng thầu của Pháp ngừng hoạt động, công nhân thất nghiệp, số người còn có việc làm cũng chỉ được trả lương rất thấp. Trước tình hình đó, công nhân xây dựng ở hăng Dragages bãi công đòi chủ không được sa thải công nhân và giảm lương của những người còn có việc làm. Chính quyền thực dân Pháp không những không giải quyết những đòi hỏi chính đáng của công nhân mà còn bắt những người lãnh đạo cuộc bãi công và bắt ép công nhân đi làm. Cuộc bãi công tuy thất bại nhưng đánh dấu sự chuyển biến về ý thức, trình độ giác ngộ và có ảnh hưởng đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động Đà Lạt.

Nhân ngày Quốc tế Lao động 1.5, chi bộ Đảng và các tổ chức

quần chúng tiến hành nhiều hoạt động kỷ niệm. Tối 30 tháng 4 năm 1930, cờ đỏ búa liềm được treo ở chợ Đà Lạt, Cầu Đất, truyền đơn xuất hiện trên các đường phố, đồn điền và dọc đường từ Đà Lạt đến Cầu Đất. Truyền đơn mang nội dung:

- Đánh đổ đế quốc phong kiến.
- Hủy bỏ thuế chợ, thuế thân.
- Thực hiện ngày làm 8 giờ.
- Nam nữ bình đẳng.
- Đảng Cộng sản Việt Nam muôn năm!

Tuy có chuẩn bị đối phó nhưng chính quyền Pháp ở Đà Lạt vẫn không ngăn chặn được các hoạt động của ta. Trong ngày 1 tháng 5, chúng huy động lực lượng thu cờ, lượm truyền đơn, chặn đường khám xét và truy lùng những người bị tình nghi nhưng không có kết quả.

Trên tuyến đường xe lửa Tháp Chàm - Đà Lạt, đường hầm xe lửa Cầu Đất là một công trình lớn nhưng chỉ làm bằng thủ công, thiếu phương tiện bảo hộ lao động. Công nhân làm việc nặng nhọc, khí hậu khắc nghiệt lại bị bọn chủ thầu, cai thầu, đốc công bóc lột thậm tệ bằng các hình thức cúp phạt, quỵt lương, trả lương không đúng kỳ. Ngày 4 tháng 5 năm 1930, hầm sập làm nhiều người chết và bị thương nên công nhân toàn công trường bãi công, đòi cai thầu trả 3 tháng lương còn thiếu. Tên cai thầu hoảng sợ chạy trốn, công nhân tịch thu tài sản của nó chia cho những người gặp khó khăn, sau đó chặn xe chủ hãng đòi trả lương thay cho tên cai thầu. Trước tinh thần đoàn kết và đấu tranh quyết liệt của công nhân, tên chủ hãng nhận trả cho công nhân một nửa số lương mà tên cai thầu còn thiếu. Cuộc bãi công đã giành được thắng lợi.

Mặc dù bị thực dân Pháp khủng bố ráo riết, nhưng chi bộ Đảng ở Đà Lạt vẫn tích cực hoạt động xây dựng cơ sở cách mạng và phát

triển đảng viên. Đến cuối năm 1930, chi bộ kết nạp được năm đảng viên mới, cấp trên tăng cường ba đảng viên, nâng tổng số đảng viên lên mười một đồng chí và chia làm hai chi bộ:

- Chi bộ Palace có năm đảng viên, do đồng chí Trần Diễm làm Bí thư, hoạt động trong các khách sạn, nhà máy đèn, ngành xe lửa.

- Chi bộ Cầu Queo (đường Phan Đình Phùng hiện nay) có sáu đảng viên, do đồng chí Nguyễn Sĩ Quế làm Bí thư, hoạt động trong công nhân xây dựng, thợ may.

Để duy trì các hoạt động của Đảng và tránh địch khủng bố, tổ chức Đảng ở Đà Lạt xây dựng hai cơ sở bí mật: cơ sở hội họp và in ấn tại nhà ông Kiểm Ty ở đường Cầu Queo (nay là nhà 221 đường Phan Đình Phùng), cơ sở liên lạc và mở lớp học tại nhà một đảng viên ở cây số 12 (Trạm Bò) trên đường 11. Tổ chức Đảng và số đảng viên ở Đà Lạt tuy còn ít nhưng đều nằm trong các cơ sở kinh tế quan trọng như nhà máy đèn, khách sạn, hãng thầu xây dựng, ngành xe lửa. Trong số 11 đảng viên ở hai chi bộ có tám đồng chí là công nhân nên việc tuyên truyền, giác ngộ cách mạng cho công nhân có nhiều thuận lợi.

Đầu năm 1931, hai chi bộ và các tổ chức quần chúng chuẩn bị truyền đơn để kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3. Công việc đang được tiến hành thì ngày 6 tháng 3 năm 1931 tên công sứ Pháp chỉ huy một toán lính đến bao vây và khám xét cơ sở của Đảng ở đường Cầu Queo, bắt ba đảng viên và trên 30 người nghi ngờ có hoạt động cách mạng. Một số đảng viên khác tạm lánh vào Sài Gòn nhưng đến ngày 24 tháng 4 năm 1931 cũng bị bắt giải về Đà Lạt. Như vậy, đến cuối tháng 4 năm 1931, các chi bộ Đảng và các tổ chức quần chúng ở Đà Lạt bị tan rã, phong trào công nhân và phong trào cách mạng dần dần lắng xuống. Trong những năm 1932 - 1935 chỉ có một số cuộc đấu tranh lẻ tẻ, tự phát, không tập hợp được đông đảo quần chúng tham gia.

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản, các ngành kinh tế ở Đà Lạt bắt đầu hồi phục và phát triển. Số lượng người Kinh đến Đà Lạt ngày càng đông nên thành phần xã hội có nhiều thay đổi. Giai cấp công nhân và những người lao động ở Đà Lạt tuy có việc làm nhưng đời sống vẫn gặp nhiều khó khăn vì lương thấp, trả không đúng kỳ và giá cả đắt đỏ. Lúc này tổ chức Đảng vẫn chưa được khôi phục nhưng tin tức về phong trào đấu tranh ở trong nước và báo chí công khai của Đảng đã có tác dụng nâng cao nhận thức, ý thức đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Đà Lạt.

Tại đồn điền chè Cầu Đất, công nhân thường bị bọn chủ cúp phạt và trả lương không đúng kỳ, nhiều người phải vay tiền nặng lãi của bọn cai ký. Ngày 14 tháng 12 năm 1936, hơn 500 công nhân đình công đưa yêu sách đòi chủ phải trả đủ lương và đúng kỳ. Chiều hôm đó, yêu sách được chấp nhận, cuộc đình công thắng lợi nhanh chóng. Ngày 2 tháng 1 năm 1937, trên 1.000 công nhân lại đình công đòi tăng lương. Để bảo vệ quyền lợi cho chủ đồn điền, tên công sứ Đà Lạt chỉ huy lực lượng đến đàn áp, tìm cách chia rẽ và uy hiếp công nhân. Sau hai ngày đình công, chúng chỉ bắt ép được một số công nhân đi làm, còn phần lớn vẫn tiếp tục đấu tranh, cuộc đình công kéo dài trong năm ngày.

Như vậy, chỉ trong vòng 19 ngày, công nhân đồn điền chè Cầu Đất đã có hai cuộc đình công lớn. Cuộc đình công sau có quy mô lớn hơn, yêu sách cao hơn cuộc đình công trước, chứng tỏ ý thức đấu tranh và tinh thần đoàn kết của công nhân ngày càng được nâng cao.

Để đẩy mạnh tuyên truyền những tư tưởng tiến bộ của phong trào Mặt trận dân chủ, những công nhân tiên tiến ở Đà Lạt thành lập nhóm Tiến bộ và Hội thanh niên du lịch. Thông qua các hoạt động công khai hợp pháp, nhóm Tiến bộ và Hội thanh niên du lịch từng

bước giác ngộ cách mạng cho công nhân, thanh niên, học sinh, quyên góp ủng hộ phong trào đấu tranh của công nhân và phong trào ái hữu ở Đà Lạt.

Được sự tổ chức và lãnh đạo của nhóm Tiến bộ, ngày 27 tháng 6 năm 1938, hơn 1.000 công nhân hãng S.I.D.E.C làm việc tại công trường xây dựng dinh nghỉ mát của Toàn quyền Đông Dương (nay là dinh 2 ở đường Trần Hưng Đạo) và công nhân ngành xây dựng đình công, kéo đến dinh Quân đạo và đồn cảnh sát đòi giải quyết các yêu sách:

- Tăng lương 30%.
- Ngày làm việc 8 giờ.
- Không được đuổi thợ vô cớ và thả ba công nhân bị bắt.

Trước khí thế đấu tranh của công nhân, cảnh sát phải thả ba công nhân bị bắt. Sau ba ngày đình công, tên công sứ Đà Lạt và chủ hãng điều đình với đại biểu công nhân, nhận tăng lương 10% và làm việc 9 giờ một ngày, nhưng đại biểu công nhân không chấp nhận, đòi phải thực hiện đầy đủ các yêu sách nên cuộc điều đình thất bại.

Công nhân hãng S.I.D.E.C tiếp tục nghỉ việc, chủ hãng định lấy công nhân ở nơi khác đến thay thế nhưng không thực hiện được. Sau hơn một tháng đình công, do quỹ cứu tế đã hết nên một số công nhân đi làm lại, một số bỏ đi tìm việc làm ở nơi khác. Tuy cuộc đình công không giành được thắng lợi hoàn toàn, nhưng sau đó công nhân của hãng và toàn ngành xây dựng Đà Lạt đều được tăng lương từ 10 đến 20% và làm việc 9 giờ một ngày.

Hưởng ứng cuộc đình công ở hãng S.I.D.E.C và ngành xây dựng Đà Lạt, ngày 3 tháng 9 năm 1938, hơn 1.900 công nhân đồn điền chè, công nhân xe lửa và các xưởng cơ ở Cầu Đất đình công đòi tăng lương. Đây là cuộc đình công có quy mô lớn nhất của giai

cấp công nhân Lâm Đồng thời kỳ này.

Trước sự chuyển biến mạnh mẽ của phong trào cách mạng địa phương, tháng 12 năm 1938, chi bộ Đảng ở Đà Lạt được khôi phục sau hơn bảy năm bị gián đoạn. Nhiệm vụ trước mắt của chi bộ là tiếp tục duy trì và phát triển các tổ chức quần chúng nửa công khai như nhóm Tiến bộ, Hội thanh niên du lịch, tổ chức các Hội ái hữu trong công nhân, tích cực tuyên truyền giác ngộ cách mạng và phát triển đảng viên.

Từ khi có chi bộ Đảng trực tiếp lãnh đạo, phong trào cách mạng ở Đà Lạt có bước phát triển mới, công tác tuyên truyền vận động công nhân chuẩn bị thành lập Hội ái hữu được tiến hành khẩn trương, nhưng đến tháng 10 năm 1939 các đồng chí đảng viên và một số đồng chí cốt cán trong các tổ chức quần chúng bị bắt nên chi bộ ngừng hoạt động, phong trào cách mạng tạm lắng.

Từ năm 1940 đến năm 1944, tổ chức Đảng ở Đà Lạt có ba lần được khôi phục nhưng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn nên các cuộc đấu tranh đều mang tính tự phát, không thu hút được lực lượng quần chúng tham gia.

Đầu năm 1945, phong trào cách mạng trong nước lên cao, tổ chức Mặt trận Việt Minh phát triển rộng rãi. Tháng 4 năm 1945, tù nhân ở nhà lao Buôn Ma Thuột đấu tranh thắng lợi, Nhật buộc phải thả hết tù chính trị. Tổ chức Đảng trong nhà lao phân công đồng chí Ngô Huy Diễn và đồng chí Nguyễn Thế Tính về Đà Lạt xây dựng cơ sở, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Chỉ trong một thời gian ngắn, Ủy ban Mặt trận Việt Minh Đà Lạt, Tỉnh bộ Việt Minh lâm thời tỉnh Lâm Viên và các đoàn thể cứu quốc lâm thời tỉnh Lâm Viên được thành lập tập hợp đông đảo quần chúng tham gia.

Sau khi Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra mệnh lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước và một số địa phương khởi nghĩa thắng lợi đã có ảnh hưởng rất lớn đối với các tầng lớp nhân dân Đà Lạt.

Tại Cầu Đất, tuy chưa có sự chỉ đạo của cấp trên nhưng đồng chí Trịnh Lý đã tập hợp một số công nhân, thanh niên bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 21 tháng 8 năm 1945, nhân dân Cầu Đất, Trạm Hành khởi nghĩa thắng lợi, thành lập chính quyền cách mạng.

Được sự giúp đỡ của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Khánh Hòa, đêm 21 tháng 8 năm 1945, Hội nghị bàn kế hoạch khởi nghĩa được tổ chức tại Đà Lạt. Hội nghị thông qua chủ trương, phương pháp vận động, tổ chức nhân dân tiến hành khởi nghĩa, thành lập Ủy ban khởi nghĩa gồm năm đồng chí và quyết định khởi nghĩa giành chính quyền vào ngày 23 tháng 8 năm 1945.

Công việc chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành hết sức khẩn trương, từ việc phổ biến kế hoạch, tổ chức đội ngũ đến việc mang cờ, viết khẩu hiệu đều chạy đua với thời gian. Lực lượng quần chúng được tổ chức theo các phường, ấp gồm các đoàn thể công nhân, thanh niên, phụ nữ, phụ lão và các đội tự vệ, mỗi người tự trang bị cho mình một loại vũ khí.

Theo đúng kế hoạch đã định, sáng sớm ngày 23 tháng 8, hàng ngàn nhân dân mang theo cờ, biểu ngữ kéo về tập trung tại khu chợ Đà Lạt (nay là khu Hòa Bình). Từng đoàn công nhân, thanh niên, phụ nữ, phụ lão tay cầm dao, kiếm, cuốc, nĩa, gậy gộc; các đội tự vệ mặc đồng phục và được trang bị dao găm, mã tấu, lựu đạn. Sau khi tổ chức mít tinh, đoàn biểu tình kéo đến bao vây dinh Tỉnh trưởng Lâm Viên (nay là nhà số 4 đường Thủ Khoa Huân) và hô vang khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc chủ nghĩa!", "Đả đảo chính phủ Trần Trọng Kim!", "Mặt trận Việt Minh muôn năm!". Trước sức mạnh của quần chúng, Tỉnh trưởng Ứng An hoảng sợ đem nộp ấn tín, giấy tờ sổ sách cho Ủy ban khởi nghĩa. Sau đó đoàn biểu tình kéo đến lấy đồn bảo an, phá cửa nhà lao đón những đồng chí, đồng bào đang bị giam trong xà lim.

Ngày 24 tháng 8, nhân dân Đà Lạt tiếp tục biểu tình kéo đến dinh Tổng đốc Lâm - Đồng - Bình - Ninh buộc Tổng đốc Trần Văn Lý nộp ấn tín, giấy tờ cho cách mạng. Sau đó Ủy ban khởi nghĩa cử các đoàn cán bộ đến tiếp quản các công sở. Tối 24 tháng 8, Ủy ban khởi nghĩa và những cán bộ tham gia khởi nghĩa họp đánh giá tình hình, đề ra một số công tác trước mắt và thành lập Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Lâm Viên gồm bảy đồng chí do đồng chí Phan Đức Huy làm Chủ tịch^(*). Những ngày sau đó, Ủy ban Việt Minh tỉnh, các đoàn thể quần chúng như: công nhân, thanh niên, phụ nữ và chính quyền cách mạng ở cơ sở được thành lập.

Cùng với nhân dân cả nước, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Đà Lạt thắng lợi là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử quan trọng, nhân dân ta từ người nô lệ trở thành người chủ đất nước, có quyền quyết định tương lai và vận mệnh của mình. Cách mạng tháng Tám bước đầu đã đem lại những quyền lợi thiết thực mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động hằng mơ ước: xóa bỏ áp bức bóc lột, bình đẳng dân tộc, bình đẳng nam nữ, ngày làm 8 giờ...



Từ năm 1930 đến năm 1945, phong trào cách mạng ở Đà Lạt đã trải qua một chặng đường đầy khó khăn, gian khổ nhưng vô cùng anh dũng tự hào. Trong vòng 15 năm, nhân dân Đà Lạt tiến hành nhiều cuộc đình công, bãi thị. Tuy có lúc phong trào lắng xuống như những năm 1932-1935 và 1940-1944, nhưng cao trào cách mạng những năm 1930-1931, 1936-1939 và đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945 đã chứng tỏ sức mạnh to

(*) Tỉnh Lâm Viên thời kỳ này bao gồm Đà Lạt và tổng Lạch (xã Lát hiện nay). Thị xã Đà Lạt không thành lập chính quyền, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng riêng nên có thể hiểu tỉnh Lâm Viên và Đà Lạt tuy hai tên gọi nhưng chung một bộ máy lãnh đạo.

lớn của các tầng lớp nhân dân Đà Lạt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐÀ LẠT TRONG 9 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa mới ra đời đã phải đương đầu với nhiều khó khăn, phức tạp. Chính sách cai trị, bóc lột của thực dân Pháp, phát xít Nhật để lại hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội. Bọn đế quốc và bè lũ tay sai cấu kết với nhau, âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng.

Tại Đà Lạt, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời và Mặt trận Việt Minh đã đề ra một số chủ trương và nhiệm vụ trước mắt để nhanh chóng ổn định tình hình; củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng; thi hành các sắc lệnh của chính phủ về bãi bỏ thuế thân, thực hiện ngày làm việc 8 giờ, thanh toán mù chữ; tổ chức phong trào quyên góp giúp đồng bào miền Bắc bị đói, vận động nhân dân tích cực tham gia “quỹ độc lập”, “tuần lễ vàng”, “tuần lễ đồng”...

Nhân dân Đà Lạt được hưởng những ngày độc lập tự do chưa được bao lâu phải bước vào cuộc chiến đấu mới.

Dựa vào thế lực quân Anh, thực dân Pháp buộc quân Nhật phải chiếm lại những nơi bị mất và bàn giao lại cho Pháp. Từ cuối tháng 9 năm 1945, quan hệ giữa ta và Nhật bắt đầu căng thẳng.

Trước những âm mưu, thủ đoạn của Pháp, Nhật, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Viên (*) chủ trương dùng lực lượng quần chúng đòi quân Nhật trả lại những nơi mà chúng còn chiếm giữ. Sáng ngày 3 tháng 10 năm 1945, nhân dân Đà Lạt tập trung tại khu vực chợ mít tinh hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, sau đó tổ chức các đoàn đến bao vây các công sở quân Nhật

(*) Sau ngày 2 tháng 9 năm 1945, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời đổi thành Ủy ban Nhân dân.

còn chiếm giữ như viện Pasteur, khách sạn Palace, nhà máy đèn, kho bạc, đồn lính thủy... Trong 2 ngày, cuộc chiến đấu diễn ra không cân sức, nhân dân Đà Lạt tuy chỉ có vũ khí thô sơ, nhưng với tinh thần chiến đấu dũng cảm đã tiêu diệt 20 tên Nhật, bắn bị thương nhiều tên khác. Lực lượng ta có 40 đồng bào và chiến sĩ anh dũng hy sinh và 80 người khác bị thương. Đó là những tấm gương sáng ngời tô thắm thêm truyền thống cách mạng của nhân dân Đà Lạt.

Cuối tháng 10 năm 1945, thực dân Pháp tiếp tục đánh chiếm các tỉnh Nam bộ và chuẩn bị tiến công các tỉnh Nam Trung bộ. Trước tình hình đó Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Viên quyết định đưa các cơ quan, đoàn thể và phần lớn nhân dân Đà Lạt tản cư về Cầu Đất, xây dựng phòng tuyến Trại Mát từ cây số 6 đến cây số 8 trên đường 11. Tỉnh chỉ để lại một bộ phận thường trực và lực lượng thanh niên, tự vệ làm nhiệm vụ tuần ra canh gác, sẵn sàng chiến đấu.

Tại phòng tuyến Trại Mát, lực lượng ta có một đại đội vũ trang (tương đương một tiểu đoàn), lực lượng tự vệ, thanh niên, công nhân và các đơn vị vệ quốc đoàn của tỉnh. Phòng tuyến được bố trí thành nhiều tuyến, có hầm hào, công sự chiến đấu và chướng ngại vật nhằm ngăn chặn quân địch từ Đà Lạt xuống, bảo vệ các cơ quan, đoàn thể và nhân dân tản cư ở Cầu Đất.

Nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, ngày 6 tháng 1 năm 1946, cả nước tham gia tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tại Đà Lạt, tuy hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn nhưng cuộc bầu cử vẫn tiến hành khẩn trương và bảo đảm nguyên tắc. Trong vùng địch kiểm soát, ta tổ chức các hòm phiếu bí mật đưa đến từng nhà để cử tri bỏ phiếu. Ở khu vực Cầu Đất và những vùng ta làm chủ, cuộc bầu cử được tổ chức chu đáo, có đông cử tri đi bỏ phiếu. Lần đầu tiên nhân dân được quyền lựa chọn đại biểu xứng đáng vào cơ quan quyền lực Nhà nước cao

nhất. Kết quả, đồng chí Ngô Huy Diễm trúng cử đại biểu Quốc hội của tỉnh Lâm Viên.

Sau khi chiếm xong các tỉnh Nam bộ, thực dân Pháp tập trung lực lượng đánh chiếm các tỉnh Nam-Trung bộ. Ngày 27 tháng 1 năm 1946, thực dân Pháp đưa một lực lượng lớn từ Sài Gòn lên Đà Lạt. Ngày 28 tháng 1, phối hợp với quân Nhật tại chỗ, chúng tấn công vào phòng tuyến Trại Mát. Tại đây, các đơn vị bộ đội và lực lượng tự vệ đã chiến đấu dũng cảm, gây cho địch nhiều thiệt hại, nhưng do lực lượng quá chênh lệch nên chiều hôm đó lực lượng ta phải rút xuống Cầu Đất và cùng các cơ quan, đồng bào tản cư xuống Ninh Thuận. Từ đây, nhân dân Đà Lạt lại bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ khi chiếm lại Đà Lạt, thực dân Pháp tổ chức lại bộ máy cai trị, chúng thừa nhận *"Đà Lạt là một thành phố hiu quạnh"* và kêu gọi nhân dân, công nhân hồi cư, nhất là công nhân nhà máy điện. Mặt khác, chúng khủng bố những người tình nghi hoạt động cách mạng hoặc có hành động phá hoại.

Để tiếp tục đẩy mạnh phong trào cách mạng ở Đà Lạt, Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên^(*) chủ trương đưa một số nhân dân, công nhân và cán bộ trở về Đà Lạt xây dựng cơ sở cách mạng trong vùng địch kiểm soát; tổ chức đường dây liên lạc theo đường hợp pháp để đưa tài liệu, truyền đơn và cán bộ lên hoạt động tại Đà Lạt.

Từ năm 1946 đến năm 1949, cơ sở cách mạng được xây dựng ở hầu khắp các địa bàn, nhiều cán bộ hoạt động hợp pháp đã tìm cách vào làm ở nhà máy đèn, sở địa dư, khách sạn Palace để tuyên truyền giác ngộ và xây dựng cơ sở trong công nhân. Ở khu vực vùng ven, ta xây dựng các mật khu, chiến khu để đưa cán bộ lên hoạt động và chỉ đạo phong trào cách mạng địa phương.

(*) Sau khi rút xuống Ninh Thuận, từ tháng 4 năm 1946, Ủy ban Nhân dân đổi thành Ủy ban kháng chiến.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở các tỉnh Cực Nam, tháng 4 năm 1949, Liên khu ủy 5 thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên, và tháng 1 năm 1950, Thị ủy Đà Lạt được thành lập. Đây là sự kiện quan trọng, lần đầu tiên tỉnh Lâm Viên và Đà Lạt có tổ chức Đảng cao nhất ở địa phương trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng.

Từ cuối năm 1950, phong trào cách mạng Đà Lạt có sự chuyển biến đáng kể, toàn thị xã xây dựng được trên 2.000 cơ sở cách mạng, hàng trăm công nhân, thanh niên, học sinh thoát ly ra chiến khu tham gia kháng chiến. Tại chợ Đà Lạt, chị em thành lập tổ chức phụ nữ "*Minh Khai*" với nhiệm vụ tuyên truyền vận động chị em ủng hộ kháng chiến, tiếp tế cho chiến khu. Cuộc vận động quyên góp "*Áo mùa đông chiến sĩ*" được đông đảo chị em tham gia. Chỉ trong một thời gian ngắn, chị em đã quyên góp được hàng trăm áo len, quần áo và bí mật chuyển ra chiến khu.

Đầu năm 1951, Thị ủy Đà Lạt tuyển chọn một số công nhân, thanh niên, học sinh mới thoát ly ra chiến khu dự lớp huấn luyện quân sự, sau đó thành lập Đội cảm tử Phan Như Thạch (*), 13 tổ cảm tử và các đội vũ trang tuyên truyền làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở cách mạng và đẩy mạnh diệt tề trừ gian. Trong 6 tháng đầu năm 1951, nhiều tên mật thám ác ôn đã bị trừng trị như: Lê Đình Hiệu, Lê Hành, Hồ Minh, Nguyễn Văn Thơm...

Đầu tháng 5 năm 1951, Đội cảm tử Phan Như Thạch được giao nhiệm vụ đột nhập vào thị xã, diệt ác trừ gian, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị lập thành tích kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ. Với vinh dự đó, toàn đội rất phấn khởi tự hào, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Sau khi đưa ra một số mục tiêu quan trọng, đội quyết định đột nhập vào nhà tên Haasz, phó thanh tra mật thám Đông Dương

(*) Đồng chí Phan Như Thạch, Ủy viên Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên, Bí thư Thị ủy Đà Lạt, hy sinh ngày 12 tháng 6 năm 1950 tại chiến khu Suối Tía.

để bắt sống, thu tài liệu và dùng tên này làm con tin buộc địch phải trao trả những chiến sĩ và đồng bào đang bị giam giữ.

Sau mấy ngày điều tra nắm tình hình và vạch kế hoạch cụ thể, ngày 11 tháng 5 năm 1951, đội cảm tử cử một tổ gồm bảy đồng chí đột nhập vào nhà tên Haasz tại biệt thự Hoa Hồng (nay là nhà số 17 đường Huỳnh Thúc Kháng). Đến 17 giờ, tên Haasz về nhà, phát hiện có lực lượng ta đang mai phục nên bỏ chạy. Biết không thể bắt sống được, đồng chí Nguyễn Lai bắn ba phát súng tiểu liên, tên Haasz ngã gục giữa sân. Các chiến sĩ cảm tử đội nhanh chóng thu tài liệu, chiến lợi phẩm và rút về chiến khu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu diệt tên mật thám cáo già của thực dân Pháp.

Để trả thù cách mạng và trấn an tinh thần binh lính, lúc 19 giờ cùng ngày, địch đưa 20 tù nhân ở nhà lao Đà Lạt đi bắn tại một khu rừng gần sân bay Cam Ly, 19 người đã hy sinh, chỉ còn chị Nguyễn Thị Lan bị thương nặng còn sống sót (*).

Trước hành động trả thù dã man của địch, ngày 12 tháng 5 năm 1951, hàng ngàn nhân dân Đà Lạt xuống đường biểu tình đòi trừng trị những tên gây tội ác, đòi bồi thường thiệt hại cho những gia đình có người bị giết hại và chị Nguyễn Thị Lan. Trước sức mạnh đấu tranh của nhân dân, địch không dám đàn áp, bắt bớ, tìm cách xoa dịu, đưa những tên gây ra vụ thảm sát lên Buôn Ma Thuột. Trong cuộc đấu tranh này, ta đã tranh thủ được sự ủng hộ của bà Từ Cung (mẹ Bảo Đại), chính bà cử người lo chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ tính mạng cho chị Nguyễn Thị Lan.

Vụ thảm sát 20 tù nhân ở Cam Ly không những gây chấn động lớn ở Đông Dương mà còn cả ở nước Pháp. Chủ tịch Quốc hội Pháp công kích Chính phủ và quân đội Pháp ở Việt Nam không bảo đảm trật tự an ninh. Nhưng những đảng viên Đảng Cộng sản Pháp là nghị sĩ Quốc hội lại đưa vụ này ra chất vấn và tố cáo trước Quốc hội, yêu

(*) Chị Nguyễn Thị Lan hiện nay ở tại số nhà 142 đường Hai Bà Trưng - Đà Lạt.

cầu phải chấm dứt ngay những hành động tội ác đối với các nước thuộc địa, nhất là ở Việt Nam.

Nhân dịp kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ, Thị ủy chủ trương vận động nhân dân bãi thị, ngừng các hoạt động trong ngày 19 tháng 5. Đêm 18 tháng 5, lực lượng cảm tử đột nhập vào thị xã rải truyền đơn, treo cờ, dán áp phích và lúc 4 giờ 30 phút sáng 19 tháng 5 đã cho nổ ba quả lựu đạn ở những đường phố lớn và gài ba quả không nổ trước chợ Đà Lạt để cảnh cáo địch. Suốt ngày 19 tháng 5, chợ Đà Lạt không họp, đường phố vắng người, các cửa hiệu đóng cửa. Cuộc bãi thị gây được ấn tượng sâu sắc, thể hiện tình cảm của các tầng lớp nhân dân Đà Lạt đối với Bác Hồ kính yêu.

Để đối phó với các hoạt động của ta, địch điều một tiểu đoàn Comandos từ Sài Gòn lên tăng cường cho Đà Lạt. Đội cảm tử được giao nhiệm vụ đột nhập vào thị xã để nắm tình hình hoạt động và có phương án tiêu diệt bọn này. Đêm 27 tháng 6 năm 1951, đồng chí Lê Trần Thái, chính trị viên Đội cảm tử Phan Như Thạch cùng một tiểu đội đến giấu quân tại nhà xác bệnh viện. Sáng hôm sau, đồng chí Lê Trần Thái đến nhà một cơ sở (nay là nhà số 9 đường Hai Bà Trưng) gặp đồng chí Sinh, cán bộ tình báo. Khoảng 9 giờ sáng, do có người khai báo nên một đại đội Commandos đến bao vây căn nhà để bắt sống hai đồng chí. Quyết không để bị địch bắt, hai đồng chí đóng chặt cửa và rút lên lầu đốt tài liệu, con dấu của đội cảm tử, sau đó mở cửa sổ ném lựu đạn, dùng súng ngắn tiêu diệt bọn địch đang bao vây căn nhà. Sau 30 phút chiến đấu, hai đồng chí đã tiêu diệt sáu tên địch và anh dũng hy sinh bằng hai viên đạn còn lại của mình. Khi đưa hai thi hài về nhà xác bệnh viện, địch phát hiện tiểu đội cảm tử đang giấu quân tại đây. Tuy ở trong thế bị bao vây, nhưng các chiến sĩ cảm tử đã dũng cảm vượt ra khỏi nhà xác, vừa chiến đấu, vừa rút lui, đồng chí Nguyễn Lại, tiểu đội trưởng anh dũng hy sinh. Cuộc chiến đấu diễn ra không cân sức nhưng các chiến sĩ cảm tử đã tiêu diệt bốn tên địch, thoát khỏi vòng vây và trở

về chiến khu.

Được tin ba đồng chí cảm tử anh dũng hy sinh, hàng ngàn nhân dân Đà Lạt đến nhà xác bệnh viện thăm viếng, tỏ lòng thương tiếc vô hạn. Lúc đầu, địch tìm cách ngăn cản nhưng đồng bào vừa dùng lý lẽ đấu tranh hợp pháp vừa kiên quyết đòi được vào nhà xác nên chúng phải nhượng bộ. Suốt ba ngày liền, đồng bào mang đến quanh thi hài ba đồng chí những bó hoa tươi, các loại nước hoa đắt tiền, sau đó quyên góp tiền mua quan tài, vải liệm và tiền đưa ba người con yêu quý về nơi an nghỉ cuối cùng. Bọn địch tuy rất căm tức nhưng không dám đàn áp vì sợ nổ ra cuộc biểu tình lớn.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Đà Lạt, từ tháng 7 năm 1951, địch tập trung lực lượng đánh phá. Chúng điều quân từ Buôn Ma Thuột, Di Linh, Dran đến phối hợp với lực lượng tại chỗ liên tục khủng bố bên trong và hành quân càn quét đánh vào chiến khu và kho tàng của ta ở vùng ven, gây nhiều khó khăn, tổn thất cho cách mạng. Trước tình hình đó, cuối năm 1951, Ban Cán sự Cục Nam chủ trương chuyển hướng phương châm, phương thức hoạt động mới: *"Kiên trì vận động cách mạng, tiến hành (*) gây cơ sở"*. Các đội vũ trang tuyên truyền, lực lượng cảm tử được tổ chức thành các đội xây dựng cơ sở, đồng thời giảm biên chế trong các cơ quan, đơn vị.

Sau hơn hai năm thực hiện chủ trương chuyển hướng phương châm, phương thức hoạt động mới, phong trào cách mạng Đà Lạt đã vượt qua những khó khăn thử thách, gian khổ ác liệt và tiếp tục phát triển. Trên các địa bàn đã mọc nổi được cơ sở cũ, phát triển thêm cơ sở mới nhưng vẫn bảo đảm bí mật. Những cuộc đấu tranh của nhân dân chống lập hợp tác xã rau, hợp tác xã gạo, đòi giảm thuế chợ đã buộc địch phải nhượng bộ và chấp nhận các yêu sách.

Cuộc đấu tranh chính trị lớn nhất thời gian này là đám tang bà

(*) Tiến hành có nghĩa là đi chìm, bí mật gây cơ sở.

Nguyễn Thị Xuân (tức bà Xu Nguyên), một cơ sở cách mạng trung kiên ở xã Lạc Nghĩa (Dran). Bà Nguyễn Thị Xuân thường tiếp tế cho đội công tác và có quan hệ với nhiều cơ sở ở Đà Lạt. Do có tên phản bội khai báo, bà bị địch bắt đưa về giam tại nhà lao Đà Lạt và tra tấn rất dã man hòng buộc bà khai báo những cơ sở cách mạng ở Dran, Đà Lạt. Tuy còn đang mang thai, nhưng những đòn tra khảo của kẻ thù không làm bà Nguyễn Thị Xuân run sợ, bà vẫn giữ vững khí tiết đến hơi thở cuối cùng. Biết bà Xuân là một tín đồ đạo Tin lành, ta vận động và tranh thủ mục sư Phạm Đình Liệu, người có uy tín trong đạo Tin lành ở Đà Lạt xin đưa xác bà Xuân về làm lễ và chôn cất. Lúc đầu, địch không cho nhưng ông Phạm Đình Liệu kiên quyết đấu tranh và nói với chúng: *"Tôi chưa thấy một chế độ nào dã man như chế độ này. Phần xác các ông đã đánh chết người ta, còn phần hồn là của đạo chúng tôi các ông cũng muốn cướp đi"*. Cuối cùng, địch đuối lý phải để ta tổ chức đám tang. Cơ sở bên trong đã vận động hàng ngàn đồng bào tham gia, biến đám tang thành một cuộc biểu tình tố cáo hành động và tội ác dã man của địch. Trong ngày hôm đó, cơ quan Thị ủy và các đội xây dựng cơ sở tổ chức lễ truy điệu bà Nguyễn Thị Xuân, một cơ sở cách mạng, một phụ nữ trung kiên đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng.

*

* *

Trải qua chín năm kháng chiến gian khổ nhưng vô cùng anh dũng, Đảng bộ và nhân dân Đà Lạt đã góp phần cùng cả nước đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

Thắng lợi đó là nhờ Đảng ta đề ra đường lối kháng chiến đúng đắn, độc lập, tự chủ và sự chỉ đạo nhạy bén, sáng tạo, linh hoạt. Những chủ trương, đường lối của Đảng đã được Đảng bộ vận dụng vào tình hình thực tế, đưa phong trào cách mạng địa phương không

ngừng phát triển.

Thắng lợi đó còn là sự đóng góp to lớn sức người, sức của của nhân dân Đà Lạt đối với sự nghiệp cách mạng. Nhiều cán bộ, chiến sĩ đã vượt qua biết bao khó khăn, gian khổ ác liệt bám trụ chiến trường, bám sát dân để xây dựng phong trào. Chính sự thương yêu đùm bọc của nhân dân, tình đồng chí sâu sắc đã tăng thêm sức mạnh và là nguồn động viên cho mỗi cán bộ, chiến sĩ vượt qua gian lao thử thách hoàn thành nhiệm vụ.

3- PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐÀ LẠT TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, các cơ quan đơn vị và hầu hết cán bộ, đảng viên hoạt động ở Đà Lạt chuyển xuống chiến khu Lê Hồng Phong (Đà Lạt) để thực hiện việc chuyển quân tập kết theo tinh thần Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Được sự hậu thuẫn của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, thắng tay đàn áp phong trào cách mạng, đi ngược lại nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân ta. Tại Đà Lạt, địch tập trung xây dựng bộ máy ngụy quyền các cấp, thực hiện chính sách "tổ cộng, diệt cộng" nhằm truy bức quần chúng, khủng bố cơ sở cách mạng, cán bộ, đảng viên.

Trước tình hình quần chúng đang bị địch kìm kẹp, cán bộ đảng viên bị truy lùng gắt gao, tháng 10 năm 1954, Ban cán sự Cục Nam bố trí một số cán bộ lên Đà Lạt hoạt động hợp pháp, bất hợp pháp để xây dựng cơ sở, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.



Hưởng ứng phong trào bảo vệ hòa bình của nhân dân Sài Gòn

(*) Ban cán sự Đảng Đà Lạt thành lập tháng 3 năm 1955.

- Chợ Lớn, giữa năm 1955, Ban Cán sự Đảng Đà Lạt (') chủ trương thành lập Ủy ban bảo vệ hòa bình ở địa phương, tập hợp những người yêu nước tán thành Hiệp định Giơ-ne-vơ, ủng hộ hòa bình. Ủy ban đã in và phát hành các loại tài liệu giải thích, tuyên truyền Hiệp định; tập hợp đại diện các tầng lớp nhân dân kéo lên Thị trưởng Đà Lạt đưa kiến nghị đòi ngụy quyền thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, tự do dân chủ, tự do đi lại làm ăn.

Nhằm tiếp thêm sức mạnh cho phong trào, tháng 8 năm 1955, nghiệp đoàn tiểu thương chợ Đà Lạt vận động trên 300 chị em bãi thị, cử đại diện gặp chính quyền yêu cầu thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định, Mỹ không được can thiệp vào miền Nam Việt Nam, đòi giảm thuế chợ và cho nhân dân tự do đi lại buôn bán.

Giữa lúc phong trào đấu tranh đòi hòa bình đang trên đà phát triển thì bị địch khủng bố, một số đồng chí lãnh đạo Ủy ban và cơ sở nòng cốt bị bắt nên đến đầu năm 1956 phong trào ngừng hoạt động. Tuy nhiên, ở hầu hết các địa bàn, cơ sở cách mạng được khôi phục và tiếp tục phát triển, kết nạp đảng viên mới và thành lập thêm hai chi bộ.

Sau một thời gian tập trung đánh phá phong trào cách mạng ở các tỉnh đồng bằng, đầu năm 1957, chính quyền Ngô Đình Diệm chuyển hướng hoạt động, tăng cường đánh phá phong trào miền núi. Chúng vừa tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét vào vùng căn cứ của ta, vừa đẩy mạnh đồn quân bắt lính bổ sung cho lực lượng bảo an, dân vệ, thanh niên chiến đấu. Trên địa bàn Đà Lạt có 350 tên bảo an, 150 dân vệ và trên 1.000 thanh niên chiến đấu.

Từ giữa năm 1961, đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt" nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. Ở hầu hết các vùng nông thôn, địch dồn dân vào các khu tập trung, áp chiến lược hòng cắt đứt sự liên lạc giữa lực lượng cách mạng ở bên ngoài với cơ sở và quần chúng trong vùng địch kiểm soát. Tại

Đà Lạt, địch vừa tập trung củng cố bộ máy chính quyền các cấp, đánh phá cơ sở cách mạng, vừa tăng cường kiểm soát các ấp vùng ven và vùng nông thôn như Xuân Thành, Đất Làng, Trường Sơn, Xuân Sơn...

Trước những âm mưu và thủ đoạn mới của địch, lực lượng vũ trang của tỉnh nhiều lần đột nhập vào các ấp tiêu diệt và làm tan rã bộ máy kềm, lực lượng dân vệ, thanh niên chiến đấu. Ở bên trong, tổ chức Đảng và cơ sở cốt cán đã vận động, lãnh đạo tiểu thương chợ Đà Lạt bãi thị suốt bảy ngày liền, cử đại diện gặp Thị trưởng đòi bãi bỏ việc tăng thuế chợ. Nhân dân các ấp vùng ven đấu tranh tẩy chay cuộc bầu cử hội đồng thành phố, yêu cầu chính quyền phải chăm lo hơn nữa đời sống của dân. Nhiều Phật tử tiến bộ xuống đường đấu tranh chống địch khủng bố Phật giáo yêu nước ở Sài Gòn, Huế, đòi hủy bỏ các luật lệ ngăn cấm, khủng bố, đàn áp Phật tử lương thiện.

Từ năm 1966, với phương châm đánh địch bằng hai chân ba mũi, phong trào cách mạng Đà Lạt đã có sự chuyển biến đáng kể. Các đơn vị bộ đội địa phương, đội công tác liên tục đột nhập vào các ấp dọc đường 11, tiêu diệt nhiều tên ác ôn, hỗ trợ nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ ở nhiều mức độ khác nhau. Các đơn vị biệt động đặc công đánh mìn khách sạn Lê-rơ-vin (Les Revines), tập kích sân bay Cam Ly, gây cho địch nhiều thiệt hại. Đơn vị 810 và 870 chặn đánh đoàn xe chở cố vấn Mỹ tại dốc Đu khi từ dài ra đa Cầu Đất về Đà Lạt.

Phối hợp với phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, từ cuối tháng 3 năm 1966, nhân dân Đà Lạt, trong đó học sinh, sinh viên là lực lượng xung kích, đã tiến hành cuộc đấu tranh với quy mô lớn. Tối 26 tháng 3 năm 1966, tại chùa Linh Sơn, đại diện công nhân, tiểu thương, học sinh, sinh viên thành lập "*lực lượng nhân dân, sinh viên, học sinh tranh thủ dân chủ*", bầu Ban chấp hành và quyết định phát động cuộc đấu tranh vào ngày

28 tháng 3.

Theo kế hoạch đã định, sáng 28 tháng 3, sau khi lễ chào cờ ở trường Trần Hưng Đạo kết thúc, cơ sở cốt cán trong học sinh phát động cuộc đấu tranh, cùng lúc đó trong sân trường xuất hiện nhiều truyền đơn, biểu ngữ, học sinh bãi khóa. Khi học sinh trường Trần Hưng Đạo xuống đường biểu tình, đi qua khu vực viện Đại học, trường Bùi Thị Xuân, Bồ Đề (nay là trường bán công Nguyễn Du) đã có thêm hàng ngàn sinh viên, học sinh tham gia. Tại khu Hòa Bình, một cuộc biểu tình có trên 6.000 người tham gia gồm học sinh, sinh viên, tiểu thương, công nhân và nhân dân lao động. Lãnh đạo Ban chấp hành *"lực lượng nhân dân, sinh viên, học sinh tranh thủ dân chủ"* tuyên bố mục tiêu đấu tranh và kêu gọi nhân dân tích cực hưởng ứng. Hàng trăm biểu ngữ, khẩu hiệu được treo ở khu Hòa Bình và chợ Đà Lạt với nội dung:

- Mỹ phải tôn trọng chủ quyền Việt Nam, không được can thiệp vào nội bộ Việt Nam.

- Phải có chính quyền dân chủ.

- Chính quyền địa phương phải giải tán người Mỹ tại khách sạn Modern.

- Chúng tôi đòi giảm giá sinh hoạt.

- Sinh viên, học sinh đòi tự do, dân chủ.

Từ ngày 29 tháng 3 đến ngày 7 tháng 5 năm 1966, nhân dân Đà Lạt, sinh viên, học sinh tiến hành nhiều cuộc mít tinh, biểu tình đòi dân sinh, dân chủ, đòi Mỹ rút về nước và không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Lực lượng đấu tranh đã chiếm đài phát thanh từ ngày 30 tháng 3 đến sáng ngày 4 tháng 4, tuyệt thực 24 giờ và tổ chức đêm không ngủ tại trung tâm Hòa Bình, bắt tên đại úy chỉ huy lực lượng cảnh sát, chiếm hợp tác xã rau làm trụ sở. Trong cuộc đấu tranh này đã có năm thanh niên anh dũng hy sinh,

37 người bị thương và hàng chục người bị bắt. Nội dung và khẩu hiệu đấu tranh phù hợp với nguyện vọng quần chúng nên thu hút được hàng chục ngàn lượt người tham gia, đồng thời làm cho nội bộ địch mâu thuẫn, chia rẽ lẫn nhau. Trong quá trình đấu tranh đã phát triển thêm 140 cơ sở, 10 du kích mật, hình thành các lõm chính trị ở Nam Thiên, Đa Thiện, Xuân An, An Hòa, đường Hai Bà Trưng, Trương Công Định, Thung lũng Kim Khuê, Thiên Thành... Ở các lõm chính trị, phần lớn quần chúng đều hướng về cách mạng, có tổ chức Đảng trực tiếp lãnh đạo, lực lượng thanh niên làm nòng cốt, bộ máy ngục quyền cơ sở chỉ tồn tại trên hình thức.

Sau hai cuộc phản công chiến lược bị thất bại, chiến lược “*chiến tranh cục bộ*” của đế quốc Mỹ đứng trước nguy cơ phá sản. Trước tình hình đó, tháng 12 năm 1967, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và quyết định mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 nhằm giáng một đòn sấm sét vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Nằm ở vị trí chiến lược quan trọng ở Nam Tây Nguyên nên trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, Khu ủy Khu 6 chọn Đà Lạt làm trọng điểm 2 (thị xã Phan Thiết là trọng điểm 1), đồng thời tăng cường hai tiểu đoàn 145, 186 cùng lực lượng vũ trang tỉnh Tuyên Đức phối hợp tấn công địch, hỗ trợ nhân dân nổi dậy giành chính quyền làm chủ.

Theo kế hoạch chung của toàn miền, đêm 30 tháng 1 năm 1968 (tức đêm giao thừa Tết Mậu Thân), các đơn vị được lệnh tấn công nhưng do công tác chuẩn bị và nắm tình hình chưa chu đáo nên cả ba hướng ta đều không vào được trong thị xã, phải rút ra ngoài bàn đạp để củng cố lực lượng. Đêm 31 tháng 1, cả ba hướng đều đồng loạt tấn công địch.

Ở hướng Tây Bắc, các đơn vị đánh chiếm viện Pasteur, 9 ty và một phần tiểu khu. Ngày hôm sau địch phản kích quyết liệt nên các

đơn vị phải rút ra các ấp Xanh Giăng, Du Sinh, Nam Thiên, An Lạc, trụ lại đánh địch phản kích và pháo kích sân bay Cam Ly.

Trên hướng Tây Bắc, các đơn vị tiến công vào nội thị, đánh các mục tiêu quan trọng như Tỉnh đoàn bảo an, Lữ quán thanh niên, dinh Tỉnh trưởng, Ty Công an nhưng không dứt điểm. Trước sự phản kích ác liệt của địch, các đơn vị phải rút ra trụ lại đánh địch suốt 11 ngày đêm, hỗ trợ nhân dân các ấp Đa Phú, Đa Cát nổi dậy giành chính quyền làm chủ, thành lập chính quyền cách mạng (*).

Ở hướng Đông Nam, các đơn vị đánh địch ở Trại Hầm, ga xe lửa, Nha Địa dư và làm chủ khu vực trường Yersin, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch sau đó rút ra vùng ven để củng cố lực lượng.

Phối hợp với các mũi tấn công quân sự, sau khi khu vực từ Đa Cát đến Đa Phú được giải phóng, trên 1.000 nhân dân kéo về nội thị để cùng nhân dân khu trung tâm nổi dậy giành chính quyền làm chủ. Khi đoàn người đến gần ngã ba Chùa (ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi - Phan Đình Phùng hiện nay), bị địch phát hiện cho máy bay bắn chặn ác liệt nên đoàn người phải quay trở lại, kế hoạch nổi dậy làm chủ khu trung tâm không thực hiện được.

Trong suốt 11 ngày đêm bám trụ tại khu vực Đa Cát, các đơn vị đã đánh lui nhiều đợt phản kích của địch có xe tăng, pháo binh và máy bay yểm trợ, đồng thời tổ chức cho nhân dân sơ tán về hướng Kim Thạch, Tùng Lâm, Dòng Chúa Cứu Thế. Ở những vùng mới giải phóng, lực lượng tự vệ, dân quân được thành lập tổ chức các đội dân công phục vụ vận chuyển vũ khí, tiếp tế, đào hầm hào, cứu chữa thương binh...

Sau khi bị tổn thất khá nặng nề, địch tăng cường đến Đà Lạt một tiểu đoàn cộng hòa và một biệt đoàn cảnh sát để phối hợp với

(*) Chị Nguyễn Thị Thân (Ba Thân) được cử làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng ấp Đa Cát; chị Nguyễn Thị Tuyết (Năm Huế) được cử làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng ấp Đa Phú.

lực lượng tại chỗ tổ chức phòng thủ xung quanh thị xã, ngăn chặn các cuộc tiến công của ta.

Ngày 17 tháng 2 năm 1968, các đơn vị bước vào đợt hai của chiến dịch, tiếp tục đánh vào thị xã trên ba hướng. Trong bốn ngày chiến đấu ác liệt, ta không chiếm lĩnh được các mục tiêu đã định nên đến ngày 21 tháng 2 ta chỉ để lại 1/3 lực lượng, còn phần lớn rút ra hoạt động ở vùng nông thôn.

Qua hai đợt hoạt động cao điểm, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 2.700 tên địch, bắn rơi và phá hủy 14 máy bay, phá hủy gần 100 xe quân sự, bức rút 18 đồn bót, hỗ trợ quần chúng ở một số địa bàn nổi dậy giành quyền làm chủ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở Đà Lạt đã thể hiện sức mạnh tổng hợp giữa tấn công quân sự và nổi dậy của quần chúng, tạo ra bước ngoặt mới của phong trào cách mạng địa phương.

Từ đầu năm 1969, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Đây là một chiến lược tàn bạo, xảo quyệt và phản động về quân sự, chính trị và kinh tế. Bản chất của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" là tìm cách rút dần quân Mỹ về nước mà vẫn duy trì được chính quyền tay sai, duy trì chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam nước ta.

Tại Đà Lạt, địch tập trung củng cố bộ máy kèm ở cơ sở, đưa lực lượng bảo an, các đoàn bình định xuống các ấp, phát triển điệp ngầm để theo dõi hoạt động của ta và đánh phá cơ sở cách mạng bên trong. Trong chương trình bình định có trọng điểm, địch tập trung vào những nơi có phong trào cách mạng phát triển như Xuân Trường, Xuân Thọ. Ở các vùng bàn đạp, chúng tăng cường các cuộc hành quân càn quét, dùng pháo tầm xa bắn vào những khu vực nghi ta đóng quân, phá hoại kho tàng và các cơ sở sản xuất.

Thực hiện chủ trương vũ trang hóa cơ sở chính trị, đặc công hóa lực lượng bộ binh, từ năm 1969, lực lượng vũ trang tỉnh Tuyên

Đức và các đơn vị biệt động, du kích mật, tự vệ mật Đà Lạt đã đánh những trận táo bạo, bất ngờ, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Tiêu biểu là trận đánh vào Trung tâm chính trị (3 tháng 3 năm 1969), sân bay Cam Ly (20 tháng 3 năm 1969), diệt tên phó ty cảnh sát kiêm trưởng phòng cảnh sát đặc biệt (22 tháng 4 năm 1969), trường Cảnh sát dã chiến và Cảnh sát cơ bản (7 tháng 9 năm 1969), Trung tâm Vô tuyến viễn thông...

Trong đợt hoạt động xuân hè năm 1970 (lấy tên là đợt TK), Tỉnh ủy Tuyên Đức chọn Đà Lạt làm trọng điểm. Chiến dịch TK tấn công vào Đà Lạt được triển khai trên 3 hướng:

- Ở hướng chủ yếu đánh vào Trường võ bị, Trung tâm Vô tuyến viễn thông, Lữ quán thanh niên, Dinh thị trưởng và Tỉnh đoàn bảo an.

- Hướng thứ yếu một từ phía Nam đánh vào Dinh II, trại Cao Thắng, trận địa pháo Tân Lạc.

- Hướng thứ yếu hai từ phía Tây Bắc tiến vào chiếm lĩnh Lãnh địa Đức Bà, Đa Cát, đồi Đất Đỏ.

Đúng 18 giờ ngày 28 tháng 5 năm 1970, cả ba hướng đồng loạt nổ súng đánh chiếm các mục tiêu ở hướng chủ yếu, các đơn vị chia làm ba mũi tiến công: Mũi một đánh vào Trường võ bị nhưng không dứt điểm, sáng ngày 29 tháng 5 phải rút ra ngoài. Mũi hai bám trụ ở ấp Đa Thiện, dùng hỏa lực bắn yểm trợ cho mũi ba thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu bên trong và chiếm giữ khu vực Giáo hoàng chủng viện, đánh địch phản kích suốt hai ngày đêm, tối 30 tháng 5, mới rút ra ấp Đa Thiện cùng với mũi hai tiếp tục đánh địch. Sáng 31 tháng 5, lực lượng ta mới rút ra khỏi thị xã.

- Ở hướng thứ yếu một, các đơn vị đánh vào Dinh II, trại Cao Thắng nhưng không dứt điểm, phải rút ra ngoài dùng hỏa lực bắn vào trận địa pháo Tân Lạc.

Ở hướng thứ yếu hai, mũi một đánh vào khu vực đồi đất đỏ bị địch ném bom, phản kích ác liệt nên phải rút ra. Mũi hai trụ lại Lãnh địa Đức Bà, đánh lui tám đợt phản kích của địch, đến tối 29 tháng 5 mới rút ra ngoài.

Phối hợp với các hướng tiến công, du kích mật và tự vệ mật đánh mìn một số nơi trong thị xã, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Cơ sở cách mạng tại chỗ vận động nhân dân ở một số ấp nổi dậy phối hợp, vừa cùng bộ đội truy kích địch, diệt ác ôn, giải trang phòng vệ dân sự, tiếp tế lương thực thực phẩm cho bộ đội, vừa dựng chướng ngại vật trên đường phố, phá trụ sở nguy quyền, kêu gọi dân vệ, phòng vệ dân sự bỏ súng.

Trong chiến dịch TK, các đơn vị tiến công 23 mục tiêu, loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 tên địch, phá hủy 17 xe quân sự, bảy khẩu pháo, làm suy yếu bộ máy kèm ở cơ sở. Chiến dịch TK không những có ý nghĩa lớn đối với phong trào cách mạng địa phương mà còn có ảnh hưởng đến toàn miền. Dư luận thế giới ca ngợi thắng lợi có ý nghĩa to lớn của chiến dịch này. Báo "Thế giới" của Pháp cho rằng : *"Diễn biến và kết quả cuộc tiến công Đà Lạt là một thí dụ nổi bật nhất từ trước đến nay của sự phối hợp hành động giữa những bộ phận tiến công từ bên ngoài và những bộ phận đã xâm nhập vào bên trong thành phố"*.

Cùng với hoạt động vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị ở Đà Lạt tiếp tục phát triển nhằm đòi dân sinh dân chủ, chống khủng bố, đàn áp, chống bắt lính. Tháng 4 năm 1970, sinh viên Viện Đại học tổ chức nhiều cuộc hội thảo, bãi khóa để phản đối chính quyền Sài Gòn đàn áp học sinh, sinh viên, đòi quyền tự trị đại học. Tháng 7 năm 1970, sinh viên lại tổ chức đấu tranh chống chủ trương "quân sự hóa học đường" của Mỹ - Thiệu, lực lượng đấu tranh đã kéo đến phòng huấn luyện quân sự học đường đòi phải gỡ bỏ bảng hiệu treo trước phòng, đốt toàn bộ hồ sơ và một hình nộm mang quân phục "quân sự học đường".

Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh chính trị thời kỳ này là cuộc đấu tranh của nhân dân Đà Lạt từ ngày 28 tháng 9 đến ngày 3 tháng 10 năm 1971 chống cuộc bầu cử độc diễn của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Trước khi phát động cuộc đấu tranh, Thị ủy Đà Lạt chỉ đạo cơ sở cốt cán hoạt động trong các tổ chức công khai hợp pháp như: Mặt trận nhân dân tranh thủ hòa bình, phong trào phụ nữ đòi quyền sống, Mặt trận bảo vệ văn hóa dân tộc, Đoàn sinh viên Phật tử và Tổng đoàn học sinh Đà Lạt để thống nhất nội dung và chương trình đấu tranh. Đêm 27 tháng 9, tại chùa Linh Sơn, sinh viên, học sinh tổ chức cuộc hội thảo với chủ đề *"Sinh viên, học sinh trước hiện tình của đất nước"* nhằm vạch trần bản chất độc tài của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, đòi dân sinh dân chủ, đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh.

Sáng ngày 28 tháng 9, Ban lãnh đạo các tổ chức công khai hợp pháp tổ chức cuộc hội thảo *"nhận định về cuộc bầu cử độc diễn ngày 3.10"*. Tham dự hội thảo còn có đại diện Mặt trận nhân dân tranh thủ hòa bình Sài Gòn; phong trào sinh viên, học sinh Sài Gòn; Giáo hội Phật giáo và một số nhà báo. Những người dự hội thảo phản đối trò hề bầu cử bịp bợm của Mỹ - Thiệu, đốt thẻ cử tri, các bích chương cổ động cuộc bầu cử, thành lập *"Ủy ban Nhân dân Đà Lạt - Tuyên Đức chống bầu cử bịp bợm ngày 3.10"* và ra bản tuyên bố chung đòi hủy bỏ cuộc bầu cử, đòi Mỹ rút về nước, trả lại quyền tự quyết cho đồng bào miền Nam.

Liên tục từ tối 28 tháng 9 đến ngày 2 tháng 10, các tầng lớp nhân dân Đà Lạt và sinh viên, học sinh tổ chức nhiều cuộc mít tinh, biểu tình. Các tổ xung kích và sinh viên, học sinh tổ chức đêm không ngủ, hát vang những bài ca yêu nước do học sinh, sinh viên sáng tác; làm nhiệm vụ rải truyền đơn, căng biểu ngữ, phân phát bản tuyên bố chung; tiến hành mỗi ngày ba buổi phát thanh để phản đối cuộc bầu cử, thông báo tình hình đấu tranh, kêu gọi nhân dân trong

ngày bầu cử không đi bỏ phiếu.

Để đối phó với cuộc biểu tình lớn có thể nổ ra, trong ngày 3 tháng 10, địch huy động toàn bộ lực lượng bao vây chùa Linh Sơn, chặn các con đường vào trung tâm thị xã, làm cho tình hình Đà Lạt hết sức căng thẳng. Trong ngày hôm đó toàn Đà Lạt bãi thị, bãi khóa để phản đối bầu cử, phần lớn nhân dân không đi bỏ phiếu. Những người bị bắt ép đi bầu cử đã tìm cách làm cho phiếu không hợp lệ. Trong 47 phường, ấp của thị xã chỉ có hai tên trưởng phường đi vận động, thúc ép nhân dân đi bỏ phiếu, số còn lại nằm im hoặc tỏ thái độ đồng tình với quần chúng chống cuộc bầu cử. Trước tình hình đó, địch phải huy động nguy quân, nguy quyền, cảnh sát, công chức đi bỏ phiếu nhiều lần để đủ số phiếu quy định.

Cuộc đấu tranh một lần nữa khẳng định truyền thống cách mạng và sức mạnh đoàn kết của các tầng lớp nhân dân Đà Lạt. Nội dung cuộc đấu tranh đã vạch trần bản chất gian lận, bịp bợm của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu trong cuộc bầu cử ngày 3 tháng 10, nên đã tập hợp được nhiều tổ chức công khai hợp pháp tham gia, trong đó nòng cốt là lực lượng học sinh, sinh viên.

Trong những năm 1971-1972, mặc dù địch tăng cường thêm lực lượng, đẩy mạnh các hoạt động quân sự, chính trị nhưng phong trào cách mạng Đà Lạt vẫn được giữ vững, làm thất bại âm mưu và kế hoạch bình định của địch.

Thắng lợi của quân và dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc đã buộc Chính phủ Mỹ phải ký Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam vào ngày 27 tháng 1 năm 1973. Đây là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu sự thay đổi lớn về so sánh lực lượng có lợi cho ta, tạo ra khả năng hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Tại Đà Lạt, cơ sở bên trong hướng dẫn sinh viên, học sinh tổ chức nhiều cuộc hội thảo, hoạt động văn nghệ và phát hành một số

tập san công khai, nửa công khai với chủ đề “*Quê hương với hòa bình*”, “*Chính sách hòa hợp dân tộc*”. Những tập san của sinh viên, Phật tử, phong trào phụ nữ đòi quyền sống đều tái bản các văn kiện của Hiệp định và phát hành rộng rãi trong nhân dân.

Đối phó với những âm mưu, thủ đoạn của địch phá hoại Hiệp định Pa-ri, trong 2 năm 1973-1974 ta vừa đẩy mạnh hoạt động vũ trang để ngăn chặn và làm thất bại kế hoạch bình định, lấn chiếm của địch, vừa vận động nhân dân tiến hành hàng chục cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Pa-ri, đòi dân sinh dân chủ. Tuy nhiên, do sự đánh phá, khủng bố ác liệt của địch, nhiều đảng viên, cơ sở bị bắt nên thực lực cách mạng ở Đà Lạt giảm nhiều so với những năm trước.

Đầu năm 1975, thắng lợi vang dội, dồn dập trên các chiến trường đã tạo ra bước ngoặt mới của cách mạng miền Nam. Trước thời cơ ngàn năm có một và được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Tuyên Đức, Thị ủy Đà Lạt giao nhiệm vụ cho các chi bộ bên trong và cơ sở cốt cán trong lực lượng sinh viên, học sinh in truyền đơn kêu gọi nhân dân nổi dậy giải phóng quê hương, kêu gọi sĩ quan binh lính địch làm binh biến. Giữa tháng 3 năm 1975, Thị ủy tổ chức cho một số cán bộ, đảng viên, cơ sở nội thị ra căn cứ để học tập tình hình và nhiệm vụ mới, phổ biến kế hoạch tự giải phóng khi có thời cơ, chiếm lĩnh và bảo vệ các cơ sở quan trọng.

Sau khi ta giải phóng Tây Nguyên và một số tỉnh duyên hải miền Trung, quân địch ở Đà Lạt hoang mang cực độ và trong đêm 31 tháng 3 năm 1975 chúng rút chạy xuống Phan Rang. Một số đảng viên và cơ sở bên trong nhanh chóng thành lập Ban tự quản, tổ chức lực lượng tự vệ để tiếp quản các vị trí quan trọng như Trung tâm nguyên tử lực, Nhà máy điện, Nhà máy nước, Bưu điện,... đồng thời trấn áp những phần tử phá hoại, gây rối an ninh trật tự. Ngày 1 và 2 tháng 4 năm 1975, nhân dân ở các ấp vùng ven đã hoàn toàn làm chủ tình hình. Sáng ngày 3 tháng 4 năm 1975, cờ cách mạng

tung bay trên Tòa hành chính tỉnh Tuyên Đức và Tòa thị chính Đà Lạt, đánh dấu giờ phút lịch sử: tỉnh Tuyên Đức và thị xã Đà Lạt hoàn toàn giải phóng.

Sáng ngày 14 tháng 4 năm 1975, hơn 10.000 nhân dân Đà Lạt tập trung tại sân vận động đón đoàn cán bộ Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do Chủ tịch Huỳnh Tấn Phát dẫn đầu và cùng Ủy ban quân quản Đà Lạt tổ chức lễ mừng chiến thắng. Tại buổi lễ này, thay mặt Chính phủ, Chủ tịch Huỳnh Tấn Phát đã tặng thưởng cho cán bộ, quân dân Đà Lạt Huân chương Thành đồng hạng nhất.



Trải qua 45 năm đấu tranh cách mạng (1930-1975), dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Đà Lạt đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất Tổ quốc. Qua thực tiễn đấu tranh, nhân dân Đà Lạt nhận rõ và tin tưởng vào sức mạnh của chính mình, sự thất bại không thể tránh khỏi của kẻ thù; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và thắng lợi của cách mạng. Tổ chức Đảng được rèn luyện về ý chí và năng lực lãnh đạo, kiên cường bám dân, bám chiến trường; xây dựng đội ngũ vững mạnh về số lượng và chất lượng. Đó là những bài học quý báu cần được tiếp tục phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc để Đà Lạt xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật của tỉnh Lâm Đồng và là một trong những trung tâm du lịch nổi tiếng của cả nước.

Đà Lạt

105 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

PHÚC ÂN - NGUYỄN DIỆP

• ĐÀ LẠT THỪA BAN ĐẦU (1893-1925)

Vào những năm cuối thế kỷ XIX, được sự giúp đỡ của nhà bác học Pasteur, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Pháp và theo yêu cầu của Jean Marie de Lanessan nghiên cứu một dự án đường sá đi từ Sài Gòn tiến vào xứ Thượng, Bác sĩ Alexandre Yersin, người Thụy Sĩ, quốc tịch Pháp, đã thám hiểm và lên được Cao nguyên Lang Bian đến vùng Đankia.

Theo hồi ký của Yersin đăng trên tạp chí *Đông Dương (Indochine)* năm 1942, ông tìm ra Cao nguyên Lang Bian vào ngày 21.6.1893. Yersin kể lại tâm trạng của mình như sau :

“Cảm tưởng của tôi thật sống động, khi từ rừng thông ra, tôi đặt chân lên bờ Cao nguyên rộng lớn trơ trụi và mấp mô, chế ngự bởi ba đỉnh núi Lang Bian. Những gợn sóng của nó làm tôi nhớ lại mặt biển bị dày vò do một đợt sóng vĩ đại như người ta thường thấy ở duyên hải An Nam tiếp theo một trận bão lớn.

Sự mát lạnh của khí trời đã làm tôi quên đi sự mệt nhọc và tôi nhớ lại sự vui mừng mà tôi đã cảm thấy khi chạy hết tốc lực lên xuống những quả đồi y như một cậu học sinh trẻ trung học"(*)

Trong cuộc thám hiểm này, Yersin cũng đã kể về Cao nguyên Lang Bian và Đà Lạt buổi sơ khai như sau : *"Dãy Lang Bian sừng sững ở giữa như một hòn đảo và dường như càng lùi xa khi ta đến gần. Trong những cánh đồng bao la ấy, ta dễ tính sai cự ly. Dưới đáy thung lũng, đất màu đen và có than bùn. Những đàn nai lớn cho phép đến gần khoảng 100m rồi vụt bỏ chạy ra xa, ngoái đầu lại nhìn chúng tôi một cách tò mò".*

Theo nhật ký của Yersin còn để lại thì ngày 21.6.1893 từ Rioung, Yersin đi đến bờ sông Da N'Tâm (tức Đa Tam), một nhánh của sông Đa Nhim. Ngược dòng Đa Tam, ông đi đến các làng Kréan (gần núi Mnil), Brenne (tức Prenn, gần thác Prenn), sau đó đi về phía Tây Bắc rồi bắt đầu leo núi. Sau gần một giờ leo núi, ông bước ra khỏi rừng thông và phát hiện ra Cao nguyên Lang Bian lúc 15g30'. 15g45' cùng ngày, Yersin vượt qua dòng suối Camly để đi về phía Tây Bắc. Ông đến làng Deũng vào lúc 17g55', sau đó vượt sông Da Dong (tức Đa Đồng) và đến 18g15' thì đến làng Dan Dia (Đan Ya) hay Lang Ia (Lang Ya).

Yersin đã mô tả cụ thể : *"Vùng đất này cư dân thưa thớt, một vài làng của người Lạch (M'Lates) được tập trung ở chân núi. Nơi*

(*) Nguyên văn : *"Mon impression a été vive, lorsque débouchant de la forêt des pins, je suis parvenu sur le bord de ce vaste plateau dénudé et accidenté dominé par le triple pic du Langbian, ces ondulations me rappelaient une mer tourmentée par un houle énorme comme on peut observer parfois sur la côte d'Annam au voisinage d'un typhon. La fraîcheur de l'air m'avait fait oublier la fatigue et je me rappelle la joie que j'éprouvais à courir comme un jeune collégien, montant et descendant les collines à toute allure".*

(Noël Bernard : Yersin - pionnier, savant, explorateur (1863-1943), Paris, Colombe 1953, p.76)

đó người ta làm ruộng lúa nước rất đẹp... Người Lạch (M'Lates) nói tiếng Chăm cũng thạo như tiếng Mạ. Phụ nữ xoi vành tai thật rộng để hong vào đó những chiếc hình xoắn ốc rất nặng. Người ta tiếp tôi trong căn nhà làng. Mỗi già làng mang tới vò rượu cần của mình. Có đến sáu vò rượu xếp thành hàng dài trước mặt tôi, may thay người ta không yêu cầu tôi phải thưởng thức hết (*).

Sau đó, Yersin đã trao một phần các ghi chép của ông cho *Tạp chí Đông Dương* (*Revue indochinoise*) in ở Hà Nội. Trong số ra tháng 11.1893, tờ báo này có đăng độ 10 trang bài kèm theo một tấm bản đồ lớn vẽ lại tuyến đường đi trong cuộc hành trình của Yersin và các nẻo đường dự tính. Phải đem so sánh bản đồ này với bản đồ của Viện Địa dư quốc tế phát hành vào năm 1945 mới đánh giá được hết công lao của Yersin đối với hệ thống đường bộ đương thời.

Cuộc thám hiểm Cao nguyên Lang Bian của Bác sĩ Yersin rất quan trọng, nó đánh dấu sự hình thành của thành phố Đà Lạt.



Trong chuyến công du Ấn Độ, Toàn quyền Paul Doumer được chứng kiến những trạm nghỉ dưỡng (sanatorium) tổ chức tốt và nhận thấy binh sĩ đóng tại các địa điểm trên độ cao từ 1.000m lên đến hơn 2.000m, có khí hậu giống như ở châu Âu, không bị mắc những bệnh vùng nhiệt đới. Doumer rất mong muốn tìm một hay nhiều nơi tương tự dành cho công chức và binh sĩ Pháp mệt mỏi, đau yếu vì khí hậu nhiệt đới, tránh được cái nóng nung người ở đồng bằng, tận hưởng những giây phút yên tĩnh trong không khí mát lạnh để hồi phục sức khỏe. Trong lá thư ngày 23.7.1897 gửi cho các khâm sứ, Doumer nêu ra 4 điều kiện cần thiết cho một nơi nghỉ dưỡng: độ cao tối thiểu 1.200m, nguồn nước dồi dào, đất đai trồng trọt được, khả năng thiết

(*) Jacqueline Brossolet, Henri Mollaret: *Alexandre Yersin - Người chiến thắng bệnh dịch hạch*, NXB Thông tin, 1991.

lập đường giao thông dễ dàng. Ở miền Bắc 2 địa điểm được giới thiệu nhưng không được chấp nhận là đỉnh núi Ba Vì và Cao nguyên giữa sông Hồng và sông Đà. Đỉnh núi Ba Vì quá chật hẹp và độ ẩm quá cao; đường giao thông lên các Cao nguyên giữa thung lũng sông Hồng và sông Đà không thuận lợi.

Vũng Tàu nằm trên bờ biển, cách Sài Gòn 100 cây số theo đường sông, là một bãi biển mát mẻ hơn vùng nội địa nhưng không thể dùng làm nơi nghỉ dưỡng. Vùng đầm lầy Thang Tham, dài hàng chục cây số, ở gần Vũng Tàu là môi trường truyền bệnh sốt rét.

Nam Kỳ không có những vùng núi cao trên 1.000m. Gần Tây Ninh có một đỉnh núi cao 884m, giữa Châu Đốc và Hà Tiên cũng có vài đỉnh núi khác cao 400 hay 500m .

Nhận được thư riêng của Doumer, bác sĩ Alexandre Yersin gợi ý thiết lập nơi nghỉ dưỡng ở Đà Lạt - Đăng Kia^(*).

Từ tháng 10.1897, Doumer cử một phái đoàn quân sự nghiên cứu tìm ra con đường dễ dàng nhất đi từ Nha Trang lên Cao nguyên Lang Bian. Phái đoàn đặt dưới sự chỉ huy của đại úy pháo binh Thouars ^(**), có trung úy thủy quân lục chiến Wolf làm phụ tá. Các thành viên khác của phái đoàn gồm có: Cunhac, phụ tá trắc địa viên; Abriac, phụ trách vận chuyển hàng hóa; Missigbrott, sĩ quan tùy tùng, rất tháo vát. Ngoài ra còn có 2 hay 3 dân binh và một người dẫn đường đã đi cùng với Yersin 4 năm về trước. Phái đoàn đi từ Sài Gòn đến Nha Trang và tiến vào thung lũng của sông Nha Trang. Sau 1 tháng khảo sát địa hình trong những điều kiện rất khó khăn và vất vả, đoàn người đến thung lũng sông Đa Nhím, gặp buôn Thượng La Pá (Loupah), gần Đăn (Dran). Từ đây họ men theo hữu ngạn sông Đa Nhím, đến Phi Nôm (Fimnom), ngược dòng suối Đa Tam - một nhánh của sông Đa Nhím - vượt thác Prenn và leo lên

(*) Dankia, Dankir, Dankia.

(**) Một số tư liệu viết là Thouard.

triển dốc cao phía Nam Cao nguyên, đến Đà Lạt tại địa điểm về sau xây cất quán Xa-voa (Auberge savoisienne)(^{*}).

Sau một thời gian dựng lều sống bên bờ suối Cam Ly, phái đoàn trú ngụ tạm thời ở Đăng Kia. Tại đây có một buôn Thượng lớn trong khi khắp vùng rất nghèo nàn và hoang vắng. Ở Măng Linh (Manline) có 2 hay 3 buôn người Lạch. Ở Đăng Kia, phái đoàn được thuận lợi là ở trung tâm của toàn vùng, rất tiện cho việc vẽ bản đồ và đổi vật dụng để lấy lương thực.

Thouars chứng minh không thể đi thẳng từ Nha Trang lên Lang Bian và phác thảo một con đường dài khoảng 122km đi từ Phan Rang, ngang qua Xóm Gòn, Đăn, thung lũng sông Đa Nhim, Klong, Prenn và đến Đà Lạt. Nhận thấy ở độ cao 1.000m, Cao nguyên Lang Bian có nhiều nhánh của sông Đồng Nai Thượng, ông gợi ý xây dựng một con đường trực tiếp từ Sài Gòn lên Đà Lạt qua thung lũng sông Đồng Nai, tránh con đường đèo cao 800m lên Đăn.

Sau 11 tháng khảo sát, vào tháng 9.1898, phái đoàn trở về lại vùng biển, chỉ để Missigbrott ở lại. Missigbrott đã lập được một vườn rau và chăn nuôi một ít gia súc. Đây cũng là bước đầu của nông trại Đăng Kia.



Năm 1898, một trạm nông nghiệp và một trạm khí tượng được thiết lập ở Đăng Kia.

Trong báo cáo ngày 15.12.1901, kỹ sư A. D'André, thanh tra nông nghiệp, trạm trưởng trạm nông nghiệp Lang Bian, cho biết trạm có diện tích 16,6706ha, trồng thử nghiệm nhiều loại cây:

- Rau: Măng tây, cà tím, xà lách, xà lách son (cresson), bắp cải (các giống đỏ, Cabus, Joanet, Milan, Bruxelles, Quintal), cải bông,

(^{*}) Gắn đầu đèo Prenn.

su hào, dưa leo, dưa chuột, hành tây, củ cải, cà rốt, củ dền, đậu xanh, đậu Hà Lan, cần, ngò tây, cà chua, actisô...

- Cây ăn trái: Pom, lê, đào, cam, chanh, ô-liu, nho, dâu tây...

- Cây lương thực: Bắp, lúa mì, đại mạch, yến mạch, khoai lang, khoai tây...

- Cây công nghiệp: Chè.

Về hoa, A. D'André ghi nhận: *"Năm nay, một số lượng tương đối lớn giống hoa được trồng thử. Tôi có thể kể: hoa hồng, cúc, cúc tím (aster), dong riềng, bóng nước (balsamine), sen cạn (capucine), cô-cơ-li-cô, thược dược, môm sói, bất tử, Forget-me-not (myosotis), mạc-gơ-rít, cẩm chướng, cẩm nhung, á phiện, tư tưởng (pensée), phong lữ (géranium), móng rồng (phlox), hoa tím (violette), cúc lá nhám (Zinnia), ..."*

Tôi theo dõi các giống hoa cho kết quả tốt nhất và ít tốn công chăm sóc. Nói chung, có thể nói hoa ở Pháp và các vùng ôn đới rất thích hợp trên Lang Bian. Hoa phát triển tối đa và đẹp rực rỡ. Hầu hết các giống hoa đều cho hạt tốt đã được thu hái và giữ làm giống".

Trạm cũng trồng thử củ cải dành cho chăn nuôi bò giống Mammouth và Dizette và nuôi 250 gia súc.

A. D'André nhận xét: *"Gia súc tăng trưởng tốt nhờ cỏ trên Cao nguyên. Các con vật đưa từ Phan Rang lên rất ốm yếu và mệt mỏi vì đường xa, nhưng hồi phục lại sau 3 tháng. Bảy con bò giống Bretagne lớn nhanh nhưng phải cho ăn thêm cỏ khô, bắp, khoai. Ba con mang từ Pháp sang và 4 con ra đời trên Cao nguyên. Đôi khi đàn bò sinh ra những con lai rất đẹp. Hiện có 12 con."*

Ngày 23.12.1900, tôi mang từ Phan Rang lên 10 con cừu, trong đó có một con cừu đực. Số cừu này là giống lai giữa cừu Ấn Độ và cừu Trung Hoa cho loại len dài nhưng thô. Đàn cừu đã trải qua mùa khô và một phần của mùa mưa, đến ngày 18.7.1901 có tất cả 19

con. Rất tiếc, một con cọp đã lén vào chuồng trong đêm tối và vồ chết 14 con. Tuy nhiên, 5 con sống sót còn hình dáng tốt và tôi nghĩ rằng có khả năng nuôi cừu trên quy mô lớn, trừ tai họa này, không có con thú nào mắc bệnh cả. Khí hậu và đồng cỏ hình như rất thích hợp.

Gia súc trong trại cung cấp mỗi tháng khoảng 50 thước khối phân chuồng. Nhờ số lượng phân này, có thể đủ bón cho cây trồng. Từ tháng 5 đến tháng 10, trạm nông nghiệp sản xuất được mỗi tuần 2 lần khoảng 150 kg rau các loại, con số này có thể lên đến 267 kg. Nông sản có thể được coi như là dồi dào” .



Trạm khí tượng hoạt động tương đối đều đặn mãi đến cuối năm 1908, trừ năm 1905 bị gián đoạn trong một thời gian. Năm 1909, trạm được chuyển từ Đăng Kia về Đà Lạt. Ngừng hoạt động từ cuối năm 1908, trạm tiếp tục công việc từ tháng 6.1909 đến cuối năm 1911. Vào thời kỳ này, đài thiên văn trung ương Phù Liên có nhiệm vụ tập trung và thông báo những dữ kiện khí tượng ở Đông Dương báo tin trạm Đà Lạt ngừng hoạt động vì không được trợ cấp.

Tuy nhiên, những dữ kiện khí tượng thu được trong 14 năm đủ để xác minh điều kiện khí hậu của Cao nguyên Lang Bian.

Về nhiệt độ, đồ thị cho biết nhiệt độ tối cao khá đều, dao động giữa 27° và 30° ; trừ tháng 7.1902, nhiệt độ lên đến 32° .

Từ 0° vào tháng 1, nhiệt độ tối thấp giảm xuống còn -2° vào tháng 2 và lên cao khá đột ngột đến tháng 8 và 9 (khoảng 9°), sau đó nhiệt độ giảm dần xuống còn 2° vào tháng 12.

Nhiệt độ trung bình hằng tháng thay đổi giữa $16^{\circ}37'$ (tháng 1) và $19^{\circ}57'$ (tháng 5). Từ mùa hè sang mùa đông, nhiệt độ chỉ cách nhau khoảng $3^{\circ}20'$. Nhiệt độ trung bình hàng năm là $18^{\circ}32'$, gần giống như nhiệt độ trên bờ biển Địa Trung Hải vào mùa xuân.



Tháng 3.1899, Doumer gửi điện tín cho bác sĩ Yersin báo tin ông sẽ đến Phan Rang trong vòng 48 giờ và sẽ cùng Yersin leo núi lên Cao nguyên Lang Bian.

Lúc bấy giờ, con đường cái quan từ Nha Trang đến Phan Rang chỉ là một con đường mòn không có cầu bắc qua sông. Yersin liền cưỡi ngựa đi suốt ngày đêm, chỉ dừng lại ở các trạm đặt cách nhau từ 15 đến 20 km. Ngày 25.3.1899, Yersin đến Nại (gần Phan Rang) đúng lúc tàu Kersaint cập bến.

Doumer nghỉ trong giây lát ở tòa công sứ Phan Rang, sau đó cùng đoàn tùy tùng cưỡi ngựa đi ngay, định chiều hôm ấy đến chân núi, cách Phan Rang khoảng 40km.

Ngựa của Doumer phi nước đại. Nhờ giống ngựa tốt, Yersin đuổi kịp Doumer và đến Sông Pha (Krongpha) khi trời chập choạng tối.

Yersin dựng lều, lấy ra hai cái giường xếp và vài lon đồ hộp. Mãi đến khuya, đoàn tùy tùng và hành lý mới đến nơi.

Sáng hôm sau, khi trời vừa sáng, đoàn người bắt đầu leo núi. Con đường đèo thật gập ghềnh và hiểm trở, mọi người phải dắt ngựa đi bộ. Họ đến Đăn vào lúc 10 giờ. Trên Cao nguyên chưa có một người Việt nào sinh sống, Đăn chỉ là một buôn Thượng mà cư dân đều bị bệnh sốt rét hoành hành. Sau khi tắm sông và vội vàng ăn trưa, họ lại lên đường đi tiếp chặng cuối.

Trước khi đến Trạm Hành, đoàn người lại dắt ngựa trên đoạn đường đèo, nhưng từ Trạm Hành, đường đi dễ dàng hơn, họ tiếp tục lên yên.

Khi Doumer, đại úy Langlois và Yersin đến ven Cao nguyên thì trời đã tối sầm. Cả ba người bám sát nhau vì một lý do chính là trong đêm tối, chưa quen với địa hình, họ có thể bị lạc. Vào lúc 10 giờ đêm, họ tới đồn lính ở vị trí Đà Lạt hiện nay. Đó là một mái nhà tranh

đơn sơ. Ông Garnier - trưởng đồn - đang ngủ bỗng choàng dậy trước sự có mặt của khách lạ vì chưa được báo tin trước. Vào lúc 1 giờ khuya, đoàn tùy tùng đến. Viên công sứ Nha Trang nói giọng hời hông: *"Tôi nghe tiếng cọp gầm, tôi nhận ra tiếng cọp mà !"*.

Từ sáng sớm, đoàn người khởi hành tiến đến Đăk Kì. Trời lạnh, trên đường đi họ gặp rất nhiều con cà tông (*).

Ở Đăk Kì, Doumer thanh tra trạm nông nghiệp và khí tượng, trình bày dự án thành lập nơi nghỉ dưỡng tương lai nằm trên đoạn đường xe lửa đi từ Sài Gòn, xuyên qua rừng núi đến Đà Lạt rồi xuống Qui Nhơn. Về sau, dự án không thực hiện được vì khi khảo sát thiết kế, các kỹ sư nhận thấy gặp nhiều khó khăn về kỹ thuật hơn là thiết lập một đường xe lửa ven biển với một nhánh đường sắt phụ từ Phan Rang lên Đà Lạt.



Ngày 18.4.1899, Doumer giao cho đại úy Guynet nhiệm vụ làm một con đường dài 110 - 120km đi từ Nại - gần bãi biển Ninh Chữ - lên Cao nguyên Lang Bian. Đoạn đầu bằng đất đi từ Phan Rang đến chân núi Trường Sơn, đoạn sau là một con đường có độ dốc 8% dành cho lừa tải hàng lên núi.

Phái đoàn thứ hai này gồm có 20 người Âu, trong đó có bác sĩ Étienne Tardif và hai người có mặt trong phái đoàn Thouars : Cunhac, Abriac.

Ngày 8.6.1899, Tardif tháp tùng Guynet lên Lang Bian. Ông nhận thấy có một khoảng cách rất lớn về nhiệt độ giữa đồng bằng và miền núi.

Tardif mô tả Đà Lạt và Đăk Kì lúc bấy giờ như sau :

"Đà Lạt nằm trên Cao nguyên Lang Bian trên độ cao ít nhất là

(*) Một động vật giống như nai, nhưng nhỏ hơn.

1.500m. Đồn lính nằm trên lưng chừng đồi của một thung lũng rộng, nhìn xuống một vùng đất dốc thoải ven bìa rừng thông. Một dòng suối có lưu lượng rất cao chảy dưới thung lũng. Nước suối trong mát, dễ uống và không có mùi vị.

Đồn lính Đà Lạt còn rất thô sơ. Trong đồn chỉ có vài người lính và thợ mộc.

... Đẳng Kia ở phía Bắc Đà Lạt nằm trên độ cao 1.400m có 2 người Âu, khoảng 50 người Việt và Thượng. Cách đó không xa là buôn Thượng với 40 - 50 hộ. Ông Canivey và Missigbrott mỗi người ở trong một túp lều tranh cách nhau 800m. Họ lấy nước từ một con suối chảy vào sông Đồng Nai ở chân đồi”.

Về Cao nguyên Lang Bian, Tardif viết :

“Cao nguyên Lang Bian là một vùng rộng lớn trải ra xung quanh giao điểm của 106° Kinh Đông và 12° Vĩ Bắc, có hình dáng một hình e líp mà đường trục lớn Bắc - Nam dài 18km và đường trục nhỏ Đông - Tây dài từ 10 đến 12km.

Độ cao thay đổi từ 1.300 đến 1.550 và 1.600m.

Đỉnh núi cao nhất của dãy Lang Bian có độ cao 2.200m án ngữ Cao nguyên Lang Bian về hướng Bắc. Về các hướng khác, những chỏm núi dài và bao bọc Cao nguyên Lang Bian.

Khi nhìn thấy Cao nguyên Lang Bian, điều đập mạnh vào mắt tôi trước tiên là địa hình. Cả một vùng rộng lớn gồm nhiều ngọn đồi nằm kề bên nhau, nối tiếp nhau, chế ngự lẫn nhau, sườn đồi này dốc thẳng đứng, sườn đồi kia nằm thoải thoải trên mặt đất. Những thung lũng rộng và sâu nhiều hay ít chia cắt núi đồi dợn sóng, len vào giữa là con đường nối liền Đẳng Kia với Đà Lạt.

Cả vùng đồi núi này đều phủ bởi một lớp cỏ ngắn vào mùa khô, cao và dày vào mùa mưa.

Trong thung lũng mọc nhiều loại thực vật khác nhau, lau sậy và

trên vài sườn đồi có những đám thông và tùng.

Dòng nước chảy theo nhiều lối, có khi là những dòng suối nước chảy xiết, có khi là những ao hồ sâu ẩn mình dưới một lớp thảo mộc rậm rạp.

Hình dáng mấp mô của Cao nguyên thật là lạ lùng ! Tôi leo lên một trong 5 đỉnh núi. Một cảnh quan kỳ diệu hiện ra trước mắt tôi. 150 đồi núi xanh rờn giống như một thúng cam khổng lồ. Trong vùng núi đồi trùng điệp có vài làng mạc : Ở phía Nam Đà Lạt; hơi chếch về hướng Tây, Đăk Kia và Ăn-krô-ét (Ankrôt); dưới chân núi, Bờ Nơ (Beneur). Xa xa, về hướng Đông là dãy núi Nha Trang; về phía Nam, hoành sơn của thung lũng sông Đồng Nai; về phía Tây và Tây-Nam, những đỉnh núi cao của Căm-pu-chia và Lào.

Tôi nhận thấy gió trên Cao nguyên thổi vào tháng 6 từ Bắc sang Đông và thổi dữ dội từ Đông sang Tây vào tháng 11, trong mùa lạnh.

Cuối cùng, không thể nào quên một nét thật mê hồn trên Cao nguyên bao la này: Ăn-krô-ét với rừng thông mênh mông và thác nước kỳ lạ cao 15m, nước tuôn xối xả. Rất tiếc, vị trí nơi đây quá hẹp không cho phép xây dựng những công trình quan trọng”.

Trước thế kỷ XX, Đăk Kia là buôn lớn nhất trên Cao nguyên Lang Bian, trong khi Đà Lạt vẫn còn hoang sơ. Nhưng so sánh giữa Đà Lạt và Đăk Kia, Tardif đề nghị chọn Đà Lạt làm nơi nghỉ dưỡng và phân tích :

Điều kiện vệ sinh : Vị trí thuận lợi nhất để thành lập nơi nghỉ dưỡng là một địa điểm trống trải và dễ đến gần. Đó là trường hợp của Đà Lạt có thể đến một cách tự nhiên, trong khi phải đi quanh co thêm 13km để đến Đăk Kia. Đà Lạt còn có một điểm thuận lợi nữa là đất đai kéo dài liên tục với dốc thấp, trong khi Đăk Kia gồm một dãy đồi núi tách rời nhau với những thung lũng hẹp và lầy lội.

Về độ cao : Đà Lạt cao hơn Đăng Kia 100m. Có thể nói một cách chính xác rằng Đà Lạt ở trên cao và Đăng Kia nằm trong lòng chảo.

+ Nước : Nếu trong tương lai, nơi nghỉ dưỡng trở thành trung tâm, chỉ cần xây dựng ở Đà Lạt một tháp nước là sẽ phân phối được nước cho mọi nhà; ở Đăng Kia, một công trình như vậy gặp rất nhiều khó khăn.

+ Không khí : Về điểm này, Đà Lạt càng thuận lợi hơn Đăng Kia. Tôi chưa dám nói trước rằng nhờ độ cao, không khí Đà Lạt trong sạch hơn, nhưng chắc chắn là không khí Đà Lạt khô hơn.

Nằm gần đỉnh núi Lang Bian, trong mùa mưa, Đăng Kia hứng hầu hết những trận mưa. Ở Đăng Kia, sương mù dày đặc hơn, gió và tia nắng mặt trời chỉ đến từ 9 đến 10 giờ sáng.

Cuối cùng, Đăng Kia không bao giờ có không khí rừng thông. Ngược lại, Đà Lạt nằm kế một rừng thông mênh mông tạo thành một hình bán nguyệt ở Đông - Nam Cao nguyên.

+ Về thảo mộc, quanh Đăng Kia không có cây cối. Đồi núi chỉ phủ toàn một lớp cỏ xanh. Đà Lạt, trái lại, nằm cạnh một rừng thông và tùng, không khí đầy hương thơm nhựa thông trong lành. Tính chất thổ nhưỡng ở Đà Lạt cũng tốt hơn ở Đăng Kia.

+ Nếu nơi nghỉ dưỡng đặt ở Đăng Kia, đây sẽ là một thành phố có nhiều đồi núi mấp mô, ít đất bằng, không thuận tiện cho các phương tiện giao thông (xe hơi, xe điện, xe đạp) hoạt động. Về ban ngày, không có bóng cây, do đó không thể dạo chơi; ban đêm lại đầy sương mù.

Giá thành nước cung cấp đến tận nhà rất cao. Vấn đề giải quyết nước thải bằng những phương pháp cơ học hay hóa học ở Đăng Kia rất tốn kém. Nếu nước thải chảy vào sông Đồng Nai sẽ gặp rất nhiều khó khăn về mùa khô. Ở Đà Lạt, với đất rộng, đồi núi

thấp, một tháp nước và một hệ thống đường ống dẫn nước có thể cung cấp nước cho mọi gia đình. Nước thải được cho chảy về Prenn. Dưới thung lũng này có một dòng suối đầy nước quanh năm chảy qua một vùng rộng lớn gần như hoang vu trước khi nhập vào sông Đa Nhim.

+ Vật liệu xây dựng lại ở gần Đà Lạt và rất xa Đăng Kia.

+ Về phương diện thẩm mỹ, Đà Lạt nằm ở vị trí rất tuyệt diệu, chân trời lui về phía dãy núi Lang Bian. Trái lại, từ lòng chảo Đăng Kia, chân trời bị những ngọn đồi xanh bao quanh, không có rừng, không có núi, chỉ nhìn thấy ánh mặt trời và đồi cỏ xanh”.

Trong một thời gian, giới hữu trách do dự trong việc chọn một trong những địa điểm sau để thành lập nơi nghỉ dưỡng : Đăn, Bờ Nơ, Đà Lạt và Đăng Kia. Lúc đầu, người ta chọn Đăng Kia, nhưng sau đó một địa điểm giữa Đà Lạt và Đăng Kia, và cuối cùng là Đà Lạt.



Ngày 1.11.1899, tỉnh Đồng Nai Thượng được thành lập bao gồm vùng thượng lưu sông Đồng Nai đến biên giới của Nam kỳ và Lào. Tỉnh lỵ đặt tại Di Linh (Djiring) và 2 trạm hành chánh (postes administratifs) được thành lập ở Tánh Linh (Tân Linh) và trên Cao nguyên Lang Bian. Ngoài các nhiệm vụ thường lệ, Outrey - công sứ tỉnh Đồng Nai Thượng - còn có nhiệm vụ đặc biệt giúp Sở Công chánh Đông Dương nghiên cứu và xây dựng con đường sắt ở Nam Trung kỳ.

Từ năm 1898 đến năm 1900, các phái đoàn Odhéra, Garnier và Bernard nghiên cứu con đường đi từ Sài Gòn lên Đà Lạt (dài khoảng 300km), đề nghị một con đường đi từ Phan Rang lên Đà Lạt qua Klong, vượt sông Đồng Nai, đi ngang qua Di Linh và xuống thung

lũng sông La Ngà để tiếp nối với con đường sắt ven biển về hướng Tánh Linh.

Năm 1901, vài căn nhà gỗ được xây dựng dành cho toàn quyền, bệnh viện, công sứ và cảnh binh. Một viên thị trưởng được chỉ định.

Khi còn ở Hà Nội, Doumer đã lập một chương trình xây dựng Đà Lạt. Theo chương trình này, Đà Lạt là một thành phố toàn vẹn với các trụ sở hành chánh hoạt động về mùa hè, các trường trung học và doanh trại quân đội. Bản đồ phân lô đã bố trí các công trình kiến trúc từ dinh toàn quyền đến nhà ở của y tá, văn phòng công chánh, thuế vụ, thú y, thanh tra tài chánh, nông nghiệp... Sở Cảnh sát ở bên cạnh giải trí trường. Tòa thị chính rộng 306,88m² với nhiều phòng. Nước được dự kiến cung cấp cho 10.000 dân, nguồn nước có thể thỏa mãn trong tương lai cho 40.000 dân. Nước được lọc bằng phương pháp ozon hóa và có cả tia cực tím. Năng lượng thủy điện của các thác nước ở Ăn-k rô-ét với nhà máy 2.760 sức ngựa sẽ cung cấp điện cho thành phố.

Năm 1902, Doumer về Pháp, dự án đồ sộ của ông bị ngưng lại, kinh phí bị cắt, những công trình xây dựng dở dang. Ở Đà Lạt chỉ còn vài nhân vật : một thị trưởng, một giám binh và một trưởng trạm nông nghiệp. Đà Lạt triển miên trong một giấc ngủ dài hơn 10 năm...

Trong thời gian này, các phái đoàn Beylié (1903), Bennequin (1904), bác sĩ Grall (1904), Bizar (1905), Garnier (1906), Cunhac (1907), Ducla (Bộ Công chánh), Bác sĩ Vassal (Viện Pasteur) vẫn nghiên cứu về Lang Bian và những con đường lên Cao nguyên, kiến nghị xin tiếp tục xây dựng Đà Lạt - một địa điểm nghỉ dưỡng rất lý tưởng.

Năm 1907, Hotel du Lac (Khách sạn Hồ) được cất bằng gỗ là khách sạn đầu tiên ở Đà Lạt. Dựa trên những con đường mòn của người Thượng, người ta vạch ra đường phố Đà Lạt.

Vào những năm đầu thế kỷ XX, Đà Lạt vẫn còn hoang sơ. Năm

1905, trong một dịp lên Cao nguyên Lang Bian để thay đổi không khí, bà Gabrielle M. Vassal đã viết về Cao nguyên : “Vào khoảng giữa trưa, tôi thấy Cao nguyên lần đầu tiên. Thật là một sự phát hiện bất ngờ, khác với những gì trước đây tôi đã từng nghĩ ! Trên một vùng đất rộng là những ngọn đồi tròn, nhỏ, trơ trụi, mọc đầy cỏ thấp, cùng hình dáng và độ cao, quang cảnh giống như một vùng biển gợn sóng xanh. Ở giữa, những đỉnh núi Lang Bian cao vợi vợi như hòn đảo đá, Đăng Kia nằm dưới chân núi Lang Bian, ở phía bên kia Cao nguyên. Cao nguyên bình yên và êm dịu quá ! Chỉ có thông mọc trong những thung lũng giữa các ngọn đồi.

Xa xa, những mái nhà gỗ ở Đà Lạt nằm cách xa nhau trên đỉnh hay lưng chừng đồi lấp lánh ánh nắng mặt trời”.

Năm 1907, chồng bà Gabrielle - bác sĩ J.J Vassal - cho biết thêm : “Người Kinh chưa định cư trên những vùng cao của dãy Trường Sơn. Ở Đà Lạt, có một nhóm 60 đến 80 người Kinh, hầu hết là những người đi buôn chuyến. Họ sống trong những điều kiện rất khổ cực, mặc ít áo quần như ở vùng đồng bằng, bị lạnh, thiếu dinh dưỡng và không có gia đình. Từ Phan Rang hay Phan Thiết lên Cao nguyên, với những gánh hàng hóa, họ đi ngang qua những làng mạc đầy nước độc, những vùng rất nguy hiểm và mắc phải bệnh sốt rét. Không khí lạnh càng khiến cho bệnh sốt rét trầm trọng thêm”.



Năm 1908, P. Duclaux đi ngựa từ Hà Nội vào Sài Gòn. Trên đường đi, ông rẽ từ Phan Rang lên Đà Lạt và đến Đà Lạt ngày 28.3.1908. Ông nhận xét Đà Lạt lúc bấy giờ như sau :

“Đà Lạt! Tám hay mười mái nhà tranh của người Việt, một nhà sàn bằng ván thô sơ dành cho lũ khách, một vòi nước, quảng trường chợ, một nhà bưu điện đơn sơ, và trên một ngọn đồi, sau hàng rào

và giữa rừng thông xanh, vài cái nhà gạch của trung tâm hành chính Đà Lạt. Về chế độ cai trị ở đây cũng thật đặc biệt : có một hội đồng và cả một viên thị trưởng. Ông Champoudry - Thị trưởng Đà Lạt - nguyên cố vấn hội đồng thành phố Paris bị thất cử được Doumer đem sang đây và coi như người sáng lập Đà Lạt. Còn cư dân? Vài chục người Việt bị đày, vài khách người Âu đi công tác hay trắc địa, những người thợ săn hay lũ khách hiếm hoi cùng đoàn tùy tùng. Tài nguyên? Gần như không có gì hết; không có một khoản ngân sách đáng kể, không có một sự trợ giúp nào cả. Vốn là được sĩ chuyên trách về vấn đề vệ sinh thành phố Paris, ông thích thú thiết kế hệ thống thoát nước trong thành phố tương lai dựng trên sa mạc này và chờ đợi... (*)

Trung tâm hành chính của Đà Lạt không được nói rộng thêm chút nào, vẫn thuộc về tỉnh Phan Rang. Để tránh những sự tranh chấp về quyền hạn, ông Canivey - đại diện của công sứ - sống với gia đình và thuộc hạ cách xa 3km, ngoài phạm vi của Champoudry. Nơi đây, ông đích thực là chủ nhân ông, cai quản một vùng Thượng rộng lớn, để lại cho đối thủ bất hạnh vài chục người Việt thường ra vào trong một làng nhỏ.

Tôi mang đến cho ông Canivey một lá thư gửi từ Phan Rang và ông giữ tôi lại ăn cơm tối.

Không những là một người am hiểu miền Thượng, ông còn là một tay thiện xạ có lẽ một phần vì ham thích nhưng chắc chắn vì

(*) Theo Pineau, trong tờ trình ngày 12.3.1906, M. Champoudry - Thị trưởng Đà Lạt - đề nghị dành vùng đất ở phía Bắc Cao nguyên Lang Bian, phía hữu ngạn suối Cam Ly cho khu vực quân sự và vùng đất phía Nam ở tả ngạn suối Cam Ly cho thành phố trong tương lai. Ở đây sẽ thiết lập khu công chánh và hành chánh, một trung tâm thương mại bên cạnh chợ và ở trung tâm thành phố, khách sạn và giải trí trường. Nhà ga ở gần vị trí của ga ngày nay và kế bên là nhà bưu điện. Đường sá tương đối rộng : đường chính rộng 20m, đường phụ rộng 16m và 12m. Về sau, đồ án này được thực hiện một phần lớn và tạo cơ sở cho thành phố ngày nay.

hoàn cảnh bắt buộc.

Ở đây, không có thịt nào khác hơn thịt rừng; về rau, chỉ có vài loại rau do người Thượng mang đến hay những người lính tự trồng trọt. Phải thường xuyên chống lại cọp và beo rất nhiều trong khắp vùng. Chuyện cọp là chuyện thường ngày, không phải là chuyện vui bịa đặt mà là một thực tế đáng lo ngại. Chó, ngựa, nhiều người giúp việc, nhiều người bưu trạm đã bị cọp vồ; nhiều người Âu cũng cùng chung số phận.

Sau khi ăn tối ở đồn cảnh binh, ông Canivey cho bốn người cầm đuốc đưa tôi về vì đường đi rất nguy hiểm từ khi mặt trời lặn. Ông nói với tôi rằng tôi đã lắm khi đến đây một mình.

Những con chó rừng còn nguy hiểm hơn nữa. Đây là một loại chó cao gần bằng cái bàn, ốm nhom nhưng cực kỳ hung dữ. Chúng kéo đi hàng đàn và đuổi theo con mồi không biết mệt. Chúng tấn công cả cọp và thường chiến đấu đến cùng, dù phải bỏ thây vài mạng. Một lần, con chó của đại úy Lavit - một người thợ săn dũng cảm - bị một đàn chó rừng đuổi theo đến tận trại. Chúng chỉ chịu bỏ đi khi tất cả mọi người trong trại vội vàng chạy ra xa đuổi chúng. Tôi đã từng nghe nói về những con chó rừng ở Qui Nhơn, nhưng những con chó rừng ở đây còn dễ sợ hơn.

Tất nhiên, Đà Lạt thiếu những trò giải trí quyến rũ. Ở trong nhà gỗ và ngủ trên giường gỗ không hấp dẫn du khách chút nào! Không có cỗ cho ngựa và cá m bán với giá cắt cổ".(*)



Như vậy, theo hồi ký của Paul Duclaux thì hồi ấy (1908) Đà Lạt có viên thị trưởng tên là Champoudry, nhưng thật ra ông ta chỉ như là người "hướng dẫn" du lịch cho các viên chức thuộc địa cao cấp

(*) Nguyễn Hữu Tranh : Đà Lạt năm xưa, 1993.

Pháp có óc mạo hiểm thời ấy, thỉnh thoảng ghé Đà Lạt để săn bắn, nghỉ mát vì cả Champoudry lẫn Hội đồng thị xã của ông vào giai đoạn này không có một khoản ngân sách nào đáng kể, không nhận được một sự trợ giúp nào để xây dựng thành phố cả. Tuy nhiên, khi Toàn quyền Doumer về Pháp, dự án của ông cũng được hoàn thành về các nét cơ bản : đường xe lửa từ Phan Rang đến Xóm Gòn xong (1903-1909); đường bộ từ Phan Rang đi Ma Lâm - Djiring - Đà Lạt hoàn tất tháng 10.1914; lũ quán đầu tiên được xây dựng và khánh thành năm 1907.

Theo dự án xây dựng Đà Lạt do Toàn quyền P. Doumer thông qua thì việc phát triển thành phố khá quy mô gồm : những biệt thự xinh xắn, những trường học, trại lính và nhất là đường giao thông thuận lợi nhằm biến một vùng rừng núi hoang vu thành một nơi nghỉ dưỡng mang kiểu cách châu Âu. Thế nhưng, giữa lúc công việc đang tiến hành thì P. Doumer phải về nước, Paul Beau lên thay (1902-1908) khiến dự án của Doumer có lúc phải dừng lại và tiến triển rất chậm chạp.

Thời Toàn quyền Paul Beau tuy có tiếp tục cử nhiều đoàn khảo sát lên Cao nguyên Lang Bian : quân sự do tướng Beylié (1903), tướng Pennequin (1904), đại úy Bizar (1905) chỉ huy; Đoàn y tế có các bác sĩ Grall và Vassal lên Đà Lạt, nhưng cũng chưa đầu tư xây dựng thêm gì cho thành phố.

Đến thời Toàn quyền Klobukowski (1908-1910) mọi hoạt động xây dựng thành phố dường như chững lại. Khi Toàn quyền Albert Sarraut lên thay thế thì ông mới thật sự chú ý đầu tư để cho Đà Lạt phát triển. Nguyên nhân là do sự đe dọa của Nhật Bản nên Chính phủ Pháp mới cho phép mở rộng quyền hạn của Toàn quyền, A.Sarraut được ban hành các nghị định, trích ngân sách để đầu tư cho Đà Lạt theo ý muốn của mình như phát triển y tế, giáo dục và hoàn thành các công trình đường sá lên Đà Lạt trước năm 1914.

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) bùng nổ. Điều kiện về thặng dư hương của phần lớn người Âu, đặc biệt là người Pháp, gặp khó khăn lớn. Do vậy, họ không còn cách nào khác là lên Đà Lạt để nghỉ mát, nhất là trong những dịp hè nóng bức, nhờ đó Đà Lạt có điều kiện để phát triển và phải phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng của họ.

Đến năm 1916, Đà Lạt thay đổi nhanh trước khi trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Lang Bian và được Toàn quyền Roume ký nghị định chính thức thành lập ngày 6/1/1916. Tiếp theo đó, ngày 20.4.1916, Hội đồng nhiếp chính Vua Duy Tân đã công bố dụ thành lập trung tâm đô thị (centre urbain) Đà Lạt.

Theo dụ này, Toàn quyền cho phép mua, bán, sang nhượng đất đai và đầu tư xây dựng trong khu vực. Dụ nói trên nhằm bổ túc các nghị định của Pháp đã ký trước đây vào ngày 30.5.1911 và ngày 6.1.1916. Sau đó, dụ này còn được triển khai và bổ túc trong các nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 5.7.1918. Ngày 31.10.1920, Toàn quyền Maurice Long đã ký nghị định thành lập thị xã Đà Lạt căn cứ vào dụ ngày 11.10.1920 của triều đình Huế. Thị xã Đà Lạt là thị xã loại 2 (Commune de 2^e catégorie) với những quy chế rộng rãi. Ngày 26.7.1923 lại có thêm một nghị định nữa của chính quyền Pháp nhằm tổ chức lại thị xã Đà Lạt.

Như vậy, Đà Lạt đã có điều kiện phát triển. Cunhac là viên công sứ đầu tiên được bổ nhiệm. Khách sạn Lang Bian Palace (hiện nay là Palace Sofitel Hotel) được xây cất năm 1916 và khai trương năm 1922. Nhà máy điện Đà Lạt ra đời năm 1918 theo sáng kiến của Cunhac để cung cấp điện cho cư dân và du khách đến Đà Lạt. Không dừng lại ở đó, Toàn quyền Đông Dương còn chỉ đạo cho kỹ sư Labbé thực hiện ngăn dòng suối Lạch để tạo thành Hồ Lớn (Grand Lac) nhằm tăng thêm vẻ thơ mộng cho thành phố. Hồ này được hoàn thành vào năm 1919. Đến năm 1920 thì nhà máy nước

được khởi công xây dựng. Cũng trong năm này, hệ thống đường bộ từ Phan Rang lên Đà Lạt được cấp tốc đầu tư để khẩn trương hoàn tất. Đường xe lửa rặng cửa từ Xóm Gòn lên Đà Lạt cũng được khởi công. Một số nhà xây bằng gạch, trường tiểu học, ngân khố, bưu điện dần dần xuất hiện trong giai đoạn này. Đến năm 1923 thì dự án thiết kế đô thị Đà Lạt của kiến trúc sư Hébrard được thông qua.

Nội dung chính của đồ án Hébrard là tập trung các vùng dân cư quanh Hồ Lớn (Grand Lac, hồ Xuân Hương ngày nay), phát triển khu cư dân người Việt về phía Tây của hồ.

Ngoài ra, người Pháp còn cho xây dựng khu công viên, khu thể thao, khu trường học và khu chợ ở ấp Ánh Sáng ngày nay. Theo đồ án quy hoạch này, trên dòng suối Cam Ly có một chuỗi hồ: ngoài hồ Xuân Hương và hồ Than Thở như hiện nay, còn có 6 hồ nước khác mà 2 hồ lớn nhất nằm ở khu vực Học viện Lục quân (có nhà thủy tạ) và ở giữa đường Hoàng Diệu và Hoàng Văn Thụ trước khi dòng suối chảy đến thác Cam Ly.

Khu hành chính nằm ở vị trí Học viện Lục quân ngày nay.

Do cách nhìn kỳ thị của Toàn quyền Pháp lúc này là Meslin (1923-1925) cho rằng: Một thành phố thuộc địa dù là nghỉ dưỡng cho người Pháp cũng không nên mở mang trường đại học và trung học, vì các trường này làm cho dân trí cao, chính quyền Pháp khó cai trị nên Đà Lạt bị thiệt thòi. Từ đó, Meslin chỉ cho phép xây dựng các trường tiểu học nhằm đào tạo nhân viên cấp thừa hành mà thôi.

Tổ chức hành chính của Đà Lạt ở giai đoạn này khá đơn giản, đứng đầu là một viên công sứ, có một hội đồng thị chính làm cố vấn và các ủy viên chuyên môn như : y tế, tài chính, cứu tế, văn hóa, thị trường. Dân số lúc này đã lên tới 1.500 người.

Như vậy, chỉ trong vòng hơn 30 năm kể từ ngày Bác sĩ Yersin tìm ra Cao nguyên Lang Bian và đề nghị với Toàn quyền Đông Dương xây dựng nơi đây thành một trung tâm nghỉ dưỡng, Đà Lạt đã

có nhiều thay đổi đáng kể. Từ một vùng đồi núi hoang vu mà cư dân đa số là người Lạch, Đà Lạt đã dần dần từng bước hình thành một thành phố nghỉ dưỡng. Có thể nói đây là giai đoạn chuẩn bị cho sự phát triển của Đà Lạt để vươn tới trở thành một trung tâm du lịch nghỉ dưỡng lớn của Đông Dương và là điều kiện để thu hút nhiều người từ chính khách đến người lao động đổ về miền đất này nhằm góp phần xây dựng Đà Lạt trở thành đô thị trong tương lai. Tuy nhiên, để đánh đổi lấy điều đó, số phận của những đoàn người làm phu ở Đà Lạt được nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc mô tả trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* như sau : *"Trên đường đi lên Cao nguyên Lang Bian, đi lên rừng xanh núi đỏ, nơi mà thần chết đang chờ, từng đoàn người dân đi tạp dịch hoặc đi phu trưng tập, lương thực thiếu thốn, có ngày không có một hột cơm vào bụng, họ đã bỏ trốn từng đoàn hoặc nổi dậy chống lại và mỗi khi như thế là bị bọn lính áp giải đàn áp ghê rợn, xác họ rải khắp dọc đường"*.

ĐÀ LẠT TRÊN ĐƯỜNG XÂY DỰNG (1926 - 1945)

Từ năm 1926, dưới thời Toàn quyền Varenne, nhờ có cách nhìn cởi mở và rộng rãi hơn, nhất là về văn hóa, giáo dục, nên Đà Lạt có điều kiện hoàn tất các dự án về khu văn hóa do Hébrard thiết kế. Các trường trung học và tiểu học Pháp nối tiếp nhau ra đời như Trường Petit Lycée (nay là Sở Văn hóa - Thông tin Lâm Đồng) bắt đầu xây dựng năm 1927; Grand Lycée (nay là Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt) xây dựng xong năm 1935. Điều đáng chú ý là Trường Grand Lycée đổi thành Lycée Yersin để ghi nhớ công ơn Bác sĩ Yersin, người đã có công tìm ra Cao nguyên Lang Bian để xây dựng thành phố xinh đẹp này.

Nhân sự kiện này, trong buổi lễ khánh thành Trường trung học Yersin năm 1935, Bác sĩ Yersin được mời đến tham dự đã xúc động phát biểu:

"Tôi rất cảm động về tình cảm mà các em đối với tôi. Các em

hãy tin rằng tôi cũng rất yêu mến và thân ái với các em ...

Các em làm tôi nhớ đến việc phát hiện ra Cao nguyên Lang Bian vào tháng 6 năm 1893, trong một cuộc tìm kiếm, nghiên cứu nhằm mục đích khai phá một vùng rừng núi phía Nam Trung phần mà cho đến lúc đó vẫn chưa ai biết...()*

Tiếp đó, Trường Notre Dame du Lang Bian cũng ra đời trong những năm 1935, 1936. Do Đà Lạt có trường học nên các quan chức cai trị ở các địa phương khác đã gửi con em lên Đà Lạt để học tập, tạo cho thành phố một gương mặt mới : thành phố của văn hóa và giáo dục. Con em các nhà quyền quý có địa vị trong xã hội của 3 nước : Việt, Campuchia, Lào cũng lần lượt gửi đến học tại Đà Lạt.

Cho tới bây giờ, nhiều cụ già ở Đà Lạt vẫn còn nhớ, ngày 1.3.1920, ngôi trường đầu tiên của thành phố được thành lập mang tên Trường Pháp (Ecole française). Lúc đầu trường chỉ có 2 lớp : lớp mẫu giáo lớn (Douzième) và lớp 1 (Cours enfantin). Nhưng đến năm 1930 đã có đầy đủ các lớp : 1 (Enfantin), lớp 2 (Préparatoire), lớp 3 (Élémentaire). Ngoài ra còn có cả lớp dạy đàn piano, tiếng Anh, lớp dạy đánh máy chữ. Sau đó, trường đổi tên thành Nazareth (Trường trung học Thăng Long ngày nay).

Cùng thời gian này, tại Đà Lạt, cụ Bùi Thúc Bàng mở trường đầu tiên cho con em người Việt. Đó là một ngôi nhà gỗ đơn sơ với 3 phòng học ở phía sau rạp Cinéma Eden (nay là khách sạn Ngọc Lan). Đến năm 1930, École Primaire Complémentaire de Dalat (Trường tiểu học bổ túc Đà Lạt) (nay là Trường tiểu học Đoàn Thị Điểm) được thành lập. Toàn bộ học sinh 3 lớp học nói trên được chuyển vào trường này.

Cũng trong giai đoạn này, nhiều cơ sở hạ tầng của Đà Lạt được tập trung xây dựng : nhà máy điện được nâng cấp, sửa chữa lại năm

(*) Noël Bernard : Yersin - Savant, Pionnier, Explorateur (1863 - 1943), Paris, La Colombe, 1953, P.76 - 77.

1927 nhằm cung cấp đủ diện sinh hoạt cho cư dân thành phố. Nhà máy nước cũng được mở rộng để không chỉ phục vụ các cơ quan mà còn cho cả dân chúng vào năm 1929. Cũng trong năm 1929, khu chợ ấp Ánh Sáng được dời lên khu Hòa Bình ngày nay. Chợ này lúc mới xây dựng vì mái lợp tôn và dùng cây chống nên được đặt tên là Chợ Cây. Nhiều biệt thự với những kiến trúc khác nhau tăng lên một cách đáng kể : năm 1923, Đà Lạt chỉ có vài chục căn nhà, thế mà năm 1930 có đến 398 biệt thự. Sang năm 1939 có 427 biệt thự sang trọng với đầy đủ tiện nghi theo kiểu Âu Tây. Từ năm 1937 - 1938, một số nhà thầu tư nhân bắt đầu xây dựng nhà, biệt thự để bán hoặc cho thuê.

Nhà thờ Chánh tòa (nhà thờ Con gà) Đà Lạt khởi công xây dựng năm 1931 và khánh thành năm 1942.

Năm 1933, kiến trúc sư Pineau hoàn thành đồ án chỉnh trang mở rộng Đà Lạt. Trên cơ sở đó, vào những năm 30, hầu hết các đường lên Đà Lạt đều được hoàn chỉnh như hiện nay. Năm 1932, đường Sài Gòn - Đà Lạt qua đèo Bảo Lộc làm xong, nhờ vậy mà hàng hóa, xe khách đã ít đi đường cũ (Sài Gòn - Ma Lâm - Đà Lạt hoặc Sài Gòn - Phan Rang - Đà Lạt). Năm 1933, đường xe lửa răng cưa lên Đà Lạt hoàn thành và nhà ga Đà Lạt xây dựng xong vào năm 1938 với kiến trúc khá độc đáo.

Cùng với sự phát triển của thành phố, dân số Đà Lạt cũng tăng nhanh. Năm 1923, Đà Lạt chỉ có khoảng 1.500 người thì đến năm 1938 tăng lên 9.500 dân, sang năm 1939 vọt lên 11.500 người. Bên cạnh những người trước đây đã từng buôn bán, trao đổi hàng hóa với các dân tộc thiểu số, còn có một số tù nhân, những người di phu của các tỉnh miền Trung đã mãn hạn ở lại Đà Lạt để sinh cơ lập nghiệp. Người Hoa cũng tìm đường lên thành phố để buôn bán trong giai đoạn này. Năm 1938, ấp Hà Đông được thành lập do ông Hoàng Trọng Phụ đứng ra mộ dân ở tỉnh Hà Đông (Bắc bộ) đưa lên

Đà Lạt lập ấp trồng rau nhằm cung cấp rau xanh cho thành phố. Năm 1940, ấp Nghệ Tĩnh ra đời nhờ ông Phạm Khắc Hòe phối hợp với ông Nguyễn Thái Hiến đưa bà con từ Nghệ An - Hà Tĩnh vào đây lập nghiệp.

Trước đó, năm 1926 - 1927, công nhân ở Sở trà Cầu Đất đã đứng ra xin thành lập làng Trường Xuân (thuộc xã Xuân Trường hiện nay). Mãi đến năm 1929, làng Xuân Trường mới chính thức được chính quyền Pháp cho phép thành lập.

Về mặt hành chính, ngày 30.7.1926 Toàn quyền Đông Dương ký nghị định đưa địa vị của Đà Lạt lên cao hơn : vừa trở thành đơn vị trực thuộc Toàn quyền, vừa có tính tự trị đặc biệt, không như các thị xã khác trong cả nước. Lúc ấy, ở Đà Lạt, Đốc lý (Résident Maire) có quyền cho phép đầu tư nước ngoài vào địa phương. Từ đó các giới quan chức và các nhà kinh doanh Pháp đổ xô lên Đà Lạt mua đất, xây cất biệt thự một cách rầm rộ.

Năm 1937, khu cư xá Saint Benoit, Dinh toàn quyền được khởi công và việc xây dựng chợ Đà Lạt từ năm 1935 cũng đã được hoàn thành. Năm 1939, Trường Thiếu sinh quân được thành lập trên vùng đất Trường đại học Đà Lạt ngày nay. Tiếp theo đó, năm 1941, việc xây dựng Trường Adran được tiến hành....

Từ năm 1940 đến 1945, bộ mặt thành phố có nhiều thay đổi khá lớn. Thế chiến thứ hai (1939 - 1945) bùng nổ khiến các quan chức người Pháp không còn điều kiện về nước, số người Pháp lên Đà Lạt ngày một đông, các phòng khách sạn muốn thuê được phải đặt cọc từ nhiều tháng trước. Công ty Du lịch được thành lập với 80 nhân viên.

Trước tình hình đó, Toàn quyền Decoux (1940 - 1945) đã có ý định biến Đà Lạt thành thủ đô của 3 nước Đông Dương nếu chẳng may nước Pháp rơi vào tay nước Đức phát xít. Do vậy, nhiều cơ quan của Phủ Toàn quyền được lệnh chuẩn bị dời từ Sài Gòn lên Đà Lạt

và việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho thành phố càng được quan tâm hơn.

Năm 1942, kiến trúc sư Lagisquet được lệnh phải hoàn tất đề án theo chủ ý của Decoux và kế hoạch thực hiện đề án được quy định tối đa là trong vòng 6 năm. Lagisquet đã nghiên cứu tạo ra các ngã tư, đường vòng, các đường phố để xe hơi và các phương tiện khác đi lại tránh được sự nguy hiểm. Việc thiết kế các kiểu nhà, biệt thự để xây dựng trên địa bàn Đà Lạt cũng phải tuân thủ theo kiến trúc đa dạng, mới lạ như các biệt thự quanh cư xá Decoux (gần Trường trung học Trần Hưng Đạo cũ). Những biệt thự này được xây dựng năm 1942. Đến năm 1943, có thêm 34 biệt thự khác ra đời. Năm 1944 đã có 20 biệt thự nữa được khánh thành.

Sân vận động thành phố cạnh Hồ Lớn (Grand Lac) hoàn tất việc thi công vào năm 1942. Nhiều ngôi chùa với kiến trúc độc đáo như : Linh Sơn, Linh Phong... được xây dựng, càng tăng thêm vẻ đẹp cho Đà Lạt.

Chỉ qua 4 năm dưới thời Toàn quyền Decoux, số biệt thự ở Đà Lạt đã tăng lên một cách đáng kể từ 530 năm 1940, tăng lên 560 năm 1941 rồi 597 năm 1942, 743 năm 1943 và 810 biệt thự vào năm 1944. Với nguồn thủy điện dồi dào của Đà Lạt, từ cuối những năm 20 đã có công ty xin khai thác thủy điện Bellevue - Krongpha (thủy điện Đa Nhim ngày nay). Trước đó, ở thác Cam Ly, O'Neil cũng đã khai thác thủy điện nhưng chỉ dùng cho việc chạy máy của nông trại. Đến năm 1942, Decoux đã quyết định cho xây ngay nhà máy thủy điện tại Ankroet và đến năm 1944 thì nhà máy này bắt đầu đi vào hoạt động.

Về giao thông, từ tháng 2.1943, đoạn đường từ thác Prenn lên Đà Lạt cũng được tu sửa và chỉnh trang bằng việc bỏ đoạn cũ thay đoạn mới theo sườn núi khác, nên chiều dài được rút ngắn và các khúc quanh được mở rộng để tránh tai nạn.

Nhờ có sự đầu tư và mở mang đó mà chỉ trong vòng 5 năm, dân số của Đà Lạt đã tăng lên gần gấp đôi so với trước : từ 13.500 người năm 1940, tăng lên 13.800 người năm 1941, 17.500 người năm 1942, 21.000 người năm 1943, 25.000 người năm 1944, trong đó có 5.600 người Pháp - con số cao nhất trong 50 năm kể từ khi thành phố ra đời.

Sau hơn 45 năm xây dựng (1899 - 1945), Đà Lạt đã trở thành một thành phố xinh đẹp, tuyệt vời của vùng Viễn Đông vì khí hậu, danh lam thắng cảnh và tiềm năng phát triển về du lịch, nghỉ dưỡng không nơi nào ở Việt Nam có thể sánh được. Về mặt hành chính, thành phố lúc bấy giờ đã có sự thay đổi khác trước : viên công sứ Pháp kiêm luôn Thị trưởng Đà Lạt và bên dưới có một Hội đồng thị xã để lo về các hoạt động xã hội, công chánh, y tế, giáo dục. Triều Nguyễn cũng cử thêm một quản đạo (coi luôn cả tỉnh) và một bang tá trông coi đồng bào dân tộc thiểu số đóng tại Đà Lạt. Đà Lạt lúc ấy đã có một khoản ngân sách riêng do việc sở hữu đất đai mang lại và quyền thu những khoản thuế bất thường. Nguồn ngân sách này được quy định sử dụng một cách nghiêm ngặt, chỉ được dùng để duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cho thị xã mà thôi.

ĐÀ LẠT TRỞ THÀNH TRUNG TÂM GIÁO DỤC - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC - ĐÀO TẠO QUÂN SỰ (1945 - 1975)

Các biến cố chính trị liên tục từ 1945 - 1946 đã làm thay đổi cục diện toàn Đông Dương và làm sụp đổ ý đồ của Toàn quyền Decoux. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, nội các Trần Trọng Kim ra đời ngày 17.4.1945, Đà Lạt được giao quyền cho người Việt quản lý và Hoàng thân Ưng An được cử làm thị trưởng. Cách mạng tháng Tám thắng lợi, vua Bảo Đại thoái vị ở Huế ngày 30.8.1945. Trước đó mấy ngày, ở Đà Lạt, ngày 25.8.1945, Ủy ban cách mạng lâm thời của thị xã được thành lập. Nhưng sau đó chẳng bao lâu Pháp chiếm lại Sài Gòn, Đà Lạt lại rơi vào tay Pháp.

Lúc ấy, Pháp định ra một ván cờ mới: Đà Lạt trung lập và được dùng làm nơi để tổ chức hội nghị giữa Pháp và Việt Minh. Đó là thỏa thuận đạt được giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đô đốc D'Argenlieu trên một chiến hạm Pháp tại vịnh Hạ Long ngày 13.4.1946. Vì vậy, hội nghị trù bị cho hội nghị Fontainebleau được tiến hành từ ngày 17.4 đến ngày 12.5.1946 tại Đà Lạt.

Đoàn của chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa dự hội nghị gồm 13 đại biểu do ông Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) làm trưởng đoàn. Đoàn của Chính phủ Pháp cũng có 13 thành viên do Max André đứng đầu (*).

Hội nghị kéo dài suốt 3 tuần lễ, nhưng những vấn đề chính lại không giải quyết được bao nhiêu. Người Việt tại Đà Lạt lúc bấy giờ đối với đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa ra sao? Chúng ta hãy nghe Phạm Khắc Hòe kể lại :

"Tất cả những người bị thực dân Pháp cho là cảm tình với Việt Minh đều có thể bị bắt giam, bị khủng bố hoặc bị trục xuất khỏi Đà Lạt bất cứ lúc nào, cho nên bên ngoài đồng bào nói chung có vẻ dè dặt đối với phái đoàn ta mỗi khi gặp người trong phái đoàn đi dạo

(*) Danh sách 2 đoàn đại biểu :

VIỆT NAM		PHÁP	
1. Nguyễn Tường Tam	Trưởng đoàn	1. Max André	Trưởng đoàn
2. Võ Nguyên Giáp	Phó đoàn	2. René Pignon	Phó đoàn
3. Trịnh Văn Bính	Ủy viên	3. Mesmer	Ủy viên
4. Cù Huy Cận	"	4. Bousquet	"
5. Hoàng Xuân Hãn	"	5. D'Arely	"
6. Vũ Văn Hiến	"	6. Gourou	"
7. Vũ Hồng Khanh	"	7. Bourgoïn	"
8. Trần Đăng Khoa	"	8. Torel	"
9. Nguyễn Văn Luyện	"	9. Clarac	"
10. Dương Bạch Mai	"	10. Gonon	"
11. Phạm Ngọc Thạch	"	11. Noc	"
12. Bùi Công Tường	"	12. Guillanton	"
13. Nguyễn Minh Tường	"	13. Salan	"

phố hoặc vào cửa hàng bà con chỉ tỏ cảm tình bằng những cặp mắt triu mến và những nụ cười thân mật chứ không dám vốn vĩa, hỏi han. Nhưng nhiều người vẫn tìm cách gặp cho được những người đã từng ở Đà Lạt hoặc lên Đà Lạt như các anh Trần Đăng Khoa, Dương Bạch Mai và tôi để bày tỏ tâm tình cho biết tin tức". (*)

Sau đó, hội nghị Fontainebleau (Paris) cũng thất bại và chiến tranh Việt - Pháp bùng nổ, Pháp đưa Bảo Đại nắm lại chính quyền vào năm 1948. Tổng thống Pháp Vincent Auriol liền thực hiện ý đồ mới để nắm Đông Dương, khuyên Bảo Đại lập "Hoàng triều cương thổ" lấy Đà Lạt làm thủ phủ vào ngày 14.4.1950 (**).

Thực tế, ngày 14.4.1950, Bảo Đại đã ra dụ số 6/QT/TG xác định địa phận Đà Lạt là thủ phủ "Hoàng triều cương thổ", nhưng Khâm sứ Trung kỳ của Pháp lại là người quyết định tất cả mọi mặt về "Hoàng triều cương thổ". Cũng vào năm 1950, Bảo Đại còn ra dụ số 04/QT/TG ngày 10.11.1950 tách Đà Lạt ra khỏi tỉnh Lâm Viên trở thành một thị xã riêng với thị trưởng do Quốc trưởng bổ nhiệm. Lúc bấy giờ, Đà Lạt được chia thành 10 khu phố có ranh giới rõ ràng.

Trước đó, trong giai đoạn 1946 - 1948, Đà Lạt vẫn thuộc người Pháp quản lý, thị trưởng được thay bằng Đốc lý, song bộ máy vẫn như cũ. Hưởng ứng lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều người dân ở Đà Lạt đã hăng hái tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, một số tản cư ra vùng ven. Dân số Đà Lạt giảm sút một cách đột ngột, năm 1946 chỉ còn 5.200 người. Mấy năm sau, nhiều gia đình dần dần hồi cư và đến năm 1948 dân số của Đà Lạt là 18.513 người. Trong giai đoạn này, Pháp vẫn nắm quyền cai trị Đà Lạt.

Đà Lạt tuy không xảy ra chiến tranh, nhưng cũng chẳng xây

(*) Phạm Khắc Hòe : Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc.

(**) Nguyễn Hồng Nhật : Auriol - Bảo Đại và "Hoàng triều cương thổ", Du lịch Lâm Đồng - Đà Lạt, số 2/1987.

dựng được gì thêm ngoại trừ trường dành cho học sinh dân tộc thiểu số (Ecole des montagnards du Lang Bian) theo chủ trương “*Chia để trị*” bằng mô hình “*Tây Nguyên tự trị*” của D’Argenlieu. Cuối năm 1948, đường hàng không Hà Nội - Đà Lạt được xây dựng. Đà Lạt vẫn là nơi nghỉ dưỡng - du lịch của các quan chức người Pháp. Đến năm 1949, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của người dân Đà Lạt có nhiều chuyển biến tích cực. Chính quyền Pháp ở Đông Dương tìm cách đối phó. Nhân cơ hội các đảng phái theo chủ nghĩa quốc gia, chống đối cộng sản nhóm họp tại Hương Cảng quyết định thành lập Mặt trận Quốc gia đặt dưới sự lãnh đạo của Bảo Đại và tuyên bố : Sẵn sàng hợp tác với Pháp nếu được Pháp công nhận độc lập, nên Chính phủ Pháp lúc bấy giờ liền nắm lấy Bảo Đại đưa đến việc ký thỏa hiệp giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Bảo Đại. Đến ngày 30.12.1949, Pháp bàn giao quyền hành cho “nước Việt Nam độc lập trong Liên hiệp Pháp” và đưa bác sĩ Trần Đình Quế - một người Việt quốc tịch Pháp cai trị Đà Lạt, sau đó mới đến lượt Cao Minh Hiệu thay thế Trần Đình Quế.

Sau những dự xác định “*Hoàng triều cương thổ*” và chia tách Đà Lạt ra khỏi tỉnh Lâm Viên của Bảo Đại, bộ máy chính quyền tại địa phương vẫn giữ nguyên như trước. Đến năm 1953, với sắc lệnh số 4/QT/TD (ngày 13.4.1953) mới có những thay đổi lớn : Hội đồng thị xã lúc bấy giờ có 22 thành viên gồm 14 người Việt (4 dự khuyết), 6 người Pháp (2 dự khuyết) và 2 người dân tộc thiểu số (1 dự khuyết). Hội đồng này do dân bầu lên và có tính cách tư vấn. Trong số 10 khu phố của Đà Lạt lúc đó được chia thành 30 ấp và chính quyền Bảo Đại cũng như người Pháp lúc bấy giờ tìm mọi cách hạn chế việc di dân lên Đà Lạt.

Các đường phố, hồ nước, thung lũng, đồi rừng được Hội đồng thị xã đổi tên theo tiếng Việt như :

- Đường Maréchal Foch thành đường Duy Tân.

- Đường Cầu Queo thành đường Phan Đình Phùng.
- Đường Rue de Glaïeuls thành đường Phạm Phú Thứ.
- Đường An Nam thành đường Hàm Nghi.
- Đường Rue des Roses thành đường Hoa Hồng.
- Grand Lac thành hồ Xuân Hương.
- Lac du cité Decoux thành hồ Vạn Kiếp.
- Lac des Soupirs thành hồ Than Thở.
- Vallée D'Amour thành Thung lũng Tình yêu.
- Bois D'Amour thành rừng Ái Ân.

Nguyễn Vỹ - nguyên chủ tịch Hội đồng thị xã Đà Lạt lúc bấy giờ là người đề xướng việc thay đổi tên các con đường và hồ nước này. Việc đổi tên đã khiến Hội đồng thị xã phải họp liên tục mấy phiên mới quyết định được.

Năm 1950, Trường Võ bị Liên quân (École Militaire d'Interarmes) ra đời. Trường trung học Việt Nam được khánh thành tháng 9.1952, Trường Quốc gia Hành chính (École Nationale d' Administration) được thành lập ngày 1.1.1953. Trường Bảo Long và một số trường tiểu học cũng ra đời vào những năm 1950. Đến năm 1953, Đà Lạt có 3 trường trung học công lập : Lycée Yersin, Lycée Bảo Long, Lycée vietnamien và 7 trường sơ học công lập : trường nam Đà Lạt, trường nữ Đà Lạt, trường Đa Nghĩa, Đa Thành, Tây Hồ, Xuân An và Đa Phước. Ngoài ra còn có 5 trường tiểu học công lập : Đa Lợi, Trung Bắc, Đa Phú, Phước Thành và 1 trường dân tộc thiểu số, 4 trường trung tiểu học : Notre Dame du Lang Bian, Adran, Sainte Marie, Tuệ Quang và 1 trường tiểu học tư thục là Tân Sanh dành cho con em người Hoa.

Về dân số, từ năm 1945 đến năm 1954, độ tăng giảm của cư dân Đà Lạt rất bất thường do ảnh hưởng của chiến tranh và sự thay

đổi của thể chế hành chính. Đến năm 1950 khi Đà Lạt trở thành thủ phủ của "*Hoàng triều cương thổ*" thì người Việt không còn được tự do lên định cư như trước nữa. Vì vậy, đến năm 1952, dân số Đà Lạt chỉ mới gần bằng năm 1944: 25.041 người, trong đó có 1.217 người Âu, 752 người Hoa, 840 người dân bản địa (Lạch, Chil, Srê). Cuối năm 1953, chiến tranh Việt Pháp đến giai đoạn sắp kết thúc nên vô cùng quyết liệt. Trước tình hình thất bại của quân đội Pháp đã rõ, Chính phủ Pháp cố bám lấy giải pháp "*trung lập*" cho Đà Lạt bằng cách bàn với Bảo Đại cho dân di cư lên Đà Lạt để thực hiện chính sách "*Việt - Pháp sống chung*". Do chiến tranh xảy ra ở các nơi dữ dội nên lúc ấy nhiều đoàn người nhập cư ồ ạt đổ về Đà Lạt. Sau Hiệp định Genève, hơn 15.000 người dân di cư từ miền Bắc đã được chính quyền đưa vào định cư tại Đà Lạt.

Theo con số thống kê, đến năm 1955, Đà Lạt có 53.390 người dân. Theo hiệp định Genève ký kết ngày 20.7.1954, Pháp rời khỏi Đông Dương, Việt Nam tạm thời chia làm hai miền Nam Bắc. Ở miền Nam, Ngô Đình Diệm thành lập *Việt Nam cộng hòa* và không chịu thực hiện hiệp định, quyết tâm kéo dài sự chia cắt đất nước. Theo sự chỉ đạo của "*cố vấn*" Ngô Đình Nhu, chính phủ Việt Nam cộng hòa phải quyết nắm vững Cao nguyên Trung phần (Tây Nguyên), đưa dân Bắc di cư lên đó lập "*khu trù mật*".

Ngày 11.3.1955, Ngô Đình Diệm ra dụ số 21, hắt cẳng Bảo Đại, giải thể "*Hoàng triều cương thổ*", sáp nhập Đà Lạt vào Cao nguyên Trung phần do đại biểu chính phủ Cao nguyên Trung phần phụ trách.

Thế là Đà Lạt lại trở lại vị trí của một thị xã như bất cứ thị xã nào của miền Nam, người Việt không còn bị cấm đoán lên định cư. Tuy nhiên, Đà Lạt vẫn trực thuộc Tổng thống theo tinh thần Sắc lệnh số 4/QT/TD ngày 13.4.1953. Ông Cao Minh Hiệu vẫn còn làm Thị trưởng kiêm Tỉnh trưởng Lâm Viên. Nhưng từ năm 1956, dân Đà Lạt lại giảm từ 53.000 người xuống còn 23.744 người với lý do dân tỵ

nạn chiến tranh trở về quê quán, trong số này có cả công nhân đồn điền, đội Ngự lâm quân của Bảo Đại giải tán. Đó là chưa nói một số trại định cư dân Bắc vào Đà Lạt từ 1954 chuyển đi nơi khác như: trại Du Sinh, Cầu Đất dời sang Pleiku, trại Đa Minh dời về Cái Sắn.

Bước sang năm 1957, dân số Đà Lạt lại tăng lên đột ngột với 60.996 người, trong số này người Việt và Hoa có số lượng đông nhất. Nguyên nhân là sau Hiệp định Genève, nhiều người trở lại quyền quán, sau vài năm làm ăn thấy quá khó khăn nên cùng gia đình lại tìm lên Đà Lạt. Đông nhất trong đợt nhập cư này phải kể đến người Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên ...

Ngày 19.5.1958, Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh số 261/NV thành lập tỉnh Tuyên Đức trên cơ sở lấy một phần đất của tỉnh Đồng Nai Thượng và thành lập các huyện : Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương. Số dân ở các vùng bị tách ấy thuộc về Tuyên Đức. Do đó, theo thống kê năm 1958, Đà Lạt chỉ có 49.000 dân. Từ năm 1958 về sau, dân số Đà Lạt không còn có sự đột biến như những năm trước nữa.

Dưới thời Ngô Đình Diệm, một kế hoạch phát triển Đà Lạt khá quy mô được phác họa gồm : xây dựng những công trình văn hóa, sửa sang đường sá, cầu cống, dinh thự, vườn hoa, nơi giải trí, thể dục - thể thao. Theo đó, Đà Lạt có thể tiếp nhận 200.000 dân, chưa kể lượng du khách hằng ngày đến thành phố. Với dự án ấy, các cơ sở có tính chất nghiên cứu khoa học, quân sự, chính trị dần dần được thành lập : Nha Địa dư Quốc gia (trước đây là Sở Địa dư Đồng Dương) ra đời theo Sắc lệnh số 118/QP ngày 20.4.1955, đánh dấu bước phát triển về trắc địa học, địa hình thái học và các phương pháp đồ bản. Viện Đại học Đà Lạt ra đời với Nghị định số 67/BNV/NA/P5 ngày 8.8.1957. Đây là một viện đại học tư, thuộc quyền sở hữu của Hội đồng Giám mục Công giáo Việt Nam. Viện Đại học Đà Lạt có các khoa như: Văn khoa, khoa học, sư phạm, chính trị kinh doanh,... Mỗi khoa gồm nhiều ban như: Việt văn, Pháp văn, Anh

văn, sử địa, triết học,... Sinh viên tốt nghiệp tùy theo ban, bộ môn và được gọi là cử nhân giáo khoa hay cử nhân tự do.

Ngoài ra, một số cơ sở khác như : Trung tâm Sơn cước, Giáo hoàng Học viện Pie X được thành lập vào tháng 9.1958. Trung tâm Nghiên cứu Nguyên tử lực ra đời theo Sắc lệnh số 507/TTP ngày 11.10.1958 trực thuộc Phủ Tổng thống. Trường Võ bị Quốc gia được thành lập năm 1959 trước đó có tên là Võ bị Liên quân (Học viện Lục quân ngày nay).

Sau năm 1954, các trường học tiếng Việt đều đổi tên như :

- Bảo Long thành Trung học Trần Hưng Đạo.

- Quang Trung thành Trường nữ trung học Bùi Thị Xuân.

- Các trường tư thực, bán công mở khá nhiều như : trung học Trần Quốc Toản, Tinh Hoa, Thăng Long, Bồ Đề, Việt Anh, Văn Học, Trí Đức,... bán công Quang Trung.

Khánh Giang đến Đà Lạt năm 1959 ghi nhận như sau :

"Thành phố hình tròn nằm nghiêng cả về phía Tây Hồ Lớn (hồ Xuân Hương). Đường sá phần nhiều đổ dốc ngoằn ngoèo, hai bên các biệt thự nằm rời rạc, im lìm, khuất tận trong xa. Vào những buổi chiều gió lạnh, bạn tha thẩn trên đường, sẽ có cảm tưởng rằng mình đang ở giữa một thành phố ma. Đà Lạt chỉ hợp với những tâm hồn nghệ sĩ. Bạn tìm nét vẽ trong muôn màu mây nước, cỏ hoa, ý nhạc trong tiếng vi vu của gió ngàn, tiếng rộn rảng của thác đổ, bài thơ trong vẻ thi vị của núi rừng bao la, hay vẻ vắng lặng trầm ngâm của cảnh vật. Bạn có nhiều dịp để mặc cho tâm hồn rung cảm triền miên...

... Đà Lạt hoạt động hơn ở phía chợ, con tim của thành phố, nằm trên ngọn đồi cao, ngôi chợ là nơi tổng hợp một số cư dân từ bốn phương đổ về : các nhà trồng rau cải ngoại thành, các nhà lái buôn từ những vùng xa đem hàng đến, cả những người Thượng từ

núi rừng đem thổ cẩm ra bán. Hai bên chợ san sát phố buôn bán của Hoa kiều, Pháp, Việt. Cạnh đấy một vùng đất thấp hơn ngôi chợ mới đồ sộ đang được hoàn thành. Chợ cất hai tầng, mặt tiền hình vòng cung hướng ra Hồ Lớn.

Người ta trù định ngân khoản xây cất lên đến 30 triệu đồng. Nếu việc tiến triển điều hòa thì năm 1960 dân Đà Thành sẽ ăn tết với một ngôi chợ mới. Lúc này chợ cũ sẽ được dùng làm hí viện ...”

“.. Ổn ào nhất là những dịp lễ, du khách từ bốn phương đổ đến một không khí náo nức rộn rịp cho Đà Lạt. Hai bên phố các tà áo màu rực rỡ khoe tươi, như ganh đua với mấy nụ hoa tươi bán trên vỉa hè...” ()*

Đà Lạt vào thời kỳ này đã bắt đầu chú ý phát triển về du lịch đối với khách nước ngoài. Năm 1961, Nha Quốc gia Du lịch đặt ra tiêu đề *“Năm viếng thăm Đông Dương”* trong chương trình cổ động du lịch các đô thị nổi tiếng, ngoài Hương Cảng (Hong Kông), Vọng Các (Bangkok), Cựu Kim Sơn (San Francisco) còn có Đà Lạt. Từ đó, Đà Lạt chuẩn bị ráo riết để đón khách nước ngoài. Các khách sạn được xây mới, sửa chữa và tân trang. Đường sá, điện nước được chăm sóc khá chu đáo. Đường bay quốc tế được thiết lập. Khách ngoại quốc đề nghị có đường bay trực tiếp Đà Lạt đi các nước, đặc biệt là từ Vọng Các, Hương Cảng đến Đà Lạt.

Ngày 24.2.1961, sân bay Liên Khàng (Liên Khương ngày nay) trở thành sân bay quốc tế thứ hai của miền Nam Việt Nam được khánh thành sau Tân Sơn Nhất của Sài Gòn.

Các dinh thự của Bảo Đại lần hoàng thân quốc thích đều lần lượt bị tịch thu và thay ngôi đổi chủ từ sau khi Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống mãi đến cuối năm 1958 mới xong về cơ bản. Dinh thự trước đây do Bảo Đại mua lại và xây dựng để có nơi làm việc

(*) Khánh Giang : Đà Lạt với du khách, *Thời nay*, số 3.1959, trang 47, 48, 49.

cho các quan trong “*Hoàng triều cương thổ*” được dành cho Tổng thống (Dinh I) nằm ở cuối đường Gia Long (nay là đường Trần Quang Diệu). Đây là nơi nghỉ mát của Tổng thống vào mỗi dịp xuân, hè. Dinh II trước của Toàn quyền Decoux gọi là “*dinh thự mùa hè*” trở thành nơi nghỉ mát của “Cố vấn” Ngô Đình Nhu. Dinh III - biệt điện của Bảo Đại được dành cho các quan khách cấp cao của chính phủ Ngô Đình Diệm khi đi công cán hoặc viếng thăm Đà Lạt.

Dự án phát triển Đà Lạt thành trung tâm du lịch - nghỉ dưỡng quốc tế mới thực hiện được một phần nhỏ thì bị tạm thời ngưng lại vì chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ do đảo chính ngày 1.11.1963. Các năm tiếp theo, các tướng lãnh quân đội Sài Gòn liên tục lật nhau. Đà Lạt trở thành nơi “*nghỉ mát*” (nhà giam lỏng) của một số tướng tá lỡ vận hoặc chờ cơ hội nắm chính quyền. Các biệt thự dần dần vào tay các tướng tá quân đội. Phần lớn các tướng tư lệnh quân khu, vùng chiến thuật, có thể lực chính trị tại Sài Gòn đều có biệt thự ở Đà Lạt. Do đó, đây cũng chính là thời điểm mà nhiều biệt thự với các kiểu dáng kiến trúc khác nhau ganh đua mọc lên ở thành phố, đặc biệt là ở đường Nguyễn Du ngày nay.

- Tháng 3.1966, Trường Đại học Chiến tranh Chính trị ra đời theo Sắc lệnh số 48/SL/QG trực thuộc Tổng cục Chiến tranh Chính trị và Tổng cục Quân huấn Bộ Quốc phòng Sài Gòn.

- Chi nhánh Nha Văn khố, Thư viện Đà Lạt ra đời năm 1960, Hội Việt Mỹ (1963).

- Trường Chỉ huy tham mưu, Trung tâm Văn hóa Pháp ra đời năm 1967.

Một số trường học tư thực đệ I và đệ II cấp cũng phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn này. Theo con số thống kê, đến năm 1971, Đà Lạt có 13 trường trung học, chuyên nghiệp và dạy nghề (không kể các trường sơ, tiểu học), trong đó có nhiều trường nổi tiếng cả nước như : Lycée Yersin, Couvent des Oiseaux, Adran ... với các loại

hình trường nội trú thu hút đông đảo học sinh từ mọi miền đến học tập.

Về tổ chức hành chính, trong giai đoạn này, Đà Lạt là một thị xã ngang hàng cấp tỉnh. Thị trưởng Đà Lạt thường kiêm luôn Tỉnh trưởng tỉnh Tuyên Đức. Có mấy năm Thị trưởng Đà Lạt không kiêm nhiệm Tỉnh trưởng Tuyên Đức. Đó là thời kỳ Nguyễn Thị Hậu - luật sư làm Thị trưởng (1965-1966). Khi tình hình chiến sự căng thẳng, chính quyền Sài Gòn đưa các sĩ quan (trung tá hoặc đại tá) làm Tiểu khu trưởng, thì Tỉnh trưởng Tuyên Đức kiêm nhiệm luôn Thị trưởng Đà Lạt. Nguyễn Hợp Đoàn là viên Tỉnh trưởng kiêm Thị trưởng cuối cùng của chế độ Sài Gòn.



Tóm lại, trong 30 năm xây dựng và phát triển (1945 - 1975), Đà Lạt tuy trải qua nhiều giai đoạn lịch sử thăng trầm nhưng luôn luôn được các chế độ chính trị quan tâm, lưu ý, song thực tế chưa bao giờ nó chính thức được định hình là một thành phố có tầm cỡ quốc gia. Decoux chỉ có ý định đưa Đà Lạt lên làm thủ đô của Liên bang Đông Dương, nhưng khi Decoux rời Đông Dương thì ý định đó cũng tiêu tan dần theo năm tháng. Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Bảo Đại cũng chỉ mới ban hành quy chế : *"Hoàng triều cương thổ"* dùng Đà Lạt làm nơi *"vạn đại dung thân"* cho triều Nguyễn và có thể là của Pháp. Nhưng rồi, Pháp thua trận, Mỹ nhảy vào Việt Nam nên *"Hoàng triều cương thổ"* cũng như cả triều Nguyễn phút chốc tan tành theo mây khói. Ngô Đình Diệm - Tổng thống Việt Nam Cộng hòa cũng muốn biến Đà Lạt thành trung tâm văn hóa, nghiên cứu khoa học, trung tâm Thiên Chúa giáo theo kiểu châu Âu, nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân đã đưa đến sự sụp đổ của những ý định đó. Các tướng lĩnh Sài Gòn liên tục đảm nhiệm chính quyền, Đà Lạt trở thành nơi *"nghỉ mát"* của các chính khách. Ba mươi năm ấy, Đà Lạt vẫn ở trong tình trạng hành chính nhập nhằng : Đà Lạt

chưa phải là thủ đô, nhưng cũng không phải là một thành phố ngang tỉnh hay một thị xã trực thuộc tỉnh. Toàn quyền Đông Dương Decoux, vua Bảo Đại, Tổng thống Ngô Đình Diệm, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu,... nói chung đều có tham vọng biến Đà Lạt thành một đô thị trọng yếu nhưng đều không thể thực hiện được.

Ngày 3.4.1975, Đà Lạt được hoàn toàn giải phóng, một trang sử mới của thành phố được mở ra đầy thử thách và triển vọng.

ĐÀ LẠT CHUYỂN MÌNH TRONG CHẾ ĐỘ MỚI VÀ PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH TRUNG TÂM DU LỊCH - NGHỈ DƯỠNG CỦA VIỆT NAM VÀ KHU VỰC (1975-2000)

Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử Đà Lạt đều thống nhất cho rằng : Đây là giai đoạn nhiều thử thách, gian nan nhưng cũng lắm triển vọng của Đà Lạt. Bởi lẽ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30.4.1975), nhìn chung, lịch sử đất nước đầy biến động. Tuy nước nhà thống nhất chuyển từ thời chiến sang thời bình nhưng vẫn còn sự đe dọa của cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc, tình hình bất ổn về an ninh các tỉnh miền núi do hoạt động của bọn FULRO, nên kinh tế cả nước nói chung và Đà Lạt nói riêng gặp nhiều khó khăn. Hơn 10 năm trong cơ chế quan liêu bao cấp (1975 - 1985), do chưa được sự quan tâm gìn giữ, đầu tư đúng mức nên bộ mặt đô thị Đà Lạt có phần bị xuống cấp, biến dạng. Một số biệt thự bị sử dụng vào mục đích khác. Su su, khoai lang làm "*nông thôn hóa đô thị*". Nạn phá rừng đốt than, làm rẫy, nhà cửa xây cất trái phép, lộn xộn đã làm ảnh hưởng không ít đến cảnh quan kiến trúc vốn xinh đẹp của thành phố.

Đến năm 1986, khi đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới thì Đà Lạt mới thực sự khởi sắc với nhiều đổi thay.

Những ngày đầu của chính quyền cách mạng, dân số bị tụt xuống do nguyên nhân : quân đội, bộ máy chính quyền, giáo dục của chế độ cũ rút chạy về Sài Gòn, một bộ phận dân cư của thành

phố được đưa đi xây dựng vùng kinh tế mới tại các huyện khác trong tỉnh. Thời kỳ này, công tác an ninh, ổn định, chính trị, cải tạo xã hội được đặt lên hàng đầu, hoạt động du lịch hầu như không được chú ý nên khách du lịch trong và ngoài nước vắng hẳn, thỉnh thoảng mới có một vài đoàn du lịch theo kiểu bao cấp. Đà Lạt lúng túng với cơ cấu kinh tế công - nông - lâm nghiệp và du lịch. Chủ trương tự túc lương thực và lấy nông nghiệp làm trọng tâm trong thời gian này là bước đi cần thiết, nhưng Đảng bộ và chính quyền thành phố vẫn rất lấy làm băn khoăn và day dứt vì thế mạnh và những tiềm năng về du lịch của thành phố Cao nguyên này chưa được phát huy đúng mức. Những thành tựu của Đà Lạt lúc này là tập trung ổn định đời sống của nhân dân vùng nông thôn ngoại thành và mở rộng địa giới Đà Lạt ra vùng ven Thái Phiên (1975), Xuân Trường, Xuân Thọ (1979), đặc biệt là ổn định về mọi mặt vùng đồng bào dân tộc thiểu số bản địa ở Đà Lạt. Việc sáp nhập thêm xã dân tộc thiểu số Tà Nung vào thành phố Đà Lạt là nằm trong sự định hướng chung của chính quyền trong giai đoạn này. Vùng nông nghiệp được kiến thiết lại, đường sá ở các khu vực được sửa sang và làm mới, đặc biệt là hệ thống mạng lưới điện đưa vào phục vụ nông thôn và sản xuất nông nghiệp ngày một mở rộng. (*)

Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn đó, một số công trình hồ nước, đập thủy lợi đã được đầu tư sức người, sức của xây dựng, nạo vét nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp : đập Đa Thiện(1977), hồ Chiến Thắng (1981), hồ Tuyền Lâm (1984). Năm 1977, sản lượng rau thương phẩm của Đà Lạt đạt 70.897 tấn. Cuối năm 1985, một luồng sinh khí mới thổi vào thành phố : hồ Xuân Hương được nạo vét, đào sâu thêm, cầu Ông Đạo được trùng tu để thu hút du khách đến với Đà Lạt , Cung Thiếu nhi được khởi công xây dựng ở đường Trần Phú (Yersin cũ) khá quy mô. Tiếp theo, một số khách sạn được

(*) Đà Lạt, thành phố Cao nguyên, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr.83.

xây cất thêm hoặc chỉnh trang lại như : LangBian, Đồi Cù, Thanh Bình, La Tulipe... Khách sạn Hải Sơn được khánh thành vào ngày 22.12.1989 trên cơ sở cải tạo và mở rộng thêm khách sạn Mộng Đẹp cũ. Đó là thành quả liên doanh giữa thành phố Đà Lạt với công ty Seaprodex - Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, khu du lịch Minh Tâm cũng được hình thành trong thời gian này. Các thắng cảnh thác Prenn, Đatanla từ năm 1985 đến năm 1990 cũng từng bước được đầu tư, tôn tạo.

Theo con số thống kê, đến năm 1990, toàn thành phố có 187 cơ sở hoạt động du lịch. Trong đó, Công ty Du lịch Lâm Đồng có 12 cơ sở, Công ty Dịch vụ Du lịch Đà Lạt có 16 nhà hàng, khách sạn. Đặc biệt, các cơ quan đơn vị ngoài tỉnh có 20 cơ sở nhà nghỉ, khách sạn tại Đà Lạt như : Đồng Tháp, Cửu Long, Hậu Giang... trong nhân dân cũng có 110 nhà nghỉ, nhà trọ. Từ một thành phố trầm mặc, phẳng lặng, hằng năm cứ vào dịp lễ, tết, Đà Lạt bỗng trở nên sinh động, huyền ảo một cách lạ thường. Khách du lịch bốn phương đổ về đây nghỉ mát tấp nập, khiến thành phố đông vui như hội. Có thời điểm du khách lên đến hơn 10.000 lượt người mỗi ngày. Những lúc như vậy thành phố căng ra như một quả bóng. Để giải quyết cảnh du khách phải ngủ ngoài xe hay nường nhờ mái hiên đình chùa, trường học qua đờ một đêm, đến năm 1991 số nhà nghỉ tư nhân được chính quyền thành phố cho phép đón khách phát triển lên tới hơn 200 cơ sở. Đến năm 1999, cả Đà Lạt đã phát triển lên tới hơn 700 nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ (442 khách sạn, nhà nghỉ) tập trung ở các đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Nguyễn Chí Thanh, Phan Bội Châu, Phan Đình Phùng. Đà Lạt lúc này hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu ăn, nghỉ của du khách.

Trong làn gió đổi mới, cởi mở của cả nước thổi về Cao nguyên Lang Bian, cũng từ năm 1990 trở đi, lượng khách ngoại quốc và bà con Việt kiều về thăm quê hương lên Đà Lạt để ngắm cảnh và tận hưởng cảnh đẹp, không khí mát lành tăng dần theo thời gian : Nếu

như năm 1990 chỉ có 3.700 du khách nước ngoài thì đến năm 1991 tăng lên 10.000 khách phương Tây và Việt kiều về thăm; ước tính năm nay 2000, số lượng này có thể đạt trên 60.000 người.

Đầu năm 1991, Công ty Du lịch Lâm Đồng liên doanh với Công ty Phát triển kinh tế Vũng Tàu - Côn Đảo nâng cấp một số biệt thự ở đường Trần Hưng Đạo để đón khách trong và ngoài nước. Đến cuối năm 1991, liên doanh với Công ty Đa Nao (Hồng Kông) đầu tư nâng cấp một số khách sạn và thắng cảnh du lịch của Đà Lạt để có đủ điều kiện phục vụ vui chơi, giải trí cho khách du lịch quốc tế. Một dự án đầu tư về du lịch tại Đà Lạt được ký kết. Đà Lạt bỏ vốn bằng đất đai, cơ sở hạ tầng ban đầu, nước ngoài bỏ vốn tôn tạo, nâng cấp. Theo dự án, Công ty nước ngoài đầu tư 40 triệu USD, phía Đà Lạt - Lâm Đồng góp vốn 50% bằng giá trị toàn bộ cơ sở vật chất đưa vào liên doanh nhằm chỉnh trang khách sạn Palace, xây dựng nơi đây thành khách sạn 5 sao với đầy đủ tiện nghi (hiện nay là Palace Sofitel Hotel). Tiếp theo là xây dựng sân Golf Đà Lạt, nâng cấp khách sạn Đà Lạt và khu biệt thự Trần Hưng Đạo... Cuối năm 1991, việc chỉnh trang khách sạn Palace được thực hiện, đến cuối năm 1993 được khánh thành và đi vào hoạt động. Khách sạn Anh Đào thuộc Công ty Du lịch Lâm Đồng cũng được sửa chữa nâng cấp trong thời gian này, tiếp theo đó là các khách sạn : Ngọc Lan, Duy Tân....

Ngày 1.2.1992, việc xây dựng sân Golf Đà Lạt được khởi công san ủi và rào xung quanh theo giấy phép đầu tư số 222 ngày 8.8.1991 do Ủy ban Hợp tác và Đầu tư Nhà nước cấp. Theo dự định thì thời gian thi công là 2 năm và thời gian liên doanh là 20 năm. Nhiều khu vực tại đây được san ủi để trồng cỏ, làm bể bơi và câu lạc bộ. Cũng trong thời gian này, Công ty Liên doanh DRI (Dalat Resort International) cũng ra đời, cuối năm 1995 dự án Dankia Resort - một dự án đầu tư du lịch trị giá trên 700 triệu USD do Singapore đầu tư đã được chính phủ Việt Nam thông qua nhằm xây dựng vùng

Đankia - Suối Vàng thành một thành phố du lịch thứ hai sau Đà Lạt. Nhưng đến năm 1999 do gặp một số trở ngại khách quan nên dự án này vẫn chưa được triển khai.

Nhằm tăng thêm vẻ đẹp cho Đà Lạt và khôi phục lại nét duyên dáng của thành phố, mùa thu năm 1991, chính quyền thành phố đã cho trồng hàng trăm cây anh đào, liễu rũ, mimosa quanh hồ Xuân Hương và dọc các đường phố chính như Lê Đại Hành, Nguyễn Thị Minh Khai.

Mặt khác, để khôi phục lại cảnh quan cho Đà Lạt, ngày 4.6.1991, Hội đồng Nhân dân Thành phố đã họp và đưa ra nghị quyết *Những biện pháp cấp bách nhằm bảo vệ cảnh quan, môi sinh trên địa bàn Đà Lạt* bởi lẽ sau một thời gian dài bị lãng quên, con người đã tàn phá nhan sắc của thành phố này một cách đau lòng. Tình trạng xây dựng kiosque, nhà cửa một cách bừa bãi đã làm mất đi vẻ độc đáo, hài hòa của Đà Lạt. Một số khu vực rừng đầu nguồn như : Prenn, hồ Tuyền Lâm, đập Đa Thiện, Suối Vàng, hồ Than Thở bị phá hoại nghiêm trọng.

Theo số liệu điều tra của Bộ Lâm nghiệp chụp bằng không ảnh tháng 11.1978, tổng diện tích rừng thông của Đà Lạt là 38.602 ha, nhưng đến năm 1991 chỉ còn 25.584 ha. Tình trạng phá rừng đã ảnh hưởng đến môi trường và hệ sinh thái của thành phố một cách nặng nề. Trong 3 năm 1988, 1989, 1990, diện tích đất khai hoang phục hóa của Đà Lạt có tăng thêm vài trăm héc-ta, song kèm theo đó nhiều nơi trong thành phố rừng bị phá hại. Năm 1991 đã có 300 hộ phá rừng lấy đất sản xuất quanh khu vực thắng cảnh hồ Tuyền Lâm. Tại Thung lũng Tình yêu, đập Đa Thiện cũng rơi vào tình cảnh tương tự. Nhiều trường hợp phá rừng để lấy đất trồng trọt và đào đải thiếc sa khoáng cách chân đập một đoạn ngắn đã xảy ra. Ở hồ Than Thở, bên kia đường, một số dân đã phá đồi thông, san đất làm vườn rau, xung quanh các sườn đồi nhìn xuống cũng bị tận dụng để sản xuất và đào đải thiếc khiến lòng hồ bị cạn dần, đáy hồ trở ra nhám nhò

vào mùa khô.

Về hiện trạng kiến trúc ở Đà Lạt từ năm 1975 đến năm 1995 có nhiều thay đổi. Một số công trình văn hóa được đầu tư xây dựng như Nghĩa trang Liệt sĩ, Cung Thiếu nhi, Đài Truyền hình, Bảo tàng Lâm Đồng, chợ Đà Lạt được nâng cấp và xây thêm khu B vào năm 1995, tháp Bưu điện và hệ thống điện thoại tự động 2.000 số cũng được thiết lập trong giai đoạn này. Theo số thống kê đầu năm 1990, Đà Lạt có 2.400 biệt thự nhưng trong số đó chỉ có 830 biệt thự là sử dụng được, số còn lại bị xuống cấp. Từ năm 1989 đến năm 1992, hiện tượng moi đất san đồi để làm nhà, xây dựng kiosque tại Đà Lạt xảy ra khá phổ biến. Tháng 7.1997, tượng đài Phụ nữ Đà Lạt được khánh thành. Đây cũng là tượng đài đầu tiên của Đà Lạt - Lâm Đồng được xây dựng ngay phía trước bùng binh chợ Đà Lạt.

Một số đường phố sau năm 1975 có những thay đổi đáng kể. Đến năm 1992, tổng chiều dài đường bộ Đà Lạt là 136km, trong đó đường chính là 54km, mật độ đường là 3,1km /km², điều này nói lên mật độ đường của thành phố tương đối lớn. Tuy nhiên, đa số các con đường ở Đà Lạt được xây dựng đã lâu, song thiếu kinh phí để duy tu, bảo dưỡng thường xuyên nên nhiều nơi bị hư hỏng nặng. Năm 1988, đường Phan Đình Phùng được khởi công làm mới. Năm 1990, đoạn đường từ cầu Ông Đạo đến Vườn hoa thành phố được sửa chữa khá hoàn chỉnh. Từ năm 1997 đến năm 1998, một số đoạn đường chính trong thành phố như đường 3 tháng 4, Phù Đổng Thiên Vương, Trần Phú,... được mở rộng, đặc biệt đường 3 tháng 4 (Nguyễn Tri Phương cũ) được xây dựng thành đường hai chiều như các thành phố hiện đại.

Đầu tháng 7 năm 1998, việc nạo vét lòng hồ Xuân Hương được triển khai. Đây là lần nạo vét thứ hai sau năm 1975 có quy mô lớn nhất với kinh phí dự trù ban đầu là 20 tỷ đồng, gồm 4 tiểu dự án, trong đó có hai hồ lắng bên trên hồ Xuân Hương nhằm khôi phục lại diện tích và độ sâu của hồ như năm 1937 và sửa chữa toàn bộ

xiphông cầu Ông Đạo. Đến cuối tháng 9.1998, hồ Xuân Hương được đóng nước.

Ở Đà Lạt, điện được cung cấp thường xuyên từ hai nguồn: thủy điện Đa Nhim khoảng 1 tỷ kW và Suối Vàng 12,8 triệu kW. Điện năng sử dụng của thành phố bình quân trong năm 1990 là 95.000kW/ngày. Nguồn điện ở Đà Lạt tương đối ổn định vì nguồn chủ đạo là trạm Đà Lạt nhận điện từ Đa Nhim, công suất còn có thể huy động thêm nên có khả năng cung ứng đủ nhu cầu điện cho sản xuất và sinh hoạt trong những năm tới. Đến năm 1999, hệ thống mạng lưới điện Đà Lạt tuy một số đã được nâng cấp, thay đổi đường dây hạ thế, song cũng còn một số mặt hạn chế. Về mùa mưa thường xảy ra sự cố do cây ngã đổ, về mùa nắng do mực nước ở hồ Suối Vàng, hồ Đa Nhim bị cạn nên thỉnh thoảng xảy ra cúp điện.

Công trình cấp nước sinh hoạt cho Đà Lạt đến năm 1999 chỉ sử dụng một nhà máy nước duy nhất là Suối Vàng có công suất là 25.000m³/ ngày và có kế hoạch dự kiến cung cấp 50.000m³/ ngày vào năm 2000. Suối Vàng là nhà máy cấp nước khá hiện đại do Đan Mạch giúp đỡ xây dựng. Nguồn nước sử dụng chính là hồ Đankia có trữ lượng lớn và chất lượng khá ổn định. Từ năm 1993 đến năm 1999 nhiều hệ thống đường ống quá cũ kỹ trong thành phố đã được thay mới, riêng hệ thống thoát nước của Đà Lạt đến năm 1999 vẫn chưa hoàn chỉnh. Theo số liệu chính thức thì tổng chiều dài đường cống trong thành phố chỉ có 72,714 km.

Về dân số, theo số liệu của các đợt tổng điều tra dân số, thì năm 1989, Đà Lạt có 116.139 người, so với năm 1975 tăng 21.635 người. Năm 1990, đã tăng lên 118.292 người và đến năm 1999 thì dân số Đà Lạt là 160.000 người. Điều đó cho thấy dân cư của thành phố tăng khá nhanh. Từ năm 1975 - 1992, ngoài việc tăng tự nhiên và tăng cơ học, dân số Đà Lạt tăng còn do việc mở rộng ranh giới hành chính. Tính ra, trong vòng 10 năm (1980 - 1990), bình quân

dân số Đà Lạt tăng 2,3%, chủ yếu là do tăng tự nhiên nên phần nào vẫn giữ được vẻ yên tĩnh cho thành phố. Đến năm 1999, qua nhiều lần thay đổi địa giới và tổ chức hành chính, Đà Lạt có 12 phường, 3 xã vùng ven : Xuân Trường, Xuân Thọ, Tà Nung với tổng diện tích 391,04 km².

Với địa hình và tính chất đặc thù của Đà Lạt, cư dân thành phố hình thành được một khu trung tâm đông đảo với mật độ từ 8.000 đến 10.000 người/km² gần với các hoạt động thương mại và dịch vụ. Bên cạnh đó, các vùng ngoại ô với mật độ 4.000 người/km² và 3 xã vùng ven chỉ có 60 người/km² gần với hoạt động sản xuất

Về giáo dục, từ năm 1975 đến năm 1999, Đà Lạt có một số trường đổi tên hoặc chuyển sang sử dụng vào việc khác : Trường trung học Trần Hưng Đạo được dùng làm cơ sở sản xuất để liên doanh với nước ngoài (Công ty Penlat), một phần Trường Adran dùng làm Sở Giáo dục - Đào tạo, Trường Petit Lycée và Trung tâm Văn hóa Pháp được sử dụng làm Sở Văn hóa - Thông tin, Nhà Văn hóa,... Trường Grand Lycée được dùng làm Trường Cao Đẳng Sư Phạm, Trường Couvent des Oiseaux được chuyển thành Trường Trung học Sư phạm, sau đó là Trường Dân tộc nội trú, Trường Tân Sanh đổi tên thành Đoàn Kết, Trường Bồ Đề đổi thành Trường Nguyễn Du,... Các cấp học cũng có sự thay đổi : tiểu học thành cấp I, trung học đệ nhất cấp thành cấp II, trung học đệ nhị cấp thành cấp III; sau đổi lại thành tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Một mạng lưới nhà trẻ, trường mẫu giáo hình thành rộng khắp các nơi trong thành phố. Năm 1992, tổng số học sinh của Đà Lạt là 25.000 em với đội ngũ giáo viên là 1.700 người. Đến năm 1999, số học sinh của Đà Lạt tăng lên 67.019 học sinh gồm 115 trường mầm non và nhóm trẻ, 38 trường phổ thông, 3 trường trung học chuyên nghiệp, 1 trung tâm đào tạo tại chức; trong đó cấp tiểu học có 37.328 học sinh, phổ thông cơ sở : 12.337 học sinh, phổ thông trung học : 6.421 học sinh, mẫu giáo: 7.933 học sinh và khoảng 13.000

sinh viên các trường đại học, cao đẳng và tại chức. Đó là chưa kể các lớp ngắn hạn ban đêm. Từ năm 1990 đến năm 1999, thực hiện chính sách "Đa dạng hóa các loại hình trường lớp", một số trường dân lập, bán công xuất hiện như Phù Đồng, Nguyễn Du. Sau năm 1975, Viện Đại học Đà Lạt đổi thành Trường Đại học Đà Lạt theo Quyết định số 426/TTG ngày 27.10.1976 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 1977 - 1978. Trường Đại học Đà Lạt là một trong những trường đại học cơ bản của cả nước. Năm 1987, Trường Đại học Đà Lạt được Hội đồng Nhà nước tặng huân chương Lao động Hạng Ba. Năm 1991, nhà trường đặt vấn đề liên kết đào tạo với các trường đại học như Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó mở thêm các khoa Anh văn, quản trị kinh doanh, tin học nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Nhờ có sự cố gắng chuyển đổi nên từ 1.300 sinh viên (năm học 1990 - 1991), Trường Đại học Đà Lạt có 1.700 sinh viên (năm học 1991 - 1992), tăng lên 2.300 sinh viên (năm học 1992 - 1993). Đến năm học 1998 -1999, Đại học Đà Lạt có đến 9.000 sinh viên gồm cả ba hệ: chính quy, mở rộng và tại chức.

Nhìn chung, từ năm 1975 đến năm 1999, Đà Lạt có nhiều biến đổi từ cảnh quan, kiến trúc, môi trường, dân số, giáo dục và kể cả tổ chức hành chính. Tuy cũng còn không ít khó khăn, song Đà Lạt vẫn cố gắng vươn lên xây dựng để định hình một thành phố du lịch, một trung tâm du lịch - nghỉ dưỡng tuyệt vời của Việt Nam và quốc tế trong tương lai. Chính vì vậy, năm 1999, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định công nhận Đà Lạt là "đô thị loại hai" như một sự ghi nhận những đóng góp to lớn của nhân dân Đà Lạt trong suốt chặng đường 25 năm xây dựng và hơn 105 năm hình thành và phát triển.

PHẦN II

DI TÍCH KHẢO CỔ VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH

HOÀNG THỊNH CHÁNH - LÊ DINH PHƯƠNG

Ấn Độ là một vùng đất cổ, có cả văn minh đã mai một và còn lại dấu vết của chất phát đạt với nhiều dân tộc anh em trước nay như Miến - Khmer và người Malaysia - Polynesian, lần lượt bước đến sinh sống trên mảnh đất Nam Tây Nguyên này.

Lâm Đồng có một nền văn hóa, lịch sử lâu đời. Các dân tộc anh em trong tiến trình lịch sử lâu đời của mình đã để lại nhiều di tích văn hóa, lịch sử, hình thành nên bản sắc chung của văn hóa, lịch sử Lâm Đồng.

Vùng đất Lâm Đồng còn lưu giữ nhiều dấu tích văn hóa, lịch sử dân tộc. Đó là những công cụ lao động, dụng cụ sản xuất, đồ

Cho đến hôm nay, về mặt khảo cổ học, các nhà khoa học vẫn chưa phát hiện ra một di tích nào trên địa bàn Đà Lạt. Tuy nhiên, với hy vọng có thể giúp quý vị và các bạn có thêm điều kiện để tìm hiểu vùng đất cổ của Lâm Đồng, nhằm hoạch định cho mình một tuyến du lịch văn hóa xuất phát từ Đà Lạt, xin giới thiệu với quý vị và các bạn nội dung sau đây để tham khảo.

DI TÍCH KHẢO CỔ

HOÀNG XUÂN CHINH - LÊ ĐÌNH PHỤNG

Lâm Đồng là một vùng đất cổ, có cảnh quan địa mạo đa dạng, có cấu tạo địa chất phức tạp với nhiều dân tộc anh em thuộc ngữ hệ Môn - Khmer và ngữ hệ Malayo - Polynésien, lần lượt trước sau đến sinh sống trên mảnh đất Nam Tây Nguyên này.

Lâm Đồng có một nền văn hóa, lịch sử lâu đời. Các dân tộc anh em trong tiến trình lịch sử lâu dài của mình đã để lại nhiều di tích văn hóa, lịch sử, hình thành nên bản sắc chung của văn hóa, lịch sử Lâm Đồng .

Vùng đất Lâm Đồng còn lưu giữ nhiều dấu tích văn hóa, lịch sử dân tộc. Đó là những công cụ lao động, dụng cụ sản xuất, đồ trang sức của người dân. Đó là những đền tháp, những khu mộ táng của nhiều thời đại - những chứng tích sống động về cuộc sống của

những con người và của các thời đại đã từng sinh sống trên đất Lâm Đồng .

Quá trình hình thành của các nhóm cư dân của các dân tộc trên đất Lâm Đồng có những nét riêng, nên di tích khảo cổ lịch sử ở Lâm Đồng cũng có những đặc trưng riêng, không giống với bất cứ một vùng nào trên nước ta.

Di tích thì phong phú, đa dạng nhưng phần lớn đang được lưu giữ trong lòng đất. Rất tiếc là cho đến nay, công cuộc phát hiện khai quật trên đất Lâm Đồng chưa làm được bao nhiêu.

Chỉ mới vài ba năm nay thôi, trên cơ sở phát hiện ngẫu nhiên của nhân dân, công cuộc tìm kiếm, khai quật khảo cổ bước đầu được triển khai. Tuy là bước đầu, nhưng những cái phát hiện ra, thu lượm được đã cho thấy sự phong phú đa dạng của di tích khảo cổ nơi đây, cùng với mối quan hệ văn hóa với các vùng xung quanh.

Lâm Đồng có một lịch sử lâu dài, cội nguồn có thể ngược lên đến hậu kỳ thời đại đá cũ, cách ngày nay trên một vạn năm và hy vọng sẽ còn lâu hơn nữa. Giống như mọi miền khác, cư dân tiền sử tiếp tục mở rộng khai phá trên khắp mọi miền có cảnh quan thiên nhiên thuận lợi trên đất Lâm Đồng. Lịch sử là một dòng chảy liên tục, song di tích khảo cổ phát hiện được không phải một lúc có thể lấp đầy mọi giai đoạn, đủ mọi nơi.

Cái đặc biệt của lịch sử Lâm Đồng gần giống như các vùng Tây Nguyên là cư dân của nhiều dân tộc ít người trong thời gian dài sống trong một nền kinh tế lạc hậu muông mòng, sau này mới hòa nhập vào nền văn hóa lịch sử của người Việt. Do đó không thể đem khái niệm thời gian Đinh, Lê, Lý, Trần để tìm hiểu di tích khảo cổ trên đất Lâm Đồng.

Lịch sử Lâm Đồng trong thời kỳ lịch sử là lịch sử của các dân tộc thiểu số anh em, trong đó người Mạ có một vị trí nổi bật.

Vì vậy việc tìm hiểu di tích khảo cổ trên đất Lâm Đồng có thể

phân làm hai giai đoạn :

- Di tích khảo cổ thời tiền sử .
- Di tích khảo cổ trong thời kỳ lịch sử.

I. CÁC DI TÍCH KHẢO CỔ THỜI TIỀN SỬ

Lâm Đồng là một vùng đất cổ, có cấu tạo địa chất phức tạp, có cảnh quan địa mạo đa dạng. Từ Cao nguyên Lâm Viên cao tới 1.500m nhìn xuống Cao nguyên Di Linh cao 1.000m rồi lại thấp xuống ở lưu vực sông Đồng Nai tiếp giáp với miền Đông Nam Bộ.

Lâm Đồng với những Cao nguyên đất đỏ bazan rộng lớn, tầng đất dày, địa hình bằng phẳng, khí hậu mát mẻ là những điều kiện thuận lợi cho cuộc sống của người tiền sử.

Lâm Đồng không có nhiều sông lớn, chỉ có thượng nguồn sông Đồng Nai chảy qua Lâm Đồng, song Lâm Đồng lại có nhiều suối. Sông suối gắn liền với cuộc sống của người tiền sử. Sông suối cung cấp nguyên liệu chế tạo công cụ đá, cung cấp nước, thực phẩm cho con người. Chính vì thế, ngay từ thời tiền sử, Lâm Đồng đã là địa bàn để con người đến tụ cư ven các doi đất cao, ven các sườn đồi gần sông suối.

Một dạng địa hình khá phổ biến ở Lâm Đồng là các thung lũng khá rộng được tạo nên bởi những triền đồi thấp đất đỏ bazan, ở giữa có dòng chảy qua. Đây là điều kiện cảnh quan rất thuận lợi cho cuộc sống định cư lâu dài của người nguyên thủy.

Riêng khu vực thượng nguồn sông Đồng Nai, từ huyện Lâm Hà qua huyện Cát Tiên, chảy về huyện Đạ Tẻh, Đạ Huoai, tuy không có những Cao nguyên đất đỏ, song với phù sa sông Đồng Nai đã hình thành nên những thung lũng thoáng rộng với các bậc thềm 1,2,3 cũng rất thuận lợi cho cuộc sống định cư của người tiền sử.

Chính vì vậy, ở Lâm Đồng các di tích khảo cổ thời tiền sử thường tập trung ở những sườn đồi bazan có độ cao vừa phải và có

các thềm đất phù sa hoặc sườn đồi ven sông Đồng Nai.

Ở Lâm Đồng, những công cụ bằng đá của người tiền sử phát hiện được lẻ tẻ ở nhiều nơi từ Di Linh, Lạc Dương đến Lâm Hà, Đơn Dương, Cát Tiên, Đạ Huoai, Đạ Tẻh ... trong quá trình làm nương rẫy hoặc đào ao, làm nhà, nhân dân thường nhặt được các lưỡi rìu bằng đá mà họ thường gọi là “lưỡi tầm sét” hay “búa nhà trời”, ít thì một chiếc, nhiều thì vài ba chiếc.

Những phát hiện riêng cho thấy sự phong phú của di tích và di vật khảo cổ tiền sử ở Lâm Đồng.

Dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu những di tích khảo cổ học từ thời đồ đá cho đến thời đại kim khí đã được phát hiện trên đất Lâm Đồng.

1. Các di tích khảo cổ thời đá cũ hậu kỳ

Cho đến gần đây, thời đại đá cũ được xem là vắng bóng trên đất Tây Nguyên. Những cuộc điều tra dài ngày ở các tỉnh Tây Nguyên trong mấy năm gần đây phát hiện được nhiều di tích thời đại đá mới và thời đại kim khí, song chưa bắt gặp một công cụ thời đá cũ nào, ngoại trừ một hiện vật phát hiện ngẫu nhiên ở Doãn Văn thuộc huyện Đak R'lôp (tỉnh Đắk Lắk) tiếp giáp với huyện Cát Tiên (tỉnh Lâm Đồng).

Thật là may mắn, trong cuộc điều tra khảo cổ năm 1995, cán bộ Trung tâm Khảo cổ thuộc Viện Khoa học tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hiện một số công cụ đá ghè đẽo thuộc hậu kỳ thời đại đá cũ tại ba địa điểm thuộc ba huyện khác nhau. Đó là Đạ Đờn (huyện Lâm Hà), đồi Giàng (huyện Bảo Lộc) và Lạc Xuân (huyện Đơn Dương).

*** Đạ Đờn**

Trong một thung lũng thuộc thôn 6 (xã Đạ Đờn), là nơi phát hiện được khu mộ cổ của người Mạ, tại đây đã thu được trên mặt đất ba công cụ chặt, một công cụ nạo và hàng chục công cụ không

định hình với các kích thước khác nhau. Những công cụ này đều được chế tạo từ đá cuội tạo thành lưỡi sắc.

Về kiểu dáng, hai công cụ này khá gần gũi với công cụ rìu lưỡi dọc là công cụ tiêu biểu của văn hóa Sơn Vi, phân bố tập trung ở trung du và miền núi phía Bắc nước ta.

Công cụ chặt thứ ba cũng có nền lưỡi dọc ở một phần viên cuội có kích thước 10cm x 6,5cm x 5cm.

Những công cụ này dài 6cm, rộng 4,5cm, dày 5,2cm. Có thể dùng để nạo, nhưng cũng có thể dùng để cắt khía.

Đây là những công cụ thường gặp trong giai đoạn hậu kỳ thời đại đá cũ.

*** Đồi Giàng**

Đồi Giàng, thuộc thôn Đại Lào, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc. Đây là những đồi thấp đất đỏ bazan màu mỡ đã được nhân dân khai phá trồng chè trong những năm gần đây. Ngay tại đồi Giàng cũng đã phát hiện được nhiều ngôi mộ cổ của người Mạ.

Ngay trên mặt đất đã thu lượm được hai công cụ nạo hoặc cắt khía được chế tác từ hòn cuội dẹt hoặc mảnh cuội bằng những nhát ghe nhỏ tạo thành rìu lưỡi mỏng. Một chiếc dài 10cm, rộng 5,2cm, chiếc kia dài 7,3cm, rộng 6,1cm, dày 1,6cm.

*** Lạc Xuân**

Ở Lạc Xuân, huyện Đơn Dương, trong một thung lũng đã thu được một số sỏi cuội có vết tích sơ chế ở một đầu bằng một vài nhát ghe định hình, song với sự có mặt của những mảnh tách, mảnh tước cho thấy hoạt động chế tác công cụ của con người nơi đây.

Di tích và di vật hậu kỳ thời đại đá cũ ở Lâm Đồng phát hiện được chưa nhiều song vô cùng quan trọng. Việc hiếm hoi di tích khảo cổ thời đại đồ đá cũ là điều dễ hiểu, vì lúc bấy giờ dân số còn rất ít, sống thưa thớt, lệ thuộc nhiều vào điều kiện thiên nhiên, không

phải bất cứ nơi nào con người cũng có thể sinh sống được.

Mặt khác, công tác điều tra khảo cổ cũng chưa được triển khai sâu rộng. Riêng đối với thời đại đá cũ, đối tượng nghiên cứu ít được "quan chúng hóa" nhất bởi tính chuyên sâu của nó. Đừng nói gì đến người dân bình thường, ngay những người có trình độ kiến thức nhất định, nhưng không chuyên về khảo cổ học thời đại đá cũ cũng khó lòng phân biệt giữa công cụ đá cũ với những hòn đá bị vỡ tự nhiên.

Vì vậy, việc phát hiện được ba địa điểm có công cụ hậu kỳ đá cũ trên đất Lâm Đồng là vô cùng quan trọng.

Đối với Tây Nguyên, có thể nói đây là phát hiện đầu tiên về di tích thời đại đá cũ. Với phát hiện này có thể khẳng định từ trên một vạn năm trước con người đã có mặt trên đất Lâm Đồng, dùng những công cụ chặt thô bằng đá cuội để chặt cây, phá rừng, khai phá vùng đất đỏ bazan màu mỡ này.

Những phát hiện này không phải là đơn độc. Có thể liên hệ chúng với những di vật phát hiện được ở Doãn Văn (tỉnh Đắk Lắk); ở Gia Tân - Xuân Lộc (tỉnh Đồng Nai); ở Tân Uyên (tỉnh Bình Dương) và xa hơn là các di vật ở trên các thềm sông thuộc tỉnh Trung Treng, miền Đông Bắc Campuchia.

Những công cụ bằng đá ở Xuân Lộc và Gia Tân được chế tạo từ đá cuội và đều thuộc hậu kỳ thời đại đá cũ. Về kỹ thuật cũng như loại hình rất gần gũi với bộ di vật hậu kỳ thời đại đá cũ Lâm Đồng. Đây là vấn đề cần được các nhà khoa học nghiên cứu thêm để có kết luận chính xác.

Với sự có mặt của công cụ chặt là rìu lưỡi dọc cho thấy sự gần gũi của bộ sưu tập công cụ này với văn hóa Sơn Vi, song cũng quá sớm khi xếp những địa điểm này vào văn hóa Sơn Vi.

Di tích thời đại đá cũ phát hiện được chưa nhiều, di vật phát hiện chưa được phong phú, song đây là những tín hiệu ban đầu cho thấy triển vọng tốt đẹp đối với công cuộc phát hiện và nghiên cứu

thời đại đá cũ trên đất Lâm Đồng.

2. Di tích cuối thời đại đá mới, đầu thời đại đồng thau

Cho đến nay trên đất Lâm Đồng chưa phát hiện được di vật và di tích thuộc sơ kỳ thời đại đá mới. Với sự có mặt của di tích hậu kỳ thời đại đá cũ ở Lâm Hà, Bảo Lộc, Đơn Dương, chắc hẳn việc phát hiện di tích sơ kỳ thời đại đá mới chỉ là vấn đề thời gian và đầu tư công sức mà thôi.

Đến cuối thời đại đá mới, đầu thời đại đồng thau, cách ngày nay vào khoảng 4.000 năm, cư dân tiền sử đã có mặt hầu khắp các địa phương trên đất Lâm Đồng. Dấu tích cuộc sống của họ là những công cụ lao động như rìu, đục, cuốc và các vòng trang sức bằng đá được nhân dân phát hiện ở nhiều nơi. Đó là những lưỡi rìu tứ giác, rìu có vai bằng đá phiến và thạch anh ở Di Linh, ở M'Lơn (Thanh Mỹ, Đơn Dương) là những lưỡi rìu tứ giác bằng đá lửa độc đáo trên thân còn lưu lại nhiều vết ghe đẽo và dấu vết được phát hiện ở vùng Phi Nôm, là vòng trang sức bằng đá phát hiện ở Dronto ...

Cho đến nay chưa có một cuộc khảo sát khai quật các di tích hậu kỳ thời đại đá mới đầu thời đại kim khí nào được thực hiện trên đất Lâm Đồng. Dưới đây chúng tôi lần lượt giới thiệu các địa điểm đã được phát hiện được công cụ đá với số lượng tương đối tập trung.

* Nam Ninh

Trong quá trình mở đất khai hoang tại triển đồi thấp ở xã Nam Ninh (huyện Cát Tiên), nhân dân đã phát hiện được ba lưỡi cuốc bằng đá tập trung ở một chỗ.

Theo nhân dân kể lại, những lưỡi cuốc đá này nằm trong lớp đất màu xám, ở độ sâu 20cm, xung quanh không có vật gì khác, kể cả mảnh gốm.

Đúng là những lưỡi cuốc có vai rất đẹp. Chiếc lớn nhất được

mài nhẵn, 1 lưỡi cuốc dài cán ngắn, lưỡi xòe rộng cân đối, vai vuông, được chế tạo từ loại đá màu sẫm. Toàn bộ cuốc dài 19cm, chuôi dài 3cm, rộng 2,7cm, vai rộng 6cm, lưỡi rộng 10cm.

Chiếc bé nhất là một lưỡi cuốc vai xuôi không cân xứng, phần lưỡi rộng hơn vai nhưng không xòe ra. Toàn bộ cuốc chỉ dài 10cm, chuôi dài 3,2cm, rộng 1,7cm - 2,2cm thu nhỏ đầu bên trên, lưỡi dài 6,8cm, rộng 5cm, cuốc được chế tạo từ loại đá màu xám nhạt.

Chiếc thứ ba có kích thước trung bình, là loại cuốc vai tròn, lưỡi xòe rộng. Toàn bộ cuốc dài 13,5cm, chuôi dài 4cm, rộng 2cm, xòe rộng 9cm, bị sút mất một góc.

Những lưỡi cuốc này, phần lưỡi đều được mài rất một mặt. Mặt kia phẳng riêng rìu lưỡi cong hình cung, tạo nên lưỡi sắc mỏng.

Đây là bộ sưu tầm đá đẹp nhất phát hiện được trên Tây Nguyên.

Trên đất Cát Tiên, ngoài địa điểm Nam Ninh, dọc theo các triền đồi đất thấp chạy dọc theo tả ngạn sông Đồng Nai, nhân dân đã phát hiện nhiều rìu đá và bàn mài. Như ở vùng núi đá mài thuộc xã Phù Mỹ, năm 1984, nhân dân phát hiện được một lưỡi rìu đá có vai, một bàn mài bằng sa thạch và một chiếc nổi gổm thô miệng bé. Năm 1985, nhân dân đã phát hiện được ở xã Đức Phổ lưỡi đục có vai, một rìu tứ giác và một bàn mài bằng sa thạch.

Xuôi theo sông Đồng Nai, cũng trên các triền đồi thấp ven sông Đồng Nai, từ Cát Tiên đến Đạ Tẻh cho thấy sự tụ cư của dân cư tiền sử giai đoạn cuối đồ đá mới đầu kim khí quanh các thung lũng và thềm sông thượng du sông Đồng Nai.

* Ninh Dương

Ở Ninh Dương (huyện Đơn Dương), trong quá trình sản xuất ven sườn đồi quanh thung lũng rộng, nhân dân đã phát hiện được một số rìu đá, cuốc đá và hai vòng trang sức bằng đá.

Hai lưỡi rìu đá đều thuộc loại rìu tứ giác có mặt cắt ngang hình

chữ nhật, mài nhẵn bóng khá đẹp.

Luối rìu lớn hơn có hình gần chữ nhật, cả hai đầu đều được mài vát cân thành luối. Phải chăng đây là luối rìu hai luối độc đáo rất ít khi gặp, luối rìu này dài 10cm, rộng 3,2cm, dày 1,3cm.

Luối rìu thứ hai bị gãy mất phần cán. Đây là một luối rìu khá dày, luối mài vát không cân.

Trong ba luối cuốc, một luối là cuốc có vai, hai luối là cuốc tứ giác.

Luối cuốc có vai khá đẹp, là loại cuốc vai nhọn được chế tạo cân đối, chuỗi dài, vai và luối gần bằng nhau, luối một mặt phẳng, một mặt vát. Đây cũng là loại cuốc ít thấy ở các nơi khác. Toàn bộ cuốc dài 10,1cm, chuỗi dài 3,4cm, rộng 1,6 - 2,2cm, vai rộng 4,2cm, luối rộng 5cm, dài 6,5cm, rìu luối cong hình cung.

Hai luối cuốc tứ giác tương đối dài, phần luối rộng hơn phần cán, mặt cắt ngang hình chữ nhật, luối vát cân hai mặt, rìu luối cong hình cung.

Chiếc lớn, trên thân được mài nhẵn bóng, dài 13,6cm, cán rộng 2,7cm, luối rộng 5,2cm, dày 1,5cm.

Chiếc bé nhất trên thân còn nhiều vết ghe đẽo, luối bị mẻ nhiều trong quá trình sử dụng.

Cuốc dài 10,5cm, cán rộng 2,9cm, luối rộng 4,6cm, dày 1,6cm.

Ở đây đã phát hiện được một mảnh vòng đá mà qua mảnh vỡ này, có thể thấy đây là một chiếc vòng khá lớn, có thể là vòng đeo tay. Vòng được chế tạo từ loại đá xanh mịn, thuộc loại vòng dẹt, bản rộng. Vòng chỉ dày 0,4cm mà bản vòng rộng tới 3,5cm, rìa ngoài của nó được mài mỏng dần nên gần tròn.

Chiếc vòng thứ hai là một phác vật vòng chế tác chưa hoàn thiện. Vòng này không phải được chế tác theo kiểu khoan tách lõi phổ biến ở nhiều di tích thời đại đá mới và thời đại kim khí nước ta,

mà là chế tác theo phương pháp ghè dần từ 2 mặt. Vòng có mặt cắt hình gần tròn. Vòng chưa được mài nhẵn, có đường kính mặt ngoài là 6,5cm, đường kính mặt trong là 1,5cm.

Vòng trang sức bằng đá là di vật phổ biến trong các di tích hậu kỳ đá mới và sơ kỳ thời đại đồng thau ở nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới. Sự có mặt của vòng đá trong di tích Ninh Dương cùng với rìu đá, cuốc đá cho thấy trình độ sản xuất cao cùng cuộc sống văn hóa tinh thần, óc thẩm mỹ của dân tiền sử nơi đây.

Ngoài địa điểm Ninh Dương, trên đất Đơn Dương, năm 1986, nhân dân còn phát hiện được hai lưỡi rìu đá. Những phát hiện này cho thấy Đơn Dương cũng là một nơi tụ cư khá đông đảo của cư dân thời cuối đá mới đầu thời kim khí.

* Tân Hà

Trong quá trình cuốc đất làm rẫy ở sườn đồi quanh thung lũng thôn Tân Hà, xã Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, nhân dân đã phát hiện được bốn lưỡi rìu và hai vòng trang sức bằng đá.

Bốn lưỡi rìu này đều thuộc rìu tứ giác, đốc hẹp hơn lưỡi, rìu lưỡi cong hình vòng cung, mặt cắt ngang thân hình chữ nhật, rìu được mài nhẵn rất đẹp.

Chiếc rìu lớn nhất được chế tạo từ loại đá cứng màu xám đen, rìu dài 11,8cm, đốc rộng 2,5cm, lưỡi rộng 4,5cm, dày 1,2cm.

Chiếc thứ hai về hình dáng và chất liệu giống chiếc trên, song trên thân còn lưu lại nhiều vết ghè đẽo. Rìu dài 11,5cm, đốc rộng 2,7cm, lưỡi rộng 4,3cm, dày 1,5cm.

Chiếc thứ ba cũng gần giống hai lưỡi rìu trên, nhưng đã vỡ mất phần đốc, phần còn lại chỉ dài 6,7cm, lưỡi rộng 5cm, dày 1,6cm.

Chiếc thứ tư nhỏ hơn, được chế tạo từ đá silic, lưỡi nát không cân, rìu dài 6,4cm, đốc rộng 1,1cm, lưỡi xòe rộng 4cm, thân rìu hơi cong khum, mặt cắt ngang có hình thang cân.

Đây là một sưu tầm rìu đá khá đẹp, được chế tạo cùng một phong cách phản ánh trình độ chế tác công cụ đá của cư dân đương thời.

Bên cạnh rìu, ở đây còn phát hiện được vòng trang sức bằng đá, cả hai mảnh vòng này đều được chế tạo theo phương pháp khoan tách lõi, là phương pháp tiến bộ nhất trong kỹ thuật đá nguyên thủy. Vòng được làm từ loại đá cứng màu xám đen, mặt cắt ngang hình tam giác. Vòng được mài nhẵn bóng đẹp.

Chiếc vòng lớn có đường kính ngoài 15cm, đường kính trong 7cm, bản vòng rộng 4cm, vòng dày 0,7cm.

Chiếc vòng bé có đường kính ngoài 10cm, đường kính trong 5cm, bản vòng rộng 2,5cm, vòng dày 1,4cm.

Sự xuất hiện của vòng trang sức đá được chế tạo theo phương pháp khoan tách lõi không những cho thấy óc thẩm mỹ, cuộc sống tinh thần mà còn phản ánh trình độ kỹ thuật cao trong nghề sản xuất đồ đá của cư dân đương thời.

* Phúc Thọ

Ở thôn Phúc Thọ, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, trong lúc đào hố trồng cà phê ở sườn đồi đất đỏ bazan, nhân dân đã phát hiện được một lưỡi rìu khá đặc biệt. Lưỡi rìu được chế tạo từ đá silic có vẩy sét, thuộc loại rìu tứ giác, lưỡi rộng hơn đốc, chiều dọc thân rìu hơi cong khum. Rìu được mài nhẵn toàn thân, nhưng vẫn ghi lại một số vết ghe đẽo ban đầu. Rìu dài 8,5cm, đốc rộng 2cm, lưỡi rộng 4cm, dày 1,7cm. Về chất liệu, hình dáng và kỹ thuật chế tạo, lưỡi rìu này rất giống với những lưỡi *"rìu hình răng trâu"*, phổ biến trong các di tích văn hóa Hiền Hồ trên đất Tây Nguyên và văn hóa Bàu Tró, văn hóa tiền Sa Huỳnh ở ven biển miền Trung.

Ở Phúc Thọ, với một hệ thống thung lũng rộng được hình thành bởi những triền đồi đất đỏ bazan, giữa thung lũng thường có những dòng suối nhỏ chảy qua là khu vực rất thuận cho cư dân tiền sử sinh

sống. Cho đến nay chưa tìm thấy vết tích cư trú của con người nơi đây, song sự có mặt của luới “rìu hình răng trâu” là tín hiệu cho thấy nơi đây có thể là một di chỉ quan trọng trên đất Lâm Đồng.

Di tích cuối thời đại đồ đá, đầu thời đại đồ đồng ở Lâm Đồng phát hiện được chưa nhiều và chưa tìm thấy dấu tích cư trú của con người lúc bấy giờ. Nhưng sự có mặt phổ biến của những luới rìu đá, cuốc đá hình tứ giác hoặc có vài vòng trang sức đá ở nhiều vùng trong tỉnh, từ vùng cao Di Linh, Lạc Dương qua vùng Lâm Hà, Đơn Dương đến vùng thấp Cát Tiên, Đạ Tẻh, cho thấy vào khoảng 3.500 năm đến 4.000 năm trước, con người đã có mặt ở hầu khắp các vùng đất của Lâm Đồng.

Cũng cần nói thêm rằng, tất cả những phát hiện trên đều là những phát hiện ngẫu nhiên của nhân dân trong quá trình vỡ đất khai hoang, xây dựng nhà cửa, công tác khảo cổ học, chưa đóng góp được bao nhiêu.

Mai đây khi việc điều tra, thám sát, khai quật khảo cổ học được triển khai rộng rãi, có thể nơi đây, hàng loạt di tích từ lâu vẫn ẩn kín trong lòng đất sẽ được xuất lộ, hàng ngàn vạn di vật sẽ được thu thập.

Song chỉ với những dấu tích di vật đã biết, không những cho thấy sự phong phú đa dạng của di tích di vật khảo cổ mà còn thấy mối quan hệ văn hóa giữa Lâm Đồng với các vùng lân cận.

Di tích thời cuối đá mới đầu thời đồng thau phát hiện được ở nhiều nơi trên đất Lâm Đồng, song có lẽ tập trung nhất là các doi đất cao ở sườn đồi trên lưu vực thượng lưu sông Đồng Nai, từ vùng Lâm Hà qua Cát Tiên đến Đạ Huoai. Và tiếp đến là ở các sườn đồi quanh các thung lũng có dòng suối chảy qua vùng đất đỏ bazan từ Di Linh, Bảo Lộc đến Đơn Dương.

Một đặc điểm khác khá nổi bật của di tích trên đất Lâm Đồng là dấu tích tầng văn hóa khá mờ nhạt, rất khó phát hiện. Đây cũng

là một đặc điểm của di tích tiền sử trên Cao nguyên Tây Nguyên. Rìu đá, cuốc đá, những công cụ sản xuất chủ yếu của con người lúc bấy giờ phát hiện được rất nhiều ở nhiều vùng khác nhau, còn di tích cư trú của họ trái lại chưa phát hiện được bao nhiêu. Phải chăng người tiền sử nơi đây đã biết tận dụng nguồn nguyên liệu đá lửa ở ngay địa phương để chế tạo nên công cụ lao động, mà ở các nơi khác không có.

Rìu, cuốc đá ở Lâm Đồng phong phú, đa dạng, song chủ yếu vẫn là loại rìu có hai chuôi ngắn, lưỡi xòe rộng và rìu tứ giác hẹp, lưỡi dài.

Ở đây cũng phát hiện được nhiều *"rìu răng trâu"* ở thôn Phúc Thọ (Lâm Hà) song không nhiều, trong lúc đó *"rìu răng trâu"* là di vật tiêu biểu cho văn hóa Biển Hồ ở Bắc Tây Nguyên. Một đặc trưng khá nổi bật của nền văn hóa Biển Hồ là hiện tượng thanh xuân hóa rìu đá (ghè lại lưỡi rìu để tiếp tục sử dụng), lại chưa thấy có mặt ở các sưu tập công cụ đá tại Lâm Đồng.

Trong bộ sưu tập công cụ đá ở Bảo tàng Lâm Đồng có hai hiện vật bằng đá có chuôi cầm tay và hai hoặc bốn mặt có các rãnh song song hoặc cắt nhau thành ô vuông được các nhà khảo cổ xác định là dùng để dập hoa văn đồ gốm. Bàn dập hoa văn gốm này cũng đã được phát hiện ở gần huyện lỵ Đắc R'láp và ở Đắc Tơn (huyện Đắc Nông) là hai huyện của tỉnh Đắc Lắc tiếp giáp hoặc gần với Lâm Đồng. Phải chăng cư dân của hai vùng này đã có mối giao lưu văn hóa từ thời tiền sử.

Quan sát kỹ kiểu dáng và kỹ thuật chế tác các loại rìu, cuốc đá có thể thấy rõ mối quan hệ gần gũi với miền Đông Nam bộ. Những chiếc rìu, cuốc chuôi nhỏ, lưỡi xòe rộng và những chiếc rìu, cuốc có vai tứ giác lưỡi dài ở đây rất giống với các loại đã phát hiện trong các di tích cuối thời đá mới, đầu thời đồng thau ở Đồng Nai và Bình Dương.

Qua đó, có thể thấy mối quan hệ văn hóa khăng khít giữa Lâm

Đồng và miền Đông Nam bộ từ cuối thời đại đá mới, đầu thời đại đồng thau và mối quan hệ này ngày càng mật thiết hơn và phải chăng dòng sông Đồng Nai là con đường giao lưu văn hóa này của các cư dân bản địa.

3. Di tích khảo cổ thời đại đồng thau phát triển

Cho đến nay, trên đất Lâm Đồng chưa phát hiện được những di vật đồng tiêu biểu cho giai đoạn phát triển của thời đại đồng thau như rìu, đục, giáo đồng...

May mắn thay, một di chỉ cư trú thuộc giai đoạn này đã được phát hiện trên lưu vực sông Đồng Nai. Đó là ở xã Phù Mỹ, huyện Cát Tiên.

*** Di chỉ Phù Mỹ**

Khoảng tháng 5 năm 1996, ông Nguyễn Văn Khiêm (Huyện đội Cát Tiên) trong lúc đào đất đắp nền nhà đã phát hiện được một số mảnh gốm thô và thông báo cho Bảo tàng Lâm Đồng.

Cán bộ Bảo tàng đã xuống hiện trường tìm hiểu và xác định đây là một di tích khảo cổ học.

Tháng 12 năm 1996, cán bộ Viện Khảo cổ học đã cùng cán bộ Bảo tàng Lâm Đồng đào thám sát. Diện tích đào còn rất bé, chỉ 4m², song với những gì thu lượm được đã cho thấy tầm quan trọng của một di chỉ cư trú thuộc giai đoạn phát triển thời đại đồng thau lần đầu tiên được biết đến trên đất Lâm Đồng, cũng như của cả Cao nguyên miền Trung này.

Di chỉ nằm trong vườn một số gia đình thuộc xã Phù Mỹ, huyện Cát Tiên, cách trung tâm huyện lỵ không đầy một km.

Di chỉ nằm sát rìa bên phải con đường tỉnh lộ từ huyện lỵ đi Madagoui, thuộc tả ngạn sông Đồng Nai, chỉ cách bờ sông khoảng 30m và cao hơn mực nước sông Đồng Nai bình thường khoảng 6m.

Đây là một di chỉ cư trú khá lớn, diện tích có thể lên đến 5.000m².

Toàn bộ khu di tích nằm sâu trong lòng đất. Qua vách hố thám sát có thể thấy tầng văn hóa xuất lộ ở độ sâu 0,9m. Phía trên tầng văn hóa là lớp đất màu trông trọt dày 0,25m màu xám sẫm và lớp đất sét màu vàng dày tới 0,7m. Trong 2 lớp đất này không có di vật khảo cổ. Tầng văn hóa dày khoảng 0,4m là loại đất sét pha cát tươi mịn, trong có chứa nhiều mảnh gốm thô và đồ đá. Đây chính là vết tích cuộc sống của người tiền sử nơi đây.

Dưới tầng văn hóa là lớp đất cái thuộc loại đất sét màu vàng tươi mịn, thỉnh thoảng có rỉ sỏi.

Đây là di chỉ cư trú có một tầng văn hóa ở sâu dưới lòng đất nên được bảo tồn tương đối tốt, song cũng vì thế mà rất khó phát hiện.

Phát hiện ra di chỉ Phù Mỹ là một may mắn, đồng thời cũng nói lên trình độ phổ cập kiến thức khảo cổ học trong đông đảo quần chúng nhân dân ở nước ta.

Ở di chỉ này, tầng văn hóa không dày, song hiện vật thu lượm được rất phong phú, chủ yếu là đồ gốm.

Trong diện tích 4m² của hố thám sát đã thu lượm được ba mảnh khuôn đúc bằng đá, bảy bàn gốm và 1.288 mảnh gốm vỡ. Mật độ di vật như thế này ngay ở đồng bằng cũng rất ít khi thấy.

Đồ gốm ở đây thuộc loại gốm thô pha cát, ngoài có lớp áo mỏng. Vì bị chôn lâu ngày trong lòng đất nên phần lớn lớp áo gốm đã bị bong. Gốm có hai loại, một loại dày, một loại mỏng. Đại đa số là loại gốm xương đen, mặt ngoài màu xám; loại gốm xương đỏ và mặt ngoài đỏ có số lượng rất ít.

Phần lớn các mảnh gốm ở đây không trang trí hoa văn, chỉ một số ít vân thường mịn mỏng hoặc các khoanh lõm lòng máng vòng quanh cổ di vật.

Đồ gốm được chế tạo bằng phương pháp bàn xoay, gốm dày mỏng đều đặn, độ nung gốm tương đối thấp nên gốm dễ bị vỡ.

Trong số mảnh gốm thu được, mảnh miệng phần lớn là loại miệng loe xiên, bản rộng hoặc hẹp, có thể là miệng của nồi, vò. Cũng có loại miệng bé hơi thẳng, có thể là miệng bát. Ở đây cũng có mặt loại chân đế hình vành khăn, độ chỏai trung bình.

Đáng chú ý là ở nơi đây đã phát hiện được loại bàn xoay gốm hình nắm hoặc hình nụ đinh. Nắm hình gần tròn mặt hơi phồng lên, tay cầm hình viên trọc, phần cuối vuốt tròn, một số tay cầm đặc, một số có lỗ rỗng nhỏ. Các bàn xoa này có độ dài từ 8 đến 10m, đường kính mặt xoa từ 6,5 đến 7,8cm. Đây có thể là dụng cụ làm gốm dùng để xoa phía ngoài mặt gốm.

Ở đây cũng phát hiện được bốn núm gốm, núm hình trụ tròn có đường kính 0,25cm, dài 0,25 đến 0,35cm. Đây có thể là núm của nắp đậy hoặc là chân thấp của một loại đồ đựng.

Tuy chỉ là mảnh vỡ, song hiện vật quan trọng, có ý nghĩa hơn cả là ba mảnh khuôn đúc. Những khuôn này đều bằng sa thạch mịn trong đó hai chiếc có mặt cắt ngang là hình bán nguyệt, giống như các khuôn đã phát hiện ở Đồng Đậu thuộc tỉnh Vĩnh Phúc hoặc ở Dốc Chình (tỉnh Bình Dương),...

Rất tiếc là khuôn bị vỡ, chỉ còn mảnh nhỏ, rất khó nhận biết vật đúc, song nhìn khá rõ đầu rót. Quan sát kỹ, một mảnh có vết lõm cong có thể là khuôn đúc rìu, một mảnh có vết mảng dài có thể là khuôn đúc mũi dao hoặc mũi nhọn. Cũng thật là đáng tiếc chúng ta nhìn thấy khuôn đúc, song chưa phát hiện được đồ đồng được đúc ra. Có khuôn đúc thì phải có thành phẩm hoặc chế phẩm. Phải chăng vì diện tích đào thám sát còn quá nhỏ. Hy vọng những cuộc khai quật trong tương lai ở đây sẽ cung cấp cho chúng ta nhiều di vật mới đẹp, đầy bất ngờ.

Di chỉ Phù Mỹ là một di tích cư trú với tầng văn hóa được bảo tồn gần như nguyên vẹn, lần đầu tiên được phát hiện trên đất Lâm Đồng. Với 4m² đào có tầng văn hóa dày 0,4m mà đã cung cấp cho

chúng ta một khối lượng hiện vật cực kỳ phong phú gồm ba mảnh khuôn đúc, bảy bàn xoa gốm, bốn núm gốm cùng 1.288 mảnh gốm vỡ.

Về di vật, ở đây đáng chú ý là đồ gốm được chế tạo bằng bàn xoa, độ nung thấp, đồ gốm phần lớn không được trang trí hoa văn, nếu có trang trí thì cũng rất đơn giản. Ở đây gần như hoàn toàn vắng mặt riu đá, là loại di vật tồn tại phổ biến trong các di tích đầu thời đại đồng thau nước ta. Về khuôn đúc, ở đây cũng chưa thấy khuôn đúc bằng đất nung. Những khuôn đúc sa thạch này khá gần gũi với các loại khuôn đúc đã phát hiện ở các tỉnh miền Đông Nam bộ, như Dốc Chùa (Bình Dương), Suối Chồn, Cái Bàng, Cái Vạng, Bình Đa, Long Bửu, Đồi Trảng Quên (Đồng Nai), gò Cao Su (Long An) và ở miền Bắc như Đồng Đậu, Thành Dền (Vĩnh Phúc)...

Bàn xoa gốm hình nấm ở đây lần đầu tiên được biết đến trên đất Lâm Đồng, song những tiêu bản cùng loại đã được phát hiện ở các di tích Cái Lăng, Suối Linh, Đồi Trảng Quên (tỉnh Đồng Nai).

Những đặc điểm này cho thấy mối quan hệ văn hóa giữa Phù Mỹ với các di tích thời đại kim khí miền Đông Nam bộ, đặc biệt khăng khít với các di tích cùng thời ở tả hữu ngạn sông Đồng Nai thuộc hai tỉnh Đồng Nai và Bình Dương.

Ở Phù Mỹ gần như vắng mặt riu đá, hoa văn trên đồ gốm rất hiếm và đơn giản, tuy chưa phát hiện di vật đồng, song sự có mặt của khuôn đúc đồng bằng sa thạch, nên có thể xếp di chỉ Phù Mỹ vào giai đoạn phát triển của thời đại đồng thau.

Về niên đại tuyệt đối, có thể tham khảo niên đại được xác định bằng phương pháp đồng vị phóng xạ C14 ở các di tích Cái Vạng, Cái Lăng, Bưng Bạc, Dốc Chùa. Bằng phương pháp này, đã có đủ căn cứ khoa học xác định các di tích này nằm trong khoảng từ 2.400 năm đến 3.000 năm cách ngày nay. Do đó có thể nghĩ rằng niên đại của di chỉ Phù Mỹ cũng nằm trong khung thời gian đó. Song có điều

đáng chú ý ở các di tích trên có phát hiện được một số rìu đá có vai tứ giác, còn ở Phù Mỹ thì chưa phát hiện được rìu đá. Việc vắng mặt rìu đá ở đây có thể vì diện tích đào còn quá bé và tầng văn hóa ở sâu trong lòng đất nên di vật không bị lộ ra. Song cũng không loại trừ khả năng lúc này rìu đá không được con người chế tạo và sử dụng nữa, niên đại có thể muộn hơn khung niên đại trên chút ít.

Trên cơ sở tư liệu hiện nay, có thể nghĩ rằng một niên đại vào khoảng 2.000 đến 2.500 năm cho di chỉ Phù Mỹ là điều hợp lý.

Qua đó, có thể thấy di chỉ Phù Mỹ là một di tích khảo cổ vô cùng quan trọng, không chỉ của Lâm Đồng mà còn của Tây Nguyên. Với Phù Mỹ, con người nơi đây lúc bấy giờ có mối quan hệ khăng khít với miền Đông Nam bộ, chuẩn bị mọi điều kiện để bước vào buổi bình minh của lịch sử.

II. CÁC DI TÍCH KHẢO CỔ TRONG CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

Ở Lâm Đồng nói riêng, cũng như các tỉnh trên Cao nguyên nói chung, các di tích lịch sử được phát hiện, nghiên cứu chưa nhiều. Mặc dù vậy, trong nhiều năm qua, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, nhiều di tích lịch sử được quan tâm tiếp cận nghiên cứu, một số di tích được tiến hành tổ chức khai quật khảo cổ học và kết quả đã cung cấp nhiều tư liệu quý góp phần phục dựng lại tiến trình lịch sử trên vùng đất Nam Tây Nguyên này.

Các di tích khảo cổ hiện biết ở Lâm Đồng có khá nhiều, phân bố rộng với nhiều loại hình, có tính liên tục về thời gian. Riêng các di tích giới khảo cổ học khai quật chủ yếu gồm hai loại hình kiến trúc tôn giáo và mộ táng, tập trung chủ yếu ven dòng sông Đa Đồng, một chi lưu chính của sông Đồng Nai.

Để thuận tiện cho việc theo dõi lịch sử vùng đất, các tư liệu dưới đây được trình bày theo loại hình, tính liên tục theo niên đại di tích.

Di tích Cát Tiên

Cát Tiên là tên gọi một quần thể phế tích kiến trúc nằm trên

địa bàn huyện Cát Tiên. Dấu tích kiến trúc ở đây nằm rải rác chạy dài gần 15km dọc theo bờ Bắc thượng nguồn sông Đồng Nai, nhưng tập trung chủ yếu trên địa bàn xã Quảng Ngãi và Đức Phổ, hai thung lũng rộng phẳng trên địa bàn huyện Cát Tiên.

Di tích Cát Tiên lần đầu được biết đến vào năm 1985, đào thám dò thám sát vào năm 1986. Tài liệu khảo sát cho thấy hiện trạng của phế tích như sau :

Các phế tích tại xã Đức Phổ nằm gọn trong một thung lũng rộng phẳng thấp ven dòng sông Đồng Nai. Chính giữa thung lũng là gò đất cao 1,5m so với xung quanh, đường kính khoảng 7 - 8m. Khắp thung lũng vương vãi gạch xây dựng các công trình kiến trúc. Năm 1986, với 19 hố đào thám sát có tổng diện tích gần 2.000m², đã tìm thấy dấu vết của nhiều vữa gạch nối liền nhau kéo dài từ Bắc xuống Nam, Đông sang Tây bao lẩn khu gò trung tâm. Xung quanh gò trung tâm còn có gò đất nhỏ nằm rải rác cao 3 - 4m tạo nên một quần thể phế tích kiến trúc lớn.

Năm 1985, gò trung tâm có quy mô lớn, được xử lý bước đầu nhằm cứu vãn các di vật hiện còn. Tại gò thu được một bộ Linga - Yony có kích thước lớn cùng nhiều mảnh gốm.

Các phế tích trên địa bàn xã Quảng Ngãi nằm gọn trong một thung lũng nhỏ, giới hạn đầu Đông bởi dốc Khỉ; đầu Tây bởi dốc Đá Mài; phía Nam là thượng nguồn sông Đồng Nai lăm thác ghềnh; phía Bắc là dải núi thấp chập chùng. Địa bàn thung lũng khá bằng phẳng bị chấm phá bởi những quả đồi nhỏ liên tiếp chạy dài. Các phế tích nằm dọc theo trục hướng Đông - Tây ven dòng sông Đồng Nai.

Cùng với các di tích khác ở Cát Tiên, các di tích ở Quảng Ngãi được biết đến từ năm 1986, tiếp sau đó một số phế tích bị đào bới lấy cổ vật tự phát của người dân di cư tự do. Các gò số I, II, IV, V và VII bị đào xáo trộn nham nhở. Đặc biệt, ở gò số VII (gò Ông Định), cơ quan chức năng đã thu giữ được 11 hiện vật đồng gồm hộp Klong, chân đèn, đĩa, chậu... được trang trí khá đẹp.

Trong các năm 1994 - 1995 - 1996, các phế tích trên địa bàn Quảng Ngãi lần lượt được khai quật nhằm xác định tính chất, niên đại và chủ nhân của khu di tích quan trọng này. Kết quả các cuộc khai quật cung cấp nhiều tư liệu quý góp phần phục dựng lại lịch sử vùng đất Nam Tây Nguyên.

Gò số 1 là một phế tích kiến trúc đầu tiên nằm ở phía Đông trong các phế tích trên địa bàn xã Quảng Ngãi. Phế tích tọa lạc trên đỉnh đồi cao hơn 50m so với mặt bằng xung quanh có tên gọi đồi Khỉ. Toàn bộ phế tích bị sụp đổ phủ các đỉnh gò cao 3 - 4m ngổn ngang gạch đá, vật liệu xây dựng tạo nên hình thái kiến trúc năm xưa. Theo kết quả khảo sát cho thấy đây là phế tích kiến trúc có quy mô lớn nhất, nằm ở vị trí đẹp nhất trong quần thể phế tích xã Quảng Ngãi.

Cuộc khai quật làm xuất lộ một phần kiến trúc tháp bị sụp đổ. Dựa vào tài liệu khai quật cho phép dựng nên cấu trúc của tháp như sau :

Tầng tháp có bình đồ vuông (12m x 12m). Đế tháp cao 1,40m sau bốn lần giạt cấp tạo nên cho thân tháp vươn lên. Phân biệt giữa đế và tường tháp, lần giạt cấp cuối cùng những viên gạch được mài vế tròn như những cánh hoa xoải xuôi. Tường tháp còn lại cao 1,5m, dày 2,2m xây gạch thẳng đứng, bốn góc tường tạo khắc tạo nên trục góc tường to khỏe. Cửa tháp mở hướng Đông, vòm cửa dẫn vào lòng tháp dài 5,3m, rộng 3,7m, trước mặt là sân gạch rộng lát phẳng từ sân gạch vượt tam cấp cao 0,65m lát bằng đá phiến phẳng dẫn vào vòm cửa. Cửa tháp rộng 1,45m. Xung quanh thân tháp là sân gạch lát phẳng rộng 0,9m.

Lòng tháp vuông, diện tích $40m^2$ (6,4m x 6,4m), chính giữa là ngẫu tượng Linga - Yony. Bệ Yony kích thước lớn, hình vuông một cạnh dài 2,25m, dày 0,24m, vôi vươn ra dài 0,65m đặt trên bệ xây bằng gạch và đá. Kích thước bệ 3,25m x 3,25m thu giạt cấp nhỏ dẫu vươn lên. Xung quanh trục bệ xây ba bệ gạch dùng để đỡ vôi Yony

và đặt đồ thờ khi hành lễ. Bộ Yony chính giữa đặt Linga. Linga có kích thước dài 2,1m chia làm ba phần cân xứng, phần dưới hình vuông biểu tượng thần Brahma, phần giữa hình lục giác biểu tượng thần Visnu, phần trên hình tròn biểu tượng thần Siva. Cấu trúc lòng tháp được xây dựng khá kiên cố... Từ nền lòng tháp xuống nền chân tháp sâu 3,8m với 40 lớp gạch xây khối hộp vững chắc. Lớp lát nền dày 1,34m với 14 lớp gạch xếp kè lên nhau. Chính giữa tháp là trụ gạch hình vuông, kích thước 1,25m x 1,25m xây từ nền lòng tháp vươn lên mặt nền tạo bệ đỡ Yoni, giữa trụ gạch là hộp trống. Xuyên suốt trụ gạch kích thước 0,40m x 0,40m, dưới cùng đổ cát vàng làm sạch dày 0,4m đặt các hiện vật lưu giữ dưới đáy.

Về hiện vật thu được khá nhiều, được chế tác từ nhiều loại chất liệu khác nhau thể hiện đề tài đa dạng.

Về hiện vật chất liệu đá, ngoài các thành phần kiến trúc (khe cửa, xà ngang, bậc cửa, thanh ốp cửa ...), bộ ngẫu tượng Linga - Yony, ở đây còn lưu được tượng Ganesa, các hạt đá bán quý (thạch anh) màu trắng (10 hiện vật) trong đó có 1 Linga đá trắng dài 5,5cm, đường kính 1,5cm.

Chất liệu sắt : 6 hiện vật gồm giáo, đinh sắt, bàn đinh sắt ...

Chất liệu đồng : 2 hiện vật gồm đĩa hình chuông nhỏ.

Chất liệu bạc : 2 hiện vật dát mỏng khắc tạc đinh ba, ốc ...

Đồ gốm : 904 mảnh từ các loại bình, cốc, chân đèn, lọ ... vỡ ra với đặc trưng xương gốm dày màu vàng nhạt, độ nung thấp, độ cứng không cao.

Đặc biệt, ở đây còn thu được 166 hiện vật chế tác từ kim loại màu vàng. Trong 166 hiện vật có : 25 mảnh trang trí hình ảnh các vị thần vũ nữ, thiên tiên, theo đề tài tôn giáo và sử thi Ấn Độ, trong đó có hình ảnh một số vị thần cưỡi voi, bò, ngựa, ngỗng; năm hiện vật khắc tạc hình ảnh bò (Naudin), một hiện vật tạc hình ảnh rùa, bảy hiện vật trang trí hoa sen, bốn hiện vật trang trí ốc xoắn, ba

trang trí hình đỉnh ba, còn lại là các mảnh giác mỏng không trang trí cùng 40 mảnh vòng, nhẵn với 25 mảnh còn nguyên vẹn với tiết diện tròn hoặc xoắn. Ngoài ra còn có năm chiếc Linga nhỏ, hình ảnh thu gọn của chiếc Linga chính đặt trong lòng tháp.

Trong 166 hiện vật có 37 mảnh có khắc văn tự, tự dạng Sanskrit thế kỷ X - XI.

Kỹ thuật điêu khắc ở đây là thể hiện kỹ thuật gò nổi và khắc miết với đường nét mềm mại, tinh tế, khối nổi gọn khỏe.

Dựa vào bình đồ kiến trúc tháp, hình điêu khắc trên đá tượng Ganesa, khắc tạc trên các lá vàng, đặc biệt là dạng văn tự và đặc trưng cơ bản của đồ gốm thu được, niên đại của ngôi tháp đó được xây dựng vào cuối thế kỷ X, đầu thế kỷ XI.

Gò số II là một cụm phế tích kiến trúc lớn gồm nhiều công trình bị sụp đổ nằm dưới chân đồi, cách gò I khoảng 300 km. Chung với số phận của các phế tích, gò số II bị đào phá nghiêm trọng. Cuộc khai quật chọn gò số IIa là một điểm ít bị hư hại nhất.

Kết quả cho thấy gò số IIa là một công trình tháp bị sụp đổ. Tháp có bình đồ chữ nhật vuông góc (7,7m x 7,5m), phần đế tháp cao 1,6m với hệ thống cửa mở vào lòng tháp phía Đông, ba mặt là hệ thống bậc cửa giả nhô ra cân xứng với nền bậc cửa chính. Độ nhô khỏi thân tháp dài 5m. Cửa chính vào lòng tháp tạo bậc 5 cấp lát đá thanh cao chênh với bậc nền sân 1,6m. Xung quanh tháp là hệ thống sân gạch lát phẳng. Ngoài cùng là hệ thống tường bao quanh tháp. Cửa tháp rộng 0,9m, lòng tháp hình chữ nhật hướng Đông - Tây. Kích thước 3,65m x 3m. Giữa lòng tháp đặt bệ Yony. Bệ Yony chế tác từ đá khối gồm nhiều phần ghép với nhau tạo thành.

Tường tháp còn lại cao 0,9 - 1,2m. Các viên gạch được xây mái xếp liên khít tạo nên khối vững chắc. Tường phía trong lòng tháp xây thẳng đứng trơn nhẵn. Mỗi mặt tường phía ngoài có hai hệ thống

cột vươn lên. Cột có tác dụng trang trí thân tháp đỡ đơn điệu và chịu lực cho bộ mái tháp ngăn cách đế tháp với tường tháp, hệ thống gạch giắt cấp được khắc tạo chìm cánh sen vây quanh. Cánh sen thể hiện hai lớp so le nhau với bản cánh rộng, mũi cánh nhọn uốn cong nhô lên tạo nên cảm giác nhẹ nhàng. Nhìn tổng thể thân tháp như nhô lên từ một đài sen khổng lồ.

Phía Đông tường tháp, hai trụ nhô khỏi thân 5cm, đăng đối qua cửa vào lòng tháp. Tường phía Nam, hai trụ kép nhô khỏi thân tường. Khe trụ kép hẹp chạy dọc thân tường tháp. Trụ kép vuông 42cm. Tường phía Tây, hai trụ chia cân xứng mặt tường. Trụ thể hiện nhô khỏi thân tháp 5cm, giữa hai trụ có khe hẹp 14cm, trụ giữa tường rộng 28cm, trụ cạnh góc rộng 38cm. Nhìn tổng thể mỗi mặt tường tháp có bốn trụ đỡ vươn lên tạo cảm giác vững chãi. Dưới chân hệ thống trụ, vây quanh tháp được khắc tạc hình cánh sen với những đường nhấn hình con sâu. Các cánh sen thể hiện khác nhau. Dù mô típ trang trí đơn điệu nhưng tạo ra vẻ đẹp trang trọng thuần khiết cho ngôi tháp. Bốn góc tháp tạo nên hệ thống cột giả đục vào tường tháp còn lại được xây cất vững chãi, trang trí mỹ thuật.

Nền lòng tháp được lát phẳng bằng những thanh đá phiến, chính giữa nền là hộp đất hình vuông, phía trên đặt bộ ngẫu tượng Ganesa bị vỡ chế tác từ đá màu xám xanh là một bộ ngẫu tượng Linga - Yony liền khối chế tác từ đá màu trắng, độ cứng cao, thấu quang hình khối gọn đẹp.

Xử lý cấu trúc lòng tháp cho thấy trên lòng tháp lát đá phiến, lớp dưới hè gạch lát nhiều lớp tạo nên độ dày 1,6m vững chắc, dưới là đá hộc trộn gạch vữa với nhựa cây làm chất kết dính tạo nên khối bê tông rắn dày 1,2m. Lớp cuối cùng là cát vàng làm sạch trộn sỏi. Chính giữa lòng tháp hơi lệch về phía Tây là trụ gạch. Trụ gạch cao 1,2m, kích thước 0,85m x 0,85m, chính giữa là ô trống chạy dọc thân trụ, kích thước 0,2m x 0,2m, dưới cùng là hộp cát vàng làm sạch, đặt hiện vật. Hiện vật được thu ở đây phong phú với nhiều loại hình được

khắc tạc đẹp.

Ngoài những khối đá với công năng làm bậc cửa, thanh ốp cửa, cuộc khai quật còn được các thành phần kiến trúc điêu khắc khá độc đáo. Hai hiện vật cột cửa vòm dẫn vào lòng tháp. Cột được tiện tròn với nhiều hình khắc nổi cân xứng. Kích thước cột dài 2,27m, đường kính 0,25m - 0,35m.

Tấm mi cửa trang trí năm bông sen nở khắc tạc đăng đối nhau qua bông sen nở làm tâm, đối xứng hai bên, thể hiện hoa văn lá lật uốn mềm cân xứng. Phía dưới là dải hoa văn hình kỷ hà xoắn uốn mềm hết dải. Nhìn tổng thể bức chạm như một bức tranh hoành tráng sống động. Bố cục lấy tính đăng đối làm chủ đạo, kỹ thuật điêu khắc điêu luyện, đường nét nông sâu tạo nên hình khối khỏe khoắn. Kích thước dài 2,54m, rộng 0,65m, dày 0,22m.

Ngoài những tác phẩm điêu khắc kiến trúc, ở gò Ila còn tìm được các mảnh tượng từ tượng Ganesa, Thiên Tiên (Apsara) vỡ ra với kỹ thuật điêu khắc khá tinh xảo.

Bộ sưu tập trong trụ gạch lòng tháp có 109 mảnh kim loại màu vàng. Các hiện vật này được dát mỏng thành lá, với kích thước lớn nhất dài 9,5cm, rộng 1cm, đa phần có kích thước nhỏ 2,2cm x 1cm, trên đó được khắc tạc hình ảnh của các vị thần theo tôn giáo, rùa, thú, đỉnh ba,... Có thể phân ra : 54 mảnh khắc tạc hình ảnh các vị thần, với 5 mảnh có kích thước lớn dài từ 4cm đến 9,5cm, rộng từ 1cm đến 1,7cm trên đó thể hiện từ 4 đến 12 vị thần Ấn Độ giáo với các tư thế khác nhau, hai mảnh khắc tạc hình voi, một mảnh hình bò Naudin, một mảnh hình ngựa, hai mảnh tạc hình Ganesa, hai mảnh khắc hình mã. Ngoài ra còn hình ảnh của đỉnh ba, mũi giáo, dao găm hình ốc, hình chấm tròn...

Ngoài bộ sưu tập những lá kim loại màu vàng còn có sáu mảnh đá không hình thù với các màu đen sẫm, xanh, vàng nhạt, trắng... Một bộ Linga - Yony bằng đá thạch anh chế tác liền khối với kích thước 2,5cm x 2,5cm, cao 1,5cm.

Những hiện vật thu được ở gò Ila, qua nghiên cứu, cho thấy phế tích kiến trúc có niên đại vào cuối thế kỷ IX.

Gò số IV là một công trình phế tích kiến trúc đơn lẻ. So với các phế tích khác, gò bị đào phá nặng nề. Toàn bộ phần mũi lòng tháp bị đào bật lên nhằm moi hiện vật. Mặc dù vậy, dấu tích để lại cho thấy đây là một công trình kiến trúc có quy mô lớn với độ cao còn lại 3,5 - 4m so với mặt bằng xung quanh. Trước mặt kiến trúc về phía Đông là một khu hồ nước rộng đào vuông vức kè gạch xung quanh. Cuộc khai quật làm rõ mặt tiền của kiến trúc. Tài liệu thu được cho phép phục dựng kiến trúc của công trình kiến trúc như sau:

Kiến trúc là một công trình đền tháp được xây dựng quy mô khá lớn, điêu khắc đẹp. Khác với các công trình kiến trúc khác, ở công trình này gạch là loại vật liệu xây dựng chủ yếu và được chạm khắc đẹp. Đá chỉ tham gia xây dựng vào các công trình chịu lực như nền bậc cửa, thanh ngang. Trước mặt kiến trúc là nền sân gạch khá dốc, độ cao từ các bậc gạch 0,2 - 0,25m, các bậc cuối cùng vào lòng tháp được lát đá phiến bằng phẳng.

Tháp có hình đồ vuông, lòng tháp rộng khoảng 10m² (3,1m x 3,1m), cửa tháp quay hướng Đông rộng 0,9m. Nền lòng tháp phẳng lát đá phiến, tường tháp còn lại cao 0,8 - 0,9m xây gạch xếp mài khít dày 0,9m. Mặt trong lòng tháp thẳng đứng, phẳng, mặt ngoài xây giạt cấp thu nhỏ dần vươn lên. Đến tháp cao 1,2m, gạch xây hình khối vững chắc. Vòm cửa tháp chạm khắc hoa văn, hoa lá kết dải liên hoàn tạo nên vẻ đẹp sang trọng.

Xử lý phần lòng tháp G2 số IV, mặc dù bị đào bới nhưng trong quá trình khai quật còn tìm được một bệ Yony chế tác từ đá màu xám gọt đẽo phẳng vuông vức. Kích thước của bệ 0,74m x 0,74m, dày 0,095m. Vòi Yony dài 1,17m, chính giữa là lỗ hình chữ nhật 0,19m x 0,12m dùng lắp với Linga phía trên làm nên bộ thờ hoàn chỉnh.

Dấu vết lòng tháp để lại cho thấy, trên cùng là lớp phiến lát

phẳng, phía dưới lát gạch nhiều lớp ken dày 1,94m, dưới nữa là lớp cát vàng làm sạch dày 0,3m phủ toàn bộ lòng tháp.

Mặc dù bị đào phá tìm kiếm cổ vật nhưng một hiện tượng quan trọng nhất của ngôi đền Ấn Độ giáo còn giữ được đó là chiếc Linga bằng đá quý. Linga có hình trụ tròn chế tác từ nguyên liệu đá trắng trong suốt thuộc nhóm đá bán quý là thạch anh (SiO_2). Linga cao 0,25m, đáy cắt phẳng, phần trên tròn đều hơi vượt tròn, chu vi 0,28m, gần trên khắc vạch chấm song song bao quanh. Điểm gặp nhau của đường chấm vạch nhô vượt lên làm rõ chủ đề biểu tượng. Theo giám định của Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, trọng lượng của Linga là 3,435kg, thể tích 1.304cm^3 , tỷ trọng riêng 2,63, độ cứng 7.

Gò số V là một công trình kiến trúc riêng biệt, quy mô không lớn. Gò cao 4 - 5m so với mặt rộng xung quanh, chu vi khoảng 200m, nằm tròn như bát úp trong một vùng cây cối rậm rạp như số phận của các phế tích. Gò số V bị đào phá nặng nề. Toàn bộ cấu trúc lòng bị đào phá. Cuộc khai quật làm lộ rõ kiến trúc của phế tích. Kết quả cho thấy kiến trúc được xây dựng hình khối hộp vuông mỗi cạnh dài 6m (6 x 6m). Toàn bộ kiến trúc cao 6,2m, tường xây thẳng đứng phẳng, gạch xây xếp liên khối khít vững chắc, các góc bắt vuông vức. Đỉnh kiến trúc xây khối hộp thu nhỏ, dẫu vươn lên cao 1,2m. Trên đỉnh tạo mặt phẳng vuông lát đá phiến thẳng, trên cùng đặt bộ ngẫu tượng Linga - Yony. Riêng mặt tường phía Nam kiến trúc được xây hai dải tường gạch vươn ra mỗi bên dài 6,5m, tường dày 0,8m, cao 0,6m. Các hàng gạch xây giạt cấp thu dần, giữa tường là lớp gạch vẽ tròn như hình cánh hoa phủ xuôi.

Lòng tháp chứa đầy gạch, đá học trộn lẫn sỏi cát vàng. Chính giữa là hộp gạch chạy dọc lòng thân tháp từ đỉnh xuống đáy. Giữa hộp là ô trống (40cm x 40cm), đáy hộp là lớp cát vàng dày 0,4m. Do bị đào bới nên hiện vật ở đây bị thất lạc. Hiện vật thu được tại gò số V ngoài dao cắt, mảnh gốm, đáng chú ý có một đĩa đồng. Đĩa

nông lòng, dáng xòe cân, đường kính miệng 8,5cm, cao 1,5cm. Chất liệu đồng xanh xám bóng dày chắc.

Bộ ngẫu tượng Linga - Yony được chế tác từ đá khối màu xám đen, tạo tác đẹp, vuông vức, mài nhẵn bóng. Kích thước Yony hình chữ nhật (1,39m x 1,29m) dày 0,12m, vòi nước chảy vươn ra dài 0,05m. Chính giữa đục lỗ hình bát giác gắn với Linga.

Linga có kích thước lớn, dài 1,15m chia ra làm ba phần : Phần dưới hình khối vuông 0,36m x 0,36m x 0,36m. Biểu tượng của thần Brahma, phần giữa biểu tượng thần Visnu tạo hình lục giác dài 0,37m, mỗi cạnh rộng 0,15m, phần trên khối trụ tròn dài 0,42m có khắc tác hình ảnh thần Siva.

Linga - Yony được lắp hoàn chỉnh đặt nằm trên nóc kiến trúc gò số V.

Với cấu trúc của kiến trúc là khối hộp kín, cũng biểu tượng Linga - Yony đặt trên, dựa vào di vật tìm được, các tài liệu góp phần cho thấy khả năng đây là một đền mộ trong quần thể kiến trúc này. Niên đại của di tích tương đương thế kỷ IX-X.

Ngoài những phế tích kiến trúc được khai quật hoặc đào thám sát ở Quảng Ngãi còn hàng loạt các phế tích khác như gò số II (b, c, d), gò số III, gò số IV (kiếm lâm), gò số VII (đồi Ông Định) được biết đến là những phế tích kiến trúc quy mô lớn mới được khảo sát thăm định. Các phế tích kiến trúc này không nằm đơn lẻ mà chúng liên kết với nhau thành quần thể kiến trúc lớn. Dấu vết những bờ tường gạch nằm sát ven sông Đồng Nai có thể là dấu vết các bến sông xưa, bảo vệ và dẫn lên các kiến trúc. Cuộc khai quật gò số I với hệ thống thêm gạch sát sông Đồng Nai tạo thành bến, đường đi dẫn lên tháp đã phần nào minh chứng công năng của các dải tường kiến trúc phát hiện được. Nối những công trình kiến trúc với nhau là những con đường gạch rộng từ 0,8m đến một mét lát phẳng đi từ công trình kiến trúc này nối sang công trình khác. Hệ thống

giao thông này liên kết các công trình kiến trúc với nhau tạo nên một chỉnh thể hoàn chỉnh để có thể kết luận toàn bộ các công trình kiến trúc ở Quảng Ngãi là một khu tôn giáo có tính cách khép kín như một số trung tâm tôn giáo Bà La Môn được xây dựng trên bán đảo Đông Dương. Chính vì thế, khi biết đến Cát Tiên, qua tài liệu thu được, có ý kiến gọi khu phước tích là thánh địa Cát Tiên.

Khu thánh địa Cát Tiên với nhiều kiến trúc tôn giáo nhưng cho thấy đến nay việc xác định niên đại sớm - muộn của khu di tích mới chỉ biết được qua tài liệu của những kiến trúc được khai quật. Những công trình kiến trúc có niên đại sớm - muộn chưa được biết, khung niên đại khu di tích kéo dài thời gian như thế nào chưa xác định rõ. Tài liệu khai quật thu được qua bình đồ, kết cấu kiến trúc, trang trí kiến trúc, chạm khắc trên gạch đá cho thấy các công trình kiến trúc này được xây dựng vào thế kỷ IX - XI.

Các hiện vật thu được ở Cát Tiên về chất liệu đá : tượng Ganesa, mi cửa đều cho thấy những họa tiết trang trí giống như các công trình phước tích tìm được ở Đông Nam bộ với khung niên đại đã nêu.

Với hơn 200 mảnh kim loại màu vàng, trong đó có hơn 100 mảnh trang trí, 37 mảnh văn tự đều phản ánh niên đại của các công trình khai quật từ thế kỷ IX - XI.

Tính chất tôn giáo với bình đồ tháp, đền mộ, các biểu tượng Linga - Yony, tượng Ganesa, các biểu tượng khác khắc trên các lá kim loại màu vàng: tu sĩ, thần Siva, Indra, Visnu, Brahma, vũ nữ, thiên tiên. Các vật tượng trưng: voi, ngựa, bò Naudin, ngỗng Hamsa, hình ốc, đinh ba, mũi lao... khẳng định tính chất Bà La Môn giáo của khu thánh địa này.

Tính chất Bà La Môn giáo thể hiện qua hai loại hình kiến trúc, đền tháp nơi thờ các vị thần Hindu giáo. Biểu tượng thờ ở đây là sự dung hợp của ba vị thần : Siva - Visnu - Brahma, với những chuẩn tắc của ngôi đền Bà La Môn cửa quay hướng Đông, vòm cửa kéo

dài, tháp xây quy mô lớn, không gian thể hiện sự tôn linh. Bên cạnh đền tháp là đền mộ với công trình kiến trúc khối kín, có khả năng bên trong đặt các bộ hài cốt hỏa táng theo phong tục Ấn giáo.

Sự kết hợp giữa hai loại hình kiến trúc đền tháp và đền mộ thể hiện tính đa dạng của khu thánh địa này không những về kiến trúc mà còn về tính chất tôn giáo, sự kết hợp giữa vương quyền và thần quyền của chủ nhân khu thánh địa.

Ngược dòng lịch sử, vùng đất giáp ranh Đông Nam bộ - Nam Cao nguyên này vốn là địa bàn cư trú lâu đời của hai tộc người Mạ - Stiêng. Với vị thế này, nằm trên địa bàn ảnh hưởng của nhiều nền văn hóa, đặc biệt là văn hóa Óc Eo, khu di tích Cát Tiên có thể là một phần của văn hóa Óc Eo. Khi văn hóa Óc Eo bị lịch sử chi phối dần lui tàn thì nơi đây vẫn tồn tại và độc lập trở thành thánh địa của một tiểu quốc mà lịch sử gọi là Nhà nước Mạ - Stiêng. Một tiểu quốc nằm giữa hai quốc gia hùng mạnh Champa và Phù Nam. Nếu những tư liệu lịch sử là chuẩn xác thì khả năng khu di tích Cát Tiên là thánh địa của tiểu vương quốc Mạ - Stiêng là hợp lý và chủ nhân của thánh địa là tộc người Mạ - Stiêng phù hợp với những truyền thuyết dân gian để lại trên vùng đất Nam Tây Nguyên rộng lớn này...

Khu mộ cổ Đại Làng

Khu mộ cổ Đại Làng tọa lạc trên một vùng đất cao nằm ven suối Đa Brilan (Daz Siang), một nhánh chảy ra sông Đa Đồng, thượng nguồn sông Đồng Nai, thuộc địa bàn xã Lộc Tiến (thị xã Bảo Lộc), cách thị trấn Blao 7km về hướng Đông.

Toàn bộ khu di tích rộng hơn 2.000m² với nhiều gò nổi nhấp nhô, trong đó có đến 9 - 10 gò nổi cao với đường kính 10 - 15m. Năm 1981 khi san bằng một số gò đất để làm rẫy, nhân dân địa phương phát hiện ra nhiều hiện vật lẫn trong đất, trong đó có đồ gốm sứ, sành gốm thô (bình, chậu, lò, bát, đĩa,...), đồ sắt công cụ sản xuất (dao, kiếm, xà gạc,...), đồ đồng trang sức (vòng tay, lục lạc,...).

Cùng năm đó, cuộc đào thám sát đầu tiên khu di tích này được tiến hành. Với 9m² đào tại gò phía Đông dưới chân đồi cho thấy địa tầng hố thám sát khá ổn định, dài 1,4m, với nhiều hiện vật nằm rải rác lẫn lộn. Các hiện vật gồm đồ sành, đồ sứ, đồ gốm, đồ sắt, đồng, nhiều loại hình, cho biết tính chất khu di tích này là một khu mộ cổ, có niên đại khá muộn mang sắc thái văn hóa như một số dân tộc ít người hiện nay còn lưu giữ sinh sống trên Cao nguyên. Nhận thấy đây là một di chỉ khảo cổ học sẽ cung cấp nhiều tài liệu quý cho việc nghiên cứu đời sống văn hóa của tộc người sinh sống trên Cao nguyên, năm 1983, khu mộ cổ Đại Lào được tổ chức khai quật. Cuộc khai quật tiến hành trên bốn gò mộ với diện tích khai quật 217m² (ký hiệu G2 đến G5). Các gò có đường kính trung bình 6 - 12m, nằm cách nhau 10 - 12m, độ cao 1,5 - 2,5m so với mặt bằng xung quanh như những hình bát úp. Mặc dù tất cả các gò bị đào bới, phá hoại nghiêm trọng nhưng kết quả khai quật cho thấy địa tầng các gò hầu như thống nhất với nhau. Lớp trên cùng dày 0,2m đất màu xám đậm lẫn nhiều rễ cỏ cây, lớp dưới là lớp đất đắp tạo thành gò, đất bờ xộp, màu xám nhạt gồm nhiều lớp đất xáo trộn lẫn nhau, dày 0,3 - 1,5m. Lớp dưới sâu 1,5 - 2m là lớp đất thịt màu xám, tơi xộp. Có thể đây là lớp đất nguyên thủy. Lớp dưới cùng sâu 2 - 2,5m là đất pha sỏi khá cứng.

Quá trình khai quật cho thấy trong mỗi gò có thể có một mộ táng (G4) hoặc có hai mộ táng như gò 2 (G2). Hiện vật phân bố trong các gò nằm ở độ sâu 1 - 2,5m tập trung thành từng cụm. Một số cụm hiện vật tập trung đậm đặc cho phép xác định các huyết mộ. Có thể thấy ở cụm số tám, huyết mộ hình chữ nhật dài 3,4m, rộng 1,2m, nằm sâu cách đỉnh gò 2,95m, ăn sâu vào lớp sinh thổ 0,5m. Hiện vật xếp kín diện tích, chồng gối lên nhau 3 - 4 lớp dày 0,5 - 0,6m.

Ở cụm số 13, huyết mộ hình chữ nhật dài 2,5m, rộng 1,4m, nằm sâu dưới đỉnh gò 2,1m với nhiều lớp hiện vật chồng chất lên

nhau, một số gò hiện vật nằm rải rác, không tập trung, không có hình dạng rõ ràng (G4). Mặc dù sự phân bố các cụm hiện vật có khác nhau nhưng sự phân bố các hiện vật có điểm tương đồng, những hiện vật có kích thước lớn như bình vò, ché được đặt nằm ngoài rìa gần bia mộ, có khi các loại hình này bị đập thủng đáy. Những hiện vật có kích thước nhỏ: bát, đĩa, chén, ly, cốc, công cụ sắt, đồ trang sức bằng đồng, đá, thủy tinh nằm ở giữa. Đặc biệt trong các mộ các hiện vật gốm thô : Nồi gốm, bát... đều được chôn dưới lớp sâu nhất.

Hiện vật thu được qua khai quật có thể chia theo các nhóm theo chất liệu và niên đại.

Số lượng hiện vật đồ gốm thô không nhiều, thường nằm ở độ sâu nhất. Hiện vật chủ yếu là loại nổi đáy tròn, miệng loe cao 15 - 20cm, xương mỏng, độ nung thấp, trang trí hoa văn vạch chéo hoặc hoa văn thừng chai...

Đồ sành sứ là bộ sưu tập quan trọng nhất với hàng ngàn hiện vật, trong đó hàng trăm hiện vật tương đối nguyên vẹn. Đồ sành là những hiện vật có kích thước lớn như bình, lọ. Sành có xương dày, màu xám, độ cao cứng. Một số hiện vật được trang trí, đặc biệt có một chiếc ché trang trí đôi rồng uốn lượn đối xứng thể hiện sống động. Các loại hình hiện vật kích thước nhỏ như: bát, đĩa, cốc, ly,... là đồ bán sứ hoặc sứ.

Nguồn gốc các loại bán sứ này có từ nhiều nơi : Thái Lan, Việt Nam, Trung Quốc, Champa.

Đồ bán sứ Thái Lan thường là bát đĩa có kích thước, xương dày, men màu tro, sáng hoặc nâu nhạt, trang trí đơn giản. Có thể những đồ gốm này có nguồn gốc từ Thái Lan.

Đồ bán sứ, sứ Việt Nam có xương dày, kích thước không lớn lắm, thường là bát đĩa men ngọc, trắng ngà. Niên đại tạo tác thời Lý - Trần. Đa phần các hiện vật có nguồn gốc Việt Nam là đồ sứ men

trắng hoa lam thời Lê.

Đồ gốm sứ Champa có mặt nhiều loại hình: bát to, bát nhỏ với men xanh màu xám, xương dày đen, trang trí đơn giản hoặc đề trơn. Các loại bình nhỏ màu men nâu nhạt, xám đen.

Đồ gốm sứ Trung Quốc chiếm số lượng nhiều. Hiện vật chủ yếu là bát, đĩa men trắng hoa lam với xương trắng mỏng, men dày bóng, hoa lam sậm trang trí đẹp với các đề tài hoa lá, cây cỏ thân mềm, dây leo uốn lượn cánh sen,... Một số hiện vật trang trí theo các tích truyện Trung Hoa như cảnh bát tiên, qua hải, người chèo thuyền,... hoặc thể hiện rồng, phượng, ngựa,... có niên đại Minh - Thanh, thế kỷ XVI - XVIII.

Ngoài hiện vật gốm sứ chiếm số lượng chủ yếu trong các mộ còn thu được nhiều công cụ lao động chế tác từ sắt như: xà bách, xà gạc, rìu, dao,... Các loại vũ khí như: kiếm, giáo, lao,... Đồ trang sức gồm các loại hình vòng tay, bao tay, nhẫn, lục lạc với số lượng hàng trăm chiếc. Vòng tay có tiết diện tròn hoặc bán nguyệt. Bao tay, lục lạc, trang trí hoa văn xoắn nổi khá đẹp, cân xứng nhau. Một số mộ xuất hiện bát đồng, gương đồng, bình vôi. Đáng lưu ý trong các mộ còn tìm được 10m mảnh tiền đồng. Một mảnh đọc được hai chữ "Thánh nguyên". Lẫn trong mộ còn thu được hàng ngàn hạt cườm thủy tinh nhiều màu sắc : Trắng đục xanh, đỏ nhạt, tím, vàng với nhiều kích cỡ. Các hạt cườm có lỗ nhỏ xuyên qua được khâu chuỗi trang trí vòng cổ, vòng tay.

Di cốt chủ nhân của các mộ đều mục nát nằm rải rác những dấu vết xám nằm lẫn trong đất, rất khó xác định tộc người của chủ nhân mộ.

Dựa vào kiểu dáng mộ, gò mộ, cách thức mai táng, hiện vật, tùy táng trong các mộ có thể cho thấy chủ nhân các ngôi mộ là các tộc người hiện còn sinh sống trên Cao nguyên, có thể là người Mạ hay K'ho, mà cho đến ngày nay phong tục vẫn bảo lưu lại đôi nét truyền thống tập tục.

Với nguồn tài liệu thu được, đặc biệt là đồ gốm sứ qua đối chiếu so sánh trên các loại hình có thể xác định niên đại những ngôi mộ này vào thế kỷ XVII - XVIII hoặc sớm muộn đôi chút không đáng kể.

Khu mộ cổ Đại Lào

Khu mộ cổ Đại Lào nằm trên một quả đồi thấp phẳng trong hệ thống đồi thấp thuộc địa bàn thôn Đại Lào, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc. Quả đồi được mang tên đồi Giàng hay đồi Ma bởi đây là nơi mai táng của các tộc người sinh sống trên Cao nguyên. Cùng với các khu mộ Đại Làng, Lạc Xuân,... khu mộ được khảo sát bước đầu và khai quật năm 1993.

Trước khi khai quật, toàn bộ đồi Giàng được khai phá trồng chè, đó đây nổi lên những gò nổi nho nhỏ có khả năng ẩn chứa mộ táng trong lòng đất. Một số nơi ven đồi bị những người săn tìm cổ vật đào bới, những mảnh gốm sứ công cụ vất vương vãi.

Cuộc khai quật tiến hành đào ba hố, tìm được sáu ngôi mộ. Hố I diện tích đào 26m² nằm ở vị trí cao nhất đồi Giàng, tầng đất ở hố đào ổn định. Đất màu đỏ nâu tươi xốp, ở độ sâu 0,6m phát hiện hiện vật tùy táng mộ I. Huyệt mộ hướng Đông Bắc - Tây Nam, hình chữ nhật, kích thước dài 2,3m, rộng 1,2 - 1,5m. Hiện vật nhiều lớp chồng chất đan xen nhau. Đồ gốm xếp nằm dọc theo hướng mộ, đồ sắt, đồ đồng, đồ gốm kích thước nhỏ nằm ven biên mộ. Đồ trang sức nằm gần giữa huyệt mộ.

Ở độ sâu 1,78m xuất hiện hiện vật lớp mộ dưới đồ gốm ở đây kích thước không lớn, đồ gốm thô xuất hiện nhiều, không có đồ sứ. Đồ đồng, đồ sắt xuất hiện ít.

Hố II có diện tích đào 23m², hình chữ nhật nằm theo hướng Đông - Tây, đất tươi xốp màu đỏ đậm. Ở độ sâu 0,35m hiện vật tùy táng xuất hiện. Làm rõ biên mộ cho thấy huyệt mộ hình chữ nhật, với đồ gốm gồm: bát, đĩa, bình, lọ kích cỡ không lớn, có nguồn gốc

khác nhau : Trung Quốc, Việt Nam, Champa, phân bố dọc theo huyệt mộ tạo nên tầng dày 0,45 - 0,6m. Đồ đồng trang sức, đồ sắt công cụ vũ khí, hạt trang sức nằm rải rác theo biên mộ, đây là ngôi mộ lớp trên.

Ở độ sâu 1,1m xuất hiện đồ tùy táng lớp mộ dưới. Huyệt mộ kích thước tương tự như lớp mộ trên nhưng hướng mộ chuyển dịch sang hướng Đông Bắc - Tây Nam. Hiện vật xếp lớp dày 0,4 - 0,6m, chủ yếu là đồ gốm Champa, đồ đất nung địa phương, đồ đồng trang sức, hạt chuỗi xuất hiện nhiều.

Ở độ sâu 1,8m hiện vật lớp mộ dưới cũng tìm được nhiều còn khá nguyên vẹn. Hướng mộ chuyển theo hướng Bắc Nam. Đồ gốm chủ yếu là bát, đĩa kích thước nhỏ, nổi gốm, đồ đất nung sản xuất tại địa phương. Về đồ đồng trang sức, ngoài bao tay, vòng cổ, lục lạc, nhẫn còn có âu đồng, hạt thủy tinh. Lớp mộ dưới cũng được chôn theo hướng Bắc Nam. Hiện vật chủ yếu là đồ gốm Champa sớm, đồ gốm địa phương, đồ trang sức ít, đồ sắt công cụ hiếm thấy thường có kích thước nhỏ.

Trong ba lớp mộ tìm được ở hố II cho thấy ba mộ được mai táng ở ba giai đoạn khác nhau. Hiện vật ở mỗi giai đoạn có sự khác nhau về niên đại phản ánh các thời kỳ lịch sử khác nhau. Sự khác nhau thể hiện ở sự chuyển dịch hướng mộ, hiện vật tùy táng. Nếu lớp mộ trên phản ánh sự mở rộng mối quan hệ xa của vùng đất với sự có mặt của gốm Việt, Trung Quốc thì các lớp mộ dưới thể hiện mối quan hệ gần với sự có mặt của gốm Champa và đồ đất nung địa phương.

Hố III diện tích khai quật 12m² nằm ở giữa đỉnh đồi. Đất màu đỏ khá cứng sâu 0,3m, đất ở dưới tươi xốp. Ở độ sâu 0,6m xuất hiện đồ tùy táng. Hiện vật không xếp theo quy luật nhất định, nằm lẫn trong tầng đất dày 0,6 - 0,8m. Hiện vật gồm đồ gốm, đồ sắt và đồ trang sức, dưới độ sâu 1,6m đất đỏ, rắn chắc ổn định.

Hiện vật thu được ở khu mộ cổ Đại Lào có số lượng lớn, nhiều

loại hình, chế tác từ nhiều loại chất liệu. Mỗi mộ là một nhóm hiện vật mang dấu riêng cùng với các tư liệu khác phản ánh tích lịch sử của mỗi ngôi mộ cùng chủ nhân và thân phận của họ trong xã hội.

Ở mộ M I thu được 496 hiện vật, trong đó có 408 hiện vật đồ gốm, đa phần là các mảnh vỡ của các loại hình: ché, lọ, ấm, bát, trong đó có hơn 40 chiếc còn tương đối nguyên vẹn. Đồ đồng, xà gạc, dao, lao, dùi, ... có 21 hiện vật gồm: bao tay, vòng tay, cơi đồng, lục lạc. Đồ sắt có 29 hiện vật gồm: xà bách, xà gạc, rìu, lao, dao, mũi nhọn, ... Hạt thủy tinh: 38 hạt có kích thước tương đối lớn (0,3 - 0,5cm) đủ các màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng, đen, ...

Mộ MII có 519 hiện vật. Đồ gốm 319 hiện vật gồm 45 hiện vật khá nguyên vẹn, 274 mảnh gốm sứ của các loại hình: lọ, âu, đĩa, bát, nồi gốm, quả cân, ...

Đồ đồng gồm 45 hiện vật: bao tay, vòng tay, lục lạc, tiền đồng. Đồ sắt: 28 hiện vật gồm: xà bách, xà gạc, dao, lao, rìu, đồng sắt mũi nhọn, ...

Hạt thủy tinh : 127 hạt có nhiều kích cỡ khác nhau với các màu sắc: xanh, lam, hồng, trắng, vàng, đen, nâu... kích thước 0,3 - 0,8cm.

Mộ III có 697 hiện vật gồm:

- Đồ gốm: 325 hiện vật, có 34 hiện vật còn nguyên vẹn gồm: ché, bình, lọ, đĩa, bát, cốc, nồi gốm. Trong 291 mảnh vỡ có 61 mảnh đen, trắng, hoa lam có nguồn gốc từ Trung Quốc, còn lại là mảnh gốm sứ Champa, đất nung, ...

- Đồ đồng 29 hiện vật gồm: chiêng, 28 mảnh vòng các loại.

- Đồ sắt 11 hiện vật gồm: xà bách, xà gạc, dao.

- Hạt thủy tinh: 312 hạt có kích thước khác nhau với đủ màu sắc: xanh, vàng, tím, đỏ, hồng, ...

Mộ IV có 920 hiện vật gồm :

- Đồ gốm : 581 hiện vật, có 34 hiện vật nguyên vẹn gồm: ché,

lọ, âu, bát, đĩa có nguồn gốc khác nhau: Trung Quốc, Champa, Việt Nam. Trong 547 mảnh gốm sứ có thể thấy: 94 mảnh gốm sứ có nguồn gốc Trung Quốc, 55 mảnh gốm sứ Việt Nam, 254 mảnh gốm sứ Champa, 92 mảnh chất liệu sành, 54 mảnh đất nung.

- Đồ đồng : 117 hiện vật gồm: lục lạc, cơi đồng, vòng đồng, bao tay.

- Đồ sắt : 13 hiện vật gồm: xà bách, xà gạc, lao, rìu...

- Hạt thủy tinh: 219 hạt với kích thước khác nhau (0,1 - 0,35cm) có các màu xanh, đỏ, vàng, hồng, đen, xám,...

Mộ V có 529 hiện vật gồm:

- Đồ gốm : 296 hiện vật, có 71 hiện vật nguyên vẹn, 198 mảnh gốm sứ. Các loại hình đồ gốm có: vò, nôi, âu, bát, đĩa,... Trong 198 mảnh gốm sứ có 138 mảnh sành tráng men gồm màu vàng, nâu, đen... trong đó có 7 mảnh trang trí hoa dây uốn lượn với kỹ thuật vẽ chiều trên xuống. Gốm nung có 60 mảnh, hoàn toàn không có đồ sứ trong lớp mộ này.

- Đồ đồng : 53 hiện vật gồm các loại: bao tay, lục lạc, vòng cổ, vòng tay với tiết diện tròn, xoắn, bán nguyệt.

- Đồ sắt : 15 hiện vật gồm: xà bách, xà gạc, dao, vòng sắt.

- Hạt thủy tinh : 176 hiện vật với nhiều kích cỡ, hạt tròn nhẵn nhiều màu sắc: trắng, hồng, nâu, đen.

Ngoài ra các hiện vật đã nêu, trong mộ còn tìm được mảnh vải sợi thô, kỹ thuật dệt thủ công, có thể đây là trang phục chủ nhân mộ.

Mộ VI có 180 hiện vật :

- Đồ gốm : 92 hiện vật, có 76 hiện vật nguyên vẹn, gồm các loại hình: ché, âu, lọ, bát, đĩa... trong đó bát chiếm số lượng chủ yếu (61 hiện vật) có nguồn gốc Champa, 16 mảnh gốm từ đồ đất nung vỡ ra. Ngoài ra, còn 2 hiện vật đất nung trụ tròn nhỏ loe đầu, có lỗ

xuyên suốt có thể là nỗ điệu.

- Đồ đồng : 39 hiện vật gồm: bao tay, vòng, lục lạc.
- Đồ sắt : 11 hiện vật gồm: xà bách, xà gạc, dao, lao,...
- Hạt thủy tinh : 38 hạt dạng tròn với 2 màu sắc chủ yếu trắng và vàng nhạt.

Nhìn tổng quát, hiện vật thu được ở khu mộ Đại Lào trong các mộ có những quy luật chung : Đồ gốm sứ lớp mộ dưới thường là đồ đất nung, đồ gốm Champa thể hiện trong lịch sử tính liên kết thống nhất của dải đất ven biển miền Trung với vùng đất Cao nguyên. Mỗi liên hệ gần, trực tiếp này xuyên suốt trong tiến trình lịch sử. Ở lớp mộ phía trên, ngoài đồ gốm sứ Champa do địa phương sản xuất, sự có mặt của các loại hình gốm sứ Trung Quốc (Thanh), Việt (Lê) với niên đại muộn đã phản ánh mối liên hệ xa với các vùng trong nước và khu vực. Hiện vật đồ gốm là tư liệu góp phần phản ánh giới tính của chủ nhân mộ. Nếu mộ I, II và III có số lượng ché chiếm chủ yếu thể hiện chủ nhân là nam giới thì các mộ IV, V và VI có số lượng bát, đĩa, cốc, âu chiếm số lớn cùng vòng tay, bao tay, lục lạc đồng, hạt trang sức thủy tinh chứng tỏ chủ nhân mộ là nữ giới. Điều dễ nhận thấy sự chung nhất, xuyên suốt số liệu vật công cụ lao động truyền thống như xà bách, xà gạc, dao, rìu... có mặt hầu hết ở các mộ. Đó là những công cụ sản xuất truyền thống còn bảo lưu trong các dân tộc K'ho, Mạ, điều đó cho thấy có thể chủ nhân các ngôi mộ này thuộc người Mạ hay K'ho.

Nghiên cứu tổng thể hiện vật, đặc biệt đồ gốm sứ có trong mỗi mộ có thể thấy các mộ MI, MIII và MIV có niên đại vào thế kỷ XVIII - XIX. Các mộ MII, MV có niên đại thế kỷ XVI - XVII. Đặc biệt mộ MVI có niên đại sớm nhất vào cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI.

Những hiện vật gốm tìm được trong mộ đủ thể hiện mối giao lưu văn hóa của người dân Cao nguyên trong lịch sử với các vùng đất khác: với người Chăm ven biển miền Trung, người Việt, người

Trung Hoa ở những thế kỷ sau, làm phong phú thêm đời sống vật chất, tinh thần của mình. Bên cạnh đó, tinh truyền thống dân tộc vẫn ổn định phát triển qua các thời kỳ lịch sử cho đến ngày nay, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc đa dạng, giàu sức sống.

Khu mộ cổ Đa Đờn

Khu mộ cổ Đa Đờn nằm trên địa bàn thôn năm xã Đa Đờn, huyện Lâm Hà. Toàn bộ ngôi mộ nằm gọn trong một thung lũng hẹp và phẳng chạy dài theo hướng Bắc - Nam với chiều ngang khoảng 20m, xung quanh là hệ thống đồi bao bọc. Chạy dọc theo thung lũng là dòng suối Đa K'Sung, một chi lưu hòa vào sông Đa Đờng chảy qua. Dấu tích khu mộ để lại là những gò nhỏ nhỏ mà khi tiếp xúc vùng đất này nhân dân tưởng là những gò mối. Năm 1993, khi khai phá thung lũng, nhân dân phát hiện nhiều cổ vật nằm lẫn trong gò đất, cùng lúc đó làn sóng săn tìm cổ vật ập tới, các gò bị đào bới xáo trộn để tìm hiện vật diễn ra làm cho di tích biến dạng nham nhở. Năm 1995, khu mộ cổ được tiến hành tổ chức khai quật.

Cuộc khai quật tiến hành trên diện rộng với diện tích 244m², cùng 28m² đào thám sát rải rác trong thung lũng. Do các gò mộ bị đào, phá hủy nặng, hiện vật bị xáo trộn nhiều cho nên không tìm thấy những mộ còn nguyên trạng để phân rõ tình trạng của từng mộ nhưng đã cung cấp những tư liệu tốt về khu mộ này.

Các hiện vật tùy táng được chôn theo từng cụm gồm tập trung, bên cạnh đó là hiện vật đồng, sắt, hạt thủy tinh nằm rải rác tạo nên tầng văn hóa dày 2,3m.

Cuộc khai quật thu được hàng ngàn hiện vật gốm sứ, đa phần là các mảnh vỡ, trong đó có 101 hiện vật khác nguyên vẹn.

Bộ sưu tập gốm sứ này qua phân loại cho thấy:

Gốm sứ Trung Quốc chủ yếu là đồ sứ men trắng hoa lam với các đề tài trang trí rồng, phượng hoa dây, hoa lá các loại,... với niên đại thế kỷ XVII - XVIII.

- Đồ gốm Champa chiếm tỷ lệ khá nhiều với men xám, không trang trí, niên đại thế kỷ XIV - XV. Bên cạnh đó còn lẻ tẻ xuất hiện đồ gốm sứ Thái Lan (Sawaukhloc và Su' bothai).

- Đồ gốm Việt chiếm khá nhiều, chủ yếu là đồ gốm men trắng hoa lam với nhiều đề tài trang trí đẹp, niên đại thế kỷ XVI - XVII.

- Đồ gốm Khmer, có thể là đồ men hoa lam Hizen (Nhật Bản) cũng lẻ tẻ xuất hiện trong các lớp mộ.

- Đồ sắt : 89 hiện vật gồm các công cụ sản xuất như: xà bách, xà gạc, rìu, lao, dao hay các loại vũ khí như: lao, giáo,...

- Đồ đồng : 385 hiện vật gồm các loại hình như: vòng cổ, vòng tay, lục lạc, khuyên tai, nhẫn,... nhiều hiện vật có kích thước khá lớn.

- Hạt chuỗi trang trí : 1.354 hiện vật được chế tác từ chất liệu đá màu, thủy tinh nhiều màu sắc: xanh, đỏ, vàng, nâu, đen,... Bên cạnh khối lượng hiện vật thu được trong hố khai quật còn tìm thấy vết xương đòn tay, xương ống chân, một mảnh xương sọ đặt trong âu đồng bên chuỗi hạt cườm thủy tinh kích thước nhỏ.

Dựa vào bộ sưu tập hiện vật, đặc biệt là đồ gốm sứ, cho thấy khả năng niên đại của những ngôi mộ thuộc thế kỷ XVII - XVIII. Bộ sưu tập gốm cũng phản ánh mối quan hệ giao lưu xa của những chủ nhân mộ. Ngoài đồ gốm nung tại địa phương, ở đây xuất hiện gốm Trung Quốc, Việt Nam, Champa, Khmer, Thái Lan và xa hơn có khả năng cả gốm Hizen (Nhật Bản). Mối quan hệ này phản ánh tính chất mở cửa của xã hội Tây Nguyên vào những giai đoạn muộn trong lịch sử. Đó là những tiền đề tạo điều kiện hòa nhập vào khối cộng đồng của dân tộc sau này.

Với những hiện vật chất liệu đồng, sắt có hầu hết trong các mộ, những hiện vật này còn hiện diện cho đến ngày nay trong các dân tộc Mạ, K'ho có thể cho biết khả năng chủ nhân khu mộ thuộc người Mạ - một dân tộc đã sinh sống và quản lý Cao nguyên trong lịch sử.

Khu mộ cổ Lạc Xuân

Khu mộ cổ Lạc Xuân nằm trên một ngọn đồi thấp thuộc địa bàn xã Lạc Xuân (huyện Đơn Dương). Theo truyền thuyết địa phương, người K'ho nhận đây là mộ tổ của họ chôn cất cách đây hàng trăm năm. Năm 1993, những người săn tìm mộ cổ đã đào phá, ngôi mộ. Sau khi bị đào phá những người địa phương dựng lên mộ am nhỏ để thờ cúng. Mặc dù sau khi bị đào bới, những hiện vật nguyên vẹn bị lấy đi, nhưng tại đây còn vương vãi khá nhiều hiện vật gồm nhiều hình, nhiều chất liệu khác nhau:

- Đồ gốm ở đây khá nhiều, đa phần là mảnh vỡ gốm gồm men trắng hoa lam, men màu xanh, đỏ nhạt có nguồn gốc từ Trung Quốc, niên đại thế kỷ XVII - XVIII.

- Đồ gốm Champa với đặc trưng xương xám đen, cứng, dày, độ nung cao thường tráng men màu xám, vàng nhạt, không hoa văn trang trí.

- Đồ đồng gồm: nhẫn, bao tay, vòng tay, vòng cổ,...

- Đồ sắt gồm: dao, thuổng, đục, rìu, giáo, lao,...

- Hạt trang sức chế tác từ thủy tinh nhiều màu: vàng, đen, đỏ, tím, ... với nhiều kích cỡ.

Những hiện vật thu được, đặc biệt là qua tư liệu gốm sứ, cho thấy niên đại khu mộ có khả năng vào thế kỷ XVII - XVIII, tương đương các khu mộ Đại Làng, Đại Lào, Đa Đồn, đã được biết trên địa bàn.

Chủ nhân khu mộ có thể là người K'ho như truyền thuyết trong vùng xác nhận.

Các loại hình di tích khác

Với một khoảng không gian rộng (diện tích địa bàn rộng 10.172,6km²), lại nằm trên khu vực trọng yếu của Tây Nguyên, tiếp giáp với dải đất ven biển miền Trung và Đông Nam Bộ, trong lịch

sử, Lâm Đồng luôn có mối giao lưu, quan hệ mật thiết với các vùng đất này. Văn hóa Champa, văn hóa Óc Eo mỗi khi có điều kiện lại lan tỏa lên Cao nguyên. Sự kết hợp chặt chẽ giữa các nền văn hóa của các tộc người sinh sống, quản lý vùng đất này với các nền văn hóa khác đã để lại khá nhiều di tích lịch sử trên đất Lâm Đồng. Mặc dù, cho đến nay, các di tích đó mới được biết đến hay khảo sát ban đầu, nhưng đã cho thấy sự phong phú về loại hình và số lượng của các di tích ở đây. Có thể kể ra một số di tích khác như địa điểm Prô (Đơn Dương) còn dấu vết một hầm gạch chạy dài. Khu mộ cổ này với gò mộ cao 2m, chu vi hơn 20m đã từng bị đào trộm, hoặc phế tích biến tấu ở Đa Huoai với bộ ngẫu tượng Linga - Yony đơn lẻ.

Ngoài những di tích, có thể biết đến những di vật lịch sử quý của hoàng tộc vương quốc Champa để lại trên đất Lâm Đồng như tại làng Sopmadrong (Đơn Dương) của người Churu có bộ sưu tập vũ khí: súng, dao, lao, dao, kiếm,... những đồ dùng như chậu, ấm, cùng mũ của vua Champa khi lưu lạc lên Cao nguyên.

Tại đền thờ Krayo ở làng La Bui (Đơn Dương) của người Churu còn lưu giữ bộ sưu tập gồm: gương, kiếm, giáo, lao cùng những hiện vật như hộp đồng, ấm đồng của người Chăm giữ lại. Những di tích, hiện vật này phản ánh lại lịch sử của vùng đất Lâm Đồng nói riêng, của Cao nguyên nói chung trong tiến trình tồn tại, phát triển và hòa nhập chung vào lịch sử cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Trải dài theo tiến trình lịch sử, các di tích ở Lâm Đồng với nhiều loại hình, đa dạng về hiện vật đã cung cấp thêm những tư liệu để hiểu về cội nguồn văn hóa của một vùng đất. Một nền văn hóa truyền thống bản địa cùng những yếu tố hội nhập đã tạo nên bản sắc văn hóa Cao nguyên giàu tính dân tộc, làm tăng nét độc đáo và làm giàu bản sắc đa dạng của văn hóa dân tộc trong lịch sử sâu xa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

CÁC DI TÍCH DANH LAM THẮNG CẢNH TIÊU BIỂU

PHÚC ÂN - NGUYỄN DIỆP

• HỒ XUÂN HƯƠNG

"Ai hãy lặng thinh chớ nói nhiều

Để nghe dưới đáy nước hồ reo

Để nghe tơ liễu run trong gió

Và để nghe trời giải nghĩa yêu"()*

Đó là những vần thơ mà thi sĩ tài hoa Hàn Mặc Tử đã viết về hồ Xuân Hương - một viên ngọc xanh giữa lòng thành phố.

Hồ Xuân Hương có chu vi 5.000m, rộng khoảng 38ha. Ngày trước, nơi đây vốn là dòng suối và ruộng lúa của tộc người Lạch. Năm 1919, trong chương trình xây dựng Đà Lạt, kỹ sư công chánh Labbé xây đập từ nhà Thủy tạ đến đoàn quán Hương đạo. Năm 1923, chính quyền đương thời lại cho xây thêm một đập phía dưới tạo thành hai hồ. Tháng 3.1932, một cơn mưa bão lớn làm cả 2 đập bị vỡ. Năm 1934-1935, kỹ sư Trần Đăng Khoa lại thiết kế, xây dựng một đập lớn bằng đá: Đó là cầu Ông Đạo ngày nay (Ông Đạo là tên

(*) Hàn Mặc Tử: Đà Lạt trắng mờ.

nhân dân Đà Lạt gọi viên quản đạo thời bấy giờ là Phạm Khắc Hòe^(*). Người Pháp đặt tên là Grand Lac (Hồ Lớn). Năm 1953, Nguyễn Vỹ, Chủ tịch hội đồng thị xã, đề nghị đổi tên Grand Lac thành hồ Xuân Hương. Mấy chục năm qua, hồ Xuân Hương là tấm gương trong của thành phố đã làm tăng thêm vẻ yêu kiều, duyên dáng cho Đà Lạt. Nếu không có hồ Xuân Hương, có lẽ Đà Lạt sẽ đơn điệu, cô quạnh và lạc lõng với những rừng thông bạt ngàn.

Thực tế, hơn trăm năm qua, hồ Xuân Hương đã gắn liền với cuộc sống của cư dân Đà Lạt, gắn liền với những thăng trầm, biến động của thành phố Hoa. Vào mùa nắng và những ngày đẹp trời, mặt hồ Xuân Hương xanh biếc, gợn sóng lăn tăn. Những ngày mưa lớn, nước đổ ngầu làm người ta chạnh nhớ đến Hồng Hà, Hà Nội. Tuy nhiên, vẻ đẹp của Xuân Hương không giống với vẻ đẹp Hoàn Kiếm của kinh thành Thăng Long hay Tịnh Tâm của cố đô Huế. Nước hồ Hoàn Kiếm có màu xanh lục soi bóng tháp Rùa, tháp Bút - ghi dấu ấn anh hùng của một giai đoạn lịch sử của dân tộc Việt Nam trong công cuộc chống ngoại xâm. Còn Tịnh Tâm ngát hương sen hình như lúc nào cũng thâm trầm và lặng lẽ như tính cách của người dân xứ Huế. Còn hồ Xuân Hương lại có nét kiêu diễm của phương Tây. Nước xanh soi bóng những cây anh đào rực hồng mỗi độ xuân về, không e lệ ngại ngẩn, luôn bật thiệp với khách trong nước cũng như nước ngoài. Có ai ngờ rằng chỉ cách đây 105 năm, đáy hồ còn là ruộng lúa của các tộc dân bản địa Lang Bian. Hằng năm, cứ mỗi độ xuân về, hồ Xuân Hương lại như tươi trẻ hơn, rực rỡ hơn bởi ngàn hoa anh đào đua nở và mặt hồ xanh trong soi rõ mây trời.

(*) Phạm Khắc Hòe sinh năm 1901 tại Nghệ Tĩnh, tốt nghiệp Cao đẳng Luật và Hành chính. Trước năm 1945 làm ngự tiền văn phòng Đồng lý cho Bảo Đại. Năm 1946, tham gia kháng chiến, biên soạn Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc...

Hôm nay, hồ Xuân Hương vẫn còn in bóng khách sạn Palace - nơi đón tiếp đoàn đại biểu Việt Nam dân chủ cộng hòa đến dự hội nghị trù bị Đà Lạt năm 1946, và là nơi Bộ Chính trị mở hội nghị tổng kết chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đó còn là chứng nhân và niềm tự hào chính đáng của nhân dân các dân tộc Thành phố Đà Lạt.

Tháng 10/1984, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định cho sửa sang lại hồ Xuân Hương và cầu Ông Đạo. Trong 6 tháng nước hồ được tháo cạn, đáy hồ được hàng vạn thanh niên của thành phố Hoa đỏ bao mồ hôi, công sức nạo vét nhằm làm đẹp thêm cho quê hương mình. Đây là lần chỉnh trang thứ 2 kể từ sau năm 1934 lúc kỹ sư Trần Đăng Khoa cho xây lại cầu Ông Đạo. Ngày 16.11.1988, Bộ Văn hóa - Thông tin và Thể thao đã ra Quyết định số 1288 công nhận hồ Xuân Hương là một trong 464 thắng cảnh cấp quốc gia. Nhưng rồi, sau đó dần theo năm tháng, trước những tác động xấu của một số người, một phần hồ Xuân Hương lại bị bồi lấp làm giảm đi vẻ đẹp quyến rũ, nên thơ vốn có. Và vì vậy, ngày 20.6.1996 Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã có Công văn số 946/CV-UB chấp thuận cho Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn cùng với Ủy ban Nhân dân thành phố lập dự án nạo vét. Công việc nạo vét lòng hồ Xuân Hương được chính thức khởi công với tổng kinh phí lên tới 20 tỷ đồng, trong đó ngoài vốn ngân sách Nhà nước còn có sự đóng góp của người dân thành phố trên 6 tỷ. Có thể nói đây là lần chỉnh trang lại hồ Xuân Hương lớn nhất từ trước đến nay vì ngoài việc nạo vét, còn phải xây dựng thêm hồ lắng phía thượng lưu và xây kè đá chống sạt lở xung quanh hồ. Sau hơn 3 tháng huy động phương tiện cơ giới tập trung và khẩn trương thi công, cuối tháng 9/1998 hồ Xuân Hương được đóng nước, góp phần làm cho một thắng cảnh vốn đã đẹp nay lại càng đẹp hơn.

Hồ Xuân Hương không những là một thắng cảnh của Đà Lạt mà còn là niềm tự hào của người dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng.

Đó còn là niềm cảm hứng bất tận cho biết bao thế hệ văn nghệ sĩ Việt Nam để sáng tác ra những áng văn, thơ tuyệt mỹ:

"Hồ Xuân Hương, mặt nước trầm tư

Thi nhân hồi, có nhìn tôi không đấy

Hồ trong xanh, lòng sâu đến tận trời

Nghiêng mơ màng bao bóng thông trôi"()*

• HỒ THAN THỞ

Từ trung tâm thành phố đi về hướng Thái Phiên hoặc Chi Lăng khoảng 6 km rẽ về tay phải vào một con đường nhỏ, du khách sẽ bắt gặp hồ Than Thở nằm cạnh giữa rừng thông bát ngát. Cảnh vật nơi đây thật im vắng. Mặt hồ trầm ngâm phẳng lặng. Con đường đất nhỏ hẹp uốn lượn quanh hồ rồi như mất hút phía xa. Gió lên, thông reo, lời ru khi êm ái, khi như nức nở, khóc than.

Xung quanh hồ Than Thở có nhiều truyền thuyết, tình sử. Có người kể hồ Than Thở là nơi trầm mình của những người vì tình yêu dang dở: Chàng tên là Tâm, nàng tên là Thủy. Hai người yêu nhau từ tuổi học trò ngây thơ, nhiều mộng ước. Nhưng về sau chàng phụ nàng để vui duyên mới. Tình yêu tan vỡ, Thủy trầm mình xuống hồ kết liễu một đời hoa! Không biết câu chuyện có thật hay không mà theo lời kể của người dân sở tại do học sinh Trường trung học Trần Hưng Đạo sưu tầm được năm 1969-1970, thì sau khi mối tình đứt đoạn còn lại ngôi mộ của Thủy phía bên kia hồ và trên tấm bia còn để lại 2 câu thơ :

"Mây xanh nước biếc dù thay đổi

Ngàn năm THỦY vẫn ở trong TÂM"

Thế rồi lớp bụi thời gian phủ kín bia mộ có ghi 2 câu thơ cho

mối tình đau thương ấy. Ngày nay, du khách chỉ có thể tìm ra một ngôi mộ đất ở phía bên kia đường cách một nhà nghỉ mát khoảng 50m. Ngôi mộ không có gì đặc biệt so với hai ba chục nấm mộ khác, nhưng thường có hương hoa của khách viếng thăm như cảm thông với người mệnh bạc. Nhưng trên bia mộ không ghi tên THỦY mà lại ghi tên THẢO. Song, Thủy hay Thảo có hề chi vì đều là phận hồng nhan.

Một thiên tình sử khác cũng được lưu truyền trong nhân dân Đà Lạt nói về hồ Than Thở, có liên quan đến truyền thuyết người Việt đặt chân lên vùng đất Đà Lạt - Lâm Đồng.

Chuyện không xa lắm, vào cuối thế kỷ 18, năm 1789, vua Quang Trung từ Huế ra Bắc đuổi quân xâm lược nhà Thanh. Thuở ấy, nghĩa sĩ khắp nơi từ các Sơn Động, từ trấn Gia Định đến Thuận Hóa đều tòng quân đánh giặc. Nơi đây, giữa núi rừng Lang Bian hùng vĩ, bên hồ nước biếc có đôi tình nhân trẻ chiều chiều thường gặp nhau kết mộng đợi ngày sum họp. Chàng tên là Hoàng Tùng, nàng tên là Mai Nương, hai người đều gốc người Việt, theo cha mẹ từ giã đồng bằng lên Sơn Quốc để tránh chế độ hà khắc của chúa Nguyễn, hòa mình với người dân địa phương. Nhưng lòng họ luôn vương vấn về quê cha đất tổ. Rồi một hôm họ được biết người anh hùng áo vải Quang Trung kêu gọi toàn dân đánh đuổi quân xâm lược Mãn Thanh. Một ngày kia Hoàng Tùng theo tiếng gọi của núi sông chia tay Mai Nương bên hồ...

Người đi chưa về, tin buồn đến : Hoàng Tùng tử trận! Mai Nương buồn rầu, quyết chết theo người tình, mộ nàng chôn ở bên hồ. Nhưng mấy tháng sau, Hoàng Tùng thắng trận trở về tìm lại người xưa. Mai Nương không còn nữa. Chàng nguyện suốt đời ở vậy cho trọn mối tình chung. Mấy năm sau, triều đại Tây Sơn sụp đổ,

(*) Lâm Thị Mỹ Dạ: Một ngày Đà Lạt.

Nguyễn Ánh chiếm được Phú Xuân. Tin ấy lan đến Sơn Động. Hoàng Tùng đau đớn tình riêng, xót xa vận nước, hết hy vọng bèn nhảy xuống hồ chết theo Mai Nương, chết theo sự nghiệp của người anh hùng áo vải cờ đào:

"Hồn thiêng em hãy đợi chờ

Mặt hồ Than Thở bây giờ là đây"

Từ đó, mỗi sáng sớm hoặc hoàng hôn, ngàn thông bên hồ lại trỗi lên khúc nhạc bi ai như than thở, tiếc thương, ngợi ca đôi trai tài gái sắc vì nước trọn tình. Do đó, mà người đời sau đặt tên cho là hồ Than Thở.

Chuyện xưa, tích cũ là vậy, song trên thực tế hồ Than Thở khởi thủy chỉ là một cái ao nhỏ. Về sau người Pháp cho làm đập chặn nước tạo thành hồ và đặt tên là: *Lac des Soupirs* với ý nghĩa là *tiếng gió thổi trong rừng*, nhưng khi dịch sang tiếng Việt lại mang một nghĩa khác: *tiếng thở than*.

Sau Sắc lệnh số 143/NV ngày 22.10.1956, Lac des Soupirs trở lại với tên cũ: hồ Than Thở. Khi hòa bình lập lại - năm 1975 có một thời gian hồ Than Thở bị đổi tên thành hồ Sương Mai. Nhưng trong nhân dân Đà Lạt và du khách, khi nhắc đến hồ này, mọi người vẫn gọi là Than Thở mà không gọi là Sương Mai. Từ năm 1990, chính quyền thành phố quyết định khôi phục lại tên cũ: Hồ Than Thở.

Năm 1995, hồ Than Thở được giao về cho Công ty Thùy Dương (một chi nhánh của Công ty trách nhiệm hữu hạn Huy Hoàng Tp Hồ Chí Minh) đầu tư, tôn tạo và khai thác kinh doanh du lịch. Dự án đầu tư, tôn tạo khu du lịch này với tổng kinh phí 47 tỷ đồng đã và đang được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, tiến độ thi công, do nhiều nguyên nhân, đến nay vẫn chưa thực hiện được bao nhiêu...

Năm 1998, Bộ Văn hóa - Thông tin đã ra quyết định công nhận hồ Than Thở là một trong 8 thắng cảnh quốc gia ở Đà Lạt.

• HỒ TUYỀN LÂM

Theo quốc lộ 20, lên đèo Prenn, qua khỏi thác Đa Tanla, rẽ về phía trái chừng hơn 1km, băng qua những rừng thông ngút ngàn, du khách sẽ bắt gặp một hồ nước mênh mông, xanh biếc và đầy vẻ quyến rũ - đó là hồ Tuyền Lâm.

Với diện tích mặt nước khoảng 350ha, hồ Tuyền Lâm được tạo thành bởi dòng suối Tía. Tên hồ không biết có tự bao giờ và do ai đặt, nhưng có lẽ cũng do xuất phát từ khung cảnh thiên nhiên kỳ vĩ ở đây mà tên gọi ấy đã sống mãi. Đó là nơi gặp gỡ giữa sông, suối và cây rừng.

Năm 1982, để đảm bảo nước tưới cho hàng trăm hécta lúa của huyện Đức Trọng, Nhà nước đã cho xây dựng đập ngăn nước tại đây. Năm năm sau, công trình được hoàn thành và đã dần dần trở nên một điểm tham quan, du lịch không thể thiếu đối với nhiều người. Với mặt nước mênh mông quanh co dưới chân những ngọn núi nhấp nhô, trùng điệp, ở mỗi khúc quanh, non nước trời mây hình như luôn biến đổi. Nơi này là rừng thông non, nơi kia là non cao với lớp lớp ngàn thông thẳng tắp. Tuyền Lâm ! Thật đúng là non xanh nước biếc, phong cảnh hữu tình. Vào những ngày đẹp trời, dùng canô hay thuyền buồm du ngoạn trên mặt hồ, du khách sẽ được chiêm ngưỡng tận mắt những đồi thông xanh mướt, xen giữa là những cụm rừng già và những sườn đồi thoải thoải, soi bóng xuống mặt hồ. Trước khung cảnh ấy, lòng ta như băng khuâng, đồng thời lại có cảm giác như vừa trút bỏ được hết những vướng bận của bụi trần để bước chân vào chốn thần tiên.

Buổi sớm, hồ nước phủ đầy sương trắng và yên tĩnh đến lạ kỳ, chỉ có tiếng chim quện thành vòng, thành chuỗi để rồi tan xuống mặt hồ phẳng lặng. Buổi trưa bầu trời sáng láng, mặt hồ xanh biếc như biển khơi, lấp lánh ánh thủy tinh. Đến chiều thì mềm ra trong ánh sáng mát lạnh và mặt hồ dần dần chuyển sang màu xanh thẫm.

Nếu ngồi ở hồ Tuyền Lâm câu cá, làm thơ, hoặc đi dạo với người yêu vào những thời điểm như vậy, mới cảm nhận được hết vẻ kỳ ảo, thơ mộng và huyền diệu của cảnh sơn thủy hữu tình mà tạo hóa đã ban cho đất trời Đà Lạt.

Đến hồ Tuyền Lâm, du khách không thể không viếng thăm thiền viện Trúc Lâm, một địa chỉ mà trong những năm gần đây đã in dấu vào tâm trí nhiều người dân Đà Lạt. Từ hồ Tuyền Lâm nhìn lên quả đồi cao gần đó chúng ta sẽ thấy thấp thoáng, ẩn hiện xa xa một ngôi chùa. Đó là thiền viện Trúc Lâm. Mặc dù chỉ mới khởi công xây dựng vào năm 1993 nhưng nơi đây lại thu hút khá đông du khách thập phương và dân sở tại nhất vào mùa du lịch, ngày rằm, mồng một, hay dịp lễ, tết. Vào những ngày như vậy, xe ô tô, xe máy xếp thành hàng dài trong khuôn viên thiền viện, có nhân viên bảo vệ trông coi cẩn thận mà không phải trả tiền như các điểm tham quan du lịch khác. Tiếng loa phóng thanh của thiền viện trầm nhẹ hướng dẫn du khách tham quan. Phần lớn những người đến đây là để lễ Phật và ngắm cảnh thiền môn thanh tịnh.

Thiền viện Trúc Lâm tuy không có được những nét kiến trúc nguy nga và cổ kính như thường thấy ở các chùa chiền khác, song nơi đây ẩn chứa bao điều huyền nhiệm của thế giới tâm linh. Vừa bước lên hết những bậc đá cuối cùng, du khách đã bắt gặp ngay một tòa tháp uy nghiêm bên trong có treo một “đại hồng chung” cao 1,98m nặng 1,1 tấn được đúc tận xứ Huế. Trên chiếc “đại đồng chung” ấy có khắc bài thơ của Trúc Lâm Đầu Đà đầy ý nghĩa triết học nhân sinh :

“Phải trái rụng theo hoa buổi sớm

Lợi danh lạnh với trận mưa đêm

Hoa tàn mưa tạnh non im vắng

Xuân cõi còn nguyên một tiếng chim”.

Bước vào chánh điện, giữa không gian bao la, rộng lớn chỉ thấy mỗi một bức tượng Phật Thích Ca tay cầm cành sen đưa lên mỉm cười. Ngày mồng 8 tháng 4 năm Quý Dậu (ngày 28.5.1993), thiền viện Trúc Lâm được chính thức kiến tạo trên một quả đồi khá đẹp có tên là Phụng Hoàng, đối diện với hồ Tuyền Lâm. Sau một năm xây dựng khẩn trương, bằng sự ủng hộ của Phật tử thập phương, ngày mồng 8 tháng 2 năm Giáp Tuất (19.2.1994), thiền viện Trúc Lâm được khánh thành và đi vào hoạt động trong một khuôn viên rộng 24,5ha với ba khu vực riêng biệt. Ngoại viện dành cho du khách, 2 nội viện dành cho tăng và ni có phân chia ranh giới rõ ràng. Bản phác thảo thiết kế đầu tiên là của kiến trúc sư nổi tiếng Ngô Viết Thụ.

Hòa thượng Thích Thanh Từ, viện trưởng đầu tiên của thiền viện, năm nay đã ngoài 70 tuổi, vốn là người “*bác cổ thông kim*” đã từng đi nhiều nơi để sưu tầm tài liệu, đến từng Phật tích, đọc từng văn bia, kiểm chứng và dịch giảng những pho tư liệu quý của Thiền học Phật giáo. Hiện nay, ngoài một số thiền viện nhỏ như : Linh Chiếu, Thường Chiếu, Viên Chiếu (ở Long Thành), Chân Không, Huệ Chiếu, Tịnh Chiếu (ở Bà Rịa - Vũng Tàu), Tuệ Quang (ở Thành phố Hồ Chí Minh), thì thiền viện Trúc Lâm được xem là nơi tu thiền lớn nhất Việt Nam với ý nguyện khôi phục thiền tông thời Trần. Đây cũng là nơi mà các nhà nghiên cứu về thiền trong và ngoài nước đã không ít lần đến để nghiên cứu, học tập.

Hiện thiền viện Trúc Lâm có 120 tăng ni và cũng là nơi “tập tu” của các cư sĩ Phật giáo trong cả nước. Hằng ngày, các vị tu sĩ ở đây thức dậy từ 3 giờ sáng và phải ngồi thiền 3 thời trong 1 ngày (1 thời = 2 giờ). Sau đó sám hối “Lục căn” (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) theo *Khóa hư lục* do vua Trần Nhân Tông biên soạn.

Quan điểm triết học của thiền viện Trúc Lâm là: “Phản quan tự kỷ bốn nhân sự, bất tùng tha đắc” có nghĩa là: “Trở về soi rọi chính

minh là phận sự gốc, không thể theo bên ngoài để mà được". Điều đáng lưu ý: Ở đây không tụng kinh bằng tiếng Phạn hay tiếng Hán mà lại tụng kinh bằng tiếng Việt để cho mọi người cùng hiểu. Đồng thời, thiền viện Trúc Lâm không có chủ trương theo nghi lễ cúng tế hoặc đi tụng kinh đám ma, xin xăm, bói quẻ như một số chùa khác mà chỉ tập trung rèn dạy tu sĩ và Phật tử phải thiền định để tự sửa mình, tránh đi những việc ác nhằm củng cố đạo pháp, làm sao cho "tốt đời đẹp đạo". Các tăng ni muốn trở thành tu sĩ của thiền viện Trúc Lâm không phải là chuyện giản đơn. Họ phải tốt nghiệp ít nhất là lớp 12 và phải học qua trường cơ bản Phật học hoặc ít nhất có 3 năm "tập tu" ở các chùa và được sự tuyển chọn của viện trưởng. Tuổi đời của họ được giới hạn từ 18 đến 55. Sau 2 năm "tập tu" tại thiền viện mới được "nhập thất" tọa thiền từ 49 ngày đến 90 ngày trong một căn phòng rộng 9m².

Trước vẻ đẹp thơ mộng và kỳ ảo của thắng cảnh này, năm 1998, các chuyên gia của Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương đã hình thành quy hoạch chi tiết khu du lịch hồ Tuyền Lâm Đà Lạt.

Khu du lịch hồ Tuyền Lâm hiện đang do Công ty Du lịch tỉnh Lâm Đồng quản lý và khai thác, với tổng diện tích sử dụng là 1.400ha. Thắng cảnh này đã được Nhà nước xếp hạng vào năm 1998.

• HỒ ĐA THIỆN - THUNG LŨNG TÌNH YÊU

Từ trung tâm thành phố đi về hướng ngã 5 đại học, rồi theo đường Phù Đổng Thiên Vương, du khách sẽ gặp một thắng cảnh tuyệt đẹp. Đó là hồ Đa Thiện - Thung lũng Tình yêu (Vallée d'Amour).

Năm 1972, hồ Đa Thiện rộng 6ha được hình thành sau khi một đập nước được xây dựng chặn một dòng suối để giữ nước phục vụ

sản xuất và tạo nên một thắng cảnh thơ mộng.

Đập nước này được gọi là đập III Đa Thiện. Trước đó, ở Đa Thiện đã xây dựng 2 đập nước khác nhỏ hơn dùng cho trồng rau.

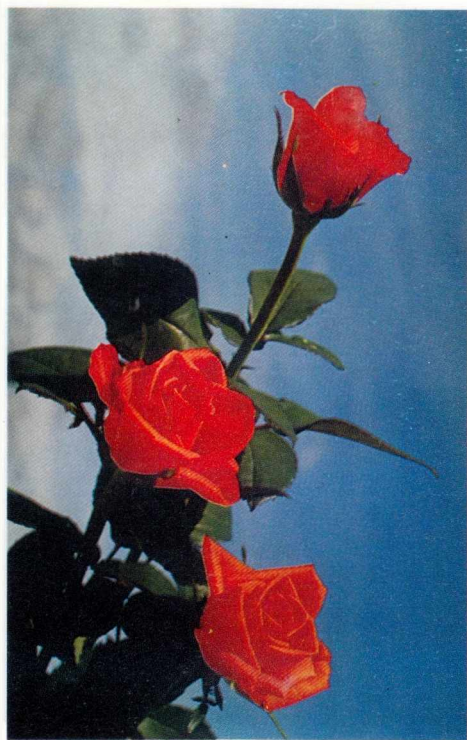
Thung lũng Tình yêu được giải thích theo hai cách :

1. Trong nửa đầu thế kỷ XX, thung lũng gần Biệt điện Bảo Đại (Dinh III) được gọi là Vallée d'Amour (Thung lũng Tình yêu). Sinh viên Viện Đại học Đà Lạt nhận thấy thung lũng ở đập III Đa Thiện là nơi hẹn hò lý tưởng của thanh niên nên cũng đặt tên là Thung lũng Tình yêu.

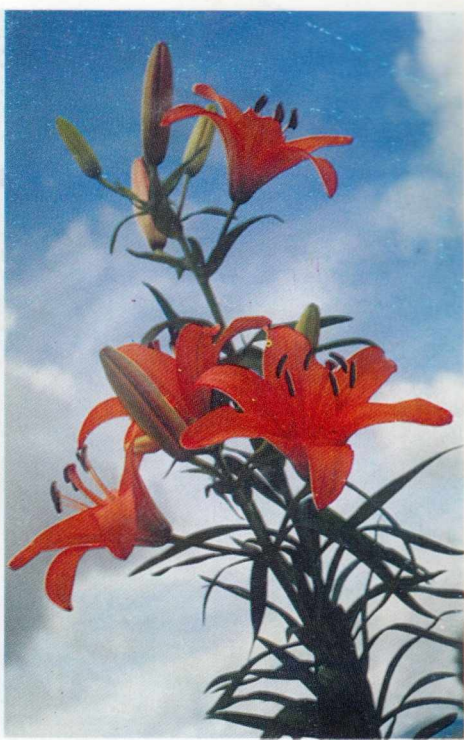
2. Hướng đạo sinh thường cắm trại ở thung lũng Đa Thiện và đặt tên Thung lũng Tình yêu với ý nghĩa tình yêu thiên nhiên, đất nước.

Từ trên đồi cao nhìn xuống, Thung lũng Tình yêu và hồ Đa Thiện tựa như một bức tranh thủy mặc. Xa xa đỉnh Lang Bian ẩn hiện trong sương mù. Mặt hồ phẳng lặng, thấp thoáng những chiếc buồm nhỏ xinh với nhiều màu sắc rực rỡ. Hồ nước uốn lượn qua những quả đồi nối tiếp nhau, rợp bóng thông mát rượi. Những thung lũng với cỏ xanh mềm cùng con đường đất đỏ uốn lượn ôm gọn lấy lòng hồ và len giữa ngàn thông cây lá.

Sau năm 1975, Thung lũng Tình yêu được giao cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Đà Lạt khai thác và kinh doanh du lịch. Từ một thắng cảnh hoang sơ ban đầu, thời gian qua, các bạn trẻ ở đây đã có nhiều cố gắng để tôn tạo cho "thiên đường tình ái" này thêm sinh động. Vườn hoa, cây cảnh, đội canô đưa du khách đi dạo trên hồ, đồng thời xây tượng đôi uyên ương, nhà giải khát, các kiosque bán quà lưu niệm. Mặc dù tất cả hãy còn đơn giản, song với vẻ quyến rũ của hồ Đa Thiện - Thung lũng Tình yêu vào những ngày đẹp trời hay các dịp lễ tết, khách du lịch thập phương vẫn nườm nượp kéo về nơi đây nhằm tận hưởng những giây



Hồng Luân Vũ



Ly Hồng Hoàng



Thủy Tiên



Mimosa



Sầu riêng



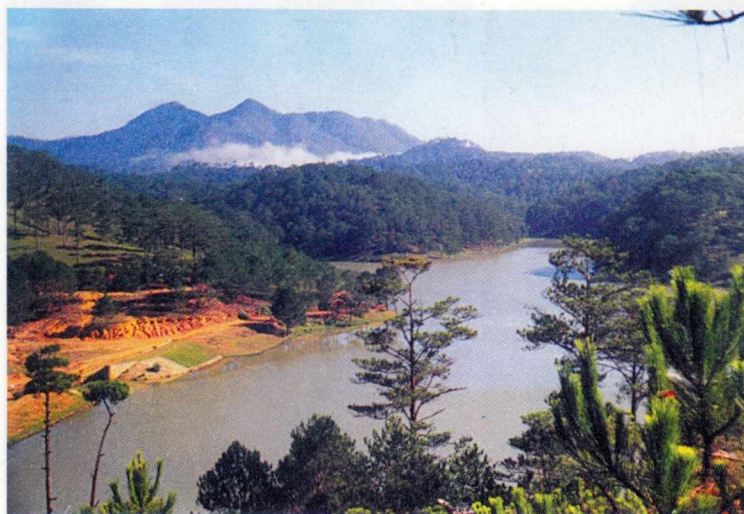
Dâu tằm



Bơ



Dâu Tây



Thung lũng
Tình yêu



Đồi Cù



Hồ Than Thở



Thác Prenn



Thác Đatanla



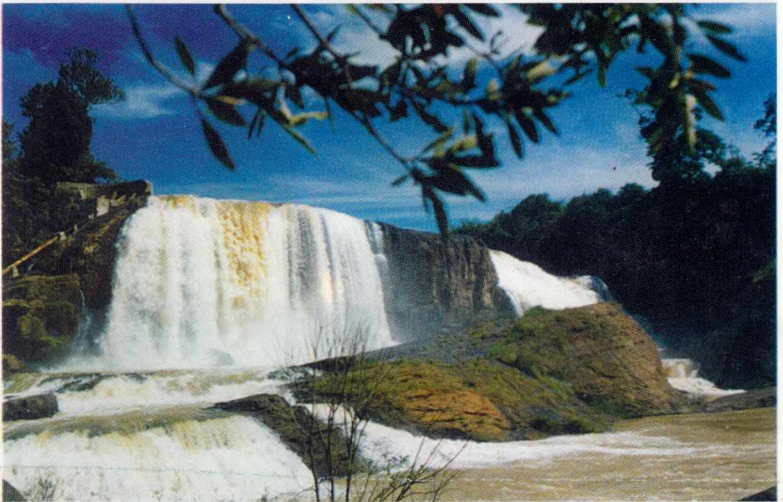
Rừng thông Đà Lạt



Hồ Xuân Hương



Thác Cam Ly



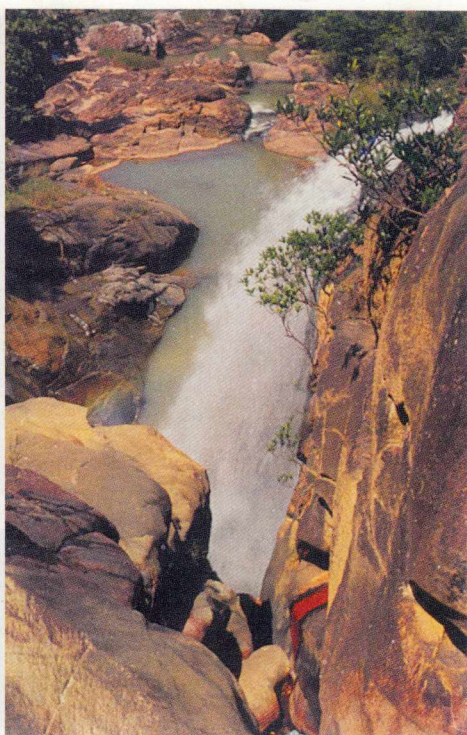
Thác Gougah



Thác Pongour



Thác Hang Cọp



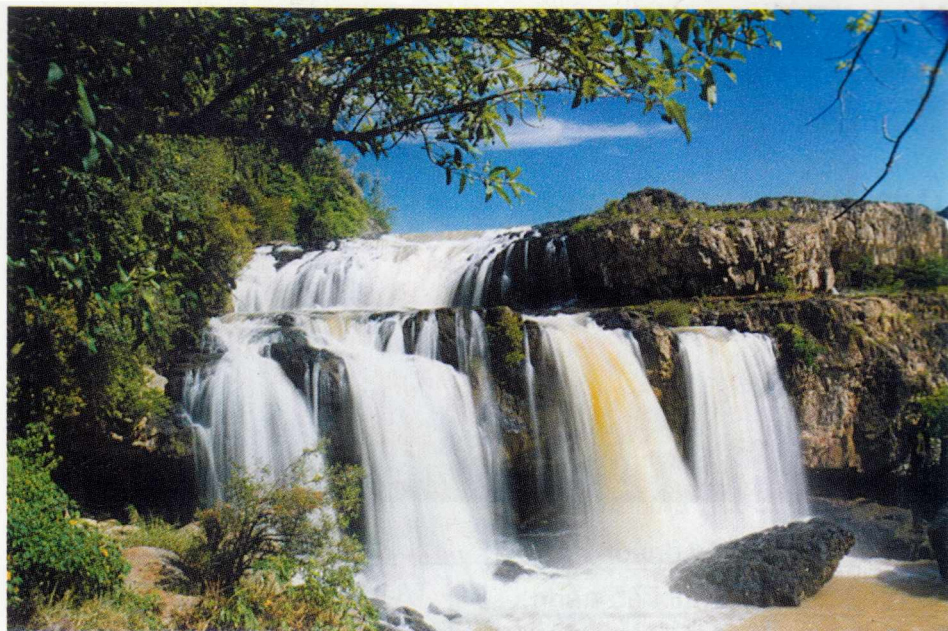
Thác Angcoret



Thác Đamb'ri



Thác Vọng



Thác Liên Khương



Thác Voi



Atisô



Vườn hồng



Vườn rau Đà Lạt

CÔNG TY KINH DOANH & PHÁT TRIỂN NHÀ LÂM ĐỒNG



Trụ sở cơ quan

ĐỊA CHỈ : 21 TRẦN PHÚ - ĐÀ LẠT

Giám đốc : ÔNG CHẾ ANH

ĐT : (063) 822885 - 822296 - 821659

FAX : 063.821433

- Nhiều năm qua công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả với giá trị sản lượng hàng năm ngày một cao. Nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước. Người lao động có công ăn việc làm ổn định, đảm bảo thu nhập và nâng cao đời sống về vật chất và tinh thần.
- Đảng bộ nhiều năm liền phấn đấu đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Công đoàn công ty cũng phấn đấu nhiều năm liền đạt vững mạnh.

Doanh nghiệp năm 1999 được UBND tỉnh tặng cờ đơn vị thi đua xuất sắc.

**Doanh nghiệp nhà nước hạng I:
là một trong 7 doanh nghiệp
trọng điểm của tỉnh.**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CHÍNH:

- Kinh doanh, cho thuê nhà ở, nhà làm việc và bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước.
- Liên doanh với các tổ chức, cá nhân để kinh doanh địa ốc.
- Nhận quy hoạch, thiết kế, thầu thi công xây lắp các công trình: công nghiệp, dân dụng và trang trí nội thất.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống.
- Công ty có một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và lực lượng công nhân có tay nghề bậc cao đông đảo.



Giảng đường lớn Đại học Đà Lạt (A 27)
Công trình được gắn liền Chất lượng cao do Công
ty Kinh doanh và Phát triển Nhà thi công.

BẠN ĐỒNG HÀNH TIN CẬY CỦA MỌI DOANH NGHIỆP
The most reliable partner of all businesses

Cộng đồng hóa rủi ro - Giải pháp an toàn cho chính bạn!

Commonly undergone risk - Personal safety solution for yourself!



BẢO MINH

CÔNG TY BẢO HIỂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH CITY INSURANCE COMPANY

BẢO MINH LÂM ĐỒNG

ĐC (Add): 16 Nguyễn Văn Cừ, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng

ĐT (Tel): 84.63. 820380 - Fax: 84.63. 820565

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LÂM ĐỒNG



HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH VỚI CÁC DỊCH VỤ SAU :

- Nhận tiền gửi nội tệ, ngoại tệ có kỳ hạn và không kỳ hạn của các tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước, hình thức gửi tiền phong phú và đa dạng, lãi suất hợp lý.
- Cung ứng vốn nhanh, đáp ứng cho các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, kinh doanh tổng hợp, phát triển kỹ thuật với hình thức tín dụng ngắn hạn, trung hạn cho mọi thành phần kinh tế. Cho vay vốn trả góp, tiêu dùng.
- Thực hiện thanh toán nội địa. Đặc biệt chuyển tiền nhanh qua mạng vi tính; Thanh toán quốc tế qua mạng SWIFT.
- Tiếp nhận vốn tài trợ, ủy thác của các tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước.
- Kinh doanh ngoại tệ : Mua bán, chi trả kiều hối cho các cá nhân có thân nhân ở nước ngoài gửi tiền về nước qua các công ty : VINA-USA, TRANSAIGON, WESTERN UNION, VIETCOMBANK, VINAFA.
- Thực hiện thanh toán thẻ điện tử, Mastercard.

Chúng tôi có mạng lưới các Chi nhánh trực thuộc trong tỉnh được tiếp nối với hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn toàn quốc. Chúng tôi có hệ thống phương tiện kỹ thuật tiên tiến với đội ngũ cán bộ công nhân viên có đủ năng lực, trình độ với tinh thần phục vụ nhiệt tình, chu đáo đáp ứng được yêu cầu trên lĩnh vực Ngân hàng cho quý khách.

**HÃY ĐẾN VỚI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH LÂM ĐỒNG VÌ SỰ THÀNH ĐẠT CỦA QUÝ KHÁCH,
CHÚNG TÔI XIN SẴN SÀNG PHỤC VỤ**

Mọi chi tiết xin liên hệ tại :

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LÂM ĐỒNG

Số 21 B Trần Phú - Đà Lạt và các Chi nhánh trực thuộc trên toàn tỉnh

Điện thoại : (063) 822689 - 828364 - 828346 - Fax : (063) 821059

BƯU ĐIỆN LÂM ĐỒNG GIỚI THIỆU DỊCH VỤ

ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG TRẢ TIỀN TRƯỚC

(VINACARD) *trong tầm tay*
Tiện lợi – Kinh tế

Không hợp đồng thuê bao.

Không cước hòa mạng.

Không cước thuê bao tháng.

Không hóa đơn cước hàng tháng.

Chỉ trả cước theo từng cuộc gọi đi.

Kiểm soát được chi phí.

Đặc biệt có dịch vụ nhắn tin tự động miễn phí và phủ sóng toàn quốc.

Địa chỉ liên hệ :

Các cơ sở bưu điện trong toàn tỉnh.

Đặc biệt :

Tại Đà Lạt, phục vụ tại nhà miễn phí,
liên hệ các số máy 822586 – 821005 ;
nhắn tin 107 – 630002 – 631631

**RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ
QUÝ KHÁCH**



CÔNG TY CẤP NƯỚC LÂM ĐỒNG



Khu xử lý nước

*Doanh nghiệp Công
ích thành lập theo
Quyết định 1269/1998
QĐ-UB-TC ngày 18/5/
1998 của UBND tỉnh
Lâm Đồng.*

Chức năng :

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh học.
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế
- Xây lắp các công trình cấp thoát nước.

Quý khách có nhu cầu xin liên hệ :

Số 3 - Đinh Tiên Hoàng - Đà Lạt

Điện thoại : (063) 821831 - 822457 - Fax : (063) 824050

Hoặc các Nhà máy Cấp nước :

Đức Trọng - Lâm Hà - Di Linh - Bảo Lộc

Hân hạnh phục vụ Quý khách



Nhà máy nước hồ DANKIA - SUỐI VÀNG



Hội sở CN Ngân hàng
Đầu tư & Phát triển
Lâm Đồng



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH TỈNH LÂM ĐỒNG

BANK FOR INVESTMENT & DEVELOPMENT OF VIETNAM - LAM DONG BRANCH

**HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH
VỚI CÁC DỊCH VỤ SAU :**

1. Huy động tiền gửi bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của các tổ chức kinh tế và dân cư dưới các hình thức không kỳ hạn với lãi suất hấp dẫn.
2. Thực hiện nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với mọi thành phần kinh tế bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.
3. Cho vay các dự án tài chính nông thôn thuộc nguồn vốn quỹ phát triển nông thôn (RDF) với lãi suất ưu đãi.
4. Cho vay tài trợ xuất nhập khẩu trong các lĩnh vực thu mua, chế biến cà phê, chè, điều và rau quả xuất khẩu.....
5. Thực hiện các loại nghiệp vụ bảo lãnh dự thầu, thực hiện hợp đồng thi công xây lắp, cho vay đồng tài trợ các dự án có quy mô lớn.
6. Thực hiện dịch vụ mua bán, thu đổi ngoại tệ và thanh toán nhanh qua mạng vi tính trên toàn quốc.
7. Kinh doanh khách sạn với hệ thống phòng ngủ trang bị hiện đại, đầy đủ tiện nghi và đội ngũ tiếp viên ân cần, lịch sự.

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ TẠI :

HỘI SỞ CHÍNH :

**ĐỊA CHỈ : SỐ 30 TRẦN PHÚ - TP.ĐÀ LẠT -
LÂM ĐỒNG**

DIỆN THOẠI : (063) 821608 - 823992

FAX : 063.821152

CHI NHÁNH TRỰC THUỘC :

1. CHI NHÁNH BẢO LỘC

**ĐỊA CHỈ : SỐ 52 LÊ THỊ PHA - BẢO LỘC -
LÂM ĐỒNG**

DIỆN THOẠI : (063) 864830

2. PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1

**ĐỊA CHỈ : SỐ 42 KHU HÒA BÌNH
TP. ĐÀ LẠT - LÂM ĐỒNG**

DIỆN THOẠI : (063) 822490



Văn phòng giao dịch

**HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA
KHÁCH HÀNG LÀ MỤC TIÊU
HOẠT ĐỘNG CỦA BIDV LÂM ĐỒNG**

CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2

ĐIỆN LỰC LÂM ĐỒNG

Trụ sở : Số 2 - Hùng Vương – Thành phố Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại : (063) 821255 - 822109 - 822398 – Fax : 063.826772



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CHÍNH :

- Sản xuất điện.
- Quản lý vận hành, sửa chữa, bảo trì đường dây và trạm biến áp tới 110 KV.

Phân phối, kinh doanh điện năng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT KHÁC :

- Thiết kế, thi công đường dây và trạm biến áp tới 110KV.

- Sửa chữa máy biến thế từ 35 KV trở xuống.

NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC :

- Năm 1975 mới có 9 xã có điện, đến nay 78/ 106 xã và 11/11 huyện thị, thành phố trong toàn tỉnh có điện lưới quốc gia. Năm 2000 vượt chỉ tiêu 80 % xã có điện theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Tỉnh Đảng bộ Lâm Đồng.
- Điện thương phẩm tăng bình quân hàng năm 20 %. Dự kiến năm 2000 đạt 200 triệu KWh thương phẩm. Tổng doanh thu 120 tỷ đồng.
- Nhà máy Thủy điện Suối Vàng với công suất lắp đặt ban đầu 600 KW năm 1945, đến nay vẫn duy trì hoạt động và phát triển mở rộng với công suất lắp đặt 4400 KW. Sản xuất điện dự kiến đạt 20 triệu KWh trong năm 2000.
- Triển khai dự án hiện đại hóa lưới điện thành phố Đà Lạt từ nguồn vốn ADB trong giai đoạn 2000 – 2002.
- Đã được tặng thưởng 1 Huân Chương Lao Động hạng II, 2 Huân Chương Lao Động hạng III và nhiều bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Công nghiệp, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam...

*Mục tiêu của chúng tôi chào mừng thiên niên kỷ mới là
“Bảo đảm chất lượng điện năng, ngày càng nâng cao ý thức
trách nhiệm phục vụ khách hàng”.*

HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÍ KHÁCH HÀNG

BẢO HIỂM XÃ HỘI LÂM ĐỒNG

ĐỊA CHỈ : 23 HUỖNG THỨC KHÁNG - TP. ĐÀ LẠT
ĐIỆN THOẠI : (063) 827558



***Đóng Bảo hiểm Xã hội hôm nay
là bảo đảm cho cuộc sống của bạn
ngày mai.***

phút sáng khoái khi con người hòa nhập với thiên nhiên. Nếu như năm 1991 chỉ có 132.044 lượt du khách đến tham quan Thung lũng Tình yêu - hồ Đa Thiện thì trong năm 1997, đã tăng lên 219.831 lượt người. Doanh thu của khu du lịch cũng đã tăng vọt từ 6,97 tỷ (năm 1991) lên 41,2 tỷ đồng (năm 1997).

Năm 1998, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin đã ký quyết định công nhận hồ Đa Thiện - Thung lũng Tình yêu là thắng cảnh cấp quốc gia. Cũng trong thời gian này dự án tôn tạo và phát triển khu vực thắng cảnh này đã được thiết lập.

• HỒ SUỐI VÀNG - ĐANKIA

Nhiều du khách cho rằng, khi đến thăm thành phố Cao nguyên mà chưa đến được hồ Suối Vàng - Đankia thì xem như chưa đến Đà Lạt. Thật vậy, chỉ cần vượt qua đoạn đường gập ghềnh dài chừng 12km về hướng Bắc, du khách sẽ đến được Đankia - Suối Vàng - nơi mà cách đây 105 năm bác sĩ A.Yersin đã từng phải say đắm trước vẻ đẹp thơ mộng đến kỳ lạ của thiên nhiên để rồi sau đó nảy sinh ý định đề nghị với Toàn quyền Doumer chọn Cao nguyên Lang Bian để xây dựng thành phố nghỉ dưỡng.

Đứng ở hồ Suối Vàng, du khách có thể nhìn thấy thấp thoáng xa xa những rừng thông non mơn mớn nổi rõ trên những quả đồi nối tiếp nhau chạy tít tắp đến tận chân trời. Trên cao là 2 ngọn núi Lang Bian duyên dáng và xinh xắn tựa như bộ ngực căng đầy nhựa sống của một thiếu nữ đang độ xuân thì. Phía dưới, dòng suối chảy lững lờ, uốn lượn qua những quả đồi thoải thoải. Thật là một khung cảnh sơn thủy hữu tình không thua gì tranh thủy mặc.

Cái tên Suối Vàng có tự bao giờ và do ai đặt cho đến nay vẫn chưa ai biết. Chỉ có truyền thuyết cho rằng lúc trước tại dòng suối

này có rất nhiều vàng sa khoáng lẫn trong cát và người ta đã đãi được nên đặt cho nó cái tên: Suối Vàng.

Hồ Suối Vàng gồm 2 hồ là Đankia ở trên và Ankroët ở dưới. Bên cạnh đó là một thác nước trắng xóa gầm réo suốt ngày đêm cũng mang tên Ankroët. Hồ Suối Vàng được tạo bởi 2 đập ngăn dòng chảy của sông Đa Đồng, phát nguyên từ núi Lang Bian. Thác Ankroët được Toàn quyền Decoux chọn làm nơi xây dựng nhà máy thủy điện đầu tiên của Đà Lạt vào năm 1942.

Hồ Suối Vàng có sức chứa khoảng 21 triệu mét khối nước. Ngoài việc cung ứng nước sinh hoạt cho nhân dân Đà Lạt, hồ Suối Vàng còn được dùng để chạy máy phát điện của Nhà máy thủy điện Ankroët với công suất thiết kế 3.100kW/h. Đây cũng là nơi lắp đặt nhà máy nước hiện đại do Đan Mạch giúp Đà Lạt xây dựng sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Mùa xuân năm 1996, dự án xây dựng khu du lịch Đankia - Suối Vàng lớn nhất nước, trị giá trên 700 triệu USD do Singapore đầu tư đã được Nhà nước cấp giấy phép đầu tư.

• THÁC PRENN

Thác Prenn nằm dưới chân đèo Prenn - cửa ngõ vào thành phố, trên đường quốc lộ 20 từ Sài Gòn về Đà Lạt. Theo lý giải của các nhà nghiên cứu dân tộc học, Prenn là tiếng Chăm (Chàm) có ý nghĩa xa xưa là "vùng lấn chiếm". Một số dân tộc ít người ở Đà Lạt - Lâm Đồng trước đây thường gọi người Chăm là Prenn.

Liên hệ với vương quốc Chăm thế kỷ 17 triều đại Pôrômê (1625 - 1651) và theo lịch sử Chăm thì vào lúc ấy, Pôrômê đã xây dựng một vương triều hùng mạnh về quân sự. Khác với K'Loong Giarai mở

rộng vương quốc với chính sách xâm lược đất đai, bằng cách đào kênh, khơi suối phía Tây Panduranga (Phan Rang), Pôrômê áp dụng biện pháp quân sự lấn chiếm các miền đất lân cận, trong đó có vùng Đà Lạt - Lâm Đồng. Cuộc chiến tranh này khá dai dẳng và ngọn núi Prenn là ranh giới chiến trường xâm lăng và bảo vệ lãnh thổ : Từ chân dãy Prenn đến Đơn Dương (Dran) là miền đất mà người Chăm chiếm cứ. (Đến nay vẫn còn rải rác một số di tích Chăm). Một số tên làng ở Đơn Dương, Đức Trọng ngày nay sở dĩ mang tên Chăm cũng do sự kiện trên (làng KờLong, N'Thôn Hạ...). Tuy nhiên, từ chân núi Prenn trở lên Đà Lạt thì các tộc người K'ho, Lạch đã chiến đấu dũng cảm nên vẫn giữ được buôn làng của mình. Và, thác Prenn - một con thác xinh đẹp cách Đà Lạt hơn 10km được đặt tên từ đó.

Theo một số cụ già người Lạch, phía trên thác Prenn ngày xưa có một buôn đồng bào dân tộc ít người gọi là buôn Preen và thác Prenn gọi là Liêng Preen.

Đứng dưới chân thác nhìn lên thác Prenn cao khoảng 6m, nước từ trên cao đổ xuống như một bức màn kết bằng ngọc lỏng lánh. Thành thác là những tảng đá lớn, vững chắc. Ngay sau màn nước lỏng lánh ấy, dưới vòng đá có chiếc cầu gỗ bắc ngang du khách có thể đi qua cầu và nghe thác đổ trên đầu tưởng chừng như mình đang lạc vào một thủy động tuyệt diệu nào đó.

Nếu đi từ đường quốc lộ vào thác, du khách sẽ phải qua một cầu ngắn có tay vịn, đường đi xuống thác quanh co, gập ghềnh đẹp tựa tranh. Quanh thác là những khu rừng thoáng đãng, tiếng thông reo hòa với tiếng thác đổ tạo thành một khúc nhạc hùng tráng, du dương.

Trước năm 1963, Prenn có thảo cầm viên với đầy đủ các loài mãnh thú, chim muông, hoa cỏ. Thác Prenn có một thời được dùng làm nơi nghỉ chân của vợ chồng "cố vấn" Ngô Đình Nhu trong các

chuyến đi săn. Từ sau năm 1968, thác Prenn vẫn đổ, vẫn gầm thét trong mùa mưa lũ như tiếng gọi xa xăm của chúa sơn lâm, nhưng du khách thì thưa thớt. Đó là thời kỳ nhân dân thành phố đang trong cuộc chiến tranh ác liệt. Thỉnh thoảng ở đây cũng có những cuộc picnic, những cuộc họp kín của học sinh, sinh viên dưới dạng chơi núi, ngoạn cảnh hoặc của khách các tỉnh khác đến Đà Lạt để thưởng thức thắng cảnh Đà thành. Rồi có dư luận : voi, cọp đã thoát được xiềng xích về rừng ! (nguồn tin do nhóm AT4 tại Đà Lạt phổ biến rộng rãi, nhờ đó chính quyền lúc bấy giờ cũng ít rình mò). Những người yếu bóng vía nghe tin cọp sống chuồng rình rập quanh đèo Prenn thì không còn dám đi thăm cảnh đẹp này nữa. Đó cũng là điều kiện để cho lực lượng cách mạng lấy nơi đây làm một trong những địa điểm liên lạc.

Năm 1978, Prenn được giao về cho Công ty Du lịch Lâm Đồng quản lý và từng bước chỉnh trang. Một cửa hàng giải khát được xây cất ngay bên đường, trước ngõ vào thác. Những con đường, vườn hoa dần dần có người chăm sóc. Trong những ngày lễ, tết, thác Prenn lại rộn rịp đón khách du lịch khắp bốn phương.

Mùa đông năm 1990, Prenn được giao cho Công ty Phát triển Vũng Tàu - Côn Đảo lên đầu tư tôn tạo. Những vườn hoa, cây cảnh được sửa sang, trồng mới... tạo cho thiên nhiên ở đây thêm phần thơ mộng. Những năm gần đây, thắng cảnh thác Prenn lại được bàn giao lại cho Công ty Du lịch Lâm Đồng đầu tư khai thác tiếp tục cho đến ngày hôm nay. Thác Prenn được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng từ năm 1998.

• THÁC ĐATANLA

Thác Đatanla (Datanla) nằm ở gần giữa đèo Prenn, cách Đà Lạt 5km. Trước đây từ đường quốc lộ xuống chân thác, du khách

phải qua một con dốc dài khoảng 300m thẳng đứng theo lối mòn. Du khách nào không quen leo núi sẽ rất lo sợ và khó lòng xuống thăm được thác, còn những ai có chí mạo hiểm sẽ vô cùng thích thú khi nhảy qua những tảng đá, lách mình qua những lùm cây, bắt chợt gặp các chú sóc, chú chồn lơ lảo nhìn mình. Năm 1990, thác Đatanla được giao cho Ủy ban Nhân dân phường 3 quản lý và khai thác. Hiện nay, thác Đatanla được giao cho Công ty Dịch vụ Du lịch Đà Lạt quản lý và khai thác. Lúc đầu chính quyền địa phương cho sửa chữa lại đường mòn thành những bậc cấp cho dễ đi. Sau đó, thấy khách du lịch khá đông, không có nơi để xe nên mới cho dời cổng xuống thác lên phía trên (cách cổng cũ 500m) và cho làm lại bậc tam cấp để đi xuống thác được dễ dàng hơn, đồng thời tạo một mặt bằng phù hợp làm bãi đậu xe cho du khách.

Đatanla được hình thành từ các từ K'ho ghép lại mà thành: Đa - Tầm - N'Ha, có nghĩa là "nước dưới lá". Do vậy có người đọc trại ra là Đatanla. Dòng suối chảy qua Đatanla có liên hệ đến cuộc chiến tranh Chăm, Lạch, Chil và lịch sử Đà Lạt. Nhờ có nước, người Lạch đã chiến đấu và "trụ" được ở Prenn trong khi người Chăm không biết "dưới lá có nước" nên đành phải rút lui, sau một thời gian đánh nhau với người Lạch tại đèo Prenn. Từ đó, Đatanla là nguồn sức mạnh của các tộc người bản địa Đà Lạt. Đatanla đi vào truyền thuyết, lịch sử quê hương và truyền thống độc lập của người Đà Lạt.

Truyền thuyết của người Lạch, người Chil kể rằng: Ngày xưa Đatanla là nơi dừng sĩ Lang của bộ tộc Lạch đã đánh thắng 2 con rắn tinh, 7 chó sói cứu Bian và lũ làng người Chil thoát nạn. Từ đó Bian đem lòng yêu Lang dù khác bộ tộc. Hai người thường hẹn hò gặp nhau ở dòng thác Đatanla vào những đêm sáng để tâm tình. Sau đó, đôi tình nhân này quyết định đi đến cái chết bên nhau để phản đối lại luật tục khắt khe của bộ tộc không cho phép họ lấy nhau làm thức tỉnh ông K'Zênh, cha của nàng Bian dẫn đến sự đoàn kết, thống nhất của các bộ tộc Lạch, Chil, Srê trên Cao nguyên

Lang Bian, và từ đó núi rừng hoang sơ bắt đầu có sử.

Cảnh vật thác Đatanla buổi đầu thật hoang dã và hấp dẫn kỳ lạ. Từ trên ghềnh cao, nước tuôn xuống tạo thành dòng suối trắng xóa, len lỏi giữa các tảng đá rồi mất hút vào rừng sâu. Tương truyền những tảng đá bóng nhẵn, rất đẹp và bằng phẳng là nơi ngày xưa các nàng tiên nữ ở thượng giới hay xuống tắm mát ở suối này nên đặt tên cho suối là: Suối Tiên. Ngày ấy, đất trời gần gũi, người và tiên dễ gặp nhau hơn. Nhưng rồi không rõ vì đâu những nàng tiên đi biệt, để lại nỗi nhớ khôn nguôi cho con người. Trần gian nhớ tiên, song chỉ còn nghe thấy tiếng róc rách suối chảy, khiến nhà thơ Huy Cận phải thốt lên khi đặt chân đến nơi này:

“Từ thuở tiên về sâu chẳng nhỏ.

Trần gian thôi nhớ chuyện trên trời”

Thác Đatanla cũng là một trong những thắng cảnh của Đà Lạt đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng vào năm 1998.

• THÁC CAM LY

Cam Ly là tên của một thác nước nhỏ, cách trung tâm Đà Lạt 2km về phía Tây và cũng là tên một dòng suối nhỏ chảy qua hồ Xuân Hương đến thác nước rồi đổ vào sông Đa Đa.

Có người hiểu Cam Ly có gốc là tiếng Hán Việt : Cam: ngọt; Ly: thấm vào. Từ đó, Cam Ly là biểu tượng của một dòng suối có nước mát ngọt thấm vào lòng du khách.

“Đà Lạt có thác Cam Ly

Người ơi, người ơi, người đi sao đành”

Chính vì tên Cam Ly đẹp và lôi cuốn như vậy nên Cunhac trong một bài viết của mình đã lầm tưởng là tên người đặt. Ông viết:

"L'aspect primitif ne s'est guère modifié jusqu'à ces dernières années. À la place du lac coulait le petit ruisseau de la tribu des Lat et qu'on appelait "Dalat" (da ou dak: eau en moi) et auquel pour une raison que je n'explique guère, on a substitué le nom annamite de Camly" ()*

Bài hát "Đà Lạt hoàng hôn" đã in sâu vào tiềm thức của nhiều du khách với điệp khúc: "Đà Lạt ơi ! có nghe chăng, Cam Ly khóc tình đầu dang dở..."

Tuy nhiên, ghi nhận nhiều huyền thoại, truyền thuyết về thác Cam Ly qua các già làng và các trí thức người dân tộc tại 2 xã Tà Nung (Đà Lạt) và xã Lát (Lạc Dương), chúng tôi chọn bản kể của 2 ông Rơ Ông Ha Ban và Chil Long như sau(**):

"Thuở ấy chưa xa mấy, chừng gần 100 năm trở lại đây, cả vùng đất Đà Lạt này thuộc đất "ông bà" của các dân tộc người Mạ, K'ho - Lạch, K'ho - Chil gồm các buôn: Đưng, Danja, Ankrốt, Păngtiêng, Yagút, mà các dấu tích xưa hiện còn như: phần mộ, ché, chiêng, nền nhà... của buôn Đưng ở sân bay Cam Ly, buôn Yagút ở đường Hoàng Diệu, Trần Bình Trọng, Lê Lai... giữa thành phố Đà Lạt.

Lúc đó, có 2 cha con *chau quang bông* - người đứng đầu buôn Yagút, tên là Yagút Hamon và Bonyu Đăm M'Ly. Một hôm Bonyu M'ly được cha cử dắt lũ làng đi đổi hàng tận dưới miền xuôi, anh ta rất đổi vui mừng vì chuyến đi này sẽ có muối, ăn trâu, uống rượu cần và nhận chức "chủ buôn" của ông già làng Yagút Hamon trao lại. Bonyu Đăm M'Ly cười nói suốt ngày và chọn cái áo, cái khố mới nhất của vợ vừa dệt còn thơm mùi bàn tay mặc vô người. Cái khăn cuốn trên đầu mang nhiều màu sắc rực rỡ có trang điểm mấy cái đuôi lông chim Bling rất xinh. Ai cũng khen, duy chỉ cái cằm của

(*) Baudrit : Naissance de DaLach, Indochine, N0180, 2/1944.

(**) Lâm Tuyên Tinh: Du Lịch Lâm Đồng - Đà Lạt, số 2/1986.

Bonyu Đăm M'Ly không có sợi râu nào. Đã là *"chau quang bông"* nay mai mà không có sợi râu nào thì trông buồn cười lắm, Bonyu Đăm M'Ly nghĩ ra cách hay: Lấy bộ râu con dê của làng buôn cúng Yàng hôm trước cắm vô cằm mình, vuốt vuốt mấy cái và khóat tay giục già đám con trai, con gái K'ho - Lạch lên đường.

Đến miền Ray Lay, người Pháp thấy người Lạch trên rừng xuống vội đến bắt tay trò chuyện. Lần đầu gặp người Pháp, ông già Yagút Hamon nói với con cháu mình:

- Ôi lũ làng ! Người ở đâu đến mà con mắt lơ dờ xanh lét ? Sao cái da mặt trắng bột, nhợt nhạt như người chết nước ?

Không ai biết trả lời đúng với ông già, Bonyu Đăm M'Ly vắt cái ống điều tre trên miệng ngậm, điều thuốc vắn bằng ngón tay cái của người Pháp mời và nói một hơi dài như hát:

"Bọn mình ở tận Lang Bian vút cao, quanh có trời, mây trắng bao phủ. Từ đó đến đây phải mất đi 7 sếp cơm". Bonyu Đăm M'Ly giơ cao cái ống sếp nhỏ đan bằng cỏi lát đựng cơm giới thiệu với người Pháp và nói tiếp: *"Nơi đây có rừng cây trắng, con suối trắng, con voi trắng, con cọp trắng, con nai trắng, con trâu trắng, con dê trắng, con gà trắng, con lươn trắng... Ô, cái gì cũng trắng, chúng mày lên chúng mày biết !"* Người Pháp nghe nhạc nhiên về muông thú lạ ở Lang Bian. Vì đang có ý muốn lên cao về phía Tây, nay gặp người trên ấy xuống đây, người Pháp mừng lắm vội hỏi đường lên và cảm ơn, hẹn ngày gặp lại tại Lang Bian.

Mua bán đổi chác xong, Yagút Hamon và Bonyu Đăm M'Ly dẫn lũ làng về. Làng buôn Yagút và các làng buôn khác được chia đều muối ăn. Nhiều cây nêu được trồng lên. Nhiều dãy nhà mới được dựng lại. Trẻ, già, trai, gái mặc váy và khố mới. Suốt bảy ngày, bảy đêm liền, người ta vui hát *"đốt lơn", "đốt cho", "sapu"* và *"nhôronăm"* (hát dân ca, ăn trâu và uống rượu cần).

Cuộc vui vừa tan, người Pháp đến. Người ngựa lên rừng, họ xi

xổ, xúc xạo tìm kiếm ngọn núi Lang Bian trắng, rừng cây trắng, con suối trắng, con voi trắng, con cạp trắng, con nai trắng, con trâu trắng, con dê trắng, con gà trắng, con chim trắng, con cá trắng, con lươn trắng... nhưng chẳng thấy cái gì trắng cả. Một mỗi, họ nghỉ ngơi và tắm nước. Họ lội hết suối Đankia sang suối Đà Lạt, gặp mấy người K'ho Lạt đang tắm nước, người Pháp hỏi về nhiều điều cần hỏi, nhưng mấy người K'ho Lạt chỉ lắc đầu "ơ ghít" (không biết). Một lúc sau, người Pháp vốc nước lên chỉ vô lòng bàn tay:

- Cái gì đây ?

- Đà - một người đáp

Người Pháp chỉ ngay người vừa trả lời, hỏi:

- Người gì ?

- Lạt - mọi người nói chung một tiếng.

- Đà Lạt? người Pháp hỏi lại.

Tất cả đều lắc đầu, một người già nhất nhắc lại, rất chậm:

- Đà Lạt.

- Đà Lạt - người Pháp nhại theo nhưng phát âm vẫn chưa đúng tiếng.

Giã từ suối Đà Lạt, người Pháp lần lên suối Sờa (Camly) và tìm hỏi những người đã nói về "những điều lạ", về vùng Lang Bian mới cách đây hơn một tuần lễ.

Người Pháp lục lọi hết dãy nhà này sang dãy nhà khác nhưng không thấy Bonyu Đăm M'Ly mà chỉ thấy ông già Yagút Hamon. Người Pháp lấy batoong gõ vô đầu ông Yagút Hamon hỏi:

- Người con có râu của ông già đâu ?

- Nó đi cái rầy hay ở đâu đó.

- Gọi ngay nó về, nếu không, người Pháp bắn ông.

- Hãy bắn tao, đừng bắn nó vì nó sắp thay tao làm Chau quang bông !

- Được, ông già muốn chết thay cũng được, nhưng phải gọi nó ra đây.

Thương cha, Bonyu Đăm M'Ly nhảy ra nói lớn:

- Tao đây, tao là Bonyu Đăm M'Ly đây. Chúng mày bắn đi !

-Ồ ! Không phải mày, mày đâu có râu như người bữa trước nói chuyện với người Pháp ở Ray Lay !

- Bữa trước tao đánh bộ râu dê, hôm nay tao không đánh bộ râu con dê, nên chúng mày không nhận ra tao đó !

Người Pháp cứ dữ sùng dọa bắn. Bonyu Đăm M'Ly rướn bộ ngực lên, mắt trừng trừng nhìn hòng sùng. Tất cả cánh tay người buôn làng Yagút giơ lên những lưỡi sà gạc lấp lánh nắng sớm. Người Pháp hạ súng xuống, rồi nói nhỏ với một ông quan người Việt. Một lát sau, người Pháp chuyển giọng nhẹ nhàng:

- Người Pháp với người Thượng là anh em. Người Pháp không nỡ bắn người anh em. Nhưng người anh em này lường gạt người Pháp. Trừng phạt nhẹ thôi, chỉ trói người anh em bên kia rừng có tổ kiến và mối kia. Nếu người anh em biết hàng phục, người Pháp sẽ cởi trói và cho ăn. Ai cho ăn và cởi trói cho Bonyu Đăm M'Ly là không tốt với người Pháp. Mai đây người Pháp sẽ khai hóa, mở mang vùng Lang Bian này thêm giàu đẹp.

Bonyu Đăm M'Ly cắn răng chịu đựng cơn đói cồn cào, kiến cắn nhức nhối vẫn không khai nửa lời, không hề kêu cứu, van xin và trừng trừng nhìn người Pháp với mấy mươi lính Việt đội nón nhỏ, có mang cái khố xanh bằng ánh mắt rục rịch.

Ngày nắng, đêm sương đã làm nhão mềm toàn thân Bonyu Đăm M'Ly. Cây rừng lay động mạnh. Bonyu Đăm M'Ly trúng gió chết.

Bất chấp những họng súng dài của mấy lính khố xanh và đã nhiều đêm thương con không ăn uống, bệnh già phát chứng, Yagút Hamon lết đến ôm xác Bonyu Đăm M'Ly k róc như hổ gằm, voi rống rồi giã chết.

Sáng hôm sau, người buôn Yagút kéo ra đông, đi suốt hai bờ suối Sra tìm kiếm Yagút Hamon và Bonyu Đăm M'Ly, nhưng không hề thấy xác. Mọi người dừng lại ở chỗ cây rừng có tổ kiến và u mỗi bông thấy hai mô đất đội lên như hai nấm mộ. Một người già trong buôn nói và khóc:

- Ô ! Đất ông già đã chôn lấp Mon - M'Ly đây rồi !

- Oi, Mon -M'Ly! Mọi người nói và khóc theo. Cây rừng im lặng cúi đầu. Nước suối Sra ngưng chảy. Từ đó có một số bà con các tộc người Mạ, K'ho Lạch, K'ho Chil... của vùng Đà Lạt nhiều lúc gọi Liêng Sra là Liêng Mon - M'Ly

Liêng Sra, Liêng Mon - M'Ly hay là thác Cam Ly là từ sự tích như thế."(*)

Qua bản kể của hai ông Rơ Ông Ha Ban và Chil Long cũng như một số bản kể khác, có thể suy đoán rằng: Cam Ly được Việt hóa thông qua quá trình biến đổi ngữ âm của người thiểu số từ Mon M'Ly, Đăm M'Ly thành Cam Ly.

Ngoài ra, cũng có một cách giải thích khác nữa về tên Cam Ly. Đó là thời đó, hai bên bờ suối Cam Ly và hồ Xuân Hương có đến 3 tộc người thiểu số cùng sinh sống hòa thuận bên nhau. Người Lạch chiếm thung lũng hồ Xuân Hương và vùng bờ Phan Bội Châu, chợ Đà Lạt ngày nay. Người Chil giữ một phía bờ suối và hồ là khu vực cầu Bá Hộ Chúc đến thác Cam Ly. Tộc người K'ho do ông K'Mly. Âm K'Mly đọc nhanh thành Kam Ly (Cam Ly) làm cho Cunhac

(*) Lâm Tuyển Tinh : Suối Cam Ly, Du lịch Lâm Đồng - Đà Lạt, số 2/1986.

tưởng là tên thuần Việt Nam.

Những năm gần đây, cảnh quan môi trường dọc suối và ngay tại thác Cam Ly chưa được gìn giữ và tôn tạo đúng mức nên đã làm cho dòng thác bị ô nhiễm nặng, nhất là về mùa nóng. Để khắc phục tình trạng này, đồng thời để bảo vệ tôn tạo một thắng cảnh đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng, chính quyền thành phố đã lập dự án xây dựng hồ lắng sinh học ở hạ lưu cuối Cam Ly để lọc nước trước khi cho đổ về thác với kinh phí đầu tư lên đến hàng chục tỷ đồng.

Hiện nay thác Cam Ly giao về cho Công ty Du lịch Lâm Đồng chứ không còn trực thuộc Ủy ban Nhân dân phường 5 như trước nữa.

• THÁC HANG CỌP

Từ khu trung tâm thành phố, theo đường Trần Hưng Đạo, qua đường Hùng Vương, chạy về Trại Mát, xã Xuân Thọ, rồi rẽ trái vào thôn Túy Sơn, theo con đường đất dài độ 3 cây số, du khách sẽ bất ngờ gặp một dòng thác ẩn mình giữa khu rừng thông xanh ngắt, chập chùng. Đó chính là thác Hang Cọp.

Đi từ trên xuống, thác được chia làm 3 tầng : Tầng đầu tiên có một cái hang khá lớn, tương truyền đây chính là nơi trú ngụ của "chúa sơn lâm". Tầng ba của thác là tầng đẹp nhất, dòng nước mát tinh khiết đổ từ trên cao xuống, uốn lượn qua nhiều bậc đá nhỏ với dáng vẻ độc đáo lạ kỳ rồi mất hút vào rừng sâu.

Theo giải thích của một số người thì tên thác Hang Cọp là do Cựu hoàng Bảo Đại đặt để kỷ niệm cho một chuyến đi săn ngài đã bắn hạ được một con cọp ... 3 chân tại vùng này. Tuy nhiên, theo nhiều cụ già cao niên từng đến xã Xuân Thọ khai sơn, phá thạch từ những năm 1950 thì cái tên thác Hang Cọp là do nhân dân địa

phương tự đặt chú chẳng có vua chúa nào đặt cho cả! Ngày xưa, nơi đây vốn là một vùng đất hoang vu, thưa thớt bóng người nhất Đà Lạt, có rất nhiều cộp, beo, đêm đêm tiếng gầm rú của chúng làm vang động cả núi rừng.

Tại khu vực thác có một "*Ông Ba Mươi*" chỉ có ...3 chân rất hung dữ, chiếm cứ làm giang sơn và cư ngụ trong một cái hang lớn nằm cạnh tầng thác thứ nhất. "*Ông Ba Mươi*" này thường xuyên ăn thịt các loài thú rừng bé nhỏ, thậm chí còn mò vào trong thôn bắt cả trâu bò và người! Một ngày cuối năm 1960, bà con ở đây bèn bàn nhau đặt bẫy treo ở khu vực đầu thác, thế là "*Ông Ba Mươi*" sa bẫy. Từ đó cái tên thác Hang Cộp ra đời, nhưng cả một thời gian dài ít ai dám đến khu vực này vì sợ làm mối cho cộp!

Mấy chục năm qua, mặc dù vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng của thác Hang Cộp không thua kém các thác nước nổi tiếng khác trong thành phố và chỉ cách trung tâm thành phố khoảng 12 km, song ít có người dân Đà Lạt và du khách nào dám đến tham quan cũng vì lý do đó.

Những năm gần đây, khi du lịch leo núi, dã ngoại trở thành "*phong trào*" thì người ta mới bắt đầu quan tâm đến thác Hang Cộp, nhằm tìm cảm giác mới lạ và cái thú mạo hiểm.

Để tạo thêm sản phẩm du lịch mới cho thành phố, chính quyền địa phương đã quyết định cho phép doanh nghiệp Hoàng Tâm đầu tư 2,5 tỷ đồng làm đường, bãi đậu xe, trạm dừng chân, nhà sàn cho khách viễn du có nhu cầu tạm nghỉ qua đêm giữa cảnh sơn lâm u tịch và làm bậc tam cấp xuống tận chân thác nhằm giúp mọi người có thể chiêm ngưỡng trọn vẹn một thắng cảnh nên thơ.

Đặt chân đến thác Hang Cộp, nhiều du khách không khỏi sửng sờ trước cảnh thiên nhiên hoang dã và thơ mộng hầu như còn nguyên vẹn của nơi này. Trong tiếng thác gầm réo suốt ngày đêm, tiếng gió rừng xào xạc, ta như thấy hiển hiện đâu đây hình bóng chúa sơn lâm để rồi rung động ngất ngây giữa cây xanh, thác trắng

và tiếng chim réo rất giữa đại ngàn hùng vĩ.

• NÚI LANG BIAN

Đến Đà Lạt, nhiều du khách không khỏi kinh ngạc trước vẻ đẹp của đồi núi chập chùng, đặc biệt là đỉnh Lang Bian hùng vĩ (còn gọi là Núi Bà) cao 2.167m, cùng rừng Bi Đúp, mặc dù ngày nay Lang Bian thuộc về huyện Lạc Dương.

Trong các truyền thuyết, thần thoại của các dân tộc thiểu số ở Đà Lạt 3 rặng núi : Lang Bian, núi Khổng lồ (Nhút), và Bi Đúp có mối quan hệ mật thiết với nhau và thường là nguồn cảm hứng sáng tác của nhiều văn nghệ sĩ. Riêng ngọn Lang Bian là hiện thân của mối tình trong trắng, thủy chung của một đôi uyên ương dân tộc thiểu số bản địa. Họ quyết định chọn cái chết để phản đối luật tục khắt khe và đi đến thống nhất các bộ tộc Lạch, Chil, Srê... thành dân tộc K'ho.

Chuyện kể rằng(*) : “Ngày xưa, xưa lắm, vùng La Ngư Thượng tức Đà Lạt bây giờ đất đai phì nhiêu, cây cỏ tốt tươi, quanh năm khí hậu ngọt ngào như mùa thu. Thuở ấy, các bộ tộc ít người còn sống riêng rẽ và thỉnh thoảng vẫn xảy ra những cuộc tranh chấp về vùng đất, vùng đồi hoặc phong tục. Trên vùng Cao nguyên xinh đẹp này có 2 bộ tộc mạnh nhất là Lạch và Srê. Tộc Lạch có một tù trưởng khỏe mạnh, đẹp trai, giàu lòng thương người và có tài chinh phục thú rừng, đó là chàng Lang. Một hôm, trong bản làng có hai con voi đi lạc từ vùng La Ngư Hạ lên, rất hung dữ. Hàng chục người Lạch vây hãm mà vẫn không triệt hạ nổi. Khi Lang từ rẫy về, thấy vậy vội ra hiệu cho họ nghỉ tay, một mình chàng tìm cách chinh phục đôi voi. Sau một hồi giao đấu, Lang nắm được đuôi hai con voi liền cột chặt vào nhau làm chúng không đủ sức kháng cự nữa. Chàng bắt cả 2 quý xuống hàng phục. Lang không đánh đập khi chúng đã thua mà

(*) Tạp chí Lang Bian, số 1/1988.

tìm lời ngọt ngào khuyên nhủ:

- Ta tha chết cho 2 người... bây giờ phải về làng cũ kéo dân làng mong tìm. Từ đây không được phá phách nữa.

Hai con voi cảm động rơi nước mắt, lặng lẽ bước đi ngoan ngoãn. Từ đó Lang nổi tiếng là một dũng sĩ nhân ái được cả cầm thú và bộ tộc thương yêu, kính trọng.

Năm tháng dần trôi, Lang đã 20 tuổi mà vẫn chưa có vợ vì không có một thiếu nữ nào trong buôn làng cảm thấy xứng đáng "bắt" Lang làm chồng. Hơn nữa, Lang đang gửi trái tim mình cho một người con gái của bộ tộc khác là nàng Bian kiều diễm, con gái của tù trưởng K'Zềnh, thuộc bộ tộc Srê. Bian xinh đẹp thông minh và khiêm tốn. Những ngày vào rừng hái trái, kết hoa thì thiên nhiên, cây cỏ dường như tươi vui, thắm thiết hơn, chim rừng xôn xao hót líu lo. Những con thú hiền lành quây quần sẵn đón nàng. Các loài thú dữ thường lẩn tránh. Tuy nhiên, cũng chính vì vẻ đẹp rực rỡ đó mà hai con rắn hổ tinh đem lòng ghen ghét, tìm cách mưu hại Bian.

Một hôm nọ, lũ làng Srê theo Bian đi hái quả, khi đến thác Đa Tanla - nơi các tiên nữ thường hay xuống tắm, 2 con rắn hổ tinh liền chặn đoàn người lại và tấn công, dưới sự giúp sức của 2 con cáo già và 7 con chó sói! Trong lúc Bian và lũ làng sắp bị chúng làm hại thì dũng sĩ Lang xuất hiện :

- Hỡi bọn độc ác, các người không được hại người lương thiện.

Thế rồi, Lang nhảy vào vòng chiến. Bầy chó sói và rắn tinh quây quanh chàng. Cuộc chiến đấu mỗi lúc một ác liệt. Cuồng phong nổi lên dữ dội. Cây rừng gãy đổ ào ào. Mặt trời chệch về hướng Tây, xuyên qua kẽ lá làm nổi bật hai cánh tay rắn chắc của người dũng sĩ. Khi hai con rắn tinh lè lưỡi, nhanh như chớp dũng sĩ Lang dùng xà gạc phốt nhanh vào đó, chúng rú lên thảm thiết. Cuối cùng, chàng đã dùng cung tên bắn vào bầy dã thú, chúng kêu lên đau đớn và bỏ chạy hoảng loạn làm náo động cả một khu rừng.

Lang đi gọi đoàn Srê và nàng Bian đến. Nàng e lệ cảm ơn chàng. Từ đó dững sĩ Lang và nàng Bian xinh đẹp, dịu hiền yêu mến nhau, cho dù khác bộ tộc và họ ở cách xa nhau mấy con suối ! Có những đêm trăng sáng hai người hẹn gặp và sánh vai nhau đi dạo trên những quả đồi ở vùng La Ngư Thượng. Mỗi lần như vậy Bian thường nhắc đến buổi gặp gỡ ở thác Đa Tanla. Tin Bian yêu thương dững sĩ Lang lan truyền rất nhanh khắp Cao nguyên. Chỉ mấy lần trăng tròn, các bộ tộc vùng La Ngư Thượng đều hay tin con gái của tù trưởng K'Zềnh sẽ *"bắt chồng"* là tù trưởng của bộ tộc Lạch, nhưng đám cưới của Lang và Bian không thành vì ông K'Zềnh nói:

- "*Bạp*" (cha) không chấp nhận. Tục lệ của bộ tộc ta không cho phép bộ tộc người Lạch được nhận vào người Srê.

Bian nài nỉ:

- Bạp là tù trưởng, Bạp có thể thay được tục lệ mà. Người Lạch cũng là người, sao không bắt chồng được?

Ông K'Zềnh cương quyết:

- Trước đây người Lạch và Srê có thù oán, cho nên con gái Srê không bắt chồng người Lạch. Yàng (Trời) đã ghi trong luật tục. Bạp không có quyền thay đổi.

Bian khóc nức nở:

- Thế thì Bian không bắt ai làm chồng nữa đâu. Bian sẽ trọn đời mang chiếc vòng cầu hôn của Lang.

Ngày hôm sau, Bian vượt qua nhiều cánh rừng để báo tin cho Lang biết, đám cưới của họ không thành. Lang buồn rầu nói :

- Ta biết hiện nay giữa các bộ tộc có nhiều luật tục vô lý mà. Chúng ta phải chống lại kẻ độc ác và những oan nghiệt ấy, Bian ạ vì nó đã làm cho ta đau khổ.

Bian im lặng, cúi đầu. Nước mắt nàng tuôn trào hòa vào con

thác, dòng suối trên Cao nguyên khiến chúng gầm réo suốt ngày đêm như khóc than cho mối tình tuyệt vọng của hai người.

Lang và Bian ngồi yên lặng bên nhau trên đỉnh núi, hết ngày này sang ngày khác, mặc cho đêm xuống, nắng lên, sương tan, bóng xế. Họ quyết định ở bên nhau cho đến chết. Thế rồi, sau một đêm mưa gió bão bùng cả hai người đã qua đời. Tin chàng Lang và nàng Bian gục chết bên nhau để phản đối lại luật tục khắc khe, sự thù oán vô cớ giữa hai bộ tộc Lạch và Srê chẳng mấy chốc được lan truyền khắp núi rừng vùng La Ngư Thượng. Cái chết của chàng Lang và nàng Bian khiến các bộ tộc đều xót thương. Họ kéo nhau đi thành đoàn dài từ thung lũng này sang thung lũng nọ. Ông K'Zềnh vô cùng ân hận, bèn đứng ra kêu gọi bộ tộc Lạch, Chil, Srê hợp nhất thành dân tộc K'ho, xóa bỏ mọi hiềm khích trước đây và cho phép con trai, con gái giữa các tộc họ được lấy nhau để sinh con đẻ cái. Mọi người quyết định lấy ngọn núi cao nhất vùng Cao nguyên xinh đẹp này để chôn cất hai người và đặt tên là Lang Bian. Từ đó, mỗi năm các bộ tộc lại tụ họp về đây để cúng tế ăn trâu, uống rượu cần và đắp mộ cho hai người. Do đó, ngọn Lang Bian mỗi ngày một cao thêm và là biểu tượng cho sự hòa hợp, thống nhất giữa các tộc dân vùng La Ngư Thượng.

Người Lạch còn kể thêm rằng : Yàng cảm thương sự chung thủy của Lang và Bian nên cử một vị thần xuống trần gian chăm sóc cho hai ngọn núi nói trên. Và thần này được đặt tên là thần Lơm Biêng. Thần Lơm Biêng đắp cao ngọn Lang Bian làm trụ trời. Đây cũng chính là nơi định cư cho dân tộc K'ho Lạch. Ngày nay, nhiều già làng người Lạch kể về sự tích núi Lang Bian thường kể về phần hai, tức là phần thần Lơm Biêng xây trụ trời.... Thần Lơm Biêng khi xây có nhờ hai người bạn giúp sức: đó là ông Khổng lồ (Nhút) - cũng là tên rặng núi tiếp với Lang Bian (phía trái nhìn từ Đà Lạt - Lạc Dương) và Bi Đúp. Nhưng ông này keo kiệt, tham ăn nên bị thần Lơm Biêng cho một đạp té xuống gần biển. Bi Đúp theo tiếng người

thiểu số có nghĩa là té ngữa.

Ba dãy núi Lang Bian, Khổng lồ, BiĐúp tuy ngày nay không nằm trong địa phận thành phố, nhưng lịch sử của nó gắn liền với lịch sử phát triển của Đà Lạt và các dân tộc thiểu số của vùng Cao nguyên tươi xanh này. Nếu có dịp du khách đứng trên Lang Bian sẽ nhìn thấy các buôn làng người Chil, người Lạch đang âm thầm, lặng lẽ bên dòng sông hay giữa các thung lũng ven những dòng suối nhỏ. Và cũng từ đây nhìn về thành phố, du khách sẽ thấy Đà Lạt chập chùng những biệt thự, trường học, nhà thờ với tháp chuông cao vút. Cho tới hôm nay, cũng có lẽ mãi mãi về sau, Lang Bian hay Núi Bà vẫn là hình ảnh sống động trong lòng các dân tộc của thành phố Đà Lạt cũng như du khách dù chỉ là một lần chiêm ngưỡng.

• THÁC PONGOUR

Hoang dã và mơ màng nhất Nam Tây Nguyên, tuy thuộc huyện Đức Trọng và cách Đà Lạt gần 50 km trên đường quốc lộ 20 Đà Lạt về Sài Gòn, nhưng tên tuổi của Pongour vẫn gắn liền với thành phố Hoa. Du khách thường gọi tên là Pongour, nhưng dân địa phương lại đặt tên cho con thác hai cái tên nữa là: Thiên Thai hay Bảy Tầng cũng chính vì vẻ thơ mộng, quyến rũ và cũng rất hùng vĩ của nó.

Chuyện kể rằng: Ngày xưa, vùng đất Phú Hội, Tân Hội- Tân Hà ngày nay do nàng Ka Nai làm chủ. Ka Nai là một tù trưởng xinh đẹp, trẻ trung và có sức mạnh hơn cả những chàng dũng sĩ K'ho - Churu. Nàng lại có tài chinh phục thú rừng, nhất là loại tây u (tê giác). Do vậy, trong bộ tộc của nàng có đến bốn con tê giác to lớn khác thường. Ka Nai thường dùng bốn con tê giác ấy để khai phá núi rừng, đổi suối và đánh giặc bảo vệ buôn làng.

Thuở ấy, giặc Prenn (người Chăm) ở Panduranga (Ninh Thuận

ngày nay) thường lên đây quấy phá, bắt bớ dân địa phương về Vương quốc Chăm để làm phu, làm trâu (một hình thức nô lệ) hoặc đi lính chống lại người Yuan (Kinh). Một lần, dân của bộ tộc Ka Nai bị lính Prenn bắt đi khá nhiều. Căm giận trước cảnh bạo tàn ấy, Ka Nai kêu gọi các bộ tộc : Srê, Chil , Nộp,... chống lại người Prenn. Nàng đã tự mình cưỡi tê giác cùng đoàn quân rầm rập tiến xuống đánh phá Paduranga để báo thù. Ka Nai chiếm được bốn thành của người Chăm, cứu được hàng trăm dân K'ho bị người Prenn bắt làm nô lệ. Nhưng rồi, qua chiến thắng này, nàng mới thấm thía nỗi đau nhân tình thế thái : một số người K'ho, Mạ theo giặc Prenn chịu làm trâu, tôi tớ chứ không chịu về lại quê hương cũ, mặc dù nhiều người đã có gia đình, vợ con tại quê nhà!

Đau buồn, tức giận trước nghịch cảnh ấy, Ka Nai quyết trừng trị những ai bội nghĩa, quên tình và quyết định phải xây dựng cuộc sống tốt đẹp cho buôn làng. Nàng đã cùng 4 con tê giác ngày đêm ủi núi, san đồi, tạo dựng vương quốc cho dân tộc K'ho của nàng. Pongour là dấu vết còn lưu lại của 4 con tê giác cắm xuống rừng núi Lâm Đồng để mở ra một kỷ nguyên văn hóa cho các dân tộc ít người ở đây.

Hằng năm, cứ vào dịp trăng tròn đầu tiên (Rằm tháng Giêng âm lịch), mọi người từ các nơi lại nô nức kéo về trẩy hội Pongour. Trong dịp này các lứa đôi không phân biệt Bắc - Nam, Kinh - Thượng, Hoa - Việt, Thái - Tày lại hồ hởi vượt qua bảy tầng cửa thác Pongour để tâm tình, tìm hiểu và kết bạn với nhau. Tục truyền rằng nàng Ka Nai trước kia chọn lần trăng tròn đầu tiên của mùa ẩm áp, núi rừng khởi sắc để làm ngày kỷ niệm cho bộ tộc của nàng. Những ai không thành thật, không thủy chung, những kẻ bất tín, bội thề đã đến thác Pongour thì ít được trở về vì nàng Ka Nai nổi giận, do đó sai Yàng Pongour giữ lại tại lòng thác để nàng dạy cho bài học làm người !

Từ những năm 1960, nhiều người Hoa ở Tùng Nghĩa, nhân tết Nguyên Tiêu (Rằm tháng Giêng), thường tổ chức các cuộc viếng

chùa và các thắng cảnh kết hợp với phong tục của dân bản địa (K'ho, Churu) và các dân tộc Thái, Tày, Nùng (di cư từ năm 1954) cùng đặt ra lễ cúng thác Pongour. Vào những ngày như vậy, từng đoàn người từ Liên Nghĩa, Cao Bắc Lạng, Lục Ngạn (Đức Trọng), Brotel, Phù Mỹ, Lạng Sơn, Bằng Tiên, Ngọc Sơn (Đinh Văn - Lâm Hà) và Đà Lạt lại nườm nượp kéo về thác Pongour.

Theo kế hoạch của thành phố, từ nay đến năm 2010, Đà Lạt sẽ phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh và Ủy ban Nhân dân huyện Đức Trọng để tập trung đầu tư, nâng cấp và khai thác các tiềm năng, thế mạnh của thác Pongour nhằm xây dựng nơi đây thành một trong những điểm du lịch hấp dẫn của cả nước.

• THÁC VOI

Thác Voi là một thắng cảnh hùng vĩ được du khách biết đến trong những năm gần đây, cách thành phố Đà Lạt khoảng 24 km về phía Tây Nam (giáp với xã Tà Nung), thuộc thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà.

Tuy xa nhưng những lũ khách yêu thiên nhiên dù chỉ một lần cất công tìm đến, khi ra về khó quên được vẻ đẹp hoành tráng của thác nước này.

Cho tới bây giờ vẫn chưa ai biết tên thác Voi có tự lúc nào và do ai đặt, chỉ biết rằng đây là một dòng thác đẹp đến lạ thường. Từ độ cao hơn 30 mét cả một mảng nước trắng xóa đổ ào ào, tung bọt suốt ngày đêm khiến những tảng đá đen - một màu đen huyền bí và khổng lồ bên dưới bị nước bào mòn theo năm tháng đến độ tròn lẵn như những tấm lưng bồ tượng của đàn voi rừng. Vào những ngày đẹp trời, qua làn sương khói mờ mịt bốc lên lấp lánh 7 sắc cầu vồng, ta có cảm giác đàn voi dưới chân thác đang di chuyển,

khi ẩn, khi hiện, giữa rừng núi hoang vu. Tiếng rít của gió ngàn hòa với tiếng thác đổ khiến ta liên tưởng đến tiếng gầm rú của chúng.

Truyền thuyết của đồng bào dân tộc thiểu số K'ho kể về thác Voi như sau: Ngày xưa, thú rừng rất yêu mến Bian, người con gái xinh đẹp, dịu hiền của tù trưởng bộ tộc Chil. Khi hay tin nàng Bian sắp "*bắt chồng*" là chàng Lang - một tù trưởng trẻ, đẹp trai và dũng cảm của bộ tộc Lạch, voi rừng vùng La Ngư Thượng mừng lắm, chúng hối hả kéo nhau về dự đám cưới. Ngờ đâu, khi đi đến ngọn thác này thì nhận được hung tin : nàng Bian và chàng Lang đã lìa đời vì sự thù hận vô cớ và luật tục khắt khe giữa hai bộ tộc không cho họ lấy nhau. Đám cưới trở thành đám tang, cả đàn voi rừng gào thét suốt mấy ngày đêm rồi lăn ra chết và hóa đá! Thương xót chúng, sau đó thần Lang Bian khóc hết ngày này sang ngày khác, nước mắt chảy thành suối để tắm mát, vỗ về cho đàn voi suốt đời. Riêng hai con voi lớn nhất đàn đi lạc đến đồi Cà Đăng (Prenn), khi hay tin ấy cũng ngã quỵ rồi chết, hóa thành 2 ngọn núi, đầu hướng về đỉnh Lang Bian. Đó chính là rặng núi Voi (Vơnm Rowas) ngày nay.

Chuyện xưa là vậy, song hôm nay khi đặt chân đến thác Voi, điều đầu tiên du khách có thể nhìn thấy và cảm nhận được là những tảng đá đen tròn như những tấm lưng voi thấp thoáng trong màn nước trắng xóa tạo cho ta cảm giác băng khuâng khi được về với khung cảnh thiên nhiên hoang dã, hùng vĩ.

• THÁC DAMB'RI

Chuyện kể rằng: Ngày xưa ngày xưa ở vùng rừng Nam Cao nguyên B'Lao - Bảo Lộc bây giờ, có chàng Dam và nàng Hobi ở một buôn làng người Mạ nọ, yêu nhau tha thiết. Thế nhưng họ không thể nên vợ nên chồng được vì sự kỳ thị. Gia đình cô gái giàu có và đầy

quyền lực, bố cô là một tù trưởng hung ác. Trong khi, chàng Dam hiền lành, khỏe mạnh kia chỉ có thân phận của một người nô lệ. Chàng Dam và nàng Hơbi thường lén lút hẹn hò nhau bên bờ suối trong khu rừng thiêng, rừng của Giàng, để tâm sự. Nhưng cuộc tình vụng trộm ấy bị bại lộ. Và chàng trai khốn khổ bị tù trưởng đánh đập dã man, rồi sai lính bịt mắt dẫn đi một nơi xa, thật xa chẳng biết lấy đường về. Cô gái đau khổ nhớ thương người yêu, ra bờ suối nơi họ thường hẹn hò và khóc. Cô khóc từ mùa trăng này đến mùa rẫy nọ. Lũ con gái trong buôn hát mừng mùa lúa mới, chúng rủ nhau đi bắt cái chồng về ở... mà Hơbi vẫn lặng lẽ khóc bên bờ suối vì nhớ chàng Dam. Nước mắt tình yêu của cô tuôn trào, chảy thành con thác, và cô gieo mình xuống con thác ấy. Người Mạ gọi thác DamB'ri là thác đợi, thác chờ, thác của tình yêu thủy chung. Đã bao đời nay con thác DamB'ri vẫn tuôn trào như dòng nước mắt về cuộc tình của một đôi trai gái người Mạ đã tan vỡ. Một huyền thoại đẹp minh chứng cho tình yêu thủy chung và không có thế lực nào có thể ngăn được trái tim đập theo tiếng gọi của tình yêu con người...

Thác DamB'ri nằm cách trung tâm thị xã Bảo Lộc gần 20km về phía Tây. Con đường nhựa đi vào thác uốn lượn qua những nương dâu nối tiếp đồi chè của cư dân Cao nguyên Bảo Lộc. Năm 1992, sau khi phát hiện ra con thác đẹp tuyệt vời nằm giữa khu rừng già nguyên sinh, Tổng Công ty dâu - tầm - tơ Việt Nam đã quyết định đầu tư khai thác, tôn tạo và biến DamB'ri thành một khu du lịch hấp dẫn. Năm 1994, công trình này đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chủ yếu và đã được đưa vào sử dụng. Du khách thập phương nườm nượp kéo về chiêm ngưỡng con thác DamB'ri hùng vĩ, bình quân mỗi năm có trên 200.000 du khách.

Thác DamB'ri cao 57m, rộng hơn 30m, nằm giữa khu rừng thiêng, rừng của Giàng (trời) theo quan niệm của người Mạ. Do đó, nó được giữ gìn khá nguyên vẹn. Tại đây, hiện còn những cây cổ thụ cao gần cả 100m, chu vi gốc 12m, nhiều loại động, thực vật quý

được bảo tồn. Ở chân thác, mỗi khi nắng lên, cầu vồng 7 sắc lại xuất hiện, ôm lấy dòng thác chảy. Trong khu vực rừng thiêng hơn 2.000 ha ấy có cả một quần thể thác, tiêu biểu như thác Dàsara, Dà Tồn... Bên cạnh thác là buôn Đăng Đùng và những buôn của người Mạ với những ngôi nhà dài truyền thống có tự bao đời, bên trong chứa đầy rượu cần, cồng chiêng. Cách thác về phía Tây là một đồi cù tự nhiên 10 ha, cỏ ngọt vàng óng xen lẫn những đồi sim tím mênh mông, đồi thông gió thổi vi vu...

Ngay khu vực trung tâm thác là cả một thế giới động, thực vật phong phú và đa dạng. Những chú voi sẵn sàng trước cổng thác chờ du khách vào thăm làng dân tộc, uống rượu cần và ngất ngưỡng dạo chơi ở đồi cù hoang sơ bất cứ lúc nào. Một vườn sưu tầm các loại lan rừng với trên 300 loại khác nhau, sẽ được đưa ra cấy trên cây tự nhiên. Hiện Công ty Du lịch thác DamB'ri đã cấy được 1 ha. Và kia là khu vực nuôi thú, với nhiều loại thú quý hiếm như: hổ, gấu, công, báo, mèo rừng, gà sao... được chăm sóc bài bản, mỗi tháng hết 20 triệu đồng tiền thức ăn. Đặc biệt là việc xây dựng một vườn thú thả tự nhiên với "đảo khỉ" hơn 200 con, 30 con hươu sao, nai rừng, 10 con cá sấu... Cảnh lũ khỉ đùa giỡn với du khách, những chú hươu, nai hiền lành để cho du khách vuốt ve ngay giữa rừng hoang tạo cảm giác gần gũi giữa con người và thiên nhiên... Một DamB'ri đầy hấp dẫn và quyến rũ với những ngôi nhà nghỉ bằng gỗ nhỏ xinh ven hồ bên thác, cùng thuyền đung, xe đung, câu cá và được tung tăng du lịch sinh thái trong rừng, chắc chắn sẽ làm du khách hài lòng.

Vâng, DamB'ri hôm nay không chỉ còn là huyền thoại. DamB'ri đã là một điểm du lịch đầy hấp dẫn và hứa hẹn.

Kiến trúc Đà Lạt

MAI XUÂN

Nói đến Đà Lạt, bên cạnh vẻ đẹp huyền ảo của thiên nhiên, không thể không xét đến cái đẹp độc đáo của kiến trúc Đà Lạt.

Kiến trúc Đà Lạt bao gồm hai loại hình khác nhau. Đó là kiến trúc của các cư dân bản địa và kiến trúc của người Việt.

1. KIẾN TRÚC CỦA DÂN TỘC THIỂU SỐ BẢN ĐỊA

Cũng như các dân tộc thiểu số cư trú trên dãy Trường Sơn, các dân tộc Lạch, K'Dòn, Srê, Nộp,... của người K'ho ở Đà Lạt có một loại hình kiến trúc rất đơn giản, gần gũi với thiên nhiên và phù hợp với môi trường sống của họ. Cho đến tận ngày nay, kiến trúc nhà ở của người bản địa Đà Lạt vẫn còn tồn tại hai loại hình nhà ở, mà người Việt vẫn quen gọi là “nhà sàn” và “nhà đất”. Trong đó, loại hình nhà sàn gần đây ít gặp hơn so với kiến trúc nhà đất, nhất là ở những vùng ven Đà Lạt hay tại những vùng mà người dân tộc thiểu số sống xen lẫn với người Việt.

“Nhà sàn” là một khái niệm dùng để chỉ một căn nhà, mà trong đó, có mặt bằng sinh hoạt cao hơn mặt đất một khoảng cách nhất định nào đó. Thông thường, phần dưới sàn nhà để trống, hoặc có nơi sử dụng để chăn nuôi súc vật, hoặc là nơi chứa các vật dụng cần thiết khác.

Trong khi đó, “nhà đất” đã xuất hiện khá lâu trong kiến trúc của người thiểu số bản địa Đà Lạt, và trong thực tế, ngày càng tỏ ra lấn át loại hình “nhà sàn”. Mặc dù vậy, theo nhiều nhà nghiên cứu thì, nhà sàn vẫn là loại hình kiến trúc tiêu biểu cho kiến trúc truyền thống của các dân tộc thiểu số nói chung bởi vì kiến trúc nhà cửa trước hết là một phản ứng tự nhiên của con người trước hoàn cảnh thiên nhiên. Trong môi trường sống tự nhiên của người thiểu số bản địa, chính nhà sàn là giải pháp tốt nhất về kiến trúc để họ có thể an toàn sinh sống, khắc phục được những hạn chế về khí hậu ẩm ướt, địa hình làm nhà không bằng phẳng và có thể chống lại sự phá hoại của các loại thú dữ.

Về độ cao của mặt nhà so với mặt đất trong loại hình kiến trúc nhà sàn của người thiểu số bản địa Đà Lạt, thường phổ biến 50 - 80cm, cá biệt có nhà mặt sàn chỉ cao chỉ khoảng 20 - 30cm. Đây cũng là một trong những đặc điểm khác với kiến trúc nhà sàn của một số dân tộc cư trú ở khu vực Bắc Tây Nguyên, nơi mà độ cao từ mặt sàn tới đất có thể 1,2 - 1,5m, thậm chí có nơi còn cao tới 2m. Mặt khác, một trong những đặc điểm về kiến trúc nhà ở truyền thống của người thiểu số bản địa là loại nhà dài, mà theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu thì đó là loại hình tiêu biểu cho kiến trúc truyền thống của các dân tộc thiểu số bản địa. Tuy nhiên, cũng như loại hình kiến trúc nhà sàn, kiến trúc nhà dài của đồng bào thiểu số ở Đà Lạt hiện cũng không còn thấy xuất hiện trong môi trường kiến trúc của khu vực này. Tại thôn Manlin (phường 7) và xã Tà Nung, nhà ở của đồng bào thiểu số ở đây cũng không khác nhiều so với nhà ở của người Việt. Sự biến dạng này cũng phù hợp với quy luật phát triển của xã hội người thượng nói chung và của người K’ho ở Đà Lạt nói riêng.

Cũng như những người thiểu số khác ở Lâm Đồng, người thiểu số Đà Lạt sử dụng kỹ thuật làm nhà cổ truyền rất đơn giản. Họ thường sử dụng cột gỗ để gác cây hay chặt khắc rồi dùng dây mây buộc lại. Từng gia đình phải tự tìm kiếm vật liệu để làm nhà,

đến khi dựng nhà thì có sự giúp đỡ của bà con trong buôn đến giúp đỡ. Trong từng ngôi nhà của người K'ho, kết cấu sàn thường gắn bó chặt chẽ với khung nhà, trong đó cột nhà giữ vai trò là cột sàn. Đây cũng là một kiểu kết cấu "*sàn treo*" mà theo nhiều nhà nghiên cứu thì đó cũng là một trong những đặc trưng của kiến trúc truyền thống của người Thượng nói chung.

Bên cạnh đó, sự liên kết giữ khung cột và bộ khung mái lại không được gắn chặt với nhau thành một kiến trúc hoàn chỉnh như trong kết cấu nhà của người Việt cổ truyền, trong khi đó thì mái nhà của người thiểu số bản địa Đà Lạt, cũng như của Lâm Đồng là dạng mái nhà hai mái nghiêng. Riêng phần hai đầu hồi nhà được lợp tranh thay cho việc che bằng vách nứa. Điều đáng chú ý nhất trong kiến trúc nhà ở của người thiểu số bản địa là ở những cửa ra vào chính, thường có kết cấu dạng vòm mà bà con dân tộc gọi là "*m'pông me*". Ngoài ra, một đặc điểm khác trong kiến trúc nhà ở của người thiểu số bản địa là hầu như không có cửa sổ. Phía trong ngôi nhà lại không ngăn thành từng phòng, kết hợp với việc chỉ có một cửa chính mái vòm. Thành thử, khi vào nhà, người ta có cảm giác như đang ở trong một hang động nào đó vậy.

Trên đây chỉ là những nét rất khái quát về kiến trúc nhà ở cổ truyền của người thiểu số bản địa Đà Lạt. Những kiểu kiến trúc như thế này ngày nay hầu như chỉ còn lại những vết tích đơn giản trong một số ít ngôi nhà của bà con người Lạch ở thôn Manline (phường 7) và xã Tà Nung mà thôi. Vì vậy, ngày nay, khi nói đến kiến trúc Đà Lạt thì hầu như ai cũng nghĩ đến loại hình kiến trúc của người Việt và điều đó cũng chỉ được xác định từ sau khi thành phố này được P. Doumer ký nghị định thành lập tỉnh Đồng Nai Thượng và trạm hành chánh (poste administratif) trên Cao nguyên Lang Bian (11.1899).

2. KIẾN TRÚC CỦA NGƯỜI VIỆT

Nói đến Đà Lạt, người ta vẫn thường nghĩ ngay đến một vùng du lịch mà trong đời của mỗi một con người, ai cũng đều có một ước

mong được một lần đặt chân tới. Ẩn hiện giữa những rừng thông bạt ngàn, những vườn hoa muôn sắc màu là những công trình kiến trúc vừa duyên dáng lại vừa độc đáo. Cùng với cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc Đà Lạt chính là hạt nhân hấp dẫn lòng người. Có lẽ không ở đâu trên đất nước ta, kiến trúc và môi trường đã được hòa nhập một cách tài tình và khéo léo như ở Đà Lạt. Các công trình kiến trúc ở Đà Lạt, nhất là những công trình cũ, đều rất xinh đẹp, không cái nào giống cái nào, nhưng vẫn tạo nên một phong cách rất thống nhất...

Thực tế đã chứng minh Đà Lạt là một vùng di sản kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên cực kỳ lý thú. Đó là một sự thật không thể phủ nhận. Và cũng phải thấy rằng, từ một rừng núi hoang vu, hẻo lánh, Đà Lạt đã phát triển một cách nhảy vọt để trở thành một đô thị hiện đại. Có thể nói, nếu không có nhu cầu xây dựng trạm điều dưỡng của người Pháp ở Đà Lạt, để từ đó phát triển dần thành một thành phố du lịch và nghỉ dưỡng nổi tiếng, thì ngày nay, có thể Đà Lạt vẫn chỉ là một vùng rừng hẻo lánh hoặc cũng chỉ là một thị trấn nhỏ thường thấy ở các vùng rừng núi của nước ta. Tuy nhiên, sự kiện này đều có hai mặt. Thừa ban đầu, đô thị Đà Lạt là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân Pháp, và nó chỉ phục vụ cho lợi ích cá nhân của người Pháp ở thuộc địa. Nhưng mặt khác, đô thị Đà Lạt cũng là sản phẩm của nền văn hóa Pháp, sản phẩm của nền văn minh công nghiệp thế kỷ XX. Những tuyến đường giao thông được mở mang thuận tiện và hữu ích. Những đồ án thiết kế cùng những công trình kiến trúc hiện đại, độc đáo, những thắng cảnh nhân tạo ... đều là những sản phẩm đáng cho chúng ta trân trọng, giữ gìn và phát huy. Đó cũng là những sản phẩm mà nhân dân lao động, người Kinh cũng như người Thượng, đã phải đổ biết bao mồ hôi, nước mắt và xương máu để tạo lập nên và góp phần làm cho vùng đất này trở thành một đô thị đẹp nổi tiếng của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.1 Phong cách kiến trúc của Đà Lạt

Như đã trình bày ở trên, Đà Lạt là một thành phố có kiến trúc

rất đặc biệt. Nếu so với nhiều thành phố khác trong cả nước, Đà Lạt vẫn là một thành phố trẻ, nhưng đó lại là một thành phố có đồ án thiết kế theo kiểu cách phương Tây. Đà Lạt trước kia là một thành phố do người Pháp xây dựng cho người Pháp, và các đồ án thiết kế đều phải do Phủ toàn quyền quyết định, các kỹ sư, kiến trúc sư, các đoàn lên Đà Lạt nghiên cứu về việc chỉnh trang, xây dựng đều được tuyển chọn kỹ lưỡng và nhất thiết phải có trình độ chuyên môn giỏi.

Mặc dù là một thành phố có thiết kế theo kiểu Tây phương, nhưng phong cách kiến trúc của Đà Lạt thì thật đa dạng và phong phú. Những biệt thự giữa ngàn thông xanh biếc xen những hàng mimosa hoa vàng và hàng liễu rủ thướt tha với những chuỗi hoa đỏ như những dải lụa. Các mái nhà thờ xuôi thẳng với tháp chuông vươn cao trên những ngọn thông như càng làm tăng thêm vẻ mơ màng, thanh thoát cho từng khối kiến trúc tạo cho ta có cảm tưởng như đang ở một xứ sở nào đó của trời Âu. Thế nhưng, giữa cảnh sắc ấy lại xuất hiện những mái chùa hiền hòa mà mái ngói đã phủ đầy rêu sẫm màu theo năm tháng và hoa sứ trắng ngát hương, cùng những căn nhà gỗ đơn sơ, soi mình trên dòng suối hay tựa hẳn vào sườn đồi xanh rờn cây lá. Đó cũng chính là vẻ độc đáo của Đà Lạt, mà thoát nhìn, tưởng như đối nghịch nhau. Thực ra, hai dáng vẻ ấy lại bổ túc cho nhau, làm phong phú thêm cảnh quan cũng như phong cách kiến trúc khá đặc biệt của Đà Lạt - thành phố Cao nguyên.

Tóm lại, kiến trúc Đà Lạt rất đa dạng, nhìn chung đã đạt được sự hài hòa thống nhất giữa các phong cách kiến trúc Âu - Á, là sự độc đáo của kiến trúc các dân tộc ở Tây Nguyên và nhất là rất phù hợp với địa hình độc đáo vốn có của Đà Lạt.

Khi nghiên cứu về kiến trúc Đà Lạt, nhiều nhà khoa học đã có cùng một quan điểm về sự ảnh hưởng của phong cách kiến trúc Pháp trong việc thiết kế xây dựng kiến trúc của Đà Lạt. Nói cách khác, kiến trúc Đà Lạt đã chịu sự chi phối của phong cách kiến trúc Pháp, cụ thể như sau :

*** Kiến trúc vùng Bretagne (phía Tây nước Pháp)**

- Mái lợp bản thạch (ardoise).
- Tường xây đá chẻ.
- Tường hồi có nền xây cao hơn mái.

*** Kiến trúc vùng Basque (Tây Nam nước Pháp)**

- Mái vươn rộng ra khỏi tường, độ dốc mái giảm ở mức trung bình.
- Phần đưa ra xa của mái hắt có con sơn gỗ đầu tường với nhiều loại hình nhan, giàu tính sáng tạo.
- Tường hồi quay ra mặt tiền.
- Khung sườn nổi.
- Bố cục mặt đứng tự do, không đối xứng.
- Các chi tiết cửa, ban công được trình bày tinh tế.
- Mái nhô tròn.

*** Kiến trúc vùng Savoie (Đông Nam nước Pháp)**

Kiến trúc vùng này, nhìn chung cũng tương tự như kiến trúc vùng Basque, nhưng có thêm một số đặc điểm sau :

- Tầng dưới xây, tầng trên được đóng bằng gỗ.
- Ban công rộng.

*** Kiến trúc vùng Normandie (phía Tây Bắc nước Pháp)**

- Hệ thống mái ngói lớn, đa dạng, phần đôi mái được bẻ góc.
- Mái nhô tròn, có tường xây đá chẻ đến sát cửa sổ về phía dưới, phía trên để lộ khung sườn gỗ bằng gỗ tốt, xây chèn gạch.
- Conxon bằng gỗ đục mộng chắc chắn. Sàn ghép bằng một hai lớp gỗ. Trần gỗ.

*** Kiến trúc vùng Đông Bắc nước Pháp**

- Có độ dốc mái khá lớn.

- Hình khối kiến trúc đơn giản, thường phân vị theo chiều đứng. Tổng thể kiến trúc bao gồm các khối tách biệt thường được báo hiệu sự thay đổi tầng mái.

- Mái nhô tròn.

*** Kiến trúc miền Nam nước Pháp**

- Bố cục nhà không đối xứng và nó được phân định theo chiều ngang.

- Mái có độ dốc thấp, lại nhọn, nhô cao và có cửa kính lớn. Diện tích sàn và hiên rộng rãi.

- Sảnh nhô ra khỏi công trình. Vật liệu ốp phía ngoài thường để trần.

- Hệ thống cửa chiếm phần lớn mặt đứng công trình. Đáng lưu ý là hệ thống cửa vòm chịu ảnh hưởng của kiến trúc Tây Ban Nha.

Tuy nhiên, do thời tiết ở miền Nam nước Pháp thường nóng và ít mưa, cho nên kiến trúc nguyên bản không phù hợp với môi trường Đà Lạt. Kiến trúc loại này chỉ xuất hiện rất hạn hữu ở Đà Lạt, sau khi chủ nhân của nó đã có cải tạo đi một số chi tiết cho phù hợp với khí hậu Đà Lạt.

*** Phong cách kiến trúc kết hợp**

Bên cạnh những phong cách kiến trúc địa phương nước Pháp, ở Đà Lạt còn xuất hiện phong cách kiến trúc kết hợp với hai thể loại sau :

- *Thể loại thứ nhất* : Loại này khá phổ biến, đó là phong cách kiến trúc địa phương nước Pháp được vận dụng để phù hợp với địa hình cũng như khí hậu thiên nhiên ở Đà Lạt.

- *Thể loại thứ hai* : Là phong cách kết hợp giữa hai phong cách kiến trúc Pháp và Việt để tạo nên một thể loại kiến trúc mới, nhằm

phù hợp với môi trường và thích nghi với điều kiện thời tiết, khí hậu của Đà Lạt.

2.2 Một số loại hình kiến trúc tiêu biểu

Kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng :

Có thể nói, kiến trúc Đà Lạt phần lớn du nhập từ phương Tây và mang nhiều dấu ấn phong cách kiến trúc của châu Âu, đặc biệt là của kiến trúc Pháp, nhưng cũng không phải vì vậy mà kiến trúc tôn giáo ở thành phố này chỉ mang đậm bản sắc châu Âu. Bên cạnh những nhà thờ với các tháp chuông vươn thẳng lên cao là những mái chùa uốn cong, ẩn hiện giữa ngàn thông hiền hòa, tĩnh lặng và cũng rất thâm nghiêm. Đó cũng là một trong những nét độc đáo của Đà Lạt.

Sau đây là một số công trình kiến trúc tôn giáo đáng chú ý :

*** Nhà thờ Chính Tòa**

Nhà thờ Chính Tòa, dân địa phương thường gọi là nhà thờ Con Gà (vì trên đỉnh tháp chuông có hình một con gà). Nhà thờ này được khởi công từ năm 1931 đến năm 1942 thì hoàn thành. Hình dáng kiến trúc được thiết kế đối xứng theo lối cổ điển, có chiều dài 65m, rộng 14m, tháp chuông cao 47m. Nhà thờ Chính Tòa có vị trí rất đẹp, tuy không nhìn thẳng xuống hồ nhưng vì tháp chuông cao nên đứng ở vị trí nào dưới bờ hồ cũng đều thấy được tháp chuông nhà thờ cả.

Cửa chính của nhà thờ hướng thẳng về núi Lang Bian. Phần áp mái được bố trí bằng 70 tấm kính màu (chế tạo từ Pháp) làm cho không gian thánh đường càng thêm uy nghi, huyền ảo. Trên tường, được gắn các bức phù điêu có kích thước 1 x 0,8m do nhà điêu khắc Xuân Thi thực hiện. Khuôn viên nhà thờ có hàng rào bao bọc khép kín. Đây là một công trình có kiến trúc đẹp, gắn liền với sự hình thành và phát triển của thành phố Đà Lạt.

*** Nhà thờ Domaine de Marie (Vinh Sơn)**

Nhà thờ này còn có tên gọi là nhà thờ Mai Anh, vì trước đây khu vực này có rất nhiều hoa mai anh đào. Từ năm 1940 đến 1943, nơi đây là nhà nguyện của nữ tu dòng Bác Ái. Năm 1943, nhà thờ này được xây dựng lại với một dạng kiến trúc khá độc đáo hơn các nhà thờ khác ở Đà Lạt. Tuy nhà thờ không có tháp chuông trên đỉnh, nhưng tiền đình được thiết kế là một tam giác cân, phía trước được trang điểm các cửa vòm nhỏ. Cửa chính có hai cấp thang đi lên từ hai phía. Mái nhà thờ có hình dáng tựa như mái nhà rộng của người Thượng, nhưng đặc biệt có các vòm mái cửa nhô ra để cho mái đỡ trợ trợ. Tường phía dưới mái xây khá dày và các cửa được thiết kế sâu vào bên trong nên càng làm tăng thêm nét đẹp độc đáo cho công trình kiến trúc này. Tường được xây bằng đá chẻ tới ngang bề cửa sổ theo phong cách kiến trúc Normandie. Không gian nội thất được chiếu sáng bởi những khung kính màu, càng làm tăng thêm phần lung linh hấp dẫn cho thánh đường. Nhà thờ còn lưu trữ được pho tượng Đức Mẹ ban ơn cao 3m, nặng 1 tấn - quà tặng của phu nhân Toàn quyền Đông Dương Decoux.

Về màu sắc, từ khi hoàn thành đến nay, nhà thờ Domaine de Marie chỉ sử dụng một màu vôi hồng đậm để quét tường. Vì vậy, dưới ánh nắng, nhà thờ như sáng rực hẳn lên. Phía sau nhà thờ là một quần thể kiến trúc được thiết kế theo kiểu mới với 3 dãy nhà 3 tầng của dòng nữ tu Bác Ái. Chính điều này càng tôn thêm vẻ uy nghi, đồ sộ và trang nghiêm cho toàn bộ khu vực nhà thờ này.

*** Nhà thờ Cam Ly**

Ngôi nhà thờ này do một linh mục người Pháp đã nhiều năm sống với người dân tộc thiểu số bản địa Đà Lạt xây dựng (1960 - 1968).

Được thiết kế theo kiểu nhà rộng của đồng bào thiểu số khu vực Bắc Tây Nguyên, nhà thờ Cam Ly có hình dáng mái ngói đồ sộ cao vút giữa rừng thông. Hai mái ngói cao, góc đứng khoảng 17m, được lợp bằng 80.000 viên ngói trắng, mỗi viên ngói đều được cột

chặt bằng dây kềm để phòng ngừa khi gió lộng. Toàn bộ hai mái ngói nặng gần 100 tấn.

Ở tiền đình có hai con thú tượng trưng cho sức mạnh và trí tinh khôn của con người - đó là con hổ và con phượng hoàng. Phía trong nhà thờ, những khung kính có hình tam giác và bao quanh là những khung kính hình vuông nói lên quan niệm của người dân tộc về cấu trúc của vũ trụ. Phía dưới lại có 2 con thú rừng nữa, đó là con nai tượng trưng cho sự trong sáng, hiền lành và con phượng hoàng thích ở nơi cao, thể hiện sự khoáng đạt trong tâm hồn của những người dân tộc thiểu số. Tại cung thánh có một bàn thờ (3,90m x 0,90m) làm bằng gỗ một cây thông lấy từ đỉnh Lang Bian được phơi khô trước khi xây dựng công trình.

Chính nhờ những nét dân tộc trong ngôi nhà thờ này, mà đến nay, nó vẫn thu hút đáng kể du khách, nhất là khách ngoại quốc đến viếng thăm.

*** Tu viện dòng Chúa Cứu Thế**

Nằm trên độ cao 1.548m, về phía Bắc thành phố, năm 1948, các linh mục dòng Chúa Cứu Thế đã đặt móng xây nhà dòng này với mục đích thu nạp đệ tử dòng. Là tu viện có tính cách vĩnh cửu cho nên nó được xây dựng rất kiên cố. Tu viện này được xây dựng xong vào năm 1952.

Tu viện dòng Chúa Cứu Thế được thiết kế theo lối kiến trúc mới, mặt ngoài được xây bằng đá chẻ. Phía trước cao, đẹp, có sân rộng và thoáng đãng vì nó được xây dựng trên một đỉnh đồi thộng cao. Đứng ở sau tu viện, có thể nhìn bao quát được gần hết khung cảnh của thành phố Đà Lạt. Phía trong tu viện được thiết kế 2 tầng với kiểu cách bố trí ấm cúng và trang nghiêm theo cấu trúc của các tu viện châu Âu.

Hiện nay tu viện này đã trở thành cơ sở của Phân viện Sinh học tại Đà Lạt.

* Giáo Hoàng chủng viện

Đây là một trong những cơ sở có kiến trúc hiện đại ở Đà Lạt và là một Đại chủng viện đào tạo linh mục cho các tỉnh phía Nam trước đây. Đại chủng viện này được xây dựng năm 1957 do kiến trúc sư Tô Công Văn thiết kế. Phía trong Đại chủng viện có một nhà thờ nhỏ nhưng cũng được bố trí đầy đủ cung thánh, bàn lễ, phòng lễ ca đoàn và nơi làm lễ (nhà nguyện riêng). Dãy chính có 3 tầng xây thành phòng cho các tu sinh ở nội trú với đầy đủ các phòng học, thư viện. Dãy nhà này có tiền đình được xây bằng đá chẻ kiên cố, nhưng bên trong là bê tông cốt thép. Nhà ăn, nhà quản lý được bố trí phía trong, lại có cả nhà giặt và dịch vụ phục vụ toàn chủng viện. Ngoài ra, nơi đây, còn được xây dựng vườn hoa, rừng cây để cho các chủng sinh dạo chơi, thư giãn và cũng chính điều đó, đã làm tăng thêm vẻ đẹp hoành tráng cho toàn bộ khu vực này.

Ngày nay, đây là một trong những cơ sở của Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt.

* Chùa Linh Sơn

Chùa Linh Sơn là một trong những ngôi chùa cổ kính và đẹp của Đà Lạt. Chùa được xây từ năm 1936 đến năm 1940 thì hoàn thành.

Mang tên một quả núi ở Ấn Độ - núi Linh Thứu - tương truyền là nơi đức Phật Thích Ca Mâu Ni thường thuyết pháp và khai nguyên thiên tông, chùa Linh Sơn là một quần thể kiến trúc bao gồm nhiều công trình lớn nhỏ tọa lạc trên một quả đồi rộng chừng 4 ha. Chùa được xây theo phong cách kiến trúc Á Đông, hai mái xuôi hơi cong ở phía cuối trên có hai con rồng uốn khúc đối xứng vươn lên giữa trời cao. Phía trước có 4 trụ lớn và phía dưới diềm mái là mảng trang trí hoa văn hình chữ "vạn" cách điệu.

Trên cột trong chính điện và trước tiền đường có treo nhiều câu đối, đặc biệt câu đối khảm xà cừ được ngát hương thiền:

Sơn sắc đậm tùy nhân nhập viện

Tùng thanh tĩnh thính khách đàm thiền.

(Màu núi nhạt theo người vào viện

Tiếng tùng im nghe khách đàm thiền).

Trong chính điện có tượng Phật Thích Ca ngồi trên tòa sen được đúc bằng đồng từ năm 1952, cao 1,70m, nặng 1.250kg. Bên phải nội điện có Đại Hồng Chung nặng 450kg treo trên giá được làm bằng gỗ quý. Bên trái nội điện là giá trống có chiều dài 1m và đường kính rộng 0,75m. Cách không xa chính điện về phía bên phải là một bảo tháp hình bát giác. Phía sau chính điện là Tổ đường, nơi thờ Đạt Ma và hai bên là bàn thờ các vị tăng sĩ viên tịch cũng như những người dân thường mà thân nhân họ muốn được thờ phụng tại chùa. Trong chùa Linh Sơn còn có phòng phát hành kinh sách và nhà vãng sinh, nơi quán thi hài Phật tử mà gia quyến họ muốn cử hành tang lễ tại chùa.

Ngoài ra, chùa Linh Sơn còn có một giảng đường khá lớn được xây dựng từ năm 1972, hiện là Trường Cơ bản Phật học của tỉnh Lâm Đồng.

*** Chùa Linh Phong**

Là một ngôi chùa cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 4 km, chùa sư nữ Linh Phong tọa lạc trên một đỉnh núi nhỏ, ẩn hiện giữa ngàn thông ngày đêm lộng gió.

Thủa ban đầu, đây vốn là một niệm Phật đường mái tôn do Hòa thượng Thích Bích Nguyên chủ trì, dựng lên vào năm 1944. Từ năm 1948 đến năm 1962, sư bà Thích nữ Từ Hương đã trùng tu và xây lên Linh Phong ni tự, một ngôi chùa trang nghiêm, tráng lệ như ngày nay. Chùa có diện tích 16 x 25m và được chia làm 5 gian kiến trúc theo kiểu những đình làng ở miền Trung. Cổng tam quan gồm 2 tầng có mái lợp ngói ống. Phía dưới gồm 3 cửa cuốn hình vòng cung theo hướng Tây Bắc. Phía trên có một cửa hình chữ nhật uốn

góc có treo biển hiệu "*Linh Phong Tự*" và tượng Hộ pháp. Nóc trên mái tam quan có trang trí mô típ "*lưỡng long triều nguyệt*", các đầu đao và nóc dưới là hoa văn hồi long. Trước chính điện là một khoảng sân khá rộng. Giữa sân là pho tượng Phật Bà Quan Âm bằng thạch cao trắng đứng trên đài sen, được bố trí trên mặt một chiếc đỉnh bằng xi măng.

Chính điện được đặt pho tượng A Di Đà cao 1,8m, toàn thân sơn son, thiếp vàng, tóc đính trâm. Tượng được tạc vào năm 1949. Hai bên là tượng Phật Bà Quan Âm và Đại Thế Chí bằng đồng. Phía sau là nơi thờ Tổ Đạt Ma và Hòa thượng Thích Quảng Đức. Phía ngoài là hai dãy nhà dùng làm nơi sinh hoạt cho các ni cô, tiếp khách thập phương và giảng đường. Kế đó là nhà hậu tổ - nơi ở của sư bà và miếu Âm Linh. Sau cùng là một bảo tháp 3 tầng được xây vào năm 1988, nơi dự kiến sẽ để tro cốt của sư bà sau khi viên tịch.

*** Chùa Thiên Vương Cổ Sát**

Chùa này còn có tên gọi khác là chùa Tàu. Chùa tọa lạc tại 385 đường Khe Sanh, thành phố Đà Lạt, do các nhà sư và Phật tử người Hoa xây dựng từ năm 1958 và được xây dựng lại vào năm 1989. Chùa Thiên Vương Cổ Sát thuộc dòng Hoa Nghiêm Tông (Trung Quốc).

Qua cổng tam quan là đến tòa Từ bi bảo điện và ngay ở trung tâm này là pho tượng Đức Phật Di Lặc cao 3m sơn son thiếp vàng. Phía sau 3 chiếc đỉnh bằng xi măng là Tòa Quang Minh bảo điện, là công trình kiến trúc chính của ngôi chùa này. Tòa Quang Minh bảo điện này có hình tứ giác, có cạnh 15m và chiều cao 12m. Trên đỉnh mái có hình hai con rồng được sắp xếp theo thế hồi long. Các đầu đao của 2 tầng mái trên và dưới đều có gắn các cặp lưỡng long vươn đầu ra ngoài. Về nội thất của chùa Tàu, từ lâu đã khá nổi tiếng với 3 pho tượng Tây phương Tam Thánh bằng gỗ trầm hương. Mỗi pho tượng cao 4m, nặng 1.500kg, do Hòa thượng Thọ Dã thỉnh từ Hồng Kông về năm 1958. Ngoài ra, hai bên tường phía trong Quang

Minh bảo điện còn có các tranh vẽ phỗng theo các tích Phật.

Trên đỉnh đồi thông phía sau Quang Minh bảo điện là một đài cao 2 tầng. Tầng trên là một pho tượng Phật Thích Ca đồ sộ, cao trên 10m, đang tọa thiền trên đài sen. Còn tầng dưới là nơi nghỉ ngơi cho khách thập phương tới vãn cảnh chùa.

Cùng với các nhà thờ, chùa chiền trên địa bàn thành phố, chùa Thiên Vương Cổ Sát (chùa Tàu) là một ngôi chùa có rất nhiều nét kiến trúc cũng như trang trí nội thất in đậm phong cách Trung Quốc. Điều đó càng chứng tỏ rằng, mặc dù các hạng mục kiến trúc ở Lâm Đồng không có khác biệt lớn về phong cách so với kiến trúc cùng loại ở các vùng dân cư khác, nhưng vẫn có thể nhận ra những nét "rất riêng của Đà Lạt" ở các công trình kiến trúc này. Trước hết, các kiến trúc này đều chiếm lĩnh những khoảng không gian rộng rãi, cảnh quan khoáng đãng và thường tọa lạc trên những đồi cao, chứ không chen chúc nhau trong những khoảng không gian chật hẹp ở các vùng đô thị.

2.3. Kiến trúc các công trình công cộng

Kiến trúc trường học

Với những ưu thế riêng về môi trường tự nhiên, Đà Lạt đã sớm trở thành một trong những địa điểm lý tưởng cho công tác nghiên cứu, học tập. Nhận thức được điều đó, từ trước đến nay Đà Lạt đã xây dựng được nhiều trường học, nhất là trong giai đoạn 1946-1975.

Nhìn chung, các trường học ở Đà Lạt đều có phong cách kiến trúc tương tự nhau. Đó là phần lớn đều có mặt bằng ổn định bao gồm một dãy trường học một hoặc hai tầng, được lợp ngói và đều có các hình thức trang trí để làm tăng thêm vẻ đẹp cho công trình.

Sau đây là một số trường học tiêu biểu.

** Trường trung học Yersin*

Trường Lycée Yersin hiện nay thuộc địa phận phường 9, có

diện tích tự nhiên khoảng 8 ha. Toàn bộ khu vực nằm trên đỉnh đồi bằng phẳng. Sườn hướng về phía Tây và Tây Nam, có độ dốc khoảng 50 - 60°, nghiêng về phía hồ Xuân Hương. Sườn phía Bắc có độ dốc tương đối cao, khoảng từ 70-80°, nhìn xuống khu vực Nha Địa dư (nay là Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt). Sườn phía Đông khá bằng phẳng, được tạo lập một sân bóng của trường, giáp với khu vực đường Nguyễn Đình Chiểu.

Trường Lycée Yersin là một trường trung học công lập được khánh thành ngày 28.6.1935. Sau năm 1975, được đổi thành trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt.

Đây là một ngôi trường có kiến trúc độc đáo, tuy vẫn ảnh hưởng bởi phong cách kiến trúc cổ điển, nhưng đã tự vượt lên bằng cách tự uốn cong theo một đường cung tròn mềm mại, ôm lấy một khoảng sân trong khá lớn và một tháp chuông lợp bản thạch, như một dấu nhấn mạnh mẽ vươn cao giữa rừng thông và hướng về mặt hồ Xuân Hương thơ mộng.

Trường này do kiến trúc sư Moncet thiết kế và chỉ đạo thi công. Kết cấu của từng công trình đã chứng tỏ tác giả là một trong những kiến trúc rất có sáng tạo, với việc vận dụng táo bạo về mặt kích thước của các kết cấu, cũng như dùng gạch ép xây tường và lợp ngói ardoise xanh đen từ Pháp vận chuyển qua. Toàn bộ ngôi trường với những đường nét kiến trúc thanh nhã và hài hòa với khung cảnh thiên nhiên xung quanh. Mặt khác, cũng không thể không đề cập đến ý tưởng đẹp đẽ của nhà kiến trúc tài hoa này là muốn đưa những đường nét của kiến trúc Thụy Sĩ, quê hương của Yersin vào công trình này. (Ở đây, cụ thể là thành phố Morges). Vì vậy, trường có tháp chuông, có mái đứng và có vòng hành lang cong. Toàn bộ ngôi trường, từ ngôi nhà làm văn phòng, các lớp học và phòng thí nghiệm,... đều kết thành một dạng kiến trúc rất Thụy Sĩ. Riêng các dãy nhà nghỉ, nhà giặt, phòng hội trường cũng như nhà hiệu trưởng và tổng giám thị lại được thiết kế theo dạng kiến trúc thông thường

của các trường học ở Pháp.

** Trường Couvent des Oiseaux*

Trước kia, trường Couvent des Oiseaux còn có tên gọi là Đức Bà Lâm Viên (Notre Dame du Lang Bian), được xây dựng vào năm 1935 trên một đỉnh đồi thông khá bằng phẳng, trường Couvent des Oiseaux có sườn phía Đông Bắc có độ dốc khoảng $30-40^\circ$ nghiêng xuống đường Huyền Trân Công Chúa. Sườn phía Đông có độ dốc khoảng $50-70^\circ$ đổ xuống thung lũng khóm Nam Thiên. Còn phía Bắc có độ dốc khoảng 40° , đổ xuống hướng Du Sinh. Trường được thiết kế 2 tầng, mặt tiền có tiền sảnh nhô ra phía trên có hình tam giác. Phòng chờ rộng khoảng $30m^2$ có cấp vào hành lang để đi vào phía trong và hành lang phía sau đi vào lớp, nhà ngủ và nhà ăn. Phía cánh sau được bố trí nhà ở của các nữ tu, giáo viên và nhà hiệu trưởng. Trường được tổ chức quy mô, có sân chơi phía trong trường, riêng sân trường phía trước rộng và khá đẹp.

Ngày trước, trường này được dành riêng cho con gái nhà giàu của các nước Pháp, Việt Nam, Campuchia, Lào. Việc giảng dạy được tổ chức chu đáo với một nề nếp kỷ luật rất nghiêm khắc, cho nên học sinh trường này thường có tỷ lệ thi đỗ vào các trường đại học khá cao. Cạnh trường còn có một nhà nguyện dành cho nữ tu kiến trúc theo kiểu nhà thờ, có một lầu chuông nhỏ. Từ trường sang nhà nguyện có một lối đi ở phía sau. Toàn bộ khu vực trường có kiến trúc khá đẹp và hài hòa với rừng thông bao bọc xung quanh, tạo không khí yên tĩnh, thoáng mát, rất phù hợp với việc giảng dạy và học tập.

Hiện nay, trường này trở thành trường Dân tộc nội trú của tỉnh.

** Trường Thánh Tâm.*

Khác với một số trường học ở Đà Lạt, Trường Thánh Tâm không xây trên đỉnh đồi mà lại được thiết kế trên một khu đất bằng phẳng, với kiến trúc nhà văn phòng 2 tầng, kiến trúc hình hộp, sườn bê tông tường gạch. Phía cổng vào toàn là cửa sổ. Phía Đông là dãy

hành lang dọc có các văn phòng, cửa phía Nam hướng ra sân chơi. Từ tòa nhà hành chính có nhà chơi rộng nối với dãy nhà phía sau vừa làm ký túc xá, vừa làm phòng học. Dãy nhà sau xây theo hình chữ L bao quanh một sân rộng, phía Nam có hội trường, sân khấu diễn kịch và phòng thí nghiệm. Dọc theo mái ngói có các mái nhỏ cửa kính.

Trước giải phóng, đây là một trong những trường trung học tư thực của miền Nam dạy theo chương trình Pháp. Hiện nay trường này là cơ sở của Trường Tiểu học Lê Quý Đôn và là nơi làm việc của Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh.

* Viện Đại học Đà Lạt

Trên một khu đồi trải rộng gần 40 ha về phía Bắc hồ Xuân Hương, kế sau đồi Cù (nay là sân Golf Đà Lạt), là Trường Thiếu sinh quân (Ecole d'Enfants de Troupe de Dalat). Đến năm 1957, Viện Đại học Đà Lạt được thành lập với một số hạng mục kiến trúc mới được xây dựng thêm nhằm đáp ứng quy mô đào tạo của viện, đưa tổng số lên tới trên 40 ngôi nhà lớn nhỏ với những tên gọi khác nhau. Trong đó, đáng chú ý nhất là khu giảng đường Spellman (nay là Hội trường Thống Nhất); nguyên đường Năng Tĩnh (nay là khu nhà A25), thư viện và các khu nhà Đôn Hóa, Minh Thành, Hòa Lạc, Tri Nhất, Hội Hữu,... (nay là các khu nhà A1, A2, A3, A4, A5...).

Viện Đại học Đà Lạt là một quần thể kiến trúc đẹp nằm giữa những vạt rừng thông thơ mộng. Các nhà thiết kế đã hết sức tôn trọng vẻ đẹp vốn có của môi trường để tạo nên một cảnh quan thơ mộng trong một cơ sở giáo dục. Từ cổng trường đi vào là những con đường nhỏ được trải nhựa, uốn lượn theo các đường đồng mức với những tên gọi hết sức nên thơ như đường Thông Reo, đường Anh Đào, đường Hướng Dương,...

Hầu như mỗi kiến trúc trong khuôn viên nhà trường đều có một dáng vẻ riêng, với một phong cách kiến trúc khá hiện đại được kết hợp rất hài hòa với những yếu tố của trường phái cách tân trong bố

cục. Nổi bật lên trong tổng thể bức tranh kiến trúc của Viện Đại học Đà Lạt là khu nguyện đường Năng Tĩnh với một tháp chuông và phía trên là thánh giá có hình khối tam giác cao 38m, vút lên giữa trời xanh Đà Lạt (sau 1975, thánh giá được thay bằng một ngôi sao đỏ). Khu nhà nguyện là những dãy nhà liên kết nhau theo hình một chiếc quạt mở ra với đỉnh hướng về chân tháp. Mặt trước của tòa nhà nổi lên một kiến trúc 2 tầng, mái nhọn có sảnh mái bằng, thanh thoát gắn với 2 dãy nhà chạy dọc theo 2 bên với các khung cửa lớn. Trung tâm của khu nhà này là nguyện đường với hình thánh giá nổi bật trên nền gỗ. Phía trước là một bệ đá để làm nơi dâng lễ. Toàn bộ không gian nguyện đường được chiếu sáng bởi một khoảng sân rộng ở giữa. Và bao quanh nhà nguyện là những khoảnh sân rải đá mica được viền ngoài bằng những hàng từng bách tạo nên cảm giác vừa trang nghiêm, vừa dễ chịu.

Từ năm 1975, toàn bộ khuôn viên này thuộc về Trường Đại học Đà Lạt. Và nếu nói về mặt kiến trúc thì đây là nơi có kiến trúc khá độc đáo, lại được xây dựng ở một vị trí rất đẹp mà không phải bất kỳ một trường đại học nào của nước ta cũng có thể sánh được.

** Trường Võ bị Quốc gia*

Đây là một trong những công trình có kiến trúc hiện đại nhất Đà Lạt, được xây dựng vào những năm 1957-1958 đến năm 1962 thì hoàn thành.

Được xây dựng trên một mặt bằng lớn gần hồ Than Thở, Trường Võ bị Quốc gia có một con đường từ trường cũ (khu Chi Lăng) sang trường mới. Ngoài ra, còn có một con đường khác, nối từ hồ Than Thở vào trường. Trong khu vực trường có một đại lộ hai chiều, mỗi chiều có 2 làn xe. Cuối con đường này là nhà ăn, nhà bếp, câu lạc bộ xây dựng theo hình cánh cung. Bên phải đại lộ có một khối nhà chữ Y là bộ chỉ huy của trường. Trước mặt là các khối nhà dùng làm lớp học, thư viện, phòng thí nghiệm. Đi sâu vào phía trong có 4 dãy nhà (mỗi bên 2 dãy) là nhà ở của các học viên sĩ quan. Ở cổng, nếu

rẽ về bên phải là sân tập luyện và phía sau là hồ bơi. Trường Võ bị Đà Lạt được xây dựng kiên cố, có trang bị cả phòng tập bắn trong nhà.

Từ năm 1975, cơ sở này là Học viện Lục quân Đà Lạt.

Kiến trúc công sở

Nhìn chung, các công sở của thành phố Đà Lạt đều là những biệt thự lớn có sân vườn bao quanh và có kiến trúc đối xứng trang nghiêm, có mặt bằng thoáng, rộng và bố trí khá đơn giản.

*** Nha Địa dư Đà Lạt**

Đây là một trong những công trình có kiến trúc khá đồ sộ với các hình khối vuông vức kết hợp với mái ngói cao, mặt tường dày bằng khối xây gạch đá tạo cho con người khi đến gần có cảm giác uy nghi.

Tòa nhà chính được thiết kế có một tầng hầm, một tầng trệt và một tầng lầu. Tòa nhà được bố trí hành lang ở giữa, với 2 dãy phòng làm việc ở hai bên và chính giữa là cầu thang, tiền sảnh. Tầng hầm là kho chứa bản đồ, tầng trên là các phòng kỹ thuật. Một cánh phía sau lệch về bên phải là nhà in và nhà mài bản kẽm.

Mặc dù, Nha Địa dư có kiến trúc hình khối làm bằng chất liệu nặng nề, nhưng do được thiết kế rất khéo, giàu tính sáng tạo cho nên hiệu quả đem lại là rất thoáng và thanh thoát. Tòa nhà được thiết kế có nhiều cửa sổ lớn. Đặc biệt mái rất xuôi và phong cách kiến trúc in đậm dấu ấn của miền Trung nước Pháp.

Hiện nay, cơ sở này do Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt (Bộ Quốc phòng) quản lý và sử dụng.

*** Viện Pasteur**

Viện Pasteur Đà Lạt được khởi công xây dựng vào năm 1932 và khánh thành vào tháng 6.1935. Toàn bộ cơ sở này bao gồm một khối chính làm văn phòng và các phòng thí nghiệm, phòng tiệt trùng,

phòng vaccin, phòng lạnh...

Phía ngoài nhìn thẳng vào, ngay phía mặt tiền chính diện phía trên có chân dung nhà bác học Pasteur và dòng chữ Viện Pasteur. Bên phải và trái có các phòng khoa học thử nghiệm về máu và sản xuất huyết thanh.

Phần lớn kiến trúc của viện đều được thiết kế theo dạng hình hộp, mái bằng, được bao bọc xung quanh bởi một số biệt thự xây sườn gỗ, tường gạch theo phong cách Anglo - Normand, là nhà ở của các bác sĩ phục vụ tại đây.

Hiện nay, Viện Pasteur Đà Lạt được đổi tên là *Viện Vaccin Đà Lạt*, trực thuộc Viện Vaccin Nha Trang.

Kiến trúc khách sạn

* Khách sạn Lang Bian Palace

Khách sạn Lang Bian Palace là một công trình kiến trúc tầm cỡ có vẻ đẹp độc đáo được xây dựng sớm nhất ở Đà Lạt (khởi công năm 1916 và hoàn thành vào năm 1922). Các công trình của khách sạn được gắn với rừng thông, thảm cỏ và những bồn hoa, cây cảnh, lại ở trên một độ cao lý tưởng, nhìn thẳng xuống hồ Xuân Hương, đồi Cù và xa hơn nữa là đỉnh Lang Bian ẩn hiện trong sương mù. Tất cả như hòa quyện với nhau tạo thành một bức tranh rất đẹp.

Khách sạn là một tòa nhà mái bằng, xây theo lối kiến trúc cổ điển, các phòng khách, phòng họp rộng rãi và sang trọng nhưng vẫn tạo được cảm giác ấm cúng. Toàn bộ khách sạn được thiết kế 2 khối, lợp mái màu đỏ và không thiết kế bao lơn. Cửa vào ở đường Trần Phú được thiết kế sang trọng và khá hấp dẫn. Khách sạn có một hệ thống sân vườn, nhiều tầng bậc lên xuống. Nhìn ra phía hồ Xuân Hương là một hệ thống cửa kính. Ở ngay cửa lớn vào (cửa chính), phần xây dựng được nhô ra và từ dưới lên mỗi tầng đều có mái hắt như khách sạn Metropol (Hà Nội). Tầng trệt cao hơn sân kiến tạo một tầng hầm, lối vào là một sân nhỏ với những bậc cấp vừa phải. Các cửa sổ từ dưới đều được bố trí thụt vào. Mái hắt trên

tầng 2 chạy viền quanh, phía dưới có trụ đỡ làm tăng thêm vẻ mỹ quan cho công trình. Sân thượng được viền quanh bằng tường chắn xây kếp. Hai bên có hai nhà xây thấp hơn, bên trái làm bếp, bên phải làm nhà ngủ cho nhân viên. Sau này, khi cải tạo và nâng cấp đã nối liền khối bên phải và khối giữa lại với nhau.

Bố cục nội thất khách sạn được chia làm 2 dãy phòng và một hành lang ở giữa. Các phòng ngủ được bố trí theo nội thất các dinh thự phương Tây, có lò sưởi bằng củi và các tiện nghi sinh hoạt hiện đại. Trong khách sạn còn có các phòng khánh tiết dùng hội họp, tiếp kiến, họp báo sang trọng. Lang Bian Palace càng thêm lộng lẫy bởi những dãy đèn chùm quý giá và khá nhiều bức họa đông - tây - kim - cổ được treo một cách khá đẹp trên các tường của khách sạn.

Xung quanh khách sạn là rừng thông già bao bọc, độ che phủ khoảng 30%. Khu vực phía trước khách sạn là thảm cỏ được trồng rất đẹp mắt cùng với các bồn hoa cây cảnh được trồng xen kẽ dưới tán rừng thông và giữa các thảm cỏ.

Khách sạn này còn là nơi gắn liền với những sự kiện lịch sử. Đó là nơi mà Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên được thành lập, là nơi ở của đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, do Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Phó trưởng đoàn trong thời gian họp Hội nghị trù bị Đà Lạt (1946), là nơi Bộ Chính trị tổ chức Hội nghị tổng kết chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1975).

Hiện nay, Lang Bian Palace đã được đổi thành Sofitel Palace và do Công ty liên doanh về du lịch giữa Lâm Đồng và DRI quản lý. *Sofitel Palace Hotel* đã được Tổng cục Du lịch xếp hạng 5 sao vào năm 1998.

Một số kiến trúc công cộng khác

*** Chợ Đà Lạt**

Năm 1929, nhằm phục vụ nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa,

Công sứ Chassaing đã cho xây dựng một khu chợ có quy mô đầu tiên ở Đà Lạt tại trung tâm Hòa Bình, thay thế cho ở ấp Ánh Sáng trước đó. Do khu chợ được xây dựng bằng gỗ, lợp tôn cho nên, thời đó, dân ở đây vẫn thường gọi là "*Chợ Cây*".

Năm 1937, khu chợ này bị cháy và lửa đã thiêu huỷ hoàn toàn, Công sứ Lucien Angès đã quyết định cho xây lại một khu chợ mới bằng gạch. Mặt tiền của khu chợ mới này có gắn hình huy hiệu của thành phố, trong đó có một đôi nam nữ thanh niên-người K'ho, một con hổ và câu châm ngôn bằng tiếng La tinh: *Dat Aliis Laetitiam Aliis Temperiem* nghĩa là "*cho người này niềm vui, cho người khác sức khỏe*". Trước đây đã có một số người giải thích tên gọi của thành phố Cao nguyên này là xuất phát từ việc ghép các chữ cái đầu của câu châm ngôn trên đây, và đã có thời, khu chợ này được xem là biểu tượng của thành phố Đà Lạt.

Đến năm 1955, dân số Đà Lạt đã tăng lên một cách đáng kể với gần 5,4 vạn dân. Khu chợ cũ đã tỏ ra không còn phù hợp nữa, lại ở ngay giữa trung tâm thành phố, gây không ít trở ngại, ách tắc không nhỏ về giao thông. Để khắc phục tình trạng này, chính quyền thành phố lúc đó đã cho xây dựng một khu chợ mới 2 tầng hiện đại. Vị trí chợ mới này được bố trí ngay tại thung lũng giữa đồi Hòa Bình và đồi trai Bảo An, do kiến trúc sư Nguyễn Duy Đức thiết kế. Sau khi móng được thi công xong, Ngô Đình Diệm, trong một lần lên Đà Lạt có đến xem xét và đã yêu cầu ngưng lại, đồng thời chỉ thị kiến trúc sư Ngô Viết Thụ điều chỉnh các cơ sở bố trí quanh chợ.

Năm 1958, chợ mới Đà Lạt được khánh thành. Đây là ngôi chợ có kiến trúc mới nhất ở Việt Nam trong thời kỳ này. Chợ được thiết kế hiện đại, hài hòa với cảnh sắc xung quanh. Mặt tiền khu chợ uốn cong mềm mại. Phía trước là một *bùn bình* nhỏ trồng hoa. Và đặc biệt hơn, một tượng đài phụ nữ khá hoành tráng đã được xây dựng ở đây, tạo thêm cảnh quan đẹp cho toàn bộ khu vực chợ Đà Lạt. Tòa nhà kéo dài vào phía trong với các hệ thống cầu thang lên xuống rộng rãi được bố trí hợp lý đã tạo thành những chiếc tháp

duyên dáng. Khu tầng trệt được dùng làm nơi mua bán hoa, rau, quả và các loại thực phẩm khô nói chung. Tầng lầu là khu mua bán vải vóc, quần áo, đồ điện gia dụng,... Từ trung tâm Hòa Bình, các nhà thiết kế đã bố trí một chiếc cầu dẫn vào tầng 2 của chợ.

Năm 1993, nhân kỷ niệm 100 năm hình thành và phát triển Đà Lạt, đồng thời để đáp ứng nhu cầu phát triển mới của Đà Lạt, Ủy ban Nhân dân thành phố đã quyết định nâng cấp khu chợ này thành "*Trung tâm thương mại - dịch vụ*" trên cơ sở cải tạo lại phần hiện có và xây dựng thêm hai khu mới nối liền phía sau dãy nhà chính. Công trình này hiện nay đã hoàn thành xong giai đoạn I với việc đã hoàn tất giai đoạn sửa chữa nhà khu A, đưa vào sử dụng nhà khu B, đồng thời, toàn bộ đường xung quanh chợ đã được rải bê tông nhựa nóng.

* Nhà ga Đà Lạt

Ga Đà Lạt được xây dựng từ năm 1938, do 2 kiến trúc sư Reveron và Moncet thiết kế và được hoàn thành vào năm 1938.

Đây là một nhà ga xe lửa có kiến trúc đẹp và độc đáo không những của Đà Lạt mà còn là của cả nước ta. Phong cách kiến trúc cổ điển in đậm lên toàn bộ tòa nhà bằng bố cục đối xứng giữa các phần kiến trúc, ở những mái ngói đỏ cao vút, những phần mái gấp, mái bẻ góc và những ô cửa sổ cùng với những bức tường đá chẻ tới ngang bề cửa sổ. Ngay ở mặt chính diện là 3 chóp mái song song liền nhau chạy suốt từ đỉnh xuống rìa mái giả ở tầng một. Phía dưới chóp mái là dòng chữ *ĐÀ LẠT* khá lớn. Tương ứng với mỗi chóp mái là 3 cửa sổ với nhiều ô kính nhỏ tạo nên sự khoáng đạt cho mặt tiền và cho cả tòa nhà. Vuông góc với 3 mái theo chiều ngang của công trình là 2 mái dọc chạy về 2 phía và bẻ góc ở phần rìa mái. Toàn bộ khối nhà tạo cho ta có sự liên tưởng tới những đỉnh núi nhấp nhô của Đà Lạt.

Khu nhà ga được thiết kế theo nguyên tắc đối xứng, với 2 mặt sau trước (Đông - Tây) và hai bên (Nam - Bắc) được bố cục tươ

tự nhau. Phía tiếp giáp với đường ray có thêm các dãy mái che bằng bê tông chạy dài dọc theo 2 bờ “ke” đón khách, càng tạo thêm dáng thanh thoát và tiện nghi cho kiến trúc.

Trong tương lai, khi khôi phục xong đường sắt răng cưa đi Tháp Chàm (Ninh Thuận), ga Đà Lạt sẽ trở thành một vị trí giao thông quan trọng và là một điểm du lịch khá độc đáo của thành phố du lịch và nghỉ dưỡng này.

Kiến trúc nhà ở

Cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước, việc xây dựng nhà ở tại Đà Lạt phụ thuộc vào mức độ tăng trưởng dân và thành phần dân cư của thành phố. Theo hướng đó, giai đoạn từ 1945 đến 1970, khối lượng xây dựng nhà ở tại Đà Lạt có sự phát triển khá lớn. Tuy nhiên, mật độ xây dựng trong thành phố không đồng đều, hình thái quy hoạch cũng rất khác nhau.

Sau đây là một số thể loại nhà ở tiêu biểu:

Kiến trúc các dinh thự

Ở Đà Lạt, để phù hợp với môi trường tự nhiên, các dinh thự thường chiếm cứ trên những quả đồi cao, nhằm quan sát được toàn cảnh của thành phố và tạo lợi thế trong việc giữ gìn an ninh. Đó là những tòa nhà tráng lệ nằm giữa rừng thông xanh mát quanh năm và được bao quanh bởi một hệ thống sân vườn quy mô với các vườn hoa, cây cảnh, bồn nước,... Các tòa dinh thự này với màu tường sáng, chiếm lĩnh trên đỉnh cao, ẩn hiện trong các rừng thông dày màu lá xanh tươi quanh năm, đã trở thành những điểm nhấn tô điểm cho bức tranh phong cảnh thêm ngoạn mục, càng làm tôn thêm vẻ đẹp tổng thể của thành phố Cao nguyên hùng vĩ này.

Ở Đà Lạt có ba dinh, đó vừa là nơi nghỉ mát và là nơi làm việc được xây dựng theo lối cung điện dành cho các nguyên thủ quốc gia.

Dinh I

Tọa lạc trên một diện tích khoảng 60 ha, Dinh I được xây dựng vào cuối thập niên của thế kỷ 20. Đó là một quần thể kiến trúc khá lớn và đẹp của thành phố Đà Lạt.

Ban đầu, dinh thự này là văn phòng làm việc của các quan trong Hoàng triều cương thổ. Cuối những năm 1950, đây là nơi nghỉ mát của Ngô Đình Diệm. Sau khi Ngô Đình Diệm bị giết, dinh thự này vẫn được dùng làm nơi nghỉ mát của các nguyên thủ quốc gia chế độ cũ cho đến năm 1975. Sau năm 1975, Dinh I được dùng làm nhà khách Trung ương, còn hiện nay do Công ty DRI quản lý và sử dụng.

Theo lối vào công trình là hai hàng cây bạch dương cao vút, có thân trắng xốp nổi bật giữa ngàn thông xanh thuần chủng. Giữa con đường là một đảo hoa xoay hướng đến công trình chính, mặt bằng công trình đối xứng với đường vào ở giữa và hệ thống cầu thang, hành lang mở ra hai bên - xung quanh là một số biệt thự khác và các nhà phục vụ. Một hệ thống sân vườn, bể cảnh, đường nhỏ đi dạo... đã hợp thành một hệ thống hoàn chỉnh.

Toàn bộ khu vực dinh, nằm gọn trên một quả đồi có độ dốc bình quân khoảng 60° - 70° , giữa một khu vực rừng cảnh quan đẹp và thơ mộng.

Dinh II

Dinh II có diện tích tự nhiên khoảng 26 ha, trong đó khu vực dinh có 10 ha và khu vực rừng cảnh quan được quy hoạch 16 ha.

Dinh II là một tòa lâu đài nguy nga, tráng lệ nằm trên một đỉnh đồi có độ cao 1.539 mét, quanh năm bát ngát thông xanh, xen giữa những thảm cỏ mọc tự nhiên. Từ độ cao này, xuyên qua rừng thông phía trước, mặt hồ Xuân Hương gọn sóng lặn tẩn, phía sau là sân Golf với những thảm cỏ xanh mượt như nhung và xa hơn nữa, đỉnh Lang Bian ẩn hiện trong sương... Tất cả đều như một bức tranh tuyệt đẹp.

Đây là một công trình do các kiến trúc sư A.Léonard, P.Veyssere và A.T.Kruze thiết kế vào năm 1937. Phong cách kiến trúc của dinh thự này chịu nhiều ảnh hưởng của trào lưu cách tân kiến trúc châu Âu lúc bấy giờ do Le Corbusier khởi xướng. Sự cách tân này thể hiện ở việc nó được thiết kế các mái bằng đồ sộ với các hình khối, bố cục tuy cân đối nhưng lại không đăng đối. Nhằm thỏa mãn mục đích vừa là nơi ở, nơi tiếp khách và vừa là nơi làm việc, mặt bằng của công trình được bố trí khá hiện đại. Toàn bộ tầng trệt được bố trí cho các phòng làm việc, phòng tiếp khách gắn với các tiểu cảnh kiến trúc công viên. Không gian kiến trúc ở đây như hòa trộn với nhau thông qua các lối đi và cửa sổ bằng kính có khung thép rất lớn, nhưng vẫn không phá vỡ không khí ấm cúng của các phòng. Bên cạnh đó, công trình này còn được sử dụng chất liệu đá mài có hình dáng đá chẻ màu sáng. Riêng các cửa làm bằng sắt được đưa từ Pháp sang.

Cuối đại sảnh được thiết kế một cầu thang lớn dẫn lên các phòng có bố cục không đối xứng nhưng lại rất hợp lý với đầy đủ tiện nghi được sắp xếp một cách hài hòa.

Dinh II là một trong những công trình có kiến trúc đẹp của Đà Lạt, mang nhiều dấu ấn gắn liền với dấu ấn lịch sử của đất nước. Hiện nay, Dinh II được bố trí làm nhà khách của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Dinh III

Dinh III, còn gọi là dinh Bảo Đại, được xây trong khoảng từ năm 1933 đến 1938, do một kiến trúc sư người Pháp và kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát thiết kế.

Đây là một dinh thự vô cùng đẹp đẽ và trang nhã, nằm giữa một rừng thông thuần chủng nhiều tuổi gắn liền với các tiểu cảnh kiến trúc công viên, vườn Thượng Uyển, rừng Ái Ân và một hồ nước nhỏ hòa quyện vào nhau một cách rất hợp lý và thơ mộng. Dinh III được bố trí trên một đỉnh đồi mà trong dự án chính trang Đà Lạt của

Hébrard dành cho dinh toàn quyền.

Về phong cách kiến trúc, Dinh III cũng là một trong những công trình chịu ảnh hưởng của trào lưu cách tân về kiến trúc ở châu Âu. Điểm đáng lưu ý ở công trình kiến trúc này là phía bên phải cổng vào và phía sau dinh có một vườn hoa nhỏ kiểu cung điện ở Pháp trồng toàn cây cảnh cắt đẹp và những cụm hồng quý nở hoa quanh năm. Bốn hoa phía trước dinh tương đối rộng và hoa được trồng, chăm sóc khá chu đáo. Ẩn dưới tán lá thông và xen giữa các thảm cỏ xanh là những con đường nhỏ để đi dạo quanh dinh.

Tương tự như Dinh II, Dinh III là một công trình kiến trúc đồ sộ với mái bằng và các hình khối cân đối nhưng không đăng đối một cách cứng nhắc. Cửa chính diện rộng vừa phải (khoảng 4m), có sảnh trước khi vào tầng trệt là phòng tiếp tân và các phòng làm việc: bên phải là văn phòng của vua Bảo Đại, thư viện; bên trái là phòng họp và các phòng làm việc khác; phía trong là phòng giải trí. Điều đáng chú ý là việc thiết kế các phòng làm việc của dinh được gắn với các tiểu cảnh kiến trúc không gian phía trong và ngoài thông với nhau qua các lối đi và cửa sổ kính bằng khung thép, tạo ra một khung cảnh hài hòa giữa kiến trúc và thiên nhiên. Toàn bộ tầng 2 của dinh được dùng cho sinh hoạt gia đình, gồm các phòng ngủ của Vua Bảo Đại, của Hoàng hậu Nam Phương, của các công chúa và hoàng tử.

Dinh III là một kiến trúc đẹp, gắn liền với một giai đoạn lịch sử cuối triều Nguyễn. Nơi đây hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật giá trị của gia đình vua Bảo Đại.

Kiến trúc các biệt thự

Bên cạnh kiến trúc của các dinh, hệ thống biệt thự ở Đà Lạt không những đã có nhiều đóng góp rất lớn trong việc làm phong phú thêm môi trường kiến trúc của thành phố, mà còn là một trong những nét đặc trưng của thành phố này. Những kiến trúc xinh xắn, là nơi cư ngụ của một hộ gia đình ẩn dưới những tán lá thông xanh

thấm và bao quanh bởi nhiều loại hoa và cây cảnh khác nhau. Mỗi một biệt thự đều tựa như một bức tranh phong cảnh hoàn chỉnh với một diện mạo và vẻ đẹp riêng. Có lẽ, Đà Lạt là một thành phố có nhiều biệt thự nhất nước ta. Điểm đáng chú ý ở đây là không có cái nào giống cái nào, nhưng nếu nhìn toàn cục thì nó lại rất thống nhất và hài hòa với môi trường thiên nhiên, mặt khác nó còn góp phần đáng kể làm tăng thêm nét độc đáo và hấp dẫn cho thành phố Cao nguyên xinh đẹp này.

Dựa theo diện tích đất xây dựng, lâu nay, người ta thường phân chia các biệt thự ở Đà Lạt thành một số loại nhất định. Đó là loại biệt thự tiêu chuẩn cao cấp có diện tích khoảng $1.500m^2$ trở lên; biệt thự hạng vừa có diện tích khoảng từ 1.000 đến $1.500m^2$.

Về phong cách kiến trúc, có thể được phân theo hai loại:

- Thể loại theo trào lưu cổ điển: được xây dựng nhiều vào thời kỳ đầu với bố cục mặt bằng đơn giản, thường đi sâu vào các chi tiết đứng. Nhà mái ngói có độ dốc đứng. Đây cũng là đặc trưng nổi bật của trường phái kiến trúc vùng Normandie (Tây Bắc nước Pháp); loại biệt thự này thường có cách thiết kế cầu kỳ ở các chi tiết mái, cầu thang, cửa sổ, cửa đi vào, đặc biệt là những hoa văn ở những vòm cửa có tính nghệ thuật cao.

- Loại thứ hai là các biệt thự chịu ảnh hưởng của trào lưu cách tân kiến trúc ở Pháp do Le Corbusier và Gropius đề xướng trong giai đoạn 1920 - 1930. Các biệt thự loại này thường có bố cục mặt bằng được bố trí một cách tự do, linh hoạt, được bố trí tùy theo địa hình hay chức năng sử dụng, đã tạo thành những hình khối công trình được đa dạng và phong phú hơn. Các mái nhà được lợp ngói hoặc bằng bê tông cốt thép, phong cách kiến trúc tương tự như kiến trúc của miền Nam nước Pháp hay miền Địa Trung Hải. Loại hình kiến trúc này được xây dựng khá nhiều ở Đà Lạt. Kiến trúc ở đây thường hướng vào nghệ thuật tạo hình khối và bố trí sân vườn xung quanh. Ở các biệt thự được xây dựng theo phong cách này, không gian ở

và môi trường được xử lý hòa nhập vào nhau một cách tự nhiên bởi khoảng không gian như mái hiên, vườn cảnh... được thiết kế khá sáng tạo, nhằm tạo ra cảm giác hệ thống không gian liên tục và thoáng đãng.

Nếu như ở Đà Lạt, các dinh thự thường chiếm lĩnh ở các đỉnh cao, thì trái lại, các biệt thự ở đây đều ẩn mình trong các rừng thông xanh nối tiếp nhau, và nó chỉ được xây không quá 3 tầng (kể cả tầng trệt), để không thể phá vỡ cảnh quan và rừng cây. Đa phần các biệt thự ở Đà Lạt là loại biệt thự có khung sườn bằng gỗ tốt xây chèn gạch. Sàn là một lớp gỗ hay bằng sàn thép. Kiến trúc trần gỗ, sàn gỗ tạo cho người ở có cảm giác ấm cúng, rất phù hợp với một môi trường thiên nhiên quanh năm lạnh lẽo và có độ ẩm khá cao. Đây cũng là đặc điểm kiến trúc của miền Bắc nước Pháp, từ thành phố Rouen đến Lille. Hệ thống khung cột giữ cho nhà vững chắc được sử dụng toàn bằng gỗ, sau đó xây chèn gạch. Không những tạo thế vững chắc cho kết cấu công trình mà còn tăng thêm vẻ độc đáo của từng biệt thự. Do điều kiện khí hậu mát mẻ quanh năm và thường khá lạnh vào ban đêm cho nên hầu hết các biệt thự ở Đà Lạt đều rất chú trọng đến hệ thống lò sưởi và tận dụng tầng áp mái. Vì vậy, các biệt thự được xây dựng trong những thời gian trước đây đều có các mái nhô và một hệ thống lò sưởi, ống khói hoàn chỉnh, thiết kế khá đẹp mắt. Điều này được thể hiện ở một số đặc điểm như sau:

** Phần mái nhà :*

+ Loại nhà có 2 mái xiên ở 2 đầu: Loại này có thiết kế in đậm dấu ấn của phong cách kiến trúc miền Nam nước Pháp.

+ Loại nhà có 2 mái với các mái nhô: Nếu nhà có các mái nhô tròn là mang phong cách kiến trúc của miền Trung và Bắc nước Pháp; còn nếu nhà có các mái nhô nhọn và cao, lại có các cửa kính lớn, thì mang phong cách của miền Nam Paris.

+ Loại nhà có mái dài, mái ngắn là loại nhà ở vùng núi từ Vosges xuống đến vùng Alpes vì ở đây thường có tuyết xuất hiện

nên mái nhà phải như vậy để dễ thoát nước khi tuyết tan.

- + Loại mái dốc xây đá chẻ là loại nhà kiểu Anglo - Normand.
- + Loại mái lợp ardoise (đá mài miếng mỏng màu đen) là đặc điểm đặc trưng của loại nhà thuộc vùng cao nguyên miền Trung nước Pháp.

* *Phần mái nhô:*

Đây cũng là một trong những đặc điểm dễ nhận thấy trong kiến trúc nhà ở của nước Pháp. Việc thiết kế này chủ yếu là để tận dụng các phòng trên mái nhà mà người Pháp gọi là *mansarde* (tức là phòng trần xiên tận dụng trên tầng sát mái). Việc làm này không những làm tăng hiệu quả sử dụng của ngôi nhà mà còn làm cho mái nhà của biệt thự thêm đẹp và có sức hấp dẫn hơn, nhất là đối với những mái nhà có diện tích lớn.

Ở đây việc thiết kế các mái nhô cũng có những đặc điểm riêng, góp phần thể hiện phong cách kiến trúc của một số vùng ở nước Pháp:

- + Nếu phần mái nhô có dạng hình tròn, nhỏ, có cửa sổ kính là đặc điểm của miền Bắc nước Pháp.
- + Nếu mái nhô cao ra ngoài nhiều và có cửa kính lớn là đặc điểm của miền Trung nước Pháp.
- + Còn nếu mái nhô ra và có cửa kính dài là được cải tiến cho phù hợp với môi trường thiên nhiên của Đà Lạt.

* *Hệ thống lò sưởi:*

Như đã trình bày ở trên, khí hậu Đà Lạt những năm trước đây khá lạnh. Vì thế, để chống lại cái lạnh giá của thiên nhiên Đà Lạt, về kiến trúc, các biệt thự được thiết kế tường xây khá dày, còn được thiết kế một hệ thống lò sưởi hợp lý, phù hợp với từng ngôi nhà cụ thể. Đó cũng là một dạng kiến trúc vừa để trang trí và vừa để sưởi ấm trong những ngày lạnh giá ở thành phố sương mù này. Lò sưởi

ở các biệt thự Đà Lạt được thiết kế theo nhiều kiểu khác nhau, phù hợp với từng kiến trúc cụ thể. Chính nó đã góp phần đem lại niềm vui vào mỗi buổi tối và sự ấm cúng cho mỗi gia đình. Trong các biệt thự ở Đà Lạt, lò sưởi được bố trí ở phòng khách và phòng ngủ và số lượng các lò sưởi này có thể cho biết chủ nhân của biệt thự ở mức độ giàu có, sang trọng ra sao.

** Ống khói lò sưởi:*

Quan sát nóc lò sưởi, người kiến trúc sư giàu kinh nghiệm có thể biết ngay được chủ nhà hoặc công trình kiến trúc này được thiết kế theo phong cách kiến trúc thuộc miền nào của nước Pháp:

+ Ống khói lò sưởi ở miền Bắc nước Pháp thường có 3 ống tròn ở trên đầu nóc để che mưa, hoặc chỉ có một ống tròn ở giữa tấm che.

+ Ống khói lò sưởi ở miền Trung và Nam nước Pháp được thiết kế cho khói ra 4 phía có tấm chặn phía trên.

+ Ống khói lò sưởi xây có cần đá và một phía uốn tròn là kiểu thiết kế được cải tiến cho phù hợp với vùng Cao nguyên.

** Vườn cảnh và cổng ra vào:*

Các công trình kiến trúc ở Đà Lạt phần ngoại thất, đặc biệt là vườn hoa cây cảnh rất được các nhà thiết kế quan tâm. Từ phía ngoài vào nhà qua cổng chính, lối đi được bố trí giữa vườn hoa với các loại hoa đua từ Pháp sang. Các ngôi nhà thường thiết kế phòng khách sâu về phía sau để có tầm nhìn ra vườn hoa được rộng và tạo cảm giác thoáng đãng.

Cổng vào các biệt thự cũng được chú ý thiết kế sao cho phù hợp với từng địa điểm ngôi nhà. Số nhà có cổng đi thẳng vào mặt tiền không nhiều, cổng thường được bố trí lệch về một phía để dễ tạo thành một mảnh vườn hoa, và khi khách vào nhà có thể ngắm nhìn được vườn hoa. Những biệt thự lớn có xe hơi thường có cổng vào, lối ra riêng biệt để thuận tiện cho xe ra vào mà không cần trở

đầu xe. Riêng một số biệt thự nhỏ, thường có bốn hoa đúc ở cửa sổ, quanh chân tường nhà. Tất cả đều được sắp xếp, bố trí một cách hài hòa và đẹp mắt.

Các giá trị của kiến trúc Đà Lạt

Cùng với môi trường cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc Đà Lạt đã góp phần đáng kể tạo cho thành phố Cao nguyên xinh đẹp này thêm độc đáo và có sức quyến rũ đến lạ kỳ. Chính vì vậy mà kiến trúc Đà Lạt có một giá trị đặc biệt trong đời sống của cộng đồng các dân tộc thành phố.

Kiến trúc ở Đà Lạt trước hết là kiến trúc cảnh quan. Các công trình ở Đà Lạt, nhất là các công trình kiến trúc, đều được thiết kế một hệ thống sân vườn hoàn chỉnh, phù hợp với từng địa điểm cụ thể.

** Giá trị lịch sử*

Đà Lạt là một thành phố mà sự ra đời và phát triển của nó khá đặc biệt. Từ một vùng rừng núi dân cư thưa thớt, đời sống của nhân dân còn rất cực khổ và lạc hậu. Thế nhưng, kể từ những năm 1920, Đà Lạt đã có sự phát triển mạnh mẽ trên hầu hết các lĩnh vực. Riêng về mặt kiến trúc, Đà Lạt đã trở thành một đô thị hiện đại với những con đường uốn lượn quanh co; những thảm cỏ, rừng thông ngút ngàn xanh mướt; những dòng suối, ngọn thác hùng vĩ, ... và những công trình kiến trúc đa dạng và hiện đại.

Các công trình kiến trúc ở Đà Lạt là những chứng nhân chứng kiến sự phát triển của thành phố trải qua hơn 100 năm hình thành và phát triển. Đó là những công trình chứa đựng nhiều dấu tích chứng minh cho sự ra đời độc đáo, cũng như phản ánh cuộc sống của mọi tầng lớp nhân dân, trong đó đáng lưu ý là phản ánh tư tưởng của những người đã góp công xây dựng.

** Giá trị văn hóa*

Có thể nhận định một cách khách quan kiến trúc Đà Lạt là một

di sản văn hóa in đậm dấu ấn kiến trúc của các địa phương nước Pháp. Đó là những công trình thể hiện trí tuệ và tâm hồn của các kiến trúc sư người Pháp trên đất Đà Lạt. Chính họ cùng với các chủ nhà người Pháp đã đưa đến Đà Lạt những phong cách kiến trúc thuộc các vùng của quê hương họ.

Ngoài ra, kiến trúc Đà Lạt còn thể hiện sự sáng tạo độc đáo của từng kiến trúc sư, trong đó rõ rệt nhất và cũng là thành công nhất là *"Kiến trúc cảnh quan"* đã được thể hiện từ trong ý đồ quy hoạch đầu tiên của thành phố này. Mỗi một công trình kiến trúc đều được thiết kế, bố trí, sắp xếp rất hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, mà đáng kể nhất là các công trình này đã khai thác triệt để đặc điểm địa hình và cảnh quan thiên nhiên của thành phố, chính vì vậy đã tạo cho Đà Lạt có dáng vẻ rất riêng và khá độc đáo. Kiến trúc của thành phố có phong cách của châu Âu, châu Á nhưng không vì thế mà mâu thuẫn, xung đột nhau. Trái lại, tất cả đều hài hòa trong một khung cảnh vừa trữ tình, thơ mộng và cũng rất hùng vĩ.

Mặt khác, các công trình kiến trúc của Đà Lạt còn được nhiều nhà khoa học đánh giá là những di tích kiến trúc có giá trị bởi tính đa dạng nhưng lại rất độc đáo. Đó thực sự là một di sản quý báu cần được trùng tu và bảo tồn một cách khoa học. Nếu thực hiện được điều đó, chắc chắn kiến trúc Đà Lạt sẽ làm tăng thêm tính hấp dẫn, góp phần thu hút du khách đến tham quan, tìm hiểu về Đà Lạt. Và như thế, kiến trúc Đà Lạt sẽ trở thành một tiềm năng du lịch lớn của Đà Lạt, góp phần tăng thu cho ngân sách Nhà nước.

HƯỚNG XÂY DỰNG YẾU LIÊN ĐÀ LẠT ĐẾN NĂM 2010

PHẦN III

NGUYÊN TẮC CHUNG

ĐÀ LẠT - TÂM CAO MỚI

chủ nghĩa. Trước hết gắn nền sản xuất hàng hóa của Đà Lạt với thị trường trong nước, đồng thời từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng nội tại cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh, chất lượng cao, thích ứng với thị trường quốc tế bằng hoàn thiện của các đô thị khác trong cả nước.

đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Hấp thụ tối đa các nguồn nội lực nhằm tạo ra các yếu tố tăng trưởng đồng thời tranh thủ các nguồn lực bên ngoài. Trong những năm trước mắt cần gắn nền kinh tế Đà Lạt với kinh tế trọng điểm ở phía Nam, trong đó chú trọng quan hệ gắn liền kinh tế trọng thị trấn tâm thành phố TP Hồ Chí Minh.

tiến thủ hội nhập

ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀ LẠT ĐẾN NĂM 2010

NGUYỄN TRI DIỆN

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trước hết gắn nền sản xuất hàng hóa của Đà Lạt với thị trường tại chỗ, trong nước; đồng thời từng bước mở rộng thị trường quốc tế nhằm phát huy và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng nội lực của Đà Lạt cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh, đưa tổng thu nhập bình quân tính theo đầu người bằng hoặc hơn mức trung bình của các đô thị khác trong cả nước.

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Phát huy tối đa các nguồn nội lực nhằm tạo ra các yếu tố bên trong vững mạnh; đồng thời tranh thủ các nguồn lực, lợi thế bên ngoài. Trong những năm trước mắt cần gắn nền kinh tế Đà Lạt với các nền kinh tế trọng điểm ở phía Nam, trong đó chú trọng quan hệ đặc biệt với các nền kinh tế trong tứ giác tăng trưởng TP.Hồ Chí Minh - Bình Dương - Biên Hòa - Bà Rịa - Vũng Tàu, ưu tiên thu hút đầu tư phát triển nền công nghiệp sạch.

Xây dựng phát triển Đà Lạt theo các chức năng là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng; trung tâm giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học của cả vùng và quốc tế; trung tâm chính trị, văn hóa và đầu mối

giao lưu kinh tế quan trọng của tỉnh Lâm Đồng. Xây dựng Đà Lạt trở thành một đô thị sạch đẹp, văn minh và lịch sự để thu hút du khách, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế du lịch - dịch vụ.

4 Kết hợp phát triển kinh tế với công bằng xã hội; giải quyết việc làm, nâng cao mức sống nhân dân và dân trí; quan tâm đúng mức đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng ngoại thành, vùng ven. Phấn đấu hoàn tất công tác xóa đói giảm nghèo tiến tới không còn hộ nghèo.

Phát triển kinh tế phải chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ cảnh quan nhằm phục vụ tốt nhất việc củng cố phát triển theo các chức năng đã được xác định, bảo đảm phát triển bền vững. Kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn thành phố.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Trên cơ sở những tiềm năng và những định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, mục tiêu phát triển kinh - tế xã hội giai đoạn 2000-2010 của thành phố Đà Lạt sẽ là:

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi đầu tư nhằm phát triển với nhịp độ tăng trưởng kinh tế bằng hoặc cao hơn mức bình quân của cả nước. Đẩy nhanh nhịp độ phát triển du lịch và các ngành dịch vụ, đồng thời phát triển các ngành kinh tế theo định hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Phấn đấu đạt mức tăng trưởng kinh tế bình quân 10-11% thời kỳ 2000-2010, thu nhập bình quân đầu người trên tổng sản phẩm nội địa năm 2000 đạt 500 USD, năm 2005 đạt 650-700 USD và năm 2010 đạt 1000-1100 USD.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Mở rộng thị trường kinh tế xuất khẩu, tăng khả năng xuất khẩu các hàng hóa đã qua chế biến và có hàm lượng nội địa cao; tăng sức mạnh cạnh tranh của hàng hóa - dịch vụ địa phương. Khai thác tốt các nguồn viện trợ phát triển (ODA) và thu hút các nguồn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) để phát triển sản xuất và cơ sở hạ tầng đô thị.

- Quản lý và tổ chức tốt các nguồn thu ngân sách trên địa bàn Đà Lạt. Tích cực đầu tư phát triển để tạo thêm nguồn thu mới cho ngân sách. Phấn đấu đạt tỷ lệ thu ngân sách 15-17 %/GDP giai đoạn 2000-2005 và đạt 20-22%/GDP giai đoạn 2006-2010. Duy trì thực hành tiết kiệm và tăng chi cho đầu tư phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội.

- Tạo chuyển biến cơ bản về văn hóa, giáo dục, y tế và các vấn đề an sinh xã hội. Tăng cường các thiết chế văn hóa nhằm từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu của một trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng của cả nước và khu vực. Tăng cường công tác quản lý dân số, giảm tỷ lệ tăng dân số (kể cả tăng tự nhiên và tăng cơ học) thời kỳ 2000-2005 là 1,53% và thời kỳ 2006-2010 là 1,50%. Tích cực tạo điều kiện để thu hút đầu tư mở rộng sản xuất nhằm thu hút từ 10-12 ngàn lao động có việc làm.

- Phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục bậc phổ thông trung học vào năm 2010, đa dạng hóa các loại hình đào tạo và đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và giảm chi ngân sách cho sự nghiệp giáo dục một cách hợp lý. Phấn đấu đến năm 2010 hoàn thành công tác kiên cố hóa và hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các trường học trên địa bàn.

- Đầu tư phát triển và xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển các môn thể thao mũi nhọn và nâng cao thể chất cho các tầng lớp dân cư.

- Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tạo môi trường xã hội lành mạnh để thu hút đầu tư phát triển các ngành kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

CÁC PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KTXH ĐẾN NĂM 2010

Từ những quan điểm được trình bày trên đây, dự báo về sự phát triển nền kinh tế Đà Lạt theo 2 phương án với hai cách tiếp cận

như sau:

Cách tiếp cận thứ nhất: Từ mục tiêu chung của cả tỉnh Lâm Đồng và của vùng kinh tế Đông Nam bộ, xem xét các điều kiện về lợi thế và những hạn chế của Đà Lạt để xây dựng phương án.

Cách tiếp cận thứ hai: Từ những điều kiện và yếu tố phát triển tối đa các tiềm năng và nguồn lực của thành phố; khai thác tối đa khả năng hợp tác với bên ngoài để phát triển nhanh du lịch - dịch vụ và công nghiệp, kết cấu hạ tầng để đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế của Đà Lạt trong tổng thể nền kinh tế tỉnh Lâm Đồng.

PHƯƠNG ÁN 1

Nội dung chủ yếu của phương án này là nền kinh tế đã có tăng trưởng trong những năm qua tạo đà cho sự phát triển cả giai đoạn 2000 - 2010. Tận dụng mọi cơ hội trong việc tiếp thị và hợp tác thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết với các đô thị lớn trong khu vực; đồng thời tích cực chủ động phát huy nội lực để huy động các nguồn vốn trong nhân dân đầu tư phát triển các ngành kinh tế. Trong thời kỳ 2000 - 2010, hàng năm phấn đấu phát triển công nghiệp - xây dựng với tốc độ 11-11,5%, nông - lâm nghiệp tăng 5,5% và dịch vụ - thương mại với tốc độ 18-19%. Từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng du lịch - dịch vụ và công nghiệp; đầu tư phát triển các vùng nông thôn ở ngoại vi vùng ven thành phố.

Để đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài đối với nền kinh tế của thành phố cần đầu tư nâng cấp các cơ sở dịch vụ du lịch, phát triển giao thông, đặc biệt là giao thông nội thị và giao thông nông thôn, vùng ven; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình cấp thoát nước, chương trình nâng cấp và cải tạo hệ thống điện trên toàn địa bàn thành phố, phát triển đồng bộ hệ thống thông tin liên lạc với bên ngoài và các xã vùng ven.

- Tăng tỷ trọng đầu tư vốn ngân sách, vốn tín dụng ưu đãi cho

phát triển kết cấu cơ sở hạ tầng và nâng cấp trang thiết bị cho các doanh nghiệp Nhà nước theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong các lĩnh vực chế biến thực phẩm, nông thổ sản, dệt may, đan len xuất khẩu, gốm sứ,...

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt đối với các loại hình vừa và nhỏ theo hướng công nghệ tiên tiến hiện đại để sản xuất hàng hóa phục vụ cho tiêu dùng trong nước, du lịch nghỉ dưỡng tại chỗ và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp trên cơ sở ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất giống cây trồng, rau sạch rau an toàn chất lượng cao hoặc hoa xuất khẩu. Phát triển chăn nuôi dưới nhiều hình thức theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Tạo dựng một nền nông nghiệp sinh thái với các sản phẩm có chất lượng cao, có tính đặc sản phục vụ cho du lịch và xuất khẩu.

- Đầu tư phát triển mạnh các ngành dịch vụ - du lịch, tôn tạo các danh lam thắng cảnh. Chủ động tìm các đối tác liên doanh, thu hút vốn đầu tư để phát triển các cơ sở dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng đạt tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng trung tâm thương mại hiện đại ở nội thị và hệ thống thương mại ở các vùng ven, có sự liên kết với các trung tâm thương mại lớn ở các khu vực lân cận.

1. DU LỊCH - DỊCH VỤ

- * **Sản phẩm du lịch** : Để tăng sức thu hút đối với du khách và hạn chế sự cạnh tranh trên thị trường du lịch của các nước trong khu vực, cũng như một số trung tâm du lịch khác trong nước, định hướng phát triển sản phẩm du lịch chính của Đà Lạt từ nay đến năm 2010 là:

Du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tham quan thắng cảnh và di tích lịch sử, văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch thể thao - dã ngoại - leo núi,

du lịch nghiên cứu khoa học, hội nghị, hội thảo và Festival, du lịch cuối tuần.

Thời kỳ 2000-2005: Chú trọng đầu tư phát triển các loại hình du lịch tham quan thắng cảnh và di tích lịch sử, văn hóa; bước đầu tạo dựng cơ sở cho sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao, leo núi,...

Thời kỳ 2006-2010: đẩy nhanh việc đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch mang tính chất ưu thế; trong đó đặc biệt chú trọng đối với một số sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học, du lịch cuối tuần, thể thao và du lịch sinh thái.

*** Về dịch vụ :** Để phục vụ cho các ngành kinh tế mũi nhọn phát triển, trong đó có ngành du lịch, những năm trước mắt cần chú trọng đầu tư phát triển các lĩnh vực bưu chính viễn thông, vận tải, tài chính, y tế và các loại hình bảo hiểm, sao cho tỷ trọng kinh tế các lĩnh vực này tăng trưởng cao hơn các ngành dịch vụ khác. Đồng thời, dịch vụ giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học được chú trọng đầu tư phát triển toàn diện và từng bước hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng của dịch vụ này nhằm xây dựng nó trở thành ngành kinh tế - xã hội có mức phát triển nhất định, thể hiện được vai trò là một trong những chức năng chủ yếu đã được xác định.

Về du lịch và thương mại của Đà Lạt cần phát triển tương xứng với vai trò là trung tâm đầu mối giao lưu kinh tế của tỉnh và trong khu vực. Trong đó, chú trọng phát triển lĩnh vực cung ứng hàng hóa phục vụ cho nhu cầu thị trường tại chỗ (du lịch, nghỉ dưỡng), nội địa và xuất khẩu nhằm góp phần đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế trong giai đoạn mở cửa.

Để thực hiện tốt vai trò là ngành kinh tế hỗ trợ cho ngành kinh tế khác phát triển, trong giai đoạn 2000-2005, cần tập trung đầu tư xây dựng và phát triển một số khu trung tâm dịch vụ thương mại hiện nay ở các khu vực dân cư tập trung trên toàn địa bàn; hoạt

động của các khu trung tâm thương mại này phải gắn chặt với các khu vực phụ cận theo định hướng phát triển tổng thể tạo thành một mạng lưới khép kín có tính cả khu vực nhằm tạo điều kiện cho phát triển ổn định và bền vững.

2. CÔNG NGHIỆP

Trên cơ sở phát triển kinh tế - xã hội theo cơ chế thị trường, là một địa phương mà ngành sản xuất công nghiệp chậm phát triển so với một số đô thị khác, do đó phát triển công nghiệp của Đà Lạt phải dựa trên căn cứ những ưu thế của mình theo định hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa nhằm nhanh chóng tạo điều kiện để đẩy nhanh nhịp độ, tăng trưởng và tỷ trọng ngành này chiếm một tỷ lệ thỏa đáng trong toàn bộ cơ cấu chung của nền kinh tế địa phương; có chính sách phù hợp để tạo sức thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển nhanh các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có tính mũi nhọn của địa phương. Trước mắt, trong giai đoạn 2000 - 2005, cần tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở công nghiệp chế biến nông - lâm thổ sản, sản xuất những sản phẩm đan thêu, may mặc có tính truyền thống và sản xuất gạch, gốm, đá ốp lát sử dụng nguyên liệu tại chỗ. Trong giai đoạn 2006-2010, tiếp tục hoàn thiện các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã được xây dựng phát triển trong thời gian trước và đồng thời triển khai hướng phát triển công nghiệp lắp ráp điện tử, đồng hồ.

Cơ cấu và quy mô phát triển cần phù hợp với yêu cầu của thị trường, trong đó ưu tiên đối với các loại hàng hóa có sức cạnh tranh xuất khẩu, du lịch - nghỉ dưỡng nhằm tạo điều kiện cho hàng hóa của địa phương có sức cạnh tranh cao và định hướng chuyển dịch cơ cấu của ngành kinh tế của Đà Lạt đúng hướng.

Về mục tiêu, nền kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Đà Lạt từ nay đến năm 2010 phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt 11-12% và chiếm tỷ trọng trong tổng sản phẩm

xã hội trên địa bàn từ 23-24%.

Về bố trí không gian công nghiệp trong thời kỳ này, ưu tiên đầu tư phát triển một số khu vực vùng ven và vùng phụ cận nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường sinh thái phục vụ tốt cho du lịch và nghỉ dưỡng.

3. VỀ NÔNG - LÂM NGHIỆP

Dựa vào ưu thế về khí hậu, thổ nhưỡng và kinh nghiệm canh tác của địa phương, tập trung phát triển các loại rau hoa, cây ăn quả, dược liệu có nguồn gốc ôn đới nhằm đạt chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, đồng thời sản xuất các sản phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến hàng hóa tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

Phát triển nông nghiệp phải gắn kết với mục tiêu phát triển du lịch - nghỉ dưỡng, do đó chú trọng phát triển kinh tế trang trại (vườn rừng, vườn hoa, cây cảnh), đẩy mạnh việc mở rộng diện tích trồng rau sạch, rau an toàn và sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông thổ sản; đồng thời đưa dần diện tích sản xuất nông nghiệp thuần túy ở một số khu vực nội thành ra vùng ven.

Khai thác tài nguyên rừng theo định hướng bảo vệ môi trường sinh thái và rừng cảnh quan phục vụ cho mục tiêu phát triển du lịch. Phát triển lâm nghiệp theo hướng tôn tạo cảnh quan, khai thác dưới tán rừng để lập vườn thú, trồng các loại phong lan, cây cảnh, vườn rừng để duy trì phát triển nguồn gen động vật - thực vật quý hiếm của địa phương và khu vực Tây Nguyên.

Trong giai đoạn 2000-2010, tập trung phục hồi các khu vực rừng sinh thái, rừng cảnh quan nhằm phát triển tính đa dạng sinh học của hệ rừng Nam Tây Nguyên thông qua các chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc, trồng cây xanh đô thị và tăng độ che phủ của rừng Đà Lạt từ 54% hiện nay lên 70-73% vào năm 2010.

Tóm lại, trong giai đoạn 2000-2010, phát triển nông lâm nghiệp theo định hướng bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan và chống sạt lở, bồi lắng làm ô nhiễm môi trường theo hướng phát triển bền vững.

4. PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

a. Hạ tầng kỹ thuật : Trong thời gian gần đây, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị của Đà Lạt phát triển tương đối toàn diện và đồng bộ. Tuy nhiên, để bảo đảm cho sự phát triển có hiệu quả theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong giai đoạn 2000 - 2010, cần tiếp tục đầu tư nâng cấp cải tạo và phát triển hoàn thiện hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cấp thoát nước, năng lượng,...

- Về giao thông : Đẩy nhanh tiến độ nhựa hóa và thảm bê tông nhựa từ 20% lên 60-65% tổng chiều dài hệ thống đường hiện nay trên địa bàn; đồng thời triển khai xây dựng đường nối liên sân bay Cam Ly vào khu vực Đà Lạt - Đankia - Suối Vàng (khu vực hợp tác liên doanh du lịch nghỉ dưỡng DDR đã được Chính phủ cấp giấy phép hoạt động vào năm 1998, có thời hạn hoạt động 70 năm và tổng vốn đầu tư hơn 706 triệu USD). Mặt khác, xây dựng kế hoạch khôi phục tuyến đường sắt Đà Lạt - Tháp Chàm - Phan Rang, đồng thời đầu tư xây dựng tuyến Đà Lạt - Khánh Sơn - Nha Trang, hoàn thiện công trình nâng cấp quốc lộ 27 Đà Lạt - Đắc Lắc nhằm phục vụ cho nền kinh tế của Đà Lạt nói chung và kinh tế du lịch nói riêng. Cải tạo nâng cấp và hoàn thiện các nút giao thông, hệ thống tín hiệu giao thông ở các khu vực nội thành và khu tập trung dân cư ở vùng ven. Trong những năm đầu của thời kỳ này là tập trung hoàn thiện hệ thống trục giao thông nối liền giữa trung tâm thành phố với các khu vực dân cư trên địa bàn và vùng phụ cận.

- Về phát triển lưới điện: Nguồn cung cấp điện chính cho Đà Lạt hiện nay là từ lưới điện quốc gia, với hệ thống biến thế đã được cải tạo nâng cấp có tổng công suất cung cấp 330MVA và sản lượng

điện tiêu thụ trên địa bàn hiện nay đạt hơn 36 triệu kWh/năm, chiếm khoảng 70% sản lượng điện tiêu thụ trên toàn địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đẩy nhanh tiến độ cải tạo nâng cấp hệ thống cấp điện trên toàn địa bàn; xây dựng hệ thống cáp ngầm khu vực nội thành và hệ thống dây dẫn có vỏ bọc cách điện ở các khu vực tập trung dân cư ở ngoại thành, vùng ven; hoàn thiện hệ thống chiếu sáng trên toàn địa bàn.

- Về cấp nước - thoát nước :

* *Cấp nước* : Hệ thống cấp nước của Đà Lạt hiện nay với tổng công suất 30.000m³/ngày-đêm và có chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, để bảo đảm nguồn cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ du lịch theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt, giai đoạn này cần tiếp tục tiến hành cải tạo nâng cấp công suất các nhà máy nước hiện nay của Nhà máy Cấp nước Suối Vàng từ 25.000m³/ngày-đêm lên 40.000m³/ngày-đêm và chủ yếu phục vụ nhu cầu khu vực các phường 4, 5, 7, 8 và khu du lịch Đankia - Suối Vàng, phục hồi và nâng cấp Nhà máy Cấp nước hồ Xuân Hương có công suất 10.000m³/ngày-đêm và Nhà máy Cấp nước hồ Than Thở có công suất 10.000m³/ngày-đêm (lấy nguồn nước từ khu hồ Chiến Thắng) phục vụ chủ yếu cho khu vực trung tâm thành phố và các phường 9, 10, 11, 12 và xã Xuân Thọ.

* *Thoát nước* : Tiếp tục cải tạo hoàn thiện hệ thống thoát nước trên toàn địa bàn, trong đó chú trọng đối với nước thải sinh hoạt và sản xuất.

- *Giai đoạn 2000-2005* : Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hồ sinh học ở khu vực hạ lưu hồ Xuân Hương và hệ thống xử lý nước thải ở khu vực nội ô để bảo đảm vệ sinh môi trường cho khu vực hạ lưu suối Cam Ly, phục vụ đời sống nhân dân lưu vực và tạo nguồn nước sạch cho di tích thắng cảnh thác Cam Ly.

- *Giai đoạn 2006-2010* : Trong giai đoạn này, tiếp tục đầu tư khôi phục và xây dựng chuỗi hồ lắng ở các khu vực thượng lưu hồ Than Thở - hồ Xuân Hương và thượng lưu suối Hà Đông - Nguyễn Công Trứ, suối La Sơn Phu Tử - Hai Bà Trưng (phường 6, 7, 8 và phường 2), suối khu vực Xuân An - An Bình (phường 3 và 4), đồng thời xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu vực quanh hồ Xuân Hương, không cho đổ trực tiếp vào hồ này và đổ vào hướng hạ lưu khu vực cầu Ông Đạo. Tiếp tục triển khai kế hoạch khôi phục, nạo vét hồ Vạn Kiếp (phường 7) và hồ Mê Linh (phường 9).

Ngoài ra, tiến hành quản lý các chất thải trong sinh hoạt và sản xuất trên toàn địa bàn theo quy định của Nhà nước về quản lý bảo vệ môi trường.

- Về bưu chính - viễn thông :

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc; hoàn thiện mạng lưới điện thoại công cộng ở khu vực nội thành và các khu dân cư tập trung ở vùng ngoại thành, vùng ven. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các trạm bưu chính trên toàn địa bàn để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân địa phương và du khách đến Đà Lạt du lịch - nghỉ dưỡng. Phần đầu đến năm 2005 đạt 20 máy điện thoại/100 người dân và đến 2010 đạt 30-40 máy điện thoại/100 người dân.

b. Kết cấu hạ tầng đô thị:

Tiếp tục hoàn chỉnh các quy hoạch chi tiết về xây dựng, phát triển kinh tế xã hội; đẩy nhanh tiến độ triển khai các quy hoạch chi tiết này nhằm phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

a. Dân số và lao động:

Theo các quy hoạch tổng thể về phát triển không gian đô thị

và các ngành kinh tế - xã hội đến năm 2010 được cấp thẩm quyền phê duyệt và do tính chất đặc thù của đô thị Đà Lạt với các chức năng chuyên ngành đã được xác định, về dân số được giới hạn ở mức 20 vạn người (trong đó khu vực nội thành 18 vạn và ngoại thành, vùng ven 2 vạn) và lượng du khách đến Đà Lạt tham quan du lịch, nghỉ dưỡng đạt 1 triệu lượt người/năm. Thực hiện tốt các chính sách về kế hoạch hóa dân số, hạn chế đến mức thấp nhất trong tăng dân số cơ học; phấn đấu tỷ lệ tăng dân số đến 2005 đạt 1,5% (trong đó tỷ lệ tăng cơ học chỉ ở mức 0,3%) và đến năm 2010 đạt tỷ lệ 1,48% (trong đó tỷ lệ tăng cơ học là 0,25%).

b. Giáo dục - đào tạo :

Phát triển giáo dục và đào tạo của Đà Lạt trong giai đoạn hiện nay đến năm 2010, nhằm mục đích nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế - xã hội của địa phương đạt được hiệu quả, củng cố các chức năng có tính chất khu vực và quốc gia của Đà Lạt đã được các cấp xác định.

Nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách Nhà nước, đồng thời nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo, cần đẩy nhanh việc xã hội hóa hoạt động giáo dục nhằm đa dạng hóa công tác đào tạo; từng bước củng cố và hoàn thiện hệ thống giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học của địa phương. Từng bước thu ngắn sự chênh lệch, cách biệt về văn hóa giữa các khu vực trên địa bàn và trong đó đặc biệt chú trọng đến vùng dân tộc thiểu số bản địa; chú trọng duy trì tốt công tác phổ cập giáo dục, nâng cao trình độ dân trí và đồng thời bảo đảm chất lượng giáo dục - đào tạo.

Việc nâng cao vai trò giáo dục - đào tạo chính là một trong những biện pháp góp phần thực hiện việc ngăn chặn các tệ nạn xã hội, tạo rào chắn các nguồn văn hóa lai căng tầm thường xâm nhập đời sống xã hội và góp phần tạo công bằng xã hội, tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân (trong đó đặc biệt là đồng bào dân tộc

thiểu số) được hưởng thụ ngày càng nhiều các nhu cầu về đời sống văn hóa tinh thần.

Trong giai đoạn 2000 - 2005, tập trung kế hoạch đào tạo đội ngũ tại chỗ và có chính sách thích hợp để thu hút cán bộ giáo viên có chuyên môn giỏi; đồng thời tăng cường cơ sở vật chất để từng bước củng cố và hoàn thiện môi trường sư phạm, nâng cao năng lực đào tạo - nghiên cứu khoa học để củng cố vai trò là chức năng trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học của khu vực và cả nước.

Đẩy mạnh các loại hình trường nội trú, bán công, dân lập, tư thục ở tất cả các cấp; chú trọng loại hình liên kết đào tạo nhằm tạo điều kiện cho việc đào tạo tại chỗ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của khu vực. Tạo điều kiện cần thiết để công tác giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học của Đà Lạt từng bước hội nhập vào các sinh hoạt hiện đại, trao đổi kinh nghiệm và tổ chức hội thảo trên lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu khoa học,...

c. Y tế

Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân là một biện pháp quan trọng để phát triển nguồn nhân lực theo hướng không ngừng nâng cao thể lực và năng suất lao động.

Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới các cơ sở chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn và du khách đến Đà Lạt du lịch - nghỉ dưỡng cũng như đối với lực lượng đến công tác, học tập tại địa phương. Kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật hiện đại trong dịch vụ y tế với nền y học dân tộc cổ truyền trong công tác phòng ngừa, khám và điều trị; chú trọng phát triển ngành dược và đồng thời thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia trên toàn địa bàn.

Thực hiện tốt, có hiệu quả chủ trương xã hội hóa và đa dạng hóa công tác y tế nhằm thu hút đầu tư về trang thiết bị, xây dựng

cơ sở vật chất và thu hút các chuyên gia giỏi về công tác nhằm củng cố, hoàn thiện và nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu khám, chữa bệnh cho người dân. Xây dựng một số khu điều dưỡng trên địa bàn, gắn liền với dịch vụ du lịch - nghỉ dưỡng.

Mở rộng dịch vụ bảo hiểm y tế trong cộng đồng nhằm tạo điều kiện bảo đảm cho mọi người đều được cơ hội hưởng các dịch vụ chăm sóc y tế hiện đại một cách toàn diện và rộng rãi, tạo điều kiện thực hiện công bằng xã hội trong đời sống nhân dân.

d. Văn hóa - thể thao

Tiến hành quy hoạch và xây dựng làng văn hóa các dân tộc Tây Nguyên ở Cam Ly hoặc xã Lát và một số điểm trình diễn văn nghệ, ca múa nhạc dân tộc Tây Nguyên mang tính nghệ thuật và bản sắc dân tộc cao. Đồng thời xây dựng một trung tâm vui chơi giải trí hiện đại phục nhu cầu nhân dân địa phương và du khách. Tiến hành xây dựng trung tâm thi đấu thể thao liên hợp với quy mô và trang thiết bị hiện đại có tầm cỡ khu vực theo quy hoạch tổng thể được phê duyệt.

PHƯƠNG ÁN 2

Đây là phương án đòi hỏi có sự nỗ lực phấn đấu tương đối cao để phát triển nhiệm vụ kinh tế - xã hội, trên cơ sở này thực hiện một bước quan trọng trong chiến lược công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế. Trong đó các kết cấu hạ tầng đô thị phát triển đáng kể, tạo điều kiện cho Đà Lạt thực sự trở thành trung tâm kinh tế của tỉnh và khu vực với các chức năng du lịch - nghỉ dưỡng, dịch vụ thương mại và phát triển công nghiệp; là địa bàn thu hút du lịch lớn của các tỉnh phía Nam trong chỉnh thể tứ giác tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam bộ và địa bàn kinh tế trọng điểm của Nam bộ nói chung.

Phương án này có tính tới các điều kiện thuận lợi hơn về khả năng thu hút các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài để hình thành các tổ hợp du lịch, nghỉ dưỡng và dịch vụ có tính tập trung; phát triển một

số khu công nghiệp sản xuất tập trung và một số cơ sở công nghiệp kỹ thuật cao ở những nơi thích hợp, không làm ảnh hưởng tới cảnh quan và môi trường sinh thái, đồng thời phát triển nhanh ngành du lịch - dịch vụ nhằm tạo điều kiện thuận lợi để Đà Lạt hội nhập nhanh với xu thế chung của vùng và địa bàn kinh tế trọng điểm Nam bộ.

Theo phương án này, nhịp độ tăng trưởng kinh tế của ngành công nghiệp đạt từ 11-11,5%, ngành nông - lâm nghiệp phát triển ổn định ở mức 5-5,5% và ngành du lịch dịch vụ đạt 12-13%. Từ đó, tạo điều kiện chuyển biến đáng kể về cơ cấu GDP theo khuynh hướng tích cực; ngành công nghiệp - xây dựng đạt tỷ trọng 23%, nông - lâm nghiệp 9% và dịch vụ 68%. Với cơ cấu vừa nêu tại phương án II là phù hợp với cơ cấu kinh tế của một đô thị lớn hiện nay. GDP bình quân đầu người đạt 1.100USD, giá trị xuất khẩu đạt 22 triệu USD. Về huy động cho ngân sách, theo phương án này, khả năng thu cho ngân sách trên địa bàn hàng năm cho cả thời kỳ 2000-2010 bình quân ở mức 15% GDP.

Chức năng và quy mô phát triển

Căn cứ vào mục tiêu và các phương án phát triển ở trên thì Đà Lạt sẽ có các chức năng cụ thể như sau :

- Chức năng du lịch - nghỉ dưỡng của vùng, cả nước và quốc tế.
- Chức năng là trung tâm giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học của cả nước.
- Chức năng là trung tâm chính trị, văn hóa, dịch vụ và là đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng của tỉnh Lâm Đồng.

Chức năng du lịch - nghỉ dưỡng của vùng và cả nước

Hơn 105 năm hình thành và phát triển Đà Lạt vẫn giữ vững chức năng du lịch - nghỉ dưỡng được đặt ra từ đầu. Do có được ưu đãi về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và các công trình nhân tạo,

Đà Lạt ngày nay đã trở thành 1 trong 10 trung tâm du lịch lớn nhất của nước ta.

Nghỉ dưỡng là một tiềm năng lớn của Đà Lạt. Tuy nhiên, trong thời gian qua, loại hình này phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của Đà Lạt. Vì vậy, cần tận dụng ưu thế về điều kiện khí hậu mát mẻ, ôn hòa quanh năm, môi trường không khí trong lành và cảnh quan xinh đẹp để lập kế hoạch đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch - nghỉ dưỡng.

Mặt khác, bên cạnh ưu thế về khí hậu và cảnh quan vừa nêu, Đà Lạt còn có một không gian kiến trúc độc đáo và hài hòa độc đáo với cảnh quan thiên nhiên, và cũng chính điều đó đã tạo điều kiện cho hai chức năng nghỉ dưỡng và du lịch của Đà Lạt gắn bó mật thiết và hỗ trợ cho nhau. Ngày nay, với chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước, cùng với xu thế chung là hòa hợp giữa các dân tộc trên thế giới cùng với sự ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị ngày càng được quan tâm hơn của Trung ương và của tỉnh, chắc chắn Đà Lạt sẽ tiếp tục khẳng định được vị trí là trung tâm du lịch - nghỉ dưỡng lớn của cả nước và quốc tế.

Chức năng giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học của cả nước

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, về yếu tố dân số nói chung và lực lượng lao động nói riêng của Đà Lạt, trong những năm tới, cần phải có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình giáo dục - đào tạo, hướng nghiệp; chú ý đúng mức công tác phát triển nhân tài từ nguồn nhân lực tại chỗ kết hợp với các chính sách thu hút lao động có trình độ chuyên môn và kỹ năng tay nghề cao phù hợp với yêu cầu phát triển của Đà Lạt trong các ngành kinh tế của thành phố.

Mặt khác, đẩy nhanh việc thực hiện có hiệu quả công tác qui hoạch đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước và điều hành các doanh

nghiệp vì công tác quản lý đô thị là một công việc phức tạp lại còn rất mới mẻ. Do đó, để công tác quản lý thành phố đạt hiệu quả cao, có tính đồng bộ trên nhiều lĩnh vực khác nhau, Đà Lạt cần phải có đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước có kiến thức chuyên môn giỏi trong từng lĩnh vực để có khả năng hoàn thành nhiệm vụ. Để đạt được yêu cầu trên, cần tiến hành công tác quy hoạch cán bộ và lập kế hoạch đào tạo, tuyển chọn đội ngũ cán bộ quản lý đô thị Đà Lạt có khả năng chuyên môn và phẩm chất chính trị ngang tầm với nhiệm vụ được giao, đồng thời thay thế những cán bộ thiếu năng lực, không có phẩm chất đạo đức.

Chức năng này của Đà Lạt gắn bó mật thiết với chức năng trung tâm du lịch nghỉ dưỡng và có tính chất hỗ trợ cho nhau.

Chức năng là trung tâm chính trị, văn hóa, dịch vụ và đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng của tỉnh Lâm Đồng

Đà Lạt là tỉnh lỵ của tỉnh Lâm Đồng. Các cơ quan của Đảng, chính quyền và đoàn thể, các ngành kinh tế quan trọng của tỉnh đều đứng chân trên địa bàn thành phố. Từ đó, ngoài các chức năng vừa nêu ở trên, Đà Lạt còn là trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế của tỉnh Lâm Đồng.

Về văn hóa, Đà Lạt và vùng phụ cận còn có nguồn tài nguyên văn hóa phong phú đa dạng, không những có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa rất lớn hỗ trợ cho phát triển du lịch - nghỉ dưỡng.

Cộng đồng cư dân Đà Lạt được hội nhập từ các vùng văn hóa trong cả nước đã tạo nên phong cách riêng cho con người Đà Lạt. Hiện nay, Đà Lạt là một thành phố có 18 dân tộc, trong đó người K'ho với các nhánh K'ho - Nộp; K'ho - Srê; K'ho - Lạch; K'ho - Chil là những cư dân bản địa cư trú đã lâu đời trên vùng đất Cao nguyên này. Và với họ, hiện vẫn còn lưu giữ một truyền thống văn hóa khác đặc sắc có sức thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước.

Mặt khác, môi trường xã hội của Đà Lạt khá hấp dẫn với mọi

người, ở đó không khí sinh hoạt không ồn ào, tấp nập như các đô thị công nghiệp. Mặt khác, do nhu cầu phục vụ du lịch mà người dân ở đây có trình độ học vấn và ngoại ngữ tương đối cao.

Về kinh tế, trong các quá trình hình thành và phát triển từ chức năng du lịch - nghỉ dưỡng, Đà Lạt đã từng bước khẳng định là một trung tâm kinh tế quan trọng của tỉnh Lâm Đồng. Được sự quan tâm đầu tư phát triển của các cấp Trung ương, tỉnh và các nguồn vốn trong và ngoài nước, trong tương lai Đà Lạt vẫn là một trung tâm kinh tế, đầu mối giao lưu thương mại quan trọng của tỉnh với cơ cấu du lịch, dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và nông - lâm nghiệp phát triển nhanh, có thể chiếm tỷ trọng 30 - 35% tổng sản phẩm xã hội của toàn tỉnh. Đồng thời thu ngân sách chiếm 20 - 60% và xuất khẩu chiếm 25 - 30% giá trị của toàn tỉnh.

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH CHỦ YẾU

Du lịch

Với mục tiêu phát triển Đà Lạt trở thành một đô thị du lịch - dịch vụ có ý nghĩa quốc gia và quốc tế, với dự báo dân số đến năm 2010 ổn định ở mức 20 vạn người và thu hút khoảng 1 triệu lượt du khách, từ đó định hướng phát triển du lịch - nghỉ dưỡng của Đà Lạt được xác định như sau:

+ Phát triển nhanh vùng phụ cận, với mục đích thu hút một phần dân cư ở khu vực nội thị, kìm hãm sự gia tăng dân số cơ học và đồng thời xây dựng phát triển các khu thương mại, công nghiệp nhằm làm áp lực, phá vỡ sự mất cân đối trong sự phát triển ngành kinh tế của Đà Lạt.

+ Phát triển một số khu du lịch: Theo định hướng phát triển du lịch thực chất là việc tổ chức không gian du lịch dựa trên giá trị và sự phân bố các nguồn tài nguyên, kết cấu cơ sở hạ tầng và nhu cầu của du khách sao cho hiệu quả kinh tế đạt được cao nhất. Từ đó, việc bố trí không gian du lịch của Đà Lạt cần căn cứ vào tính chất

độc đáo hấp dẫn của các nguồn tài nguyên (thiên nhiên và nhân tạo), là sự phát triển đồng bộ về cơ sở hạ tầng để sản phẩm du lịch ngày càng phong phú, đa dạng và chất lượng các hoạt động dịch vụ cho du lịch - nghỉ dưỡng không ngừng được nâng cao.

Du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn không những của Đà Lạt mà còn là của cả tỉnh. Số lượng du khách hàng năm đến Đà Lạt đều tăng. Năm 1998 có 480.000 lượt du khách (trong đó có hơn 60.000 lượt khách quốc tế). Hiện nay, Đà Lạt có hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ khá phát triển; trong 442 cơ sở đã có gần 20 cơ sở được phân loại đạt từ 2 đến 5 sao, với 4.300 phòng và có 9.320 giường, sức chứa 18.400 khách/ngày - đêm. Doanh thu từ ngành du lịch của Đà Lạt chiếm khoảng 35-40 % tổng thu nhập ngành dịch vụ của Đà Lạt và chiếm khoảng 90% tổng doanh thu ngành du lịch của toàn tỉnh.

+ Phát triển ngành du lịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, trên cơ sở bảo đảm điều kiện cho mọi thành phần kinh tế phát triển một cách bình đẳng, ổn định và có hiệu quả, trong đó kinh tế du lịch Nhà nước ngày càng đóng vai trò chủ đạo. Trong các hoạt động phát triển, cần chú trọng đến việc đa dạng hóa các sản phẩm du lịch phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm được sự phát triển bền vững và kinh doanh có hiệu quả.

+ Tổ chức hoạt động du lịch phải gắn liền với tổ chức quản lý, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt phát huy và nâng cao truyền thống văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc, phong cách người địa phương, bảo đảm môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên.

* Đối với các điểm tham quan: tiến hành quy hoạch chi tiết các danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa, lịch sử, đầu tư xây dựng nhiều loại hình vui chơi giải trí để xóa đi tính đơn điệu khi du khách đến tham quan các thắng cảnh. Gắn các điểm trên với công tác

quản lý bảo vệ rừng , có quy chế thật rõ ràng trong việc kinh doanh du lịch dưới tán rừng. Ngoài ra, cần nghiên cứu phát triển thêm các điểm mới như : thác Hang Cọp (xã Xuân Thọ), thác Voi, thác Pongour,...

* Có biện pháp đầu tư , bảo vệ, làm phong phú hệ sinh thái các rừng đặc dụng, rừng cảnh quan, các khu bảo tồn cảnh quan quanh Đà Lạt, nghiên cứu và đề nghị Trung ương cho phép hình thành một vườn quốc gia và biến những điểm này thành những điểm du lịch sinh thái hấp dẫn.

* Đầu tư quy hoạch một làng hoa cây cảnh, một làng vườn cây ăn trái đặc sản ven Đà Lạt, vừa là nơi tham quan, vừa là nơi lai tạo và cung cấp giống hoa quý cho du khách, cho nhu cầu địa phương và trong nước.

* Xây dựng một khu vui chơi giải trí , kết hợp với danh lam thắng cảnh để tăng khả năng thu hút và giữ khách.

Sản xuất công nghiệp :

Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa , vừa phục vụ nhu cầu du lịch của Đà Lạt vừa hướng vào thị trường xuất khẩu để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho địa phương. Song việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở Đà Lạt phải bảo đảm an toàn về môi trường cảnh quan thiên nhiên và khí hậu của Đà Lạt.

Để không phá vỡ ý đồ phát triển Đà Lạt thành một thành phố du lịch - nghỉ dưỡng, không nên bố trí những dự án sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, gây tiếng ồn và không khí độc hại. Ở các khu vực trung tâm, chỉ nên tập trung các ngành công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường, không gây tiếng ồn. Đà Lạt chỉ nên phát triển các cơ sở công nghiệp như may, đan, công nghiệp kỹ thuật cao như điện tử, đồng hồ, máy ảnh,...

Tiếp thu công nghệ hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến trong phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nhằm sử dụng có hiệu quả tiềm năng vừa bảo vệ được môi trường .

Song song với định hướng chung trên đây, cần có quy hoạch phát triển ngành gắn với việc phân bố các cơ sở công nghiệp trên địa bàn kết hợp với việc bố trí dân cư, mở rộng không gian đô thị và bảo vệ cảnh quan môi trường .

Định hướng các cơ sở công nghiệp trên địa bàn bố trí theo 4 khu vực sau:

- * Khu vực nội ô : Bố trí các ngành công nghiệp lắp ráp điện tử, đồng hồ, máy ảnh, đan, may, thêu, chế tác các sản phẩm mỹ nghệ, hàng lưu niệm.

- * Khu vực xã Xuân Trường : Bố trí các ngành công nghiệp chế biến nông sản, chè, cà phê, dược liệu, rượu bia, nước giải khát,...

Cùng với định hướng trên tiến hành quy hoạch một số vùng phụ cận xã Hiệp Thạnh (huyện Đức Trọng), xã Thạnh Mỹ, Lạc Nghiệp (huyện Đơn Dương) để phát triển công nghiệp chế biến nông thổ sản, gốm sứ, mộc gia dụng, trang trí nội thất.

- * Khu vực xã Lát : Bố trí các ngành sản xuất chế biến lâm sản, mộc gia dụng trang trí nội thất , sản xuất linh kiện điện tử,...

- * Khu vực xã Hiệp Thạnh : Bố trí các cơ sở sản xuất công nghiệp có thể ảnh hưởng đến môi trường như : chế biến nông sản, thực phẩm, cơ khí, vật liệu xây dựng, cao lanh,...

Thương mại - dịch vụ

Cải tạo, nâng cấp khu dịch vụ - thương mại trung tâm để làm trung tâm cho việc mở rộng các khu dịch vụ - thương mại ra các vùng tập trung dân cư ở vùng ven và liên kết với các trung tâm dịch vụ - thương mại của cả khu vực; tạo thành hệ thống mà Đà Lạt là trung tâm đầu mối giao dịch kinh tế lớn của tỉnh Lâm Đồng và khu

vực phụ cận.

Văn hóa - thể thao

Đầu tư nâng cấp khu văn hóa Hoàng Văn Thụ hiện nay thành một trung tâm cấp tỉnh và khu vực; đầu tư xây dựng khu thể thao hiện đại với quy mô là Trung tâm thể thao khu vực của quốc gia với đầy đủ các phân khu chức năng huấn luyện, thi đấu và nghỉ dưỡng.

Phân khu chức năng hành chính

Đầu tư xây dựng để phát triển khu vực hành chính (cho hệ thống chính trị của tỉnh Lâm Đồng và thành phố Đà Lạt) theo trục đường Trần Phú - Lê Hồng Phong - Huỳnh Thúc Kháng.

Sản xuất nông nghiệp

Bố trí không gian cho sản xuất nông nghiệp theo hướng giảm dần ở một số khu vực trong nội ô hiện nay, chuyển dần diện tích sản xuất nông nghiệp thuần túy ra hướng phường 5, phường 7, phường 12 và xã Tà Nung. Diện tích nông nghiệp trong khu vực nội thị, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp trồng hoa, cây cảnh phục vụ chức năng du lịch - nghỉ dưỡng.

Giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học

Đầu tư nâng cấp các cơ sở hiện nay của ngành giáo dục - đào tạo. Nghiên cứu khoa học và lấy khu vực Trường Đại học Đà Lạt - Viện Nghiên cứu hạt nhân làm trung tâm để phát triển giáo dục (Cao đẳng Sư phạm, Đại học Đà Lạt), phát triển nghiên cứu khoa học (Viện Nghiên cứu hạt nhân, Phân viện Sinh học Nhiệt đới, Phân viện Vắc - xin, Trung tâm Nghiên cứu giống lâm sinh, Trung tâm Nghiên cứu cây thực phẩm có củ).

Phân bố không gian đô thị

Trải qua hơn 105 năm hình thành và phát triển, Đà Lạt được quy hoạch và chỉnh trang bởi nhiều đồ án khác nhau qua các thời kỳ. Gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đồ án quy hoạch

phát triển tổng thể về xây dựng thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2010. Đồ án này là sự tiếp thu tinh thần cơ bản của đồ án đầu tiên của KTS Hébrard (1923) và các đồ án chỉnh trang của KTS Pineau (1933), KTS Lagisquet (1943) phù hợp với điều kiện phát triển hiện nay. Nội dung cơ bản của quy hoạch này là phát triển không gian đô thị Đà Lạt theo hai trục chính:

- Từ Đông sang Tây, lấy quốc lộ 20 làm trục (Dran - Đà Lạt - Dankia - Suối Vàng) để phát triển. Trục này chủ yếu phát triển không gian theo hướng du lịch - nghỉ dưỡng.

- Từ Nam đến Bắc, lấy trục đường Đức Trọng - Đà Lạt - Xã Lát - Đạ Sar - Đạ Chay (huyện Lạc Dương) để phát triển công nghiệp và nông nghiệp.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Nhằm đạt được mục tiêu xây dựng một nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Đà Lạt ngày càng ổn định, trong giai đoạn từ 2000 - 2010, cần tập trung thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên nhằm giải quyết cơ bản các vấn đề then chốt thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội; có chính sách phù hợp để gọi vốn đầu tư, phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, tập trung đẩy mạnh việc nghiên cứu các vấn đề khoa học công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

Tiêu thức lựa chọn các chương trình và dự án

Sự chọn lựa các tiêu thức dựa trên cơ sở các chương trình và dự án trong giai đoạn này nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng với nhịp độ nhanh, góp phần nhất định cho sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh và cả nước. Về yêu cầu, cần căn cứ vào sự phù hợp với các chính sách phát triển kinh tế quốc gia, ở các lĩnh vực thu hồi vốn nhanh, hiệu quả cao có tính tác động tích cực đến nền kinh tế toàn tỉnh, tăng khả năng tích lũy ban đầu nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển cân đối ổn định lâu dài cho nền kinh tế của Đà Lạt. Đầu tư phát triển hợp

lý, hài hòa giữa kinh tế và xã hội; giữa nội thị và vùng ven; ưu tiên cho một số lĩnh vực có lợi thế so sánh, kết hợp với việc phát triển các ngành kinh tế khác một cách hợp lý tạo sự cân đối trong chỉnh thể nền kinh tế của thành phố và theo hướng bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững. Phát huy hiệu quả nội lực các thành phần kinh tế trong nước và kêu gọi đầu tư nước ngoài để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, nâng cao năng lực sản xuất. Chú trọng đúng mức đến chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; tạo điều kiện cho nền kinh tế Đà Lạt nói riêng và tỉnh Lâm Đồng nói chung có điều kiện nhanh chóng hội nhập vào nền kinh tế khu vực ASEAN và một số nước khác trên thế giới.

Danh mục các chương trình ưu tiên đầu tư

Để thực hiện được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra, trong giai đoạn 2000 - 2010, ưu tiên đầu tư các chương trình phát triển du lịch - nghỉ dưỡng, trồng cây công nghiệp, ăn quả và rau sạch, rau an toàn,... làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến phục vụ tiêu dùng tại chỗ, trong nước và xuất khẩu, trồng và khai thác dưới tán rừng trên cơ sở bảo vệ môi trường sinh thái, tôn tạo cảnh quan và phát triển tính đa dạng sinh học, đa dạng hóa giáo dục - đào tạo để thực hiện tốt chương trình phổ cập giáo dục và chức năng giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học.

CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Các giải pháp chủ yếu

Vốn đầu tư: Để phát triển toàn diện và đồng bộ các chương trình, dự án đã được trình bày ở các phần trên, đồng thời nhằm thực hiện có kết quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thì yêu cầu về tổng vốn đầu tư giai đoạn 2000-2010 khoảng 6.000 tỷ đồng. Với yêu cầu này, khả năng tự cân đối vốn từ nguồn ngân sách và huy động nội lực trên địa bàn thành phố và tỉnh có thể đạt được khoảng 35%, phần còn lại dự kiến từ nguồn vay tín dụng 20-25% và kêu gọi đầu

tư trong nước. Riêng nguồn vốn ODA, FDI cần huy động được 40-45%.

Phát triển nguồn nhân lực: Chiến lược phát triển nguồn nhân lực phải vừa là mục tiêu, vừa là động lực nhằm từng bước nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần giải quyết đồng bộ mối quan hệ trên 3 mặt chủ yếu là giáo dục - đào tạo, sử dụng nguồn lực và giải quyết việc làm. Trước mắt, cần đổi mới nội dung và phương pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo về chuyên môn và kỹ năng lao động cho nguồn lực. Cần có những chính sách mang tính khoa học trong việc sử dụng lao động như khuyến khích các tổ chức xã hội, doanh nghiệp đầu tư cho việc giáo dục - đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động và thực hiện tốt các vấn đề an sinh xã hội.

Tìm kiếm thị trường: Chủ động tìm kiếm các đối tác đầu tư và tiêu thụ sản phẩm có ưu thế so sánh của địa phương như chè, cà phê, rau quả sạch - an toàn, hoa,... để tăng nhanh giá trị sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, ổn định đời sống người lao động và giải quyết việc làm, tạo nguồn thu cho ngân sách và ngoại tệ dự trữ cho thành phố. Trước mắt đẩy mạnh giao lưu kinh tế trong khu vực nhất là đối với vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ, Trung Trung bộ và từng bước khôi phục các thị trường truyền thống, mở rộng đối với một số thị trường quốc tế.

Khoa học - công nghệ: Nhanh chóng thực hiện chính sách khoa học - công nghệ của Nhà nước, đẩy mạnh việc thay đổi thiết bị công nghệ theo hướng hiện đại hóa - công nghiệp hóa nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh hàng hóa trên thị trường theo hướng tăng nhanh hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường sinh thái. Mặt khác, cần đẩy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để tăng cường công tác khuyến nông đối với cây trồng, vật nuôi và công tác bảo vệ thực vật, thú y, chăn nuôi.

Chú trọng phát triển khoa học xã hội nhân văn, nghiên cứu văn hóa dân tộc bản địa và văn hóa địa phương nhằm phục vụ thiết thực có hiệu quả cho chức năng du lịch, dịch vụ của Đà Lạt.

Đổi mới công tác quản lý: Cải tiến công tác xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội, lập quy hoạch tổng thể, chi tiết về xây dựng và phát triển các ngành kinh tế; thực hiện tốt các kế hoạch và quy hoạch được phê duyệt theo quy định của Nhà nước. Tăng cường công tác quản lý vĩ mô trên các lĩnh vực; đồng thời tăng cường khả năng tham gia quản lý phía Nhà nước Việt nam với các bên đối tác nước ngoài theo pháp luật của Việt Nam và phù hợp với các thông lệ quốc tế trong các dự án liên doanh, đối tác. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

Xây dựng và củng cố kinh tế hợp tác và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa: Trên cơ sở phát huy có hiệu quả nội lực và các nguồn đầu tư của các tổ chức kinh tế, cần thực hiện tốt việc cải tổ nền kinh tế theo định hướng củng cố kinh tế hợp tác, nâng cao hiệu quả kinh doanh của các thành phần kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể nhằm làm chỗ dựa cho các thành phần kinh tế khác phát triển đúng hướng, tạo công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Đào tạo đội ngũ: Để công tác quản lý thành phố đạt hiệu quả cao, có tính đồng bộ trên nhiều lĩnh vực khác nhau, Đà Lạt cần phải có một đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước và quản lý doanh nghiệp có kiến thức chuyên môn giỏi trong từng lĩnh vực để hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

Ngoài việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức cho bộ máy quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền chung và thẩm quyền riêng; trong giai đoạn hiện nay, cùng với việc chú ý đào tạo đội ngũ các nhà quản lý doanh nghiệp và lao động lành nghề thành phố cần chú trọng đào tạo đội ngũ làm công tác tư vấn về

pháp lý, chuyển giao công nghệ và hợp tác liên doanh.

Mặt khác, bằng phương thức đa dạng hóa công tác giáo dục - đào tạo có tính lâu dài, cần có biện pháp toàn diện để nâng cao dân trí, trong đó chú trọng đến các khu vực ngoại thành, vùng ven và vùng dân tộc thiểu số bản địa nhằm tạo nguồn lao động có đủ năng lực chuyên môn, đạo đức, lối sống phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương vào những năm sau 2010.

*

* *

Mỗi một đô thị vẫn thường có một mô hình tổ chức và quản lý cụ thể riêng, phù hợp với đặc điểm riêng của mình. Do đó, xuất phát từ tính chất đặc biệt của thành phố Đà Lạt, để thực hiện đầy đủ chức năng và quyền hạn về công tác quản lý Nhà nước của mình trên toàn lãnh thổ đạt hiệu quả cao, thành phố Đà Lạt rất cần được sự quan tâm giúp đỡ của tỉnh và Trung ương trên hầu hết các lĩnh vực. Tuy nhiên, trước mắt, Đà Lạt rất cần được tỉnh và Trung ương có biện pháp giúp đỡ thành phố theo các nội dung chủ yếu sau đây :

Về kinh phí: Trong thời gian qua, trên lĩnh vực quản lý đô thị cho thấy dù chủ thể quản lý thành phố Đà Lạt là cấp nào thì để công tác quản lý đô thị muốn đạt được hiệu quả cao đều đòi hỏi phải có kinh phí. Do đó, vấn đề đầu tư kinh phí cho thành phố Đà Lạt cần phải được ưu tiên một cách đúng mức để đáp ứng các yêu cầu về tài chính trong công cuộc xây dựng và quản lý đô thị. Các nguồn thu trên địa bàn cần phải được tính toán đầu tư lại một cách cân đối hợp lý để tồn tạo, phát triển thành phố Đà Lạt.

Về cơ chế quản lý: Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng quy chế quản lý đô thị để xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền thành phố trong công tác quản lý đô thị trên toàn lãnh thổ. Cần xác định rành mạch về thẩm quyền chung và thẩm quyền

riêng theo chuyên ngành trên địa bàn lãnh thổ trong công tác quản lý Nhà nước để tránh chồng chéo, trùng lặp.

Về bộ máy quản lý đô thị: Thành phố Đà Lạt vừa được Chính phủ công nhận là đô thị loại II, cho nên bộ máy quản lý đô thị phải được tổ chức đồng bộ và chặt chẽ, chịu sự chỉ đạo thống nhất về quản lý Nhà nước của Ủy ban Nhân dân thành phố. Không thể phân chia công tác quản lý đô thị Đà Lạt ra thành nhiều mảng rời rạc theo từng chuyên ngành độc lập, thiếu sự phối hợp với nhau. Mặt khác, thành phố Đà Lạt đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập chế độ kiến trúc sư trưởng. Do đó, để công tác quản lý đô thị được thống nhất, Đà Lạt cần được thực hiện ngay chế độ kiến trúc sư trưởng, thông qua việc tổ chức thi tuyển các đề án quản lý và quy hoạch xây dựng và phát triển Đà Lạt hiện tại và trong tương lai.

NHỮNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỌNG ĐIỂM ĐẾN NĂM 2010

PHÚC ÂN

1. DỰ ÁN ĐANKIA - SUỐI VÀNG

Cuối năm 1993, một phái đoàn quan chức đầu ngành thương mại, du lịch, dịch vụ của Singapore đến thăm Đà Lạt và đi tìm hiểu vùng Suối Vàng - Đankia. Sau mấy ngày lội rừng, thám sát thực tế, ghi chép một cách cẩn thận, một tờ trình đã được cấp tốc gửi lên Chính phủ Singapore đề nghị: Cho phép xúc tiến ngay việc đầu tư liên doanh xây dựng một khu du lịch tại vùng Đankia - Đà Lạt. Bởi lẽ mấy năm qua các nhà làm du lịch Singapore đã đầu tư biết bao công sức tìm kiếm một vùng Cao nguyên xinh đẹp, hoang dã từ Malaysia, Thái Lan, Philippines... nhằm khép kín các "tour" du lịch biển - miền núi để phục vụ du khách, song chưa có một nơi nào đáp ứng được các yêu cầu về: khí hậu, nguồn nước, thảm động thực vật và khung cảnh thiên nhiên thơ mộng như vùng Đankia của Đà Lạt - Lâm Đồng. Nếu được đầu tư đúng mức, Đankia sẽ trở thành một khu du lịch sinh thái hấp dẫn hơn nhiều so với Đà Lạt .

Cuối năm 1995, dự án "*Dankia Resort*" ra đời do 3 công ty kinh doanh thương mại - du lịch - dịch vụ hàng đầu của Singapore liên doanh với Công ty Du lịch Lâm Đồng được đệ trình lên Chính phủ Việt Nam. Mười bộ trưởng thống nhất lập tờ trình lên cấp trên. Thủ

tướng Võ Văn Kiệt và Bộ Chính trị đã thông qua. Năm 1997, sau khi xem xét kỹ lưỡng lần cuối, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chính thức chấp nhận cho việc đầu tư xây dựng khu du lịch Đankia lớn nhất nước với tổng số vốn lên đến hơn 700 triệu USD (không kể các hạng mục dự án lớn khác). Thời gian liên doanh là 70 năm.

Đầu xuân 1998, Dalat Dankia Holding PTE Ltd chính thức chào đời. Theo dự án này thì với diện tích 5.000 ha, một khách sạn khoảng 250 phòng cho khách du lịch sẽ được xây dựng và bên cạnh đó, một trung tâm thương mại có đủ nhà hàng, tiệm bán tạp hóa, quần áo thể thao, tặng phẩm, sách báo, máy chụp hình, cho thuê video, phòng chơi điện tử, tiệm bán rượu, cho mượn xe đạp và cả ngân hàng. Đồng thời, một quảng trường sẽ ra đời để công chúng có nơi hội họp, tổ chức các sinh hoạt ngoài trời. Một bến tàu với các dịch vụ giải trí trên mặt nước dùng để tổ chức các cuộc đua thuyền buồm, lướt ván trên mặt hồ. Phòng thông tin liên lạc viễn thông quốc tế, nhà thờ dành cho các tôn giáo, ban an ninh, phòng cứu hỏa, trạm y tế cũng sẽ được xây dựng. Câu lạc bộ chơi golf với sân golf 18 lỗ tiêu chuẩn quốc tế có đầy đủ tiện nghi để có thể tổ chức các giải thi đấu lớn. Ngoài ra, một trung tâm kỳ mã dành cho du khách tổ chức các cuộc đua ngựa, cưỡi ngựa du ngoạn được đặt gần các đường mòn để người cưỡi ngựa có thể đi lại trong phạm vi khu vực được mở mang nối liền với các thành phần khác trong một khu giải trí được bao bọc bởi rừng thông nhằm tạo cho du khách cảm giác mạo hiểm, nhưng không gây xáo nhiễu cho rừng cảnh quan nơi đây.

Khi xây dựng, trung tâm giải trí sẽ có thêm các điểm cắm trại, bến tàu nhỏ để phục vụ du khách và người dân địa phương. Các kiểu nhà nông thôn cho thuê, một quán trọ ngoài rừng có phòng ngủ cho khách cũng được xây dựng. Chính nơi đây sẽ tổ chức các cuộc nhảy dù màu để du khách có thể chiêm ngưỡng toàn cảnh xinh đẹp, hùng vĩ của Cao nguyên Lang Bian từ trên không. Những đường cáp treo, xe chạy trên đường một ray sẽ đưa du khách đi tham quan từ

đỉnh đồi này sang đỉnh đồi khác. Điều đáng lưu ý là trong khu giải trí sẽ xuất hiện các kiểu nhà khác nhau, kể cả biệt thự dành cho du khách cũng phải theo một kiểu thiết kế đặc biệt của khu giải trí, phản ánh nét kiến trúc theo kiểu núi rừng miền Alpes. Mọi vật liệu, màu sắc, hiện vật trưng bày ra ngoài đường phố, cây cỏ cũng khác hẳn các nơi khác. Trên các thủy trình của hồ sẽ có trạm nghỉ để du khách dùng cơm, mua hàng và tham gia các sinh hoạt giống như một số khu giải trí ở Thụy Sĩ, hồ Camo ở Ý, hồ Taoe ở California, hồ Wakatipu ở Tân Tây Lan. Trung tâm kỳ mã sẽ tổ chức xe ngựa hoặc xe kéo để du khách tưởng mình đang lạc bước vào miền Viễn Tây Hoa Kỳ.

Công ty Du lịch Lâm Đồng cho biết: Nhằm thu hút du khách đến với Đankia, đơn vị liên doanh và ngành du lịch đã đề ra “*cương lĩnh*” tối hậu là: Tuyệt đối bảo vệ cảnh quan hoang dã và trồng thêm rừng quanh khu vực để thực hiện chương trình “*Du lịch cảnh quan*” và “*Du lịch sinh thái*”. Chỉ riêng việc trồng rừng, dự án đã định liệu mất khoảng 30 năm vì thời gian qua rừng ở khu vực này bị tàn phá quá nhiều, độ che phủ chỉ còn khoảng 47%. Giai đoạn 1 của dự án bao gồm việc xây dựng cơ sở hạ tầng: giao thông, điện nước, viễn thông, truyền hình và một vài dịch vụ khác sẽ được đưa vào sử dụng. Trước mắt, sẽ xây dựng đường cáp treo 20 km từ đỉnh đồi radar của núi Lang Bian xuống trung tâm hồ. Trong giai đoạn này sẽ tập trung cho việc trồng, chăm sóc rừng do một tập đoàn công ty về môi trường của Pháp làm tư vấn. Để tiện việc đi lại cho khách du lịch, một con đường lát nhựa dài 18 km chạy từ sân bay Cam Ly đến Đankia cũng sẽ được thi công. Riêng sân bay Liên Khương - theo dự án cũng phải được mở rộng đường băng thêm 800m nữa với kinh phí dự trù hơn 10 tỷ đồng nhằm mở đường bay trực tiếp từ Singapore bay thẳng đến Đà Lạt để khách du lịch quốc tế khỏi phải mất thời gian trung chuyển ở sân bay Tân Sơn Nhất - Tp Hồ Chí Minh. Việc xử lý nước thải cho khu giải trí Đankia cũng được chú trọng bằng một

dự án riêng: Đưa nguồn nước thải đến tận cuối hồ và xử lý triệt để trước khi cho thoát ra ngoài nhằm không gây ô nhiễm môi trường và đặc biệt không làm ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt mà dân Đà Lạt đang sử dụng. Những vùng đất mà nhân dân đang sử dụng hiện tại cũng được quy hoạch thành từng vùng chuyên canh: rau, hoa, cây trái đặc sản nhằm cung cấp cho khu giải trí và du khách.

Để đáp ứng nhu cầu xây dựng, khi thực hiện dự án "*Dankia Resort*" phải cần đến 40.000 lao động. Theo tính toán của Ban chỉ đạo dự án (gồm Tổng cục Du lịch, Bộ Kế hoạch Đầu tư và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng), thì đi đôi với việc tổ chức đào tạo một đội ngũ làm du lịch chuyên nghiệp để cung ứng cho khu du lịch Dankia, còn phải tuyển chọn những công nhân lành nghề ở Lâm Đồng, các tỉnh lân cận và Tp Hồ Chí Minh mà chủ yếu là đội ngũ thanh niên, sinh viên. Tất nhiên sẽ giành mọi ưu tiên cho lực lượng lao động trẻ tại địa phương, nhưng với điều kiện phải đảm bảo chất lượng thì mới có đủ điều kiện để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và biến vùng đất Dankia hoang dã, thơ mộng ngày nào thành một khu du lịch xinh đẹp, quyến rũ và là một thành phố: xanh, sạch, đẹp trong tương lai.

2. DỰ ÁN KHU DU LỊCH TUYỀN LÂM

Những ngày sắp kết thúc năm 1998, sau một thời gian dài thâm nhập thực tế, điều tra, nghiên cứu soạn thảo và điều chỉnh, dự án quy hoạch chi tiết khu du lịch Tuyền Lâm của Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam đã được các cơ quan chức năng tỉnh Lâm Đồng và thành phố Đà Lạt góp ý, thông qua với tổng vốn đầu tư ước tính 31,47 triệu USD tương ứng với 346,17 tỷ đồng VN. Từ nay đến năm 2010, dự án này sẽ được chia ra làm nhiều hạng mục nhỏ để các nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ bề lựa chọn, tham gia tùy theo năng lực tài chính và sở thích của mình.

Khu du lịch Tuyền Lâm nằm cách trung tâm thành phố 5 km về

phía Nam, có diện tích tự nhiên khoảng 1.406 ha, trong đó mặt hồ chiếm 320 ha. Quanh hồ là những đồi cây với các loại thông đặc chủng tạo nên khung cảnh hết sức thơ mộng. Trong rừng khu vực này còn có nhiều loại động vật quý có giá trị nghiên cứu. Ven hồ là nhiều điểm tham quan tạo thành một khu du lịch hấp dẫn như: Thác Bảo Đại, khu săn thú của bản làng dân tộc Lạch, khu nuôi trâu, khu săn bắt năm xưa của Hoàng đế Bảo Đại. Trên đỉnh đồi phía Bắc là công trình kiến trúc Phật giáo uy nghi: Thiền viện Trúc Lâm - nơi quy tụ và thu hút hàng trăm ngàn tín đồ, du khách thập phương hằng năm đến văn cảnh chùa và tham quan, chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên và kỳ bí của Tuyền Lâm.

Theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 1995-2010, hồ Tuyền Lâm thuộc cụm du lịch trung tâm Đà Lạt và phụ cận, là khu vực cần ưu tiên đầu tư khai thác để góp phần đẩy nhanh sự phát triển của du lịch Đà Lạt. Qua nghiên cứu và phân tích thực địa, các chuyên gia của Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam nêu lên nhận xét: *"Với vị trí gần trung tâm thành phố và cảnh quan hấp dẫn đa dạng như vậy, khu du lịch Tuyền Lâm được coi là khu vực đối trọng với khu du lịch Đankia - Suối Vàng liên doanh với Singapore, góp phần giảm bớt sức ép đang ngày càng đè nặng lên trung tâm thành phố và làm tăng tính hấp dẫn của sản phẩm du lịch địa phương"*. Những nhà làm du lịch cũng thống nhất cho rằng: Hồ Tuyền Lâm có rất nhiều tiềm năng và triển vọng phát triển. Nơi đây có thể đầu tư xây dựng thành khu du lịch tổng hợp với nhiều loại hình du lịch như: tham quan thắng cảnh, vui chơi giải trí, thể thao, sinh thái, nghỉ dưỡng và lễ hội tôn giáo. Xây dựng khu du lịch tổng hợp Tuyền Lâm sẽ phục vụ được đông đảo khách du lịch trong nước và du khách nước ngoài muốn du lịch nghỉ dưỡng dài ngày ở khu vực có khí hậu trong lành và yên tĩnh. Khai thác lợi thế hồ, núi, cảnh quan, thác nước và lễ hội tại Thiền viện Trúc Lâm sẽ làm tăng thêm tính đa dạng và tính hấp dẫn của du lịch Đà Lạt. Từ

đó số lượng du khách đến với “thành phố Hoa” sẽ đông hơn, kéo dài được thời gian lưu trú của du khách, đồng thời làm giảm được mật độ du khách tập trung quá đông ở khu vực trung tâm thành phố hoặc ở khu du lịch sinh thái Lang Bian. Việc xây dựng khu du lịch Tuyền Lâm cũng sẽ góp phần khai thác loại hình du lịch nghỉ dưỡng và tín ngưỡng, làm đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo ra lợi ích cộng đồng cho địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của thành phố ngày càng phát triển.

Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định: Khu vực hồ Tuyền Lâm có cấu trúc địa hình khá đa dạng và độc đáo với núi, đồi, hồ rộng, khe sâu, thác nước... tạo nên sức quyến rũ riêng của một khu vực nghỉ dưỡng khá độc đáo và thuận tiện ở ngoại vi thành phố. Nét đặc biệt của địa hình khu vực là độ cao tuyệt đối ở đây chỉ xấp xỉ 1.500m so với mặt biển, thấp hơn mặt bằng chung của Đà Lạt. Mực nước ở hồ cũng chỉ cao xấp xỉ 1.380m. Xem xét chung mức chênh lệch về độ cao của những đỉnh núi quanh hồ (1.400 - 1.450m) thì sự chênh lệch so với phần mép nước chỉ vào khoảng từ 20 đến 70m. Từ đó tạo nên những đồi thấp bao quanh rất thuận lợi cho việc hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng quanh hồ. Phần ngoại vi là các đỉnh núi cao trên 1.500m như ở phía Đông Bắc (1.520m-1522m) và phía Tây (các mỏm có độ cao 1.595m và 1.611m) tạo thành một bức tường núi phía sau vây quanh khu vực, trên đó là quần thể rừng lá rộng, khác biệt với rừng lá kim ở phần bao quanh hồ. Đặc điểm này thuận lợi cho việc bố trí các tuyến tham quan leo núi và cũng rất thuận tiện cho việc bố trí các kiến trúc cao tầng xung quanh hồ mà vẫn hài hòa với khung cảnh xung quanh. Mặt khác, sự phân bậc khá rõ nét ở khu vực này, nhất là vệt đất bằng chạy gần như bao quanh hồ là điều kiện lý tưởng cho việc thiết kế tuyến giao thông ở khu du lịch này.

Theo dự án, trong tương lai, những bán đảo nhỏ xinh đẹp ở phía Nam hồ Tuyền Lâm có mặt bằng rộng chừng 70 ha nằm trên độ cao 1.400m so với mực nước biển và cao chừng 20m so với mặt hồ sẽ

được bố trí làm khu du lịch nghỉ dưỡng, xây dựng nhà hàng, khách sạn, bưu điện để phục vụ du khách. Bờ phía Bắc và phía Tây của các bán đảo rộng thoải mái xuống mép hồ nước tạo nên thắng cảnh cực đẹp và lý tưởng sẽ được bố trí các nhà nổi xung quanh bán đảo để du khách có thể vừa thưởng thức các món ăn đặc sản, vừa ngắm cảnh sơn thủy hữu tình. Trên những sườn đồi và bề mặt rộng lớn của hồ là nơi xuất hiện các quần thể du lịch đa dạng từ leo núi đến chèo thuyền, câu cá, tắm hồ. Bên ngoài là khu vực đón tiếp bao gồm trạm điều hành và hướng dẫn du lịch, các công trình du lịch công cộng như bãi đỗ xe, kể cả qua đêm và dài ngày. Du khách có thể đi tham quan, văn cảnh chùa hay đi sâu vào khu du lịch tùy theo ý thích. Ở đây khách có thể lựa chọn các loại hình giao thông như đi thuyền hay đi ngựa vào hồ. Bến thuyền chính được tổ chức tại khu vực như hiện nay. Từ đây sẽ có các tuyến đi tới các khu chức năng bên trong. Những tuyến đường bộ sử dụng xe ngựa hoặc voi để đưa khách du lịch đi tham quan các nơi cũng được thiết lập. Một tuyến cáp treo được mọc lên nối liền giữa đỉnh núi này với đỉnh núi khác, giúp du khách có thể chiêm ngưỡng toàn cảnh Tuyền Lâm từ trên không và tìm cảm giác mạnh.

Đặc biệt, một vườn thú cũng sẽ được xây dựng để du khách có thể vừa đi giữa rừng vừa nô đùa với những loài vật hiền lành như hươu, nai, thỏ,... Riêng các loài thú dữ như hổ, báo, sư tử thì được quy hoạch trong một khu vực riêng, có song sắt ngăn cách và bảo vệ cho du khách. Các khu nhà nghỉ ở trong khu vực này được xây dựng theo một mô hình cá biệt: thấp tầng và phân tán, nhưng vẫn có khả năng đáp ứng nhu cầu cho khách nội địa và quốc tế là 500 phòng vào năm 2010. Mỗi cụm nhà nghỉ còn được bố trí thêm các loại hình dịch vụ tại chỗ và các hoạt động thể dục, thể thao. Ngoài ra, các kiểu nhà nghỉ bungalow và làng camping cũng sẽ được xây dựng thêm. Các khu dành cho việc câu cá cũng sẽ được tổ chức ở phía Nam và nằm sâu trong khu vực hồ. Ở trong sâu của những

cánh rừng là các khu vực dành cho việc săn bắn và leo núi. Trong khu thể thao cũng sẽ có các hoạt động mang cảm giác mạnh như đu quay, đu đứng...

Các chuyên gia ở Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam cho biết: Thiết kế của dự án khu du lịch Tuyền Lâm dựa trên quan điểm đa dạng và đa sinh học, nhưng vấn đề bảo tồn và tôn tạo tài nguyên thiên nhiên chính ở đây là mặt nước và rừng xanh được tuyệt đối chú trọng. Mục đích chính là làm sao xây dựng cho được một khu du lịch sinh thái kết hợp với nghỉ dưỡng nhưng không được làm thay đổi khu vực hồ rừng, cảnh quan thiên nhiên vốn thơ mộng và xinh đẹp của vùng này, đặc biệt là tránh không cho nguồn nước khu vực du lịch Tuyền Lâm bị ô nhiễm trong thời gian tới.

3. DỰ ÁN ĐA THIÊN - THUNG LŨNG TÌNH YÊU

Khu vực hồ Đa Thiện là một trong những điểm du lịch đẹp và hấp dẫn của Đà Lạt nằm ở phía Bắc thành phố trên độ cao 1.550m so với mặt nước biển. Từ lâu, hồ Đa Thiện - Thung lũng Tình yêu (Vallée d'Amour) đã trở thành nơi tham quan, picnic, cắm trại lý tưởng của thanh thiếu niên thành phố và đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh.

Năm 1998, dự án quy hoạch chi tiết khu du lịch Đa Thiện - Thung lũng Tình yêu được Viện Nghiên cứu phát triển du lịch lập và được các cơ quan hữu quan góp ý thông qua. Phạm vi khu vực dự án không lớn lắm, chỉ chừng 300 ha, trong đó diện tích hồ chiếm khoảng từ 15 đến 17 ha.

Nằm trên sơn nguyên Đà Lạt có độ cao tuyệt đối 1.500m, song địa hình khu vực hồ Đa Thiện lại có độ cao tương đối bằng phẳng khoảng từ 50 đến 60m, cao nhất là khu vực Tây Bắc (80 - 85m). Với độ cao đó, nếu thiết kế một điểm tham quan trên khu vực sóng đỉnh kéo từ phía Tây Bắc (1.570 - 1.582,2m) theo hướng Bắc Nam nối xuống các đỉnh kế tiếp bằng một đường cáp treo sẽ tạo nên một

tuyến tham quan đẹp trên cao, không chỉ nhìn thấy hồ Đa Thiện, Thung lũng Tình yêu mà còn có thể nhìn thấy các thung lũng khác ở phía Tây.

Theo dự án, các đồi thấp có độ cao 50-60m và các thung lũng rộng, sườn đồi thoải thoải đổ xuống hồ Đa Thiện sẽ được bố trí kiến trúc như sau:

1. Bề mặt đỉnh và các sóng đỉnh có bề mặt kéo dài theo đường sóng núi bằng phẳng, độ dốc nhỏ hơn 5° , có tầm nhìn rộng sẽ được bố trí các điểm tham quan ngắm cảnh, cắm trại, picnic và các điểm nghỉ cuối tuần. Nơi đây có thể thiết lập các kiến trúc du lịch độc đáo như: ga cáp treo, các tháp quan sát, vọng lâu hay các tượng đài, phù điêu kiến trúc, công viên hoa mini để tăng thêm sức hấp dẫn và độ dày các điểm tham quan cho du khách.

2. Ở mặt bằng các thung lũng thấp ven hồ, dọc suối hay một vài thung lũng giữa các ngọn đồi hay gần mép nước có độ ẩm cao hơn các khu vực khác, có thể bố trí các cơ sở dịch vụ, các điểm giải trí và sinh hoạt văn hóa, văn nghệ. Ngoài ra, có thể hình thành các khu vực đáp ứng nhu cầu cắm trại cho thiếu nhi các trường học khi tổ chức đi chơi tập thể. Nhằm phục vụ cho mục đích này, những bãi tắm đẹp phía Đông Nam và phía Nam của hồ sẽ hình thành các vườn hoa, cây cảnh. Ở những nơi các dòng suối đổ vào hồ được tận dụng để làm các bến thuyền. Bên các chân cầu vắt ngang qua suối vừa làm bến đỗ, vừa làm điểm vui chơi.

Trong các bãi bằng trũng giữa các quả đồi phía Tây và Tây Nam hồ là nơi hình thành những điểm vui chơi cho nam nữ thanh niên. Các loại hình Thung lũng Tình yêu với những dàn phong lan, vườn hoa, ghế đá với các bụi hoa cao to gồm nhiều loại khác nhau đua chen,... sẽ tạo nên những khung cảnh ẩn hiện trữ tình và thơ mộng dưới ngàn thông.

3. Những sườn đồi có độ dốc không lớn từ 5° đến 8° được sử

dụng vào mục đích xây dựng các quần thể kiến trúc nhà nghỉ, những quán cây, điểm dừng chân của du khách đi tham quan và những kiến trúc trang nhã trên nền cỏ xanh dưới tán rừng thông. Đó đây, sẽ xây dựng các tượng đài, phù điêu với những đường nét điêu khắc gợi nhớ những câu chuyện cổ tích dân gian, những truyền thuyết gắn với Đà Lạt, những vườn cổ tích hoặc có thể sẽ là những kỳ quan thế giới thu nhỏ. Tại đây cũng được tạo nên những bãi chơi cho trẻ em và có thể bố trí những công trình vui chơi hiện đại như đu quay, xe trượt, tàu điện... Các công trình này được bố trí ở phía Nam gần đường giao thông, còn các vườn cổ tích được bố trí ở phía Bắc để từ các bến thuyền có thể ngắm cảnh, thư giãn với các quần thể kiến trúc nghệ thuật.

4. Bề mặt sườn đồi có độ dốc từ 8° đến 15° là khu vực chuyển tiếp từ các bề mặt đỉnh xuống hồ hoặc xuống các thung lũng bằng. Đây là khu vực để tổ chức vui chơi dưới tán rừng, vì thế được tạo khung cảnh hòa hợp với khu vực bằng cách điểm dưới tán rừng những bụi hoa lớn chừng vài mét vuông đến vài chục mét vuông hoặc những dải vườn hoa hẹp trang trí tạo hình dưới tán thông để đứng dưới mép hồ có thể quan sát, chiêm ngưỡng được. Khu vực sát mép hồ được tạo ra các bãi tắm ở phía Đông Nam nhằm phục vụ du khách vào mùa hè.

5. Mặt sườn có độ dốc từ 15° đến 25° được bảo vệ nhằm gìn giữ thảm rừng, trồng thêm cỏ để chống xói mòn và giữ môi trường nước sạch cho hồ Đa Thiện.

6. Các sườn dốc chủ yếu chạy dọc theo mép hồ và các suối đầu nguồn là khu vực nguy hiểm, nên sẽ có biện pháp phòng chống trượt lở, sóng vỗ và là vùng cấm các hoạt động vui chơi.

7. Trên mặt hồ Đa Thiện có thể sử dụng các hình thức vui chơi, giải trí trên mặt nước như: du thuyền, câu cá và các hoạt động khác.

Tóm lại, theo các chuyên gia của Viện Nghiên cứu phát triển

du lịch Việt Nam thì khu du lịch hồ Đa Thiện - Thung lũng Tình yêu tuy có diện tích không lớn, song bản thân có sức thu hút riêng, thêm vào đó sự liên kết các quần thể xung quanh tạo nên đặc điểm liên hoàn của vùng du lịch phía Bắc Đà Lạt. Quan trọng nhất là hồ nước Đa Thiện khi đưa vào khai thác phải làm sao vừa phục vụ cho nhiệm vụ thủy lợi, vừa phục vụ cho mục đích du lịch. Do vậy cần có biện pháp hài hòa trong khai thác nhằm đảm bảo cả hai chức năng này của hồ Đa Thiện.

Đối với khu du lịch Đa Thiện, trong định hướng phát triển các công trình xây dựng, chỉ ưu tiên phát triển các khu vui chơi giải trí, các điểm tham quan, thể thao và các công trình dịch vụ du lịch khác. Việc xây dựng các cơ sở lưu trú sẽ không được ưu tiên đầu tư xây dựng ở đây. Tuy nhiên, có thể xây dựng một số cơ sở lưu trú nhỏ mang tính dân tộc như camping, lều trại, bungalow để phục vụ khách tham quan nghỉ ngơi trong ngày.

Để dự án khu du lịch này có thể triển khai được, từ nay đến năm 2010, dự kiến phải cần đầu tư khoảng 23,8 triệu USD.

4. DỰ ÁN KHU DU LỊCH PRENN

Ngày 24.10.1997, Công ty Du lịch Lâm Đồng xây dựng dự án đầu tư khu du lịch Prenn với tổng vốn đầu tư là 6 tỷ 993 triệu đồng bao gồm các hạng mục: hồ chứa nước, xây dựng hàng rào dọc quốc lộ, trồng cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, đường giao thông, bãi đậu xe, trồng hoa cây cảnh, hòn non bộ, vườn địa đàng, cầu tuột nước, trò chơi điện tử, xây dựng nhà hàng mới,... trên quy mô quản lý rừng tổng thể cảnh quan là 160 ha. Khu du lịch thác Prenn là một điểm thắng cảnh đẹp của Đà Lạt. Cùng với cảnh quan thiên nhiên, đối thông, thác nước tạo nên một phong cảnh vừa hoang sơ vừa hùng vĩ đã thu hút nhiều du khách khi đến tham quan nghỉ dưỡng ở Đà Lạt. Việc đầu tư tôn tạo trong những năm gần đây được chú trọng, tổ chức kinh doanh ở đây được chỉnh đốn, hoàn thiện về bộ

máy quản lý và đội ngũ đã đưa đến hiệu quả kinh doanh rõ rệt. Song do điều kiện tích lũy vốn của đơn vị còn hạn hẹp nên việc đầu tư xây dựng, mở thêm các loại hình dịch vụ để đa dạng hóa sản phẩm du lịch khó thực hiện được. Các hoạt động dịch vụ ở đây còn đơn điệu và ở quy mô nhỏ, chưa đáp ứng nhu cầu và tốc độ phát triển của ngành trên địa bàn nói riêng và nhu cầu phát triển chung của xã hội.

Do vậy, mục tiêu của dự án đề ra là: Khai thác và bảo vệ các tài nguyên du lịch của Đà Lạt, tạo ra nhiều hoạt động làm cho thắng cảnh bớt đơn điệu và làm đa dạng hóa nhằm tăng sức hấp dẫn các nguồn khách, tăng số ngày lưu trú của khách đến tham quan, mở rộng giao lưu văn hóa trong nước, khu vực ASEAN và quốc tế.

Để thực hiện dự án khu du lịch Prenn, Công ty Du lịch Lâm Đồng đã đề ra phương án quy hoạch khu xây dựng và khu chức năng bao gồm:

* *Khu trung tâm* với các hoạt động tham quan thắng cảnh thác và cảnh quan dưới thác; tham quan triển lãm trưng bày các sản phẩm và kiến trúc của người dân tộc thiểu số ở Đà Lạt; du thuyền, câu cá, tham quan sơn động; tham quan vườn địa đàng, ăn uống giải khát, tham quan khu nuôi thú hoang dã; tổ chức các sinh hoạt văn hóa lễ hội ngoài trời.

* *Khu sinh hoạt thể dục thể thao* sẽ có nhiều loại hình như: cáp treo, monorail, sân tennis, hồ bơi, massage-sauna, văn phòng điều hành và nhà hàng phục vụ.

* *Vườn địa đàng* được xây dựng trên diện tích 500m², cách cổng vào 120m và cách thác nước 100m về hạ lưu. Công trình được xây dựng trong khung cảnh tự nhiên, hoang sơ có nhiều ghềnh thác, cây xanh và cây cảnh.

* *Cầu tuột nước* với máng nước được lắp đặt theo chiều dọc từ thượng nguồn thác Prenn uốn lượn theo địa hình có chiều dài là

250m và độ dốc 10-20%. Lưu lượng nước đưa vào máng được trích một phần từ thượng nguồn thác bằng van đóng mở. Điểm cuối cầu trượt xe sẽ chạy thẳng xuống hồ dưới chân thác. Máng nước được đặt trên giá bằng bê tông cốt thép (máng nước và xe tuột nhập đồng bộ sản phẩm do Trung Quốc chế tạo).

Hy vọng rồi đây, khu du lịch này sẽ trở thành một điểm dừng không thể nào thiếu của tất cả mọi người dân thành phố và của đông đảo du khách trong và ngoài nước.

5. DỰ ÁN KHU DU LỊCH HỒ THAN THỎ

Hồ Than Thở nằm ở phía Đông thành phố, cách trung tâm Đà Lạt khoảng 6 km, từ lâu đã đi vào truyền thuyết và gắn bó với tên tuổi "thành phố Hoa". Đây là một hồ nước nhân tạo với diện tích ban đầu là 13 ha. Hiện nay, mặt hồ bị bồi lấp chỉ còn khoảng 6 ha.

Ngày 27.5.1997, dự án đầu tư, phục hồi, tôn tạo và khai thác cảnh quan điểm du lịch hồ Than Thở đã được Công ty trách nhiệm hữu hạn Thùy Dương (một chi nhánh của Công ty Huy Hoàng TP. Hồ Chí Minh) lập xong. Theo dự án này, lượng khách du lịch đến hồ Than Thở cao nhất vào 2 năm 1993, 1994 (chiếm 26,99% so với tổng số khách du lịch đến Đà Lạt), sau đó giảm dần, đến năm 1996 chỉ còn 15,57% so với tổng số khách du lịch đến Đà Lạt. Đây là điều đáng quan ngại bởi lẽ sức hút của khu du lịch hồ Than Thở ngày một giảm đi do tình trạng cảnh quan xuống cấp trầm trọng, môi trường sinh thái bị ô nhiễm, các dịch vụ du lịch yếu kém, quản lý chồng chéo, trong khi đó lượng du khách đến các khu du lịch khác trong thành phố vẫn tiếp tục tăng.

Để góp phần giải quyết tình trạng nói trên và khôi phục lại thắng cảnh du lịch nổi tiếng hồ Than Thở vốn được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là thắng cảnh cấp quốc gia, mục tiêu của dự án đầu tư gồm có các nội dung sau đây:

- + Tái tạo lại cảnh quan và môi trường đã bị phá hoại, xuống

cấp và cải thiện môi trường trong khu vực.

- + Gia tăng thêm độ che phủ xanh của rừng thông qua việc trồng mới 42 hécta rừng.

- + Hạn chế việc bồi lắng hồ Than Thở và khôi phục lại vẻ đẹp của hồ.

- + Tạo thêm việc làm ổn định cho 120 lao động, góp phần giải quyết đời sống cho hàng trăm lao động địa phương thông qua việc tiêu thụ sản phẩm đặc sản và các dịch vụ khác.

- + Ngăn chặn việc xâm lấn và phá hoại cảnh quan môi trường.

Công ty đề nghị Nhà nước cho quy hoạch và cho đơn vị thuê 118 ha đất tại khu vực thắng cảnh nói trên bao gồm: 9 ha hồ, 2 ha đất xây dựng cơ bản, 59,5 ha đất rừng cảnh quan, 47,5 ha đất chuyển đổi cơ cấu cây trồng (sẽ được thuê khi Ủy ban Nhân dân tỉnh có biện pháp thay đổi cơ cấu cây trồng trên cơ sở chủ dự án sẽ hỗ trợ kinh phí ban đầu cho người nông dân như giống, phân bón, công chăm sóc thời gian đầu).

Cũng theo dự án này thì tổng vốn đầu tư sẽ là 47.295.850.000đ. Thời gian đầu xây dựng là 5 năm (1997-2001). Thời gian khai thác dự án: 45 năm (1997-2042).

Nội dung cụ thể của dự án là :

- Khu vực A (đồi bên trái và hạ lưu đập) sẽ xây dựng vườn giống hoa và Đồi Thông Hai Mộ, khu vui chơi thiếu nhi, cuội ngựa, cắm trại, trưng bày động thực vật, hang động.

- Khu vực B (đồi giữa) sẽ có nhà điều hành, nhà hàng ăn uống, câu cá, bơi thuyền, thủy tạ, vườn tượng, vườn hoa cây cảnh và nhạc nước (chủ yếu ban đêm).

- Khu vực C (bao gồm 3 đồi) sẽ tổ chức nghỉ dưỡng, tham quan, đồi vọng cảnh và đường cáp treo.

Khu vực đồi giữa sẽ là nơi tổ chức các hoạt động tham quan, giải trí, mua bán đặc sản vì có tầm nhìn đẹp và tiếp giáp nhiều với mặt hồ là chủ thể chính của thắng cảnh. Ngoài ra, khu vực đảo Tiên cũng sẽ được thực hiện thông qua việc nạo vét lòng hồ để sau khi nạo vét xong, sẽ cho đắp một đảo lớn nhằm mục đích trung chuyển khách từ đồi B sang đồi C. Sẽ có các cây cầu từ đảo Tiên qua khu C (khu nghỉ dưỡng) và mở thêm một đường mới sau suối nước của đập tràn theo chân đồi, sát hồ cho xe con có thể vào được. Đầu nguồn hồ được trồng cây xanh dày đặc tạo cảm giác cho du khách như khu rừng già và nước chảy vào hồ được xem như nước từ rừng già chảy ra. Cây xanh cũng được trồng thêm để che chắn bởi một phần tầm nhìn từ đập nước vào hồ Than Thở để thắng cảnh tạo được sự hấp dẫn và tò mò cho du khách.

Dự án khu du lịch hồ Than Thở cũng đưa ra phương án xây dựng khu vực để xe phía sau khu du lịch là nơi bằng phẳng rộng rãi, không ảnh hưởng đến tầm nhìn chính của khách du lịch khi đến với hồ Than Thở. Khu vực đồi A sẽ tập trung tất cả các hoạt động mang tính "động", có nơi cho khách xem hoa và mua bán hoa. Xây dựng lại Đồi Thông Hai Mộ để thu hút khách. Khu vực đồi B sẽ tôn tạo thỏa đáng di tích tượng Phật và nhà thờ cho du khách, có vườn nghệ thuật để quay phim, chụp ảnh, bố trí nhạc nước để mở rộng hoạt động vào ban đêm; có nhà hàng phục vụ ăn uống và các kiến trúc tinh tế gắn liền với vườn cảnh đặc sắc để phục vụ chu đáo khách tham quan. Khu vực đồi B có chủ đề chính thông qua nhóm tượng "Tình yêu và nỗi nhớ" hoặc "Đợi chờ". Khu vực đảo Tiên sẽ trở thành nơi nghỉ ngơi sát mặt hồ để du khách có thể ngắm hồ hòa nhạc với hoa, cây xanh, nước suối (giả) chảy róc rách. Khu đồi C là nơi vọng cảnh, nghỉ dưỡng và đi dạo trong rừng. Chính nơi đây sẽ bố trí tháp quan sát Đà Lạt và cáp treo chạy dọc thắng cảnh.

Tóm lại, dự án đầu tư, tôn tạo khu du lịch hồ Than Thở là dự án kinh doanh kết hợp với bảo vệ cảnh quan, môi trường, trồng rừng

mới, nạo vét hồ phục vụ cho việc cải tạo môi trường khu vực. Nếu dự án được thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm túc thì chắc chắn hồ Than Thở có đầy đủ điều kiện để hóa thân thành một thắng cảnh xinh đẹp nổi tiếng và hấp dẫn du khách trong tương lai của thành phố Đà Lạt.

6. DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỤM DU LỊCH HỒ XUÂN HƯƠNG

Trung tâm của cụm du lịch này là hồ Xuân Hương. Đây là một hồ nước nhân tạo ở trung tâm thành phố, được xây dựng vào năm 1919. Theo đề án của kỹ sư Rousselle, kỹ sư công chánh Labbé cho xây đập từ Thủy tạ đến quán Hương đạo cũ. Năm 1923, hồ được mở rộng và đến năm 1935 thì hình thành như ngày nay. Diện tích hồ khoảng 43 ha, chiều rộng mặt hồ trung bình 200m. Trước đây hồ Xuân Hương thiết kế theo bố cục chung của khu trung tâm thành phố, tổ chức theo đề án của kiến trúc sư E. Hébrard và J. Lagisquet và hầu như không thay đổi cho đến ngày nay. Các khách sạn, mà tiêu chuẩn là khách sạn Palace, nhà Thủy tạ, khu giải trí được bố trí ở phía Nam; vườn hoa, sân golf và khu biệt thự dự kiến bố trí ở vùng phía Bắc. Khoảng trống của hồ tạo được tầm nhìn với vùng đồi thông cảnh quan đẹp, dưới chân núi Lang Bian hùng vĩ. Địa hình khu vực với những bậc thềm và đường cong uốn lượn trên bờ quanh co lẫn khuất sau những rừng thông tạo nên cảm giác thi vị, hấp dẫn đối với du khách và làm cho mặt hồ có cảm giác rộng hơn.

Hồ Xuân Hương có một vị trí quan trọng trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử,... Đối với Đà Lạt, hồ Xuân Hương là thắng cảnh đầu tiên của Lâm Đồng được Nhà nước xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Ngày 10.1.1997, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ký Quyết định số 26/QĐ-UB xác định "Trung tâm du lịch lấy trọng tâm là khu vực hồ Xuân Hương".

Trên cơ sở đó, cơ quan chức năng đã xây dựng dự án tiền khả

thì đầu tư phát triển cụm du lịch hồ Xuân Hương. Mục tiêu của dự án là xây dựng một cụm du lịch đặc sắc, cao cấp ngay trung tâm thành phố, kết hợp hài hòa giữa cảnh quan thiên nhiên với các công trình kiến trúc và các khu vực vui chơi giải trí. Dự án sẽ có các nội dung như sau:

1. *Hồ Xuân Hương*: Sửa chữa xi phông, nạo vét lòng hồ, tôn tạo bờ hồ sạch đẹp hài hòa với cảnh quan thiên nhiên. Ven hồ phía Nam trồng cây xanh. Ven hồ phía Bắc dành cho khách đi bộ ngắm cảnh hồ, đồi Cù và đỉnh núi Lang Bian, nên trồng cây xanh kết hợp với một số công viên nhỏ, các kiosque nhỏ để khách dừng chân giải khát, trú mưa nắng.

Trên mặt hồ, kinh doanh du lịch chủ yếu với các sản phẩm như chèo thuyền, câu cá, các trò chơi trên nước (hạn chế động cơ) và khai thác các sản phẩm cả ngày lẫn đêm. Ngoài ra, còn khai thác thêm các lĩnh vực khác như cung cấp nước tưới cho sân golf, thu thủy lợi phí, nuôi cá... Tổng vốn đầu tư: 1,471 triệu USD, trong đó:

- Sửa chữa và khôi phục xi phông: 307.000USD

- Nạo vét lòng hồ: 576.000USD

- Tôn tạo bờ hồ: 512.000USD

- Xây dựng công viên: 77.000USD.

Nguồn vốn

- + Vay chậm trả đơn vị thi công bằng nguồn ngân sách 1999-2000: 11.000 triệu, tương đương 0,85 triệu USD

- + Ngân sách Nhà nước: 3.965 triệu, tương đương 0,31 triệu USD.

- + Huy động dân: 4.000 triệu, tương đương 0,31 triệu USD.

2. *Khu vực khách sạn Xuân Hương*: Xây dựng thành một khách sạn đẹp kết hợp với cho thuê làm văn phòng, trung tâm điều hành

du lịch. Vốn đầu tư khoảng 2 triệu USD. Nguồn vốn kêu gọi nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Xếp loại danh mục đặc biệt khuyến khích đầu tư xây dựng: 1999-2005.

3. *Khách sạn Palace* thuộc liên doanh DRI, đã được công nhận là khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao. Do vị trí độc đáo của khách sạn nên ngoài việc đón khách đến nghỉ còn khuyến khích đơn vị bán vé đón khách đến dạo chơi, ngắm cảnh hồ Xuân Hương, đồi Cù, núi Lang Bian như một điểm tham quan mới của Đà Lạt.

4. *Khu vực Cầu lạc bộ Thể dục - Thể thao, sân vận động và đồi Tây Đức*: Xây dựng quảng trường, trung tâm hội thảo và thông tin kết hợp với công viên để du khách đến dạo chơi, ngắm cảnh hồ, đồi Cù... Bố trí một bãi đậu xe trong khu vực đồi Tây Đức rộng khoảng 500m² phục vụ du khách đi dạo quảng trường, công viên. Tổng vốn đầu tư: 3,8 triệu USD. Nguồn vốn do ngân sách Nhà nước lấy từ các khoản: cấp quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, thu thuế từ kinh doanh du lịch. Thời gian xây dựng: 2001-2005.

5. *Khu vực giáp đồi Tây Đức đến cầu Phạm Hồng Thái*: Đầu tư vườn hoa, cây cảnh, công viên đặc sắc để khách thưởng ngoạn và xây dựng một hồ phụ chống bồi lắng cho hồ Xuân Hương. Tổng vốn đầu tư: 0,415 triệu USD. Nguồn vốn: Kêu gọi vốn đầu tư trong nước và ngân sách Nhà nước. Thời gian xây dựng: 1999-2010.

6. *Khu vực từ khách sạn Công đoàn đến cầu sắt*: Xây dựng trung tâm vui chơi giải trí, các nhà hàng cao cấp và khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế, tương đương với một số sản phẩm trong khu vực dự án DDR (Đankia - Suối Vàng) với tổng vốn đầu tư: 32.372.000USD. Nguồn vốn: Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài. Thời gian xây dựng: 1999 - 2010.

7. *Khu vực thượng lưu hồ Xuân Hương*: Xây dựng công viên giải trí gia đình phục vụ du khách và nhân dân địa phương và xây một hồ phụ chống bồi lắng hồ Xuân Hương. Ngoài ra, khu vực thượng

lưu có thể tăng quy mô diện tích và nối kết với hồ Chiến Thắng, cụm du lịch hồ Mê Linh, hồ Than Thở nếu có đối tác tham gia đầu tư. Tổng vốn đầu tư: 4,615 triệu USD. Nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Thời gian xây dựng: 1999 - 2005.

8. *Khu vực công viên hoa*: Xây dựng một hồ phía sau công viên để chống bồi lắng cho hồ Xuân Hương. Vốn đầu tư: 0,115 triệu USD. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước. Thời gian xây dựng: 1999 - 2000.

9. *Khu vực giữa đường Đinh Tiên Hoàng và Bùi Thị Xuân*: Xây dựng khu liên hợp thể thao đạt tiêu chuẩn quốc tế, có khả năng tổ chức các cuộc tranh tài của khu vực và quốc tế kết hợp với sinh hoạt văn hóa của nhân dân Đà Lạt. Khôi phục nạo vét hồ hiện có để chống bồi lắng cho hồ Xuân Hương. Vốn đầu tư: 8 triệu USD (kể cả đền bù). Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước. Thời gian xây dựng: 1999 - 2000.

10. *Khu vực đồi Nguyễn Thái Học*: Xây dựng trung tâm vui chơi giải trí thanh thiếu niên và khu khách sạn, nhà hàng Thanh Thủy. Tổng vốn: 4,45 triệu USD. Nguồn vốn: Doanh nghiệp trong và ngoài nước. Thời gian xây dựng: 1997-2000.

11. *Khu vực hạ lưu hồ Xuân Hương*: Xây dựng công viên công cộng chủ yếu phục vụ du khách đi dạo, vui chơi và phong trào tập thể dục thể - thao của nhân dân thành phố. Xây dựng cầu Ông Đạo 2. Tổng vốn đầu tư: 3,2 triệu USD. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước. Thời gian xây dựng: 1999-2001. Ngoài ra, dự án còn đề cập đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng gồm: hệ thống thoát nước, sửa chữa Nhà máy nước hồ Xuân Hương (từ 300m³/ ngày lên 8.400m³/ ngày để dự phòng cho sự cố của Nhà máy Nước Suối Vàng), sửa chữa đường ống cấp nước trong thành phố, làm mới và sửa chữa đường giao thông, hệ thống điện với tổng nguồn vốn là 7,196 triệu USD. Từ năm 1999 - 2005 bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Tính ra, tổng nguồn vốn để đầu tư xây dựng cụm du lịch hồ Xuân

Hương cần tới: 69.249.000USD từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, huy động trong nhân dân và 45.122.000USD bằng nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài từ năm 1999-2005.

Cụm du lịch hồ Xuân Hương, nếu được đầu tư hoàn chỉnh chắc chắn sẽ cùng với các cụm du lịch của Đà Lạt cạnh tranh với các khu du lịch khác, tránh được trường hợp khách đổ dồn về khu du lịch Đankia - Suối Vàng và hồ Tuyền Lâm. Bên cạnh đó, sẽ tăng khả năng thu hút khách, kéo dài thời gian lưu trú, tạo cho du khách một cảm giác sảng khoái và bổ ích khi đến Đà Lạt, đồng thời tạo thêm điều kiện để nhiều ngành dịch vụ giải quyết việc làm ổn định và lâu dài cho nhân dân thành phố.

7. DỰ ÁN SẢN XUẤT HOA CỦA DALAT HASFARM

Cuối năm 1993, ông Thomas Hooft (người Hà Lan) đã đến châu Á để tìm kiếm một vùng đất nhằm đầu tư trồng hoa xuất khẩu. Sau khi tiến hành khảo sát, khí hậu, thổ nhưỡng, thủy văn ở các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, cuối cùng ông đã quyết định chọn thành phố Đà Lạt làm điểm dừng chân và gặp ông Charles Target (người Anh) để bàn bạc và thống nhất ghi nhớ về việc hình thành dự án sản xuất hoa tại Đà Lạt. Chẳng bao lâu sau, luận chứng kinh tế - kỹ thuật và điều lệ của công ty mang tên Dalat Hasfarm được soạn thảo bởi một nhóm chuyên viên tư vấn, đứng đầu là Thomas Hooft.

Qua xem xét, Hội đồng quản trị gồm các thành viên do 2 bên cùng tham gia là: Công ty Agravina (do ông Charles Target - Chủ tịch Hội đồng quản trị) và Công ty Hasfarm (do ông Ibrahim Hasant - Chủ tịch Hội đồng quản trị) đã thống nhất thông qua và dự án trồng hoa xuất khẩu này được nhanh chóng đệ trình lên Chính phủ Việt Nam. Ngày 7.6.1994, Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch & Đầu tư) đã cấp giấy phép đầu tư số 365B/

GP với tư cách pháp nhân của công ty là: Bio Organics Hasfarm Ltd và tên giao dịch thương mại là Dalat Hasfarm. Chức năng chính của công ty là trồng hoa để xuất khẩu và tiêu thụ tại thị trường Việt Nam. Vốn đầu tư ban đầu theo giấy phép là 700.000USD.

Ngày 20.10.1994, những công trình nhà kính đầu tiên được khởi công xây dựng trên diện tích dự kiến ban đầu là 2,5 ha và được trồng các loại hoa: cẩm chướng, hồng, ly ly, cúc, gypsophila, sao tím, tuy lip,...

Vượt qua bao thử thách, khó khăn của giai đoạn sơ khai, tháng 3.1995, lô hàng đầu tiên gồm: cẩm chướng và hoa hồng được thu hoạch, nhưng chủ yếu cũng chỉ để tiêu thụ nội địa. Mãi đến tháng 6.1995, lô hàng mang tên Dalat Hasfarm mới được xuất khẩu đi Hong Kong lần đầu tiên. Tháng 3.1996, ông Sumartono hết nhiệm kỳ về nước. Đến tháng 10.1996, ông Bernhard Schenke (quốc tịch Hà Lan) được điều động đến Việt Nam làm giám đốc dự án cùng với ông Nguyễn Dũng.

"Đất lành hoa nở", từ chỗ chỉ có 19.538m² nhà kính thuê ban đầu với sản lượng hoa vốn vụn có 270.930 cành và 40 công nhân với mức thu nhập bình quân 40USD/người/tháng của năm 1995, đến năm 1999 Dalat Hasfarm đã đưa diện tích nhà kính lên 119.292m² trong số 17 ha hoa canh tác với 260 công nhân và mức thu nhập bình quân của người lao động đã tăng lên 75USD/tháng. Trong năm 1999, không chỉ có hơn 12 triệu cành hoa với màu sắc rực rỡ, bông to, cứng cáp và lâu tàn của Dalat Hasfarm gồm: hồng, cúc, ly ly, cẩm chướng... lên đường "xuất ngoại" sang Thái Lan, Nhật Bản, Úc, Đài Loan, Indonesia... mà còn có cả mạng lưới phân phối hoa Dalat Hasfarm xuất hiện rộng khắp Việt Nam từ: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng đến tận Nha Trang, Pleiku, Tp Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Cần Thơ, Bình Dương... Không chỉ dừng lại ở những khu nhà kính làm bằng gỗ và plastic đơn sơ ban đầu mà hôm nay một hệ thống nhà

kính tự động, khung thép được điều chỉnh bởi máy đo tốc độ gió, độ ẩm, nhiệt độ, lượng mưa, độ chiếu sáng và cả hệ thống bơm, tưới, phun thuốc trừ sâu theo chương trình vi tính được soạn thảo, cài đặt công phu đã hình thành và đi vào hoạt động có hiệu quả. Một mô hình trồng hoa công nghiệp trong nhà kính tiên tiến mang lại hiệu quả cao đã ra đời và thực sự hấp dẫn người nông dân trồng hoa địa phương mà trong đó Dalat Hasfarm như một đầu tàu của cả đoàn tàu đang khởi động.

Người dân Đà Thành còn nhớ: Lúc Dalat Hasfarm mới bắt đầu xây dựng những khu nhà kính đầu tiên thì nghề trồng hoa cổ truyền của thành phố đang ở thấp điểm của thời kỳ suy thoái, ước tính diện tích chỉ vào khoảng từ 10 đến 15 ha. Thế nhưng, 5 năm sau (tức là vào năm 1999), diện tích hoa của Đà Lạt đã tăng lên 150 ha, mô hình trồng hoa có bao che và thấp sáng được nhân rộng. Nhiều giống hoa mới xuất hiện nhờ kỹ thuật nuôi cấy mô thực vật phát triển, góp phần làm phong phú thêm chủng loại hoa của "thành phố Hoa" và cũng sẽ là điều kiện để người ương trồng hoa Đà Lạt thay dần những giống hoa cũ vốn đã thoái hóa, cho năng suất, chất lượng thấp; học tập kinh nghiệm Dalat Hasfarm để thay đổi công nghệ trồng hoa và có thể giữ một vai trò then chốt trong thị trường hoa khu vực châu Á.

Được biết, đến năm 1999, Dalat Hasfarm đã nâng tổng vốn đầu tư lên 2.500.000USD và nguồn kim ngạch xuất khẩu thu về đã đạt mức 2,5 triệu USD. Mùa xuân "Con Rồng" 2000 này, để chào đón thiên niên kỷ mới, Dalat Hasfarm đã sản xuất thêm được mấy chục loại hoa mới, "bất mắt" đến không ngờ: ly ly song hỷ, ly ly dạ hương, ly ly hồng hoàng, cúc hoàng kim Nhật Bản, cúc vương nhi, cúc tiên tửu, hồng luân vũ, hồng Cựu Kim Sơn, hồng song bôi, hồng đính ước, hồng thiên thanh,... Theo kế hoạch dự kiến, từ nay đến năm 2005, Dalat Hasfarm sẽ tiếp tục đầu tư và mở rộng dự án trồng hoa xuất khẩu tại Đà Lạt như sau:

Năm	Diện tích nhà kính (m ²)	Sản lượng (Cành)	Số lượng công nhân viên (người)	Thu nhập BQ USD/ người/ tháng
2000	120.000	14.000.000	260	75
2001	140.000	15.000.000	270	80
2002	150.000	16.000.000	280	85
2003	160.000	18.000.000	290	90
2004	170.000	20.000.000	300	100
2005	180.000	24.000.000	310	110

Hy vọng rằng, dự án sản xuất hoa của Dalat Hasfarm sẽ góp phần không nhỏ trong việc xây dựng, phát triển nghề trồng hoa truyền thống cho Đà Lạt và sẽ tô điểm cho “thành phố Hoa” xinh đẹp này rực rỡ hơn trong tương lai.

PHẦN IV

THƠ-VĂN

VIẾT VỀ ĐÀ LẠT

Dây phật tường liêng đã khơi đầu

Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ

Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt

Như đón từ xa một ý thơ

Ai hãy làm hình chữ nết nhiều

Để lòng đời đẹp mãi mãi

QUÁCH TÂN

ĐÀ LẠT ĐÊM SƯƠNG

Bóng trắng lờng lờng mặt hồ im,

Thời khắc theo nhau lã rã chìm.

Đừng dĩa non sao bỏ tuổi ngọc,

Hồn say dịu dịu mộng êm êm.

HÀN MẶC TỬ

ĐÀ LẠT TRĂNG MƠ

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu

Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ

Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt

Như đón từ xa một ý thơ.

*

Ai hãy làm thính chó nói nhiều

Để nghe dưới đáy nước hồ reo

Để nghe tơ liễu run trong gió

Và để xem trời giải nghĩa yêu.

*

Hàng thông lấp loáng đứng trong im
Cành lá in như đã lặng chìm
Hư thực làm sao phân biệt được
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm.

*

Cả trời say nhuộm một màu trắng
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng
Không một tiếng gì nghe động chạm
Dấu là tiếng vỗ của sao băng.

1933

QUÁCH TẤN

ĐÀ LẠT ĐÊM SƯƠNG

Bóng trắng lóng lánh mặt hồ im,
Thời khắc theo nhau lải rải chìm.
Đứng dựa non sao bờ suối ngọc,
Hồn say dịu dịu mộng êm êm.

*

Một luồng sương bạc bỗng từ mô
Lên cuốn vừng trăng cuốn mặt hồ,
Cuốn cả non sao bờ suối ngọc:
Người lơ lửng đứng giữa hư vô.

*

- Trời đất tan ra thành thủy tinh. -
Một bàn tay ngọc đắm hương trinh
Âm thầm mòn trổ bên đôi má
Hơi mát mê mê chạy khắp mình.

1933

BẢNG VIỆT

BUỔI CHIỀU, SƯƠNG BAY TRÊN ĐÀ LẠT

Chiều dâng bình yên, mù sương bay

Núi lơ lửng trên bầu trời thăm

Một màu hoa vàng thắm

Chưa hề phai sau mưa.

*

Sương bay, sương bay như thể bao giờ ?

Sực nhớ trạm quân y trên đường biên giới,

Cả tháng sương bay và suốt mùa bom dội

Một khúc hát bập bùng như lửa bếp qua đêm,

*

(Tôi chưa bao giờ nhìn rõ mặt em

Rừng thăm lá, sương mù dày đặc quá

Cầm bát cháo em đưa, cơn sốt còn hành hạ.

Tại chỉ âm vang tiếng hát bập bùng...)

*

Sương bay, sương bay, thành phố đẹp lạ lùng,

Tôi chưa có vui buồn gì ở đây !

Chiều rét mướt, dáng người đi như chạy

Phố dốc theo đồi, khuất nẻo, lượn miên man.

*

Bàng hoàng chưa ?... Ai bắt nhịp, râm ran,

Tiếng trong trẻo : Dàn đồng ca em gái

Vẫn khúc hát của Trường Sơn xa ngái

Khúc hát bập bùng như lửa bấp qua đêm !

*

Không thể nào nhìn rõ mặt các em !

Trời lạnh quá, nhà nhà đều kín cửa.

Mà khúc hát đơn sơ, suốt đời như đốt lửa

Sưởi ấm lòng khi bốn phía sương bay...

*

Hy vọng nuôi qua thời chiến đấu, về đây.

Cả thành phố chưa quen chợt nổi cùng tâm sự.

Và khúc hát băng quơ, tự cánh rừng xưa cũ,

Lại dâng đầy sương trắng buổi chiều nay...

LÂM THỊ MỸ DÀ

MỘT NGÀY ĐÀ LẠT

Buổi sớm

Chưa có tiếng người chỉ có tiếng chim

Tiếng chim trong, ngân thành vòng, thành chuỗi

Như một loài hoa lạ của trời

Thả từng chùm xuống thành phố đầy vơi

*

Một khoảng biển ở trên đầu em

Một khoảng lửa ở trên đầu em

Một khoảng nắng vàng trong mưa lai láng

Bao chiếc ô nói cuộc đời Đà Lạt

Mơ màng, lặng lẽ mà lắng sâu

Đôi lửa bên nhau trong chiếc ô màu
Chú ngựa đen lắc bờm nghiêng cổ hý
Tiếng chân ngựa gõ đều trên mặt phố
Như tiếng đập của quả tim thời gian !
Tôi đi trong Đà Lạt lòng chứa chan
Như cô bé lạc trong câu chuyện cổ
Như cơn gió lạc vào huyền thoại
Như em lạc vào tình yêu của anh
Ôi màu xanh, màu xanh, màu xanh
Thắm trong mưa màu xanh kỳ lạ quá
Đường trong cây, thấp thoáng nhà trong lá

*

Bất chợt mưa, bất chợt nắng vàng
Hoa trên trời, hoa dưới đất xốn xang
Mimosa vàng như gót chân của nắng
Lay ơn đỏ, lời hoàng hôn thắm lặng

Tím tròn xoe đoá cẩm tú cầu
Hoa vũ nữ múa rồi về đâu
Để bông xuxi ngấn ngơ mãi thế
Tôi đi, tôi đi lòng như đứa trẻ
Hoa dại, hoa khôn, thác trắng, mặt hồ
Đà Lạt thấm vào tôi như rượu
Cho lạ lòng tôi nhận mặt giấc mơ

*

Hồ Xuân Hương mặt nước trầm tư
Thi nhân hơi có nhìn tôi không đấy
Hồ xanh trong lòng sâu đến tận trời
Nghiêng mơ màng bao bóng thông trôi

*

Cuốn tung hết những bọt bèo rác rưởi
Thác tung bờm vạch một dòng đi
Sao mềm mại tên như là thiếu nữ
Vang vọng trong chiều Cam Ly ! Cam Ly !

*

Bàn tay mẹ chai sần cuốc đất
Rau lên xanh chan chứa mắt người
Ô đứng, ô ngồi hàng hàng lối lối
Đất đỏ tình người Cao nguyên thắm tươi.
Bao ngọn cỏ trong nghĩa trang chiều nay
Nói gì với tôi một ngày Đà Lạt

*

Rừng rừng trời xanh, rừng rừng câu hát
Các anh nằm giữa thành phố tình yêu

*

Người vô danh cỏ cũng vô danh
Nhưng tôi biết suốt đời tôi mắc nợ !

Đà Lạt, 1981

UÔNG THÁI BIỂU

NGÃU HƯNG PHỐ PHƯỜNG

Đà Lạt của tôi trôi trong sương giăng
Là cánh chim đêm tìm miền đất đậu
Đà Lạt của tôi đối diện mặt trời
Tôi trẻ nãi trôi tím chiều mạn hậu...

*

Đà Lạt của tôi người bạn vong niên
Gây trúc khập khênh
Chênh vênh gõ từng bậc đá
Đà Lạt rất quen mà rất lạ
Chén rượu ngoại ô
Ngắm một tiếng
Khà...

*

Đà Lạt của tôi vó ngựa chiều mưa
Lóc cóc đội về quán trọ
Lữ khách dừng chân giữa đường mưa gió
Ngước nhìn một khoảng trời thông...

*

Đà Lạt của tôi, em ơi biết không ?
Đà Lạt của tôi, mưa chiều qua lòng.

1993

ĐẶNG THỊ VÂN KHANH

CÓ MỘT MÙA ĐÔNG

Nếu không có cái màu đỏ thắm
Hoa trạng nguyên đốt những con đường
Nếu chẳng có những lưng đồi gió lộng
Dẫn lối ta đi từng khóm hướng dương
Nếu chẳng có tường vi từng rặng
Nghiêng thơ mộng trên ngôi nhà
ngợp nắng.

Đà Lạt

Sao gọi được mùa đông ?

Xin cảm ơn con dốc lượn vòng

Vật cỏ dẫm sương khuya rơi đất xốp

Hương hoa dạ lan trong hương cỏ mật

Những rừng thông ngan ngát phần

hoa vàng

Xin cảm ơn từng nhịp sống âm vang

Tiếng xe ngựa gõ đều trên dốc vắng

Tiếng giao duyên của cu vườn trong nắng

Và tiếng em sau tiếng liễu treo màn...

HOÀNG KIM

ĐÀ LẠT

Đà Lạt của mình, cỏ lúc nào cũng xanh
Gió mát rượi trong lành từng hẻm phố
Làn sương mỏng xôn xao nỗi nhớ
Mặt hồ xanh, liễu rủ ven hồ.



Đà Lạt của mình, nắng nhẹ như tơ
Dệt rất mỏng qua từng khe lá nhỏ
Rừng thông hát, dạt dào sóng vỗ
Xanh thắm năm tô thắm môi cười.



Đà Lạt của mình, muôn sắc hoa tươi
Hương thơm ngát khi đêm về lặng lẽ
Những bước chân trên cỏ mềm dịu nhẹ
Giữa ngàn thông, một Đà Lạt rất riêng.



Đà Lạt của mình, có những cánh dù xinh

Xòe âu yếm từng mái đầu thân thiết

Dấu xa rồi vẫn nhớ về da diết

Nỗi nhớ nhung thành hoa nở tím hồng.



Đà Lạt của mình, điện sáng lung linh

Nở rất đẹp giữa ngàn thông hòa nhạc

Đường bóng bẽnh như trôi trong tiếng hát

Thác Prenn tung khói trắng ngày đêm.



Đà Lạt của mình, thành phố Cao nguyên

Là nơi để lòng ta thương nhớ

Nơi hôm nào Lang và Bian gặp gỡ

Để sinh thành Đà Lạt hôm nay.

NGUYỄN DUY

ĐÀ LẠT MỘT LẦN TRĂNG

Trăng ảo ảnh lập lò trong sương trắng
Ngọn gió nhà ai thấp thoáng ở bên đồi
Tiếng móng ngựa gõ dồn trên dốc vắng
Nghe mơ hồ một chiếc lá thông rơi.

*

Em nhóm bếp bằng củi ngo chẻ nhỏ
Ngọn lửa lấp đi khoảng vắng giữa hai người
Tôi lơ đãng nhìn em nhìn lơ đãng
Siêu nước pha trà vừa ấp úng sôi.

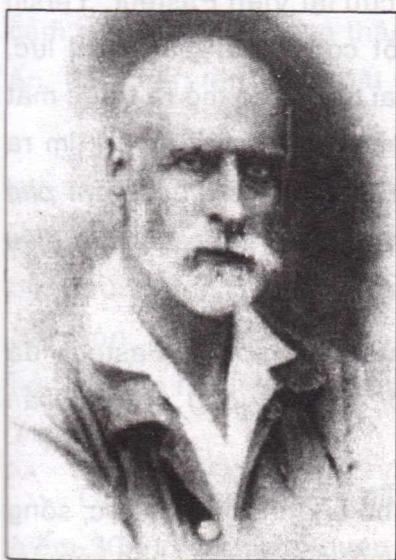
*

Em biết chứ chả ai lơ đãng cả
Hòn than kia đang đỏ đến hết lòng
Mà ngọn lửa cứ giả vờ le lói
Mùi nhựa thông theo sợi khói đi vòng.

BÁC SĨ

ALEXANDRE YERSIN

(1863 -1943)



ĐA NHIM

Ngày 21.6.1893, đoàn thám hiểm do Yersin dẫn đầu đến thác Prenn và sau đó, đặt chân lên Cao nguyên Lang Bian. Từ đó đến nay, tên tuổi của ông luôn gắn liền với thành phố Cao nguyên xinh đẹp này. “Đà Lạt - điểm hẹn năm 2000” xin giới thiệu đôi nét về cuộc đời của nhà bác học Alaxandre Yersin để quý vị và các bạn cùng tham khảo.

Ngày 22.9.1863, Alexandre John Emile Yersin đã ra đời tại một vùng quê miền núi ở Lavaux, thuộc Tổng Vaud, nước Thụy Sĩ.

Năm 1865, vua Louis XIV hủy bỏ chỉ dụ Nantes không còn đối xử bình đẳng với những người theo giáo phái Calvin như trước. Tổ tiên Yersin bị khủng bố phải rời bỏ quê cha đất tổ vùng Languedoc (miền Nam nước Pháp) di cư sang Thụy Sĩ.

Cha của Yersin là một giáo viên sinh học. Mẹ quê ở Paris, Yersin là em trai trong một gia đình chỉ có hai chị em.

Vốn khiêm tốn trầm lặng, thích sống ẩn dật, Yersin ít nói về đời mình nên hiện nay người ta biết rất ít về những ngày thơ ấu của ông.

Năm 20 tuổi (1883), Yersin học ngành y tại Lausanne (Thụy Sĩ), sau đó tiếp tục học tại Marbourg (Đức) và tốt nghiệp đại học Paris (Pháp).

Từ năm 1886, ông làm việc tại Viện Pasteur Paris và cộng tác với bác sĩ Roux tìm ra độc tố vi khuẩn bạch hầu.

Năm 1890, Yersin được chuyển trở lại quốc tịch Pháp.

Trong những năm miệt mài nghiên cứu tại Viện Pasteur, Yersin đã chứng tỏ một thiên tài hiếm có, một con người giàu nghị lực, thông minh, ham tìm tòi học hỏi. Tương lai tươi sáng mở ra trước mắt ông. Nhưng Yersin lại hướng về những chân trời mới, muốn tìm ra lối thoát khỏi cuộc sống hiện tại. *"Tôi luôn luôn mơ ước khám phá đất lạ, thám hiểm; khi còn trẻ, ta luôn luôn tưởng tượng những điều kỳ lạ sẽ đến, không có gì là không thể làm được".*

Bác sĩ Vallerey - Radot, cháu nội của nhà bác học Pasteur, đã nhận xét về Yersin: *"Từ nhà ông nội tôi, tôi thấy ông ấy nhìn bản đồ hàng giờ".*

Thế rồi, Yersin bất ngờ tạm thời rời bỏ ngành vi trùng học, sống đời thủy thủ và nhà thám hiểm, mở đầu một quãng đời khác kéo dài 50 năm.

Trước hết Yersin nhận làm bác sĩ trên một con tàu của Công ty Vận tải đường biển đến Viễn Đông. Sau 6 tháng hoạt động trên tuyến đường Sài Gòn - Ma-ni-la (Phi-líp-pin), Yersin chuyển sang làm việc trên con tàu *"Sài Gòn"* chạy từ Sài Gòn đến Hải Phòng và ngược lại.

Những tháng đầu tiên trong nghề hàng hải đối với Yersin thật

quyển rũ ! Yersin chưa từng tiếp xúc với biển cả, nhưng trong thời thanh niên, Yersin đã quen với nước hồ Léman. Khi thuyền lênhênh trên đại dương, Yersin nhìn lên bầu trời và học cách xác định tọa độ; khi tàu cập bến, Yersin tập sự dùng kính thiên văn. Trong những năm sau, Yersin say mê thiên văn học và về sau tìm hiểu cả điện khí quyển, quang phổ mặt trời.

Tàu chạy trên tuyến đường Hải Phòng - Sài Gòn, khi tiến lại gần bờ biển, lúc vượt sóng ra ngoài khơi xa. Dãy Trường Sơn hùng vĩ ở phía tây hiện ra trước mắt Yersin gợi lại kỷ niệm tuổi học trò. Ngày ấy, Yersin đã cùng các bạn leo lên sườn núi Valais. Dãy trường Sơn tuy không có những đường nét và màu sắc giống như dãy Alpes nhưng có những hấp dẫn kỳ lạ. Yersin muốn tìm lại những cảm giác thành thực và thân thiết khi khám phá được những điều bí ẩn, đặt chân lên miền đất lạ.

Tháng 7 năm 1891, Yersin cập bến Nha Trang. Ông lên bờ, đi dọc miền Duyên Hải đến Phan Rí và theo các con đường mòn vượt qua một ngọn đèo cao 1.200m gần Di Linh. Từ Di Linh ông định băng rừng đến Sài Gòn tìm ra con đường bộ nối liền Nha Trang với Sài Gòn, nhưng không kịp chuyển tàu đi Hải Phòng nên ông đành bỏ dở cuộc hành trình, xuống Phan Thiết dùng thuyền buồm ra Nha Trang.

Chuyến thám hiểm đầu tiên ngắn ngủi này đã giúp nhà thám hiểm 30 tuổi này làm quen với những khó khăn trên miền núi vùng nhiệt đới, với gió núi, mưa rừng, chịu đựng những cơn vắt hút máu người, vượt qua những con suối nước chảy như thác đổ... Lần tiếp xúc đầu tiên với núi rừng Tây Nguyên cũng đã kích thích Yersin ham muốn thực hiện những chuyến thám hiểm khác.

Ngày 29.3.1892, từ Nha Trang ông ra Ninh Hòa, tiến thẳng về hướng Tây đến Stung-treng trên bờ sông Mê Kông.

Nhờ sự giúp đỡ của Pasteur và Bộ trưởng Bộ giáo dục Pháp,

năm 1893, Yersin thực hiện nhiệm vụ thám hiểm vùng núi nằm giữa bờ biển miền Trung và sông Mê Kông, vùng thượng nguồn sông Đồng Nai và Sê - băng - can mà trước nay ít người biết đến. Rời Sài Gòn ông đã vượt thác Trị An, đến Tánh Ninh, vượt sông La Ngà đến Di Linh. Men theo một con đường mòn gần giống như con đường 20 hiện nay, ngày 21.6.1893, ông đến thác Prenn và sau đó, đặt chân lên Lang Bian :

"Trên đường đi, Cao nguyên nhấp nhô cao từ 900 - 1.200m. Khoảng 15 đến 20 km trước khi đến chân núi, tôi ra khỏi rừng. Tôi đứng trên một vùng hoàn toàn trơ trụi và cây cỏ. Đất đồi mấp mô khiến tôi có cảm giác như đang đi trên một đại dương sao động vì những ngọn sóng khổng lồ. Núi Lang Bian đứng sừng sững ở giữa như một hòn đảo và hình như ngày càng xa dần khi tôi tới gần. Dưới chỗ trũng, đất màu đen và đầy than bùn. Những đàn nai lớn để yên cho chúng tôi đến gần vài trăm mét. Đàn nai vụt chạy ra xa rồi ngoái cổ lại tò mò nhìn chúng tôi".

Cuối năm 1893, Yersin lại lên Cao nguyên Lang Bian, thám hiểm Cao nguyên Đắc Lắc, A-tô-pơ (Lào) và ngày 7.5.1894, về Đà Nẵng.

Năm 1890, bác sĩ Albelt Calmette thiết lập chi nhánh Viện Pasteur ở Sài Gòn.

Năm 1894, bệnh dịch hạch lan tràn trên khắp miền Đông Trung Quốc. Bác sĩ Calmette đề nghị Yersin đi Trung Quốc để nghiên cứu tại chỗ bệnh dịch hạch.

Ngày 15.6.1894, Yersin đến Hồng Kông và gặp một đối thủ - bác sĩ Kitasatô - đã đến Hồng Kông trước Yersin 3 ngày. Bác sĩ người Nhật này đã nổi tiếng về công trình khoa học tìm ra vi trùng bệnh uốn ván.

Yersin dựng một túp lều tranh bên cạnh bệnh viện và làm việc trong điều kiện thiếu thốn. Chỉ sau 5 ngày làm việc, ngày 20.6.1894,

ông đã tìm ra vi trùng bệnh dịch hạch. Qua hệ thống bưu điện của Anh, ông gửi những ống nghiệm đựng trực trùng sang Pháp. Trực trùng bệnh dịch hạch đến Viện Pasteur Paris nguyên vẹn và được xác minh, mang tên Yersin (*Yersinia Pestis*).

Năm 1895, Yersin thành lập Viện Pasteur ở Nha Trang và điều chế huyết thanh chữa bệnh dịch hạch.

Một năm sau, bệnh dịch hạch tái phát ở Trung Quốc, Yersin lại sang Trung Quốc và cứu được nhiều người thoát khỏi căn bệnh hiểm nghèo đã giết 50 triệu người từ thời thượng cổ.

Yersin trở về Nha Trang. Một cuộc đời mới bắt đầu. Nhiều vấn đề được đặt ra.

Nhận thấy thành phố Nha Trang xây dựng trên một vùng cát trắng không tiện mở rộng những cánh đồng cỏ để nuôi ngựa dùng cho việc điều chế huyết thanh, ông khai phá vùng Suối Dầu, cách Nha Trang hơn 10 km về hướng Nam, thành lập một trại chăn nuôi và trồng trọt.

Theo gương các bậc tiền bối, ông lao vào nghiên cứu huyết thanh trị bệnh dịch hạch cho trâu bò. Từ đó, Viện Pasteur Nha Trang nghiên cứu vi trùng động vật và các bệnh nhiễm trùng gia súc.

Trong một chuyến dừng chân tại Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-Âm Phủ, Yersin rất chú ý đến trồng cao su. Năm 1897, ông bắt đầu trồng cao su ở Suối Dầu. và 8 năm sau, năm 1905, hãng Michelia (pháp) nhận được 1.316 kg mủ cao su đầu tiên. Quan tâm đến phương pháp trồng, khai thác và chế biến cao su, ông đã thiết lập một phòng thí nghiệm nông hóa. Tại đây, những biện pháp chọn giống, cạo mủ và làm đông mủ cao su được nghiên cứu có hệ thống đã giúp rất nhiều cho những người trồng cao su ở Đông Dương.

Thời gian trôi qua... Trại chăn nuôi và trồng trọt tại Suối Dầu ngày càng mở rộng. Yersin nhận chức Viện trưởng 2 viện Pasteur ở Sài Gòn và Nha Trang.

Năm 1902 và 1903, ông ra Hà Nội để thành lập Trường Đại học Yersin Đông Dương và làm hiệu trưởng đầu tiên.

Năm 1924, ông giữ chức Tổng thanh tra các viện Pasteur ở Đông Dương.

Năm 1933, ông làm Viện trưởng danh dự Viện Pasteur ở Paris

Trong thời gian sống ở xóm Cồn (Nha Trang), ông là một người hàng xóm đôn hậu, thường giúp đỡ những cụ già và những người chài lưới, thương yêu trẻ con, ông sống rất giản dị, giàu lòng nhân ái.

Sau chuyến công du ở Ấn Độ, Toàn quyền Pháp Paul Doumer muốn xây dựng một nơi nghỉ dưỡng cho Pháp kiều như những nơi nghỉ dưỡng như Ấn Độ. Yersin đề nghị nên chọn Đăng Kia, cách Đà Lạt hiện nay hơn 10 km về phía Bắc.

Năm 1990, ông đã tháp tùng Paul Doumer lên Đà Lạt. Sau khi quan sát tại chỗ, Paul Doumer không chọn Đăng Kia làm nơi nghỉ dưỡng nhưng chọn vị trí Đà Lạt hiện nay theo đề nghị của bác sĩ Emile Tardif vì :

1. Đà Lạt ở độ cao hơn Đăng Kia;
2. Độ dốc của Đà Lạt thoải thoải, không khí ở Đà Lạt hợp vệ sinh hơn ở Đăng Kia, có những ngọn đồi nhỏ cách nhau bằng những thung lũng lầy lội;
3. Không khí ở Đà Lạt mát lành và ít ẩm hơn ở Đăng Kia vì Đăng Kia nằm gần đỉnh Lang Bian, sườn núi hứng gió ẩm, nhận lượng mưa nhiều hơn, sương mù dày hơn (đến 10 giờ sáng sương mới tan);
4. Về thực vật, Đăng Kia chỉ toàn đồi nhỏ, trong khi Đà Lạt gần rừng thông, không khí vừa mát mẻ vừa thơm ngát hương thông;
5. Về giao thông vận tải, Đà Lạt thuận tiện hơn Đăng Kia;

Năm 1914, chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ. Lúc bấy giờ, Hòa Lan chiếm độc quyền sản xuất quinin - phương thuốc duy nhất chữa bệnh sốt rét. Yersin gieo thử hạt canh-ki-na ở Suối Dầu và Đăng Kia. Ông gặp thất bại hoàn toàn ở Suối Dầu, nhưng ở Đăng Kia cần tốn nhiều công sức.

Năm 1917, Yersin trồng cây canh-ki-na ở Hòn Bà - một ngọn núi gần Suối Dầu. Lúc đầu cây tăng trưởng tốt nhưng về sau chết dần vì đất đai không thích hợp.

Tháng 7.1923 những cây canh-ki-na tốt nhất ở Hòn Bà được ông đem lên trồng ở Đănl và thu được kết quả tốt. Ông tiếp tục trồng trên Cao nguyên Lang Bian nhỏ và Di Linh.

Năm 1936, cây canh-ki-na được trồng với quy mô lớn ở Lán Tranh và Di Linh, thu hoạch được 30 tấn vỏ với tỷ lệ quinin sunfat 7,42%. Năm 1938, thu được 21 tấn vỏ với tỷ lệ quinin sunfat cao hơn (8,5%).

Ngày 28.6.1935, Trường Trung học Yersin được khánh thành ở Đà Lạt, Yersin trở về Đà Lạt lần cuối cùng trước khi mất. Nhân dịp này, đáp lại lời phát biểu của một học sinh, ông đã trình bày cảm tưởng khi lần đầu đặt chân lên Cao nguyên Lang Bian: *"Không khí mát mẻ đã làm tôi quên đi mệt nhọc và tôi nhớ lại niềm vui được chạy hết tốc lực lên xuống những ngọn đồi như một cậu học sinh trung học trẻ tuổi"*.

Trong những năm cuối đời, Yersin vẫn say mê nghiên cứu khoa học, ngành thiên văn, vô tuyến điện. Vài tuần trước khi mất, tuy bệnh ngày càng tăng, ông vẫn còn tiếp tục theo dõi mực thủy triều.

Ngày 1.3.1943, Yersin thanh thản qua đời, hưởng thọ 80 tuổi, để lại một niềm thương tiếc sâu sắc. Hàng ngàn người dân Nha Trang đã đưa linh cữu ông đến an nghỉ cuối cùng ở Suối Dầu

Đến Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX và nửa đầu thế

kỷ XX, Yersin đã làm việc trong bộ máy cai trị của thực dân Pháp. Tuy nhiên, những công trình khoa học đa dạng, cuộc sống giản dị, lòng nhân ái và tình yêu Việt Nam của ông vẫn sống mãi trong tâm tư, tình cảm của nhiều người Đà Lạt, Nha Trang và trên hành tinh của chúng ta. Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang ... đã đặt tên Yersin cho một con đường trong thành phố. Ở Đà Lạt, con đường dẫn đến Trường Trung học Yersin cũ hiện nay là (trường Cao đẳng Sư phạm) được mang tên nhà bác học Pháp, người đã mang nặng nghĩa tình với đất nước Việt Nam và để lại những kỷ niệm khó quên ở Đà Lạt: Alexandre Yersin !

ĐÀ LẠT

TỪ NGÀY GIẢI PHÓNG

THANH ĐAM

SỰ CHUYỂN ĐỔI LỚN VỀ CHẤT

Đà Lạt là thành phố miền núi nằm ở phía Tây - Nam dãy Trường Sơn, có diện tích tự nhiên hơn 39.100 ha và dân số khoảng 160.000 người (chiếm 4% diện tích tự nhiên và 16,7% dân số so với toàn tỉnh Lâm Đồng). Hơn một thế kỷ qua, các thế hệ người Đà Lạt đã xây dựng “*xứ đào nguyên*” này thành một trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng nổi tiếng, là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị và nghiên cứu khoa học của tỉnh. Trước 1975, Đà Lạt là “*thiên đường*”, là nơi hưởng lạc của các bậc vua chúa, tướng lĩnh và giới tư sản trong chế độ cũ. Thành phố có hơn 2.500 biệt thự xinh đẹp với kiến trúc châu Âu cuối thế kỷ XIX. Thế nhưng ngược với nét phồn hoa ấy là cuộc sống lam lũ của dân trồng rau, trồng hoa.

Hồi ấy, Đà Lạt còn ít người, heo hút lắm ! Sương muối và cái lạnh thật chẳng dễ chịu chút nào đối với người làm vườn vốn đã đói ăn mà còn phải chịu cảnh “*một nắng hai sương*”...

Phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng trong kháng chiến, từ sau ngày giải phóng đến nay, Đảng bộ và nhân dân thành phố đã biết tập trung sức mạnh, trí tuệ để từng bước khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh theo cơ cấu kinh tế: Du lịch dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Thành tích ấy được ghi nhận bởi từ thành phố của giới thượng lưu trong xã hội cũ, Đà Lạt đã là nơi du lịch, nghỉ dưỡng của nhân dân lao động trong nước và khắp quốc tế. Lượt khách du lịch đã tăng 21 lần, từ 20.000 lượt người (năm 1976) lên 425.000 lượt người (năm 1998). Sản lượng nông nghiệp tăng từ 40.000 tấn rau lên 112.000 tấn. GDP đầu người từ 180 USD (năm 1976) lên 460 USD (năm 1998). Tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm là 10%. Hiện tỷ trọng du lịch dịch vụ chiếm 58%, công nghiệp và xây dựng 23%, nông nghiệp 18%. Để đạt được sự tăng trưởng nhanh như vậy, thời gian qua, Đà Lạt tập trung cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng, tăng gấp đôi sản lượng điện (dung lượng đã đạt 24.000 KVA) để điện khí hóa 100% vùng ngoại ô; xây dựng Nhà máy Nước Suối Vàng công suất trung bình 25.000m³/ngày đêm, 80% số hộ được dùng nước sạch; xây dựng và phát triển nhà ở đạt 12m²/người.... Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng có sự đầu tư thích đáng. Thành phố hoàn thành xóa mù chữ vào năm 1977, phổ cập giáo dục tiểu học năm 1990, phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt 60% vào năm 1998.

Vì sao Đà Lạt có sự "tăng tốc" nhanh như vậy ? Các đồng chí lãnh đạo thành phố đều nhất trí nhận định: Trước hết đây là thành quả của hơn 10 năm đổi mới toàn diện dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt là 5 năm qua, từ khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án quy hoạch tổng thể về xây dựng và phát triển TP Đà Lạt đến năm 2010 (tháng 10/1994) và tháng 1/1999, Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010. Qua đó Đà Lạt được xác định là trung tâm du lịch dịch vụ, trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học và trung tâm chính trị - kinh

tế - xã hội của cả nước. Sự định hướng mang tính khoa học và chiến lược ấy đã là “đòn bẩy” cho thành phố chuyển mình, tạo nên sự thay đổi về chất.

THÀNH PHỐ “NGÀN HOA” CHUẨN BỊ VÀO THẾ KỶ MỚI

Đà Lạt đang xúc tiến quy hoạch đô thị tổng thể đến năm 2020 trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh cho thành phố phát triển thành trung tâm hội nghị hội thảo quốc tế, trung tâm thi đấu thể thao tầm quốc gia, trung tâm sản xuất rau, hoa chất lượng cao phục vụ trong nước và xuất khẩu. Đến năm 2020, cơ cấu ngành kinh tế sẽ là: tỷ trọng du lịch dịch vụ chiếm 68%, công nghiệp - xây dựng vẫn giữ 23% nhưng có sự tăng cường về chất, nông - lâm nghiệp 10% (giảm 8%). Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế sẽ theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa trên cơ sở kế thừa có chọn lọc hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật vốn có, nhanh chóng tạo ra các yếu tố bên trong vững mạnh, tranh thủ lợi thế từ bên ngoài.

Trước hết gắn thành phố Đà Lạt trong mối quan hệ tổng thể với thị xã Bảo Lộc và các đô thị của địa bàn kinh tế trọng điểm phía nam mà trọng tâm là TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa cùng các khu công nghiệp lớn qua hành lang phát triển quốc lộ 20 để thu hút vốn đầu tư công nghệ mới, đặc biệt cho phát triển hệ thống du lịch nghỉ dưỡng. Nhằm phát triển du lịch và ngành kinh tế mũi nhọn, hiện Đà Lạt đã có 11 dự án gọi vốn đầu tư (8 dự án đang triển khai). Cùng với phát triển về phía Bắc vùng du lịch sinh thái Bi Đúp - Đạ Sa - Đạ Chais rộng lớn, thành phố đang kêu gọi vốn nước ngoài đầu tư dự án phát triển tổ hợp du lịch tham quan nghỉ dưỡng, thể thao, xây dựng vườn thú thiên nhiên, vườn hoa lan, bảo tồn thiên nhiên, xây dựng các tuyến cáp treo tại khu vực hồ Tuyên Lâm - Đa-tan-la - Prenn. Dự án hiện đang được Mỹ và một số nước châu Âu quan tâm bàn bạc. Ngoài ra còn có các dự án đã được triển khai và xúc tiến như: Cụm du lịch hồ Xuân Hương, thác Cam Ly, rừng hoa Đa Thiện, Thung lũng Tình yêu, hồ Than Thở... Chú trọng nâng cao chất lượng

sản phẩm du lịch, Đà Lạt xác định: Thời kỳ 1996-2000 đầu tư phát triển các loại hình tham quan thắng cảnh, di tích và bước đầu tạo một số sản phẩm khác như nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao; thời kỳ sau năm 2000 phát triển mạnh du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cuối tuần, du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học.

"Ai lên xứ hoa đào, đừng quên mang về một cành hoa". Đó là lời nhắn gửi dẫn dò du khách mỗi lần lên Đà Lạt. Phải chăng lời hát ấy đã khiến những người lãnh đạo nơi đây ôm ấp ý tưởng quy hoạch, trồng nhiều thảm hoa trong thành phố cho du khách tham quan và thường xuyên tổ chức những hội chợ hoa ? Rất lãng mạn song cũng rất hiện thực bởi trong mấy năm qua, thành phố đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Đài Loan, Hà Lan, Hàn Quốc... đưa các giống hoa nổi tiếng từ châu Âu vào trồng. Việc làm này đã tạo nên cuộc cách mạng lớn trong nghề trồng hoa của *"thành phố ngàn hoa"*... Phục vụ nhu cầu phát triển du lịch, từ năm 1994 đến nay, thành phố đã và đang được đầu tư trọng điểm cho năm dự án xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng: Hệ thống cấp nước (22 triệu USD), giao thông đô thị (200 tỷ đồng), cải tạo mạng điện và xây dựng hệ thống cáp điện ngầm (145 tỷ), xử lý thoát nước và rác thải, phát triển giao thông đối ngoại trên các tuyến đường vào thành phố (81 tỷ) và mở đường từ sân bay Cam Ly về Suối Vàng (20 triệu USD). Tính đến năm 2010 Đà Lạt có nhu cầu vốn hơn 10.000 tỷ đồng để phát triển cơ sở hạ tầng (vốn nội bộ nền kinh tế 5.000 tỷ còn lại là vốn ngân sách và huy động trong dân cùng các doanh nghiệp, vốn tín dụng và thu hút đầu tư nước ngoài). Để huy động vốn, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, Đà Lạt đang nghiên cứu các chính sách hạ giá cho thuê đất, giảm thuế đất, giao rừng cảnh quan cho các chủ đầu tư phát triển du lịch trông coi bảo vệ... nhằm tạo ra cơ chế *"cởi mở, thông thoáng"* đối với các nhà đầu tư.

Trên tầm cao mới, Đà Lạt đang hướng tới tương lai trở thành một trung tâm du lịch - nghỉ dưỡng hấp dẫn, độc đáo của Việt Nam và khu vực.

VỀ PHÒNG CÁCH ĐÀ LẠT

HỒ TẤN TRẠI

Jại câu lạc bộ Ba Đình ở Hà Nội, tôi được nghe đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, từ chuyện thời sự xã hội đến chuyện phòng khuê vua chúa, chuyện địa ngục thiên đường. Một buổi chiều, có dịp ngồi gần nhà báo họ Trương, tôi nghe anh nói:

Ra về nhớ cảnh, nhớ người.

Một lần tương ngộ suốt đời không quên.

Anh Trương kể chuyện anh đi chơi Đà Lạt như chuyện Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai, chuyện tiên cảnh giữa trần ai. Nào chuyện hồ xanh thác trắng; cái thú nhìn sương mù buổi sáng trên hồ Xuân Hương, đi chơi thác Prenn nhìn trời tuôn nước đến thác Đa Tanla biển tiên, nơi xưa kia các nàng tiên trên núi xuống tắm, vì thác nằm dưới lũng sâu, cây lá um tùm, một nơi tắm kín đáo “Thang lan rủ bức, trướng hồng tắm hoa”, chính anh bị hấp dẫn bởi huyền thoại cũng đã ngủ lại đó một đêm, ngủ bằng nóp, loại nóp hiện đại bằng cao su anh mang từ nước ngoài về. Nào chuyện đồi cao lũng thấp; anh đi chơi Thung lũng Tình yêu, trưa nắng nghỉ dưới rặng thông, có chụp tấm ảnh trong đó có mấy thiếu nữ xinh đẹp, anh khoe tấm ảnh

và liên hệ cảnh Marcel (Marcel Proust) đi chơi với các thiếu nữ đang xuân và tưởng tượng như mình đang sống giữa những nữ thần. Anh đến Đồi Cù ngồi dưới gốc thông hít thở không khí trong lành thoảng hương thông ấm áp dễ chịu. Anh tiếc chưa có dịp trèo lên đỉnh Núi Bà (Pic Lang Bian), song mắt anh luôn hướng tới quả núi hùng vĩ có hai cái đỉnh gần kề nhau như hai bầu vú thiên nhiên mang nguồn sống bất tận, anh bỗng liên hệ truyền thuyết bà Âu Cơ từ giã Lạc Long Quân đem 50 người con gái lên núi và tự hỏi: Phải chăng đó là tượng đài Mẹ Âu Cơ. Việt Nam ta có núi Vọng Phu, song chưa thấy có một tượng đài tương xứng với hình ảnh mẹ Việt Nam, người mẹ đã sinh ra nhiều thế hệ ngoan cường có sức mạnh, có khả năng trải qua gian nan thử thách để tồn tại và phát triển 4000 năm với những bước đi tới vững chãi hào hùng.

Nói nhiều về cảnh đẹp Đà Lạt, anh Trương không quên nhắc đến con người Đà Lạt: merveilleux, merveilleux ! (kỳ diệu ! kỳ diệu !). Anh dùng tiếng Pháp, anh là cộng tác viên của tờ báo Pháp (*Humanité*), anh nhắc lại với nỗi nhớ bạn hữu, hình ảnh một thanh niên lái Honda đưa anh đi chơi một số nơi xa thành phố, vừa lái xe, vừa thuyết minh, lúc nào cũng vui vẻ nhiệt tình, thật là hiền, thật lịch sự, thật dễ thương, nói chuyện với anh, chàng thanh niên Đà Lạt xưng "con" ngọt xớt, đi tới nơi, về tới chốn, cần mẫn chu đáo.

Nghe anh Trương nói chuyện, anh em chúng tôi náo nức được đi Đà Lạt một chuyến, tưởng chừng như nếu không đi, không biết Đà Lạt thì đến lúc nào đó phải nằm xuống thì sẽ không yên lòng...

Vậy là sau đó tôi có dịp đến làm việc ở Đà Lạt. Trăm nghe không bằng một thấy; có nhìn thấy tận mắt, có tiếp cận với cảnh, với người, có nhân thân cảm nhận thì mới nói ra được. Nói ra cảm nhận của mình về một nơi cảnh đẹp người hiền là một điều thú vị, một hạnh phúc, dù điều mình nói ra đã có người khác nói rồi.

Đà Lạt là tiên cảnh giữa trần ai, đúng như anh Trương nói. Ai

cũng biết đấy là cách nói ẩn dụ, tức là nói ngoa, thế nhưng những người đến Đà Lạt nói như vậy, người ở Đà Lạt lâu cũng nói vậy, và tôi, người đến sau, chưa hiểu sâu về Đà Lạt cũng cảm nhận như vậy, dù tôi đã nghe, đã thấy thành phố này có cái hay cái đẹp của nó, đồng thời có những yếu kém khuyết tật của nó. Đâu có gì lạ, đây là hiện thực Việt Nam, và Việt Nam sau những năm dài anh hùng kháng chiến anh dũng và tài giỏi, đã rơi vào tình cảnh khủng hoảng trầm trọng về nhiều mặt, kể cả mặt tinh thần và đạo đức. Nay ta đang đổi mới, cố gắng vượt qua khủng hoảng, đang có những tiến bộ nhanh rất đáng khích lệ, tuy nhiên công cuộc đổi mới là một quá trình cần có quyết tâm và có thời gian, cho nên có chuyện nghịch thường là trong một cuộc họp, một cuộc hội thảo, ta có dịp nghe đồng thời những ý kiến ca ngợi tốt đẹp và những ý kiến phê phán, kêu ca về Đà Lạt xuống cấp. Hai loại ý kiến khác nhau đều có cơ sở thực tế và đều mang ý nghĩa tích cực, người kêu ca về Đà Lạt xuống cấp thì mong muốn ngăn chặn tình trạng xuống cấp, người ca ngợi Đà Lạt không tiếc lời vì cảm thấy rợp ngợp về cảnh đẹp, người nhìn Đà Lạt và vô cùng ngạc nhiên về sự khác nhau rất xa về mặt tinh thần đạo đức giữa Đà Lạt với nhiều thành phố khác ở Việt Nam.

Không phải ngẫu nhiên mà người ta hay nói đến phong cách Đà Lạt. Nói phong cách là nói cái đã định hình, cái có tính tương đối bền vững của một cá nhân, một dân tộc, một miền đất. Ở đây nói phong cách Đà Lạt là nói những nét tính tình nổi rõ nhất ở người Đà Lạt. Vậy thử xem những nét đó ra sao, do đâu mà có, ý nghĩa và tác dụng của nó đối với đời sống hiện nay và đối với những diễn biến trong tương lai gắn với công cuộc đổi mới.

Hiền hòa, lịch sự, giàu lòng từ ái và tinh thần hành thiện, đó là nét nổi rõ ở người Đà Lạt, bên cạnh những nét được xem như hằng tính mang tính truyền thống của mỗi người Việt Nam: yêu nước và anh dũng giữ nước, đoàn kết tương thân tương ái.

Người Đà Lạt tự thấy vui mừng được sống giữa những con người hiền hòa lịch sự. Do đâu mà có được những tính tình đó ?.

Có thể dựa vào lý luận tam tài (thiên, địa, nhân) của phương Đông để phân tích. Theo lý luận này, thiên (trời) là linh hồn vạn vật, địa (đất) là nguồn sống vạn vật, nhân (người) là cái đạo làm cho vạn vật trở nên sinh động. Nói về nhân tố người, cũng có thể tham khảo thêm ý niệm về cái căn tính địa lý - dân tộc - văn hóa (identité géoethnoculturelle) để phân tích tính tình người Đà Lạt.

Nói phong cách người Đà Lạt tức nói phong cách người Việt Nam ở Đà Lạt, đó là người Việt Nam mang sẵn tính cách truyền thống Việt Nam, đồng thời mang những tính tình mới hình thành trong quá trình sinh sống ở Đà Lạt, chịu tác động của thiên nhiên, địa lý, con người Đà Lạt. Nói phong cách Đà Lạt, tức nói phong cách người Việt Nam đã có một quá trình Đà Lạt hóa.

Thiên nhiên, khí hậu Đà Lạt có tầm quan trọng lớn trong việc quy định tính tình người Đà Lạt. Những thác nước hùng vĩ từ núi cao đổ xuống, chảy qua những thảm đá, tràn xuống những lũng sâu làm thành những Hồ Lớn thơ mộng như hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, hồ Đa Thiện hay những hồ nhỏ hơn, những con lạch nước tưới cây. Những đồi thông bạt ngàn, cây thông đứng thẳng giữa trời, hiên ngang phong cách người quân tử, với lá thông che mát, hương thông mang tính thanh lọc khí thở, với sóng từng dịu dặt đưa làm êm dịu tâm hồn người, chưa nói chuyện thông là nguồn lợi kinh tế lớn, là rừng vàng của Đà Lạt - Lâm Đồng. Những loại cây ăn quả, cây hoa tốt tươi, quả to và giàu chất dinh dưỡng như quả hồng, quả táo, quả bơ, hoa thì sắc màu đa dạng, có hoa trắng và hoa đại, nhiều giống hoa lạ, làm cho người đi đường vui mắt, quên mỏi chân, thích đi tản bộ. Hoa lan phong phú, nhiều loại (phong lan, địa lan) có vẻ đẹp quyến rũ du khách, cũng là nguồn thu lợi của Đà Lạt.

Khí hậu Đà Lạt mát mẻ, một ngày như có bốn mùa (sáng, trưa

chiều, tối), nhiệt độ có khác nhau, nói chung dễ chịu như có cái máy điều hòa nhiệt độ khổng lồ cho toàn thành phố.

Đất Đà Lạt màu mỡ, thuận lợi cho việc canh tác, cho sản xuất vật phẩm nuôi sống con người. Đất trồng rau, trồng hoa, trồng cây ăn trái ở Đà Lạt tương đối dễ làm và đem lại thu nhập khá, nhờ đó thao tác lao động của người trồng rau cũng tương đối nhẹ và năng suất không thấp (nhiều người dùng máy cày, tưới nước bằng máy bơm, đi giày cao su, mang găng tay khi lao động). Sản phẩm làm ra thường có xe chuyển đi; canh tác thuận lợi, đời sống người dân khá lên. Tình hình đó ảnh hưởng tốt tới tinh thần đạo đức người trồng, đến thái độ vui vẻ, cởi mở, hiếu khách của họ.

Thái độ người sản xuất ảnh hưởng tới thái độ người vận chuyển, người mua đi bán lại, kể cả những người bán hàng ở chợ và những người khác. Khách từ nơi khác đến lỡ đường xin quá giang xe, lắm khi người lái xe không lấy tiền, khách mua hàng ngoài chợ sơ ý đưa thừa tiền hay bỏ quên tiền, quên túi thường được trả lại, nét thật thà lịch sự đó làm cho người mới đến Đà Lạt vui và yên tâm.

Quan hệ giữa viên chức cơ quan Nhà nước với dân chúng cũng ít phiền toái hơn nhiều nơi khác. Quan hệ đó nói chung là có lý, có tình. Tình hình này có quan hệ với lịch sử hình thành đô thị ở Đà Lạt, một thành phố được tạo dựng trước tiên nhằm đáp ứng yêu cầu nghỉ dưỡng, sau đó có thêm yêu cầu đào tạo cán bộ, yêu cầu du lịch. Bộ máy quan chức hành chính được cấu trúc theo yêu cầu đó tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ giữa giới cầm quyền và dân chúng, quan hệ này vừa có tính chất cai trị chuyên chính, vừa có tính chất giáo dục, hỗ trợ, tính chất sau nổi rõ và xu hướng trở thành tính chất được quan tâm phát huy, có sự khác biệt so với nhiều nơi khác trong nước.

Góp phần vào sự hình thành nét hài hòa của người Đà Lạt, không thể quên nói đến vai trò của người dân tộc thiểu số và của

những tu sĩ tôn giáo khác nhau.

Đà Lạt có người dân tộc thiểu số. Công lao của người dân tộc thiểu số đối với sự nghiệp bảo vệ và phát triển Tổ quốc Việt Nam rất lớn, đó là điều đã có trong truyền thuyết cũng như trong thực tế. Ngày nay ở Đà Lạt, anh em người dân tộc tiếp tục góp phần tích cực vào đời sống xã hội và quản lý xã hội, đáng nói ở đây cái chất phát thật thà của người dân tộc thiểu số góp phần tích cực vào tính hiền lành thật thà của người dân Đà Lạt nói chung.

Đà Lạt có nhiều người đến tu. Đà Lạt với cảnh đẹp thiên nhiên khác thường, với cảnh núi rừng yên vắng, với sức hấp dẫn lạ lùng của những thắng cảnh kiểu Tô Đông Pha "*mù tỏa Lô Sơn khói Chiết Giang*" chính là miền đất hứa của người đi tu, đi ẩn.

Tu sĩ ở Đà Lạt thuộc nhiều tôn giáo khác nhau đã cho thấy vai trò tích cực của họ trong việc làm từ thiện, truyền bá tinh thần đạo đức, góp phần thăng bằng hóa đời sống kinh tế và đời sống văn hóa đạo đức. Không nói ở đây về những chuyện ma giáo, tu sĩ dõm mà thời nào cũng có, ở đâu cũng có, tôi nghĩ rằng tu sĩ ở Đà Lạt tu trì dưới hình thức khác nhau, kể cả hình thức tự lập am thất, tịnh xá tự tu tự dưỡng, hầu hết là người có ý thức góp phần vào việc nâng cao đạo đức con người, không chỉ lo độc thiện kỳ thân mà còn lo cứu nhân độ thế, theo cách riêng của mỗi người. Nhìn đôi mắt sáng trong phản chiếu lòng ưu nhân ái đức của nhiều tu sĩ, tôi bỗng liên hệ tới cái không khí tốt đời đẹp đạo của thời Lý Trần, một thời thịnh trị hiếm có ở nước ta, cũng là một thời đoàn kết tôn giáo "*tam giáo đồng nguyên*". Ngày nay các tôn giáo ở Việt Nam không chỉ có ba (Nho, Phật, Lão) mà có nhiều hơn, tất cả đều đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, vấn đề đặt ra không chỉ là phát huy tự do tín ngưỡng mà còn kiếm tìm biện pháp thích hợp khích lệ các tu sĩ phát huy yêu nước và tu thân, tu thân và hành thiện, tu sĩ cùng toàn dân ra sức làm cho người dân bớt khổ đau, đất nước thịnh vượng. Lâu nay, các tu sĩ đã hành đạo theo phương hướng này thì nay càng

nên phát huy mạnh hơn trong tình hình mới.

Vậy ở Đà Lạt, con người còn giữ được nhiều cái hồn nhiên thật thà, cái tính thiện, lòng nhân ái. Đà Lạt là miền đất hiếm có, nơi có sự gắn gũi giữa lời nói và hành vi cư xử, với hoạt động xã hội chính trị, với truyền thống nhân nghĩa Việt Nam, là miền đất cảnh đẹp người hiền.

Từ khi hình thành đến nay, qua hơn 100 năm phát triển, Đà Lạt trải qua nhiều thay đổi, song nói chung không có những đổ vỡ xáo trộn lớn về đời sống. Nhưng từ nay về sau, chuyện gì sẽ xảy ra? Và trong tương lai gần, khi mà nước ta đang mở ra làm bạn với tất cả các nước?

Cả nước mở ra, Đà Lạt cũng mở ra và với tính cách một thành phố du lịch có tầm quan trọng riêng, Đà Lạt không chỉ sẽ thu hút người trong nước mà cả người nước ngoài, Đà Lạt đã có những công ty liên hợp kinh doanh với người nước ngoài và hình thức hợp tác sẽ ngày càng nhiều hơn, đa dạng hơn.

Mở ra hợp tác như vậy đương nhiên có lợi, đồng thời có lo. Về cái lợi thì cũng dễ thấy như chúng ta thấy ở công trường nâng cấp Đồi Cù. Đồi Cù vốn rất đẹp, nay lại càng đẹp hơn, cách điệu hóa, tôn tạo lên trình độ một sân golf tầm quốc tế. Trước mắt, cả ngàn người hàng ngày có việc làm. Nhưng bên cạnh cái lợi có cái lo. Lo cho dân ta có người nhẹ dạ có thể bị ảnh hưởng bởi thói hư tật xấu của những người nhiều tiền thích ăn chơi trác táng, lo cho tình trạng tha hóa vì đồng tiền đã diễn ra ở nhiều nơi. Đương nhiên, người nước ngoài đến cũng có nhiều người đem tài năng, kiến thức mới đến nước ta, đem lối sống nhân văn trình độ cao đến với Đà Lạt như đã có tấm gương sáng của bác sĩ Yersin mà chúng ta kính cẩn tưởng niệm nhân 100 năm Đà Lạt. Đồng thời người nước ngoài đến cũng có người đem theo bệnh tật đến, như ta thấy, bệnh Sida, mối nguy lớn cũng từ người nước ngoài mang đến.

Do đó, ngay từ đầu, ta cần đề cao tinh thần độc lập, tự chủ, đề cao tính chủ thể Việt Nam, đề cao nhân cách, truyền thống tốt đẹp Việt Nam trong tình hình mới. Tranh thủ thời cơ làm cho người dân no ấm, đất nước thịnh vượng, đồng thời không tự để rơi vào khủng hoảng mới như đã diễn ra ở nhiều nước.

Giữ gìn lối sống lành mạnh đức hạnh Việt Nam, giữ gìn bản sắc dân tộc, cái gốc Việt Nam:

Gốc đã tươi hoa quả cũng tươi.

Có luân thường đạo lý mới ra người.

Trong tinh thần đó, những người trẻ tuổi cần coi trọng những thành tích của hai cuộc kháng chiến vừa qua, niềm tự hào riêng của Việt Nam mà nhiều nước không có. Thành tích đó có ý nghĩa tích cực lâu dài đến nghìn đời sau, không nên vì thấy nước ta nghèo, nước bạn giàu mà coi nhẹ công lao của người đi trước. Cũng trong tinh thần đó, trong quá trình tiếp tục đổi mới, những người trẻ tuổi cần lắng nghe ý kiến, kinh nghiệm của người già, kính trọng người già, người có công, tránh thái độ vong ân bội nghĩa. Người trẻ sẽ dần dần thay người già gánh vác trách nhiệm trong giai đoạn mới có nhiều thuận lợi song không ít khó khăn thử thách. Hãy tỏ ra xứng đáng.

Trong khi hợp tác với người nước ngoài, cần nhớ rằng lối sống Việt Nam khác lối sống phương Tây; phương Tây coi trọng cá nhân là đúng, nhưng họ có xu hướng tôn thờ cá nhân đến mức cực đoan, coi thường cuộc sống gia đình, đó là không hay, trong khi đó thì ở Việt Nam, vai trò của gia đình lại rất quan trọng đối với cuộc sống cá nhân, đối với quá trình tu dưỡng trưởng thành của cá nhân.

Lối sống Việt Nam cũng có cái riêng khác lối sống các nước láng giềng Đông Nam Á. Ta làm bạn với họ, hợp tác với họ, khiêm tốn học những cái hay của họ, tránh xa những cái không hay, không

hợp với ta. Trong công cuộc mở ra hợp tác với nước ngoài, ta có những khó khăn mới và những thuận lợi, một trong những thuận lợi cơ bản là phong cách sống tốt đẹp của người Đà Lạt.

Đà Lạt là viên ngọc quý của Việt Nam. Đà Lạt là hoa hậu được mọi người ưa chuộng, càng trưởng thành càng xinh đẹp, càng hòa nhã lịch sự, rộng lượng bao dung. Đồng thời Đà Lạt luôn giữ lối sống trung hiếu, kiên trinh, giàu ý chí và nghị lực như mẹ Âu Cơ hiện ra với chúng ta dưới vóc dáng Núi Bà hiên ngang kiêu hãnh dưới bầu trời đẹp lộng lẫy nơi miền đất Cao nguyên Việt Nam.

Đà Lạt, 1993

AI LÊN XỨ HOA ĐÀO

• HOÀNG KIM NGỌC

Tùy bút

Khi những cánh hoa quỳ vàng rực, hoa trạng nguyên đỏ thắm nở đầy ven đường Đà Lạt, đó đây hoa anh đào như những cụm lửa hồng reo giữa những khoảng trời xanh trong mát lạnh của đất trời Cao nguyên, ấy là khi xuân đã về với Đà Lạt.

Đà Lạt, thành phố Cao nguyên, đang bước vào tuổi 100. Một thế kỷ trôi qua với bao thăng trầm của thời cuộc, Đà Lạt vẫn không ngừng đi tới, vẫn cứng cáp, vững vàng như rừng thông ngút ngàn của xứ sở kỳ lạ vùng nhiệt đới này.

Đà Lạt, thành phố của màu xanh bất tận, của muôn ngàn loài hoa rực rỡ. Mùa xuân, tôi chợt nhìn lên cây anh đào trước ngõ mà bỗng vang lên câu hát thuở nào "Ai lên xứ hoa đào". Cảm ơn người nhạc sĩ đã ghi lại những cảm xúc sâu lắng trong cái tận cùng của sự tinh tế trước vẻ đẹp tuyệt diệu của thành phố vào xuân. "Ai lên xứ hoa đào... đừng quên mang về một cành hoa". Câu hát cũ như vẫn để lại dư âm đâu đây ? Vâng, lên thành phố hoa, du khách cứ đem về một cành hoa ! Chợ Đà Lạt, hoa được bán ngay mặt tiền. Còn trong những ngày giáp tết, hoa đào được bày la liệt suốt dọc đường vào chợ. Du khách cứ thoải mái lựa chọn cho mình một cành hoa vừa ưng ý và vừa hợp túi tiền. Những cành hoa đào Đà Lạt đã

lên xe đủ loại tỏa về các nơi làm vui cho nhiều gia đình và phong phú thêm hương sắc ngày tết.

Mùa xuân, trời Đà Lạt như cao hơn và gió vẫn cứ đuổi nhau trên những cánh rừng xanh mát để vang lên khúc nhạc ngàn thông bất tận. Gió rải những chùm lá thông xuống mặt đường và thả những cánh anh đào nhỏ xíu xuống mặt hồ Xuân Hương. Đường phố vẫn rộn ràng, tấp nập và sự rộn ràng, tấp nập đã gia tăng một cách tối đa vào những ngày giáp tết. Các thiếu nữ Đà Lạt má ửng hồng, dịu dàng ẩn dưới những cánh dù đủ màu. Đó đây từng nhóm nhỏ đồng bào thiếu số vẫn nhẩn nại và cần mẫn mang về chợ những gói nặng gốc thông đậm dầu và những cành lan rừng còn đọng sương đêm. Và kia nữa là những xe rau, những gánh rau đủ loại từ các vùng rau nổi tiếng của Đà Lạt vẫn đều đặn đổ về chợ. Được thiên nhiên ưu đãi, cộng với kinh nghiệm phong phú từ khắp mọi miền đất nước, cây rau Đà Lạt xanh tốt và có hương vị khác hẳn với những nơi khác. Cũng vẫn cây bắp sú (bắp cải) hay cà rốt, nhưng khi thưởng thức ở Đà Lạt chắc hẳn bạn sẽ khó quên được cái thơm ngon dịu ngọt của rau quả xứ sở này. Đà Lạt còn có nhiều loại rau các nơi khác không có như bó xôi, xà lách xcarôn, atisô... Đó là những món quà không thể thiếu được khi bạn rời thành phố.

Mùa xuân cũng là mùa các loại rau Đà Lạt nhưng có lẽ ít người biết rằng, để có được những cây rau tươi ngon như thế, những người trồng rau đã phải lao động vất vả từ sáng tinh mơ cho đến tận tối trời, trên những mảnh vườn bậc thang uốn lượn theo từng sườn đồi. Đà Lạt mùa này khá lạnh, và khi mà ta còn cuộn mình ấm áp trong giấc ngủ say, thì những người làm vườn đã thức dậy mải mê tưới nước, kịp khi nắng lên là hoàn tất, bởi nếu không thì rau sẽ bị cháy. Rồi còn phải bón phân, bắt sâu và nhiều việc không tên khác cho đến ngày thu hoạch.

Gió xuân vẫn rì rầm như gọi dậy những mầm non mà hôm qua

còn cửa mình dưới tầng đất. Sương mù giăng mờ như tràn cả vào những cửa sổ từng biệt thự ven đô và phủ kín mặt hồ Xuân Hương. Thấp thoáng trong màn sương chiếc thuyền đánh cá như nét đặc trưng của một bức tranh thủy mặc vẫn đất trời Đà Lạt, vẫn miệt mài tung lưới.. Sương bay la đà trên từng vạt cỏ, luống rau... Cả thành phố, buổi sáng mùa xuân như chìm trong biển sương mù, mờ mờ ảo ảo. Nào ai biết những hạt sương li ti kia sẽ đi về đâu trong bước tuần hoàn của đất trời Đà Lạt. Nhưng sẽ thế nào đây, nếu thành phố Cao nguyên này không có buổi sáng mù sương ? Và kia nữa, hồ Xuân Hương - viên ngọc bích giữa thành phố Cao nguyên này, vẫn đang lung linh không ngừng tỏa sáng và có sức thu hút du khách đến lạ kỳ. Mỗi sáng và mỗi chiều tôi vẫn thường gặp những cụ già thả bộ ven hồ, tận hưởng những phút sáng khoái hiếm hoi trong thời buổi kinh tế còn nhiều gian nan. Cảm ơn thiên nhiên và những bậc tiền bối đã để lại cho chúng ta một thắng cảnh tuyệt vời và là nguồn cảm hứng của nhiều nghệ sĩ khi đến Đà Lạt :

Hồ Xuân Hương mặt nước trầm tư

Thi nhân hỡi có nhìn tôi không đấy ?

Hồ trong xanh, lòng sâu đến tận trời

Nghiêng mơ màng bao bóng thông trôi ()*

Đà Lạt là một thành phố đẹp, đó là một thực tế. Nhưng có lẽ đẹp hơn cả là những con người ở thành phố này. Hiện nay, chung sống ở Đà Lạt gần như có đủ người từ mọi miền đất nước. Sự góp mặt đó cùng với khung cảnh thiên nhiên đã tạo cho người Đà Lạt một phong cách sống riêng khác hẳn với nhiều nơi khác. Có sự dịu dàng, kín đáo của người Huế, nét thanh lịch của người Hà Nội và tính cách bộc trực, thẳng thắn của người dân Nam bộ. Gần đây, do sự tác động của nhiều phía, tính cách người Đà Lạt ít nhiều đã thay

(*) Một ngày Đà Lạt - Lâm Thị Mỹ Dạ.

đổi, nhưng nhìn chung vẫn giữ được phong cách sống có văn hóa mà chắc hẳn khi rời thành phố xinh đẹp miền Nam Cao nguyên này du khách khó có thể quên được.

Mùa xuân, cùng với sự trời dậy, vượt lên của vạn vật, các thiếu nữ Đà Lạt cũng như đẹp hơn, tràn đầy sức sống hơn. Đối diện với mùa xuân, mà lại là mùa xuân ở Đà Lạt, hình như các cô gái quên hết bao nỗi nhọc nhằn trong cuộc sống đời thường. Mỗi lần gặp em là mỗi lần tôi phải quay mặt để dõi nhìn lên những ngọn thông cao vút vì cảm giác rằng, cứ nhìn vào mắt em - cô gái Đà Lạt thì khó cầm lòng mà bỏ đi cho được. Những đôi mắt ấy vẫn bừng sáng long lanh trong sương mù của đất trời Đà Lạt. Đó cũng chính là những ngọn lửa sưởi ấm lòng du khách và những bạn bè xa khi đặt chân đến thành phố sương mù miền Cực Nam Trung bộ.

Sương mù vẫn bồng bềnh trôi trên những cánh rừng dọc hai bên đèo Prenn như một tấm "voan" trắng mỏng choàng lên Núi Bà. Tôi vẫn như còn gặp đâu đây ánh mắt của em - người con gái Đà Lạt, ánh mắt lấp lánh như giọt sương mai trong nắng xuân, ánh mắt gọi về những niềm vui trước cuộc sống tuy còn nhiều khó khăn, vất vả nhưng đã bừng lên niềm tin vào sự đổi thay của Đà Lạt hôm nay, Đà Lạt ngày mai trong sự nghiệp đổi mới của Tổ quốc.

Đà Lạt, năm 1996

CHỌN SƯƠNG MÙ

CHU BÁ NAM

Có lẽ không thành phố nào trên thế giới lại nhiều tên như Đà Lạt : *"Tiểu Paris"*, *"Thành Phố Hoa Anh Đào"*, *"Thành Phố Buồn"*, *"Thành Phố Mộng Mơ"*, ... Nhưng nhiều tên như vậy cũng có nghĩa là người ta chưa hẳn bằng lòng với cái tên nào. Tôi nhớ có lần lên Đà Lạt, nhà thơ Ý Nhi nói : *"Rất nhiều bài thơ viết về Đà Lạt nhưng chưa có bài nào xứng với nó cả"*. Gần đây nhà thơ Trinh Đường cùng với Hội Văn nghệ Lâm Đồng có tuyển chọn trên 100 bài thơ của nhiều tác giả đã viết về Đà Lạt từ xưa đến nay, đọc lên lại càng thấy Ý Nhi nói quả không sai. Nhiều nhạc sĩ, họa sĩ, cũng có nhận xét tương tự trong lĩnh vực của họ. Thì ra Đà Lạt vẫn là cái gì đó mờ ảo, cần được tìm hiểu kỹ hơn. Phải chăng với ý nghĩ đó, người ta ví Đà Lạt như một cô gái đẹp ? Trong những năm bao cấp khó khăn nhà văn Đỗ Chu phát biểu : *"Đà Lạt là cô gái đẹp, nghèo, nhưng không lam lũ"*.

Đà Lạt lạ lẫm, buồn người ta cũng tìm đến, vui người ta cũng tìm đến. Đà Lạt dưới con mắt vắng lai không giống trong mắt người dân cư trú nơi đây. Trước khi chọn Đà Lạt làm nơi định cư, tôi đã đi bộ gần như khắp nước mất 30 năm. Mỗi thành phố tôi dừng chân một vài... tháng. Đến Sài Gòn, trong khi chờ mua được vé tàu hỏa ra Bắc, tôi tranh thủ lên Đà Lạt theo lời mời của một người bạn. Hóa

ra Đà Lạt không giống bất cứ một thành phố nào ở Việt Nam mà tôi đã qua. Ngày đó vé tàu khó mua, phải chờ mấy ngày, chứ không tôi đã “bỏ sót” Đà Lạt, và chẳng bao giờ biết đến nó. Tôi định lần đó về Hà Nội rồi là không đi đâu nữa. Thì cũng đến như Sài Gòn là cùng chứ gì ? Thành phố nào ở Việt Nam chả vậy, cũng cứ náná như nhau cả. Tôi đã lầm. Mà đâu phải mình tôi nghĩ thế. Trở lại Sài Gòn tôi háo hức kể với bạn bè. Thì ra có người ở Sài Gòn cả mấy chục năm cũng chưa hề đặt chân lên Đà Lạt. Họ nói bạn quá, lại trái đường, mà cũng chẳng có việc gì để phải lên trên ấy ! Nghe tôi, họ cũng thử một chuyến. Về, họ tìm ngay đến tôi : *“Thế mới biết mình chủ quan thật”*. Họ mừng rỡ vì đến bây giờ mới “khám phá” ra Đà Lạt. Một thành phố có phong cách riêng nhưng không có giọng nói riêng. Nó lãng mạn một cách lịch sự, thật thà mà không quê kệch. Hình như mỗi chân đi khắp chốn người ta mới dừng chân nơi đây, chứ không phải quần quanh trong rừng thông. Người Đà Lạt sợ nói to, hay mỉm cười, nhất là phụ nữ.

Người phụ nữ đầu tiên tôi tiếp xúc ở Đà Lạt là bà bán trái cây ở chợ lầu. Tay cầm trái dâu tây chín mọng mà lòng thấy lo lo. Không biết nên trả giá bao nhiêu, vì ở Sài Gòn thấy người lạ có khi họ nói thách gấp năm, gấp mười là thường, mà sáng sớm sờ vào hàng người ta mà không trả lấy một giá đi sao được. Bà giục tôi ăn thử, tôi lại càng sợ *“Cứ ăn đi !”* bà tươi cười, *“không mua cũng được”*. Thì ra ở chợ người ta nói giá nào bán giá ấy, không phải mặc cả. Cạnh tôi một du khách khác cũng mua ký dâu tây nhưng không tin vào cân của bà, nên đặt sang cân của quầy rau Nhà nước cạnh đó. Kim đồng hồ trên cân chỉ ký một ! Bà hỏi người khách *“Vậy tôi có phải bớt lại một lạng không ?”* vì nếu thiếu một lạng chắc chắn bà phải bù. Lại có chuyện thế này : Một cậu học trò vô tình nhận ra chiếc quần Jeans của cậu bị mất khi phơi, nay trong đồng quần áo của bà bán đồ cũ. Bà bán hàng vui lòng trả lại cho cậu quần, nhưng nhất định không nói tên người bán. Sau đó bà nhắc nhẹ kẻ đã bán

quần cho bà, mà cũng không đòi lại số tiền đã bỏ ra mua trước đó. Tôi tò mò ra chợ tìm bà thì được biết bà đã đi tu rồi, ở một chùa cách Đà Lạt những 30km. Khi ồn ào người ta thường nói : *"Cứ như là cái chợ"*. Nhưng chợ Đà Lạt đâu có ồn, không tin bạn đến xem. Đúng cách chợ mấy chục bước chân thôi, bạn có cảm giác người ta đang nói thầm. Cả du khách cũng vậy, họ nói nhỏ lại vì sợ lạc lõng. Họ cũng mời bạn mua ngọt ngào, nhưng không ép. Ra khỏi chợ, anh bạn nhà thơ cùng đi với tôi ứng tác luôn :

Nghe em nói cái gì cũng phải

Nếu sẵn tiền mua cả chợ về chơi.

Vào chợ Đà Lạt còn thú vị nữa là không có kẻ cắp. Một du khách nước ngoài nói với tôi : *"Vòng quanh Việt Nam, chỉ ở đây là tôi không bị mất cắp !"*. Lời nói đó là của một bạn Thụy Điển. Nếu bạn đã đến chợ Đà Lạt năm ngoái thì năm nay vẫn nên trở lại, vì mới khánh thành khu B của chợ. Không khí chợ là không khí gia đình, bạn có đồng ý với tôi không ?

Từ ngày phát triển kinh tế thị trường, Đà Lạt đón nhận nhiều người đến tạm trú làm ăn nên cũng có phần xô bồ, tiếng xe máy cũng *"vui hơn"*. Đừng bảo tôi thiên vị nhé, những vụ lộn xộn thường phần nhiều do khách vãng lai gây nên. Bạn cứ hỏi công an mà xem. Nói chung ta có thể yên tâm tản bộ trên những con đường rừng vắng vẻ mà không phải nơm nớp như ở thành phố khác, cho dù bạn đẹp và nhiều tiền trong túi.

Đi sâu vào rừng, đến những vườn cà phê, hồng (ăn trái) bạn sẽ có nhiều cuộc tiếp xúc thú vị nữa. Một lão nông, chắc là trình độ văn hóa cũng không cao lắm, nhưng do sống với đất, với rừng mà có những ý kiến chí lý. Ông ta nói với tôi : *"Anh có biết không cái đất này nó yêu mẩn cây hồng. Nhưng hồng trồng năm cây cũng phải dành phần cho chim một cây, đừng nghĩ ăn cả"*. Gần mộ của nữ sĩ Tương Phố ta thấy một căn nhà gỗ đơn sơ trên ngọn đồi thông. Hồ

ra mới biết đó là nhà của cháu nội nhà thơ. Anh làm nương rẫy, sống một mình. Tôi hỏi ở thế này có buồn không ? Hình như anh không để ý hay không có khái niệm về sự cô đơn. Họ sợ cái ồn ào náo nhiệt của Sài Gòn. Ai lại có cô lấy chồng dưới ấy nhớ quá phải mò về. Tới chân dốc Prenn đã thấy lòng nao nao.

Vì thời tiết lạnh, tối đến những người già ở Đà Lạt ít ra ngoài, họ ngồi bên lò sưởi với ly cà phê nóng, nhiều khi ngồi im lặng bên nhau để nghĩ ngợi sự đời, không nhất thiết phải nói. Ngay ở trong rạp hát cũng vậy, nếu trình diễn hay họ im lặng, mà dở họ cũng không la ó. Từ xưa, nhiều đoàn Sài Gòn đã biết rút kinh nghiệm, nếu buổi diễn kết thúc khán giả đứng lên vỗ tay kéo dài thì tối mai tiếp tục, bằng không thì nên cuốn gói sớm. Vốn là đất của nhà vua và là nơi nghỉ dưỡng của tầng lớp thượng lưu nên người Đà Lạt có thể nghèo về vật chất nhưng giàu văn hóa trong giao tiếp. Những từ "cám ơn", "xin lỗi" ở cửa miệng trẻ em mẫu giáo là thường, trong khi ở vùng khác, đôi khi người lớn còn ngượng ngập. Khi hòa vào thiên nhiên con người cũng trở nên bình đẳng hơn.

Lại có người nói, ngay cả một số người vốn hung hãn, đầu gấu ở nơi khác, ấy mà về Đà Lạt, cũng dịu đi, trở thành hiền lành. Thời gian đầu định cư ở Đà Lạt ta có cảm giác như bắt đầu cuộc đời tu hành. Qua giai đoạn đó thì tĩnh tâm, ở lại được, không qua giai đoạn đó thì xuống Sài Gòn hay đi vùng khác. "*Hiển nhân nhại sơn, chỉ nhân nhại hải*". Nơi đây sàng lọc tính cách và cũng làm thay đổi tính cách. Có phải ăn trái cây, rau tươi nhiều, khí hậu lạnh chăng ? Tôi nghĩ, những người mới đến lập nghiệp ban đầu hầu hết gốc Huế và Hà Nội, cứ xem cách nói năng, đi đứng, nấu nướng thì rõ. À, bạn đã ăn cỗ Đà Lạt bao giờ chưa nhỉ ? Cỗ Đà Lạt mới đúng là cỗ, vừa nhiều món, vừa ngon. Bạn cứ đến ngay lầu I khu B của chợ mới mà ăn, khỏi phải vào những restaurant sang trọng. Những mẹ Huế tóc bạc đã sinh ra những đầu bếp nổi tiếng đang phục vụ trong các nhà hàng. Hàng ăn ở chợ cũng sạch lắm, mỗi hàng một góc như ngồi

ở nhà vậy.

Khí hậu Đà Lạt khiến người ta ăn rất ngon và ngủ rất kỹ. Nhiều du khách mới đến hoảng quá, hay là mình mắc “bệnh ngủ” ?

Lên Đà Lạt mà nói chuyện làm ăn thì quả là lạc lõng. Thiên nhiên đẹp, trong sạch sẽ giúp bạn tĩnh tâm lại, bạn sẽ được sống với chính bạn, vì lâu nay mãi làm ăn, đôi khi bạn đã bỏ quên bạn.

Có anh sinh viên đại học Đà Lạt nhớ lại mối tình của mình :

Thương lắm những chiều mưa giăng

Con dốc ướt tóc ai hoàng hậu

Rối chân trời ngơ ngẩn hoàng hôn...

(Đào Đức Tuấn)

Cũng chiều mưa ấy, với người già lại khác :

Đà Lạt ơi chiều mưa lũng sâu

Lòng khe con suối đục tuôn ngầu

Về đâu chiếc lá khô mùa cũ

Em bỏ về đâu thuở mất nhau

(Trương Xuân Huy)

Đà Lạt bên ngoài thì giống nhau, Đà Lạt trong lòng người lại khác nhau. Phải chăng vì thế mà nó mang nhiều tên ? Mặc, Đà Lạt vẫn chỉ mỉm cười, mỉm cười mời mọc khách lạ, mỉm cười thách đố với tôi và với bạn.

HOA TRÁI BỐN MÙA

MAI XUÂN

Ai lên xứ hoa đào...

Đà Lạt, thành phố sương mờ, đón mời du khách lên thăm xứ sở của ngàn hoa đua sắc ngát hương và bốn mùa cây lạnh, trái ngọt.

Đà Lạt - thành phố hoa. Các loại hoa tiêu biểu: anh đào, mai trắng, mai xanh, mi-mô-da, hồng, lay-ơn... Đến Đà Lạt là đi vào con đường hoa: đường Anh Đào lên khu Hòa Bình; đường Mi-mô-da dọc hai bên vào Dinh 3. Trên đường vào khu chợ có những cảnh phượng tím. Dọc đường Hồ Tùng Mậu mai trắng rộ lên mỗi độ xuân về...

Phố phường Đà Lạt hoa làm tăng thêm vẻ đẹp kiều diễm của hàng ngàn biệt thự ẩn mình lặng yên dưới những tán thông xanh mát. Hoa Đà Lạt được lấy giống từ nhiều nơi trên thế giới : Pháp, Anh, Hà Lan, Ý, Nhật Bản, Đài Loan, Ốt-xtra-lya... Một mảnh vườn xinh trước mỗi biệt thự, nổi lên nào hoa lys, mận đình hồng, xác pháo, quỳnh đủ loại...; cổng vào mỗi nhà được trồng giàn hoa giấy, hoa rạng đông tạo thành những mái hoa rực rỡ.

Hoa Đà Lạt nhiều loại, nhiều màu sắc, nhưng nhiều người kể cả du khách vẫn rất mến mộ hoa hồng. Ngoài những giống hồng

quen thuộc, Đà Lạt còn có những giống hồng quý hiếm : hồng vàng, hồng phấn, hồng chàm và đặc biệt là hồng nhung đại đoá màu đỏ sẫm, món quà không thể thiếu được trong ngày vui của những bạn trẻ.

Đà Lạt còn là xứ sở của lan. Nhiều gia đình có vườn địa lan đến hàng ngàn chậu. Nào vệ hải, hồng lan, bạch lan, hoàng lan... thì nhau khoe sắc, tỏa hương. Còn phong lan thì thật là phong phú. Từ mùa Nô-en đến hết tháng tư, kim điệp, long tu, thủy tiên, dã hạc... trổ hoa hầu khắp mọi vườn.

Bởi khí hậu Đà Lạt dành ưu thế cho hoa nên hàng trăm thứ hoa đã chọn nơi này làm quê hương để càng tăng thêm vẻ đẹp thơ mộng cho thành phố.

Đà Lạt còn là nơi của nhiều loại cây quý hiếm. Mỗi mùa đều có những loại trái cây thơm ngon hấp dẫn du khách. Mùa xuân có mận Trại Hầm giòn và ngọt thơm, có đào, có cả dâu ta lẫn dâu tây là hai loại trái cây khó có thể tìm được ở những vùng đất khác. Mùa hè có trái bơ thơm và béo ngậy. Mùa thu có trái hồng gợi nhớ mùa hồng cốm đất Bắc. Tuy vậy có lẽ ít có du khách bỏ qua được nhánh chuối La Ba, vừa ngọt, vừa ngon, mang đậm hương vị đặc biệt. Đến Đà Lạt, du khách cũng đừng quên ghé thăm các vườn trồng táo Tây vàng đỏ vào mùa thu...

Và còn nữa, xa hơn về phía Đạ Huoai, Bảo Lộc, Di Linh, chôm chôm và đặc biệt là sầu riêng trĩu cành thơm ngát mỗi mùa trái chín...

Đến thăm Đà Lạt - Lâm Đồng, khi ra về du khách xin hãy đừng quên tôi nhé - forget-me-not như tên một loài hoa đơn sơ của thành phố sương mờ. Và tình cảm của người Đà Lạt dành cho du khách bao giờ cũng vẫn là bất tử - immortelle, như một loài hoa rất được du khách yêu thích.

Hoa Đà Lạt

PHAN QUANG

Ở khách sạn Palace, người phục vụ sáng sáng lại thay hoa trên lò sưởi và các bàn ăn. Hái hoa ở vườn khách sạn, không mất tiền mua. Tôi lần la hỏi :

- Ở Đà Lạt hoa gì đẹp nhất, hử anh ?

Anh cười :

- Ông hỏi thế cũng khó trả lời. Làm sao nói được hoa nào đẹp hơn hoa nào? Tuy nhiên làm việc lâu năm ở đây, tôi nhận thấy có ba loại được khách ưa chuộng hơn cả. Trước hết là huệ tây, mỗi năm chỉ nở rộ vài tuần, đẹp lắm, cứ là đếm cánh tính tiền, thua ông. Thứ đến là lay-ơn và hồng. Đấy, ba loài được ưa chuộng nhất.

Cô tiếp tân ở khách sạn, nữ sinh cũ của Trường Trung học Yersin, thì đáp :

- Cháu thích nhất hoa hồng. Nhà cháu có mấy cây hồng vàng, không hoa nào sánh nổi nó.

Theo yêu cầu của tôi, cô đưa tôi ra vườn. Ở đây có trồng mấy luống hoa thông thường để trang trí hàng ngày trong phòng khách, phòng ăn của khách sạn.

"Hoa cô-cơ-li-cơ cánh mỏng óng ả, nhiều màu có vẻ đẹp quý phái nhưng chóng tàn - cô nói - vừa đủ làm đẹp một buổi tiếp khách hay một bữa ăn. Hoa cốt-mốt cũng đẹp nhưng nó không phải là hoa cắt, để tự nhiên ngoài vườn thì rục rở, cắm vào bình chẳng mấy chốc héo ngay. Loại hoa vàng kia là xu-xi. Xu-xi của ta màu vàng nhạt, cánh đơn : giống nhập từ Nhật Bản vào màu vàng đậm, gần như da cam, cánh kép. Trông nó đơn điệu, chẳng có gì đáng gọi là bản khoán cả. Bà con làm vườn gọi đó là cúc Nhật, cháu nghĩ như vậy có lẽ hay hơn. Hoa păng-xê chắc chắn phải thuộc họ lan, cháu chẳng hiểu sao trong từ điển lại gọi nó là tử-la-lan, chúng cháu vẫn gọi là hoa tương tư. Còn kia là hoa đỗ quyên, cháu nghe ba cháu nói ngoài Bắc cũng đẹp nhưng không nhiều loại bằng ở đây. Còn mi-mô-da ở gần lối đi kia, dạo này không phải mùa, chú phải lên đây đúng mùa mi-mô-da trổ hoa thì mới thấy hết cái đẹp của nó. Hoa gì cũng có mùa, chú ạ. Kể cả những loại ra hoa quanh năm, cũng có mùa đẹp nhất. Như chú muốn xem anh đào thì phải lên đúng dịp lễ Chúa giáng sinh..."

Bài học nhập môn với ngần ấy loại hoa đủ làm tôi chóng mặt. Thông minh, cô gái trẻ hiểu trong giờ đầu chỉ nên nhồi nhét cho học sinh chừng ấy. Để học trò yên tâm, cô kết luận :

- Cháu cũng chỉ biết sơ sơ vậy thôi. Chú muốn tìm hiểu kỹ, mời chú đến các trại bán hoa, có nhiều người rành lắm. Hoặc mời chú sang bên trại hoa giống của thành phố, chú Sáu ở đấy có thể trả lời đầy đủ những điều chú muốn biết.

Theo lời khuyên của cô gái, tôi đến trại hoa của thành phố. Anh Sáu quả là người thành thạo và nhiệt tình. Suốt một buổi chiều, anh dẫn tôi quanh quẩn trong vườn dày đặc các loại hoa của anh, giới

thiệu, giải thích và kiên nhẫn chờ tôi ghi vào sổ tay, những tên khoa học bông tiếng la tinh khó nhớ - một méo mó nghề nghiệp, chứ những tên thông thái ấy tôi biết chẳng bao giờ dùng làm gì trong cuốn sách định viết. Mấy lần tôi từ biệt, đã bắt tay, anh còn giữ lại giới thiệu nốt một số loại hoa bên lối đi. Trên đường anh tiễn tôi ra cổng, mấy lần tôi chào anh, và mấy lần tôi nán lại để say sưa nghe anh đưa vào thế giới các loài hoa. Lúc chia tay, chúng tôi đã trở thành đôi bạn tâm giao.

Tôi còn lui tới trại hoa nhiều lần, lần nào cũng được anh hướng dẫn chí tình, nhưng cậu học sinh kém là tôi không tiến bộ được mấy. Hình như biết vậy, lúc tôi đến chào anh để về Hà Nội, anh đã cho tôi một tập giấy đánh máy liệt kê mấy trăm loại hoa có trong trại hoa của thành phố bông tiếng Việt và chữ La tinh, tên Nôm và tên chữ. Nhờ đó, tôi biết thêm hoa cô-cơ-li-cơ mà cô gái trẻ giới thiệu với tôi trong buổi học vỡ lòng còn được gọi là hoa nha phiến, còn loại giê-ra-ni-um vẫn đặt trên thành cửa sổ hay trang trí ở bờ tường, bà con gọi nôm na là bông tai tượng, nó còn một cái tên khá gợi cảm là phong lữ thảo. Gọi cô-cơ-li-cơ là hoa nha phiến, tôi e có sự hiểu lầm; người Trung Quốc chính danh gọi nó một cách trang trọng hơn: mỹ nhân thảo, cây người đẹp. Nhưng với túi cẩm nang ấy cộng với mấy tập sách chuyên khảo dày cộm mượn của thư viện Bộ Nông nghiệp, vốn liếng hiểu biết của tôi về thế giới hoa cũng chẳng được tăng bao nhiêu.

Nửa năm sau những chuyện làm quen ấy, trở lại Đà Lạt, tôi tìm thăm anh Sáu. Cái trại hoa lộn xộn, di sản của chế độ cũ, mà có người từng lầm tưởng sẽ tàn lụi dưới chính quyền do những người cộng sản lãnh đạo, đã được chăm chút, sửa sang và mở rộng hơn so với trước. Gặp tôi, anh mừng rỡ:

- Các anh ngoài Hà Nội vừa điện vào bảo chuẩn bị gửi ra lăng Bác các loại trà mi, lồng đèn, địa lan, thông xà, mỗi thứ hai mươi sáu

chậu, đồ quỳên và hồng mỗi thứ hai mươi. Tôi đang cho người về Biên Hòa tìm mua chậu. Đồ gốm của ta được các nước anh em hoan nghênh, ngoại thương dành cho xuất khẩu; chọn được chậu hợp ý với từng loại hoa có phải dễ đâu anh. Giá các anh ấy cho người vào cùng chọn thì tốt hơn. Yêu cầu cao quá, tôi lo trại này không đủ sức đáp ứng. Anh xem cây trà mi kia, trong hàng chục năm mới cao được một mét rưỡi, hai mét, thông xà trông vừa mắt phải mười bảy, mười tám năm...

Anh kéo tôi ra vườn hồng mà anh mới cho gây lại một tháng nay :

- Anh xem loại hồng vàng này, bên châu Âu quý lắm, gọi là Giô-dê-phin (Joséphine), bên ta bán được giá, nhưng có người chê vì hoa nó cụp xuống. Hoa hồng bạch được dùng để tểch vòng cho cô dâu trong lễ cưới. Loại màu hồng phấn kia là Gra-xơ Mô-na-cô, màu áo của nữ hoàng tiểu quốc đấy. Còn đây là hồng B.B. mang tên nữ tài tử màn bạc Bri-gít Béc-đô (Brigitte Bardot) nổi tiếng. Các loại ấy đều đẹp nhưng chung quy vẫn không được chuộng bằng hồng nhung. Anh coi, có tuyệt không ? - vừa nói, anh Sáu vừa đưa tay trân trọng nâng một đóa hồng - ngày trước, mỗi năm riêng hồng bán đến mười triệu đồng. Về giá trị thương mại, hồng chỉ kém có lay-on.

Anh kéo tôi lại gần luống hoa hơn :

- Hồng phải to và đẹp, đã đành, nhưng cần có hai yêu cầu nữa : lâu tàn, có cọng khỏe, cứng để cắm vào bình. Anh có biết cách chọn hồng không ? Dĩ nhiên muốn mang đi xa và chơi được lâu, cần lấy hồng nụ. Đưa hai ngón tay bóp nhẹ, nụ mềm là được, nụ rắn sẽ không nở kịp đâu. Những giống quý này ghép trên gốc hồng dại thì hoa mới khỏe. Muốn mang đi xa. Anh đừng lo nó héo. Cắt hoa, bọc lá chuối, bên ngoài gói lớp bao hoặc ny-lon. Đừng dấp nước, cứ để cho nó khô. Đêm, có thể trải ra sương. Cũng đừng vội cắm vào bình,

nó sẽ nở sớm trước đêm ta cần. Lúc nào muốn chơi, cắt xéo xuống, cho vào bình nước, chỉ mười lăm phút sau hoa sẽ tươi lại và phát triển đầy đủ như vừa cắt ngoài vườn vào.

Hết hồng đến thu hải đường, anh vẫn giới thiệu với giọng đầy say mê ấy:

- Kỳ trước tôi đã giới thiệu với anh chưa nhỉ? loại *Bégonia Rex* này hồi mới đưa được một cây từ I-ta-li-a về, tôi cưng lắm. Nay thì đã nhận được khá nhiều rồi. Anh xem : lá nó có những đốm rất đẹp, lại đổi màu nữa chứ. Trời mưa, lá tím lại, hôm nào nắng đẹp, lá thắm màu huyết dụ, trên có lớp tuyết mịn hơn nhưng. Hoa ba khía, màu gì cũng có. Loại này có thể bày chơi trong nhà với *Ficus* đỏ.

Vẫn giọng say sưa nồng nhiệt, anh vừa nói vừa kéo tôi tới dàn phong lan. Một chùm cẩm báo vừa ra hoa vàng nhạt, lốm đốm nâu và tỏa làn hương ngát:

- *Vanda parishii odorata*, tôi lấy ở đèo Sông Pha. Lạ lắm, ở đấy hoa gì cũng thơm. Cũng những loại ấy, lấy ở Tùng Nghĩa chẳng hạn thì không có hương. Anh có thấy đúng mùi gỗ trầm không ? Còn loại này - anh vừa nói vừa kéo một chùm hoa xuống cho vừa tầm mũi tôi - lan giáng hương. Anh thấy nó giống mùi hoa gì nào ?

- Ngoài Bắc gọi là mùi hoa dẻ, tôi đáp.

- Đúng, nó gọi mùi hoa dẻ. Cao nguyên này còn nhiều tập đoàn hoa mà chúng ta chưa biết đến. Chẳng hạn loại này, anh kéo tôi đến một khu khác cũng là đỗ quyên, tôi đem về từ Núi Bà trên dãy Lang Bian, ở độ cao 2.200 mét, tận chóp núi. Ở đấy có cả một tập đoàn đỗ quyên. Anh xem, lá nó có hơi khác lá những loại đỗ quyên thường thấy: cứng hơn, dày hơn và hơi chuyển sang màu nâu. Nó giỏi chịu đựng thời tiết khắc nghiệt. Châu Âu họ quý bộ này lắm. Ở chân tháp Ep-phen, có khu đỗ quyên, họ để liền năm này qua năm khác mà chẳng phải chăm sóc gì mấy... còn những cây hồng trà

này của tôi, anh thấy có hay không?

Tôi nhìn theo tay anh : một cây dáng liễu rũ những cành mềm như một suối tóc điểm những đóa hoa hồng, đung đưa trước gió.

- Chỉ là một cây thuộc họ bạch đàn, trong này quen gọi là khuynh diệp, *Eucalyptus*, mới nhập từ châu Úc khoảng mười năm lại đây. Cây này muốn tạo dáng đẹp, lúc mới trồng cần bón thật nhiều đạm vào. Cành nó vồng lên rồi rũ xuống vì quá tốt. Hồng tràm trồng làm cảnh, ra hoa quanh năm mà không phải tốn công chăm sóc.

Tôi có cảm tưởng, đối với anh, hoa gì cũng quý. Và tôi lại đặt ra câu hỏi vắn ám ảnh mình:

- Thế theo anh hoa gì đẹp nhất, quý nhất ?

- Quý không hẳn là đẹp, và hiếm chưa chắc đã quý. Trước đây Đà Lạt nổi tiếng vì cung cấp được nhiều hoa đẹp cho Sài Gòn và cũng vì Đà Lạt có những loại không nơi nào có. Một số nhà giàu cho nhập những loại hoa lạ từ các nước về. Như biệt thự của Trần Trung Dung trước có một cây Jade Wine - anh em mình quen gọi nôm na là cây móng hổ - cả Đà Lạt chỉ có mỗi một cây.

- Như vậy có khác gì chơi đồ cổ, tôi nói. Ngoài họ hàng thân thích, ai còn dám vào nhà Bộ trưởng để biết ngài chơi hoa quý ?

- Có những nhà thích chơi hoa muguet - linh lan - cứ vào dịp tháng năm, đặt mua từ bên Pháp. Trại của tôi cũng có gây một ít, phòng khi các bà lớn cần, khỏi bị rầy.

Anh nói tiếp :

- Thật ra đây chỉ là nơi làm giống. Muốn xem những loài hoa quý, hoa lạ, đúng hơn là hoa đắt tiền, mời anh đến thăm một vài trại hoa tư nhân. Hoa nhập giống từ Hà Lan, Pháp , Nhật Bản về, và bán rất đắt.

Một chiều hửng nắng sau mấy ngày mưa, tôi theo anh Phó chủ

tịch thành phố, một kỹ sư nông nghiệp, đến thăm một trại hoa riêng, có thể gọi là một sân hoa, một kho hoa. Hoa chen nhau, lấn nhau, tầng trên lớp dưới, đến nỗi gần như không còn có lối đi cho khách chen chân. Chủ nhân là một người đàn bà đẹp, rất niềm nở :

- Vâng, thưa ông, riêng về lan, nhà tôi có ba trăm loại. Giống mua bên Pháp, có củ giá tới hàng trăm đô. Chúng tôi cố giữ lấy giống. Thỉnh thoảng mới nhường cho cơ quan vài chậu, gọi là bán lỗ vốn. Bây giờ muốn có chậu để nhân giống cũng chẳng mua được. Phong lan thì không có gỗ và dây thép làm giàn. Ông xem bao nhiêu gốc bỏ không kia. Chỉ còn mỗi huyết nhung này ra hoa - bà chỉ một cụm hoa mới bị gió mưa đánh tới tấp - còn hồng, thưa ông, trước, nhà tôi trồng tám nghìn gốc. Một ngày bán một nghìn bông, tôi cung cấp cho suốt cả dãy kiosque đường Nguyễn Huệ đó ông. Gửi qua Air Vietnam, sáu giờ rưỡi đã ra sân bay, mười giờ đã có hoa bán ở Sài Gòn. Hồi đó chỉ mười đồng một bông hồng thôi chứ có mấy, ông. Vâng, đúng vậy, bán được nhất là hồng nhung. hồng vàng không nhiều bông, hồng trắng để làm vòng mariée, mùa cưới cũng bán được. Cái vườn hồng ấy, nhà tôi phá bớt đi trồng màu, vừa ăn được lúa đỗ... mời các ông quá bộ ra thăm vườn. Mấy bữa mưa dầm, ẩm ướt quá.

Bà chủ đi trước, tay khẽ chạm vào các cành cây cho rụng bớt nước mưa còn đọng trên lá, để khỏi làm ướt áo khách. Chúng tôi len lỏi giữa hoa. Trà mi trắng, trà mi đỏ. Nhất chi mai. Đỗ quyên tím. Một cây mận với những trái màu tím non. Nhiều loại cây trồng chậu xếp thành dãy dọc bờ tường, cây nào cũng vươn cành ra tranh ánh sáng làm chật thêm lối đi vốn hẹp.

Đến một mảnh ao nhỏ, bà chủ giới thiệu :

- Súng Nhật Bản, thưa ông.

Tôi nhìn những đóa hoa súng : súng hồng, súng tím, súng màu mỡ gà. Hoa súng ở miền Nam quả là đẹp. Chợt nhớ mấy câu thơ

Chế Lan Viên, không rõ tác giả làm khi vào Nam hay còn ở Bắc:

Sáng nay ra đường gặp ai ? gặp đóa súng hồng,

Hồng như chưa có môi nào hồng được vậy.

Đến nỗi anh qua rồi, quay ngoắt lại hỏi : hoa súng hồng , hoa súng hồng, màu có phải hoa không ?

Anh Nguyễn Khắc Viện thăm đồng bằng sông Cửu Long, cũng ca ngợi hoa súng đẹp nhất Đồng Tháp Mười, khiến có bạn đọc gửi thư đến báo *Nhân dân* thắc mắc.

Tôi từng được gặp hoa súng trong những trường hợp bất ngờ đến thú vị. Sau những giờ mải mê trong phòng đọc của Thư viện Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, ra hành lang đón luồng gió mát cho nhẹ bớt đầu, tựa vào lan can tình cờ ngó xuống, chợt gặp một bông súng nở giữa bốn nước kín đáo chạy dài suốt mặt tiền của tòa nhà đẹp. Hoặc buổi sáng đi chợ Châu Đốc, thị xã biên giới nhìn ra sông Hậu mệnh mang, chợt thấy cọng súng khoanh tròn trong rổ bà hàng rau, đầu mỗi cọng nở một đóa hoa hoặc đã mãn khai hoặc đang hàm tiếu.

Hoa súng có vẻ đẹp thôn dã. Tự biết mình người trần mắt thịt, ngoại đạo với nghệ thuật chơi hoa, tôi chăm chú nghe bà chủ trại hoa giới thiệu tuy trong lòng vẫn không bớt phân vân : loại hoa mang từ đất nước Phù Tang về này đẹp hơn bông súng tôi gặp ở chợ Châu Đốc ở những chỗ nào; hay chung quy cũng là cách đánh vào thị hiếu sùng bái hàng ngoại của những người giàu có ở miền Nam ngày trước?

Tôi từng biết, buổi Biên Hòa quen thuộc được một số người buôn ở Chợ Lớn mua về cất giữ, đợi cho da héo nhăn, đóng mấy dấu triện son vào rồi tung ra chợ tết, bảo là nhập cảng từ ngoại quốc. Hoặc hoa bích đào trồng ở Đà Lạt đưa về Sài Gòn, nhập nhằng bảo là đào Hồng Kông, một cành đào bán gấp nhiều lần so

với đào nội địa - điều này chính anh Sáu ở trại hoa thành phố cho tôi hay.

Bà Phan Thị L., một nông dân trồng hoa ở khóm Đông Tĩnh, vốn quê Nghệ Tĩnh, mừng vui nói với tôi : “Đạo này hoa được giá, đạo trước hoa chỉ đất vào dịp tết, ngày thường rẻ ê hề. Bây giờ tháng sáu, tháng bảy vẫn bán được ba đồng một chục lay-dơn”. Bà chủ trại hoa xinh đẹp, người Hà Nội thì phàn nàn hoa không bán được, đến những chiếc chậu đất để nhân lan - chậu đất thôi, đừng nói đến chậu gốm, bà nhấn mạnh - cũng không mua được. Cả hai bà đều rất thành thật. Phải chăng ngày nay, những gì sang trọng đắt tiền, kể cả cái đẹp, khó tiêu thụ, còn những gì thông dụng thì sẵn thị trường ? Nếu quả đúng như vậy, âu cũng là một nét đặc trưng của xã hội ta trong bước đầu xây dựng cuộc sống mới trong đó mọi người đều hưởng thụ những ưu đãi của thiên nhiên cũng như thành tựu khoa học. Sự cách biệt thái quá giữa người giàu kẻ nghèo dần dần thu hẹp, nhưng bởi đất nước còn nghèo cho nên chúng ta tạm bằng lòng với những thứ vừa túi tiền, kể cả cái làm đẹp cuộc sống.

Hình như lịch sử thỉnh thoảng lặp lại sự giễu cợt của mình. Hồi Hà Nội mới giải phóng, nhiều nhà trồng hoa ở Nhật Tân, Quảng Bá phá đào, phá lay-dơn. Họ nghĩ : các ông Việt Minh chắc chẳng có thời giờ ngắm hoa. Tết đầu tiên ở Sài Gòn giải phóng, một số người vô tình nuốt phải những luận điệu xuyên tạc. Họ biết Cách mạng đẹp, nhưng cái đẹp này đồng nghĩa với khắc khổ, với khô khan, trong xã hội mới hoa sẽ không có chỗ đứng. Các ông Việt cộng tốt nhưng chắc chẳng thú hoa. Một số nhà vườn phá hoa trồng màu hoặc đào ao thả cá. Nhưng giá hoa vẫn đắt lên, hoa vẫn tiêu thụ được. Khi vỡ lẽ thì đã muộn, thời vụ trôi qua, có nhà vội vã trồng ớt kiểng là loại cây ngăn ngày để kịp đưa ra bán tết, mong vớt vát được phần nào.

Tết Ất Mùi (1955), phố phường Hà Nội có một nét đặc biệt. Lần

đầu tiên trong lịch sử, hoa đào được mang ra làm đẹp cho những nơi công cộng. Vườn hoa Chí Linh và một số nơi rực rỡ những gốc bích đào lớn nhất, đẹp nhất mua từ những làng hoa nổi tiếng bên Hồ Tây mang về cho mọi người cùng thưởng thức. Lần đầu tiên trong lịch sử, hoa đào rời các phòng khách sang trọng, từ khuê các bước ra công viên. Từ đây hầu như năm nào cũng có tổ chức hội hoa, thi hoa bên cạnh chợ hoa truyền thống mà tiêu điểm là mấy phố cổ kính cổng chéo, Hàng Lược...

Những ngày Hà Nội bị ném bom ác liệt nhất lại là thời kỳ phong trào chơi hoa phong lan mở rộng - một ham mê làm kinh ngạc không ít khách nước ngoài đến thăm nước ta dạo ấy. Và Tết 1972. Tết B52 của Nixon, cũng là tết được mùa phong lan chưa từng có. Hoa tai trâu xinh đẹp và ngát hương tô điểm cả tháng xuân công viên Thống Nhất cũng như phòng khách của nhiều nhà chơi hoa.

Trong một cuộc tranh luận về con người trong thời đại vũ trụ, một nhà văn Xô-Viết đã quá cố - E-ren-bua - viết một câu nổi tiếng: *"Chúng ta đi vào vũ trụ với cánh hoa li-la trong tay"*. Người Việt Nam có thể nói: *"Đặt khẩu súng nòng còn nóng bỏng vì bắn máy bay Mỹ xuống, những người yêu cầm hoa đến nơi hẹn hò"*.

Đà Lạt, 1986

SỰ TRỞ LẠI SAU 35 NĂM CỦA MAI ANH ĐÀO

HOÀNG NGUYỄN

Trên Cao nguyên Lâm Viên có một loài anh đào bản địa, thường gọi là mai anh đào vì có hoa năm cánh giống như hoa mai (*Cerasus*) nhưng màu hồng thắm và có hình dáng của cây đào (*Prunus*). Vì vậy, nó được các nhà khoa học đặt tên ghép là *Prunus cerasoides*. Cũng như các loài anh đào khác, mai anh đào mang nét đặc trưng của thực vật ôn đới: rụng lá vào cuối thu rồi “ngủ đông”. Từ dịp Noël cho đến Tết nguyên đán, hoa mai anh đào nở rộ...

Đầu thập niên 60, căn cứ vào đặc điểm sinh thái của mai anh đào và điều kiện tự nhiên ở Đà Lạt, các nhà nông học ở miền Nam nước ta đã liên hệ với Cơ quan di truyền - chọn giống Nhật Bản để được giới thiệu và cung cấp một loại anh đào phục vụ công tác nhập nội cây trồng cho Nam Tây Nguyên. Kết quả khảo nghiệm trên Cao nguyên Lâm Viên thật bất ngờ: một giống anh đào có xuất xứ từ miền Nam nước Nhật, tên khoa học *Prunus sumonobeauty* (khi trưởng

thành sẽ cho hoa đẹp màu phớt hồng) đã phát triển tốt...

Anh đào *Prunus sumonobeauty* đã được gieo ươm ở vườn thực vật Cam Ly, Đà Lạt ngày 7-1-1963, trên luống đất bazan trên hỗn hợp hữu cơ, có ủ rơm rạ và được chăm sóc kỹ. Đến cuối tháng 10-1963, khi đạt tiêu chuẩn cao trung bình 1,2m, cây được đưa ra trồng quanh hồ Xuân Hương. Song cũng vào thời điểm này (đầu tháng 11-1963), một cuộc đảo chính của giới quân sự Sài Gòn đã nổ ra để lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Trong cảnh hỗn loạn, không có người bảo vệ chăm sóc, những cây anh đào *Prunus sumonobeauty* đã bị tàn phá gần hết. Số còn lại bị các tướng tá đảo chính sai lính đưa về nhà mình. Vì cứ bị đào lên trồng xuống nhiều lần và trồng không đúng cách nên đến cuối năm đó, người dân Đà Lạt không còn thấy vết tích gì về loại anh đào Nhật Bản đầu tiên đến Cao nguyên Lâm Viên đó nữa...

Hơn ba thập kỷ đã qua, gần đây một tổ chức hòa bình của nhân dân Nhật Bản sau khi thăm Đà Lạt trở về nước đã gửi tặng nhân dân thành phố những giống hoa anh đào đẹp nhất và có thể thích hợp với điều kiện tự nhiên trên Cao nguyên Lâm Viên, đặc biệt trong đó có giống *Prunus sumonobeauty*. Các nhà khoa học Công ty Công viên và Viện Nghiên cứu Hạt nhân Đà Lạt đã xử lý hạt giống anh đào này để đúng ngày 7-1-1998, sau 35 năm, loài *Prunus sumonobeauty* lại được gieo ươm và tái sinh trên quê hương mai anh đào tươi đẹp...

Phượng tím

ĐOÀN NAM SINH

Phượng tím là một loài cây gỗ nhỏ có hoa xanh tím, lá kép hai lần, nên có vẻ giống cây phượng vĩ. Loài cây này đã được du nhập vào Đà Lạt từ những năm đầu thập kỷ 70, hiện còn lại một ít, trong số đó có cây ở đường Nguyễn Thị Minh Khai cho hoa hằng năm vào dịp cuối đông đến suốt mùa xuân.

Phượng tím có tên khoa học là *Jacaranda acutifolia* thuộc họ *Bignoniaceae*, còn có các tên khác là *J. mimosifolia* (giống lá trinh nữ) hay *J. ovalifolia* (lá hình trứng).

Cây phượng tím nguyên sản ở Brasil (có tài liệu cho là ở Bôlivia), trồng rộng rãi ở các nước Nam Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương để làm cây cảnh ven đường và trong các công viên.

Tùy lập địa, cây phượng tím có thể cao 3-10 m, đường kính tán lá 3-7 m. Tàng cành lá dài 40-50 cm, tán lá tha thướt nên ít ảnh

hưởng đến tầng cỏ phủ gốc. Hoa hình ống, dài 4-5 cm, có lông tơ, mọc thành từng chùm. Thời gian từ nụ hoa nở đến khi tàn rụng kéo dài 3-5 ngày, các hoa chùy ở đầu cành lại tiếp tục nở ra nên cây có hoa nở thường xuyên trong vòng 4-5 tháng.

Do hạt rất nhỏ nên việc gieo hạt cần có người chuyên môn và rất cẩn thận. Cây con cũng cần chăm sóc đặc biệt để tránh một số bệnh do ký sinh. Sau 6 tháng, cây con khỏe mạnh, việc trồng trọt trở nên dễ dàng hơn.

Các điều kiện trồng trọt như sau:

- Nhiệt độ thích hợp: yêu cầu nhiệt độ ban đêm 16 - 18°C, khi cây lớn có thể phát triển ở 27 - 30°C, trong giai đoạn nghỉ đông cần có nhiệt độ thấp để cây tích lũy dưỡng liệu cho mùa xuân đến, nở hoa kết quả. Tuy nhiên, đây chỉ là những kết quả thực nghiệm ở Nam bán cầu, ở nước ta có lẽ còn có những sai khác.

- Lập địa: nên trồng ở nơi không khí thoáng sạch, mát mẻ và có ánh sáng tốt.

- Loại đất: cây không kén đất, kể cả đất kiềm, chua hoặc đất sỏi sạn.

- Ánh sáng: giai đoạn cây con trong vườn ươm cần 1/3 đến 1/2 lượng ánh sáng, khi đã ra đất trồng cần nhiều ánh sáng để tạo mầm hoa.

- Chế độ nước tưới: không quan yếu, cây chịu được đất khô hạn, nhưng khi trồng làm cảnh cần bón phân chuồng đầu mùa mưa.

Cây trồng một năm cao 2 - 4 m, đến năm sau đã có khả năng cho hoa.

Nếu trồng ven đường, mật độ thích hợp 3,5 - 4,5 m/cây sẽ cho hoa sớm, trồng thưa hay đơn độc thì hoa hơi muộn.

Giống phượng tím trước đây được xem là cây trang trí nội thị

quý hiếm đến mức tỉnh và thành phố đã có kế hoạch bảo vệ, chăm sóc để giữ một nét riêng về loài cây làm cảnh ở địa phương. Tuy vậy, việc nhân giống vô tính chưa thành công tốt đẹp. Nay việc di nhập một lượng lớn đã được thực hiện, đủ để trồng làm cây cảnh trong thành phố và các thị tứ trong tỉnh, các tỉnh trong nước với giá cây giống không đắt lắm. Ngoài ra, có thể dùng loại cây này che bóng tầng giữa cho chè, cà phê hoặc trồng làm cây cảnh cổ thụ (bonsai).

Hiện nay đã có nhiều cây gieo hạt trồng được hơn một năm tuổi, cá biệt cao đến 5 m. Hàng trăm cây con mới ươm trồng được khoảng hai tháng cao hơn 15 cm và hàng ngàn cây con sẽ xuất trồng vào giữa mùa mưa này.

Hy vọng rằng, trong một thời gian gần, cây phượng tím sẽ không còn xa lạ với khách vãng lai và mùa đông đến, bên cạnh màu hồng son của hoa đào sẽ rực rỡ những con đường hoa tím.

Đà Lạt, 1995

Hoa pensée

HOÀNG NGUYỄN

Hoa pensée được đưa từ Pháp vào nước ta hồi đầu thế kỷ 20 và đã thích nghi với một số nơi như Sapa, Ba Vì, Tam Đảo và các tỉnh Tây Nguyên. Đặc biệt, Đà Lạt với điều kiện khí hậu quanh năm mát mẻ, ôn hòa đã được coi là quê hương thứ hai của loài hoa này.

Hoa pensée có cánh mỏng như cánh bướm, tên khoa học *Viola tricolor* L., nghĩa là loài hoa có ba màu thuộc loài hoa tím (*Violaceae*). Tuy số lượng ba màu ở mỗi loài hoa không bao giờ thay đổi và đã trở thành đặc trưng của hoa pensée, nhưng ba màu này được “tổ hợp ngẫu nhiên” từ các màu đen, đỏ, vàng, xanh, trắng, cam, để tạo nên nhiều giống hoa pensée với những màu sắc lạ, rất hấp dẫn.

Theo truyền thuyết, pensée là tên một sứ thần có tư duy sâu sắc và có cách ứng xử tế nhị. . . Ngày nay, người đàn ông nào tặng hoa pensée cho một phụ nữ là có ý khẳng định tình cảm và hy vọng của mình. Còn người phụ nữ nào nhận hoa pensée thì điều cô ấy muốn nói là: “Tôi đang trong sự mong chờ về một điều gì đó”...

Ở Đà Lạt, hoa pensée gần như có quanh năm, nhưng đẹp nhất là vào những tháng mùa khô, trời nắng hanh, se lạnh. . . Du khách hay gặp pensée ở vườn Bích Câu, thác Prenn, Thung lũng Tình yêu. . . nhưng trước đó nó được trồng nhiều ở trạm khí tượng và khảo cứu nông nghiệp Dankia, khách sạn Palace và Trường Lycée Yersin. . . Lứa tuổi "*mực tím*" cũng rất thích loài hoa này, hay ép hoa pensée vào trong sách vở, lưu bút và vì thế ở Đà Lạt hoa pensée còn có tên là hoa học trò.

Hoa pensée được trồng bằng hạt, giâm cành hoặc có thể bằng công nghệ cấy mô. Nhưng nhìn chung, các nghệ nhân và nhà sản xuất hoa vẫn thích trồng pensée từ hạt, vì mỗi lô hạt giống của loài cây này đều luôn chứa những bất ngờ, thú vị. . . Hạt hoa pensée rất quý, thường nhập từ Pháp, Hà Lan và gần đây đồng bào ở Bắc Mỹ cũng đã gửi giống về. . .

Những cây hoa lạ CỦA KỸ SƯ LƯƠNG VĂN SÁU

MINH TỰ

Trước khi kể về những loài hoa lạ “chưa được ai biết đến” tôi muốn nói về “cây hoa già lặng lẽ” : kỹ sư Lương Văn Sáu, một kỹ sư chuyên về hoa, tốt nghiệp Trường Canh nông ở Versailles (Pháp), một trong vài người đầu tiên thiết lập nên công viên hoa Đà Lạt. Tất cả các loài hoa quý Đông Tây trong vườn hoa bây giờ đều lưu dấu những cuộc tìm kiếm của ông, người theo đuổi suốt đời với những loài hoa thân mộc. Ông chính là người đầu tiên đưa phượng tím (*Jacaranda*) có nguồn gốc từ châu Mỹ về trồng ở Đà Lạt vào năm 1962. Một trong vài cây do ông trồng bây giờ còn sót lại ở đường vào chợ Đà Lạt, ba cây khác chiết ra từ cây này. Các tài liệu về thực vật học phân loài hoa độc đáo, quyến rũ này vào loài hoa quý, nhưng mãi đến đầu năm 1994 bí mật về hoa Đà Lạt này mới thực sự được khám phá. Trong khi đó còn rất nhiều bí mật về hoa Đà Lạt vẫn giấu kín trong “cây hoa già lặng lẽ” này. Càng bí ẩn hơn nữa khi mà căn bệnh hạch thanh quản đã cướp đi giọng nói của ông vĩnh viễn.

Suốt những năm qua, ông sống cô độc với người vợ trong một

căn hộ chật chội ở đường Bùi Thị Xuân, và ba năm rồi ông phải gượng dậy chiết cành phượng tím gửi ra Huế, Hà Nội bán lấy tiền chữa bệnh... Cuộc trò chuyện về hoa Đà Lạt đã là một cuộc bút đàm. "Thưa bác, hình như cháu có nghe đến một loài hoa lạ có tên là chuông đỏ". "Không phải là chuông đỏ mà là chuông vàng, tên khoa học *Spathodea campanulata* Bean, chuyển qua Hán Việt là sò đo cam, nhưng có nguồn gốc từ châu Phi. Một loài hoa thân mộc cao lớn, lá xanh gần giống lá muồng, hoa màu vàng pha cam, hình dáng như những quả chuông, mỗi chùm từ 40 đến 50 bông. Hoa nở suốt bốn mùa, những chùm chuông vàng rực rỡ trên nền xanh, trông như một thứ cây ăn quả. Vì nó quý và lạ, nên tôi mới mang về". Và câu chuyện về quá trình di thực loại hoa này bắt đầu dài ra trên trang giấy khó nhọc. Năm 1958, từ Trường Canh nông Versailles trở về, hành trang của bác Sáu là những giống hoa lạ, trong đó có phượng tím, chuông vàng và... Bác trồng cây hoa chuông vàng đầu tiên ở lâm viên Trắng Bom - Tây Ninh. Sau giải phóng, bác trở lại chiết một cành mang tặng chùa Quan Thế Âm ở phía Bắc hồ Xuân Hương (Đà Lạt). Đó là cây hoa duy nhất ở Đà Lạt, ngoài cây chuông vàng ở Trắng Bom và một cây nữa được chiết về trồng ở Thảo cầm viên Sài Gòn. Bác muốn nhắn hỏi bây giờ nó còn sống hay không?

Theo lời bác Sáu, tôi tìm đến thăm cây chuông vàng ở chùa Quan Thế Âm. Ni sư trụ trì kể rằng: Sau khi trồng được ba năm thì cây ra hoa. Thấy cây hoa lạ mà rất đẹp, nhiều người hỏi xin giống, nhưng nhà chùa vẫn không biết cách lấy giống và trồng nó như thế nào. Bác Sáu kể, hoa chuông vàng muốn kết trái thì phải có một loài chim đặc biệt mỏ cong mới có thể đưa phấn vào đài hoa.

"Còn một cây lạ nữa... không biết bây giờ có còn không, nên tôi không muốn nói nữa". Tôi liền hứa nếu bác cho biết thì tôi sẽ tìm nó, chụp ảnh về cho bác. Trầm ngâm hồi lâu, bác cầm cây bút tô đậm : cây đậu tía. Tên khoa học là *Wistaria*, tên quốc tế thường gọi là *Shycine*, có hai màu : xanh lơ (bleu) và trắng (blanc), nhưng rất

thơm. Có nguồn gốc từ Đài Loan, là loài hoa phương Đông "hữu sắc, hữu hương" rất hiếm. "Người Đài Loan và Trung Quốc mà chọn để trồng trước cổng sơn đỏ là quý lắm. Tôi lấy gốc từ Đài Loan về trồng ở công viên hoa Đà Lạt vào năm 1963. Đến bây giờ, các kỹ thuật viên ở đó vẫn không biết nó nằm ở đâu. Cây này, nếu không được chăm sóc thì khó thấy cái quý của nó lắm". Nói xong, bác lục tìm một cuốn sách đưa cho tôi xem. Đó là cuốn Guinness (1991) ghi rằng: "Cây đậu tía khổng lồ của Trung Quốc *Wistaria sinensis* được trồng vào năm 1892 tại Sierra Madre (California) cành dài 150 m, bao phủ 0,4 héc-ta đất, nặng 230 tấn. Kỳ đơm hoa thông thường là 5 tuần, mỗi cụm có 1 triệu 5 hoa, có đến 30.000 người đến chiêm ngưỡng".

Bác Sáu cho biết còn một cây hoa thân mộc rất quý, ở Đà Lạt chỉ có một cây một thôi, được trồng ngay cổng khách sạn Palace, đường Trần Phú bây giờ. Tên nó là: vòng kê. Loài này có nguồn gốc từ Trung Đông và châu Úc, tên khoa học là *Erythrina cristagalli* L. (thuộc họ châu vòng). Cái tên vòng kê là do bác Sáu đặt. Hoa ở cuối đông đầu xuân, từng chuỗi dài năm tấc, màu đỏ như mồng gà (khác hẳn với hoa mào gà thân thảo). Cây vòng kê ở khách sạn Palace được trồng vào năm 1965. "Những năm đầu hoa kết trên 5.000 chuỗi, đỏ ối, nặng trĩu cả cây. Sau này, vì không được chăm sóc nên cây cho ít hoa. Bây giờ là mùa vòng kê trổ bông đấy, cháu hãy đến xem rồi về nói lại cho bác nghe với".

Cây vòng kê ở cổng sau khách sạn năm sao mọc lẫn giữa những cây thông, thân và cành tựa cây si, nhưng trổ ra những chuỗi hoa màu đỏ tươi. Chỉ tiếc hoa nở ít quá nên dễ lẫn nó với những loại cây xanh bình thường. Còn ở công viên hoa, các kỹ thuật viên cho biết ở đây không có cây nào tên là đậu tía *Wistaria* cả. Cuối cùng, khi tôi gắng hỏi có cây hoa nào mà Đà Lạt không có, anh Phi - đội trưởng đội cây giống - cho biết: có một loại cây cấm cầu. Tôi mang về định bụng hỏi bác Sáu có biết không. "Phải gọi cho đúng là cấm cù. Nó đấy, nó là đậu tía đấy". Bác mừng như tìm lại được

đứa con đã thất lạc lâu ngày. Bác nói, cần phải kịp thời nhân giống để bảo vệ nguồn gen quý này nhưng các kỹ thuật viên về hoa ở Đà Lạt không biết cách đâu. Theo bác, phượng tím, chuông vàng vòng kê (đỏ) là những cây lạ, vừa là hoa vừa là cây bóng mát. Nếu được trồng trên đường phố Đà Lạt thì sẽ có một phối sắc tuyệt vời. Còn vườn hoa, nếu muốn trở thành một bảo tàng hoa, thì không thể thiếu những loài hoa lạ như đậu tía. “Bác ơi, chắc là còn một cây nữa chứ?”. “Còn một cây nữa... nhưng thôi. Hãy từ từ mà lo cho mấy cây kia đi đã”.

Mùa xuân này, bạn lên chơi Đà Lạt, xin hãy tìm đến với những cây hoa lạ của bác Sáu, và cũng đừng quên có một “cây hoa già” đang chứa trong mình những bí ẩn về hoa Đà Lạt.

RAU ĐÀ LẠT

NGUYỄN VĂN TỚI

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của độ cao nên Đà Lạt có nền khí hậu của vùng ôn đới. Mặc dù với diện tích không lớn (42.400 ha) nhưng được ưu đãi bởi thiên nhiên, Đà Lạt không chỉ có khí hậu trong lành mà còn là nơi có thể sản xuất được những loại rau quả ôn đới.

Nghề trồng rau ở Đà Lạt đã có từ lâu và phát triển mạnh trong những năm cuối của thập kỷ 30, từ ấp Hà Đông và sau đó lan rộng ra các ấp Đa Cát, Ánh Sáng, Nghệ Tĩnh, Vạn Thành. Năm 1959, hàng loạt các chủng loại rau quả được trồng thử nghiệm ở Đà Lạt như hành tây (*Allium cepa*), khoai tây (*Solanum tuberosum*), bắp cải (*Brassica oleacea var. capitata*), cải bông (*Brassica coleracea var. Botrytis*), cải thảo (*Brassica Pe-Tsai*), cải củ (*Raphanus acanthiformis*), cà rốt (*Daucus carota*) - với các giống nhập từ Nhật, Mỹ, Đài Loan, Pháp, Đức đã cho kết quả khả quan và được nhân rộng ra ở các vùng trồng rau. Bên cạnh đó, việc cải tiến phương pháp canh tác,

áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật về phân bón, thuốc sát trùng đã thúc đẩy mạnh mẽ ngành trồng rau ở Đà Lạt. Vào những năm 60, Đà Lạt đã xuất cảng rau sang Singapore, Hồng Kông, Indonesia. Năm 1972, diện tích canh tác rau cải ở Đà Lạt đã đạt 5.897ha với sản lượng 82.213 tấn.

Rau Đà Lạt ngon, bổ, mang hương vị đặc thù của rau ôn đới. Những loại rau cao cấp hiện nay như pổ xôi, xà lách, khoai tây hồng, lơ trắng đã đi vào các bữa ăn thông thường của người dân Đà Lạt và còn cung cấp cho những vùng khác như thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Tây Nam bộ, các tỉnh miền Trung.

Từ sau năm 1975, việc đưa điện đến các vùng nông thôn, cải tạo hệ thống giao thông đã góp phần thuận lợi cho việc mở rộng diện tích đất trồng rau. Những vùng trồng rau lớn của Đà Lạt ngày nay như Cam Ly, Đa Thiện, Thái Phiên, Sào Nam, Xuân Thọ, Xuân Trường đã có không ít những nhà *"triệu phú nông dân"*, đặc biệt là tầng lớp thanh niên ở những vùng trồng rau với tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, biết ứng dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp đã góp phần gia tăng sản lượng rau cải ở đây.

Mặc dù hiện nay đã có thêm những vùng trồng rau khác, xa như vùng ngoại thành của thành phố Hồ Chí Minh, gần như các vùng Đơn Dương, Đức Trọng nhưng vùng Đà Lạt vẫn tồn tại vì đã có những tiền đề phát triển bởi kinh nghiệm của hơn 50 năm trồng rau. Vùng rau Đà Lạt mãi mãi vẫn là nơi sản xuất và cung cấp những loại rau cải cao cấp quanh năm, phục vụ cho hướng phát triển du lịch nghỉ dưỡng của thành phố Cao nguyên.

Đà Lạt, 1993

ĐƯỜNG SẮT ĐÀ LẠT TIỀM NĂNG ĐỘI ĐÁNH THỨC

VIẾT TRỌNG

Xây dựng từ đầu thế kỷ XX, hoàn thành vào năm 1932, đường sắt Đà Lạt - Tháp Chàm là một trong những đoạn đường sắt độc đáo nhất thế giới mà chỉ ở Thụy Sĩ mới có. Qua khỏi Tháp Chàm, trên những toa được một đầu máy đặc biệt kéo, hướng về phía Tây, đoàn tàu sẽ đưa bạn lên độ cao 1.500m so với mặt nước biển, từ xứ sở nhiệt đới nóng bức lên ôn đới ôn hòa, xuyên qua những rừng thông bạt ngàn và những làng bản người Thượng nguyên sơ...

CÁNH CỬA MỞ CHO PHỐ NÚI

Dự án làm con đường này đã có từ đầu thế kỷ. Để khắc phục độ cao, người Pháp đã cho xây dựng đường răng cưa kiểu Thụy Sĩ và những đầu máy cũng được mua tại đây. Paul Doumer, Toàn quyền Đông Dương đã duyệt cho dự án này 200 triệu franc, một số tiền không nhỏ. Năm 1908 bắt đầu khởi công giai đoạn I, đoạn Tháp Chàm - Krông - pha dài 38 km. Năm 1915 mới hoàn thành. Krông-pha - Eo Gió (Bellevue) dài 10 km là đoạn khó nhất trong toàn bộ con đường vì phải vượt qua đèo Ngoạn Mục, cao nhất miền Nam, đục xuyên qua ba đoạn đường hầm. Nhân công lúc đó hoàn toàn làm bằng thủ công. Phải mất 10 năm đoạn này mới xong. Những đoạn còn lại tiếp tục hoàn thành 1929 Eo Gió - Dran: 5 km; 1930 Dran - Trạm Hành: 6 km, và trong hai năm (1931-1932) 24 km còn lại hoàn thành nốt Trạm Hành - Cầu Đất - Đà Lạt. Toàn bộ con đường dài 84 km, có 16 km đường răng cưa, qua năm đường hầm, đường dài nhất dài 600m.

Sau khi đường sắt hoàn thành, nhà ga Đà Lạt, song song với các công trình lớn như Palace Hotel, trường Grand Lycée (Cao đẳng Sư phạm hiện nay), mới bắt đầu xây dựng. Hoàn thành bốn năm sau đó (1936), với lối kiến trúc độc đáo, ga Đà Lạt được coi là một nhà ga đẹp nhất Đông Dương lúc bấy giờ. Cho đến nay, cùng với nhà ga Hải Phòng, đây cũng là ga cổ kính nhất còn giữ lại được. Một khu biệt thự 14 nhà dành cho công chức ngành đường sắt và dãy cư xá cho công nhân cũng được xây dựng trong quãng thời gian này.

Đường tàu xây dựng xong đã làm biến đổi diện mạo Đà Lạt nhanh chóng. Nó giữ một địa vị quan trọng trong một thời gian dài, là cánh cửa mở nối liền Đà Lạt với miền Trung và cả nước. Qua vài lần gián đoạn, đường tàu vẫn tiếp tục hoạt động cho đến năm 1970, khi chiến tranh phá hủy một số đoạn.

RƠI VÀO QUÊN LÃNG...

Thật ra, ý định khôi phục đoạn đường này đã được đặt ra ngay sau giải phóng. Tuyến đường Đà Lạt xuống đến Nam cầu Tân Mỹ (Ninh Thuận) vẫn còn nguyên vẹn, chỉ hư hỏng ở một số đoạn nhỏ từ đó xuống Tháp Chàm, chờ được sửa chữa. Nhưng để phục hồi đường sắt xuyên Việt Bắc - Nam lúc đó, vào năm 1986 Tổng cục Đường sắt đã cho gỡ đoạn đường Đà Lạt - Tháp Chàm để lấy phụ kiện. Trong khoảng 20 km từ Đà Lạt - Trạm Hành được tháo tả vệt. Sự việc này, cùng với sự quản lý lỏng lẻo của cơ quan chủ quản, đã châm ngòi cho việc phá đường sắt, nhiều quãng đường biến mất.

Còn số phận những đầu tàu cũng chẳng hơn gì. Thời hoàng kim ga Đà Lạt có 11 đầu máy đa số do hãng Fuka - Thụy Sĩ sản xuất từ những năm 20. Sau giải phóng vẫn còn 5 chiếc hoạt động được. Từ năm 1988 - 1991, Tổng cục Đường sắt Việt Nam đã lần lượt bán những chiếc đầu máy này cho nước ngoài. Người mua không ai khác hơn chính là Công ty Fuka của Thụy Sĩ, chính nơi đã sản xuất ra nó. Theo tài liệu của Pháp để lại, họ đã tìm tới ga Đà Lạt. Đây là những đầu máy hơi nước đun bằng than củi hoạt động trên đường răng cưa lẫn đường bằng duy nhất còn lại trên thế giới - ngay cả Thụy Sĩ vẫn không còn vì những đầu máy loại này bên đó đã cải tiến để chạy diesel. Công ty Fuka đã đưa hẳn một loại xe kéo chuyên dụng qua để chuyên chở 5 đầu máy này xuống Vũng Tàu, đưa về nước phục hồi lại thành những đầu máy du lịch độc nhất vô nhị.

Chạy trên tuyến đường du lịch Đà Lạt - Trại Mát 7 km mới khôi phục lại gần đây là một đầu máy ô tô cải tiến của Liên Xô, chỉ có thể hoạt động trên đường bình thường. Cũng tại ga Đà Lạt hiện nay còn có một đầu máy hơi nước của Nhật, do Trung Quốc tặng lại Tổng cục Đường sắt Việt Nam, chở ô tô từ Hà Nội vào và hiện không hoạt động được chỉ đưa ra để "trưng bày".

CHỜ ĐỢI NHỮNG DỰ ÁN

Du lịch bằng tàu hỏa, dù chỉ 7 km như hiện nay, đã nằm trong chương trình chính của nhiều du khách đến Đà Lạt. Trên chuyến tàu sáng hôm ấy, cùng với tôi là 19 du khách từ Pháp đến, trong đó có 2 người Thụy Sĩ. Cả đoàn tuy đã lớn tuổi nhưng vẫn reo lên thú vị trước đầu tàu cổ lỗ đặt ở đây. Họ đồng thanh nói có chạy được không và tranh nhau leo lên chụp hình lưu niệm. Khi đoàn tàu chạy qua những sườn đồi, những dòng thung lũng lấp lánh ánh nắng, họ dường như không ngồi nữa. Tất cả đều đứng lên chiêm ngưỡng trước vẻ biến đổi của thiên nhiên Đà Lạt. Một người khách nói với tôi tại sao không đi hết con đường này, và rất lấy làm tiếc về thời gian ở lại Đà Lạt ngắn quá. Một người khách khác, người khách Thụy Sĩ, kể cho tôi nghe về những đường tàu bên xứ ông. Cũng vẫn đường ray nhỏ như thế này, những toa du lịch như thế này. Một lượng khách du lịch quốc tế hàng năm đến để đổ tiền vào du lịch. Tôi chợt nghĩ đến những đầu máy Việt Nam được bán qua đó với giá rẻ mạt. Và chính họ, những người Thụy Sĩ khi sơn phết phục hồi nó lại, đã quay lại Việt Nam xin đầu tư vào chính con đường tàu này.

Và không chỉ du lịch, đây là đường tàu độc nhất ở Tây Nguyên - một khi con đường Dak Lak - Lâm Đồng được thông suốt, cả một vùng cây công nghiệp mở ra, lượng hàng hóa thông thương với biển. Trong quy hoạch tổng thể của thành phố Đà Lạt cho tương lai vẫn dành một dự án khôi phục lại con đường sắt này. Bao giờ đường sắt độc đáo này được đánh thức?

Đà Lạt, 1994

GIÓ VÀ CHẾ ĐỘ GIÓ Ở ĐÀ LẠT

• LÊ THỊ THÔNG

Gió là sự chuyển động của không khí. Chế độ gió phản ánh rất rõ điều kiện hoàn lưu và bản chất thời tiết từng mùa, từng địa phương.

Gió được đặc trưng bởi hướng và tốc độ. Hai đặc trưng này luôn luôn thay đổi theo mùa và phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa hình.

Cũng như nhiệt, mưa, nắng, gió đóng vai trò quan trọng trong đời sống và sản xuất.

Gió có tác dụng làm cho không khí lưu thông, điều chỉnh nhiệt độ môi trường. Gió góp phần làm sạch môi trường, xua tan những làn khói công nghiệp, bụi, khí thải...

Từ xa xưa, Hải Thượng Lãn Ông đã bàn nhiều về tác dụng của gió trong cuốn *Y tông tâm lĩnh*. Theo ông gió là nguyên nhân gây

nên nhiều dịch bệnh cho người, súc vật và cây trồng. Thực tế đã chứng minh điều đó một cách rất rõ. Về mùa đông, khi những đợt gió Đông - Bắc tràn về, tỷ lệ bệnh đường hô hấp tăng lên. Gió mùa Đông - Bắc gây nhiều tai biến cho bệnh tim mạch, bệnh lao và làm cho cơ thể bình thường mất nhiệt dễ cảm lạnh.

Về mùa hè xuất hiện gió khô nóng với nhiệt độ cao, độ ẩm thấp làm cho cơ thể mệt mỏi, suy nhược do mất nước vì mồ hôi ra quá nhiều. Gặp các đợt gió khô nóng, lượng bốc thoát hơi nước của cây trồng quá lớn làm cho lá cây bị héo rũ. Nếu gió khô nóng kéo dài nhiều ngày, lá cây có thể bị cháy, khô và năng suất mùa màng thường bị giảm sút.

Gió mạnh, đặc biệt là gió bão, gió lốc làm sụp đổ hàng loạt nhà cửa, công trình, cây cối gây nên những tổn thất nặng nề về người và tài sản.

Đà Lạt ở vào vĩ độ thấp lại xa biển nên chúng ta chưa từng được chứng kiến những cảnh tàn phá khốc liệt do bão gây nên, nhưng ảnh hưởng gián tiếp của các cơn bão ngày 17.10.1983, 7.11.1988 cũng như những đợt gió mạnh kéo dài liên tục nhiều ngày đã mang lại những thiệt hại và những khó khăn nhất định trong đời sống và sản xuất của chúng ta. Bởi vậy, tìm hiểu quy luật gió ở Đà Lạt - vùng cao trên 1.500m - là một việc rất cần thiết.

Mặc dù điều kiện địa hình tác động không ít đến hướng gió, song gió ở Đà Lạt vẫn giữ được 2 hướng chính và tiêu biểu: mùa khô thịnh hành gió Đông - Bắc và mùa mưa gió Đông - Nam lại chiếm ưu thế.

Qua theo dõi, ta thấy rằng:

Từ tháng 10, gió Đông - Bắc ảnh hưởng đến thời tiết Đà Lạt. Thường gió này hoạt động mạnh vào các tháng 11, 12 và với 1 tần suất 45-65%. Sang tháng 2, tần suất gió Đông - Bắc giảm chỉ còn đạt 26% và tháng 3, 4 gió Đông lại chiếm ưu thế hơn so với gió

Đông - Bắc, song tần suất không vượt quá 20%.

Từ tháng 5 đến tháng 9 là thời kỳ hoạt động của trường gió Tây. Gió Tây hoạt động mạnh nhất vào tháng 8 với tần suất 68%. Hoạt động xen kẽ với trường gió Tây là gió Tây - Nam, Tây - Bắc với tần suất 10-15%.

Do ảnh hưởng của độ cao địa hình nên tốc độ gió ở Đà Lạt tương đối lớn, trung bình năm 2,2m/giây.

Căn cứ vào tốc độ gió trung bình tháng và tần suất lặng gió, ta có thể phân gió ở Đà Lạt làm 3 thời kỳ:

- **Thời kỳ lặng gió:** tháng 3 và 4, tốc độ gió trung bình tháng 1,2 - 1,3m/giây, tần suất lặng gió trên 50%.

- **Thời kỳ gió nhẹ:** tháng 1, 2, 5, 9, và 10, tốc độ trung bình 1,5 - 2,1m/giây, tần suất lặng gió 35-45%.

- **Thời kỳ gió mạnh:** tháng 6, 7, 8 và 11, 12, tốc độ trung bình trên 2,5m/giây, tần suất lặng gió 15-30%.

Như vậy, thời kỳ gió mạnh ở Đà Lạt được chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn một do trường gió Tây hoạt động mạnh kết hợp với các nhiễu động nhiệt đới ở biển Đông xảy ra vào các tháng 6, 7, 8. Tốc độ gió mạnh nhất ở giai đoạn này đã quan sát được là 23m/giây.

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	TB
Tốc độ trung bình (m/giây)	2,1	1,5	1,3	1,2	1,6	2,9	2,6	3,6	1,6	1,7	2,8	3,3	2,2
Tần suất lặng gió (%)	34	44	50	53	42	29	30	14	44	41	23	20	

Bước vào tháng 11 và 12, khi gió mùa Đông - Bắc tràn về mạnh ở phía Bắc nước ta thì ở Đà Lạt lại xuất hiện giai đoạn gió mạnh thứ hai trong năm. Gió mùa Đông - Bắc thường ảnh hưởng đến các tỉnh phía Nam, nhưng do Đà Lạt ở trên độ cao 1.500m nên ảnh hưởng của trường gió này khá rõ nét. Vào các tháng 11, 12, tốc độ gió trung bình ở đây lên đến 3-3,5m/giây. Tốc độ gió mạnh nhất 20m/giây. Gió mạnh xảy ra từng đợt liên tục. Mỗi đợt kéo dài vài ba ngày, có khi đến 5, 6 ngày.

Như vậy hướng gió cũng như cường độ hoạt động của nó thay đổi theo thời gian và sự thay đổi này luôn luôn kéo theo sự thay đổi bản chất thời tiết từng mùa, từng thời kỳ.

Tiêu biểu cho mùa khô - mùa ít mưa là trường gió Đông - Bắc. Nhưng trong nửa đầu mùa khô, khi trường gió này hoạt động mạnh thì bầu trời Đà Lạt nhiều mây, có mưa nhỏ và nền nhiệt độ hạ thấp. Gió mạnh kéo dài nhiều ngày kết hợp với nhiệt độ thấp làm cho cơ thể bị mất nhiệt và chúng ta luôn luôn cảm thấy rét buốt. Đây là thời kỳ tỷ lệ bệnh đường hô hấp tăng nhanh, nhất là ở trẻ em. Nửa cuối mùa khô, khi cường độ cũng như tần suất gió Đông - Bắc giảm, bầu trời Đà Lạt trở nên quang mây, ban ngày nắng ấm và khô ráo. Về đêm, do bức xạ nhiệt mạnh nên biên độ ngày đêm khá lớn đạt 12-14°C.

Vào tháng 5, trường gió Tây bắt đầu hoạt động báo hiệu một mùa mưa ẩm kéo dài. Tháng 6, 7, 8 gió Tây hoạt động mạnh và thịnh hành kết hợp với các nhiễu động nhiệt đới đã mang lại cho Đà Lạt những ngày u ám, những đợt mưa dầm kéo dài, những trận mưa vừa đến mưa to. Gió mạnh kết hợp với mưa làm cho rau, hoa màu dập nát, quả cây bị rụng.

Ngoài ra, cũng cần kể đến những đợt gió mạnh do bão đổ bộ vào vùng biển Thuận Hải, Phú Khánh vào các tháng 9, 10 và đầu tháng 11. Tuy những đợt gió bão xảy ra không thường xuyên hàng

năm, song với gió mạnh cấp 6, 7 (12-16m/giây), gió giật cấp 8 đến cấp 9 (19-23m/giây) thổi liên tục trong nhiều giờ cùng với mưa to đã mang lại những thiệt hại lớn cho đời sống và sản xuất của thành phố. Ví dụ như cơn bão ngày 17.10.1983 đổ bộ vào Thuận Hải, cơn bão ngày 7.11.1988 đổ bộ vào Nha Trang.

Tóm lại, tuy ở xa biển, không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão song do độ cao địa hình, nên ở Đà Lạt vẫn có những thời kỳ, những đợt có gió mạnh xảy ra. Hướng thịnh hành của gió mạnh là Đông - Bắc, Tây và cả Tây - Bắc (khi có bão hoặc áp thấp nhiệt đới). Bởi vậy, khi xây dựng các công trình nhà cửa, bố trí các rừng cây lưu niên, cần chú ý đến hướng và tốc độ gió mạnh nhất. Ngoài ra cần nắm vững quy luật hoạt động của các trường gió cũng như các thời kỳ gió mạnh để chủ động hơn nữa trong việc phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cho người và gia súc, cũng như chủ động bảo vệ các công trình xây dựng, điện cao thế, điện thoại, nhà cửa nhằm hạn chế bớt thiệt hại trong mùa gió bão.

Đà Lạt, 1993

ACTISÔ - CÂY THUỐC QUÝ CỦA ĐÀ LẠT

TÔN THẮT SAM - TÔN THẮT HÙNG

Từ sau ngày giải phóng, phong trào “ta về ta tắm ao ta” được phổ biến, nhân dân khắp nước đều thiên về dùng các cây thuốc hiện có ở Việt Nam để thay thế dần dần các Âu dược.

Ở miền Nam nếu du khách đi khắp các tỉnh đều thấy đường nào cũng có các xe nước mát “sâm lạnh Actisô”, đó là những thứ giải khát vừa được mọi người ưa chuộng vừa rẻ tiền. Các xe bán nước giải khát này vô tình quảng cáo cho cây Actisô, nhưng cũng vô tình làm cho Actisô mất bớt giá trị vì phần lớn các xe nước giải khát này dùng rễ tranh nấu với mía Lau, lá Mã đề... mà chẳng có chút Actisô nào cả nên kém phần hữu hiệu so với khi dùng Actisô thực sự.

Vậy Actisô là cây như thế nào ? Có những chất gì trong thành phần hóa học ? Có công dụng trị liệu và bổ dưỡng thật sự làm sao ?

Xin các bạn hãy ghé lại Đà Lạt tham quan và tìm hiểu, vì Actisô là cây dược liệu đặc sản của Lâm Đồng.

Tên gọi của cây Actisô:

Actisô là một cây di thực nên tên gọi của nó là do phiên âm từ tên nước ngoài (Pháp: Artichaut, Anh: Artichoke). Về tên khoa học của nó bằng tiếng La tinh là: *Cynara scolymus*, L, thuộc họ Cúc *Asteraceae* (*Compositae*).

Các loại Actisô mọc dại trong rừng có tên khoa học là *Cynara cardunculus*, thường gặp ở Tây Ban Nha. Ở Việt Nam không hề thấy cây này.

Hình dạng cây và cách trồng :

Cây Actisô cao 1-2m, trên thân và lá có lông tơ trắng. Lá to, dài 0,9-1,2m, rộng 35-50cm, mặt dưới có lông trắng nhiều hơn mặt trên. Lá mọc cách, phiến lá bị khía sâu. Hoa tụ hình đầu màu tím nhạt, thường to bằng hai bàn tay bụm lại. Lá bắc ngoài của hoa-tụ dày và nhọn. Thường người ta thu hoạch hoa từ khi còn búp.

Cây được di thực bởi người Pháp, đem trồng ở nước ta tại các vùng có khí hậu lạnh như Sa-pa, Tam Đảo, và nhất là ở Đà Lạt. Riêng ở Đà Lạt việc trồng Actisô được thích hợp và thành công nhất vì có năng suất cao.

Ở nước ngoài người ta trồng bằng cách gieo hạt vào tháng 10-11, búng ra trồng vào tháng 1-2 khi cây có từ 4-5 lá thật. Ở nước ta thường trồng bằng những chồi con mọc từ cây mẹ được tách ra. Ở nước ngoài người ta chăm bón, tưới nước đầy đủ để cây có thể sinh trưởng đến hai năm hoặc bốn đến năm năm hầu thu hoạch được nhiều lá và nhiều hoa hơn cho có năng suất.

Ở Đà Lạt thường từ khi trồng đến khi thu hoạch hoa và đào luôn gốc là khoảng 1 năm để giải phóng đất mà trồng vụ khác.

Đất trồng Actisô phải cao ráo, thoát nước, đã cày bừa kỹ và lên thành luống, trồng cách nhau 50-80 cm. Muốn trồng cho có năng suất, phải bón lót chủ yếu bằng phân chuồng khoảng 9-10 tấn/

héc-ta; ở Đà Lạt người ta thường dùng thêm phân xác mấm.

Cây Actisô ít bị sâu bệnh nhưng lại đòi hỏi sự chăm sóc kỹ lưỡng, phải thường xuyên tưới nước cho ẩm đất khi nắng, phải chống úng khi mưa, phải làm cỏ khi cây còn nhỏ, phải bón thúc, tưới phân và vun gốc khi cây đang sinh trưởng.

Thu hái và chế biến:

Trồng Actisô rất có lợi vì tất cả các phần của cây, rễ, lá, thân, hoa đều được tận dụng, không bỏ một thứ gì, kể cả những lá bị héo úa. Trung bình mỗi cây Actisô được trên dưới 1.000đ.

Người ta thường dùng những chồi và cọng lá non hầm với xương bò hoặc thịt heo để làm xúp. Các hoa tự còn tươi được luộc lấy nước để uống. Phần gốc nạc của lá bắc và đế hoa ăn được; người ta thường chấm với nước "sauce" hoặc với muối tiêu có nặn chanh ăn rất ngon.

Lá có thể thu hoạch quanh năm, hễ lá già bắt đầu héo úa thì người ta cắt đem phơi hay sấy khô, thường thường người ta hái lá vào lúc cây sắp hoặc đang ra hoa, rọc bỏ sống lá rồi đem sấy hoặc phơi khô.

Rễ và thân thái mỏng 1-2mm rồi đem phơi khô trông giống như những lát sắn mì.

Hoa tự cũng được xắt mỏng rồi phơi khô dùng để nấu nước uống.

Giá bán của các loại này từ đắt tới rẻ theo thứ tự là hoa, rễ, thân và lá.

Nước sắc của hoa, rễ và thân vừa thơm vừa dịu ngọt, rất dễ uống. Lá rễ tiền nhất, nước sắc thì rất đắng, khó uống, nhưng lại tốt nhất trong việc chữa bệnh.

Từ trước tới nay có nhiều loại thuốc được chế tạo từ Actisô như

Chophytol, Artichol, Hepachaut, Hepatonic, Actisamin, viên Actisô ... và Cynaraphytol do Xí nghiệp Liên hiệp Dược phẩm Lâm Đồng bào chế bằng cách trích tinh các hoạt chất trong lá tươi, có phẩm chất không thua gì thuốc Chophytol của Pháp mà cả thế giới đã quen dùng.

Hiện nay, ngoài những thứ kể trên bán do các hiệu thuốc Âu dược, còn thấy bán ngoài thị trường những sản phẩm lấy từ Actisô như cao lỏng, cao mềm Actisô, kẹo ngậm Actisô, trà Actisô ... và nhất là thân, rễ, lá Actisô phơi khô.

Thành phần hóa học :

Hiện nay chưa xác định được hết các hoạt chất trong cây Actisô. Mới chỉ xác định trong lá Actisô có chất Cynarin. Vị đắng, có phản ứng Axit (có công thức hóa học Axit 1-4 dicafein quilic).

Ngoài ra còn thấy Inulin, Inulinaza, Tanin và các muối kim loại Kali, Canxi, Magiê, Natri... mà trong đó tỷ lệ Kali là cao nhất.

Công dụng :

Trong dân gian thường dùng tước non của Actisô để hầm xúp, dùng phần nạc của gốc lá bắc và đế hoa để ăn.

Trong lĩnh vực y học, Actisô được dùng để chữa bệnh.

* Theo kinh nghiệm dân gian, người ta dùng Actisô ở trạng thái thiên nhiên để chữa bệnh như sau:

- Lá Actisô giã nát hòa với dấm để chữa bệnh ngoài da như lang ben, hắc lào...

- Vào năm 1578, nhà thảo mộc học A.Mizauld khuyên những người bí tiểu tiện nên dùng Actisô nấu nước mà uống.

- Nữ hoàng Catherine de Médicis mắc chứng bệnh ăn khó tiêu được chữa khỏi nhờ dùng Actisô trong bữa ăn.

- Ông La Framboisière, Ngự y của Louis XV có ghi: "Actisô làm

cho máu huyết lưu thông, kích thích sự chiến đấu về mặt ái tình”.

- Trong cuốn *Le livre des plantes médicinales*, Bác sĩ P.Fournier chỉ dẫn cách chữa bệnh cúm và cảm sốt như sau: Lấy 45g rễ cây Actisô đun với 1 lít nước cho sôi trong vòng 15 phút, để nguội, thêm vào một ít đường, chia ra uống mỗi ngày ba lần trước bữa ăn 15-20 phút.

- Trong cuốn *Votre santé par les plantes*, Honoré Bourdelon chỉ dẫn cách trị bệnh vàng da như sau: Lấy 40g lá Actisô tươi đun với nước cho thật nhừ, uống mỗi ngày độ ba muỗng cà phê trước bữa ăn.

- Trong cuốn *Plantes de guérison*, Bác sĩ Aurenche có nói: “Muốn cho gan và mật làm việc điều hòa, nên dùng trước bữa ăn 0,5 lít nước sắc Actisô, sẽ thấy khoan khoái khỏe mạnh”.

- Về bệnh phong thấp, đau mình mẩy, Bác sĩ Aurenche bày nên lấy lá Actisô giã nhuyễn vắt lấy nước cốt hòa với rượu chất phân lượng ngang nhau. Mỗi ngày uống năm đến sáu muỗng canh cách xa bữa ăn.

- Người Việt Nam thường dùng thân, rễ, lá, hoa Actisô nấu nước uống để cho lợi tiểu, trị táo bón và nổi mề đay.

* Theo tác dụng dược lý thì người ta thấy:

- Sau khi uống hoặc tiêm Actisô, lượng cholesterin và urê trong máu hạ thấp, trái lại thấy lượng nước tiểu và urê trong nước tiểu tăng lên.

- Sau khi dùng Actisô khoảng vài giờ, người ta nhận thấy lượng mật bài tiết tăng thêm gấp 3-4 lần.

Do đó người ta thường dùng Actisô làm thuốc sắc, thuốc nước, thuốc tiêm, thuốc viên, cao lỏng, cao mềm... để cho lợi mật, thông tiểu; chữa các bệnh vàng da, mẩn ngứa do viêm gan, suy gan; chữa các bệnh viêm thận cấp và mãn tính, sưng khớp xương... ngoài ra

còn làm giảm urê huyết, hạ sốt và nhuận tràng nhẹ.

Cây Actisô được di thực vào Đà Lạt đã lâu năm và rất thích nghi với đất đai cùng khí hậu ở đây. Cây Actisô là một cây dược liệu độc quyền ở Đà Lạt - Lâm Đồng vì các nơi khác không trồng được. Nhờ có Actisô mà Xí nghiệp Liên hiệp Dược phẩm Lâm Đồng đã sản xuất ra nhiều mặt hàng có giá trị như cao mềm Actisô, Cynaraphytol... là những mặt hàng đặc biệt của riêng tỉnh Lâm Đồng phục vụ cho đồng bào cả nước trong việc trị bệnh; và sản xuất cao lá tươi Actisô, trích Cynarin để xuất khẩu sang Pháp, đem lại ngoại tệ cho tỉnh nhà.

Ngoài những mối lợi đem lại trong việc sản xuất và bán dược phẩm, các mặt hàng Actisô như cao, thân - lá - hoa Actisô phơi khô rất thu hút các khách du lịch, không một du khách nào ghé qua Đà Lạt mà không mua ít nhiều Actisô để đem về làm quà biếu cho thân nhân để gọi là món quà đặc sản của Đà Lạt.

Để đáp ứng với nhu cầu trên, chúng tôi thiết nghĩ Lâm Đồng nên đầu tư thêm phân bón và bán hàng đổi lưu cho nông dân để khuyến khích nhà vườn Đà Lạt khuếch trương canh tác Actisô.

Đà Lạt, 1988

MẬN TRẠI HẦM

KIM DUNG

Đà Lạt có hai trại khá nổi tiếng : Trại Mát và Trại Hầm. Gọi Trại Mát vì nơi đây có trại nghỉ mát và săn bắn của vua Bảo Đại. Còn Trại Hầm nổi tiếng vì phong cảnh đẹp, có chùa sư nữ Linh Phong, và vì nghề trồng mận, một loại đặc sản Đà Lạt nổi tiếng mà du khách đến Đà Lạt không quên mua về biếu bè bạn.

Uì sao gọi là Trại Hầm? Theo ông Hai tài xế, 72 tuổi, một trong những người gắn bó với nơi đây ngay từ những ngày đầu cho biết : Xóm được hình thành từ những “trại”. Trại là những căn lều cất tạm của người dân đi rừng, sống bằng nghề nương. Thuở ấy, vào những năm 30, chốn này còn là rừng già hoang vu, rậm rịt, vắng người. Ông là một trong những người đầu tiên đến đây cất trại khai thác gỗ, củi bán cho các công trình xây dựng, cho các lò bánh mì của Pháp. Phương tiện chuyên chở lúc ấy là những cỗ xe trâu. Ban đêm nằm ở đây còn nghe tiếng cộp gầm, tiếng mang tác đầu hồi, tiếng sương rơi lộp độp trên mái lá. Lúc đó ông Hai là một cậu bé 7 tuổi theo cha từ Bình Định vào làm ăn. Năm 1935, khi đường xe

lửa Đà Lạt - Tháp Chàm sắp hoàn thành, người Pháp đã giải tán một khu vực dân cư rộng lớn, bắt đầu từ sân bóng (nay là sân vận động Trung tâm Thể thao tỉnh) cho đến cầu Chui để lấy gỗ làm nhà ga. Toàn bộ khu vực này được đưa vào Trại Hầm. Đến lúc ấy con đường mới được mở. Bắt đầu từ những lều trại che tạm đó, làng xóm hình thành. Còn cái tên "Hầm", theo ông Hai đầu xóm có một người Pháp cắt đặt làm lý trưởng, tên là ông Hầm, người Phan Rang lên. Cái tên Trại Hầm có từ đó.

Mận được trồng sau khi thành lập xóm. Một người Pháp ở biệt thự này là nhà 22 Hùng Vương có khu vườn rộng nhập giống cây này về trồng. Những người dân Trại Hầm làm thuê ở đây lén mang giống về vườn mình. Cây tỏ ra thích hợp trên vùng triền đồi và cả xóm bắt đầu trồng mận, chế biến mứt mận. Lúc đầu chỉ làm để ăn, sau bán cho du khách. Mận có hai giống : giống mận tím, còn gọi là mận Nhật, khi chín có màu đỏ chuyển sang tím, có vị đắng và mận vàng, vị ngọt có thể ăn sống. Giữa tháng chạp, đầu tháng giêng, mận bắt đầu ra hoa, hoa trắng từng chùm. Tháng 3-4 bắt đầu thu hoạch quả. Để làm mứt, quả mận được ngâm vào nước muối nhằm làm da cho bớt vị đắng. Sau đó vớt ra xả sạch nước muối, dùng dao khứa vào quả, luộc kỹ, sên với đường, thêm màu, trộn bột chanh, cho ra mứt mận. Vào mùa, có nhà muối hàng tấn quả vào những bể lớn, để dành làm mứt quanh năm.

Những năm gần đây, cây mận ở Trại Hầm đang bị thay thế bằng cây hồng có giá trị kinh tế cao. Trồng hồng, chế biến hồng khô đang trở thành một nghề phổ biến. Tuy vậy dân ở đây vẫn giữ việc chế biến mứt mận. Mận trái lúc này được mua từ Cầu Đất, Trạm Hành. Qua bàn tay người Trại Hầm, quả mận đắng chát đã biến thành ngọt ngào gợi hương vị trái cây Đà Lạt đi khắp muôn nơi.

MẬN ĐÀ LẠT

PHẠM THỊ NGUYỆT CHÂU

Du khách đến Đà Lạt trong thời gian một vài tháng trước và sau Tết âm lịch, rất thích thú khi đi vào hàng hoa quả thấy những rổ mận chín mọng, mặt ngoài da phơn phớt một lớp phấn trắng trông thật hấp dẫn.

Mận có hai loại: mận xanh (đúng ra là xanh hoa lý) và mận đỏ (màu rượu chát thì đúng hơn. Mỗi loại mận này lại còn chia ra loại ruột vàng hay ruột hồng tùy theo màu cơm bên trong của quả.

Có người cho rằng mận xanh thường ngọt còn mận đỏ thường chát... , điều đó chẳng có gì chính xác vì mận xanh hay mận đỏ đều có loại ngọt, có loại chát tùy theo giống cây và tùy theo thổ nhưỡng của nơi trồng. Mận Đà Lạt thường nổi tiếng là mận Trại Hầm ngon và ngọt.

Có người thích ăn mận thật chín mọng vì nó ngọt hơn, nhưng cũng có người lại thích ăn mận vừa chín tới vì nó giòn hơn và vị thoảng một chút chua hấp dẫn hơn. Thật ra mận đáp ứng sở thích của đủ mọi hạng người: Các thiếu nữ thì thích ăn mận tươi, các thanh niên thì uống rượu mận, còn trẻ em và người già thì lại thích mút mận !

Ăn tươi thì người ta lựa loại mặn ngọt. Làm rượu hoặc làm mứt thì người ta dùng mặn chát và chua. Như vậy loại mặn nào cũng tiêu thụ được.



Mặn có thể chế biến được nhiều thứ : Mứt, rượu và ô mai (xí muối). Ô mai mặn thì người Việt ít thích bằng người Hoa nên ở Đà Lạt ít làm để bán, trong lúc đó ở Chợ Lớn thì có bán nhiều hơn, do đó trong khuôn khổ bài này không đề cập đến ô mai mặn vì nó không hẳn là đặc sản thuần túy của Đà Lạt.

MÚT MẶN

Mặn làm mứt rất ngon. Có thể làm mứt nguyên trái hay mứt như tùy theo sở thích.

** Mứt mặn nguyên trái*

Muốn cho thấm đường thì người ta thường khía hoặc xăm trái mặn trước khi làm mứt.

** Cách làm mứt mặn nguyên trái có khía :*

- Thường thì người dùng mặn chát và chua cho rẻ tiền hơn (dùng mặn ngọt thì mứt sẽ ngon hơn). Lựa những quả mặn già hoặc gần chín (cơm còn dòn) để khi làm mứt khỏi bị nát.

- Dùng dao khía vào quả mặn sâu đến tận nhân thành những đường song song cách nhau khoảng 1- 2mm. Một nửa quả phía bên này khía dọc thì nửa quả phía bên kia khía ngang gần như thẳng dọc với nhau.

- Ngâm trong nước vôi (dùng 100g vôi ăn trầu quậy trong 10 lít nước) chừng nửa ngày để khử bớt vị chua và chất chát. Vôi còn có công dụng làm cho mứt sau khi rim có màu đỏ.

- Sau đó vớt ra và đem luộc sôi chừng năm phút. Nhớ bỏ chừng 1g hàn the để mặn khỏi bị nhũn.

- Đổ mạn ra rổ cho ráo nước. Lấy tay nắn cho các khía của quả mạn hở nhau ra và dẹt về phía hai bên trông giống như hình con sò.

- Dùng các thau tráng men, thắng nước đường xong rồi bỏ mạn vào để rim. Muốn mút giữ nguyên hình thì nhớ bỏ hàn the để khỏi bị nát. Đun lửa riu riu cho đường ngấm dần vào mạn. Sau khi sôi chừng một giờ đồng hồ và khi nước đường bắt đầu sền sệt và cạn dần thì sắp các quả mạn chung quanh thành thau, chừa ở giữa lòng trống chỗ để có thể dùng vá múc nước đường mà rưới dần lên các quả mạn cho đến khi mút gần khô.

- Để mút nguội rồi dùng tay nắn lại những trái mạn cho giống hình con sò trước khi sắp vào hộp hoặc bao nylon.

*** Cách làm mút mạn nguyên trái có xăm lỗ:**

Thường thì người ta làm mút mạn nguyên trái theo kiểu vừa nói trên, nhưng cũng có một số người lại không khía quả mạn mà xăm lỗ để quả mạn được nguyên hình. Sau khi rim xong, quả mạn có hình dáng giống như quả táo Tàu khô mà người ta thường thấy bán ở các tiệm thuốc Bắc.

Nguyên liệu và cách rim mút cũng giống như trên nhưng thay vì khía vào quả những lát song song thì lại dùng kim xăm đều quanh vỏ quả để dễ ngấm nước sôi và nước đường.

*** Mút mạn như**

Thường dùng mút này phết vào bánh mì hoặc bánh sô đa để ăn điểm tâm cách làm như sau:

- Dùng những quả mạn càng chín càng tốt (mạn ngọt làm mút ngon hơn mạn chát), lấy dao khía vào quả vài nhát, ngâm nước sôi chừng nửa ngày, vớt ra và đem luộc sôi chừng 15 phút (không cần bỏ hàn the) rồi đổ mạn ra rổ cho ráo nước.

- Có người đổ mạn vào thau nước đường đã thắng để rim cho sôi, dùng đũa bép để đánh quả mạn nát nhừ ra rồi vớt hạt bỏ đi.

- Thường muốn nhanh và mút được nhuyễn thì sau khi lược đổ ra rổ, để ráo nước rồi đặt rổ lên trên thau, đoạn dùng tay xát cho mận nát ra, cơm mận lọt qua mặt rổ xuống thau, hạt mận còn bên trên thì vớt bỏ đi. Sau đó bỏ nước đường đã thắng rồi vào rim.

- Đun lửa riu riu để mút khô sít vào đáy thau và khô cháy khét. Thường thì người ta rim cho đến khi mút sền sệt là được.

Làm mút để bán, người ta không rim cho đến khi bốc hết hơi nước và đường sệt lại mà chỉ để lại cho mút sôi trong vòng nửa giờ rồi thêm một ít pectin vào. Chất này có công dụng làm cho nước đường đang lỏng đặc quánh lại như khi ta cô dần hết nước. Mút cũng sền sệt như cách làm ở trên nhưng không ngọt bằng vì nồng độ đường thấp hơn bởi không cô đặc, mút còn hơi chua và không ngọt gắt nên ăn đỡ ngán. Tuy nhiên có điều bất tiện là để lâu dễ bị lên men và bị mốc ở trên mặt. Muốn khỏi bị mốc thì lúc mút còn nóng, trước khi hạ xuống khỏi bếp, nên bỏ thêm "*bột bảo toàn*". Cứ 1kg mút thì bỏ thêm 1g bột benzoate de soude thì bảo đảm khỏi bị mốc hoặc lên men.

RƯỢU MẬN

Rượu mận uống rất ngon, vị gần giống như rượu chát (rượu vang đỏ). Thường thì người ta dùng loại mận chát và có vỏ màu đỏ để rượu có màu sắc và mùi vị gần như rượu vang. Nếu dùng loại mận xanh thì nên ngâm chung với những trái anh đào đã chín đỏ hoặc sau khi làm rượu xong người ta pha thêm nước lược củ dền đỏ (*Beta vulgaris var. rubra*) để có màu cho đẹp. Cách làm thông thường như sau:

- Dùng mận chín, sống, chua hoặc ngọt cũng được. Dùng dao khía nhiều nhất vào trái mận (ngang ngửa thế nào cũng được) để dịch quả dễ thoát ra ngoài.

- Bỏ mận vào hủ lớn, vào khạp, hoặc vào lu vại (tùy theo muốn

làm nhiều ít) và xóc đường thật đều. Hoặc sắp mạn vào đồ chứa, cứ một lớp mạn một lớp đường cát. Cuối cùng, ở trên rải một lớp men rượu và một lớp đường cát dày khoảng 1cm. Có khi người ta không dùng đường cát trắng mà lại dùng đường cát vàng hoặc "đường tán" gĩa nát vì màu đỏ của rượu át màu đen của đường. Tuy nhiên, rượu có vị không được thanh và ngon như khi dùng đường cát trắng.

- Để một tuần hoặc 10 ngày cho đường ngấm vào quả và dịch quả tươm ra lên men, rồi đổ thêm rượu đế vào, cứ 1kg mạn thì thêm 2 lít rượu (có thể thêm nhiều rượu hơn nhưng bớt ngon).

- Ngâm đến 3 tháng 10 ngày (rượu bách nhật) thì đem lọc và vào chai. Xác mạn chẳng còn hương vị gì và đã mủn nên vứt bỏ.

Muốn tận dụng xác mạn sau khi ngâm rượu thì người ta dùng mạn già hoặc gần chín, khía những lát song song như khi làm mứt, xóc mạn với đường như trên trong vòng bốn đến năm ngày, sau đó đổ rượu đế vào, chỉ ngâm trong vòng 10 ngày đến nửa tháng, lọc rượu bỏ vào chai, còn xác mạn đem làm mứt.

Trên đây là lối làm thủ công ở gia đình. Đối với các xí nghiệp rượu, muốn sản xuất được nhiều, quay vòng nhanh mà khỏi tốn nhiều lu vại để ngâm, người ta làm như sau:

Đổ cồn 90° (loại alcohol au bon gout) vào để ngâm, cứ 1kg mạn thì 1 lít cồn 90°. Ngâm 5-7 ngày thì lọc cồn ra; cứ mỗi lít cồn thêm 1,5 lít nước, ta sẽ có rượu mạn khoảng 27-30°. Thêm đường cát trắng cho vừa đủ ngọt rồi vào chai.

Trong phương thức làm ăn lớn, người ta không dùng rượu đế mà lại dùng cồn 90° loại tốt vì rượu cồn rút được tinh chất của quả nhanh hơn và quả không bị nhũn; giá một lít cồn lại rẻ tiền hơn hai lít rượu gạo, ngoài ra việc chuyên chở gây ít tổn kém hơn: ví dụ thay vì phải mua và chuyên chở 200 lít rượu đế thì chỉ mua 100 lít cồn

mà thôi.

Xác mặn còn lại sau khi ngâm, đem rửa nước lạnh cho bớt mùi rượu rồi rim mứt như trên. Khi đun nóng, hơi rượu còn lại sẽ bay đi hết. Vì tính chất của quả đã bị rút kiệt nên mặn chẳng còn mùi vị của trái cây. Muốn cho mứt được ngon, người ta thêm một ít acid citric (acid chanh) để khi rim khỏi bị lại đường và mặn có vị chua chua như khi dùng quả mặn còn tươi để làm mứt.

Từ sau ngày giải phóng, vì hồng khô từ Hồng Kông và Đài Loan ít được nhập khẩu, phong trào trồng và sản xuất hồng khô được thịnh hành, người dân Trại Hầm có khuynh hướng bỏ phế các vườn mặn để lao vào trồng hồng. các gốc mặn già cỗi không được gây lại, thay vào đó lại bứng gốc đi để trồng hồng chen vào, vì vậy danh tiếng mặn Trại Hầm có phần bị lu mờ.

Vậy tỉnh ta có nên khoanh vùng và khuyến khích người dân Trại Hầm gây lại những vườn mặn để khôi phục một đặc sản quý của Đà Lạt ? Chúng tôi thiết nghĩ có thể khuyến khích và nâng đỡ các nhà trồng mặn bằng cách, trong chương trình hướng dẫn du khách tham quan của Công ty Du lịch và của các nhà nghỉ ở Đà Lạt - Lâm Đồng, có thêm một chương trình tham quan vườn mặn (trong mùa mặn chín) cũng như tham quan các vườn dâu tây, vườn a-ti-sô... (tùy theo mùa) để du khách có thể thấy tận mắt các cây đang trĩu quả và để cho nông dân có thể trực tiếp bán sản phẩm của mình cho du khách, nhà vườn cũng vui mà du khách cũng thích thú được mua đặc sản vừa ngon vừa tươi lại vừa rẻ.

Đà Lạt, 1988

Hồng Khô

ĐẶC SẢN CỦA ĐÀ LẠT

TÔN THẤT SAM

Trước năm 1975, hồng khô trên thị trường miền Nam được nhập khẩu từ Đài Loan.

Những năm cuối thập niên 70, mặt hàng hồng khô do Đà Lạt sản xuất được đông đảo khách hàng - nhất là người Hoa ở Chợ Lớn ưa thích vì hàng thì ít mà người tiêu thụ thì nhiều, ai cũng tưởng là hồng nhập khẩu từ Đài Loan, mặc dầu phẩm chất và hương vị không được như hồng khô Đài Loan.

Từ mùa xuân 1980 trở đi, việc sản xuất hồng khô ngày càng được cải thiện, tay nghề ngày càng cao... Người ta lựa chọn hồng tốt để làm nguyên liệu, nên hồng khô sản xuất được vừa ngon vừa ngọt vừa dẻo ... chẳng khác gì hương vị hồng khô Đài Loan. Từ đó, các nhà sản xuất hồng khô ở Đà Lạt hết mặc cảm, không còn kiểu “sáo *đội lông công*” mà trái lại còn tự hào với sản phẩm của mình. Trên các nhãn hiệu không cần đề tiếng nước ngoài, mà lại in rõ **HỒNG KHÔ - ĐẶC SẢN CỦA ĐÀ LẠT**.

Vài nét về cây hồng

Hồng có tên La tinh là *Diospyros kaki* (L) thuộc họ *Ebenaceae*. Đây là giống cây “thọ hàn” nên chỉ ở những vùng có một mùa lạnh tương đối dài mới trồng có năng suất vì khí hậu lạnh có ảnh hưởng đến việc kích thích tạo mầm hoa và kết trái.

Ở nước ta, từ Bình-Trị-Thiên trở ra Bắc, trồng hồng mới có năng suất. Tại một vài tỉnh ở miền Nam, thỉnh thoảng cũng thấy có vài vườn trồng dăm ba cây hồng nhưng để làm kiểng, rất ít khi có trái. Hòa hoàn năm nào có đợt rét kéo dài một chút thì cây hồng mới ra hoa, nhưng kết trái chẳng được bao nhiêu. Đặc biệt, ở Đà Lạt - Lâm Đồng, nhờ có đất đai thích hợp và nhờ có khí hậu lạnh nên việc trồng hồng càng có năng suất hơn.

Hiện nay, ở Đà Lạt, có trồng nhiều giống hồng: hồng bom khía, hồng Tàu, hồng chén, hồng hỏa tiễn, hồng Fuyu, hồng dòn, hồng trứng...

Hồng bom khía, hồng Tàu trái rất lớn, bán rất được giá, nhưng năng suất thấp (từ vài chục kg đến trên dưới 1 tạ/cây). Trái lại, hồng trứng (loại hồng dẻo) bán rẻ hơn nhưng năng suất rất cao (trung bình vài ba tạ, có cây đạt 7-8 tạ/năm) nên rất cuộc vắn lợi và bán dễ hơn vì vừa túi tiền của người tiêu thụ. Vả lại, hồng trứng dễ trồng hơn vì ít đòi hỏi chăm bón và thuốc trừ sâu như các loại hồng khác.

Hồng dòn, hồng Fuyu thì trái chín ăn dòn và ngọt. Về các loại hồng khác, phải đem “dú” với khí đá (carbure de calcium) để cho hồng thật chín đỏ, cơm hồng dẻo thì ăn mới khỏi chát và mới ngon. Loại hồng nước có giá trị thấp hơn.

“Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân

Tháng tám chơi đèn kéo quân

Trở về tháng chín chung chân buôn hồng

Tháng mười buôn thóc bán bông...”

Ở miền Bắc nước ta, mùa hồng rộ vào tháng 9 âm lịch. Riêng ở Đà Lạt thì hồng rộ từ rằm tháng 7 và kéo dài khoảng một tháng. Hồng có trái trước tháng 7 và sau tháng 8 là hồng "trái mùa", tuy năng suất không cao, nhưng bù lại thì bán được giá hơn theo luật cung cầu !

Trong thời gian hồng rộ, giá hồng hạ, người có tiền và có tay nghề không muốn "bán đổ, bán tháo" nên lựa hồng to và tốt làm hồng khô, còn ép nước hồng nhỏ và đập làm rượu hồng, thêm đường vào bã để rim thành mứt (confiture).

Cách làm hồng khô

Muốn làm hồng khô được ngon, ta phải lựa loại hồng trái to và ngon (nếu để chín thì ngọt chứ không còn vị chát) phải thật già và chín vàng đều ở trên cây mới được trái rồi đem "dú" khí đá một đêm.

Sau khi "dú" khí đá, hồng đang còn cứng, ta đem gọt một lớp vỏ mỏng ở ngoài. Lúc đó, trái hồng ăn còn chát vì trong quá trình sấy, các men trong quả tiếp tục biến đổi các hợp chất tanin thành glucos và fructos. Khi gọt, chú ý đừng làm tróc đế của trái hồng.

Gọt xong, ta đem hồng phơi nắng hoặc sấy khô bằng than đỏ có vùi một lớp tro mỏng. Trái hồng mềm dần và trở nên ngọt. Nước trong quả hồng bốc hơi bớt, mặt ngoài quả hồng ráo dần, các chất đường và dịch quả cô đặc lại làm lớp tế bào bên ngoài trở thành một lớp "da" mỏng và dẻo. Chừng 12 giờ sau, ta dùng đũa một đĩa nhỏ (loại mà các tiệm ăn thường dùng để đựng nước mắm hoặc xì dầu) áp lên để trái hồng rồi dùng các ngón tay ép và nắn dần dần để cho các hạt hồng (nên lựa loại hồng càng ít hạt càng tốt) xoay chiều nắn bẹp lại. Nên nắn và ép từ từ, mỗi lần một ít, theo tiến trình khô dần của trái hồng, chứ đừng làm mạnh tay một lần, trái hồng sẽ bị vỡ và hư.

Nắn xong lần 1, ta lại tiếp tục phơi nắng hoặc sấy bằng than hồng vùi tro. Cứ chừng 6 giờ sau, khi thấy trái hồng mất bớt nước

và “da” hơi nhăn thì lại dùng đĩa áp vào để trái hồng và dùng các ngón tay vừa nắn vừa ép dần dần cho trái hồng đẹp lại... Cứ thế lại tiếp tục sấy, tiếp tục nắn ép cho đến khi trái hồng đẹp đúng tiêu chuẩn có bề dày 1,5-2cm, khô và dẻo là được.

Với phương pháp làm thủ công và sấy than thì mất 3 ngày 3 đêm mới xong một mẻ hồng khô, kể từ khi gọt đến khi ra thành phẩm.

Ở Đà Loan, người ta có thể gọt hồng bằng dao (theo kiểu dao cạo râu điện) hoặc dùng loại đá nhám mịn quay tròn bằng máy. Nhân công đưa các trái hồng còn cứng vào để xốt một lớp mỏng ngoài vỏ rồi xoay trái hồng cho đá mài khắp mặt của vỏ mà không làm phạm đến đế quả (tốc độ trung bình 3-4 quả/phút)

Trong giai đoạn sấy hồng, người ta dùng máy có băng chuyển để tải qua một phòng có hơi nóng thổi vào và có quạt hút ẩm ra để làm khô không khí. Đầu phòng (chỗ mới đưa vào) có nhiệt độ cao để làm hơi nước mau thoát ra. Càng đến gần cửa ra, hồng càng lúc càng khô thì nhiệt độ của phòng càng thấp bớt để hồng khỏi bị cháy và chai cứng.

Khi ép hồng, người ta dùng khay bằng inox có những khuôn lõm (mặt dưới) để đặt những quả hồng đã gọt vỏ, rồi đặt lên những băng chuyển tải hồng qua phòng sấy. Sau khi ra khỏi phòng sấy, người ta lại dùng những khay inox khác có những khuôn lõm (mặt trên) úp lên trên những trái hồng rồi ấn nhẹ cho hồng dẹp dần, sau đó lại cho lên băng chuyển tải hồng của phòng sấy thứ hai có nhiệt độ thấp hơn và cứ tiếp tục như vậy cho đến khi hồng khô và đẹp đều.

Muốn bảo quản được lâu, người ta đem hồng khô xông hơi lưu huỳnh rồi bỏ vào thùng đậy kín. Hồng khô có da màu nâu đỏ, ăn dẻo và ngọt là loại hồng tốt. Nếu da màu sẫm hoặc xám, ăn dai cứng và còn chát là phẩm chất kém.

Trước khi xuất xưởng để đưa ra thị trường, ta phải “*đánh phấn*” cho hồng khô. Lớp “*phấn trắng*” này là một loại men vi sinh. Nhờ mặt ngoài của hồng có glucos và fructoz nên các men này phát triển nhanh để bao bọc quả hồng, vừa giúp bảo vệ hồng khỏi bị mốc, đồng thời còn giúp cho hồng thêm hương vị vì nó tiêu thụ tanin còn sót lại làm cho hồng hết chát.

Muốn “*đánh phấn*” cho hồng khô, nhiều người thường lấy men có sẵn trên những trái hồng “*mẫu*” bôi vào những quả hồng khô mới sản xuất, xong bỏ vào thùng đậy kín lại, chừng 15 ngày sau thì các men sẽ phát triển và bọc thành một lớp trắng mỏng quanh trái hồng.

Nếu biết cách, ta chỉ cần bỏ vào thùng đựng hồng khô có nhiệt độ 37°C - 42°C một trái “*hồng mẫu*”, chừng vài giờ lại lắc đều một lần. Sau 24 giờ hoặc 48 giờ (tùy theo mùa nóng hay mùa lạnh), tất cả các trái hồng khô đều được “*đánh phấn*” một cách đều đặn. Như vậy, ta khỏi tốn công bôi “*phấn*” cho từng trái một và đỡ phải mất thời gian chờ đợi đến 15 ngày.

Trung bình cứ 5 kg hồng tươi sản xuất ra được 1 kg hồng khô. Nếu hồng tươi càng to càng tốt, tỷ lệ là 4 kg tươi được 1 kg khô; như vậy thì càng lợi vì vừa được thêm trọng lượng thành phẩm vừa bán được giá hơn.

Trong việc sản xuất hồng khô, người ta thường lựa mua hồng từ những cây giống ngon và có trái lớn. Để khỏi bị động về nguyên liệu và giá cả vào giờ chót, người ta thường đã đặt mua cả cây hồng khi mới ra hoa... Đến khi thu hoạch, các quả to ngon chín vừa đạt tiêu chuẩn thì dùng để sản xuất hồng khô; còn những quả nhỏ bị dập hoặc quá chín thì người ta dùng làm rượu hồng hoặc mứt... cũng đều là những mặt hàng Tết rất hấp dẫn.

Đà Lạt, 1987

TECTIT

NGỌC THIÊN THẠCH

TÔN THẤT SAM

Nếu ai có dịp ghé qua gian hàng trưng bày ngọc và đá quý của Việt Nam ở đường Đồng Khởi, Thành phố Hồ Chí Minh, sẽ vô cùng thích thú khi thấy những viên tectit được trau chuốt và đánh bóng đen tuyền đẹp chẳng khác gì những hạt huyền, nổi bật khi đặt trong những hộp nhỏ lót nhung đỏ và ghi nhãn hiệu “Ngọc Thiên Thạch”..., sẽ vô cùng ngạc nhiên khi thấy các nông dân ở Đà Lạt vớt những viên tectit lẫn lóc ở góc vườn hoặc ở những hố rác vì họ không biết rõ giá trị của nó. Thật thế! Vì những viên tectit nằm lẫn lộn trong đất cũng như những viên đá sỏi khác làm trở ngại việc canh tác của đồng bào.

Hình dạng và cấu tạo của tectit

Tectit là những viên đá màu đen, có hình gậy dài như ngón tay, hoặc hình quả lê bằng quả sung hoặc bằng ngón chân cái, hoặc hình dẹp và tròn như cái bánh dầy...

Mặt ngoài của đá tectit lỗ chỗ như nốt đậu mùa ở mặt người, do vết tích của những bọt khí bị vỡ. Nếu quan sát kỹ mặt ngoài của đá sẽ thấy những đường lằn xoắn ốc chứng tỏ nó đông đặc trong khi rơi, chính nó là một thiên thạch, có nguồn gốc từ ngoài vũ trụ

rơi vào quả đất chúng ta.

Mỗi viên tectit có trọng lượng trung bình từ vài chục gram đến vài trăm gram. Các viên lớn nặng hơn một kilôgram được ghi nhận là rất hiếm.

Nếu đập vỡ ta thấy tectit có dạng thủy tinh màu đen, mài mỏng nhìn thấy trong suốt, có tỷ trọng khoảng 2,4.

Lưu ý độc giả đừng lẫn lộn tectit với đá vỏ chai (obsidienne). Đá vỏ chai cũng có dạng thủy tinh màu đen hoặc màu xám đen, nhưng đá vỏ chai nằm thành khối lớn do dung nham trong lòng quả đất chảy ra ngoài và nguội quá nhanh nên không có dạng tinh thể. Đá này khi bị vỡ có hình tròn ốc giống như thủy tinh nên gọi là đá vỏ chai.

Thành phần hóa học của tectit

Dem phân chất tectit, ta thấy chúng có thành phần hóa học như sau:

- 70 - 80 % SiO_2

- 10 - 16 % Al_2O_3

- 2 - 5 % K

- 4 - 5,5 % FeO

- 1-3,5 % Mg

- Không có nước

- Có chứa Rb và O_{18}

Tuổi của tectit

Theo sự khảo sát các lớp địa tầng và đo đồng vị phóng xạ, người ta tính được tuổi của tectit không quá 10.000.000 năm.

Nguồn gốc của tectit

Người ta biết chắc chắn tectit từ ngoài vũ trụ rơi vào quả đất, nhưng nguồn gốc từ đâu đã tạo thành tectit thì chưa ai quả quyết

được. Có nhiều giả thiết được đưa ra:

- Tectit có thể là những mảnh vụn của sao băng, bị sức hút của quả đất lôi kéo vào khí quyển rồi rơi xuống mặt đất.

- Có giả thiết khác cho rằng tectit có nguồn gốc từ đá mặt trăng.

- Nhưng cũng có một số người cho rằng tro hỏa sơn được tung lên thượng tầng không khí, ngưng kết lại rồi rơi xuống, bị cọ xát với khí quyển nên nóng chảy rồi đông lại thật nhanh tạo thành tectit.

Phân bố địa lý của tectit

Theo các tài liệu địa chất thì người ta ghi nhận tectit có ở những vùng sau đây:

- Phi-lip-pin có tectit philippinit;

- Úc châu có tectit australit;

- Ở Đông Dương có tectit indochinit, nhưng nhiều nhất là ở vùng Đà Lạt, một số ít có ở Campuchia... Tại Đà Lạt, người ta tìm thấy nhiều ở vùng Đa Thiện, Cô Giang, Thái Phiên, Tây Hồ, Lạc Dương... có nơi có mật độ khoảng 10 -20 viên trong một mét khối đất.

Tectit cũng tìm thấy ở vùng Trung Âu và một vài nơi ở Phi châu nhưng rất ít.

Công dụng của tectit

- Người ta đeo gọt tectit thành những hạt xâu chuỗi, những mặt nhẫn, những đồ trang sức đeo ở cổ, mặt hoa tai, mặt nút măng sét... Sau khi đánh bóng, nó đen tuyền, đẹp chẳng khác gì hạt huyền.

- Một số nghệ nhân lựa một vài viên tectit tương đối lớn, điêu khắc thành những hình tượng rất mỹ thuật và bán với giá rất đắt.

Giá trị của tectit

Các tiệm kim hoàn và các gian hàng buôn bán các đá quý thường mua tectit với giá cả tùy theo loại có cỡ lớn hay nhỏ và tùy

theo hình dạng cần thiết cho sự gọt dũa hoặc điêu khắc của các nghệ nhân để trở thành những vật trang sức hoặc thành những tác phẩm nghệ thuật.

Nếu ta để ý tìm kiếm thì một ngày có thể nhặt được khoảng vài kilôgram tectit. Nếu đem bán có thể kiếm được vài chục ngàn đồng, tưởng rằng như thế là được giá. Thật ra, các nhà buôn bán kim hoàn, sau khi gọt dũa thành đồ trang sức, bán ra gấp hàng trăm lần giá trị họ đã mua vào. Tuy nhiên, họ vẫn ép giá, làm khó dễ hoặc không chịu mua tectit của ta. Đề nghị cơ quan ngoại thương chào hàng cho nước ngoài vì có thể tectit là một nguồn hàng xuất khẩu có giá trị của tỉnh Lâm Đồng.

Trước đây, năm 1963, một tờ báo Pháp cho biết hãng đồng hồ Ômega đã sản xuất một đồng hồ nhỏ có đường kính khoảng 6 mm, mặt đồng hồ làm bằng kính lúp mới đọc được chỉ số, đồng hồ này chạy chính xác đến nỗi một tháng sai lệch không đầy 1/10 giây. Đồng hồ này gắn trên một vật đeo cổ hình một giọt nước mắt được gọt đẽo bằng đá tectit. Tác phẩm này được đặt tên *"Thời gian hữu hạn gắn liền với không gian vô hạn"*, ý nói đồng hồ chỉ thời gian rất chính xác gắn liền với loại đá quý từ ngoài vũ trụ xa xôi rơi vào quả đất chúng ta. Vật đeo cổ và đồng hồ này đã được bán ra với giá năm ngàn đôla. Người ta mua quá đắt như vậy vì thích đồng hồ hay vì thích tectit?

Một ngày nào đó, khi có nhiều công ty thu mua tectit, lúc đó người Đà Lạt mới thấy rằng tectit đúng là của trời cho (vì trên trời rơi xuống mà!) mà bấy lâu chúng ta đã quên lãng, thậm chí đôi khi còn khó chịu và phải nhặt chúng gom lại ở góc vườn để khỏi trở ngại cho việc trồng trọt canh tác.

Tectit chính là loại Ngọc Thiên Thạch mà các bạn trầm trồ ngắm nghía ở gian hàng trưng bày ngọc và đá quý của Việt Nam. Chúng ta phải biến tectit thành mặt hàng mỹ nghệ có giá trị cao để phục vụ du lịch và xuất khẩu.

TƯ LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- **Brossolet (Jacqueline), Mollaret (Henri) :** *Alexandre Yersin, người chiến thắng bệnh dịch hạch*, Nxb Thông tin, Hà Nội, 1991.
- **Cao Thế Trình :** *Quy hoạch và kiến trúc*, Đề tài khoa học, 1999.
- **Nguyễn Hữu Tranh :** *Đà Lạt năm xưa*, Công ty Văn hóa Tổng hợp Lâm Đồng, 1993.
- **Phạm Khắc Hòe:** *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
- **Phúc Ân - Nguyễn Diệp :** *Đà Lạt trăm năm*, Công ty Văn hóa Tổng hợp Lâm Đồng, 1993.
- **Nhiều tác giả :** *Đà Lạt, thành phố cao nguyên*, UBND Thành phố Đà Lạt - Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
- **Nhiều tác giả :** *Mười năm văn xuôi Lâm Đồng*, Hội Văn học - Nghệ thuật Lâm Đồng, 1998.
- **Nhiều tác giả :** *Nghiên cứu, phân tích và đề xuất tôn tạo di sản kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên Đà Lạt*, Đề tài khoa học, 1997.
- **Nhiều tác giả :** *Những bài báo chọn lọc*, Báo Lâm Đồng, 1997.
- **Nhiều tác giả :** *Lâm Đồng - Đà Lạt, những tư liệu khảo cứu (CD - ROM)*, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Lâm Đồng, 1999.
- *Báo Nhân dân*, 1999.
- *Báo Sài Gòn Giải Phóng*, 1999.
- *Tạp chí Thời Nay*, 1959.
- **Baudrit :** *La Naissance de Dalat, Indochine*, N°180, 2/1994.
- **Noël Bernard :** *Yersin - Savant, Pionnier, Explorateur (1863-1943)*, *La Colombe, Paris*, 1953

Mục lục

Lời đầu sách	(Nguyễn Hoài Bão)	5
Lời giới thiệu	(Nguyễn Tri Diệm)	6

PHẦN I : ĐÀ LẠT - THIÊN NHIÊN, CON NGƯỜI

Thiên nhiên Đà Lạt	(Phúc Ân)	11
Con người Đà Lạt	(Trúc Phương)	27
Truyền thống cách mạng của nhân dân Đà Lạt	(Xuân Trường)	51
Đà Lạt - 105 năm hình thành và phát triển	(Phúc Ân - Nguyễn Diệp)	81

PHẦN II : DI TÍCH KHẢO CỔ VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH

Di tích khảo cổ	(Hoàng Xuân Chinh - Lê Đình Phụng)	129
Các di tích danh lam thắng cảnh	(Phúc Ân - Nguyễn Diệp)	170
Kiến trúc Đà Lạt	(Mai Xuân)	204

PHẦN III : ĐÀ LẠT - TẦM CAO MỚI

Định hướng xây dựng và phát triển Đà Lạt đến năm 2010	(Nguyễn Tri Diệm)	239
Những dự án đầu tư xây dựng trọng điểm đến năm 2010	(Phúc Ân)	267

PHẦN IV : THƠ VĂN VIẾT VỀ ĐÀ LẠT

Đà Lạt trắng mờ	(Hàn Mặc Tử)	293
Đà Lạt đêm sương	(Quách Tấn)	295
Buổi chiều, sương bay trên Đà Lạt	(Bằng Việt)	296
Một ngày Đà Lạt	(Lâm Thị Mỹ Dạ)	298
Ngẫu hứng phố phường	(Uông Thái Biểu)	302
Có một mùa đông	(Đặng Thị Vân Khanh)	304
Đà Lạt	(Hoàng Kim)	306
Đà Lạt một lần trắng	(Nguyễn Duy)	308
Bác sĩ Alexandre Yersin	(Đa Nhím)	309
Đà Lạt từ ngày giải phóng	(Thanh Đạm)	317
Về phong cách Đà Lạt	(Hồ Tấn Trai)	321
Ai lên xứ hoa đào	(Hoàng Kim Ngọc)	330
Chốn sương mù	(Chu Bá Nam)	334
Hoa trái bốn mùa	(Hoàng Xuân)	339
Hoa Đà Lạt	(Phan Quang)	341
Sự trở lại sau 35 năm của mai anh đào	(Hoàng Nguyễn)	351
Phượng tím	(Đoàn Nam Sinh)	353
Hoa pensée	(Hoàng Nguyễn)	356
Những cây hoa lạ của kỹ sư Lương Văn Sáu	(Minh Tự)	358
Rau Đà Lạt	(Nguyễn Văn Tới)	362
Đường sắt Đà Lạt tiềm năng đợi đánh thức	(Viết Trọng)	364
Gió và chế độ gió ở Đà Lạt	(Lê Thị Thông)	368
Actisô - cây thuốc quý	(Tôn Thất Hùng - Tôn Thất Sam)	373
Mận Trại Hầm	(Kim Dung)	379
Mận Đà Lạt	(Phạm Thị Nguyệt Châu)	381
Hồng khô, đặc sản Đà Lạt	(Tôn Thất Sam)	387
Tectit, ngọc thiên thạch	(Tôn Thất Sam)	392

Đà Lạt

ĐIỂM HẸN NĂM 2000

(Nhiều tác giả)

*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản : ĐINH QUANG NHÃ

Biên tập : NGUYỄN HÒA BẮC

Biên soạn : HOÀNG KIM NGỌC

NGUYỄN HỮU TRANH

PHÚC ÂN

Sửa bản in : PHƯƠNG LINH

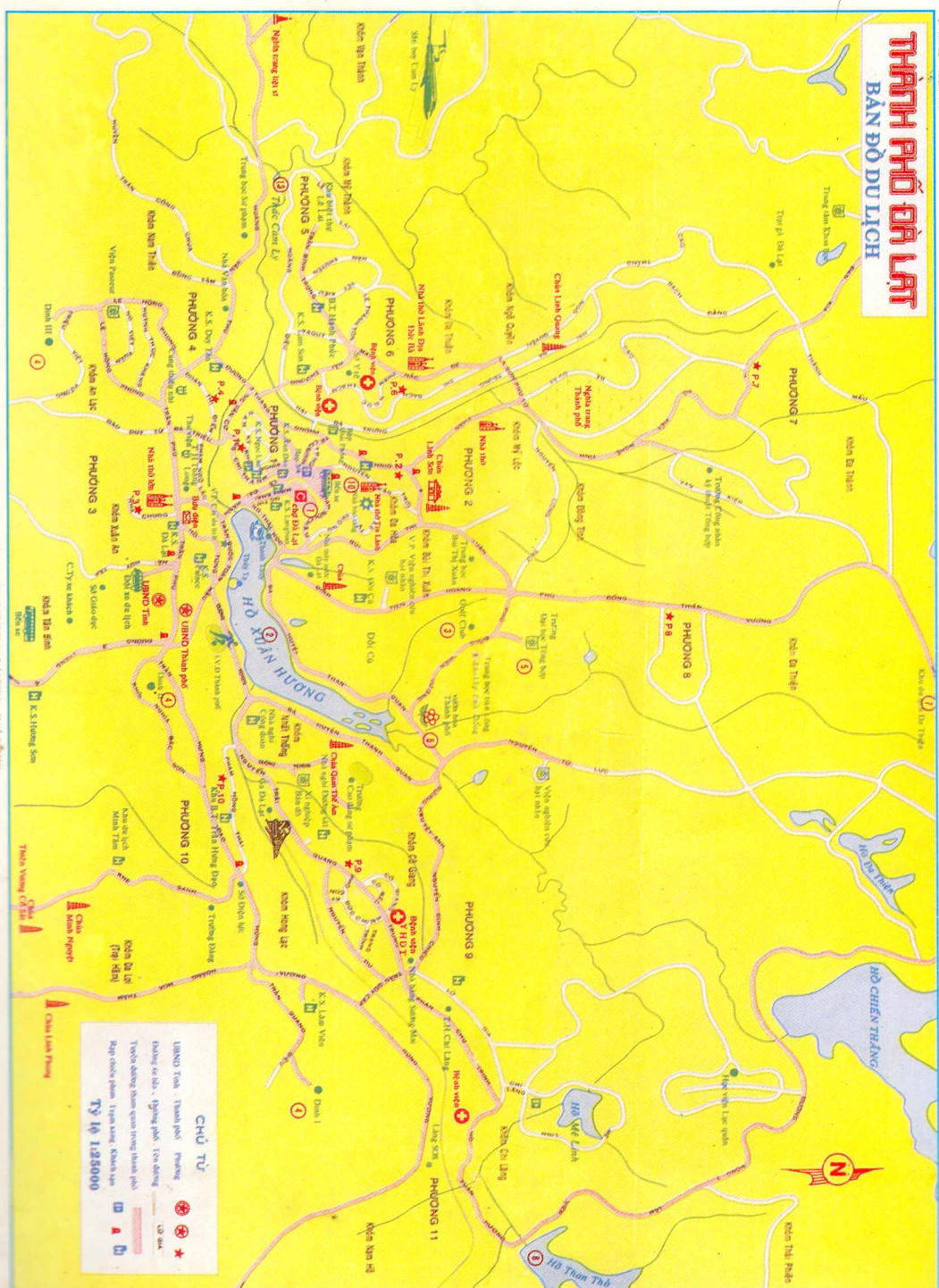
Hình ảnh : LÝ HOÀNG LONG

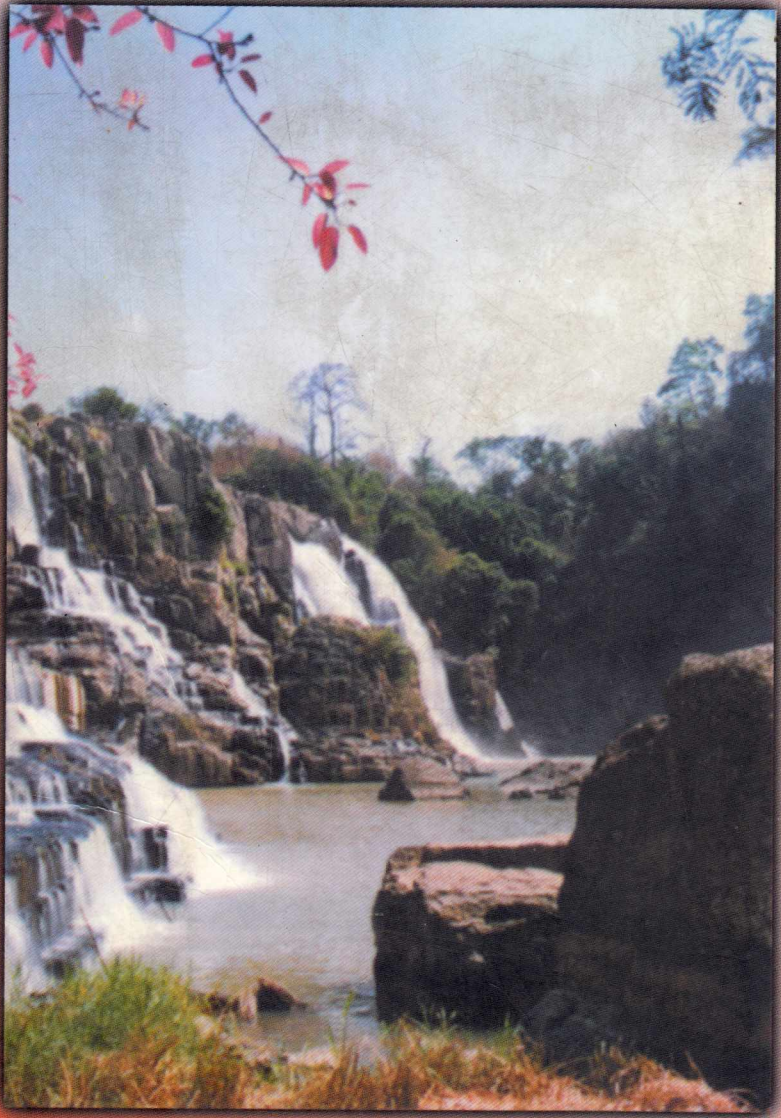
NGUYỄN BÁ TRUNG

MPK - TRẦN VĂN CHÂU

In 500 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Xí nghiệp In Quận 1,
161-163 Bến Chương Dương - Q.1 - Tp. Hồ Chí Minh
Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản 6/1496/CXB.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4/2000.

THÀNH PHỐ GIÀ LỢT
BẢN ĐỒ DU LỊCH





Giá : 100.000 đ